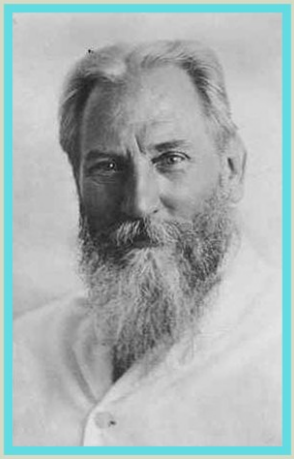
C.W. Leadbeater



ĐỜI SỐNG NỘI TÂM

QUYỂN I

minhtrietmoi.org

THEOSOPHICAL TALKS AT ADYAR

The Inner Life

(First Series)

C. W. Leadbeater

CONTENTS

Contents.....3

FOREWORD TO THE INDIAN EDITION.....8

LỜI NÓI ĐẦU CHO ẤN BẢN ẤN ĐỘ.....8

INTRODUCTION.....8

DẪN NHẬP.....8

FIRST SECTION —PHẦN THỨ NHẤT.....10

THE GREAT ONES —CÁC ĐẤNG CAO CẢ.....10

THE WORK OF THE CHRIST.....27

CÔNG TÁC CỦA ĐỨC CHRIST.....27

THE WORK OF THE MASTERS.....29

THE WORK OF THE MASTERS.....29

MASTERS AND PUPILS.....33

MASTERS AND PUPILS.....33

THE PATH OF PROGRESS.....53

CON ĐƯỜNG TIẾN BỘ.....53

THE ANCIENT MYSTERIES.....80

CÁC HUYỀN MÔN CỔ XƯA.....80

SECOND SECTION—PHẦN THỨ HAI.....97

THE LOGOS—NGÔI LỜI.....97

BUDDHISM— ĐẠO PHẬT.....101

PHẬT GIÁO— ĐẠO PHẬT.....101

CHRISTIANITY.....118

KI TÔ GIÁO.....118

SIN.....124

TỘI LỖI.....124

THE POPE.....125

GIÁO HOÀNG.....125

CEREMONIAL....126
NGHI LỄ....126
PRAYER....127
LỜI CẦU NGUYỆN....127
THE DEVIL....130
MA QUỶ....130
HINDUISM....132
ẤN GIÁO....132
CASTES....136
ĐẲNG CẤP....136
SPIRITUALISM....138
THẦN LINH HỌC....138
SYMBOLOGY....140
BIỂU TƯỢNG HỌC....140
FIRE....145
LỬA....145
THIRD SECTION—PHẦN THỨ BA....146
COMMON SENSE....146
LẼ THƯỜNG....146
BROTHERHOOD....147
TÌNH HUYNH ĐỆ....147
HELPING THE WORLD....157
GIÚP THẾ GIỚI....157
CRITICISM....159
CHỈ TRÍCH....159
PREJUDICE....161
THIÊN KIẾN....161
CURIOSITY....166
TÒ MÒ....166

KNOW THYSELF....168
HÃY TỰ BIẾT MÌNH....168
ASCETICISM....175
KHỔ HẠNH....175
SMALL WORRIES....181
NHỮNG LO ÂU VẶT VÃNH....181
KILLING OUT DESIRE....188
DIỆT TRỪ DỤC VỌNG....188
THE CENTRE OF MY CIRCLE....190
TÂM ĐIỂM CỦA VÒNG TRÒN CỦA TÔI....190
OUR DUTY TO ANIMALS....195
BỔN PHẬN CỦA CHÚNG TA ĐỐI VỚI LOÀI VẬT....195
SYMPATHY....199
CẢM THÔNG....199
OUR ATTITUDE TOWARDS CHILDREN....200
THÁI ĐỘ CỦA CHÚNG TA ĐỐI VỚI TRẺ EM....200
THE FEAR OF DEATH....201
NỖI SỢ CÁI CHẾT....201
CO-OPERATION....202
HỢP TÁC....202
A DAY OF LIFE....203
MỘT NGÀY CỦA SỰ SỐNG....203
MEDITATION....205
THAM THIỀN....205
FOURTH SECTION—PHẦN THỨ TƯ....215
NIRVANA—NIẾT BÀN....215
THE TRIPLE SPIRIT....218
CHÂN THẦN TAM PHÂN....218
BUDDHIC CONSCIOUSNESS....221

TÂM THỨC BỒ ĐỀ....221
EXPERIENCE....223
KINH NGHIỆM....223
THE SPHERES....223
CÁC QUẢ CẦU....223
FIFTH SECTION—PHẦN THỨ NĂM....234
THE EGO AND THE PERSONALITY—CHÂN NGÃ VÀ PHÀM NGÃ....234
COUNTERPARTS....246
ĐỐI PHẦN....246
COLORS IN THE ASTRAL BODY....252
MÀU SẮC TRONG THỂ CẢM DỤC....252
THE CAUSAL BODY....252
THỂ NGUYÊN NHÂN....252
THE DESIRE-ELEMENTAL....253
TINH LINH DỤC VỌNG....253
LOST SOULS....258
CÁC LINH HỒN LẠC LỐI....258
THE FOCUS OF CONSCIOUSNESS....278
TIÊU ĐIỂM CỦA TÂM THỨC....278
FORCE-CENTRES....279
CÁC TRUNG TÂM LỰC....279
THE SERPENT-FIRE....291
HỎA XÀ....291
OBSESSION AND INSANITY....302
ÁM NHẬP VÀ ĐIÊN LOẠN....302
SLEEP....308
GIẤC NGỦ....308
SOMNAMBULISM....311
MỘNG DU....311

THE PHYSICAL BODY.....312
THỂ XÁC.....312
TOBACCO AND ALCOHOL.....314
THUỐC LÁ VÀ RƯỢU.....314

FOREWORD TO THE INDIAN EDITION

Our evening "Talks" at the Theosophical Headquarters at Adyar have become quite an institution, and a very considerable amount of information, due to new research, often arising from some question put by a student, is given in this friendly and intimate circle. Our good Vice-President, Sir S. Subramania Iyer, found so much help and illumination from these talks, that he earnestly wished to share his pleasure with his brethren in the outer world, and gave a sum of money to help in their publication. I cordially endorse his view of their value, and commend this volume and those which will follow it to the earnest study of all our members. A second series is ready for the press, but the date of its issue will depend partly on the reception given tot he present.

ANNIE BESANT

LỜI NÓI ĐẦU CHO ẤN BẢN ẤN ĐỘ

Những "Buổi đàm luận" buổi tối của chúng ta tại Trụ Sở Thông Thiên Học ở Adyar đã trở thành một định chế thực thụ, và một lượng thông tin rất đáng kể, nhờ các khảo cứu mới—thường nảy sinh từ những câu hỏi do một đạo sinh nêu ra—được chuyển trao trong vòng tròn thân tình và gần gũi này. Ngài Phó Chủ tịch khả kính của chúng ta, Sir S. Subramania Iyer, đã nhận được quá nhiều trợ giúp và soi sáng từ các buổi đàm luận ấy, đến nỗi Ngài thành tâm mong muốn chia sẻ niềm hoan hỷ của mình với các huynh đệ ngoài đời, và đã cúng một khoản tài chính để giúp ấn hành chúng. Tôi hoàn toàn tán đồng quan điểm của Ngài về giá trị của chúng, và tiến cử tập sách này cùng những tập sẽ tiếp theo cho sự học hỏi chuyên tâm của tất cả các hội viên của chúng ta. Một loạt thứ hai đã sẵn sàng để đưa nhà in, nhưng ngày phát hành của nó sẽ phần nào tùy thuộc vào sự đón nhận dành cho loạt hiện tại.

ANNIE BESANT

INTRODUCTION

I wish that I could help my American readers to realise the conditions under which this book has been produced. The Theosophical Society as a whole does not by any means sufficiently understand or appreciate the work done at its Headquarters, and although for you in America it is away on the other side of the earth, I should like to help you to see it as it is. Readers of the "*Messenger*" must at least, have some general idea of the appearance of the place, and must know something of the life which is lived here—a long life, a strenuous life, and a life lived under very peculiar conditions. Nowhere else in the world at this present moment is there such a centre of influence—a centre constantly

DẪN NHẬP

Tôi ước gì có thể giúp độc giả Hoa Kỳ của tôi cảm nhận được những điều kiện dưới đó cuốn sách này được hình thành. Tổng Hội Thông Thiên Học nói chung chưa thực sự hiểu và trân trọng đúng mức công việc được thực hiện tại Trụ Sở, và tuy đối với quý vị ở Hoa Kỳ, nơi ấy cách xa tận nửa vòng trái đất, tôi vẫn muốn giúp quý vị thấy nó đúng như đang là. Độc giả của " *Sứ giả* " ắt hẳn tối thiểu đã có ý niệm chung về diện mạo của nơi chốn, và biết đôi điều về đời sống được sống tại đây—một đời sống dài lâu, một đời sống quyết liệt, và một đời sống dưới những điều kiện hết sức đặc thù. Trong thời điểm hiện tại, không đâu trên thế giới có một trung tâm ảnh hưởng như thế—một trung tâm thường xuyên được các Đấng

visited by the Great Ones, and therefore bathed in their wonderful magnetism. The vibrations here are marvellously stimulating, and all of us who live here are therefore constant strain of a very peculiar kind, a strain which brings out whatever is in us. Strong vibrations from other planes are playing all the while upon our various vehicles, and those parts of us which can in any sense respond to them are thereby raised, strengthened and purified. But it must be remembered that there is another side to this. There may well be in each of us some vibrations the character of which is too far removed from the level of these great influences to fall into harmony with them, and where that is the case intensification will still take place, but the result may well be evil rather than good. To live at Adyar is the most glorious of all opportunities for those who are able to take advantage of it, but its effect on those who are constitutionally unable to harmonize with its vibrations may be dangerous rather than helpful. If a student can bear it he may advance rapidly; if he cannot bear it he is better away.

Cao Cả viếng thăm, và vì vậy được tắm gội trong từ điện kỳ diệu của Các Ngài. Những làn rung nơi đây kích thích một cách kì lạ, và tất cả chúng ta sống ở đây vì thế ở trong một căng thẳng liên tục thuộc một dạng rất đặc biệt, một sức ép làm lộ rõ bất cứ điều gì có trong chúng ta. Những rung động mạnh mẽ từ các cõi khác không ngừng tác động lên các hiện thể khác nhau của chúng ta, và những phần nào trong ta có thể theo bất cứ nghĩa nào đáp ứng với chúng thì nhờ đó được nâng cao, được tăng cường và được tinh luyện. Nhưng cần nhớ rằng có một mặt khác của điều này. Hẳn trong mỗi người chúng ta có những rung động có phẩm tính quá xa rời cấp độ của những ảnh hưởng vĩ đại ấy nên không rơi vào hòa điệu với chúng; và nơi nào điều đó xảy ra thì sự gia tăng cường độ vẫn diễn ra, nhưng kết quả có thể là xấu nhiều hơn là tốt. Sống ở Adyar là cơ hội vinh quang nhất cho những ai có thể tận dụng nó, nhưng ảnh hưởng của nơi này đối với những người do cơ địa mà không hòa điệu được với những rung động ấy có thể nguy hiểm hơn là hữu ích. Nếu một đạo sinh chịu đựng được, y có thể thăng tiến nhanh chóng; nếu y không chịu đựng được, tốt hơn y nên ở xa.

The workers here live mostly in the great central building, within the immediate aura of the shrine room and the President. The students live chiefly half-a-mile away at various other houses, though all within the large estate which now belongs to the Society. Each during the day does his own work in his own way, but in the evening we all gather together upon the roof of the central building, in front of the President's rooms, formerly occupied by Madame Blavatsky herself, and there, under the marvellous night sky of India, so infinitely more brilliant than anything that we know in what are miscalled temperate climes, we sit and listen to her teaching. All through the summer of last year, so much of

Những người làm việc ở đây phần nhiều cư trú trong tòa nhà trung tâm lớn, ở ngay trong hào quang gần gũi của phòng thánh điện và của vị Chủ tịch. Các môn sinh phần nhiều sống cách xa chừng nửa dặm, tại những ngôi nhà khác nhau, tuy tất cả đều ở trong khu đất rộng lớn hiện thuộc về Hội. Ban ngày mỗi người làm công việc của mình theo cách của mình, nhưng buổi tối tất cả chúng tôi tụ họp trên mái tòa nhà trung tâm, trước phòng của vị Chủ tịch—nơi trước kia chính Bà Blavatsky cư ngụ—và tại đó, dưới bầu trời đêm kỳ diệu của Ấn Độ, rực rỡ vô cùng vượt xa bất cứ thứ gì chúng tôi biết nơi các xứ vốn bị gọi sai là ôn đới, chúng tôi ngồi và lắng nghe sự giáo huấn của Bà. Suốt mùa hè năm ngoái, phần lớn thời gian

which she spent in a tour through the United States, it fell to my lot to take charge of the meetings of the students here. In the course of that time I delivered many informal little addresses and answered hundreds of questions. All that I said was taken down in shorthand, and this book is the result of those notes. In a number of cases it happened that what was said on the roof at the meetings was afterwards expanded into a little article for *The Theosophist* or *The Adyar Bulletin;* in all such cases I reprint the article instead of the stenographic report, as it has had the advantage of certain corrections and additions. Necessarily a book of this sort is fragmentary in its nature; necessarily also it contains a certain amount of repetition; though this latter has been excised wherever possible. Many of the subjects treated have also been dealt with in my earlier books, but what is written here represents in all cases the result of the latest discoveries in connection with those subjects. The subjects have been classified as far as possible, and this volume represents the first series, containing five sections. The second volume, containing the nine remaining sections, is now in the printer's hands. A list of the subjects of which it will treat will be found at the end of this volume.

Bà du hóa trên khắp Hợp Chúng Quốc, tôi có phần phận tạm đảm trách các buổi họp của các môn sinh ở đây. Trong khoảng thời gian đó, tôi trình bày nhiều bài nói chuyện nhỏ không nghi thức và trả lời hàng trăm câu hỏi. Tất cả những gì tôi nói đều được ghi tốc ký, và cuốn sách này là kết quả của những ghi chép ấy. Trong nhiều trường hợp, điều đã nói trên mái nhà trong các buổi họp về sau được triển khai thành một bài viết ngắn cho *Nhà Thông Thiên Học* hoặc *Thông Báo Adyar;* trong tất cả những trường hợp như vậy, tôi in lại bài viết thay cho bản tốc ký, vì nó đã được lợi thế là có những chỉnh sửa và bổ sung nhất định. Tất yếu một cuốn sách thuộc loại này có tính rời mảnh; tất yếu nó cũng chứa một lượng lặp lại nào đó; tuy điều sau đã được cắt bỏ ở mức có thể. Nhiều chủ đề được bàn đã từng được đề cập trong những sách trước của tôi, nhưng những gì viết ở đây trong mọi trường hợp đều trình bày kết quả của những khám phá mới nhất liên quan đến các chủ đề ấy. Các chủ đề đã được phân loại tối đa có thể, và tập này đại diện cho loạt thứ nhất, gồm năm phần. Tập thứ hai, gồm chín phần còn lại, nay đang ở nhà in. Danh mục các chủ đề của tập đó sẽ có ở cuối tập này.

C. W. LEADBEATER

Adyar, July, 1

C. W. LEADBEATER

Adyar, tháng Bảy, ngày 1

FIRST SECTION —PHẦN THỨ NHẤT

THE GREAT ONES —CÁC ĐẤNG CAO CẢ

STUDENTS OF OCCULTISM—even those who have been students for many years—sometimes seem to fail to realise the Masters as They truly are. I have often found people thinking of Them as some kind of angels or devas, or, at any rate, as so far removed from

NHỮNG ĐẠO SINH CỦA HUYỀN BÍ HỌC—dẫu đã là đạo sinh nhiều năm—đôi khi dường như vẫn chưa thấu triệt các Chân sư như Các Ngài thực sự là. Tôi thường thấy người ta nghĩ về Các Ngài như một loại thiên sứ hay thiên thần, hoặc ít nhất là xa cách chúng ta đến mức bởi

us by Their greatness that it is scarcely possible for us to derive much help from Them. Their greatness is indisputable, and from that point of view the gulf between Them and ourselves may well seem incalculable in its extent; and yet from another point of view They are very close to us, so that Their sympathy and help are very near and very real. That our thought on the subject may be clear, let us first of all try to define exactly what we mean by the term "Master."

sự vĩ đại của Các Ngài mà chúng ta khó lòng thụ hưởng được nhiều trợ giúp từ Các Ngài. Sự vĩ đại của Các Ngài là điều không thể tranh cãi, và từ quan điểm ấy, vực ngăn giữa Các Ngài và chúng ta có thể có vẻ không sao lường hết; vậy mà từ một quan điểm khác, Các Ngài lại rất gần chúng ta, đến nỗi sự cảm thông và trợ giúp của Các Ngài rất kề cận và rất hiện thực. Để tư tưởng của chúng ta về chủ đề này có thể minh bạch, trước hết chúng ta hãy thử xác định chính xác chúng ta muốn nói gì bằng từ "Chân sư".

We mean by it always one who is a member of the Great White Brotherhood—a member at such a level that He is able to take pupils. Now the Great White Brotherhood is an organization unlike any other in the world, and for that reason it has often been misunderstood. It has sometimes been described as the Himalayan or the Tibetan Brotherhood, and the idea has been conveyed of a body of Indian ascetics residing together in a monastery in some inaccessible mountain fastness. Perhaps this has risen largely from the knowledge of the facts that the two Brothers principally concerned in the foundation and work of the Theosophical Society happen at the moment to be living in Tibet, and to be wearing Indian bodies. To comprehend the facts of the case it may be better to approach its consideration from another point of view.

Chúng ta luôn dùng từ ấy để chỉ một vị là thành viên của Huynh đệ Đoàn Chánh đạo—một thành viên ở một cấp độ khiến Ngài có thể thu nhận môn đồ. Nay Huynh đệ Đoàn Chánh đạo là một tổ chức không giống bất cứ tổ chức nào khác trên thế giới, và vì lý do đó nó thường bị hiểu lầm. Đôi khi nó được mô tả là Huynh đệ ở Hi-mã-lạp Sơn hay Tây Tạng, và người ta đã tạo ra ý niệm về một đoàn khổ hạnh Ấn Độ sống chung trong một tu viện giữa chốn sơn cùng thủy tận. Có lẽ điều này phần lớn xuất phát từ thực tế là hai Vị chủ yếu liên can đến việc sáng lập và hoạt động của Hội Thông Thiên Học hiện vào lúc này đang sống ở Tây Tạng, và đang mang những thể xác Ấn Độ. Để thấu đạt thực sự, có lẽ tốt hơn nên tiếp cận vấn đề từ một góc nhìn khác.

Most of our students are familiar with the thought of the four stages of the Path of Holiness, and are aware that a man who has passed through them and attained to the level of the Asekha has achieved the task set before humanity during this chain-period, and is consequently free from the necessity of reincarnation on this planet or on any other. Before him then open seven ways among which he must choose. Most of them take him

Phần đông các đạo sinh của chúng ta quen thuộc với ý tưởng về bốn giai đoạn của Thánh Đạo, và biết rằng một người đã đi qua chúng và đạt đến cấp độ Asekha là đã hoàn tất công phu được đặt ra trước nhân loại trong giai kỳ Dãy này, và vì vậy thoát khỏi sự cần thiết phải tái sinh trên hành tinh này hay trên bất cứ hành tinh nào khác. Khi ấy trước mặt y mở ra bảy con đường để chọn lựa. Phần lớn những con đường ấy đưa y rời khỏi trái đất vào những

away from this earth into wider spheres of activity, probably connected with the solar system as a whole, so that the great majority of those members of our humanity who had already reached this goal have passed entirely out of our ken.

không gian hoạt động bao la hơn, có lẽ liên quan đến toàn thể hệ mặt trời, đến nỗi đại đa số những thành viên của nhân loại chúng ta đã đạt đến mục tiêu này đã hoàn toàn vượt khỏi tầm biết của chúng ta.

The limited number who are still working directly for us may be divided into two classes —those who retain physical bodies, and those who do not. The latter are frequently spoken of under the name of Nirmanakayas. They hold themselves suspended as it were between this world and nirvana, and They devote the whole of Their time and energy to the generation of spiritual force for the benefit of mankind. This force They pour into what may be described as a reservoir, upon which the Masters and their pupils can draw for the assistance of Their work with humanity. The Nirmanakaya, because He remains to this extent in touch with the lower planes, has been called ` a candidate for woe,' but that is misleading. What is meant is that He has not the joy of the higher work, or of the nirvanic levels. He has chosen to remain upon lower planes in order to help those who still suffer. It is quite true that to came back from the higher life into this world is like going down from the fresh air and glorious sunlight into a dark and evil-smelling dungeon; but the man who does this to help some one out of that dungeon is not miserable and wretched while there, but full of the joy of helping, notwithstanding the greatness of the contrast and the terrible feeling of bondage and compression. Indeed, a man who refused such an opportunity of giving aid when it came to him would certainly feel far more woe afterwards, in the shape of remorse. When we have once really seen the spiritual misery of the world, and the condition of those who need such help, we can never again be careless or indifferent about it, as are those who have not seen.

Số ít còn lại vẫn làm việc trực tiếp cho chúng ta có thể chia thành hai nhóm—những vị giữ lại thể xác, và những vị không. Nhóm sau thường được gọi là các Nirmanakaya. Các Ngài giữ mình như treo lơ lửng giữa thế giới này và niết-bàn, và tận hiến toàn bộ thời gian cùng năng lực của mình cho sự phát sinh lực tinh thần vì lợi ích của nhân loại. Nguồn lực ấy Các Ngài rót vào cái có thể gọi là một hồ chứa, mà từ đó các Chân sư và môn đồ của Các Ngài có thể thâu dụng để trợ giúp công tác với nhân loại. Nirmanakaya, bởi vì Ngài vẫn đến mức độ ấy còn chạm với các cõi thấp, đã từng được gọi là 'một người tự nguyện chịu khổ', nhưng như thế là gây hiểu lầm. Ý muốn nói rằng Ngài không có niềm hoan hỷ của công việc cao siêu hơn, hay của các cấp độ niết-bàn. Ngài đã chọn ở lại các cõi thấp hơn để giúp những kẻ còn đang chịu khổ. Quả thật, trở lại từ đời sống cao siêu xuống thế giới này giống như đi xuống từ không khí trong lành và ánh dương huy hoàng vào một ngục tối hôi hám; nhưng người làm điều ấy để cứu ai đó ra khỏi ngục thì không hề khổ sở khi ở đó, mà tràn đầy niềm vui trợ giúp, bất chấp sự tương phản quá lớn và cảm thức kinh khủng về trói buộc và nén chặt. Thật vậy, một người khước từ cơ hội trợ giúp như thế khi nó đến với mình ắt hẳn sẽ cảm thấy nỗi khổ còn lớn hơn về sau, dưới dạng hối hận. Khi một lần chúng ta thực sự thấy được nỗi khốn cùng tinh thần của thế gian, và tình trạng của những kẻ cần sự giúp đỡ như thế, chúng ta không bao giờ còn có thể thờ ơ hay lãnh đạm như những người chưa thấy.

Fortunately those of us who have seen and realized this have ever at our command a means whereby we can quite really and definitely help. Tiny though our efforts may be as compared with the splendid outpouring of force of the Nirmanakaya, we also can add our little drops to the great store of force in that reservoir. Every outpouring of affection or devotion produces a double result—one upon the being to whom it is sent, and another upon ourselves, who sent it forth. But if the devotion or affection be utterly without the slightest thought of self, it brings in its train a third result also. Ordinary affection or devotion, even of a high kind, moves in a closed curve, however large that curve may be, and the result of it comes back upon the sender. But the devotion or affection of the truly unselfish man moves in an open curve, and though some of its affects inevitably react upon the sender, the grandest and noblest part of its force ascends to the LOGOS Himself, and the response, the magnificent response of benediction which instantly pours forth from Him, falls into that reservoir for the helping of mankind. So that it is within the power of every one of us, even the weakest and the poorest, to help the world in this most beautiful manner. It is this adding to the reservoir of spiritual force which is really the truth that lies et the back of the Catholic idea of works of supererogation.

May mắn thay, những ai trong chúng ta đã thấy và thấu triệt điều này luôn có trong tay một phương tiện để thực sự và dứt khoát trợ giúp. Dẫu nỗ lực của chúng ta nhỏ bé so với sự tuôn đổ uy nghi của lực của Nirmanakaya, chúng ta cũng có thể thêm những giọt nhỏ của mình vào kho lực vĩ đại trong hồ chứa ấy. Mọi tuôn đổ của tình thương hay sùng kính đều sinh ra hai kết quả—một là trên hữu thể mà nó được gửi đến, và một là trên chính chúng ta, những người phát ra nó. Nhưng nếu tâm sùng kính hay tình thương hoàn toàn không vương một mảy may tư kỷ, nó mang theo một kết quả thứ ba nữa. Tình thương hay sùng kính thông thường, dù ở bậc cao, vẫn chuyển động trong một đường cong khép kín, dẫu đường cong ấy có lớn đến mấy đi nữa, và kết quả của nó quay trở lại nơi người phát. Nhưng tình thương hay sùng kính của người thực sự vô ngã thì chuyển động theo một đường cong mở, và tuy một phần ảnh hưởng của nó tất yếu phản hồi nơi người phát, phần oai hùng và cao cả nhất của nguồn lực ấy thăng lên chính Thượng đế, và sự đáp ứng—sự đáp ứng kỳ vĩ của phúc lành—lập tức tuôn đổ từ Ngài, rơi vào hồ chứa ấy để trợ giúp nhân loại. Thế nên trong quyền của mỗi người chúng ta, ngay cả kẻ yếu đuối và nghèo hèn nhất, là có thể trợ giúp thế gian theo cách tuyệt đẹp này. Việc thêm vào hồ chứa lực tinh thần ấy thực ra là chân lý nằm phía sau quan niệm Công giáo về những việc thiện dư trội.

The still more limited number of adepts who retain physical bodies remain in even closer touch with us, in order to fill certain offices, and to do certain work necessary for our evolution; and it is to the latter that the names of the Great White Brotherhood and the Occult Hierarchy have sometimes been given. They are, then, a very small number of highly advanced men belonging not to any one nation, but to the world as a whole. On the physical plane They do not live together,

Số ít hơn nữa các chân sư giữ lại thể xác thì lưu lại trong mối tiếp xúc còn gần gũi hơn với chúng ta, để đảm nhận những chức vụ nhất định, và làm những công việc thiết yếu cho tiến hóa của chúng ta; và chính với những vị này mà đôi khi người ta gọi là Huynh đệ Đoàn Chánh đạo Vĩ đại và Thánh Đoàn Huyền bí. Các Ngài, như vậy, là một số lượng rất nhỏ những vị đã tiến cao thuộc về không phải một quốc gia nào, mà thuộc về toàn nhân loại. Trên cõi hồng trần, Các Ngài không sống chung, dẫu dĩ

though They are of course in continual communication on higher planes. Since They are beyond the necessity of rebirth, when one body wears out They can choose another wherever it may be most convenient for the work They wish to do, so that we need not attach any special importance to the nationality of the bodies which They happen to be wearing at any particular time. Just now, several of those bodies are Indian, one is Tibetan, one is Chinese, two at least are English, one is Italian, one Hungarian, and one Syrian, while one was born in the island of Cyprus. As I have said, the nationality of these bodies is not a matter of importance, but I mention these in order to show that it would be a mistake to think of the ruling Hierarchy as belonging exclusively to one race.

nhiên luôn tương thông trên các cõi cao. Vì Các Ngài đã vượt khỏi nhu cầu tái sinh, khi một thân xác hao mòn, Các Ngài có thể chọn thân xác khác ở bất cứ đâu thuận tiện nhất cho công việc Các Ngài muốn làm, nên chúng ta không cần gán tầm quan trọng đặc biệt nào cho quốc tịch của những thân xác mà Các Ngài ngẫu thời đang mang. Hiện nay, vài thân xác trong số đó là Ấn Độ, một là Tây Tạng, một là Trung Hoa, ít nhất hai là Anh, một là Ý, một là Hung, và một là Syria, trong khi một vị sinh ở đảo Síp. Như tôi đã nói, quốc tịch của những thân thể ấy không quan trọng, nhưng tôi nêu ra để cho thấy rằng sẽ là sai lầm nếu nghĩ Thánh Đoàn cầm quyền thuộc riêng về một chủng tộc nào.

Reverence restrains us from saying much of the great Head of this Hierarchy, in Whose hands is the fate of the continents, in Whose name all initiations are given. He is one of the very few now remaining upon earth of the Lords of the Flame, the Children of the Fire-mist, the great beings who came down from Venus nearly eighteen million years ago to help and to lead the evolution of humanity on our chain. These Great Ones did not take bodies from our then entirely undeveloped humanity, but made for themselves bodies in appearance resembling ours by the force of Their will, a kind of permanent materialization. At that period, and for long after it, no members of our humanity were sufficiently developed to fill any of the higher offices in this Hierarchy, and consequently we needed and received this help from without. Gradually, as humanity has evolved, it has become more and more able to provide for itself, and the great Lords of the Flame have been set free to go to the help of yet other evolutions. But one of Them still holds this, the highest office of all—the position of the

Lòng tôn kính ngăn chúng tôi nói nhiều về vị Đại Nguyên Thủ của Thánh Đoàn này, trong Tay Ngài là vận mệnh các châu lục, nhân Danh Ngài mà mọi cuộc điểm đạo đều được ban. Ngài là một trong số rất hiếm hoi hiện còn lưu lại trên trần thế thuộc các Chúa Tể của Lửa, những Con của Sương Lửa, các Đấng vĩ đại đã giáng lâm từ Kim Tinh gần mười tám triệu năm trước để trợ giúp và dẫn dắt tiến hóa của nhân loại trên Dãy của chúng ta. Các Đấng Cao Cả ấy đã không thọ nhận các thân xác từ nhân loại chúng ta vốn lúc bấy giờ hoàn toàn chưa phát triển, mà đã tự tạo cho mình những thân xác có hình trạng giống như chúng ta bằng quyền năng của Ý Chí, một dạng hiện hình thường hằng. Vào thời kỳ đó, và còn rất lâu về sau, không một thành viên nào của nhân loại chúng ta đủ phát triển để đảm nhiệm bất cứ chức vụ thượng cấp nào trong Thánh Đoàn này, và vì vậy chúng ta đã cần và đã nhận được sự trợ giúp từ bên ngoài. Dần dần, khi nhân loại tiến hóa, nó trở nên ngày càng có khả năng tự cung cấp cho mình, và các vị Đại Chúa của Lửa đã được giải phóng để đi trợ giúp những tiến hóa khác nữa. Nhưng một Vị vẫn đang

KING Who guides and controls all evolution taking place upon this planet—not only that of humanity and of the animal, vegetable, mineral and elemental kingdoms below it, but also of the great non-human kingdoms of the nature-spirits and the devas, some of which rise so far above it

đảm nhiệm, chức vị cao nhất trong tất cả—địa vị của **Đức Chúa Tể Thế Giới**, Đấng hướng dẫn và điều ngự mọi tiến hóa diễn ra trên hành tinh này—không chỉ của nhân loại và các giới thú vật, thực vật, khoáng vật và hành khí phía dưới, mà còn của những giới phi-nhân loại vĩ đại là các tinh linh thiên nhiên và các thiên thần, trong đó có những bậc thăng lên rất xa vượt trên nhân loại.

Under Him are various Heads of Departments, the broad outlines of whose work are more within our comprehension than His. Though the details are far beyond us, we can form some slight idea of what must be the manifold responsibilities and activities of the Manu of a Root-race; and perhaps we can to some extent image to ourselves the duties of Him who is Minister of Religion in this world-kingdom—who sends forth religion after religion, suiting each to the needs of a particular type of people and to the period of the world's history in which it is launched, sometimes deputing one of His subordinates to found it, sometimes even incarnating Himself for that purpose, as He may see fit. This Minister of Religion is often called in the East the Bodhisattva—one who is about to become a BUDDHA. The previous holder of that high office was He whom we call the Lord Gautama BUDDHA. The attainment of "Buddhahood is not simply the gaining of enlightenment; it is also the taking of a great and definite initiation, and the man who has taken that step cannot again incarnate upon earth, but hands over His work to His successor, and usually passes away altogether from any connection with earth.

Dưới Ngài là các Vị Chủ Sự của những Bộ Phận khác nhau, với những nét lớn trong công việc của Các Ngài thì chúng ta có thể hiểu đôi phần hơn so với công việc của Ngài. Dẫu các chi tiết vượt khỏi tầm chúng ta, ta có thể phác cho mình chút ý niệm về muôn vàn trách nhiệm và hoạt động của một vị Manu của một Giống dân gốc; và có lẽ phần nào hình dung được bổn phận của Đấng đảm trách Bộ Tôn giáo trong Vương quốc thế giới này—Đấng phái đi hết tôn giáo này đến tôn giáo khác, tùy cơ ứng hợp với nhu cầu của một kiểu người nhất định và với thời kỳ lịch sử của thế giới khi nó được khởi động, đôi khi ủy thác cho một thuộc hạ sáng lập, đôi khi thậm chí chính Ngài lâm phàm vì mục đích ấy, khi thấy thích đáng. Vị Bộ trưởng Tôn giáo này ở phương Đông thường được gọi là Bồ Tát—Đấng sắp thành Phật. Người tiền nhiệm của chức vị cao cả ấy là Đấng mà chúng ta gọi là Đức Phật Gautama. Sự đạt đến Phật quả không đơn thuần là đạt giác ngộ; nó cũng là lãnh thụ một cuộc điểm đạo vĩ đại và xác định, và một người đã thọ bước ấy không thể còn tái lâm trên trái đất nữa, mà trao lại công việc của Ngài cho vị kế nhiệm, và thường sẽ rời khỏi mọi liên hệ với trần gian.

The Lord Gautama, however, still remains to a certain extent within touch of the world, in order that He may still be able to help it. Once in each year He still shows Himself to the brotherhood of adepts, and pours down His

Tuy vậy, Đức Gautama vẫn đến mức độ nào đó lưu lại tiếp xúc với thế gian, để còn có thể trợ giúp nó. Mỗi năm một lần, Ngài vẫn hiển lộ cho Huynh đệ các chân sư và rót xuống phúc lành của Ngài cho các Ngài, để qua các Ngài truyền

blessing upon them, to be passed through them to the world at large; and He may still be reached in certain ways by those who know how. Mrs. Besant has told us, in some of her recent writings, how He incarnated over and over again as the great teacher of the earlier sub-races of the Aryan race, how he was Hermes—the founder of the Egyptian Mysteries—also the first and greatest Zoroaster, the original founder of the worship of the sun and fire, and again He was Orpheus, the founder of the Greek Mysteries. Those mentioned of course were not His only births, for in the course of our researches into the past we have seen Him as founder of other religions than these.

xuống cho toàn thế giới; và Ngài vẫn có thể được thấu đạt bằng những cách nhất định bởi những ai biết cách. Bà Besant đã kể cho chúng ta, trong vài trước tác gần đây của Bà, rằng Ngài đã tái sinh hết lần này đến lần khác như vị Huấn sư vĩ đại của các chủng phụ thời kỳ đầu của giống Arya, rằng Ngài là Hermes—đấng sáng lập các Huyền Môn Ai Cập—cũng là vị Zoroaster đầu tiên và vĩ đại nhất, người sáng lập nguyên thủy việc thờ phụng mặt trời và lửa, và rồi nữa Ngài là Orpheus, người khai lập các Huyền Môn Hy Lạp. Những sinh kiếp kể trên, dĩ nhiên, không phải là những lần duy nhất, vì trong quá trình khảo cứu quá khứ chúng tôi đã thấy Ngài là người sáng lập những tôn giáo khác nữa ngoài những tôn giáo ấy.

The statement made in some of the earlier Theosophical works that He was reborn as Shankaracharya is an error, for from an occult point of view the two great teachers were on entirely different lines. There was, however, a certain reason at the back of the statement in the fact that some of the vehicles prepared by one of them were also utilized by the other, as Madame Blavatsky has explained in the third volume of *The Secret Doctrine.*

Lời tuyên bố trong vài tác phẩm Thông Thiên Học thời kỳ đầu rằng Ngài tái sinh thành Shankaracharya là một sai lầm, vì xét từ quan điểm huyền bí, hai vị đại sư ấy đi trên các tuyến đường hoàn toàn khác nhau. Tuy vậy vẫn có một lý do nào đó phía sau lời tuyên bố ấy ở chỗ vài hiện thể được một vị chuẩn bị đã được vị kia sử dụng, như Bà Blavatsky đã giải thích trong tập ba của *Giáo Lý Bí Nhiệm.*

The deep reverence and the strong affection felt for the Lord Gautama all over the East are due to two facts. One of these is that He was the first of our humanity to attain to the stupendous height of Buddhahood, and so He may be very truly described as the first fruits and the leader of our race. (All previous BUDDHAS had belonged to other humanities, which had matured upon earlier chains.) The second fact is that for the sake of hastening the progress of humanity, He took upon Himself certain additional labours of the most stupendous character, the nature of which it is impossible to comprehend. It is stated that when the time came at which it was expected

Lòng tôn kính sâu xa và tình mến yêu mạnh mẽ dành cho Đức Gautama khắp phương Đông xuất phát từ hai sự kiện. Một là Ngài là vị đầu tiên trong nhân loại chúng ta đạt đến tầm cao lẫm liệt của Phật quả, nên Ngài rất đích thực là hoa quả đầu mùa và là vị thủ lĩnh của chủng tộc chúng ta. (Mọi Đức Phật trước đó đều thuộc về những nhân loại khác, vốn đã thành thục trên những Dãy trước.) Sự kiện thứ hai là vì muốn thúc đẩy nhanh tiến trình của nhân loại, Ngài đã tự gánh lấy những lao nhọc bổ sung có tầm mức siêu phàm, với bản chất không thể lĩnh hội nổi. Người ta nói rằng khi thời điểm đến—khi đáng lẽ nhân loại có thể tự mình cung ứng một ai đó sẵn sàng đảm lấy

that humanity would be able to provide for itself some one who was ready to fill this important office, no one could be found who was fully capable of doing so. But few of our earthly race had then reached the higher stages of adeptship, and the foremost of these were two friends and brothers whose development was equal. These two were the mighty Egos now known to us as the Lord Gautama and the Lord Maitreya, and in His great love for mankind the former at once volunteered to make the tremendous additional exertion necessary to qualify Him to do the work required, while His friend and brother decided to follow Him as the next holder of that office thousands of years later.

chức vị trọng yếu này—thì không ai được tìm thấy là hoàn toàn có khả năng làm vậy. Chỉ có ít người thuộc chủng tộc địa cầu chúng ta khi ấy đạt đến các giai đoạn thượng thừa của chân sư quả, và những người đứng đầu trong số ấy là hai bằng hữu, hai huynh đệ có mức phát triển ngang bằng. Hai vị ấy chính là những Đại Ngã vĩ đại mà nay chúng ta biết là Đức Gautama và Đức Maitreya, và với đại ái đối với nhân loại, vị thứ nhất lập tức tự nguyện dấn thân nỗ lực bổ sung phi thường để đủ tư cách làm công việc được yêu cầu, trong khi bằng hữu và huynh đệ của Ngài quyết định theo sau làm vị đương nhiệm kế tiếp của chức vị ấy sau hàng ngàn năm.

In those far-off times it was the Lord Gautama who ruled the world of religion and education; but now He has yielded that high office to the Lord Maitreya, whom western people call the Christ—who took the body of the disciple Jesus during the last three years of its life on the physical plane; and those who know tell us that it will not be long before He descends among us once again, to found another faith. Anyone whose mind is broad enough to grasp this magnificent conception of the splendid reality of things will see instantly how worse than futile it is to set up in one's mind one religion as in opposition to another, to try to convert any person from one to another, or to compare depreciatingly the founder of one with the founder of another. In the last case indeed it is especially ridiculous, because the two founders are either two pupils of the same school, or two incarnations of the same person, and so are entirely in accord as to principles, though They may for the time be putting forward different aspects of the truth to suit the needs of those to whom They speak. The teaching is always fundamentally the same, though its presentation may vary widely. The Lord Maitreya had taken various

Trong những thời xa xưa ấy, chính Đức Gautama quản trị thế giới tôn giáo và giáo dục; nhưng nay Ngài đã nhường chức vị cao ấy cho Đức Maitreya, mà người phương Tây gọi là Đức Christ—Đấng đã mượn xác của vị môn đệ Jesus trong ba năm cuối đời trên cõi hồng trần; và những ai biết thì nói với chúng ta rằng chẳng bao lâu nữa Ngài sẽ lại giáng lâm giữa chúng ta, để khai sáng một tôn giáo nữa. Ai có tâm trí đủ rộng để lĩnh hội khái niệm kỳ vĩ về thực tại huy hoàng của sự việc này sẽ lập tức thấy thừa vô ích biết bao khi dựng lên trong tâm mình một tôn giáo đối chọi với tôn giáo khác, cố chuyển một người từ tôn giáo này sang tôn giáo khác, hoặc so sánh hạ thấp vị sáng lập này trước vị sáng lập kia. Trong trường hợp sau, quả thật là nực cười, vì hai vị sáng lập hoặc là hai môn đồ của cùng một trường, hoặc là hai lần hóa thân của cùng một vị, nên hoàn toàn đồng nhất về những nguyên tắc, dẫu tạm thời Các Ngài có thể phơi bày những phương diện khác nhau của chân lý để hợp với nhu cầu của những người được dạy. Giáo huấn luôn căn bản như nhau, dẫu cách trình bày có thể khác nhau rất xa. Đức Maitreya đã thọ nhiều kiếp trước khi Ngài đảm nhận chức vị hiện nay, nhưng ngay cả trong những ngày sớm hơn ấy,

births before He came into the office which He now holds, but even in these earlier days He seems always to have been a teacher or high-priest.

dường như Ngài luôn là một Huấn sư hay một Đại Tư tế.

It is now generally known that the two Masters who have been most intimately concerned with the foundation and the work of the Theosophical Society have taken respectively the offices of temporal and spiritual leader of the new sixth root-race, which is to come into existence in seven hundred years' time. The Manu, or temporal leader, is practically an autocratic monarch who arranges everything connected with the physical-plane life of the new race, and endeavours in every way to make it as perfect an expression as possible of the idea which the LOGOS has set before Him for realization. The spiritual teacher will be in charge of all the various aspects of religion in the new race, and also of the education of its children. It is clear that one of the main objects of the foundation of the Theosophical Society was that these two Masters might gather round Them a number of men who would be intelligent and willing co-operators in this mighty work. Round Them will be grouped others who are now Their pupils, but will by that time have attained the level of adeptship.

Giờ đây đã được biết rộng rãi rằng hai Vị Chân sư liên hệ mật thiết nhất với việc sáng lập và hoạt động của Hội Thông Thiên Học đã lần lượt đảm nhận chức vị lãnh đạo thế quyền và lãnh đạo tinh thần của giống dân gốc thứ sáu mới, giống dân sẽ xuất hiện trong bảy trăm năm nữa. Vị Manu, tức nhà lãnh đạo thế quyền, thực chất là một quân chủ chuyên chế, Đấng sắp đặt tất cả mọi điều liên quan đến đời sống trên cõi hồng trần của giống dân mới, và cố gắng bằng mọi cách làm cho nó trở thành một biểu hiện hoàn hảo nhất có thể của Ý Niệm mà Thượng đế đã đặt ra trước Ngài để thể hiện. Vị Huấn sư tinh thần sẽ đảm trách mọi phương diện khác nhau của tôn giáo trong giống dân mới, và cả việc giáo dục con trẻ của nó. Hiển nhiên một trong những mục tiêu chủ yếu của việc sáng lập Hội Thông Thiên Học là để hai Vị Chân sư này có thể quy tụ quanh Các Ngài một số người sẽ là những cộng tác viên thông tuệ và thiện chí trong công việc vĩ đại này. Chung quanh Các Ngài sẽ là những vị khác hiện là môn đồ của Các Ngài, nhưng đến khi đó sẽ đạt đến cấp chân sư.

We may then set before ourselves as a goal the privilege of being chosen to serve Them in this wonderful work for the world which lies before Them. There will be ample opportunity for the display of all possible varieties of talent, for the work will be of the most varied character. Some of us will no doubt be attracted to one side of it and some to the other, largely according to the predominance of our affection for one or other of its great Leaders. It has often been said that the characteristic of one is power, and of the other love and compassion, and this is perfectly

Vậy chúng ta có thể đặt trước mắt mình như một mục tiêu: đặc ân được chọn để phụng sự Các Ngài trong công cuộc kỳ diệu cho thế gian đang chờ Các Ngài phía trước. Sẽ có cơ hội phong phú để triển lộ mọi kiểu tài năng có thể có, vì công việc sẽ mang tính đa dạng nhất. Một số chúng ta hẳn sẽ bị hấp dẫn về phía này hay phía kia của công việc ấy, phần nhiều tùy theo sự thiên trọng của tình cảm chúng ta đối với một trong hai Vị Lãnh Đạo vĩ đại đó. Người ta thường nói rằng đặc trưng của một Vị là quyền năng, của Vị kia là tình thương và bi mẫn, và điều này hoàn toàn đúng, dẫu nếu

true, though, if it is not rightly understood, it may very easily prove misleading. One of the Masters concerned has been a ruler in many incarnations, and was so even in the earlier part of this one, and unquestionably royal power shows forth in His every gesture and in the very look of His eyes, just as surely as the face of His brother adept beams ever with overflowing love and compassion. They are of different rays or types, having risen to Their present level along different lines, and this fact cannot but show itself; yet we should mistake sadly if we thought of the first as in any degree less loving and compassionate than His brother, or of the second as lacking anything of the power possessed by the first. Other Masters also will be engaged in this work, and it may well be that some of us may have made our link through one of Them.

không được hiểu đúng, nó rất dễ trở thành đánh lừa. Một trong hai Vị Chân sư liên hệ đã từng là một vị quân vương trong nhiều kiếp, và thậm chí trong phần đầu của kiếp này cũng vậy, và quyền uy vương giả quả nhiên hiển lộ trong từng cử chỉ của Ngài và ngay trong cái nhìn của đôi mắt Ngài, cũng chắc như gương mặt của vị huynh đệ chân sư của Ngài luôn tỏa ánh yêu thương và bi mẫn dào dạt. Các Ngài thuộc những cung hay kiểu khác nhau, đã thăng lên đến cấp độ hiện nay theo những đường lối khác nhau, và thực tế này không thể không biểu lộ; tuy thế, chúng ta sẽ lầm to nếu nghĩ vị thứ nhất phần nào kém yêu thương và bi mẫn hơn vị thứ hai, hoặc vị thứ hai thiếu điều gì trong quyền năng so với vị thứ nhất. Những Vị Chân sư khác cũng sẽ tham dự vào công việc này, và rất có thể một số chúng ta đã kết nối qua một trong Các Ngài.

It is probable that even the Masters who are by name best known to you are not so real, not so clear, not so well-defined to you as They are to those of us who have had the privilege of meeting Them face to face and seeing Them constantly in the course of our work. Yet you should endeavour by reading and thinking of Them to gain this realization, so that the Masters shall become to you not vague ideals but living men—men exactly as we are, though so enormously more advanced in every respect. They are men most emphatically, but men without failings, and so to us They seem like gods on account of the power, love and compassion radiating from Them. It is most significant that, in spite of the awe necessarily produced by the sense of this tremendous power, in Their presence one never feels in the least afraid or embarrassed, but always uplifted.

Có lẽ ngay cả những Vị Chân sư mà quý vị biết tên nhiều nhất cũng chưa hiện thực, chưa rõ ràng, chưa sắc nét đối với quý vị như Các Ngài hiện thực đối với những ai trong chúng tôi đã có đặc ân diện kiến và thường xuyên gặp gỡ Các Ngài trong công tác. Tuy nhiên, quý vị nên nỗ lực, bằng việc đọc và tư duy về Các Ngài, để đạt đến sự thể ngộ ấy, hầu các Chân sư đối với quý vị không còn là những lý tưởng mơ hồ mà là những con người đang sống—những người giống như chúng ta, tuy vượt trội vô bờ bến trên mọi phương diện. Các Ngài quả là người, nhấn mạnh hết sức là người, nhưng là người không còn khiếm khuyết, nên đối với chúng ta Các Ngài như những vị thần vì quyền năng, tình thương và bi mẫn toả chiếu từ Các Ngài. Điều hết sức có ý nghĩa là, mặc dù niềm kính sợ tất yếu phát sinh bởi cảm thức về quyền năng ghê gớm ấy, nhưng khi hiện diện trước Các Ngài, người ta chưa từng cảm thấy e ngại hay lúng túng chút nào, mà luôn được nâng tâm hồn.

The man who stands before one of Them

Người đứng trước một Vị Chân sư không thể

cannot but feel the deepest humility, because of the greatness of the contrast between himself and the Master. Yet with all this humility he yet feels a firm confidence in himself, for since the Master, who is also man, has achieved, that achievement is clearly possible even for him. In His presence everything seems possible and even easy, and one looks back with wonder on the troubles of yesterday, unable now to comprehend why they should have caused agitation or dismay. Now at least, the man feels, there can never again be trouble, since he has seen the right proportion of things. Now he will never again forget that, however dark the clouds may be, the sun is ever shining behind them. The vibrations of the Masters are so strong that only those qualities in you which harmonize with them are called out, so that you will feel the uttermost confidence and love, and the desire to be always in His presence. It is not that you forget that you have undesirable qualities in you, but you feel that now you can conquer them, and you do not in the least mind His knowing all about them, because you are so certain that He understands perfectly, and to understand all is to pardon all.

It may perhaps help us to realize the human side of our Masters if we remember that many of Them in comparatively recent times have been known as historical characters. The Master K. H., for example, appeared in Europe as the philosopher Pythagoras. Before that He was the Egyptian priest Sarthon, and on yet another occasion chief-priest of a temple at Agade, in Asia Minor, where He was killed in a general massacre of the inhabitants by a host of invading barbarians who swooped down upon them from the hills. On that occasion He took immediately the body of a Greek fisherman, which had been drowned in his attempt to escape, and in that body the Master

không cảm niềm khiêm cung sâu thẳm, vì sự tương phản quá lớn giữa bản thân mình và Chân sư. Tuy vậy, cùng với sự khiêm cung ấy, y vẫn cảm thấy một niềm tự tín vững vàng, bởi lẽ khi Chân sư—cũng là người—đã thành tựu, thì thành tựu ấy rõ ràng cũng khả hữu ngay cho y. Trong sự hiện diện của Ngài, mọi điều dường như khả hữu và thậm chí dễ dàng, và người ta ngoái nhìn lại những phiền não của ngày hôm qua với kinh ngạc, không còn hiểu vì sao chúng từng gây xao động hay hoang mang. Tối thiểu là bây giờ, người ấy cảm thấy, không thể còn có phiền não nữa, vì y đã thấy được tỉ lệ đúng của mọi sự. Nay y sẽ không bao giờ quên rằng, dẫu mây đen có dày đặc thế nào, mặt trời vẫn luôn tỏa sáng phía sau. Những rung động của các Chân sư mạnh đến nỗi chỉ những phẩm tính trong bạn hòa điệu với chúng mới được đánh thức, khiến bạn cảm nhận sự tự tin và tình thương vô hạn, và ước muốn được luôn ở trong sự hiện diện của Ngài. Không phải bạn quên mình còn có những phẩm tính không đáng mong muốn, nhưng bạn cảm thấy rằng giờ đây bạn có thể chế ngự chúng, và bạn chẳng hề bận tâm việc Ngài biết hết về chúng, bởi bạn chắc chắn rằng Ngài thấu hiểu hoàn toàn, mà hiểu tất cả là tha thứ tất cả.

Có lẽ điều này sẽ giúp chúng ta thấu hiểu phương diện con người của các Chân sư: nhớ rằng nhiều Vị trong Các Ngài thời tương đối gần đây đã được biết đến như các nhân vật lịch sử. Chẳng hạn, Chân sư K. H. đã hiện diện ở Âu Châu như triết gia Pythagoras. Trước đó Ngài là vị tư tế Ai Cập Sarthon, và trong một lần khác là Đại Tư tế của một đền thờ ở Agade, Tiểu Á, nơi Ngài bị sát hại trong một cuộc tàn sát chung dân cư bởi một đạo quân man di tràn xuống từ núi. Lần ấy Ngài lập tức nhập vào thân xác của một ngư phủ Hy Lạp, người đã chết đuối khi cố chạy trốn, và trong thân xác đó Chân sư đã đi sang Ba Tư, nơi Ngài trợ giúp lớn lao cho vị Zoroaster cuối cùng trong việc

journeyed on to Persia, where he rendered great assistance to the last of the Zoroasters in the founding of the modern form of the Mazdayaznian religion. Later He was the flamen of the Temple of Jupiter in Rome, and later still Nagarjuna, the great Buddhist teacher. We have found Him many times in our researches into the past lives of some members of our group, but almost always as a priest or teacher.

sáng lập hình thái hiện đại của tôn giáo Mazdayazna. Về sau, Ngài là tế quan của Đền Jupiter ở La Mã, và trễ hơn nữa là Nāgārjuna, vị đại luận sư Phật giáo. Chúng tôi đã gặp Ngài nhiều lần trong quá trình khảo cứu các tiền kiếp của vài thành viên nhóm chúng tôi, nhưng hầu như luôn trong vai trò tư tế hay huấn sư.

Again, in these researches into the remote past we have frequently found the disciple Jesus, who in Palestine had the privilege of yielding up His body to the Christ. As a result of that act He received the incarnation of Apollonius of Tyana, and in the eleventh century He appeared in India as the teacher Ramanujacharya, who revived the devotional element in Hinduism, and raised it to so high a level.

Cũng vậy, trong những khảo cứu về quá khứ xa xôi, chúng tôi thường thấy vị môn đệ Jesus —Đấng ở Palestine đã có đặc ân hiến thân xác mình cho Đức Christ. Nhờ hành động ấy, Ngài thọ lần hóa thân là Apollonius xứ Tyana, và vào thế kỷ XI Ngài xuất hiện ở Ấn Độ như vị đạo sư Rāmānujacharya, người phục hưng yếu tố sùng tín trong Ấn giáo và nâng nó lên một tầm cao.

No doubt some of you have heard a good deal about other Masters besides the two who principally take charge of Theosophical work. Another Master, for example, dictated for us *Light on the Path* and *The Idyll of the White Lotus,* while yet another has taken charge of a great deal of the work in Europe, and has written for us some of the most splendid works in the whole realm of literary activity. Then the one who was once the disciple Jesus stands ready especially to guide the various activities of the Christian Churches. Yet another looks especially after the work here in India.

Hẳn một số quý vị đã nghe nhiều về những Chân sư khác ngoài hai Vị đặc biệt phò trợ công việc Thông Thiên Học. Một Chân sư, chẳng hạn, đã giảng cho chúng ta *Ánh sáng trên Đường Đạo* và *Khúc Hoan Ca của Hoa Sen Trắng,* trong khi một Vị khác đảm trách phần lớn công việc ở châu Âu, và đã viết cho chúng ta vài tác phẩm lẫm liệt nhất trong toàn cõi hoạt động văn chương. Rồi vị từng là môn đệ Jesus thì sẵn sàng đặc biệt dẫn dắt các hoạt động khác nhau của các Giáo hội Kitô giáo. Một Vị nữa đặc biệt chăm lo công việc nơi đây, ở Ấn Độ.

Thus it may be seen that the evolution of the world is by no means left to itself, to get along as best it may, as people so often rashly suppose; on the contrary, it is being directed. For this Hierarchy of adepts is actually managing it, as far as it is possible to manage it while leaving its inhabitants their own free-

Như vậy có thể thấy rằng tiến hóa của thế gian không hề bị bỏ mặc, tự bươn bả thế nào thì bươn bả, như người ta hay hồ đồ tưởng vậy; trái lại, nó đang được điều khiển. Vì Thánh Đoàn các chân sư trên thực tế đang quản trị nó —trong chừng mực có thể quản trị được trong khi vẫn để các cư dân có tự do ý chí của mình.

will. The members of the Brotherhood, through Their agents, are constantly trying to work with the important people of the world, putting advice and suggestions into their minds, endeavouring to move them onwards towards the great future of Universal Brotherhood when war shall have disappeared. But we must remember that the karma of all the people concerned has to be considered and respected. It would no doubt be easy to force the world along at a far more rapid rate, but that would not be for the real advantage of the people concerned. The Master K. H. once said in a letter which I received from Him: "Of course I could easily tell you exactly what to do, and of course you would do it, but then the karma of the act would be mine and not yours, and you would gain only the karma of prompt obedience."

Các thành viên của Huynh đệ Đoàn, qua các tác nhân, luôn cố gắng tác động với những nhân vật quan trọng của thế giới, gieo lời khuyên và gợi ý vào tâm trí họ, nỗ lực thúc đẩy họ hướng tới tương lai vĩ đại của Tình Huynh Đệ Đại Đồng, khi chiến tranh sẽ biến mất. Nhưng chúng ta phải nhớ rằng nghiệp quả của tất cả những người liên can đều cần được xét đến và tôn trọng. Dĩ nhiên, hẳn là dễ ép thế giới tiến nhanh hơn nhiều, nhưng như vậy sẽ không đem lại lợi ích thực sự cho những người liên can. Chân sư K. H. đã từng nói trong một bức thư Ngài gửi cho tôi: "Dĩ nhiên, Ta có thể dễ dàng bảo con chính xác phải làm gì, và dĩ nhiên con sẽ làm, nhưng bấy giờ nghiệp quả của hành vi sẽ là của Ta chứ không phải của con, và con chỉ gặt nghiệp quả của sự tuân phục lập tức mà thôi."

Men have to learn to be not merely intelligent servants; they have to learn to be co-workers, because they themselves will have the same work to do some day, and if they are to be fit for greater responsibilities in the future they must be willing to take up the smaller responsibilities now. Sometimes, it is true, a really great opportunity or responsibility of worldwide importance comes to one of us, but that may perhaps be once in many hundreds of lives. When it comes we shall take it or miss it, according as we have or have not been in the habit of taking the smaller opportunities of daily life, so that we have got into the habit of doing the right thing, and shall do it automatically at the critical moment. Our opportunities of doing good or harm are usually but small as regards the world as a whole; but when we have learnt invariably and automatically to choose the right in these smaller matters, the Great Brotherhood will feel it safe to trust us in larger matters.

Con người phải học không chỉ để làm những kẻ phục vụ thông minh; họ phải học để trở thành cộng tác viên, vì chính họ rồi đây cũng sẽ đảm nhiệm cùng công việc ấy, và nếu họ muốn xứng hợp với trách nhiệm lớn lao hơn trong tương lai, họ phải sẵn lòng gánh lấy những trách nhiệm nhỏ hơn ngay bây giờ. Đôi khi, đúng là một cơ hội hay trách nhiệm thực sự lớn lao mang tầm vóc thế giới đến với một người trong chúng ta, nhưng có lẽ điều đó chỉ một lần trong nhiều trăm kiếp. Khi nó đến, chúng ta sẽ nắm lấy hay bỏ lỡ, tùy theo việc chúng ta có hay không có thói quen chộp lấy những cơ hội nhỏ bé của đời sống thường ngày —đến mức chúng ta đã thành thói quen làm điều đúng, và sẽ làm nó một cách tự động tại thời khắc quyết định. Cơ hội làm điều thiện hay điều hại của chúng ta nói chung là nhỏ nhoi đối với toàn thế giới; nhưng khi chúng ta đã học được cách luôn luôn và tự động chọn điều đúng trong những chuyện nhỏ như thế, Huynh đệ Đoàn Vĩ Đại sẽ cảm thấy an tâm giao phó cho chúng ta những việc lớn hơn.

It is indeed well that we should try to understand these Great Ones, not as a mere matter of curiosity and interest, but in order that we may realise Them as They are, and comprehend that They are men just as we are, varying among Themselves just as we vary, although at so much higher a level. Wisdom, power and love are present in all of Them equally, yet They are by no means all alike. They are individuals just as we are. They are at the top of the ladder of humanity, but let us not forget that we are somewhere on its lower rungs, and that one day we also shall reach Their level and stand where They stand.

Thật vậy, điều tốt là chúng ta nên cố gắng hiểu biết các Đấng Cao Cả này; không phải vì tò mò hay hứng thú, mà để chúng ta thể nhận Các Ngài như Các Ngài đang là, và hiểu rằng Các Ngài là những con người như chúng ta, cũng đa dạng giữa nhau như chúng ta đa dạng, dẫu ở một cấp độ cao hơn rất nhiều. Minh triết, quyền năng và tình thương hiện diện ngang nhau nơi tất cả Các Ngài, vậy mà Các Ngài không hề như nhau cả thảy. Các Ngài là những cá thể, cũng như chúng ta. Các Ngài đứng trên đỉnh thang nhân loại, nhưng chớ quên rằng chúng ta đang ở đâu đó trên những nấc thấp hơn, và một ngày kia chúng ta cũng sẽ đạt đến cấp độ của Các Ngài và đứng nơi Các Ngài đang đứng.

One important fact about Them is Their all-round development. If we examine ourselves we shall be sure to find that we are to some extent disproportionate in our development—one-sided in certain respects. Some of us are full of scientific faculty and intellectual development, but sadly lacking in devotion and compassion; others are full of whole-souled devotion, but defective on the intellectual side. A Master is perfect along both these lines, as may easily be seen when we think of the splendid intellect of Pythagoras along with the love and compassion of the Master K. H.

Một sự kiện quan trọng về Các Ngài là sự phát triển toàn diện. Nếu xét mình, chúng ta chắc chắn sẽ thấy mình phần nào còn bất cân xứng trong phát triển—thiên lệch ở vài phương diện. Có người đầy năng lực khoa học và phát triển trí tuệ, nhưng lại thiếu hụt buồn bã về sùng kính và bi mẫn; kẻ khác thì tràn đầy sùng kính chí thành, nhưng khiếm khuyết ở mặt trí tuệ. Một Chân sư thì hoàn hảo trên cả hai đường, như có thể dễ dàng thấy khi nghĩ về trí tuệ lẫm liệt của Pythagoras song hành với tình thương và bi mẫn của Chân sư K. H.

We must not misunderstand Their wonderful knowledge. In order to attain the level of adeptship They must have cast off among others the fetter of avidya or ignorance, and it is often said that to cast off ignorance one must attain all-knowledge. Yet we know from personal acquaintance with Them that this is not so in the mere literal sense; for example, there are Masters who do not know all languages, others who are not artists and musicians, and so on. I think that what is really meant by casting off the fetter of

Chúng ta chớ hiểu sai về tri thức kỳ diệu của Các Ngài. Để đạt đến cấp độ chân sư, Các Ngài ắt đã rũ bỏ trong số những xiềng xích khác cái ách avidya hay vô minh, và người ta thường nói rằng muốn rũ bỏ vô minh thì phải đạt đến toàn tri. Tuy nhiên, chúng ta biết từ sự giao tiếp trực tiếp với Các Ngài rằng điều này không đúng theo nghĩa đen; chẳng hạn, có những Chân sư không biết tất cả các ngôn ngữ, những vị khác không phải là nghệ sĩ hay nhạc sĩ, v.v. Tôi nghĩ điều thực sự được hàm ý bởi việc rũ bỏ cái ách vô minh là đắc đắc một năng lực nhờ

ignorance is the acquisition of a power by which They can at any moment command any knowledge upon any subject which They happen to require. They certainly have not all facts stored within Their physical brains but equally certainly They can very quickly obtain any knowledge of which They have need. As to the question of languages, for example, if a Master wishes to write a letter in a language which He does not know, He very frequently employs the brain of a pupil who is acquainted with that language, throwing the ideas into that pupil's brain, and then employing the words in which He sees them clothe themselves. If a man speaks to Them in a language which They do not understand, They can instantly grasp on the mental plane the thought that lies behind the incomprehensible words.

đó Các Ngài có thể vào bất cứ lúc nào triệu tập bất cứ tri thức nào về bất cứ chủ đề nào mà Các Ngài cần. Chắc chắn Các Ngài không lưu trữ mọi dữ kiện trong bộ não thể xác của mình, nhưng cũng chắc chắn rằng Các Ngài có thể rất nhanh chóng đạt được bất cứ tri thức nào cần thiết. Như về chuyện ngôn ngữ, chẳng hạn, nếu một Chân sư muốn viết một bức thư bằng một ngôn ngữ Ngài không thạo, Ngài thường dùng bộ não của một đệ tử quen ngôn ngữ đó, phóng những ý tưởng vào não người đệ tử, rồi dùng những từ ngữ mà Ngài thấy chúng được khoác lên. Nếu ai đó nói với Các Ngài bằng một ngôn ngữ Các Ngài không hiểu, Các Ngài có thể lập tức nắm bắt trên cõi trí điều tư tưởng nằm phía sau những từ ngữ bất khả tri ấy.

It is often asked whether an ordinary man who met a Master on the physical plane would instantly recognize Him as such. I do not see any reason why he should. He would certainly find the Adept impressive, noble, dignified, holy and serene. He could hardly fail to recognize that he was in the presence of a remarkable man; but to know certainly that that man was an adept it would be necessary to see His causal body, which of course the ordinary man could not do. In that causal body the development would show by its greatly increased size, and by a special arrangement of the colours, which would differ for each of the seven great types. But all this would be quite out of the reach of the ordinary man whom we are postulating.

Người ta thường hỏi liệu một người bình thường gặp một Chân sư trên cõi hồng trần có lập tức nhận ra Ngài là Chân sư không. Tôi không thấy có lý do nào khiến y phải nhận ra. Hẳn y sẽ thấy vị Chân sư gây ấn tượng mạnh, cao quý, trang nghiêm, thánh thiện và trầm tĩnh. Y khó lòng không nhận ra rằng mình đang ở trước sự hiện diện của một người phi thường; nhưng để biết chắc chắn rằng người ấy là một Chân sư, cần phải thấy được thể nguyên nhân của Ngài, điều mà dĩ nhiên người bình thường không thể. Trong thể nguyên nhân ấy, sự phát triển sẽ hiển lộ ở kích thước gia tăng vượt bậc, và bởi một sự sắp xếp đặc thù của các màu sắc, điều sẽ khác nhau với mỗi trong bảy kiểu loại lớn. Nhưng tất cả những điều ấy hoàn toàn vượt khỏi tầm người bình thường mà ta đang giả định.

Adepts have no definite external peculiarities by which They may be recognized, though there is a great calmness and benevolence common to Them all; Their faces are stamped always with a joyous serenity, the peace

Các Chân sư không có những đặc điểm ngoại mạo cố định nào để nhờ đó có thể nhận ra Các Ngài, dẫu có một sự bình thản và nhân ái lớn lao chung nơi tất cả Các Ngài; gương mặt của Các Ngài luôn in dấu một sự an nhiên hân

which passeth all understanding. Most of Them are distinctly handsome men, because Their physical bodies are perfect, for They live in an absolutely hygienic way, and above all They never worry about anything. In the case of most of us there is still a great deal of karma of various kinds to be worked out and among other things this modifies the appearance of our physical bodies. In Their case all karma is long ago exhausted, and consequently the physical body is a perfect expression on the physical plane of the Augoeides or glorified body of the Ego. Not only therefore is the body of a Master usually splendidly handsome, but also any new body that He may take in a subsequent incarnation will be an almost exact reproduction of the old one, because there is nothing to modify it.

hoan—sự bình an vượt quá mọi sự hiểu biết. Phần nhiều Các Ngài đều là những người đẹp đẽ rõ rệt, vì thân xác của Các Ngài là hoàn hảo, bởi Các Ngài sống theo một lối sống tuyệt đối hợp vệ sinh, và trên hết là Các Ngài không bao giờ lo lắng điều gì. Trong trường hợp phần nhiều chúng ta, vẫn còn rất nhiều loại nghiệp phải trải, và trong số những điều khác, điều đó biến đổi diện mạo của thân xác hồng trần chúng ta. Còn nơi Các Ngài, mọi nghiệp đã lâu lắm rồi vơi sạch, và vì vậy thân xác hồng trần là một biểu hiện hoàn hảo trên cõi hồng trần của Augoeides, hay thân vinh quang của Chân ngã. Do đó, không chỉ thân xác của một Chân sư thường uy nghi tuyệt đẹp, mà bất cứ thân mới nào Ngài thọ trong một lần hóa sinh về sau cũng sẽ gần như là một bản sao hầu như y hệt thân cũ, vì không còn gì để biến đổi nó.

Another remarkable fact is that They are able to preserve Their physical bodies very much longer than we can—owing no doubt to the perfect health and absence of worry which we have already mentioned. Almost all of the Masters whom we know appear as men in the prime of life, yet in many cases there is testimony to prove that Their physical bodies must have long passed the ordinary age of man. I have heard Madame Blavatsky say that her Master as He appears now does not look a day older than when she first saw Him in her childhood sixty years before. In one case only, that of a Master who has recently attained adeptship in the body which He is still wearing, there is a certain ruggedness in the face; which is doubtless the result of some remainder of past karma brought over into this incarnation, but I think we may feel sure that when He chooses to take another body that characteristic will not persist.

Một sự kiện đáng chú ý khác là Các Ngài có thể bảo tồn thân xác hồng trần của mình lâu hơn chúng ta rất nhiều—ắt hẳn do sức khỏe hoàn hảo và sự vắng mặt hoàn toàn của lo âu như chúng ta đã nói. Hầu như tất cả các Chân sư mà chúng tôi biết đều hiện ra như những người ở độ tráng niên, tuy trong nhiều trường hợp có bằng cứ chứng tỏ rằng thân xác hồng trần của Các Ngài hẳn đã vượt xa tuổi thọ thông thường của người đời. Tôi đã nghe Bà Blavatsky nói rằng vị Thầy của Bà, như Ngài hiện nay, không trông già hơn một ngày so với khi Bà lần đầu gặp Ngài thời thơ ấu sáu mươi năm trước. Chỉ trong một trường hợp—một Chân sư mới đây đạt chân sư quả trong chính thân xác mà Ngài còn đang mang—có một vài nét gồ ghề trên gương mặt; điều này chắc hẳn là kết quả của vài dư nghiệp quá khứ còn mang theo vào hóa kiếp này, nhưng tôi nghĩ chúng ta có thể yên tâm rằng khi Ngài chọn thọ một thân khác, đặc điểm ấy sẽ không còn.

Probably They are more silent than most men; busy people have not much time for casual talk, and They are out of all proportion the

Có lẽ Các Ngài ít nói hơn phần nhiều người khác; người bận rộn không có nhiều thời gian cho chuyện trò xã giao, và Các Ngài là những

busiest people in the world. Their pupil Madame Blavatsky was the most brilliant conversationalist that I have ever met, but she never made talk for the sake of making it. So with Them; a Master never speaks without a definite object in view, and His object is always to encourage, to help or to warn. He speaks always gently and with the greatest kindness, though He often betrays a very keen sense of humour; yet the humour itself is always of the kindly order, and is used never to wound, but always to lighten the troubles of the way, or to soften some necessary rebuke. Certainly a man who has no sense of humour would not be likely to make much progress in occult matters.

người bận rộn nhất đời—một cách chênh lệch áp đảo. Môn đồ của Các Ngài, Bà Blavatsky, là người đối thoại chói sáng nhất mà tôi từng gặp, nhưng Bà chưa từng nói chỉ vì muốn nói. Với Các Ngài cũng vậy; một Chân sư không bao giờ nói mà không có mục đích xác định, và mục đích của Ngài luôn là khích lệ, trợ giúp hoặc cảnh tỉnh. Ngài luôn nói bằng giọng ôn hòa với lòng từ ái lớn lao, tuy Ngài thường bộc lộ một cảm quan u mặc rất tinh tế; nhưng chính tiếng cười ấy cũng luôn đầy nhân hậu, và chưa từng dùng để làm tổn thương, mà luôn để làm nhẹ gánh đường đời, hoặc để làm mềm một lời quở trách cần thiết. Chắc chắn một người không có óc hài hước thì khó lòng tiến bộ nhiều trong các vấn đề huyền bí.

The number of adepts who retain physical bodies in order to help the evolution of the world is but small—perhaps some fifty or sixty in all. But it must be remembered that the great majority of these do not take pupils, as They are engaged in quite other work. Madame Blavatsky employed the term adept very loosely, for in one place she actually speaks of adepts who have been initiated, and adepts who have not been initiated. In all later writings we have reserved the word "initiate" for those who have passed at least the first of the four great stages upon the Path of Holiness, and the word adept we have restricted to those who have attained the Asekha level, and so have finished the evolution required of them in this chain of worlds. The consciousness of the Asekha rests normally upon the nirvanic or atmic plane while his physical body is awake. But out of the number who have already attained adeptship only the very small proportion above-mentioned retain physical bodies, and remain in touch with the earth in order to help it; and out of this a still smaller proportion are willing under certain conditions to accept men as pupils or apprentices; and it is to these

Con số các chân sư giữ lại thể xác để trợ giúp tiến hóa của thế gian là ít ỏi—có lẽ vào khoảng năm mươi hay sáu mươi tất cả. Nhưng cần nhớ rằng đại đa số trong Các Ngài không thu nhận môn đồ, vì Các Ngài bận với những công việc rất khác. Bà Blavatsky đã dùng thuật ngữ chân sư (adept) khá lỏng, vì ở một chỗ Bà thậm chí nói về những chân sư đã được điểm đạo và những chân sư chưa được điểm đạo. Trong tất cả các trước tác về sau, chúng tôi dành từ "điểm đạo đồ" cho những ai đã vượt ít nhất giai đoạn đầu trong bốn giai đoạn lớn trên Thánh Đạo, và từ chân sư (adept) chúng tôi hạn chỉ cho những ai đã đạt đến cấp Asekha, và như vậy đã hoàn tất tiến hóa được yêu cầu của họ trong chuỗi thế giới này. Tâm thức của một vị Asekha an trú một cách bình thường trên cõi Niết Bàn hay atma trong khi thân xác hồng trần còn thức. Nhưng trong số những vị đã đạt chân sư quả thì chỉ một tỷ phần rất nhỏ như vừa nêu mới giữ lại thể xác và lưu lại liên hệ với trái đất để trợ giúp nó; và trong số này lại là một tỷ phần nhỏ hơn nữa sẵn lòng, với những điều kiện nhất định, tiếp nhận con người làm môn đồ hay tập sinh; và chỉ với những vị sau cùng này (số ít nhất) chúng tôi mới gọi là các Chân sư. Dẫu ít ỏi như vậy, chức vụ của Các

last (the smallest number) only that we give the name of Masters. Yet few though They be Their office is of incalculable importance, since without Their aid it would be impossible for man to enter the portals of initiation.

Ngài có tầm trọng đại khó lường, vì nếu không có trợ giúp của Các Ngài thì con người không thể bước vào các cửa điểm đạo.

THE WORK OF THE CHRIST

CÔNG TÁC CỦA ĐỨC CHRIST

You ask about the Great One whom we call the Christ, the Lord Maitreya, and about His work in the past and in the future. The subject is a wide one—one also about which it is somewhat difficult for us to speak with freedom, on account of the restrictions with which we are hedged round. Possibly the suggestion may be of use to you that there is what we may call a department of the inner government of the world which is devoted to religious instruction—the founding and inspiring of religions, and so on. It is the Christ who is in charge of that department; sometimes He Himself appears on earth to found a great religion and sometimes He entrusts such work to one of His more advanced assistants. We must regard Him as exercising a kind of steady pressure from behind all the time, so that the power employed will flow as though automatically into every channel anywhere and of any sort which is open to its passage; so that He is working simultaneously through every religion, and utilizing all that is good in the way of devotion and self-sacrifice in each.

Bạn hỏi về Đấng Vĩ Đại mà chúng ta gọi là Đức Christ, Đức Maitreya, và về công tác của Ngài trong quá khứ và tương lai. Chủ đề này thật rộng—và cũng là điều mà chúng tôi hơi khó nói một cách tự do vì những giới hạn vây quanh. Có lẽ một gợi ý sẽ có ích cho bạn là: có cái mà chúng ta có thể gọi là một ban trong nội chính hành tinh, chuyên về giáo huấn tôn giáo—sáng lập và linh hứng các tôn giáo, v.v. Chính Đức Christ đảm trách ban ấy; đôi khi Chính Ngài thị hiện trên trần để khai sáng một tôn giáo lớn, và đôi khi Ngài trao phó công việc như thế cho một vị phụ tá cao cấp hơn. Chúng ta phải xem Ngài như đang thực thi một áp lực đều đặn từ hậu trường mọi thời, để năng lực được vận dụng sẽ chảy hầu như tự động vào mọi kênh bất cứ nơi đâu và bất cứ loại nào mở ra cho nó; để rồi Ngài làm việc đồng thời qua mọi tôn giáo, và tận dụng tất cả những gì là thiện trong tinh thần sùng tín và hy sinh của mỗi tôn giáo.

The fact that these religions may be wasting their strength in abusing one another upon the physical plane is of course lamentable, but it does not make much difference to the fact that whatever is good in each of them is being simultaneously utilized from behind by the same great Power. This is true of course of all movements in the world; every ounce of the good in them is being used as a channel, while the evil in them is in each case just so much

Sự kiện các tôn giáo ấy có thể đang phung phí sức lực trong việc mạ lị lẫn nhau trên cõi hồng trần dĩ nhiên là đáng buồn, nhưng nó không làm thay đổi mấy đối với sự kiện rằng bất cứ điều thiện nào trong mỗi tôn giáo đều đang được đồng thời vận dụng từ hậu trường bởi cùng một Nguồn Lực vĩ đại. Điều này dĩ nhiên cũng đúng với mọi phong trào trên đời; mỗi chút điều thiện trong chúng đều đang được dùng làm kênh dẫn, trong khi điều ác trong

regrettable waste of force which might have been utilized if the people had been more sensible. The section in *The Secret Doctrine* entitled *The Mystery of Buddha* gives a good deal of information as to the relations between the Heads of this department of Religion, and it may give some useful hints as to the Christ also. This is a subject of paramount interest to the members of our Society, since one of our Masters has a specially close relation with that department.

chúng trong mỗi trường hợp chỉ là một sự lãng phí đáng tiếc những lực có thể đã được dùng nếu người ta sáng suốt hơn. Phần trong *Giáo Lý Bí Nhiệm* mang tựa *Bí Nhiệm của Đức Phật* cung cấp khá nhiều thông tin về mối liên hệ giữa những Vị Lãnh Đạo của Ban Tôn giáo, và nó có thể gợi ra vài chỉ dẫn hữu ích về Đức Christ nữa. Đây là một chủ đề có mối quan tâm tối thượng đối với các hội viên của Hội chúng ta, vì một Vị Chân sư của chúng ta có mối liên hệ đặc biệt gần gũi với ban ấy.

As to the approaching advent of the Christ and the work which He has to do, you cannot do better than read Mrs. Besant's book on *The Changing World.* The time of His advent is not far distant, and the very body which He will take is even already born among us.

Về cuộc giáng lâm sắp tới của Đức Christ và công tác Ngài phải làm, bạn không thể làm gì tốt hơn là đọc cuốn sách của Bà Besant, *Thế Giới Đang Biến Đổi.* Thời điểm Ngài giáng lâm không còn xa, và chính thân xác mà Ngài sẽ thọ dụng thậm chí đã sinh ra giữa chúng ta.

All this was decided many thousands of years ago—some of it decided apparently in minute details, though it would seem that there is a good deal of flexibility with regard to other points. The utter certainty with which these Great Ones lay Their plans many thousands of years ahead is one of the most wonderful features of this stupendous work that They do. Sometimes it is open to those of us who have been able to develop the faculties of the higher planes to be allowed a glimpse of Their mighty schemes, to witness the lifting of a tiny corner of the veil which shrouds the future. Sometimes also we have glimpsed Their plans in another way, for in looking back into the records of the distant past we have found Them making prophecies, the fulfilment of which is even now passing before our eyes.

Tất cả điều này đã được quyết định từ hàng ngàn năm trước—một phần được định dường như đến từng chi tiết nhỏ, dẫu có vẻ cũng có khá nhiều tính linh hoạt đối với những điểm khác. Sự chắc chắn tuyệt đối mà các Đấng Cao Cả này hoạch định công cuộc của Các Ngài trước hàng ngàn năm là một trong những nét kỳ vĩ nhất của công trình siêu phàm mà Các Ngài thi hành. Đôi khi với những ai trong chúng tôi đã phát triển được các năng lực của các cõi cao, có khi được phép lóe nhìn qua những đề án hùng tráng của Các Ngài, được chứng kiến việc hé mở một góc nhỏ của bức màn che phủ tương lai. Đôi khi nữa chúng tôi bắt gặp những đề án của Các Ngài bằng một cách khác, vì khi nhìn lùi vào những ký lục của quá vãng xa xưa, chúng tôi đã thấy Các Ngài đưa ra những lời tiên tri, và sự ứng nghiệm của chúng nay đang diễn ra trước mắt chúng ta.

I know of nothing more stirring, more absorbingly interesting, than such a glimpse. The splendour, the colossal magnitude, of Their plans takes away one's breath, yet even more impressive is the calm dignity, the utter

Tôi không biết có điều gì gây kích động, cuốn hút hơn một thoáng nhìn như thế. Sự huy hoàng, bề thế khổng lồ của Kế hoạch của Các Ngài khiến người ta phải nín thở, nhưng còn ấn tượng hơn là phong thái trang nghiêm bình

certainty, of it all. Not individuals only, but even nations are the pieces in this game; but neither nation nor individual is compelled to play any given part. The opportunity to play that part is given to it or to him; if he or it will not take it there is invariably an under-study ready to step in and fill the gap. But, whoever may be the instrument, this one thing at least is utterly certain, that the intended end will be achieved; through whose agency this will be done matters very much to the agent but nothing at all to the total progress of the world. Nineteen hundred years ago Appollonius of Tyana was sent out by the Brotherhood upon a mission, one feature of which was that he was to found, in various countries, certain magnetic centres. Objects of the nature of talismans were given to him, which he was to bury at these chosen spots, in order that the force which they radiated might prepare these places to be the centres of great events in the future. Some of those centres have already been utilized, but some have not, and all these latter are to be employed in the immediate future in connection with the work of the coming Christ. So that much of the detail of His work was already definitely planned nearly two thousand years ago, and arrangements even on the physical plane were being made to prepare for it. When once we realize this utter certainty, doubt and hesitation, anxiety and worry, all fade away and we gain a perfect peace and content, and the most absolute confidence in the Powers who are governing the world.

thản, sự xác quyết tuyệt đối của tất cả mọi việc. Không chỉ các cá nhân, mà ngay cả các quốc gia cũng là những quân cờ trong ván cờ này; nhưng không quốc gia nào hay cá nhân nào bị ép buộc phải đóng một vai diễn đã định sẵn. Cơ hội để đảm nhận vai ấy được trao cho nó hoặc cho y; nếu y hay nó không nắm lấy thì luôn luôn có một người thay thế sẵn sàng bước vào để lấp chỗ trống. Nhưng, bất kể công cụ là ai, ít nhất có một điều hoàn toàn chắc chắn, rằng mục đích đã định sẽ được hoàn thành; việc điều đó được thực hiện thông qua cơ quan nào là điều rất quan trọng đối với chính tác nhân, nhưng tuyệt nhiên không ảnh hưởng gì đến tiến trình tổng thể của thế giới. Mười chín trăm năm trước, Appollonius xứ Tyana được Huynh đệ Đoàn Chánh đạo phái đi thi hành một sứ mạng, trong đó có một phần việc là lập nên, ở nhiều xứ sở, những trung tâm từ lực nhất định. Người ta trao cho ông những vật thể thuộc loại bùa ấn để ông chôn chúng tại các địa điểm đã chọn, hầu cho lực mà chúng phát xạ có thể chuẩn bị những nơi ấy trở thành trung tâm của các sự kiện lớn trong tương lai. Một số trung tâm ấy đã được sử dụng rồi, nhưng một số thì chưa, và tất cả những trung tâm sau này sẽ được dùng trong tương lai gần, liên hệ đến công việc của Đức Christ đang đến. Như vậy, nhiều chi tiết trong Công tác của Ngài đã được hoạch định dứt khoát cách đây gần hai nghìn năm, và ngay cả những sắp đặt trên cõi hồng trần cũng đã được tiến hành để chuẩn bị cho việc ấy. Khi một lần chúng ta thấu triệt sự xác quyết tuyệt đối này, thì hoài nghi và do dự, sầu muộn và lo lắng đều phai tắt, và chúng ta đạt được một an bình và mãn nguyện toàn bích, cùng một niềm tin tuyệt đối vào các Quyền Lực đang cai quản thế giới.

THE WORK OF THE MASTERS

THE WORK OF THE MASTERS

The work of the Masters on Their own planes is not easy for us to comprehend, though we can readily see that Their activity must be

Công tác của các Chân sư trên các cõi của Các Ngài không dễ để chúng ta lĩnh hội, dù chúng ta có thể thấy ngay rằng hoạt động của Các

tremendous. The number of adepts still retaining physical bodies is but small, and yet in Their hands is the care of all the evolutions which are taking place on this globe. As far as humanity is concerned They seem to divide the world into parishes, but Their parishes are continents, and an adept is appointed to look after each. The Theosophical Society appears to be rather of the nature of a mission sent out from Headquarters, so that those who take part in its activities are working not for any particular parish or any particular form of religion, but for humanity as a whole; and it is upon humanity as a whole, or at least upon humanity in the mass, that the Masters chiefly act. They have a department which devotes itself to endeavouring to influence in the right direction the important people of the world—to affect kings and statesmen in the direction of peace, to impress more liberal ideas upon great preachers and teachers, to uplift the conceptions of artists, so that through them the whole world may be made a little happier and a little better.

Ngài hẳn là vĩ đại khôn lường. Số lượng các chân sư còn giữ xác phàm chỉ là ít ỏi, vậy mà trong tay Các Ngài là sự chăm nom tất cả các tiến hóa đang diễn ra trên quả địa cầu này. Xét riêng về nhân loại, xem ra Các Ngài chia thế giới thành những giáo khu, nhưng giáo khu của Các Ngài là các lục địa, và một chân sư được chỉ định trông nom mỗi lục địa. Hội Thông Thiên Học dường như thuộc về loại một sứ vụ được phái đi từ Tổng Hành Dinh, để những ai tham gia vào hoạt động của Hội làm việc không vì bất kỳ giáo khu nào hay bất kỳ hình thức tôn giáo đặc thù nào, mà vì toàn thể nhân loại; và chính trên nhân loại như một toàn thể, hay ít ra trên nhân loại như một khối, mà các Chân sư chủ yếu tác động. Các Ngài có một phân bộ chuyên dốc sức ảnh hưởng đúng hướng lên những nhân vật quan trọng của thế giới—tác động các quân vương và quốc vụ khanh theo chiều hòa bình, gieo vào các nhà giảng đạo và huấn sư lớn những tư tưởng phóng khoáng hơn, nâng cao quan niệm của nghệ sĩ, để qua họ cả thế giới có thể trở nên hạnh phúc hơn một chút và tốt đẹp hơn một chút.

But the working of such departments as these is mainly entrusted to Their pupils, They themselves dealing rather with the egos in their causal bodies; They devote themselves to pouring spiritual influence upon them—raying out upon them as the sunlight radiates upon the flowers, and thereby evoking from them all that is noblest and best in them, and so promoting their growth. Many people are sometimes conscious of helpful influences of this description, but are quite unable to trace them to their source. The causal body of the average man has as yet almost no consciousness of anything external to itself on its own plane. It is very much in the condition of the chicken within the egg, which is entirely unconscious of the source of the heat which nevertheless stimulates its growth.

Nhưng việc vận hành các phân bộ như thế phần lớn được giao phó cho các đệ tử của Các Ngài, còn chính Các Ngài thì làm việc nhiều hơn với các chân ngã trong những thể nguyên nhân; Các Ngài dốc đổ ảnh hưởng tinh thần lên họ—chiếu rọi lên họ như ánh dương quang rọi trên hoa, nhờ đó khơi dậy nơi họ tất cả những gì cao quý và tốt đẹp nhất, qua đó thúc đẩy sự trưởng thành của họ. Nhiều người đôi lúc ý thức được những ảnh hưởng trợ lực như vậy, nhưng hoàn toàn không thể lần ra nguồn xuất phát. Thể nguyên nhân của người trung bình hiện vẫn hầu như chưa có tâm thức về bất cứ điều gì bên ngoài chính nó trên cõi riêng của nó. Nó rất giống tình trạng của chú gà con trong trứng, hoàn toàn không hay biết nguồn nhiệt đang kích thích sự sinh trưởng của nó là từ đâu. Khi một người đạt tới giai đoạn phá vỡ

When any person reaches the stage where he breaks through his shell, and becomes capable of some sort of response, the whole process takes on a different form, and is enormously quickened. Even the group-souls of animals on the lower part of the mental plane are greatly affected and assisted by such influence, for like sunlight the force floods the entire plane and affects to some extent everything which is within its radius. In pouring out this force the Masters frequently take advantage of special occasions and of places where there is some strong magnetic centre. Where some holy man has lived and died, or where some relics of such a person create a suitable atmosphere, They take advantage of such conditions and cause Their own force to radiate along the channels which are already prepared. When some vast assemblage of pilgrims comes together in a receptive attitude, again They take advantage of the occasion by pouring Their forces out upon the people through the channels by means of which they have been taught to expect help and blessing.

vỏ trứng của mình, và có khả năng nào đó để đáp ứng, toàn bộ tiến trình sẽ mang một hình thức khác hẳn, và được tăng tốc vô cùng lớn. Ngay cả các hồn nhóm của loài vật ở phần hạ của cõi trí cũng chịu ảnh hưởng mạnh mẽ và được trợ giúp bởi ảnh hưởng như vậy, vì cũng như ánh dương, lực ấy tràn ngập toàn cõi và ít nhiều tác động lên mọi thứ trong tầm ảnh hưởng của nó. Khi tuôn đổ lực này, các Chân sư thường tận dụng các dịp đặc biệt và những nơi có trung tâm từ lực mạnh. Nơi nào có một bậc thánh sống và viên tịch, hoặc nơi nào di tích của vị ấy tạo ra một bầu không khí thích hợp, Các Ngài nắm lấy những điều kiện ấy và khiến lực của chính Các Ngài toả ra dọc theo những kênh đã được chuẩn bị sẵn. Khi một đoàn hành hương lớn tụ hội trong tâm thế lĩnh thọ, một lần nữa Các Ngài tận dụng cơ hội bằng cách dốc đổ lực của Các Ngài lên mọi người qua các kênh mà theo đó họ đã được dạy để mong đợi sự trợ giúp và ân phúc.

It is owing to assistance of this nature given to us from above that humanity has progressed even to its present position. We are still in the fourth round, which should naturally be devoted to the development of desire and emotion, and yet we are already engaged in the unfolding of the intellect, which is to be the special characteristic of the fifth round. That this is so is due to the immense stimulus given to our evolution by the descent of the Lords of the Flame from Venus, and by the work of the adepts who have preserved for us that influence and steadily sacrificed Themselves in order that we might make the better progress.

Nhờ sự trợ giúp như thế được ban xuống cho chúng ta từ bên trên mà nhân loại đã tiến đến được vị trí hiện tại. Chúng ta vẫn còn ở trong vòng tuần hoàn thứ tư, vốn lẽ tự nhiên nên dành cho sự phát triển dục vọng và cảm xúc, vậy mà chúng ta đã và đang dấn thân vào sự khai mở của trí tuệ, thứ sẽ là đặc trưng riêng của vòng tuần hoàn thứ năm. Sự kiện này là do kích thích to lớn dành cho tiến hóa của chúng ta bởi sự giáng lâm của các Chúa Tể của Lửa từ Sao Kim, và bởi công tác của các chân sư đã gìn giữ ảnh hưởng ấy cho chúng ta và bền bỉ hy sinh Chính Mình để chúng ta có thể tiến bộ tốt đẹp hơn.

Those who understand anything of this work, and most especially those of us who have been

Những ai hiểu được đôi chút về công việc này, và nhất là những ai trong chúng ta đã có diễm

privileged to see the Masters doing it, would never for a moment think of interrupting Them in such altruistic labour as this by propounding any personal requests. The vast importance of the work which They are doing, and the enormous amount of it, make it obviously impossible that They should take up personal work with individuals. In the cases where such work has to be done it is always delegated to pupils or performed by means of elementals and nature-spirits. Therefore it becomes emphatically the duty of the student to fit himself to do some of this lower work, for the very good reason that if he does not do so, the work will for the present be left undone, since it would be obviously impossible for the Masters to turn aside from Their far greater work for the whole world to attend to individual cases. The work of the invisible helpers on the astral plane would simply not be done unless there were pupils at the stage where that is the best work that they can do; for so soon as they pass beyond that stage and can do higher work, the higher work will certainly be given to them.

phúc thấy các Chân sư đang thực hiện nó, sẽ không bao giờ dù chỉ trong giây lát nghĩ đến việc làm gián đoạn Các Ngài trong công trình vị tha như thế bằng cách đưa ra những yêu cầu cá nhân. Tầm quan trọng lớn lao của công việc Các Ngài đang làm, cùng khối lượng khổng lồ của nó, hiển nhiên khiến cho việc Các Ngài đảm đương công tác cá nhân với từng người là điều không thể. Trong những trường hợp cần làm công việc như thế, nó luôn được ủy nhiệm cho các đệ tử hoặc được thực hiện bằng các tinh linh hành khí và các tinh linh thiên nhiên. Do đó, trách nhiệm của đạo sinh là phải tự rèn mình để đảm đương một phần công việc thấp ấy, vì một lẽ rất chính đáng: nếu y không làm, thì công việc ấy trước mắt sẽ bị bỏ dở, bởi rõ ràng là các Chân sư không thể rẽ ngang khỏi công trình vĩ đại cho toàn thế giới để xử lý các trường hợp cá nhân. Công tác của những người trợ giúp vô hình trên cõi cảm dục đơn giản sẽ không được thực hiện nếu không có các đệ tử ở giai đoạn mà đó là công việc tốt nhất họ có thể làm; bởi ngay khi họ vượt qua giai đoạn ấy và có thể làm việc cao hơn, thì chắc chắn sẽ giao việc cao hơn cho họ.

People sometimes ask why the Masters so often work through imperfect instruments; the answer is obviously because They have not time to do the work themselves, and They must therefore employ such instruments as They have, or the work will not be done at all. Take for example the writing of books for the helping of humanity. It is obvious that the Masters could do this very far better than any of Their pupils can, and by doing it They could entirely avoid any possibility of erroneous or imperfect statements. But They have absolutely no time to devote to such work, and therefore if it were not done by pupils it would remain undone. Besides, if the Masters did it They would take away the opportunity of making good karma from those who can do it —certainly not as well as They, but yet after all

Người ta đôi khi hỏi vì sao các Chân sư thường làm việc qua những khí cụ bất toàn; câu trả lời hiển nhiên là vì Các Ngài không có thời gian để tự mình làm công việc ấy, nên phải sử dụng những khí cụ đang có, nếu không thì công việc sẽ không được làm chút nào. Hãy lấy thí dụ việc biên soạn sách để trợ giúp nhân loại. Rõ ràng các Chân sư có thể làm điều đó tốt hơn rất xa so với bất kỳ đệ tử nào của Các Ngài, và bằng cách tự làm, Các Ngài có thể hoàn toàn tránh mọi khả năng xảy ra những phát biểu sai lạc hay bất toàn. Nhưng Các Ngài hoàn toàn không có thời gian dành cho công việc như vậy, thế nên nếu không được các đệ tử thực hiện, thì nó sẽ bị bỏ ngỏ. Hơn nữa, nếu các Chân sư tự mình làm, Các Ngài sẽ tước mất cơ hội tạo thiện nghiệp của những ai có thể làm— chắc chắn là không thể sánh bằng Các Ngài,

well enough for the use of those who know so very much less.

We must remember that every Master has at His command only a certain amount of force which, enormous as it seems to us, is still a limited quantity, and it is His duty to employ this force to the best possible advantage for the helping of humanity. Therefore it would, if we may say so without irreverence, be absolutely wrong for Him to waste that force upon anything lower than the very highest that it can reach, or to spend upon individual cases, however deserving, that which can be so much better employed for the welfare of all.

MASTERS AND PUPILS

It has already been said that out of the comparatively small number of adepts who retain Their physical bodies and fill the offices connected with the administration of the world under the Great Hierarchy, there is a still smaller number who accept pupils, and to whom therefore we give the name of Masters. Let us see then what it means to be a pupil of one of these Masters, what is expected of one who aspires to this position and what is the work which he has to do.

First let us have it clearly in our minds that the Masters have absolutely dedicated themselves to the service of humanity, and that They are utterly absorbed in the work to the entire exclusion of every other consideration. In speaking to you on this subject before, I have mentioned that a Master has only a certain definite amount of force to expend, and that though the amount of that force seems to us almost incalculable, He is nevertheless exceedingly careful to use every ounce of it to the best possible advantage. Obviously to take in hand and instruct a pupil will make some demand upon His time and upon this store of

nhưng dẫu sao vẫn đủ tốt cho nhu cầu của những người còn biết ít hơn rất nhiều.

Chúng ta phải nhớ rằng mỗi Chân sư chỉ có trong quyền năng của Ngài một lượng lực nhất định, dù đối với chúng ta tưởng như vô biên, thì vẫn là hữu hạn, và nhiệm vụ của Ngài là sử dụng lượng lực ấy sao cho lợi lạc nhất có thể cho việc trợ giúp nhân loại. Do đó, nếu được phép nói mà không bất kính, thì hoàn toàn sai trái nếu Ngài phung phí lực ấy vào bất cứ điều gì thấp hơn cái rất cao mà nó có thể vươn tới, hoặc tiêu dùng cho các trường hợp cá nhân, dù đáng công đến mấy, cái mà có thể được sử dụng tốt hơn nhiều cho phúc lợi của toàn thể.

MASTERS AND PUPILS

Đã nói rằng trong số tương đối ít ỏi các chân sư giữ xác phàm và đảm đương các chức vụ liên quan đến việc quản trị thế giới dưới quyền Đại Thánh Đoàn, lại có một số còn ít hơn nữa nhận đệ tử, và vì vậy chúng ta gọi Các Ngài là các Chân sư. Vậy hãy xem việc trở thành đệ tử của một trong những Chân sư ấy có nghĩa là gì, người chí nguyện vị trí này được trông đợi điều gì và công việc y phải làm là gì.

Trước hết, chúng ta phải nắm rõ trong tâm trí rằng các Chân sư đã tuyệt đối hiến dâng Chính Mình cho việc phụng sự nhân loại, và Các Ngài hoàn toàn chìm đắm trong công việc đến mức loại trừ trọn vẹn mọi cân nhắc khác. Khi trước tôi có nói về đề tài này, tôi đã đề cập rằng một Chân sư chỉ có một lượng lực nhất định để phân phối, và dẫu lượng lực ấy đối với chúng ta dường như gần như không thể tính đếm, Ngài vẫn hết sức cẩn trọng dùng từng giọt của nó sao cho lợi lạc nhất. Hiển nhiên, nhận và huấn luyện một đệ tử sẽ đòi hỏi một phần thời giờ và dự trữ năng lượng của Ngài, và bởi Ngài nhìn mọi việc từ quan điểm ích dụng đối với

energy, and since He regards everything from the standpoint of its use in regard to the promotion of evolution He will not expend this time and energy upon any man unless He can see that it is a good investment.

sự xúc tiến tiến hóa, Ngài sẽ không tiêu dùng thời giờ và năng lượng đó cho bất kỳ người nào trừ phi Ngài thấy đó là một khoản đầu tư tốt.

He will take a man as a pupil; or perhaps we should rather say as an apprentice, when He sees that the amount of time and strength spent in training him will produce more result eventually than any other way of expending the same amount—but not otherwise For example, a man might have many qualifications which would make him useful as an assistant, but at the same time some one great fault which would be a constant obstacle in his way, which would nullify much of the good that he might otherwise do. No Master would accept such a man as a pupil; but he might say to him: "Go to work and conquer that special fault of yours, and when you have succeeded I will take you as my assistant, and will train you further."

Ngài sẽ nhận một người làm đệ tử; hay có lẽ đúng hơn nên nói là làm một người học việc, khi Ngài thấy rằng lượng thời giờ và sức lực bỏ ra để đào luyện y rốt cuộc sẽ sinh ra nhiều kết quả hơn bất kỳ cách sử dụng nào khác của cùng lượng ấy—nhưng nếu không như thế thì sẽ không. Thí dụ, một người có thể có nhiều tư chất khiến y hữu dụng như phụ tá, nhưng đồng thời lại có một lỗi lớn nào đó sẽ liên tục cản trở đường tiến của y, khiến vô hiệu hóa phần lớn điều lành mà lẽ ra y có thể làm. Không một Chân sư nào nhận một người như thế làm đệ tử; nhưng Ngài có thể nói với y: "Hãy bắt tay vào việc và chinh phục cho được cái lỗi đặc thù của anh, và khi anh thành công, Ta sẽ nhận anh làm phụ tá, và sẽ đào luyện anh thêm nữa."

So many of our earnest students are full of the most benevolent and altruistic feeling, and, knowing themselves to be in this way very different from the majority of mankind, they sometimes say to themselves, "I am so deeply anxious to work for humanity; why will not the Master take me in hand and train me?"

Rất nhiều đạo sinh sốt sắng của chúng ta tràn đầy tình cảm nhân ái và vị tha nhất, tự biết mình theo phương diện này rất khác với đại đa số nhân loại, đôi khi tự nhủ: "Tôi khát khao làm việc cho nhân loại đến thế; vì sao Chân sư không nắm tay tôi và huấn luyện tôi?"

Let us face the facts boldly. The Master will not train you because you are still full of all sorts of minor imperfections. It is quite true, as you no doubt feel within yourselves, that your benevolence, your kindliness, your earnest wish to be helpful, are far greater things on the credit side of the account than are all these small faults on the debit side. But try to realize that there are thousands of people in the world who are benevolent and well-meaning, and that you differ from them only in the fact that you happen to have a little more

Chúng ta hãy can đảm đối diện sự thật. Chân sư sẽ không huấn luyện bạn vì bạn vẫn còn đầy dẫy đủ loại khiếm khuyết nhỏ nhặt. Quả đúng, như bạn chắc chắn cảm thấy trong lòng, rằng lòng nhân ái, sự tử tế, và ý chí nhiệt thành muốn hữu ích của bạn là những điều lớn lao hơn nhiều ở phía có công so với tất cả những lỗi nhỏ ở phía mắc nợ. Nhưng hãy thử hiểu rằng trên thế giới này có hàng ngàn người nhân ái và thiện chí, và bạn khác họ chỉ ở chỗ bạn tình cờ có được chút tri thức nhiều hơn, nên bạn có thể hướng lòng nhân ái của mình

knowledge, and so you are able to direct your benevolence into more definitely useful channels than those others. If these were all the qualifications required for discipleship, each Master might have thousands of pupils, and His whole time would be taken up in endeavouring to bring into shape those few thousands of people, with all their petty little faults on the astral and physical planes, and in the meantime the Master's splendid work with the egos on the higher levels would have to be entirely neglected.

vào những kênh rõ rệt hữu ích hơn so với những người kia. Nếu đó là tất cả những tư cách cần có cho địa vị đệ tử, thì mỗi Chân sư có thể sẽ có hàng ngàn đệ tử, và toàn bộ thời giờ của Ngài sẽ bị cuốn vào nỗ lực uốn nắn những vài ngàn người ấy, cùng với hết thảy những lỗi vặt vãnh của họ trên hai cõi cảm dục và hồng trần, trong khi đó công trình huy hoàng của Chân sư với các chân ngã ở những trình độ cao hơn sẽ phải bị xao lãng hoàn toàn.

First of all then, to be a pupil of a Master means that one must look upon life as the Master looks upon it, solely from the point of view of what is best for the progress of the world. The pupil must be prepared *absolutely* to forget himself, to sink his personality *entirely,* and he must understand that this is *not a* mere poetical figure or a fashion of speech, but that it means just exactly what it says—that he must have no personal desires whatsoever, and must be willing to order the whole of his life according to the work that he has to do. How many of us are there who are wholeheartedly willing to take even this first step towards accepted discipleship?

Trước hết, trở thành đệ tử của một Chân sư có nghĩa là phải nhìn đời như Chân sư nhìn, chỉ và chỉ từ quan điểm điều gì là tốt nhất cho sự tiến triển của thế giới. Người đệ tử phải sẵn sàng *tuyệt đối* quên mình, nhận chìm phàm ngã của mình *hoàn toàn,* và y phải hiểu rằng đây *không phải là* một ẩn dụ thi vị hay một lối nói, mà là có nghĩa đúng như lời ấy — rằng y không được có bất cứ dục vọng cá nhân nào, và phải sẵn lòng sắp đặt cả đời mình theo công việc mà y phải làm. Có bao nhiêu người trong chúng ta thực tâm sẵn sàng bước ngay cả bước đầu tiên này hướng đến địa vị đệ tử được chấp nhận?

Think what it means to become a disciple. When any man offers himself for such a position the Master will at once say whether or not He considers him fit to enter upon the stage of the probationary pupil. If the candidate appears to be reasonably near the possession of the necessary qualifications the Master may take him upon probation, which means that he will remain for a period of some years under very close observation. Seven years is the average time of this probation, but it may be indefinitely lengthened if the candidate should prove unsatisfactory, or on the other hand it may be much shortened if it is seen that he has really taken himself in

Hãy nghĩ xem trở thành một đệ tử có nghĩa gì. Khi một người tự nguyện dâng mình cho vị trí như thế, Chân sư sẽ lập tức nói liệu Ngài có xem y xứng đáng để bước vào giai đoạn đệ tử dự bị hay không. Nếu ứng viên có vẻ đã khá gần với việc sở hữu những tư cách cần thiết, Chân sư có thể nhận y vào hàng dự bị, nghĩa là y sẽ trong một thời kỳ vài năm chịu sự quan sát rất sát sao. Bảy năm là thời gian trung bình của kỳ dự bị này, nhưng nó có thể kéo dài vô hạn nếu ứng viên tỏ ra không đạt yêu cầu, hoặc ngược lại có thể rút ngắn rất nhiều nếu thấy y thực sự tự chấn chỉnh. Tôi từng biết có trường hợp kéo dài đến ba mươi năm; có trường hợp rút còn năm năm, thậm chí ba, và trong một

hand. I have known it to be extended to thirty years; I have known it to be reduced to five years, and even to three, and in one quite exceptional case it was only five months. During this period of probation the pupil is not in any sense in any kind of direct communication with the Master; he is little likely to hear or to see anything of Him. Nor as a general rule are any special trials or difficulties put in his way; he is simply carefully watched in his attitude towards all the little daily troubles of life. For convenience of observation the Master makes what is called a "living image" of each such probationary pupil—that is to say, an exact duplicate of the man's astral and mental bodies. This image He keeps in a place where He can easily reach it, and He places it in magnetic rapport with the man himself, so that every modification of thought or of feeling in the man's own vehicles is faithfully reproduced in the image. These images are examined daily by the Master, who in this way obtains with the least possible trouble a perfectly accurate record of his prospective pupil's thoughts and feelings, and from this He is able to decide when He can take him into the far closer relationship of the second stage —that of the accepted pupil.

trường hợp thật đặc biệt thì chỉ có năm tháng. Trong thời kỳ dự bị này, người đệ tử không hề, theo bất cứ nghĩa nào, ở trong một loại liên lạc trực tiếp nào với Chân sư; y khó lòng nghe hay thấy gì về Ngài. Và theo lệ thường cũng không đặt để những thử thách đặc thù hay khó khăn nào trên đường y; y chỉ đơn giản bị theo dõi kỹ lưỡng trong thái độ đối với mọi phiền toái nhỏ nhặt thường nhật của đời sống. Để tiện cho việc quan sát, Chân sư làm cái gọi là một "hình ảnh sống" của mỗi đệ tử dự bị như thế—nghĩa là một bản sao y hệt các thể cảm dục và thể trí của người ấy. Ngài giữ "hình ảnh" này ở một nơi Ngài có thể thuận tiện tiếp cận, và Ngài đặt nó vào sự tương thông từ lực với chính người ấy, đến mức mọi biến đổi của tư tưởng hay cảm xúc trong các thể của người ấy đều được phản ảnh trung thực trong hình ảnh. Những hình ảnh này được Chân sư xem xét hằng ngày, nhờ đó Ngài thu được một cách với ít công sức nhất một nội bạ chính xác tuyệt đối về tư tưởng và cảm xúc của người đệ tử tiềm năng, và từ đó Ngài có thể quyết định khi nào Ngài có thể đưa y vào mối liên hệ gần gũi hơn rất nhiều của giai đoạn thứ hai—tức là đệ tử được chấp nhận.

Remember that the Master is a channel for the distribution of the forces of the LOGOS, and not indeed a mere unconscious channel but a keenly intelligent co-operator; and He is this because He is himself consciously a part of the Logos. Just in the same way at a lower level the accepted pupil is a channel of the forces of the Master, but he, too, must be not an unconscious channel but an intelligent co-operator, and in order to be this he must also become virtually part of the consciousness of the Master.

Hãy nhớ rằng Chân sư là một kênh để phân phối các lực của Thượng đế, mà không phải là một kênh vô thức, mà là một cộng tác viên sáng suốt; và Ngài có thể như vậy là vì chính Ngài tự ý thức là một phần của Thượng đế. Tương tự như thế ở cấp thấp hơn, đệ tử được chấp nhận là một kênh của các lực của Chân sư, nhưng y cũng không phải là một kênh vô thức mà là một cộng tác viên thông tuệ, và để được như vậy y cũng phải hầu như trở thành một phần của tâm thức của Chân sư.

An accepted pupil is taken into his Master's

Một đệ tử được chấp nhận được thu nạp vào

consciousness to so great an extent that whatever he sees or hears is within the knowledge of his Master—not that the Master necessarily sees or hears it at the same moment (though that often happens) but that it lies within the Master's memory exactly as it does within the memory of the pupil. Whatever the pupil feels or thinks is within the astral and mental bodies of his Master. When we realize all that this means, we see very clearly why it would be utterly impossible for the Master to accept any pupil until the pupil's thoughts and feelings were such as the Master would wish to harbour within himself.

trong tâm thức của Chân sư đến mức những gì y thấy hoặc nghe đều nằm trong tri thức của Chân sư—không hẳn là Chân sư đồng thời thấy hay nghe điều ấy (dù điều đó thường xảy ra) mà là điều ấy nằm trong ký ức của Chân sư đúng y như nó nằm trong ký ức của đệ tử. Bất cứ điều gì đệ tử cảm hay nghĩ đều nằm trong các thể cảm dục và trí tuệ của Chân sư. Khi chúng ta hiểu hết ý nghĩa của điều này, chúng ta thấy rất rõ vì sao hoàn toàn không thể để một Chân sư chấp nhận bất kỳ đệ tử nào cho đến khi tư tưởng và cảm xúc của đệ tử là những điều mà Chân sư sẵn lòng dung chứa trong chính Ngài.

It unfortunately sometimes happens that there comes into the mind of the pupil some thought which is not fit to be harboured by the Master, and as soon as the Master feels that, He at once erects a barrier and shuts off from himself that vibration, but to do this diverts His attention for a moment from His other work, and takes a certain amount of energy. Once more we see clearly that it would be impossible for a Master to take into such a relation with himself one who often indulged in thoughts unfit for the Master's mind; to have to be continually or even frequently turned aside from His work in order to shut off undesirable thoughts or feelings would clearly be a quite intolerable tax upon the Master's time and strength.

Đáng tiếc là đôi khi có nảy sinh trong tâm trí đệ tử một tư tưởng nào đó không xứng để Chân sư dung chứa, và ngay khi Chân sư cảm thấy điều ấy, Ngài lập tức dựng lên một hàng rào và tự mình loại bỏ rung động ấy, nhưng để làm vậy, Ngài phải tạm thời rời sự chú ý khỏi các công việc khác của Ngài, và tiêu phí một phần năng lượng. Một lần nữa chúng ta thấy rõ ràng rằng hoàn toàn bất khả để một Chân sư đưa vào một liên hệ như vậy với chính Ngài một người hay buông thả trong những tư tưởng bất xứng với Tâm trí của Ngài; việc phải thường xuyên, hay thậm chí thường thường, bị buộc rời công việc của Ngài để loại bỏ những tư tưởng hay cảm xúc không mong muốn rõ ràng sẽ là một gánh nặng không thể chịu nổi lên thời giờ và sức lực của Chân sư.

It is not because of any lack of compassion or patience that a Master could not take such a man; it is simply that it would not be a good use either of His time or His energy, and to make the best possible use of both of them is His simple duty. If a man feels himself worthy to be accepted as a pupil, and wonders why this privilege has not already been extended to him, let him watch himself closely for even a single day, and ask himself whether during

Không phải vì thiếu lòng từ bi hay nhẫn nại mà Chân sư không thể nhận một người như vậy; chỉ là vì đó sẽ không phải là sử dụng tốt thời giờ hay năng lượng của Ngài, và sử dụng cả hai một cách tốt nhất là nhiệm vụ đơn sơ của Ngài. Nếu một người tự thấy mình xứng đáng được chấp nhận làm đệ tử, và thắc mắc vì sao đặc ân này chưa được ban cho mình, thì hãy tự quan sát thật sát trong chỉ một ngày thôi, và tự hỏi trong ngày ấy có bất cứ một tư

that day there has been in him any single thought or feeling which would have been unworthy of the Master. Remember that not only definitely evil or unkind thoughts are unworthy of Him, but also trifling thoughts, critical thoughts, irritated thoughts—above all, thoughts of self. Who of us is sufficient for these things?

tưởng hay cảm xúc nào nơi mình là điều sẽ không xứng đáng với Chân sư hay không. Hãy nhớ rằng không chỉ những tư tưởng chắc chắn ác ý hay bất nhân là bất xứng với Ngài, mà cả những ý nghĩ vụn vặt, những ý nghĩ chỉ trích, những ý nghĩ bực bội—nhất là những ý nghĩ tự ngã. Ai trong chúng ta đủ sức cho những điều này?

The effect which the Master seeks to produce by this wonderfully close association is the harmonizing and attuning of the pupil's vehicles—the same result which an Indian teacher tries to gain by keeping his disciples always in the neighborhood physically. Whatever may be the special kind of exercises of the special course of study prescribed, in all cases the principal effect upon the pupil is that produced not by either exercises or study, but by being constantly in the presence of the teacher. The various vehicles of the pupil are vibrating at their accustomed rates—probably each of them at various rates, due to the constant presence of passing emotions and wandering thoughts of all kinds. The first and most difficult task of the pupil is to reduce all this chaos to order—to eliminate the host of minor interests, and control the wandering thoughts, and this must be achieved by a steady pressure of the will exercised upon all his vehicles through a long period of years.

Hiệu quả mà Chân sư tìm cách tạo ra bằng mối liên hệ mật thiết kỳ diệu này là sự điều hoà và chỉnh âm các hiện thể của đệ tử—kết quả tương tự như điều mà một đạo sư Ấn Độ tìm cách đạt tới bằng việc giữ các môn đồ luôn ở cận kề về thể xác. Dù có thể có những loại bài tập đặc thù hay khóa học đặc thù nào được quy định, thì trong mọi trường hợp, ảnh hưởng chủ yếu đổ lên đệ tử không phải do bài tập hay học tập, mà là nhờ thường xuyên ở trong sự hiện diện của vị thầy. Các hiện thể khác nhau của đệ tử rung động theo các nhịp quen thuộc—có lẽ là mỗi thể rung theo nhiều nhịp điệu khác nhau, do sự hiện diện không ngừng của các xúc cảm thoáng qua và các tư tưởng lang thang đủ loại. Nhiệm vụ đầu tiên và khó khăn nhất của đệ tử là đưa tất cả tình trạng hỗn độn này vào trật tự—loại bỏ vô số mối quan tâm nhỏ nhặt, kiểm soát các tư tưởng lang thang, và điều này phải đạt được bằng một áp lực vững chắc của ý chí tác động lên tất cả các hiện thể của y trong một thời kỳ dài nhiều năm.

While he still lives in the world the difficulty of this undertaking is multiplied a hundredfold by the ceaseless pressure of disturbing waves of thought and emotion, which give him no moment of rest, no opportunity to collect his forces in order to make a real effort. This is why in India the man who wishes to live the higher life retires to the jungle—why, in all countries and in all ages, there have been men willing to adopt the contemplative life of the hermit. The hermit at least has breathing-space, has rest from the

Khi còn sống giữa đời, khó khăn của công việc này tăng lên gấp trăm lần vì áp lực không ngừng của những làn sóng tư tưởng và cảm xúc quấy nhiễu, không cho y một khoảnh khắc nghỉ, không cho y cơ hội gom tụ lực để thực hiện một nỗ lực thật sự. Bởi vậy ở Ấn Độ, người muốn sống đời cao thượng sẽ lui vào rừng—và vì thế, ở mọi quốc gia và mọi thời đại, đã có những người sẵn lòng chọn đời chiêm ngưỡng của ẩn sĩ. Ít ra thì ẩn sĩ có khoảng thở, có sự nghỉ ngơi khỏi cuộc xung đột bất tận, để y có thể có thời gian mà tư duy mạch lạc. Y ít gặp

endless conflict, so that he can find time to think coherently. He has little to hinder him in his struggle, and the calm influences of nature are even to a certain extent helpful.

vật cản trong cuộc đấu tranh của mình, và những ảnh hưởng tĩnh tại của thiên nhiên thậm chí ở một mức độ nào đó còn trợ duyên.

But the man who lives perpetually in the presence of one already upon the Path has a still greater advantage. Such a teacher has by the hypothesis already calmed his vehicles and accustomed them to vibrate at a few carefully selected rates instead of in a hundred promiscuous frenzies. These few rates of vibration are very strong and steady, and day and night, whether he is sleeping or waking, they are playing unceasingly upon the vehicles of the pupil, and gradually raising him to his teacher's key. Nothing but time and close association will produce this effect; and even then not with every one, but only with those capable of being attuned. Many teachers require to see a reasonable proportion of this result before they will impart their special methods of occult development; in other words, before teaching a pupil something which may easily do him much harm if wrongfully used, they wish to be certain by ocular demonstration that he is a man of the type to which this instruction is appropriate, and is sufficiently amenable to their influence to be held in the right way by it when the strain comes. A thousand times greater are the advantages gained by those whom the Master selects—who thus have the opportunity of such close and intimate contact with Him.

Nhưng người sống liên tục trong sự hiện diện của một vị đã ở trên Thánh Đạo lại có ưu thế còn lớn hơn. Một vị thầy như vậy, theo giả định, đã làm lắng các hiện thể của mình và tập cho chúng rung theo một vài tần số được chọn kỹ thay vì hàng trăm cơn loạn động bừa bãi. Vài tần số rung động này rất mạnh và ổn định, và ngày cũng như đêm, dù ngủ hay thức, chúng không ngừng chơi trên các hiện thể của đệ tử, và dần dần nâng y lên cung âm của vị thầy. Không gì ngoài thời gian và sự cận kề mật thiết mới sản sinh ra hiệu quả này; và ngay cả khi đó cũng không phải với mọi người, mà chỉ với những ai có khả năng được hoà điệu. Nhiều vị thầy đòi hỏi phải thấy một tỷ lệ hợp lý của kết quả này trước khi truyền dạy các phương pháp phát triển huyền môn đặc biệt của mình; nói cách khác, trước khi dạy cho một đệ tử điều gì đó có thể dễ dàng gây hại lớn nếu dùng sai, họ muốn chắc chắn bằng chứng nghiệm bằng mắt thấy rằng y thuộc loại người thích hợp để tiếp thụ chỉ giáo ấy, và đủ dễ cảm hoá bởi ảnh hưởng của họ để được giữ đúng hướng khi cơn căng thẳng kéo đến. Lợi lạc thu hoạch được cho những ai được Chân sư chọn—những người có cơ hội tiếp xúc gần gũi và thân mật như thế với Ngài—thì lợi lạc ấy lớn hơn gấp nghìn lần.

This then is what is meant by being an accepted pupil of the Master—that the man becomes a kind of outpost of that Master's consciousness, so that the strength of the Great Ones may be poured out through him, and the world may be definitely the better for his presence in it. The pupil is so closely in touch with the Master's thought that he can at any time see what that thought is upon any

Đây chính là ý nghĩa của việc trở thành đệ tử được chấp nhận của Chân sư—rằng người ấy trở thành một kiểu tiền đồn của tâm thức vị Chân sư ấy, để sức mạnh của các Đấng Cao Cả có thể được tuôn đổ qua y, và thế giới thực sự được tốt hơn nhờ sự hiện diện của y trong đó. Đệ tử nối kết mật thiết đến mức y có thể bất cứ lúc nào thấy được tư tưởng của Chân sư về bất kỳ đề tài nào, và theo cách đó, y thường được

given subject, and in that way he is often saved from error. The Master can at any moment send a thought through that pupil either in the form of a suggestion or a message. If, for example, the pupil is writing a letter or giving a lecture, the Master is subconsciously aware of that fact, and may at any moment throw into the mind of the pupil a sentence to be included in that letter or a useful illustration for that lecture. In earlier stages the pupil is often unconscious of this, and supposes these ideas to have arisen spontaneously in his own mind, but he very soon learns to recognize the thought of the Master. Indeed, it is eminently necessary that he should learn to recognize it, because there are many other entities on the astral and mental planes who are very ready in the most friendly way and with the best intentions to make similar suggestions, and it is assuredly well that the pupil should learn to distinguish from whom they come.

cứu khỏi sai lầm. Chân sư có thể vào bất cứ lúc nào gửi một tư tưởng xuyên qua đệ tử ấy, hoặc dưới hình thức một gợi ý, hoặc một thông điệp. Thí dụ, nếu đệ tử đang viết thư hay đang thuyết giảng, Chân sư sẽ ở tầng tiềm thức nhận biết điều ấy, và có thể bất cứ lúc nào đưa vào thể trí của đệ tử một câu để đưa vào bức thư ấy hay một minh họa hữu ích cho bài giảng ấy. Ở giai đoạn sớm hơn, đệ tử thường không ý thức điều này, và ngỡ rằng những ý tưởng ấy khởi sinh tự phát trong tâm trí của chính mình, nhưng y rất sớm học được cách nhận ra tư tưởng của Chân sư. Quả thật, y rất cần phải học cách nhận ra nó, bởi có nhiều thực thể khác trên cõi cảm dục và cõi trí rất sẵn lòng, bằng một cung cách hữu hảo và với thiện chí tốt đẹp nhất, đưa ra những gợi ý tương tự, và dĩ nhiên là đáng để người đệ tử học cách phân biệt chúng đến từ ai.

We must not, however, confuse such use by a Master of his pupil's body with the mediumship which we have so often characterized as objectionable. For example, there have been some occasions on which one or other of our Masters has spoken through our President, and it has been stated that on such occasions sometimes her very voice and manner and even her features have been changed. But it must be remembered that in all such cases she has retained the fullest consciousness and has known exactly who was speaking and why. That is a condition so different from what is ordinarily understood by mediumship that it would be quite unfair to call it by the same name. There can be no objection to such use of a pupil's body, but it is only in the case of a very few pupils that the Masters have ever done this.

Tuy nhiên, chúng ta không nên lẫn lộn việc một Chân sư sử dụng thân thể của đệ tử với lối đồng cốt mà chúng ta đã nhiều lần đánh giá là bất cập. Thí dụ, đã có những dịp một trong hai vị Chân sư của chúng ta nói qua trung gian Nữ Hội Trưởng của chúng ta, và người ta nói rằng đôi khi trong những dịp như vậy, ngay cả giọng nói, phong thái và thậm chí cả diện mạo của Bà dường như đã thay đổi. Nhưng cần nhớ rằng trong tất cả những trường hợp đó Bà vẫn giữ trọn vẹn tâm thức và biết rõ ai đang nói và vì sao. Đó là một điều kiện khác hẳn với những gì thường được hiểu bởi đồng cốt, đến mức hoàn toàn không công bằng nếu gọi nó bằng cùng một tên. Không có gì đáng phản đối việc sử dụng thân thể của đệ tử như vậy, nhưng chỉ trong trường hợp rất ít đệ tử mà các Chân sư từng làm điều này.

When it happens, the President's

Khi điều ấy xảy ra, tâm thức của Nữ Hội

consciousness is just as fully active in her physical brain as ever, but instead of directing her organs of speech herself she listens while the Master makes use of them. He formulates the sentences in His own brain and then transfers them to hers. While this is being done she can use her own brain-power, as it were passively, to listen, to understand, and to admire; but I conceive that it would hardly be possible for her at absolutely the same moment to compose a sentence upon some quite different subject. I suppose that the highest form of spiritualistic control may more or less approximate to this, but probably very rarely, and hardly ever completely.

Trưởng vẫn hoạt động đầy đủ trong bộ não xác phàm của Bà như thường, nhưng thay vì tự mình điều khiển cơ quan phát âm, Bà lắng nghe trong khi Chân sư sử dụng chúng. Ngài cấu trúc câu văn trong não của Ngài rồi chuyển nó sang não của Bà. Trong khi điều này đang diễn ra, Bà có thể dùng năng lực não bộ của chính mình, như ở thế thụ động, để lắng nghe, để hiểu và để chiêm ngưỡng; nhưng tôi cho rằng gần như không thể, ở chính khoảnh khắc ấy, Bà lại có thể soạn một câu văn về một đề tài hoàn toàn khác. Tôi cho rằng hình thức cao nhất của sự nhập xác trong Thần linh học có thể ít nhiều tiệm cận điều này, nhưng có lẽ rất hiếm, và hầu như không bao giờ trọn vẹn.

The influence of a Master is so powerful that it may well shine through to almost any extent, and any one of the audience who is really impressible might be conscious of His presence even to the extent of seeing His features or hearing His voice, instead of those of His pupil. It is not very probable that any actual physical change takes place, such as would be visible to non-sensitive spectators. In spiritualism I have indeed seen cases in which the medium's voice and manner, and even his very features, were actually physically entirely changed, but that always means a complete suppression of his ego by the entity speaking through him, and this would be quite foreign to the system of training adopted by our Masters.

Ảnh hưởng của một Chân sư mạnh mẽ đến nỗi nó có thể chiếu sáng xuyên qua gần như đến bất kỳ mức độ nào, và bất cứ ai trong thính chúng thật sự dễ cảm ứng cũng có thể ý thức sự hiện diện của Ngài, thậm chí đến mức thấy dung nhan của Ngài hoặc nghe tiếng của Ngài thay vì của đệ tử Ngài. Khả năng cao là không có bất cứ thay đổi xác phàm thực sự nào diễn ra, như thể có thể thấy bằng mắt thường đối với những người không nhạy cảm. Trong Thần linh học, tôi quả thật đã thấy những trường hợp giọng nói và phong thái của đồng tử, thậm chí ngay cả diện mạo của y, thực tế đã bị thay đổi hoàn toàn về mặt thể chất, nhưng điều đó luôn có nghĩa là sự áp chế hoàn toàn chân ngã của đồng tử bởi thực thể đang nói qua y, và điều này hoàn toàn xa lạ với hệ thống huấn luyện mà các Chân sư của chúng ta áp dụng.

There is yet a third stage of even more intimate union, when the pupil becomes what is called the "son" of the Master. This is accorded only after the Master has had considerable experience of the man as an accepted pupil, when He is quite certain that nothing can arise in the mind or astral body of the pupil which will ever need to be shut off.

Còn có một giai đoạn thứ ba của mối hiệp thông còn mật thiết hơn nữa, khi đệ tử trở thành cái gọi là "con" của Chân sư. Điều này chỉ được ban cho sau khi Chân sư đã có đủ kinh nghiệm về người ấy như một đệ tử được chấp nhận, khi Ngài hoàn toàn chắc chắn rằng sẽ không bao giờ có gì nảy sinh trong tâm trí hay thể cảm dục của đệ tử mà cần bị loại bỏ. Bởi đó

For that is perhaps the principal difference which can be readily explained on the physical plane between the position of the accepted disciple and of the "son"—that the accepted disciple, though truly a part of the Master's consciousness, can still be shut off when it seems desirable, whereas the "son" is drawn into a union so close and so sacred that even the power of the Master cannot undo what has been done to the extent of separating these consciousnesses even for a moment.

có lẽ là sự khác biệt chủ yếu có thể giải thích một cách dễ hiểu trên cõi hồng trần giữa vị trí của một đệ tử được chấp nhận và của một "người con"—rằng đệ tử được chấp nhận, dù thật sự là một phần của tâm thức Chân sư, vẫn có thể bị cách ly khi xét thấy thích đáng, trong khi "người con" được thu nạp vào một mối liên hợp khắng khít và thiêng liêng đến mức ngay cả quyền năng của Chân sư cũng không thể hoàn nguyên điều đã thực hiện theo kiểu tách biệt hai tâm thức ấy dù chỉ trong một khoảnh khắc.

These then are the three stages of the relation of a pupil to his Master; first, the probationary period, during which he is not in any real sense a pupil at all; second, the period of accepted discipleship; third, the period of "sonship". It must be clearly understood that these relations have nothing whatever to do with initiations or steps on the Path, which belong to an entirely different category, and are tokens of the man's relation not to his Master but to the Great White Brotherhood and to its august Head. One may find a not inapt symbol of these respective relationships in the position in which an undergraduate stands with regard to the head of his college and to the university as a whole. The university as such requires the man to pass certain examinations, and the precise methods in which he prepares himself for this, are, comparatively speaking, matters of indifference to it. It is the university, and not the head of the college, that arranges the examination and confers the various degrees; the work of the head of the college is simply to see that the candidate is duly prepared. In the process of such preparation he may, as a private gentleman, enter into whatever social or other relations he may think proper with his pupil; but all that is not the business of the university.

Như vậy, có ba giai đoạn trong mối quan hệ của một đệ tử với Chân sư của y; thứ nhất, thời kỳ dự bị, trong đó y, theo bất kỳ nghĩa thực sự nào, vẫn chưa là đệ tử; thứ hai, thời kỳ đệ tử được chấp nhận; thứ ba, thời kỳ "làm con". Cần hiểu rõ rằng những mối liên hệ này hoàn toàn không liên quan gì đến các lần điểm đạo hay các bước trên Thánh Đạo, vốn thuộc một phạm trù hoàn toàn khác, và là dấu hiệu về mối liên hệ của người ấy không phải với Chân sư của mình mà là với Huynh đệ Đoàn Chánh đạo và với Đấng Chủ Tể tôn nghiêm của Huynh đệ Đoàn. Ta có thể tìm thấy một biểu tượng khá thích hợp cho những mối liên hệ tương ứng này trong vị trí của một sinh viên đại học đối với viện trưởng của trường và đối với đại học như một tổng thể. Đại học, như một cơ chế, đòi hỏi người ấy vượt qua những kỳ khảo thí nhất định, và các phương pháp chính xác mà y tự chuẩn bị cho việc này thì, so sánh mà nói, là những điều không mấy quan trọng đối với nó. Chính đại học, chứ không phải viện trưởng, sắp đặt kỳ thi và ban các học vị; công việc của viện trưởng chỉ đơn giản là bảo đảm ứng viên được chuẩn bị chỉnh tề. Trong tiến trình chuẩn bị như vậy, với tư cách một người tư, ông có thể thiết lập những mối quan hệ xã hội hay khác nữa mà ông thấy thích hợp với đệ tử của mình; nhưng tất cả những điều đó không thuộc phạm vi của đại học.

Just in the same way the Great White Brotherhood has nothing to do with the relations between the Master and His pupil; that is a matter solely for the private consideration of the Master himself. Whenever the Master considers that the pupil is fit for the first initiation, He gives notice of that fact and presents him for it, and the Brotherhood asks only whether he is ready for the initiation, and not what is the relationship between him and any Master. At the same time it is true that a candidate for initiation must be proposed and seconded by two of the higher members of the Brotherhood—that is to say, by two who have reached the level of adeptship; and it is certain that the Master would not propose a man for the tests of initiation unless He had with regard to him the certainty of his fitness, which could only come from such close identification with his consciousness as that of which I have already spoken.

Tương tự như thế, Huynh đệ Đoàn Chánh đạo không can dự gì đến mối quan hệ giữa Chân sư và đệ tử của Ngài; đó là điều chỉ thuộc sự cân nhắc riêng của chính Chân sư. Mỗi khi Chân sư xét thấy đệ tử đã thích đáng cho lần điểm đạo thứ nhất, Ngài thông báo sự kiện ấy và giới thiệu y dự điểm đạo, và Huynh đệ Đoàn chỉ hỏi rằng liệu y đã sẵn sàng cho lần điểm đạo hay chưa, chứ không phải mối liên hệ giữa y với bất kỳ Chân sư nào là gì. Cùng lúc đó, đúng là một ứng viên điểm đạo phải được đề cử và bảo trợ bởi hai vị thượng huynh của Huynh đệ Đoàn—nghĩa là hai vị đã đạt trình độ chân sư; và chắc chắn Chân sư sẽ không đề cử một người cho các thử thách điểm đạo trừ phi Ngài có sự chắc chắn về tư cách của y, điều chỉ có thể có được từ sự đồng nhất mật thiết với tâm thức y như điều mà tôi đã nói.

When a student hears all this there naturally arises in his mind the question, “How can I become the pupil of a Master? What can I do that will attract His attention?” As a matter of fact it is quite unnecessary that we should try to attract His attention, for the Masters are ever watching for those whom They can help to be of use to Them in the great work which They have to do, and we need not have the slightest fear that we shall be overlooked.

Khi một môn sinh nghe tất cả điều này, tự nhiên trong tâm y sẽ dấy lên câu hỏi: “Làm sao tôi có thể trở thành đệ tử của một Chân sư? Tôi có thể làm gì để thu hút sự chú ý của Ngài?” Thực ra hoàn toàn không cần chúng ta cố gắng thu hút sự chú ý của Ngài, vì các Chân sư luôn theo dõi để tìm những người mà Các Ngài có thể giúp để hữu ích cho Các Ngài trong đại công tác mà Các Ngài phải làm, và chúng ta không cần chút e ngại rằng mình sẽ bị bỏ sót.

I remember very well an incident of the early days of my own connection with the Great Ones a quarter of a century ago. I met on the physical plane a man of great enthusiasm and of the most saintly character, one who believed thoroughly in the existence of the Masters, and devoted his life to the one object of qualifying himself for Their service. He seemed to me a man in every way so entirely suitable for discipleship, so obviously better

Tôi còn nhớ rất rõ một biến cố trong những ngày đầu của mối liên hệ riêng tôi với Các Đấng Cao Cả cách đây một phần tư thế kỷ. Tôi đã gặp trên cõi trần một người đầy nhiệt huyết và có phẩm hạnh thánh thiện nhất, một người tin tưởng hoàn toàn vào sự hiện hữu của các Chân sư, và hiến dâng đời mình cho một mục tiêu duy nhất là tự rèn luyện để xứng đáng phụng sự dưới chân Các Ngài. Ông có vẻ là một người trên mọi phương diện thích hợp hoàn

than myself in many ways, that I could not understand how it was that he was not already accepted; and so, being young in the work and ignorant, one day when a good opportunity offered itself I very humbly and as it were apologetically mentioned his name to the Master with the suggestion that he might perhaps prove a good instrument. A smile of kindly amusement broke out upon the Master's face, as He said:

toàn với địa vị đệ tử, hiển nhiên ở nhiều phương diện còn tốt hơn chính tôi, đến mức tôi không thể hiểu vì sao ông chưa được chấp nhận; vậy nên, vì còn non trẻ trong công tác và thiếu hiểu biết, một ngày kia khi có dịp tốt, tôi đã rất khiêm nhường và như thể mang chút áy náy, nêu tên ông với Chân sư cùng gợi ý rằng có lẽ ông sẽ là một khí cụ tốt. Một nụ cười hoan hỉ nhân ái nở trên gương mặt Chân sư, khi Ngài nói:

"Ah, you need not fear that your friend is being overlooked; no one can ever be overlooked; but in this case there still remains a certain karma to be worked out, which makes it impossible at the moment to accept your suggestion. Soon your friend will pass away from the physical plane, and soon he will return to it again, and then the expiation will be complete and what you desire for him will have become possible."

"À, anh khỏi phải e rằng bạn anh bị bỏ sót; không ai bao giờ có thể bị bỏ sót; nhưng trong trường hợp này vẫn còn một nghiệp phải được xúc tiến, điều ấy khiến không thể, vào lúc này, chấp thuận đề nghị của anh. Chẳng bao lâu nữa bạn anh sẽ rời cõi trần, và chẳng bao lâu nữa ông sẽ trở lại đó, rồi thì sự chuộc trả sẽ trọn vẹn và điều anh mong mỏi cho ông sẽ trở thành khả hữu."

And then, with the gentle kindness which is always so prominent a characteristic in Him, He blended my consciousness with His in an even more intimate manner, and raised it to a plane far higher than I could then reach, and from that elevation He showed me how the Masters look out upon the world. The whole earth lay before us with all its millions of souls, undeveloped most of them, and therefore inconspicuous; but wherever amidst all that mighty multitude there was one who was approaching even at a great distance the point at which definite use could be made of him, he stood out among the rest just as the flame of a light-house stands out in the darkness of the night.

Rồi, với lòng nhân ái hiền hoà vốn luôn là đặc sắc nổi bật nơi Ngài, Ngài kết hợp tâm thức của tôi với Tâm thức của Ngài còn mật thiết hơn nữa, và nâng nó lên một cõi cao xa hơn nhiều so với nơi tôi bấy giờ có thể với tới, và từ đỉnh cao ấy Ngài cho tôi thấy cách các Chân sư nhìn ra thế giới. Toàn cõi đất nằm trước chúng tôi với tất cả hàng triệu triệu linh hồn, đa phần còn bất phát triển, cho nên mờ nhạt; nhưng bất cứ nơi đâu giữa quần chúng hùng hậu ấy có một người đang tiến gần, dù còn rất xa, đến điểm mà có thể dụng được y một cách dứt khoát, thì y nổi bật giữa phần còn lại y như ngọn hải đăng nổi bật trong đêm tối.

"Now you see," said the Master, "how utterly impossible it would be that any one should be overlooked who is even within measurable distance of the possibility of acceptance as a probationer."

"Giờ anh đã thấy," Chân sư nói, "rằng tuyệt đối bất khả có chuyện bất kỳ ai bị bỏ sót nếu người ấy dù chỉ ở trong khoảng cách có thể đo đếm được của khả tính được chấp nhận làm dự bị."

We can do nothing on our side but steadily work at the improvement of our own character and endeavour in every possible way, by the study of Theosophical works, by self-development, and by the unselfishness of our devotion to the interests of others, to fit ourselves for the honour which we desire, having within our minds the utter certainty that as soon as we are ready the acceptance will assuredly come. We can do nothing but fit ourselves, and we have the certainty that as soon as we are ready we shall be accepted, because we know how great is the need of helpers. But until we can be utilized economically—until, that is to say, the force spent upon us will bring forth, through our action, more result than it would if spent in any other way, it would be a violation of duty on the part of the Master to draw us into close relations with Him.

Về phần mình, chúng ta chỉ có thể kiên trì làm việc cải thiện Tính cách của chính mình và nỗ lực bằng mọi cách có thể, qua việc học hỏi các tác phẩm Thông Thiên Học, qua tự phát triển, và qua lòng vị tha trong sự tận hiến cho lợi ích của người khác, để tự chuẩn bị cho vinh dự mà chúng ta mong cầu, giữ trong tâm một sự xác quyết tuyệt đối rằng ngay khi chúng ta sẵn sàng thì sự tiếp nhận ắt hẳn sẽ đến. Chúng ta chỉ có thể tự trang bị, và chúng ta có sự xác quyết rằng ngay khi chúng ta sẵn sàng chúng ta sẽ được chấp nhận, bởi chúng ta biết nhu cầu về những người trợ giúp là lớn lao đến nhường nào. Nhưng cho đến khi chúng ta có thể được sử dụng một cách hiệu quả—nghĩa là, cho đến khi lực bỏ vào chúng ta sẽ, qua hành động của chúng ta, mang lại kết quả nhiều hơn so với việc lực ấy được dùng theo bất kỳ cách nào khác, thì sẽ là vi phạm bổn phận đối với Chân sư nếu Ngài kéo chúng ta vào mối liên hệ mật thiết với Ngài.

We may be quite sure that there are in reality no exceptions to this rule, even though we may sometimes think that we have seen some. A man may become a probationary pupil of the Master while he has still some obvious faults, but we may be very sure that in such a case there are good qualities under the surface which far more than counterbalance the superficial evils. Another thing that must be remembered is that, like the rest of us, the Great Masters of Wisdom have a long line of lives behind Them, and in those lives, like others, They have made certain karmic ties, and so sometimes it happens that a particular individual has a claim on Them for some service rendered long ago in the remote past. In the lines of past lives which we have examined we sometimes come across instances of such a karmic link.

Chúng ta có thể hoàn toàn chắc chắn rằng thực tế không có ngoại lệ nào đối với quy luật này, dù đôi khi chúng ta có nghĩ rằng mình đã thấy một vài ngoại lệ. Một người có thể trở thành đệ tử dự bị của Chân sư khi y vẫn còn vài lỗi lầm hiển nhiên, nhưng chúng ta có thể tuyệt đối chắc rằng trong những trường hợp như thế có những phẩm tính tốt đẹp dưới bề mặt vốn vượt xa mức bù đắp các điều xấu hời hợt. Một điều khác cần nhớ là, giống như chúng ta, các Đại Chân sư Minh Triết cũng có một chuỗi dài các kiếp sống phía sau Các Ngài, và trong các kiếp ấy, như người khác, Các Ngài đã tạo lập một số mối dây nghiệp, vậy nên đôi khi xảy ra việc một cá nhân nào đó có một đòi hỏi nghiệp đối với Các Ngài vì một sự phục vụ đã trao lâu xa trong quá khứ. Trong các chuỗi tiền kiếp mà chúng tôi đã khảo sát, đôi khi chúng tôi bắt gặp những trường hợp về một mối liên kết nghiệp như thế.

One well-known case is that of a certain

Một trường hợp nổi tiếng là của một hội viên

member who, when a powerful noble in Egypt six thousand years ago, used his influence with the authorities of one of the great temples to introduce into it as a favoured student a young man who displayed the keenest interest in occult matters. That young student took up occultism with the greatest eagerness and made the most astonishing progress in it, so that in every life thereafter he continued the studies begun in ancient Khem. Between then and now that young student has attained adeptship, and thus passed on far in advance of the friend who then introduced him to the temple. In the work which He has had to do in these later days He needed some one to put before the world certain truths which had to be published, because the time for such unfoldment was fully ripe. He looked round for an instrument whom He could use, and He found His old friend and helper of six thousand years ago in a position in which it was possible to employ him in this work. At once He remembered His ancient debt and repaid it by giving to His friend this wonderful privilege of being the channel of the truth to the world.

nọ, khi còn là một đại quý tộc quyền thế ở Ai Cập sáu nghìn năm trước, đã dùng ảnh hưởng của mình với giới chức của một trong những đại đền để giới thiệu vào đó, như một môn sinh ưu đãi, một chàng thanh niên biểu lộ mối quan tâm mãnh liệt đối với các điều huyền bí. Chàng môn sinh trẻ ấy đã tiếp nhận Huyền bí học với lòng hăm hở lớn lao và đạt những tiến bộ kinh ngạc, đến mức trong mỗi đời sau đó chàng tiếp tục các nghiên cứu đã khởi sự ở cổ Khem. Từ khi ấy đến nay, chàng môn sinh trẻ ấy đã đạt địa vị chân sư, và do đó đi xa vượt trước người bạn đã từng đưa chàng vào đền khi xưa. Trong công việc mà Ngài phải làm ở những ngày sau này, Ngài cần một người trình bày cho thế gian một số chân lý cần được công bố, vì thời giờ cho sự khai mở như thế đã hoàn toàn chín muồi. Ngài nhìn quanh tìm một khí cụ mà Ngài có thể sử dụng, và Ngài thấy người bạn cũ, vị đã giúp mình sáu nghìn năm trước, đang ở vị trí có thể được sử dụng cho công tác này. Lập tức Ngài nhớ lại món nợ xưa và hoàn trả nó bằng cách ban cho bạn mình đặc quyền kỳ diệu được làm kênh chuyển chân lý đến thế gian.

Such cases indeed are fairly numerous. We all know how at a period still far earlier one of the founders of the Theosophical Society saved the life of the other, who was at that time the eldest son of Him who is now the Master and teacher of both, and thus established a karmic claim which has drawn those three into close relationship ever since. Again, on another occasion in the remote past our President saved the life of her present teacher when there was a conspiracy to assassinate Him; and in yet another instance one who has but just passed the portals of initiation saved the life of the Bodhisattva, the great Lord Maitreya himself.

Những trường hợp như vậy thật ra không hiếm. Chúng ta đều biết rằng ở một thời kỳ còn xa hơn nữa, một trong những vị sáng lập Hội Thông Thiên Học đã cứu mạng vị kia, người lúc đó là trưởng nam của Đấng mà nay là Chân sư và là vị thầy của cả hai, và như vậy đã thiết lập một đòi hỏi nghiệp đã buộc ba vị ấy vào mối liên hệ thân thiết cho đến tận bây giờ. Lại nữa, vào một dịp khác trong quá khứ xa xôi, Nữ Hội Trưởng của chúng ta đã cứu mạng vị thầy hiện tại của Bà khi có một âm mưu ám sát Ngài; và thêm một trường hợp nữa, một người vừa mới vượt qua thềm điểm đạo đã cứu mạng Đức Bồ Tát, Đức Chúa Tể vĩ đại Maitreya tự thân.

Now all these are unquestionably karmic

Những điều này chắc chắn là các mối dây

links, and they constitute debts which will be fully repaid. So it may happen to any of us that in some past life we have come into touch with One who is now a Master, or done Him some slight service, and if so, that may well prove to have been the commencement of an association which will ripen into discipleship on our side. It frequently happens that people are drawn together by a strong common interest in occultism, and in later lives, when some of these have out-distanced the others, those who were once friends and fellow-students often fall naturally into the relation of teacher and pupil.

nghiệp, và chúng cấu thành những món nợ sẽ được hoàn trả đầy đủ. Vậy nên có thể xảy ra cho bất cứ ai trong chúng ta là trong một kiếp sống quá khứ nào đó, ta đã chạm đến Một Vị mà nay là một Chân sư, hoặc đã làm cho Ngài một chút công lao, và nếu vậy, điều đó rất có thể đã là khởi điểm của một mối liên hệ sẽ chín muồi thành địa vị đệ tử về phía chúng ta. Thường xảy ra việc người ta được lôi cuốn lại gần nhau bởi một mối quan tâm chung mạnh mẽ về Huyền bí học, và trong những kiếp sau, khi vài người trong họ đã vượt trước những người khác, những ai đã từng là bạn và bạn học thường tự nhiên rơi vào mối quan hệ thầy và trò.

No doubt a man may attract Their attention in many ways; he may bring himself to the portals of the Path by association with those in advance of him, by the force of sheer hard thinking, by devotion, or by earnest endeavour in good works; but all these are after all merely so many divisions of the one Way, because they all of them mean that he is making himself fit for one or other department of the work that is to be done. And so when by any of these methods he reaches a certain level, he inevitably attracts the attention of the Masters of the Wisdom and comes in some way into connection with Them, though probably not upon the physical plane. The Master's usual plan is that he is brought into connection with one or other of Their more prominent pupils, and this is very much the safest way, since it is impossible for any ordinary person to assure himself of the good faith of astral communications.

Không nghi ngờ gì, một người có thể thu hút sự chú ý của Các Ngài theo nhiều cách; y có thể tự đưa mình đến thềm Thánh Đạo nhờ kết giao với những người đi trước, nhờ sức mạnh của tư duy miệt mài, nhờ lòng sùng mộ, hoặc nhờ nỗ lực chuyên tâm trong công quả; nhưng tất cả những điều này rốt cuộc chỉ là các phân hệ của một Con Đường, vì tất cả đều có nghĩa là y đang tự làm mình thích hợp cho một hay một phân bộ nào đó của công tác sẽ được thực hiện. Và vì thế khi bằng bất kỳ phương pháp nào trong số ấy y đạt đến một trình độ nhất định, y tất yếu sẽ thu hút sự chú ý của các Chân sư Minh Triết và bằng cách nào đó sẽ bước vào mối liên hệ với Các Ngài, dù có lẽ không phải trên cõi hồng trần. Kế hoạch thông thường của Chân sư là khiến y được đưa vào mối liên hệ với một hay vị đệ tử nổi bật nào đó của Các Ngài, và đây là cách an toàn hơn nhiều, vì bất khả đối với người bình thường để tự mình đảm bảo về thiện chí của các thông tin cảm dục.

Unless a man has had very wide experience in connection with mediumship, he would find it very difficult to realize how many quite ordinary people there are upon the astral plane who are burning with the desire to pose as great world-teachers. They are generally

Trừ phi một người có kinh nghiệm rất rộng về đồng cốt, y sẽ thấy khó mà hình dung có nhiều người bình thường trên cõi cảm dục đang cháy bỏng khao khát đóng vai những bậc đại giáo chủ thế gian đến thế nào. Họ thường hoàn toàn thành thật trong ý hướng, và thực sự

quite honest in their intentions, and really think that they have teaching to give which will save the world. Now that they are dead they have fully realized the worthlessness of mere worldly objects, and they feel (quite rightly) that if they could only impress upon mankind in general the ideas which they have now acquired, the whole world would immediately become a very different place. They are also fully persuaded that they have only to publish their discoveries upon the physical plane in order at once to convince everybody of their inherent reasonableness, and so they select some impressionable lady and tell her that they have chosen her out of all the world to be the medium of a magnificent revelation.

nghĩ rằng họ có những giáo huấn có thể cứu thế giới. Giờ đây khi đã qua đời, họ hoàn toàn nhận ra sự vô giá trị của những mục tiêu trần thế đơn thuần, và họ cảm thấy (hoàn toàn đúng) rằng nếu họ có thể in ấn lên nhân loại nói chung những ý tưởng mà họ hiện thâu đắc, thì cả thế giới sẽ lập tức trở thành một nơi rất khác. Họ cũng tin chắc rằng họ chỉ cần công bố những khám phá của họ trên cõi hồng trần là lập tức thuyết phục được mọi người về tính hợp lý nội tại của chúng, và vì thế họ chọn một phu nhân dễ cảm ứng nào đó và nói với bà rằng họ đã chọn bà trong toàn thế giới để làm đồng tử cho một sự mặc khải huy hoàng.

Now it is rather flattering to the average person to be told that he or she is the sole medium in all the world for some mighty entity, the only channel for some exclusive and transcendent teaching; and even though the communicating entity should disclaim any special greatness (which he usually does not) this is put down to praiseworthy modesty on his part, and he is described as at least an archangel, even if not a still more direct manifestation of the Deity. What such a communicating entity forgets is that when he was alive on the physical plane other people were making similar communications through various mediums, and that then he never paid the slightest attention to them, nor was in any way affected by what they said, and so he does not realise that precisely as he, when immersed in the affairs of this world, declined to be moved by those very communications, so will all the world now go on contentedly with its own business and pay no attention to *him.*

Giờ, đối với người trung bình, thật là hãnh diện khi được bảo rằng ông hay bà là đồng tử duy nhất trong cả thế giới cho một thực thể hùng mạnh nào đó, là kênh duy nhất cho một giáo huấn độc nhất và siêu việt; và dẫu thực thể giao tiếp có từ chối nhận bất kỳ sự vĩ đại đặc biệt nào (mà thường là không), thì điều này cũng được cho là sự khiêm cung đáng khen nơi y, và y sẽ được mô tả là ít nhất một đại thiên thần, nếu không là một biểu hiện trực tiếp hơn nữa của Thượng đế. Điều mà thực thể giao tiếp như vậy quên mất là khi y còn sống nơi cõi hồng trần, những người khác cũng đang đưa ra những thông điệp tương tự qua nhiều đồng tử khác nhau, và khi ấy y chẳng hề mảy may chú ý đến họ, cũng không hề bị ảnh hưởng bởi những điều họ nói, và vì thế y không nhận ra rằng, chính như y, khi còn chìm đắm trong công việc thế gian, đã không chịu động tâm bởi những thông điệp kia, thì giờ đây cả thế giới cũng sẽ an nhiên tiếp tục công việc riêng của nó và chẳng buồn chú ý đến *y*.

Often such entities assume distinguished names from what may almost be called a

Thường khi những thực thể như thế mượn những tên tuổi lẫy lừng với một động cơ gần

pardonable motive, for they know human nature well enough to be aware that if John Smith or Thomas Brown comes back from the dead and enunciates a certain doctrine it will have very little chance of acceptance, no matter how excellent and how entirely true it may be; whereas the same words uttered by George Washington, Julius Caesar or the Archangel Michael would be at least respectfully considered and very probably blindly accepted.

như có thể tha thứ, vì họ hiểu bản tính con người đủ để biết rằng nếu John Smith hay Thomas Brown trở về từ cõi chết và công bố một giáo lý nào đó thì giáo lý ấy sẽ có rất ít cơ may được chấp nhận, bất kể nó có tuyệt hảo và hoàn toàn chân thật đến đâu; trong khi những lời y như vậy, nếu được George Washington, Julius Caesar hoặc Tổng Lãnh Thiên Thần Michael thuyết ra, thì chí ít cũng sẽ được cung kính cân nhắc và rất có thể được chấp nhận một cách mù quáng.

Any man functioning on the astral plane has a certain amount of insight into the thoughts and feelings of those with whom he is dealing, and therefore it is not wonderful that when such people come into contact with the Theosophists, and see their minds to be full of reverence for the Masters of Wisdom, they should sometimes personate those very Masters of Wisdom in order to command more ready acceptance for whatever ideas they wish to promulgate. Also it must not be forgotten that there are those who bear no good will to our Masters, and desire to do Them any injury which lies within their power. They cannot of course harm Them directly, and therefore they sometimes try to do so through the pupils whom They love. One of the easiest ways in which they can produce difficulties is by assuming the form of the Master who is so strongly revered by their victim, and in many cases such an imitation is quite perfect, so far as the physical appearance is concerned, except that it always seems to me that they can never quite get the right expression into the eyes. One who has developed the sight of the higher planes cannot be thus deluded, as it is quite impossible for any of these entities to imitate the causal body of the Master.

Bất kỳ ai hoạt dụng trên cõi cảm dục đều có một mức độ thấu triệt nhất định đối với tư tưởng và cảm xúc của những người mà mình đang tương giao, vì vậy không có gì lạ khi những người như vậy, khi tiếp xúc với các nhà Thông Thiên Học, và thấy tâm trí họ chan chứa lòng tôn kính các Chân sư Minh Triết, đôi khi lại đóng vai chính những vị Chân sư Minh Triết ấy để giành sự tiếp nhận sẵn lòng hơn cho bất kỳ ý tưởng nào họ muốn truyền bá. Cũng đừng quên rằng có những kẻ không thiện chí với các Chân sư của chúng ta, và muốn làm bất cứ tổn hại nào cho Các Ngài trong phạm vi quyền năng của họ. Họ dĩ nhiên không thể gây hại trực tiếp cho Các Ngài, nên đôi khi họ cố làm thế qua các đệ tử mà Các Ngài yêu thương. Một trong những cách dễ nhất để họ tạo ra khó khăn là giả dạng thành vị Chân sư mà nạn nhân của họ hết lòng tôn kính, và trong nhiều trường hợp, sự mô phỏng như vậy hoàn hảo đến mức, xét về diện mạo thể chất, theo tôi dường như họ không bao giờ có thể đưa đúng thần sắc vào đôi mắt. Người đã phát triển nhãn thông ở các cõi cao hơn thì không thể bị đánh lừa như thế, vì hoàn toàn bất khả đối với bất kỳ thực thể nào trong số đó bắt chước được thể nguyên nhân của một Vị Chân sư.

Most assuredly we shall do well to heed diligently the wise precept in *The Voice of the*

Chúng ta chắc chắn sẽ khôn ngoan nếu chăm chú nghe theo lời huấn thị sáng suốt trong

Silence, "Seek not thy Guru in those mayavic regions." Accept no teaching from some self-appointed preceptor on the astral plane, but receive all communications and advice which come thence precisely as you would receive similar advice or remarks made by a stranger on the physical plane. Take them for what they are worth, and accept the advice or reject it as your own conscience dictates, without paying attention to its alleged source. Seek rather for teaching which satisfies the intellect, and apply the test of intellect and conscience to any claims which are put forward.

Tiếng Nói của Im Lặng, "Đừng tìm vị Guru của ngươi trong những cõi mayavic ấy." Đừng chấp nhận bất cứ giáo huấn nào từ một "thầy" tự phong trên cõi cảm dục, mà hãy tiếp nhận mọi thông tri và lời khuyên đến từ đó y như bạn sẽ tiếp nhận các lời khuyên hay lời nhận xét tương tự do một người lạ nói trên cõi hồng trần. Hãy xem chúng đáng giá đến đâu thì nhận đến đó, và chấp nhận hay bác bỏ lời khuyên theo tiếng gọi của lương tri bạn, không cần quan tâm đến nguồn gốc được gán cho nó. Thà tìm kiếm giáo huấn thỏa mãn thể trí, và áp dụng phép thử của thể trí và lương tri đối với bất cứ lời tuyên bố nào được đưa ra.

Let it never be forgotten that ours are not the only lines. The two Masters who are most intimately associated with the work of the Theosophical Society represent two different rays or methods of teaching; but there are others besides these. All schools of the higher teaching give a preliminary training to purify the character, but the particular teachings given and practices recommended differ according to the type of the teacher. But all teachers who belong to the Great White Lodge insist upon the attainment of the highest only by means of the Path of Holiness, and the quenching of desire by conquering it and not by gratifying it.

Đừng bao giờ quên rằng đường hướng của chúng ta không phải là những lối duy nhất. Hai vị Chân sư gắn bó mật thiết nhất với công việc của Hội Thông Thiên Học đại diện cho hai cung khác nhau hoặc hai phương pháp giáo huấn khác nhau; nhưng ngoài hai vị ấy còn có những vị khác. Tất cả các trường phái giáo huấn cao hơn đều có sự huấn luyện sơ bộ để thanh lọc Tính cách, nhưng các giáo lý riêng biệt được ban ra và các pháp môn được khuyến nghị sẽ khác nhau tuỳ theo loại hình của vị huấn sư. Tuy vậy, tất cả các vị huấn sư thuộc về Thánh đoàn đều nhấn mạnh rằng chỉ có thể đạt đến điều cao cả nhất bằng Con Đường Thánh Đức, và dập tắt dục vọng bằng cách chinh phục nó chứ không phải thỏa mãn nó.

The pupil will be employed by his Master in many different ways. Some are set to take up the lines of work indicated in the book *Invisible Helpers;* others are employed specifically in assisting the Masters personally in some piece of work which They happen to have undertaken; some are set astrally to deliver lectures to audiences of less developed souls, or to help and teach others who are free temporarily during sleep, or are permanently after death denizens of the astral world. When a pupil falls asleep at night he usually reports

Đệ tử sẽ được Chân sư của y sử dụng theo nhiều cách khác nhau. Một số được giao theo đuổi những đường hướng công tác đã gợi ra trong sách *Những Người Trợ Giúp Vô Hình;* những người khác được giao việc trợ giúp đích thân các Chân sư trong một phần việc nào đó mà Các Ngài đương đảm nhiệm; một số khác được bố trí hoạt động trên cõi cảm dục để diễn thuyết cho những thính chúng là các linh hồn kém phát triển hơn, hoặc để trợ giúp và giáo hóa những người tạm thời được tự do trong khi ngủ, hoặc những cư dân thường trực của

himself to his Master, and he is then told if there is any definite piece of work which he can do. If there happens to be nothing special he will take up his usual nocturnal work, whatever that may be. Every invisible helper acquires a number of regular cases or patients who are put under his charge just exactly as are those of a doctor on the physical plane; and whenever there is no unusual work for him to do he simply goes on his ordinary rounds, visits these cases and does his best for them. So that he has always plenty of work of this kind to fill up his time when he is not especially needed, as for some sudden catastrophe which throws out a large number of souls simultaneously into the astral plane in a condition of terror. Most of such training in astral work as the pupils needs is usually given by one of the older pupils of the Master.

cõi cảm dục sau khi chết. Khi đệ tử chìm vào giấc ngủ ban đêm, y thường trình diện với Chân sư của y, và khi ấy nếu có một công việc xác định nào y có thể làm, y sẽ được chỉ bảo. Nếu không có việc đặc biệt, y sẽ tiếp tục công việc ban đêm thường lệ của mình, bất luận đó là gì. Mỗi người trợ giúp vô hình đều có một số ca hoặc "bệnh nhân" thường xuyên được giao phó cho y, y chăm sóc họ chính xác như một bác sĩ ở cõi hồng trần chăm sóc các bệnh nhân của mình; và bất cứ khi nào không có việc khác thường cho y làm, y đơn giản tiếp tục vòng công tác thường nhật, thăm viếng các ca ấy và làm hết sức mình cho họ. Vì thế y luôn có rất nhiều công việc loại này để lấp đầy thời giờ khi y không được cần đến đặc biệt, chẳng hạn như khi xảy ra một tai hoạ đột ngột khiến một số đông linh hồn đồng thời bị hất ra cõi cảm dục trong trạng thái kinh hoàng. Phần lớn việc huấn luyện loại này trong công tác cảm dục mà các đệ tử cần đến thường do một trong các đệ tử kỳ cựu của Chân sư đảm nhiệm.

If it is necessary that the pupil should undertake any special system of psychic development on the physical plane, the Master will indicate it to him either directly or through one of His recognized pupils. What is prescribed in this way differs according to the character and need of the pupil, and it is usually best for us to wait until we are definitely told before attempting any practices of this kind. Even when we are told of them it is best that we should keep them to ourselves, and not discuss them with others, as it is more than probable that they would be unsuited to anyone else. Here in India among the hosts of minor teachers each man has his own methods, the difference depending partly on the different schools of philosophy to which they belong, and partly upon their different ways of looking at the same thing. But whatever their methods are, they usually keep them very secret in order to avoid the

Nếu cần đệ tử phải đảm nhận một hệ thống đặc biệt về phát triển thông linh trên cõi hồng trần, Chân sư sẽ chỉ định cho y—hoặc trực tiếp, hoặc thông qua một trong các đệ tử được Ngài thừa nhận. Những điều được chỉ định theo cách này thay đổi tùy theo Tính cách và nhu cầu của từng đệ tử, và thông thường tốt nhất là chúng ta nên đợi cho đến khi được chỉ thị rõ ràng trước khi thử qua bất cứ pháp môn nào thuộc loại ấy. Ngay cả khi đã được chỉ dạy, tốt nhất là chúng ta hãy giữ riêng cho mình, đừng đem ra bàn luận với người khác, bởi lẽ rất có khả năng chúng không hợp với bất cứ ai khác. Ở Ấn Độ này, giữa vô số vị huấn sư bậc nhỏ, mỗi người đều có phương pháp riêng của mình, sự sai khác phần nào tuỳ thuộc vào các trường phái triết học khác nhau mà họ thuộc về, phần khác do cách họ nhìn cùng một sự việc theo những cách khác nhau. Nhưng bất kể phương pháp của họ là gì, họ thường giữ bí truyền rất kỹ, để tránh phải gánh trách nhiệm

responsibility of their being wrongly used.

The harm that may be done by the indiscriminate publication of any of these half-physical systems has been very clearly exemplified in America, where a book by an Indian teacher has obtained a large circulation. This teacher guardedly mentioned certain practices, prefacing his teaching with a carefully expressed warning as to the necessity of preparation by the training of character. But nevertheless what he has written has caused a great deal of suffering, because people have uniformly disregarded his warning as to training and have recklessly tried to carry out the practices which he described. In a tour a few years ago in that country I met quite a number of people who through attempting to follow his directions had made themselves physical wrecks. Some had become insane, some were subject to fits, and others had fallen under the spell of various obsessing entities. In order that such practices as these may be attempted with safety it is absolutely necessary that they be undertaken (as they always are undertaken in India) in the actual presence of a teacher who watches the results and at once interferes when he sees that anything is going wrong. Indeed, in this country it is usual for the pupil to remain in physical proximity to his teacher, because here people understand what I mentioned some time ago—that the first and greatest work which a teacher has to do is to attune the aura of the pupil to his own—to annul the effect of the ordinary disturbed conditions which prevail in the world, to show him how to abandon all that and to live in a world of absolute calm. One of our own Masters said in one of the earlier letters, "Come out of your world into ours," and this of course refers not to a place but to a condition of mind.

nếu bị sử dụng sai lạc.

Tác hại có thể do việc phổ biến bừa bãi những hệ thống nửa hồng trần như thế đã được minh hoạ rất rõ ràng ở Mỹ, nơi một cuốn sách của một vị thầy Ấn Độ đã được phát hành rộng rãi. Vị thầy này dè dặt nêu ra vài pháp môn, mở đầu giáo huấn bằng một lời cảnh báo được diễn đạt cẩn trọng về sự cần thiết của sự chuẩn bị thông qua việc rèn luyện Tính cách. Thế nhưng những gì ông viết đã gây ra nhiều đau khổ, bởi vì người ta hầu như đồng loạt phớt lờ lời cảnh báo về việc rèn luyện và liều lĩnh cố gắng thực hành những điều ông mô tả. Trong một chuyến du hành vài năm trước ở xứ ấy, tôi đã gặp không ít người vì cố làm theo chỉ dẫn của ông mà tự biến mình thành những kẻ tàn phế thể xác. Có người trở nên loạn trí, có người bị các cơn co giật, và có người rơi vào ảnh hưởng của các thực thể ám nhập khác nhau. Để những pháp môn như vậy có thể được thực hành một cách an toàn, điều hoàn toàn cần thiết là phải tiến hành (như ở Ấn Độ vẫn luôn tiến hành) dưới sự hiện diện trực tiếp của một vị thầy, người theo dõi kết quả và lập tức can thiệp khi thấy có điều gì đi sai lệch. Quả thật, ở xứ này, đệ tử thường lưu lại gần gũi vị thầy về mặt thể xác, bởi vì ở đây người ta hiểu điều tôi đã nhắc đến trước kia—rằng công việc đầu tiên và lớn lao nhất mà một vị thầy phải làm là hòa điều hào quang của đệ tử với hào quang của mình—để triệt tiêu ảnh hưởng của các điều kiện rối loạn thông thường đang bao trùm thế gian, chỉ cho y cách từ bỏ tất cả những điều ấy và sống trong một thế giới an tĩnh tuyệt đối. Một trong các Chân sư của chúng ta đã nói trong một bức thư trước đây: "Hãy rời thế giới của các ngươi để bước vào thế giới của Chúng Ta," và dĩ nhiên điều này không ám chỉ một nơi chốn mà là một trạng thái của thể trí.

Remember that everyone who meditates upon the Master makes a definite link with Him, which shows itself to clairvoyant vision as a kind of line of light. The Master always subconsciously feels the impinging of such a line, and sends out along it in response a steady stream of magnetism which continues to play long after the meditation is over. The regular practice of such meditation and concentration is of the utmost help to the aspirant, and the regularity is one of the most important factors in producing the result. It should be undertaken daily at the same hour, and we should steadily persevere with it, even though no obvious effect may be produced. When no effect appears we must be especially careful to avoid depression, because depression makes it more difficult for a Master's influence to act upon us, and it also shows that we are thinking more of ourselves than of the Master.

Hãy nhớ rằng bất cứ ai tham thiền hướng về Chân sư đều kết lập một mối liên kết rõ rệt với Ngài, điều này hiện ra với cái nhìn thông nhãn như một thứ đường sáng. Chân sư luôn cảm một cách vô thức sự chạm tới của đường sáng ấy, và để đáp ứng, Ngài phóng xuất dọc theo đó một dòng từ điện đều đặn, dòng này tiếp tục tác động rất lâu sau khi buổi tham thiền đã kết thúc. Việc thực hành đều đặn như vậy—tham thiền và tập trung—trợ lực tối đa cho người chí nguyện, và tính đều đặn là một trong những yếu tố quan trọng nhất để tạo nên kết quả. Nó nên được tiến hành mỗi ngày vào cùng một giờ, và chúng ta phải bền bỉ kiên trì với nó, cho dù không có hiệu quả hiển nhiên nào xuất lộ. Khi không thấy hiệu quả, chúng ta phải đặc biệt cẩn trọng tránh nỗi chán nản, bởi vì chán nản khiến ảnh hưởng của Chân sư khó tác động lên chúng ta hơn, và nó cũng cho thấy chúng ta đang nghĩ về bản thân mình nhiều hơn là về Chân sư.

THE PATH OF PROGRESS

When we state the great truth that all evolution came forth from the Divine, and that we ourselves are but sparks of the divine flame and one day to be reunited to it, people often ask us two not unnatural questions. First they say, "Why should the divine Being have sent us forth, since after all we are part of Him, and so were divine from the beginning? Why in fact did the LOGOS manifest Himself in matter at all, seeing that He was perfect and glorious and all-wise in the beginning? Secondly, if we emanate from the divine Spirit, why were we sent forth into wickedness, and how can man, coming forth from so pure a source, enter into such degradation as we constantly see around us?" Since these questions recur so often, it is worth while for us to consider how they may be answered.

CON ĐƯỜNG TIẾN BỘ

Khi chúng ta tuyên xưng chân lý vĩ đại rằng mọi tiến hoá đều phát xuất từ Đấng Thiêng Liêng, và rằng chính chúng ta chỉ là những tia lửa của ngọn lửa thiêng và một ngày kia sẽ hợp nhất trở lại với ngọn lửa ấy, người ta thường nêu lên hai câu hỏi không phải là vô lý. Trước hết, họ nói: "Tại sao Đấng Thiêng Liêng lại phóng xuất chúng ta đi, khi rốt cuộc chúng ta là một phần của Ngài, nên chúng ta vốn đã thiêng liêng ngay từ đầu? Vì sao thực vậy mà Thái dương Thượng đế lại tự hiện lộ trong chất liệu, trong khi Ngài đã hoàn hảo, vinh quang và toàn trí ngay từ thuở ban sơ?" Thứ đến, "Nếu chúng ta xuất lộ từ Tinh thần thiêng liêng, tại sao chúng ta lại bị gửi vào chốn tà ác, và làm sao con người, khởi sinh từ một nguồn thuần khiết như thế, lại có thể rơi vào trụy lạc đến mức như chúng ta thường thấy quanh mình?" Vì những câu hỏi này thường lặp lại, thật đáng để chúng ta suy xét cách đáp lời

chúng.

Why the LOGOS manifested Himself is scarcely our business. It is enough for us to know that He has chosen to do so, that we are part of His scheme, and that it is therefore our duty to try to understand that scheme so far as we can; and to adapt ourselves to it. But if there be any who desire to speculate upon this mystery, perhaps no better suggestion can be found for them than that which was given by the Gnostic Doctors:

Vì sao Thái dương Thượng đế tự hiện lộ thì hầu như không phải là việc của chúng ta. Biết rằng Ngài đã chọn làm như vậy, rằng chúng ta là một phần trong Thiên Cơ của Ngài, và vì thế bổn phận của chúng ta là cố gắng thấu hiểu Thiên Cơ ấy trong chừng mực có thể, rồi điều chỉnh bản thân theo đó—như vậy là đủ. Nhưng nếu có ai ước muốn suy tưởng về nhiệm mầu này, có lẽ không gợi ý nào thích đáng hơn gợi ý do các Giáo phụ Ngộ đạo đưa ra:

"God is Love, but Love itself cannot be perfect unless it has those upon whom it can be lavished and by whom it can be returned. Therefore He put forth of Himself into matter, and He limited His glory, in order that through this natural and slow process of evolution we might come into being; and we in turn according to His will are to develop until we reach even His own level, and then the very Love of God itself will become more perfect, because it will then be lavished on those, His own children, who will fully understand and return it, and so His great scheme will be realised and His Will will be done".

"Thượng đế là Tình thương, nhưng chính Tình thương không thể toàn bích nếu không có những kẻ để được tuôn đổ Tình thương lên, và những kẻ có thể đáp lại Tình thương ấy. Vậy nên Ngài đã tự phóng xuất mình vào trong chất liệu, và Ngài tự giới hạn vinh quang của Ngài, để qua tiến trình tự nhiên và chậm rãi của tiến hoá, chúng ta có thể thành hữu. Rồi đến lượt chúng ta—theo Ý muốn của Ngài—sẽ phát triển cho đến khi đạt ngang tầm của chính Ngài, và khi ấy chính Tình thương của Thượng đế sẽ trở nên toàn bích hơn, bởi vì Tình thương ấy sẽ được tuôn đổ lên những người con của Ngài, những kẻ sẽ hoàn toàn thấu hiểu và đáp lại Tình thương ấy, và như vậy đại đồ của Ngài sẽ được thực hiện và Ý Chí của Ngài sẽ thành tựu."

As to the further consideration why the emanation should have taken place in this particular way, that again is not our affair, for we are concerned only with the *facts* of evolution, not the reasons for it; yet there seems little difficulty in at least indicating the lines along which an answer may be found. It is quite true that man is an emanation from the substance of the Divine, but it must be remembered that the substance, when it issues forth, is undifferentiated, and from our point of view unconscious; that is, it has within it rather the potentiality of

Còn như vì sao sự xuất lộ lại diễn ra theo cách đặc biệt này, điều ấy một lần nữa không phải là việc của chúng ta, bởi chúng ta chỉ liên hệ với những *sự kiện* của tiến hoá, chứ không phải các lý do của nó; tuy vậy dường như không khó để ít nhất chỉ ra được những đường hướng dọc theo đó có thể tìm thấy câu trả lời. Hoàn toàn đúng rằng con người là một xuất lộ từ bản thể của Đấng Thiêng Liêng, nhưng cần nhớ rằng bản thể ấy, khi phóng xuất, còn chưa biến phân, và từ quan điểm của chúng ta là bất thức; nghĩa là, trong nó ẩn chứa tiềm năng của tâm thức hơn là bất cứ điều gì mà chúng ta

consciousness than anything to which we are in the habit of applying that term.

quen gọi bằng danh xưng đó.

In its descent into matter it is simply gathering round it the matter of the different planes through which it passes, and it is not until, having reached the lowest point of its evolution in the mineral kingdom, it turns upwards and begins its return to the level whence it came, that it commences to develop that we call consciousness at all. It is for that reason that man began first of all to unfold his consciousness on the physical plane, and it is only after fully attaining that that he begins to be conscious upon the astral and mental planes in turn.

Trong cuộc giáng hạ vào chất liệu, nó đơn giản thu góp quanh mình chất liệu của các cõi khác nhau mà nó đi qua; và chỉ đến khi đã chạm điểm thấp nhất của tiến hoá nơi giới kim thạch, rồi quay lên và khởi sự trở về cấp độ từ đó nó đã đến, thì nó mới bắt đầu phát triển cái mà chúng ta gọi là tâm thức. Vì vậy mà con người trước hết khởi đầu khai mở tâm thức trên cõi hồng trần, và chỉ sau khi đạt trọn vẹn điều ấy, y mới lần lượt trở nên có tâm thức trên cõi cảm dục và cõi trí.

No doubt God might have made man perfect and obedient to the law by one act of His will, but is it not obvious that such a man would have been a mere automaton—that the will working in him would have been God's will, not his own? What the LOGOS desired was to call into existence, from His own substance, those who should be like unto Him in power and glory, absolutely free to choose and yet absolutely certain to choose the right and not the wrong, because in addition to perfect power they would have perfect knowledge and perfect love.

Không nghi ngờ gì, Thượng đế có thể đã làm cho con người trở nên hoàn hảo và vâng phục Định luật chỉ bằng một tác động duy nhất của Ý Chí Ngài; nhưng hẳn hiển nhiên rằng một con người như thế chỉ là một cái máy—ý chí hoạt động trong y sẽ là Ý Chí của Thượng đế, chứ không phải của chính y. Điều Thái dương Thượng đế mong muốn là triệu hồi vào hiện hữu—từ chính bản thể của Ngài—những kẻ sẽ giống như Ngài về năng lực và vinh quang, tuyệt đối tự do chọn lựa, nhưng đồng thời tuyệt đối chắc chắn chọn điều đúng thay vì điều sai, bởi vì ngoài năng lực trọn vẹn, họ còn có tri thức trọn vẹn và tình thương trọn vẹn.

It is not easy to imagine any other way in which this result could be achieved but that which has been adopted—the plan of leaving man free and therefore capable of making mistakes. From those mistakes he learns and gains experience, and although in such a scheme as this it is inevitable that there should be evil, and therefore sorrow and suffering, yet when the part these play as factors in man's evolution is properly understood we shall see that the Chinese proverb is true which tells us that evil is but

Khó mà hình dung một con đường nào khác có thể đạt được kết quả ấy ngoài con đường đã được chọn—kế hoạch để con người được tự do, và bởi thế có khả năng phạm sai lầm. Từ những sai lầm ấy y học hỏi và tích luỹ kinh nghiệm, và mặc dù trong một đề cương như thế tất yếu phải có điều ác, và do đó có sầu khổ và đau đớn, nhưng khi hiểu đúng vai trò mà chúng đóng như những yếu tố trong tiến hoá của con người, chúng ta sẽ thấy câu ngạn ngữ Trung Hoa là chân thực khi nói rằng điều ác chỉ là bóng tối của điều thiện. Nhấn mạnh

the dark shadow of good. Most emphatically it is true that, however black the clouds may look from below, those clouds are by their very nature transient, and above and behind them all the mighty sun, which will at last dissipate them, is always shining, so that the old saying is justified that *all* things, even the most unlikely-looking, are in reality working together for good.

rằng, dẫu mây đen từ bên dưới có trông u ám đến đâu, thì do bản tính chúng vốn phù du; phía trên và phía sau chúng, mặt trời vĩ đại cuối cùng sẽ làm tan biến tất cả, vẫn luôn toả chiếu. Vì vậy câu cổ ngữ là có cơ sở khi nói rằng *tất cả* mọi sự, kể cả những điều trông rất khó tin, rốt cuộc đều cùng phối hợp đem lại điều lành.

This much at least all who have made any real progress *know* for themselves as an absolute certainty; while they cannot hope to prove it to those who have not as yet had the experience, at least they can bear testimony to it with no uncertain voice, and that testimony is surely not without its value for souls who are still struggling towards the light.

Tối thiểu thì tất cả những ai đã có chút tiến bộ thực sự đều tự *biết* điều này như một xác tín tuyệt đối; dẫu họ không thể hy vọng chứng minh nó cho những ai chưa có kinh nghiệm, thì họ ít nhất có thể làm chứng cho điều ấy bằng một tiếng nói không chút hồ nghi, và chứng từ đó hẳn không phải vô ích đối với những linh hồn còn đang vật lộn hướng về ánh sáng.

As to the second question, we may fairly point out that it assumes too much. It is not true to say that we are sent forth into wickedness and degradation. In fact, strictly speaking, *we* are not sent forth at all. What happens is something quite different. The LOGOS pours forth into manifestation the stream of force which we may describe as part of Himself or of His vesture. This stream contains in potentiality the vast hosts of monads, each of which, when fully developed, may itself become a LOGOS. But for such development it is necessary that it should manifest itself through matter of various grades, that the individuality should very slowly and gradually be built up, and then that certain latent qualities should be brought out. This is the process of evolution, and all the great laws of the universe are arranged to facilitate this process. In its earlier stages the manifestation of the monad is entirely controlled by these laws, not having yet developed any sort of individuality or soul of its own.

Về câu hỏi thứ hai, chúng ta có thể công bằng mà chỉ ra rằng nó giả định quá nhiều. Nói rằng chúng ta bị phóng gửi vào chốn tà ác và trụy lạc là không đúng. Thực ra, chính xác mà nói, *chúng ta* không hề bị phóng gửi đi. Điều xảy ra là một chuyện hoàn toàn khác. Thái dương Thượng đế tuôn đổ vào sự biểu lộ một dòng lực mà chúng ta có thể mô tả như là một phần của chính Ngài hoặc của y phục Ngài. Dòng này hàm tàng trong tiềm năng vô số chân thần, mỗi chân thần, khi phát triển viên mãn, có thể tự mình trở thành một Thái dương Thượng đế. Nhưng để có sự phát triển như thế, tất yếu nó phải biểu lộ qua chất liệu của các cấp bậc khác nhau, để cá tính riêng biệt được xây dựng rất chậm và rất từ từ, rồi sau đó những phẩm chất tiềm ẩn nhất định được khơi dậy. Đó là tiến trình của tiến hoá, và mọi định luật vĩ đại của vũ trụ đều được an bài để trợ giúp tiến trình ấy. Ở các giai đoạn ban đầu, sự biểu hiện của chân thần hoàn toàn được các định luật này chi phối, vì nó chưa phát triển bất kỳ dạng nào của cá tính hay linh hồn của chính nó.

But there comes a stage in which individuality is attained, and will is beginning to be developed. The plan of the LOGOS is to allow a man a certain amount of freedom (at first a very small amount) in the use of this dawning will, and naturally enough by the law of averages this primitive individual uses his will about as often wrongly as rightly, although he has almost always teachers belonging to earlier evolutions, who tell him the way, in which he should walk. When he uses his will wrongly, (that is to say, in a direction opposed to the current of evolution) the mechanical working of nature's laws brings suffering as the result of such action. Since this happens over and over again, the primitive ego at last learns by experience that he must obey the wiser teaching given to him, and as soon as the determination to do so has become actually a part of himself a wider field of freedom of action opens before him.

Nhưng sẽ đến một giai đoạn trong đó cá tính riêng biệt được xác lập, và ý chí khởi sự được phát triển. Kế hoạch của Thái dương Thượng đế là cho phép con người một mức độ tự do nào đó (ban đầu là rất nhỏ) trong việc sử dụng ý chí vừa nhen lên này; và theo lẽ thường, cá nhân sơ khai ấy dùng ý chí của mình sai lầm cũng nhiều như đúng đắn, dẫu y hầu như luôn có các vị thầy thuộc những tiến hoá trước dạy cho y con đường mà y nên đi. Khi y dùng ý chí sai lạc (nghĩa là theo hướng đối nghịch với dòng tiến hoá), sự vận hành cơ giới của các định luật thiên nhiên mang đến đau khổ như hệ quả của hành động như thế. Bởi điều này lặp đi lặp lại nhiều lần, chân ngã sơ khai rốt cuộc học qua kinh nghiệm rằng y phải tuân theo lời dạy khôn ngoan hơn đã được truyền cho mình; và ngay khi quyết tâm ấy thực sự trở thành một phần của chính y, một trường tự do hành động rộng lớn hơn mở ra trước mặt.

In this new field in turn he is sure to act wrongly sometimes as well as rightly, so that the same process is repeated again and again, always involving suffering where mistakes have been made. Whatever of "wickedness and degradation" may exist is always the result of the action of men who have used their freewill wrongly, and are in process of learning how to use it rightly, and as soon as that lesson shall have been universally learned all these evil effects will pass away. It is therefore obvious that whatever of evil exists in the world is entirely the doing of its inhabitants, and is in its nature temporary. However terrible and deeply rooted it may seem to us, it cannot possibly be permanent, for it is of the essence of things that it must pass away when its causes are removed. For its existence while it lasts we must blame, not the great First Cause, but ourselves, because we are failing to carry out His plan.

Trong lĩnh vực mới này, đến lượt mình, y chắc chắn đôi khi hành động sai cũng như đúng, để rồi cùng một tiến trình lặp lại hết lần này đến lần khác, luôn mang theo đau khổ ở nơi có sai lầm. Bất cứ cái gọi là "tà ác và trụy lạc" nào nếu có mặt, thì luôn là kết quả của hành động của con người—những kẻ đã sử dụng tự do ý chí một cách sai lầm và đang trong quá trình học cách sử dụng nó đúng đắn; và ngay khi bài học ấy được học một cách phổ quát, mọi hậu quả xấu ấy sẽ tiêu tan. Hiển nhiên rằng bất cứ điều ác nào tồn tại trong thế giới đều hoàn toàn do chính cư dân của nó gây ra, và do bản tính của nó chỉ là tạm thời. Dù có vẻ đáng sợ và ăn sâu đến đâu đối với chúng ta, nó không thể vĩnh cửu, vì theo bản chất của sự vật, nó phải tiêu mất khi các nguyên nhân của nó được cất bỏ. Trong thời gian nó còn tồn tại, chúng ta phải tự trách mình—chứ không phải trách Đệ Nhất Nguyên Nhân—bởi vì chúng ta đã thất bại trong việc thực thi Thiên Cơ của Ngài.

We often exhort people to follow the higher course rather than the lower, but I think that the truth is that man always follows the highest about which he is really certain. The difficulty is that in so many cases the higher teaching seems vague and unreal to many people, and so although they profess to believe it, and really think that they do believe it, when it comes to the point of action they find it too vague to trust their lives to it.

Chúng ta thường khuyên người ta theo đường cao thượng hơn là thấp hèn; nhưng tôi cho rằng sự thật là con người luôn theo đuổi điều cao nhất mà y thực sự chắc chắn. Khó khăn là ở chỗ, trong quá nhiều trường hợp, giáo huấn cao hơn có vẻ mơ hồ và thiếu thực tại đối với nhiều người; vì thế, dù họ xưng là tin, và thật sự nghĩ rằng họ tin, thì khi đến lúc hành động, họ thấy điều ấy quá mơ hồ để có thể đặt đời mình vào đó.

For example, many people who think themselves religious are yet to be found seeking position and wealth. That attitude would be entirely reasonable if they were materialists and if they did not pretend to believe in anything higher; but when we find a religious man devoted to the pursuit of worldly objects there is clearly something wrong, something illogical. The fact is that he does not really believe in his religion; he is not thoroughly convinced of its truth, for if he were he could not be following after other things. He is following that about which he is really sure; he is quite certain, without the slightest mental reservation, about the desirability of money and power. He knows that he wants these things, and he thinks he knows that if he gets them they will make him happy. Therefore he devotes all his energy and time to their acquisition, and we must remember that in doing that he is at least developing will and perseverance.

Thí dụ, nhiều người tự cho là mộ đạo vẫn mải tìm địa vị và của cải. Thái độ ấy sẽ hoàn toàn hợp lý nếu họ là kẻ duy vật và không giả vờ tin vào bất cứ điều gì cao hơn; nhưng khi thấy một người mộ đạo dốc lòng theo đuổi đối tượng thế tục, rõ ràng có điều gì đó sai lệch, thiếu lô-gic. Sự thật là y không thực sự tin tôn giáo của mình; y chưa thâm tín lẽ thật ấy, vì nếu có, y đã không thể chạy theo những thứ khác. Y đang theo đuổi điều mà về nó y thực sự chắc chắn; y hoàn toàn chắc, không chút ngờ vực, về sự đáng mong muốn của tiền tài và quyền lực. Y biết rằng y muốn những thứ ấy, và y tưởng rằng nếu đạt được, chúng sẽ khiến y hạnh phúc. Do đó y dốc hết nghị lực và thời giờ để thủ đắc chúng; và chúng ta cần nhớ rằng, làm như vậy, y ít nhất đang phát triển ý chí và đức kiên trì.

Now if you can in any way manage to make him as sure of the value of the higher things as he is now about the value of pounds, shillings and pence, he will at once turn that will and that perseverance to the service of the higher development, and he will seek after realities with just the same intensity that he is now devoting to the pursuit of shadows. This is precisely what the study of Theosophy will do for him. A man who thoroughly understands

Giờ nếu bằng cách nào đó bạn có thể làm cho y chắc chắn về giá trị của những điều cao thượng như y hiện chắc chắn về giá trị của bảng, shilling và pence, y sẽ lập tức chuyển ý chí và đức kiên trì ấy vào việc phục vụ cho sự phát triển cao hơn, và y sẽ tìm kiếm các thực tại với chính cường độ mà hiện nay y đang dốc vào cuộc truy đuổi những bóng hình. Đây chính là điều mà việc học Thông Thiên Học sẽ làm cho y. Một người thấu hiểu Thông Thiên

Theosophy knows that he is here for a certain purpose, and that it is most emphatically his business to devote himself entirely to the working out of that purpose. He realizes thoroughly that there are things worth doing and aims worth pursuing, and he devotes himself to them with the same avidity which he previously displayed in following the acquisition of money or position.

Học biết rằng y hiện diện nơi đây vì một mục đích nhất định, và rằng điều đặc biệt thuộc về y là phải tự hiến trọn vẹn cho việc hiện thực hoá mục đích ấy. Y thấu triệt rằng có những việc đáng làm và những mục tiêu đáng theo đuổi, và y dốc mình vào chúng với cùng sự háo hức mà trước đây y thể hiện trong việc chạy theo tiền bạc hay địa vị.

But in order to do this it is not sufficient merely to be vaguely interested, merely to read a few books. The man must really believe it, must be thoroughly and utterly convinced of its truth. Now the only way in which this utter conviction can come to a man is by means of realizing some part of it, however small, for himself and at first-hand. Without going so far as that, of course, a man may be intellectually convinced of the truth of the doctrine, and may see that nothing else is logically possible; but there are very few of us who have the strength to act upon such a logical conviction about things entirely beyond our ken; for most of us it is really necessary that at least some small portion of the doctrine, some sample of it, as it were, should be definitely seen and known.

Nhưng để làm được điều này, không đủ để chỉ quan tâm một cách mơ hồ, hay chỉ đọc vài cuốn sách. Con người phải thực sự tin, phải hoàn toàn và triệt để được xác tín về chân lý ấy. Mà sự xác tín triệt để này chỉ có thể đến với con người bằng cách tự mình thể nghiệm, dù chỉ một phần rất nhỏ, và trực tiếp. Không đi xa đến mức đó, một người dĩ nhiên vẫn có thể được xác tín về mặt trí năng đối với chân lý của giáo lý, và có thể thấy rằng không còn gì khác hợp lô-gic hơn; nhưng chỉ có rất ít người trong chúng ta đủ sức mạnh để hành động phù hợp với một xác tín lô-gic về những điều hoàn toàn vượt ngoài tầm hiểu biết; đối với đa số chúng ta, thật sự cần thiết là ít nhất một phần nhỏ của giáo lý—một "mẫu" của nó, như thế—phải được nhìn thấy và biết một cách xác thực.

We who were the earlier students felt all this just as keenly as do the students of to-day, and when in those early days of twenty-five or twenty-seven years ago we asked Madame Blavatsky whether it was in any way possible that we could verify any of these things for ourselves she at once replied in the affirmative. She told us that if we chose to take the trouble to develop the requisite faculties we might unquestionably experience for ourselves the truth of a great deal of the teaching. She warned us that the way was long and arduous, and that no one could tell beforehand how long it would take for a man to tread it. But on the other hand she consoled

Chúng tôi—những môn sinh thuở trước—cũng cảm nhận tất cả điều này mạnh mẽ như các môn sinh ngày nay, và khi trong những ngày đầu cách đây hai mươi lăm hay hai mươi bảy năm, chúng tôi hỏi Bà Blavatsky liệu có thể bằng cách nào đó tự mình kiểm chứng một vài điều này chăng, Bà lập tức trả lời khẳng định. Bà nói với chúng tôi rằng nếu chúng tôi chịu khó phát triển những năng lực cần thiết, chúng tôi hẳn nhiên có thể tự mình thể nghiệm chân lý của nhiều phần trong giáo huấn. Bà cảnh báo chúng tôi rằng con đường thì dài và gian nan, và không ai có thể biết trước một người sẽ cần bao lâu để bước trọn nó. Nhưng mặt khác, Bà an ủi chúng tôi rằng

us by saying that the end was absolutely certain, and that it was impossible that any man who started to reach it should fail to attain, though in many cases such attainment might lie, not in this life, but in some other in the future.

cái đích thì hoàn toàn chắc chắn, và không thể có chuyện ai đã khởi hành mà lại không tới đích, dẫu trong nhiều trường hợp, sự đạt đến ấy có thể không thuộc về đời này, mà thuộc về một đời nào khác trong tương lai.

This was encouraging in one way, and yet somewhat daunting in another way; but at any rate a certain number of us took her at her word and threw ourselves heart and soul into the endeavour to live the life which was prescribed for us, and to do the work that lay before us. The degrees of our success were very varied, but of all of those who made this effort and persevered with it I think I may say that there was not one who did not obtain some result—enough at any rate to show him that what he had been told was true, and that if the progress which he made was smaller than he had hoped, the fault lay clearly with himself and not with the teachers.

Điều này theo một nghĩa nào đó thì khích lệ, nhưng theo nghĩa khác thì cũng có phần khiến chùn bước; tuy vậy, dù sao đi nữa, một số nhất định trong chúng tôi đã tin lời Bà và dốc cả tâm lực vào nỗ lực sống đời sống đã được chỉ dạy cho chúng tôi, và làm phần việc đặt trước mặt. Mức độ thành công của chúng tôi rất khác nhau, nhưng trong số tất cả những người đã nỗ lực và kiên trì ấy, tôi nghĩ có thể nói rằng không một ai là không đạt được điều gì—ít nhất cũng đủ để cho y thấy rằng những điều y được dạy là chân thực, và rằng nếu sự tiến bộ y đạt được ít hơn y kỳ vọng, thì lỗi rõ ràng ở chính y chứ không phải ở các vị thầy.

There were those among us, however, who succeeded in verifying for ourselves a large number of the statements made by the Masters—first of all only in a small way, with regard to ourselves, our vehicles, our possibilities, and with regard to the astral life which immediately surrounds us. Then later on by long continued and more strenuous effort we developed the faculties of the mental body, and began for the first time really to understand what had been written for us about the life of the heaven-world. All this at first we had hopelessly misunderstood, because with the faculties then at our disposal we were actually incapable of comprehending it. By a strenuous further effort we reached the faculties of the causal body, and then the world of comparative realities began really to open before us.

Tuy nhiên, ở giữa chúng tôi có những người đã thành công trong việc tự mình kiểm chứng một số lượng lớn các mệnh đề do các Chân sư truyền dạy—trước hết, ở mức độ nhỏ, liên hệ đến chính chúng tôi, các hiện thể của chúng tôi, các khả năng của chúng tôi, và liên hệ đến đời sống cảm dục ngay chung quanh. Rồi về sau, nhờ nỗ lực lâu dài và mãnh liệt hơn, chúng tôi phát triển được các năng lực của thể trí, và lần đầu tiên thực sự hiểu những gì đã được viết cho chúng tôi về đời sống của cõi thượng thiên. Tất cả điều này ban đầu chúng tôi đã hiểu lầm đến tuyệt vọng, bởi vì với những năng lực đang có khi ấy, chúng tôi thực sự bất lực trong việc lãnh hội. Bằng một nỗ lực ráo riết hơn nữa, chúng tôi vươn tới các năng lực của thể nguyên nhân, và rồi thế giới của các thực tại tương đối mới thật sự mở ra trước mắt.

We were able then to read the records of the

Khi ấy chúng tôi có thể đọc các ghi chép của

part, and to see from them with absolute certainty how the great scheme of the LOGOS is slowly unfolding itself and working itself out by means of successive births under the guidance of the great laws of evolution and cause and effect. We could see clearly then that we were unquestionably ourselves a part of this great scheme, and therefore it followed that it was alike our duty, our advantage, our privilege, to throw ourselves into scheme and co-operate intelligently in its fulfillment. There was then no doubt for us about the fact of the great evolution and the future of humanity, for it was clear to us that we had risen through the lower Kingdoms, and we could see many stages both below us and above us; all the various stages of human life arranged themselves for us as steps upon a ladder; we could see these steps stretching up and down from the point which we ourselves occupied, and there were being upon every rung of that ladder, beings who were clearly engaged in climbing it.

quá khứ, và từ đó thấy với xác tín tuyệt đối cách đại đồ của Thái dương Thượng đế đang từ từ khai unfold và tự vận hành qua các lần tái sinh tiếp nối, dưới sự hướng dẫn của các Định luật vĩ đại của tiến hoá và nhân quả. Chúng tôi thấy rõ rằng chính chúng tôi không nghi ngờ gì nữa là một phần của đại đồ ấy; vì thế, tất yếu suy ra rằng đó là bổn phận, là lợi ích, là đặc ân của chúng tôi—tự hiến thân vào đại đồ ấy và cộng tác một cách thông tuệ trong sự thành tựu của nó. Khi ấy đối với chúng tôi, không còn nghi ngờ gì về thực tại của đại tiến hoá và tương lai của nhân loại, bởi lẽ rõ ràng chúng tôi đã từ các giới thấp vươn lên; chúng tôi có thể thấy nhiều nấc thang ở cả dưới và trên mình; mọi giai đoạn khác nhau của đời sống nhân loại hiện ra đối với chúng tôi như những bậc thang; chúng tôi thấy những bậc thang ấy trải dài lên và xuống từ vị trí mà chính chúng tôi đang đứng, và có các chúng sinh trên mỗi bậc của chiếc thang ấy, rõ ràng đang chuyên chú trèo lên.

The Masters who seemed to us to stand at its summit assured us that They were men like ourselves, and that They had passed through the stage where we were now standing; between us and Them there was no break in the continuity, for every step of the ladder was occupied, and we ourselves watched the progress of some of those higher than we from one of these steps to another. When through custom the wonderful light of the higher planes grew less dazzling to us, we were able to see that even beyond the stupendous level occupied by the Masters there arose still greater heights. Above Them stood Manus, Christs, Buddhas, Lipika, great Devas, Dhyan Chohans, and many others of whom we can know nothing except that They exist, and that They, even at Their ineffable elevation, form part of the same mighty chain.

Các Chân sư, những Đấng đối với chúng tôi dường như đứng trên đỉnh thang, đảm bảo với chúng tôi rằng Các Ngài cũng là những con người như chúng tôi, và rằng Các Ngài đã đi qua giai đoạn nơi chúng tôi hiện đang đứng; giữa chúng tôi và Các Ngài không hề đứt đoạn, vì mọi bậc thang đều có người đứng, và chính chúng tôi đã từng chứng kiến một vài vị cao hơn chúng tôi tiến từ bậc này sang bậc khác. Khi vì đã quen, ánh sáng kỳ diệu của các cõi cao bớt chói lòa đối với chúng tôi, chúng tôi có thể thấy rằng ngay ở bên trên cấp độ hùng vĩ nơi Các Chân sư cư trú, vẫn còn những đỉnh cao hơn nữa. Trên Các Ngài là các vị Manu, các Đức Christ, các Đức Phật, các Lipika, các đại Thiên thần, các Dhyan Chohan, và nhiều Đấng khác nữa mà chúng ta không thể biết gì ngoài sự hiện hữu của Các Ngài, và rằng chính Các Ngài, dù ở cảnh giới bất khả tư nghị của mình, cũng là một phần trong cùng một chuỗi vĩ đại.

The whole of the past lies before us; we know the halting-places on the road, and the side-paths that branch off from it, and therefore we are justified in our confidence that where these great ones now stand we also shall one day stand. Seeing and understanding the inevitableness of our destiny, we also realize that it will be quite useless to endeavour to resist it. Progress is the law marked out for us. In progress only is our happiness and our safety. As regards the progress that lies before us in this particular chain of worlds the great majority of us are by no means yet what is technically called "safe" or "saved." We reach that desirable position only when we have become members of the Great Brotherhood which lasts from eternity to eternity, by passing the first of the great initiations, that of the Sotapatti or Srotapanna, the man who enters upon the stream.

Toàn bộ quá khứ nằm mở ra trước mắt chúng tôi; chúng tôi biết các chặng dừng trên đường, và các lối rẽ tách ra từ đó, và vì vậy chúng tôi có đầy đủ lý do để tin chắc rằng nơi các Đấng Vĩ Đại hiện đứng, một ngày kia chúng tôi cũng sẽ đứng. Thấy và hiểu tính tất yếu của định mệnh mình, chúng tôi cũng nhận ra rằng chống cưỡng lại là hoàn toàn vô ích. Tiến bộ là định luật được vạch cho chúng ta. Chỉ trong tiến bộ mới có hạnh phúc và an toàn của chúng ta. Xét về tiến bộ còn nằm trước mặt chúng ta trong chuỗi thế giới đặc thù này, đa số chúng ta tuyệt nhiên chưa đạt đến điều mà theo thuật ngữ chuyên môn gọi là "an toàn" hay "được cứu rỗi". Chúng ta chỉ đạt được vị thế đáng ước mong ấy khi trở thành thành viên của Đại Huynh đệ Đoàn tồn tại từ vĩnh cửu đến vĩnh cửu, bằng cách vượt qua lần đầu trong các đại điểm đạo—Sotapatti hay Srotapanna—người nhập lưu.

To have taken that step is to have achieved the most important result, to have passed the most critical point in the whole of human evolution. For in the course of that evolution three points stand out beyond all others. The first is the entrance upon humanity, the attainment of individuality, the gaining of a causal body, the becoming a definite and apparently separate ego. To gain this individuality was the aim of the animal evolution, and its development serves a very definite purpose. The object is to make a strong individual centre, through which eventually the force of the LOGOS can be poured out. When this centre is first formed it is only a baby ego, still but weak and uncertain; in order that it may become strong and definite it has to be fenced round by the intense selfishness of the savage. For many lives a strong wall of selfishness has to be maintained, in order that within it the centre may grow more and more definite.

Bước được bước ấy là đạt thành quả quan trọng nhất, vượt qua điểm then chốt nhất của toàn bộ tiến hoá nhân loại. Trong tiến trình tiến hoá đó, có ba điểm nổi bật trội hẳn lên trên tất cả. Điểm thứ nhất là nhập nhân loại, đạt cá tính riêng biệt, có được thể nguyên nhân, trở thành một chân ngã rõ rệt và dường như riêng rẽ. Đạt cá tính này là mục tiêu của tiến hoá thú vật, và sự phát triển ấy phục vụ một mục đích hết sức xác định. Mục đích là kiến lập một trung tâm cá thể mạnh mẽ, qua đó rốt cuộc năng lực của Thái dương Thượng đế có thể được tuôn đổ. Khi trung tâm này mới được hình thành, nó chỉ là một chân ngã bé nhỏ, hãy còn yếu ớt và chưa chắn chắn; để nó trở nên mạnh và xác định, nó phải được vây bọc bởi tính vị kỷ mãnh liệt của kẻ man dã. Trong nhiều đời, một bức tường vị kỷ dày đặc phải được duy trì, để bên trong nó, trung tâm ấy có thể ngày càng trở nên rõ rệt hơn.

We may regard this selfishness as a kind of scaffolding, which is absolutely necessary for the erection of the building, but must be destroyed as soon as the building is completed, in order that it may be able to subserve the purpose for which it was erected. The scaffolding is unbeautiful, and if it were left after the building is finished it would make it uninhabitable, and yet without it the building could not have been achieved. The object of the creation of the centre is that through it the force of the LOGOs should radiate out upon the world, and such radiation would be quite impossible if the selfishness persisted, and yet without that selfishness a strong centre could never have been made. We see therefore that this most unlovely of qualities has its place in evolution. Now for us its work is over, and we ought to have got rid of it. But it is useless to be angry with the ordinary man for his selfishness, since it simply means that what was in the savage a necessary virtue is still persisting into the civilized condition. In point of fact the selfish man is an anachronism, a survival of prehistoric savagery. He is hopelessly behind the times.

Chúng ta có thể coi tính vị kỷ này như một kiểu giàn giáo, hoàn toàn cần thiết cho việc dựng nên toà nhà, nhưng phải được dỡ bỏ ngay khi toà nhà hoàn tất, để nó có thể phụng sự mục đích vì đó mà nó được dựng lên. Giàn giáo không đẹp mắt, và nếu để lại sau khi toà nhà đã hoàn thành, nó sẽ khiến toà nhà không thể ở được; thế nhưng, không có nó, toà nhà đã chẳng thể được xây dựng. Mục đích của việc kiến lập trung tâm là để qua đó năng lực của Thái dương Thượng đế tuôn chiếu ra thế gian; và sự tuôn chiếu như vậy hoàn toàn bất khả nếu tính vị kỷ còn tồn tại; tuy nhiên, không có tính vị kỷ ấy, một trung tâm mạnh mẽ đã chẳng thể được tạo thành. Do đó, chúng ta thấy rằng phẩm chất kém đẹp đẽ nhất này cũng có chỗ đứng trong tiến hoá. Nay đối với chúng ta, công việc của nó đã xong, và chúng ta đáng lẽ đã phải loại bỏ nó. Nhưng nổi giận với người bình phàm vì tính vị kỷ của họ là vô ích, vì điều ấy đơn giản có nghĩa là điều từng là một đức tính cần thiết với kẻ man dã vẫn còn kéo dài vào tình trạng văn minh. Thực tế, kẻ vị kỷ là một lạc thời tố, một tàn dư của tính dã man tiền sử. Hắn tuyệt vọng lạc hậu so với thời đại.

How then is such a man to make himself unselfish, to bring himself abreast of the advancing current of evolution? The methods adopted by nature to secure this end are many and various, but they are all fundamentally one. For what is necessary is that the man shall realize the unity of all. And often he does this by gradually enlarging the self of which he thinks. Instead of thinking of himself as the unit he begins to regard the family as the unit for which he is working, and within its limits he gradually becomes unselfish. Presently he expands his ideas to include the tribe or clan to which he belongs, and he learns to be unselfish within its limits, while still absolutely selfish and even predatory to all

Vậy người như thế phải làm sao để khiến mình vô tư, để theo kịp dòng tiến triển của tiến hoá? Các phương thức thiên nhiên dùng để đạt mục tiêu này thật nhiều và đa dạng, nhưng về cơ bản đều là một. Điều cần thiết là con người phải nhận ra sự nhất thể của vạn hữu. Và y thường làm điều này bằng cách dần mở rộng cái "tôi" mà y nghĩ đến. Thay vì nghĩ về mình như một đơn vị, y bắt đầu xem gia đình như đơn vị mà mình làm việc vì nó; và trong giới hạn ấy, y dần trở nên vô tư. Liền đó, y mở rộng quan niệm để bao gồm bộ tộc hoặc thị tộc mà y thuộc về, và y học cách vô tư trong phạm vi của nó, trong khi vẫn hoàn toàn vị kỷ và thậm chí ưa xâm lấn đối với tất cả những ai ở bên ngoài, những kẻ mà y thường coi là kẻ thù tự

who are outside it, whom he usually regards as natural enemies. Later on in his history he extends his ideas so as to include, in certain respects at least, the nation to which he belongs.

nhiên. Lâu hơn nữa trong lịch sử của mình, y mở rộng quan niệm để bao gồm, chí ít trong vài phương diện, quốc gia mà y thuộc về.

It is somewhere in the course of that stage of transition that the majority of humanity stand at the present moment. In almost all minor matters the ordinary man is still fighting for his family against the interests of all other families, but in a few wider matters he recognizes that his interests are identical with those of those other families, and so in those matters he develops what he calls patriotism and national feeling; but even in those matters he is still absolutely selfish as regards all those other families who happen to speak different languages and to be born in different climes. At some time in the future the average man will extend his ideas of self to include the whole of humanity, and then at last we may say that he has become by slow degrees unselfish.

Vào một giai đoạn chuyển tiếp nào đó tương tự như vậy mà đa số nhân loại đang đứng vào lúc hiện nay. Trong hầu như mọi việc nhỏ, người thường vẫn còn chiến đấu cho gia đình mình chống lại quyền lợi của mọi gia đình khác; nhưng trong một vài việc rộng lớn hơn, y nhận ra rằng quyền lợi của y đồng nhất với quyền lợi của các gia đình khác ấy, và vì vậy trong những việc ấy, y phát triển điều y gọi là chủ nghĩa ái quốc và tình cảm dân tộc; nhưng ngay cả trong những việc ấy, y vẫn hoàn toàn vị kỷ đối với tất cả những gia đình khác nói ngôn ngữ khác và sinh ra ở các xứ sở khác. Tới một lúc nào đó trong tương lai, người trung bình sẽ mở rộng quan niệm về cái "tôi" của mình để bao gồm toàn thể nhân loại; và rồi cuối cùng, chúng ta có thể nói rằng y đã dần dần trở nên vô tư.

While he is thus learning to take a wider view of his relation to others, he is also learning something with regard to himself. First he realizes that he is not his physical body, later that he is not his feelings, and further on still that he is not even his mind. This brings him eventually to the realization that he is the ego or soul, and still later on he realizes that even that ego is only apparently separate, and that there is in reality but one transcendant unity.

Trong khi học cách có một cái nhìn rộng hơn về quan hệ của mình với người khác, y cũng đang học một điều gì đó liên quan đến chính mình. Thoạt đầu, y nhận ra rằng y không phải là thể xác; sau đó, y nhận ra rằng y không phải là cảm xúc; và xa hơn nữa, rằng y thậm chí không phải là trí. Điều này rốt cuộc đưa y đến nhận thức rằng y là chân ngã hay linh hồn; và lâu dần hơn nữa, y nhận ra rằng ngay cả chân ngã ấy cũng chỉ là riêng rẽ một cách bề ngoài, và rằng trong thực tại chỉ có một Nhất thể siêu việt.

Thus the man treads the weary round of the seven hundred and seventy-seven incarnations, a time of slow and painful progress and of harrowing uncertainty, but at last after all those struggles the uncertainty ends with that plunge into the stream that

Như thế, con người đi vòng mệt mỏi qua bảy trăm bảy mươi bảy lần lâm phàm—một thời kỳ tiến bộ chậm chạp, đau đớn và bất trắc dằn vặt—nhưng cuối cùng, sau tất cả những vật lộn ấy, sự bất trắc chấm dứt bằng cú "nhập lưu" khiến con người vĩnh viễn an ổn; và đó là

makes the man safe forever, and so that is the second and still more important point in his evolution. But before he can take this step the man must have learned consciously to co-operate with nature, he must definitely have taken his own evolution in hand. The knowledge of the unity which makes him unselfish also makes him desire to be useful, for it gives him an incentive to study and to perfect himself—a reason for his actions and a criterion by which he can judge the feelings and thoughts within him, and also the value of all with which he comes into contact.

điểm thứ hai, còn quan trọng hơn nữa, trong tiến hoá của y. Nhưng trước khi có thể bước sang chặng này, con người phải học cách cộng tác một cách có ý thức với thiên nhiên, phải dứt khoát tự nắm lấy tiến hoá của chính mình. Tri thức về Nhất thể khiến y vô tư cũng khiến y ước muốn hữu ích, bởi nó ban cho y một động lực để học hỏi, để hoàn thiện bản thân—một lý do cho các hành động của y, một tiêu chuẩn để y có thể phán đoán các cảm xúc và tư tưởng trong y, và cả giá trị của tất cả những gì y tiếp xúc.

How then must he begin this work of perfecting himself? Obviously he must first pull up the weeds, that is to say he must eliminate one by one the undesirable qualities which he finds in himself; then he must seek the good qualities and cultivate them. He must definitely set himself to practise helpfulness, even although at first he may be very clumsy in the unaccustomed work. The formation of character is very slow and tedious for him, for there are many forces arrayed against his efforts, forces which he himself has made in the past. He has for many years been yielding himself to the sway of certain undesirable qualities, and so they have gained a great momentum.

Vậy y phải khởi sự công cuộc hoàn thiện bản thân như thế nào? Rõ ràng trước hết y phải nhổ sạch cỏ dại—nghĩa là loại bỏ từng điều một các phẩm chất bất thiện mà y nhận thấy nơi mình; rồi y phải tìm các phẩm chất tốt và vun trồng chúng. Y phải dứt khoát tập luyện đức hữu ích, dù lúc đầu có thể rất vụng về trong công việc chưa quen. Việc lập hạnh đối với y diễn ra rất chậm và mệt nhọc, bởi có nhiều lực lượng giàn trận chống lại nỗ lực của y—những lực lượng do chính y tạo ra trong quá khứ. Suốt nhiều năm y đã buông mình theo quyền lực của một số phẩm chất bất thiện, và vì thế chúng đã tích luỹ được một đà rất lớn.

Take the case of such a vice as irritability, for example. He has in the past been in the habit of yielding himself to outbursts of anger, and every such outburst makes it more difficult for him to control himself on the next occasion; so a strong habit has been set up, a vast amount of energy moving in that direction has been accumulated. This is stored up, not in the ego as an inherent quality, but in the permanent astral atom; and when he realizes the inadvisability of anger and sets himself against it he has to meet this store of force which he himself has generated during

Hãy lấy ví dụ như tật dễ cáu kỉnh. Trước đây y quen buông mình theo những cơn bừng bừng giận dữ, và mỗi cơn như thế lại khiến y khó tự chủ hơn vào lần sau; thế là một thói quen mạnh mẽ đã hình thành, một lượng lớn năng lượng chuyển động theo chiều hướng ấy đã được tích lũy. Năng lượng này không được cất chứa trong chân ngã như một phẩm chất cố hữu, mà ở trong Nguyên tử trường tồn của thể cảm dục; và khi y nhận ra sự bất lợi của cơn giận rồi quyết chí chống lại nó, y phải đối mặt với kho lực do chính y tích chứa suốt nhiều đời. Tự nhiên y thấy nhiệm vụ của mình thật

many past lives. Naturally he finds his task a difficult one, and he meets with many failures and discouragements; but the important thing for him to bear in mind is that however many times he may fail, victory is absolutely a scientific certainty, if only he will persevere.

khó, và gặp nhiều thất bại, nản lòng; nhưng điều quan trọng y phải ghi nhớ là, bất kể thất bại bao nhiêu lần, chiến thắng tuyệt đối là một tất yếu theo khoa học, miễn là y kiên trì.

However great the amount of force may be which he has stored up, it must be a finite amount, and every effort which he makes against it reduces it by just so much. But on his side there is a force which is infinite; if only his will is strong enough he can go on, if necessary through many lives, steadily renewing the force for good with which he combats the evil, and behind him in that effort is the infinite force of the LOGOS Himself, because that evolution is in accordance with His will. Until the man grasps the idea of unity he has no adequate motive for undertaking the hard and distasteful work of character-building, but when he has seen the necessity of this, the reason for trying is just as valid even though he has failed a thousand times as it was in the beginning. No number of failures can daunt the man who understands the scheme, just because he knows that however great the struggle may be the forces of infinity are on his side, and therefore in the end he cannot fail.

Dẫu lượng lực mà y đã tích trữ có lớn đến đâu, nó nhất quyết vẫn là hữu hạn; và mỗi nỗ lực y làm để chống lại nó đều làm giảm nó đúng bằng chừng ấy. Còn về phía y, có một năng lực là vô hạn; nếu ý chí y đủ mạnh, y có thể tiếp tục, nếu cần thì qua nhiều đời, bền bỉ bổ sung lực thiện để đối chọi với ác lực; và hậu thuẫn sau y trong nỗ lực ấy là năng lực vô hạn của chính Thái dương Thượng đế, bởi vì tiến hoá đó phù hợp với Ý Chí của Ngài. Cho đến khi con người nắm lấy ý niệm về Nhất thể, y không có động cơ thích đáng để dấn mình vào công việc gian nan và khó ưa của việc lập hạnh; nhưng một khi y đã thấy nhu cầu của điều này, thì lý do để cố gắng vẫn nguyên giá trị, dẫu y đã thất bại đến cả nghìn lần như lúc ban đầu. Không số lần thất bại nào có thể làm nản lòng người hiểu Thiên Cơ, đơn giản vì y biết rằng, dẫu chiến đấu có gay go đến đâu, các lực lượng của vô hạn đang đứng về phía y, và vì thế cuối cùng y không thể thất bại.

To be certain of remembering this purpose of his from life to life he should raise his consciousness to the ego; but during the stages when he is as yet incapable of this he will nevertheless impress that purpose upon the permanent atoms, and so it will be carried over with them from life to life. If the ego can be reached, the man will be born with the knowledge inherent in him; if he can only impress the permanent atoms, the knowledge will not actually be born with him as part of his stock-in-trade, but the moment that it comes before him in any form in his next

Để chắc chắn ghi nhớ mục đích ấy từ đời này qua đời khác, y nên nâng tâm thức của mình lên đến chân ngã; nhưng trong những giai đoạn khi y chưa thể làm điều đó, y vẫn có thể in khắc mục đích ấy vào các nguyên tử trường tồn, để nó được mang theo với chúng từ đời này sang đời khác. Nếu có thể chạm đến chân ngã, con người sẽ sinh ra với tri thức như một phần cố hữu trong y; nếu y chỉ có thể in khắc vào các nguyên tử trường tồn, tri thức ấy sẽ không thực sự sinh cùng với y như một phần trong vốn liếng sẵn có; nhưng ngay khoảnh khắc tri thức ấy hiện ra trước y dưới bất cứ

incarnation he will immediately recognize its truth, seize upon it, and act accordingly. This steady practice of virtue and this persistent increase of knowledge will certainly lead him to the gate of the probationary path, and through that to the great initiation of which we have spoken.

dạng nào trong kiếp sống kế tiếp, y sẽ lập tức nhận ra chân lý của nó, nắm lấy nó, và hành động theo đó. Sự thực hành đức hạnh một cách bền bỉ và việc gia tăng tri thức một cách liên tục sẽ chắc chắn dẫn y đến cửa của Con Đường Dự Bị, và qua đó đến đại điểm đạo mà chúng ta đã nói.

After that initiation the third point is sure to follow—the gaining of the further shore of that stream, in the attainment of adeptship, when the man leaves the merely human evolution and enters upon that which is superhuman. We are told that after a man has entered upon the stream it takes him an average of seven incarnations to reach the fourth step, that of the arhat, the noble, the venerable, the perfect. That period is more often lengthened than shortened, and the lives are usually taken without an intervening stage in the heaven-world. Ordinarily it is only men of this stage who are able thus to dispense with or renounce the life of the heaven-world.

Sau điểm đạo ấy, điểm thứ ba chắc chắn sẽ theo sau—việc đạt bờ bên kia của dòng lưu, tức thành tựu địa vị chân sư, khi con người rời khỏi tiến hoá thuần nhân loại và bước vào tiến hoá siêu nhân loại. Người ta được dạy rằng, sau khi con người đã nhập lưu, y cần trung bình bảy lần lâm phàm để đạt đến bước thứ tư—A-la-hán—bậc cao quý, khả kính, viên mãn. Khoảng thời gian này thường dài thêm hơn là rút ngắn, và những kiếp sống ấy thường được đảm nhận mà không qua giai đoạn nghỉ ở cõi thượng thiên. Thông thường, chỉ những ai ở giai đoạn này mới có thể như thế—có thể miễn hoặc từ bỏ đời sống cõi thượng thiên.

At the same time those who are so happy as to be chosen to take part in the noble task for which the great Masters are preparing us, that of working under the Manu in charge of the development of the sixth root-race, will certainly need many successive incarnations without any intervening periods of celestial rest. The possibility of this is however conditioned by the rule that a man must have experienced celestial consciousness before he can renounce the heaven-life; and furthermore it is not in the least merely a question of voluntarily renouncing a reward, but of being sufficiently advanced to dispense for a time with that part of evolution which for the majority comes most usually in the heaven-life.

Đồng thời, những ai hạnh phúc được chọn tham dự vào công việc cao quý mà các Đại Chân sư đang chuẩn bị cho chúng ta—đó là làm việc dưới quyền vị Manu phụ trách việc phát triển Giống dân gốc thứ sáu—ắt hẳn sẽ cần nhiều kiếp liên tiếp không có các khoảng nghỉ thiên giới ở giữa. Tuy nhiên, khả năng này còn chịu điều kiện bởi quy luật rằng con người phải kinh nghiệm tâm thức thượng thiên trước khi có thể từ bỏ đời sống thiên giới; hơn nữa, điều này hoàn toàn không chỉ là tự nguyện từ bỏ một phần thưởng, mà là việc đủ tiến bộ để tạm thời miễn qua phần của tiến hoá vốn đối với đa số thường diễn ra trong đời sống thiên giới.

When he stands upon the step of arhatship

Khi y đứng trên nấc A-la-hán, có thể nói rằng

half his path from the first initiation to adeptship may be said to have been trodden, for he has then cast off five of the ten great fetters which hold men back from nirvana. Before him lies the task of casting off the remaining five, and for that also an average of seven incarnations is allowed, but it must be understood that this average is in no sense a rule, for many men take much longer than this, whereas others with greater determination and perseverance move through these initiations in very much less time. A case has been known in which, by beginning very early in life, and by working very hard, a man has been able to take all four of the great initiations in one incarnation, but this is excessively rare, and not one in ten thousand candidates could do it.

nửa chặng đường từ lần điểm đạo thứ nhất đến địa vị chân sư đã được đi qua, vì khi ấy y đã cởi bỏ năm trong mười xiềng xích lớn trói buộc con người khỏi niết-bàn. Trước mặt y là nhiệm vụ cởi bỏ năm xiềng còn lại; và cho việc này cũng cho phép trung bình bảy kiếp, nhưng cần hiểu rằng con số trung bình này không phải là quy luật, vì nhiều người mất thời gian lâu hơn nhiều, trong khi những người khác, với quyết tâm và kiên trì lớn hơn, đi qua các lần điểm đạo ấy trong thời gian ngắn hơn rất nhiều. Có trường hợp được biết đến, trong đó, bằng cách khởi sự rất sớm trong đời và làm việc rất miệt mài, một người đã có thể vượt qua cả bốn đại điểm đạo trong một kiếp, nhưng điều này cực kỳ hiếm hoi, và không một trong mười nghìn ứng viên có thể làm được.

It will be remembered that to stand at the level of the arhat involves the power fully to use the buddhic vehicle, and it will also be remembered that when a man raises himself into his buddhic body the causal body vanishes, and he is under no compulsion whatever ever to re-form it. Clearly therefore the seven lives which remain to him before he reaches the level of adeptship need not involve a descent to the physical plane at all, and therefore they may not be what we ordinarily mean by incarnations. Nevertheless in the great majority of cases they are taken upon the physical plane, because the man has work to do upon that plane for the Great Brotherhood.

Cần nhớ rằng đứng ở cấp độ A-la-hán bao hàm năng lực sử dụng trọn vẹn hiện thể Bồ đề; và cũng cần nhớ rằng khi một người nâng mình lên hiện thể Bồ đề, thể nguyên nhân tiêu biến, và y hoàn toàn không bị cưỡng bách phải tái tạo nó. Rõ ràng vì vậy bảy đời còn lại trước khi y đạt địa vị chân sư không nhất thiết đòi hỏi phải giáng hạ vào cõi hồng trần, và do đó chúng có thể không phải là điều mà thông thường chúng ta gọi là các lần lâm phàm. Tuy nhiên, trong đại đa số trường hợp, chúng vẫn được đảm nhận nơi cõi hồng trần, bởi vì con người có công tác phải làm trên cõi ấy cho Đại Huynh đệ Đoàn.

The candidate spends these fourteen lives in passing through the different stages of the Path of Holiness, and in acquiring all the qualifications which are described in detail in the concluding chapters of *Invisible Helpers*. One who becomes a disciple of one of our Masters takes always, not the path to selfish liberation—the mere balancing of good and

Ứng viên trải qua mười bốn kiếp ấy để vượt qua các giai đoạn khác nhau của Con Đường Thánh Đức, và để thành tựu mọi phẩm tính được mô tả chi tiết trong các chương kết của *Những Người Trợ Giúp Vô Hình*. Người trở thành đệ tử của một trong các Chân sư của chúng ta luôn chọn, không phải con đường giải thoát vị kỷ—chỉ cân bằng nghiệp quả

evil karma and the vanishing of all desire, so that the man is no longer forced back into rebirth—but the path of renunciation in which, having seen the scheme of the LOGOS, the man throws himself into it and lives only to promote the advancement of his fellow-men.

thiện-ác và diệt mất toàn bộ dục vọng, khiến con người không còn bị bắt buộc tái sinh—mà là Con Đường Từ Bỏ, trong đó, sau khi đã thấy được đại đồ của Thái dương Thượng đế, con người hiến mình vào đó và sống chỉ để thúc đẩy sự tiến bộ của đồng loại.

This has been called "The Path of Woe" because of the constant self-sacrifice which it involves, but in truth this title is somewhat of a misnomer, because although it is true that there is suffering, it is always a suffering of the lower and not of the higher, and if the man should avoid such suffering by supineness or idleness, and leave undone the work which he might have done, there would assuredly be much greater suffering for him at a far higher level, in the shape of remorse. Such suffering as is inevitable in this path arises from the fact that the student is striving to do here and now in the fourth round what will be natural and easy in the seventh round. All our vehicles then will be much more developed, and even the very material of which they are built will be in an entirely different condition, because the physical atom will then have all its seven spirillae active instead of only four of them. Therefore to force our present undeveloped vehicles to do work which will be comparatively easy for those which in millions of years will be fully developed, involves a great deal of strain, and this strain is necessarily productive of a certain amount of suffering.

Con đường này đã được gọi là "Con Đường Bi Sầu" vì sự tự hy sinh liên tục mà nó đòi hỏi; nhưng thật ra danh xưng ấy có phần không thật xác, vì dẫu có khổ đau, đó luôn là khổ đau của phần thấp chứ không phải của phần cao; và nếu con người lẩn tránh khổ đau ấy bằng sự nhu nhược hay biếng nhác, bỏ qua công việc lẽ ra mình có thể làm, thì sẽ chắc chắn có một nỗi khổ còn lớn hơn đối với y ở một cấp độ cao hơn —dưới hình thức ăn năn hối hận. Mọi khổ đau tất yếu trong con đường này phát sinh từ sự thật rằng người học đạo đang cố gắng làm ngay bây giờ, trong cuộc tuần hoàn thứ tư, những điều sẽ là tự nhiên và dễ dàng trong cuộc tuần hoàn thứ bảy. Khi ấy các hiện thể của chúng ta sẽ phát triển hơn nhiều, và ngay cả chất liệu cấu thành chúng cũng ở trong một tình trạng hoàn toàn khác, bởi vì nguyên tử hồng trần khi đó sẽ có đủ cả bảy xoắn tuyến hoạt hoá, thay vì chỉ có bốn như bây giờ. Do đó, bắt ép các hiện thể hiện tại còn chưa phát triển của chúng ta phải làm công việc sẽ tương đối dễ dàng đối với các hiện thể sẽ hoàn toàn phát triển trong hàng triệu năm tới, tất nhiên hàm ý một mức độ căng thẳng lớn lao, và căng thẳng này tất yếu sản sinh một lượng khổ đau nhất định.

It is analogous to the suffering and privation which is cheerfully undergone by an athlete when he puts himself in training. If he wishes to compete in some great race or trial of strength, he must make his physical body do more than it would naturally do, and deny it many things which it greatly likes, the absence of which unquestionably causes it

Điều này tương tự như nỗi khổ và sự thiếu thốn mà một lực sĩ vui lòng chịu đựng khi y tự rèn luyện. Nếu y muốn tranh tài trong một cuộc đua lớn hay một phép thử sức mạnh, y phải bắt cơ thể làm nhiều hơn điều nó tự nhiên muốn, và từ khước cho nó nhiều thứ nó rất ưa thích, sự vắng mặt của chúng chắc chắn gây cho cơ thể nhiều khó chịu, thậm chí có thể là

considerable discomfort, and perhaps even somewhat of positive suffering. Yet for the purpose which he has in view the athlete quite cheerfully undergoes this; indeed if, for the sake of avoiding these comparatively slight temporary discomforts, he should put aside the opportunity of taking part in the race or contest, it is quite likely that afterwards when he saw his comrades passing onward to victory he would feel a remorse for that self-indulgence, which would involve keener suffering on a higher plane. The analogy holds good in reference to the efforts necessary to progress along the path of renunciation; the man who fell aside from that path because of its difficulties and hardships would undoubtedly suffer far more in the long run from remorse when he saw those of his fellow-creatures going unhelped whom he might have aided, when he saw misery among them which he knew that he might have relieved if he had been less self-indulgent.

khổ đau thật sự. Thế nhưng vì mục đích y đã đặt ra, lực sĩ hoàn toàn vui lòng chịu đựng; thật vậy, nếu chỉ để tránh các bất tiện tạm thời khá nhẹ ấy mà y gạt bỏ cơ hội tham dự cuộc đua hay cuộc thi, rất có thể sau này khi thấy bằng hữu của mình tiến tới chiến thắng, y sẽ cảm thấy hối hận vì sự nuông chiều bản thân, một nỗi buồn chắc chắn còn gay gắt hơn ở một bình diện cao hơn. Sự tương tự này đúng khi nói về những nỗ lực cần thiết để tiến bước trên Con Đường Từ Bỏ; người rơi khỏi con đường ấy vì những khó khăn và gian khổ của nó chắc chắn về lâu dài sẽ chịu khổ hơn nhiều bởi ăn năn, khi y thấy những đồng loại mình vẫn không được trợ giúp—những người mà y lẽ ra đã có thể trợ giúp; khi y thấy giữa họ có khốn khổ mà y biết rằng y đã có thể làm vơi đi nếu y bớt vị kỷ.

There is never any pain to the Self, but only to these lower vehicles, when they are being prematurely adapted. A good analogy may be taken from the growth of crabs and other crustaceans. These creatures have their bones outside for protection, in the form of a shell, while our bones are inside, in the form of a skeleton. A fatal objection to the crustacean scheme is that when the creature grows it has to burst the shell and then wait for another one to grow, which must be both a painful and inconvenient process. So in the process of our growth do we make about ourselves shells of thought, as though we were mental crustaceans. Presently the shell becomes too small, and then we make a long series of efforts to crowd the new growth inside it and make it do somehow; but in the end this always proves impossible, and we have painfully to burst it. This however is inevitable, so chafe not at karma and at

Không bao giờ có nỗi đau cho Chân Ngã, mà chỉ có cho các hiện thể thấp, khi chúng bị điều chỉnh sớm hơn thời. Một tương tự tốt có thể lấy từ sự tăng trưởng của cua và các loài giáp xác khác. Những sinh vật này có xương ở ngoài để bảo vệ—dưới dạng một cái mai—trong khi xương của chúng ta ở bên trong—dưới dạng một bộ xương. Một nhược điểm chí tử của sơ đồ giáp xác là khi sinh vật lớn lên, nó phải làm nứt cái mai và rồi đợi một cái khác mọc ra, một quá trình hẳn là vừa đau đớn vừa bất tiện. Cũng vậy, trong tiến trình tăng trưởng của chúng ta, chúng ta tạo quanh mình những cái "mai" tư tưởng, như thể chúng ta là những "giáp xác" về mặt trí. Dần dần cái mai trở nên quá chật, và rồi chúng ta thực hiện một chuỗi nỗ lực dài để nhét sự tăng trưởng mới vào trong đó và bằng cách nào đó bắt nó phải chịu đựng; nhưng rốt cuộc điều đó luôn chứng tỏ là bất khả, và chúng ta buộc phải đau đớn bẻ gãy nó. Tuy vậy điều này là không thể tránh; vì thế

nature's changeless laws, for you made the shell yourself in the past, and now you yourself must break it. But if you did not go to the inconvenience of breaking it, you would suffer far more in the unsatisfied feeling that no progress had been made.

đừng bực bội với nghiệp quả và các định luật bất biến của thiên nhiên, bởi chính bạn đã tạo cái mai trong quá khứ, và bây giờ chính bạn phải phá nó. Nhưng nếu bạn không chịu gánh lấy sự bất tiện của việc phá vỡ nó, bạn sẽ khổ đau nhiều hơn nữa trong cảm giác bất toại rằng chẳng có tiến bộ nào đã được thực hiện.

Many people are afraid of change, especially of a change of faith, and this arises not only from inherited prejudice, but also from actual fear of doubt—fear that if one once lets go one may be unable to find mental anchorage anywhere. Many a man is quite unable to make rational defence of his belief, or to answer the problems which inevitably arise in connection with it, and yet he is afraid to let it go. Sooner or later he will have to let go, though the widening out of his faith is sure to be accompanied by pain. Truly there would be no suffering for us if we never broke our shells, but then on the other hand there would be no progress.

Nhiều người sợ thay đổi, nhất là thay đổi đức tin; nỗi sợ này phát sinh không chỉ từ định kiến thừa hưởng, mà còn từ nỗi sợ nghi ngờ—nỗi sợ rằng nếu một khi buông tay, người ta có thể không tìm được chỗ neo đậu cho tâm trí ở đâu nữa. Không ít người hoàn toàn không thể biện hộ hợp lý cho niềm tin của mình, hoặc trả lời những vấn đề tất yếu nảy sinh liên quan đến nó, nhưng họ vẫn sợ buông bỏ. Sớm hay muộn, họ sẽ phải buông bỏ, dẫu rằng sự mở rộng đức tin của họ chắc chắn sẽ đi kèm với đau đớn. Quả thật, sẽ chẳng có khổ đau nào cho chúng ta nếu chúng ta không bao giờ phá vỡ các cái mai; nhưng ngược lại, cũng sẽ chẳng có tiến bộ.

The life of the disciple is full of joy—never doubt it an instant. But it is not a life of ease. The work which he has to do is very hard, the struggle is a very real one. To compress into a few short lives the evolution of millions of years—the evolution for which the ordinary process of nature allows three rounds and a half—is not a mere holiday task. Our President has written: "Disciples are the crucibles of nature, wherein compounds that are mischievous are dissociated and are recombined into compounds that promote the general good."

Đời sống của đệ tử tràn đầy hoan lạc—đừng nghi ngờ điều này dù chỉ một thoáng. Nhưng đó không phải là đời sống dễ dãi. Công việc y phải làm thật sự rất khó, cuộc chiến thật sự rất thực. Nén lại trong vài kiếp ngắn ngủi sự tiến hoá của hàng triệu năm—sự tiến hoá mà tiến trình tự nhiên thông thường dành cho ba cuộc tuần hoàn rưỡi—không phải là một cuộc du xuân. Vị Chủ Tịch của chúng ta đã viết: "Các đệ tử là những lò luyện của thiên nhiên, nơi mà những hợp chất nguy hại được phân giải và tái kết hợp thành những hợp chất thúc đẩy lợi ích chung."

It is not *necessary* for any one to become such a crucible; perhaps it would be nearer the fact to say that to become one is a distinction eagerly sought after; nearer still to say that when once a man has *seen* the great sacrifice of the LOGOS there is no other possibility for

Không *cần thiết* cho bất kỳ ai phải trở thành một chiếc lò luyện như thế; có lẽ gần sự thật hơn nếu nói rằng trở thành như thế là một vinh dự được khao khát; và còn gần hơn nữa khi nói rằng một khi con người đã *thấy* đại hiến tế của Thượng đế thì y không còn khả

him but to throw himself into it—to do his tiny best to share in it and to help it at whatever cost to his lower nature. And this is no child's play; it does indeed involve often a terrible strain. But an earnest student will be able to realize that a man may so love his work, and may be so full of joy in it, that outside of it there can be no pleasure worth considering, even though that work may tax almost beyond bearing every faculty and every vehicle—physical, astral or mental—which he possesses.

năng nào khác ngoài việc ném mình vào trong đó—làm phần việc nhỏ bé nhất của mình để chia phần và trợ giúp cho hiến tế ấy, dù phải trả giá thế nào đối với bản tánh thấp của mình. Và đây không phải trò trẻ con; quả thật nó thường kéo theo một căng thẳng khủng khiếp. Nhưng một đạo sinh nghiêm cẩn sẽ có thể nhận ra rằng một người có thể yêu công việc của mình đến thế, và tràn đầy hoan lạc trong đó đến độ bên ngoài nó không còn thú vui nào đáng kể, dù công việc ấy có thể đòi hỏi gần như quá sức chịu đựng mọi năng lực và mọi hiện thể—hồng trần, cảm dục hay trí tuệ—mà y sở hữu.

It must be remembered that when humanity in general has this work to do and this evolution to accomplish, it will be far better fitted for the effort than is the man who is trying now to take a shorter and steeper road. Many of his difficulties are due to the fact that he is attempting with a set of fourth-round bodies to achieve the result for the attainment of which nature will prepare her less adventurous children by supplying them in the course of the ages with the splendid vehicles of the seventh round. Of course even to gain those glorified vehicles these weaker souls will have to do the same work; but when it is spread over thousands of incarnations it naturally looks less formidable.

Cần nhớ rằng khi toàn thể nhân loại đến lúc phải làm công việc này và hoàn tất tiến hoá này, nhân loại sẽ thích hợp cho nỗ lực ấy hơn nhiều so với người hiện nay đang cố gắng chọn con đường ngắn hơn mà dốc hơn. Nhiều khó khăn của y là do y đang toan đạt kết quả bằng một bộ hiện thể thuộc cuộc tuần hoàn thứ tư, trong khi thiên nhiên sẽ chuẩn bị cho những đứa con ít mạo hiểm hơn của mình bằng cách, qua dòng thời đại, cung ứng cho họ những hiện thể rực rỡ của cuộc tuần hoàn thứ bảy. Dĩ nhiên, ngay cả để có được các hiện thể được vinh quang hoá ấy, những linh hồn yếu hơn này cũng vẫn phải làm cùng một công việc; nhưng khi nó trải rộng qua hàng ngàn lần lâm phàm thì tự nhiên nó có vẻ ít đáng sợ hơn.

Yet beyond and above all his struggle the pupil has ever an abiding joy, a peace and serenity that nothing on earth can disturb. If he had not, he would indeed be a faithless servant of his Master, for he would be allowing the temporary strain on the vehicles to overbear his perception of the Self within; he would be identifying himself with the lower instead of with the higher.

Tuy vậy, vượt lên trên mọi cuộc tranh đấu của mình, người môn sinh luôn có một niềm hoan lạc thường trụ, một bình an và sự tĩnh lặng không gì trên trần thế có thể khuấy động. Nếu y không có điều đó, hẳn y là kẻ đầy tớ bất trung của Chân sư của mình, vì y đã để cho sự căng thẳng tạm thời áp bức các hiện thể lấn át tri kiến về Chân Ngã bên trong; y đã đồng hoá với phần thấp thay vì với phần cao.

There is therefore a certain element of. the ridiculous in describing this Path as one of

Vì thế, việc mô tả Thánh Đạo này như một con đường khổ luỵ có phần khôi hài, khi rõ ràng là

woe, when it is clearly evident that there would be much greater woe for the candidate if this Path were not taken. Indeed, to the man who is really doing his duty true sorrow is unknown: "Never doth any who worketh righteousness, O beloved, tread the path of woe." (*Bhagavad-Gita*, vi.)

ứng sinh sẽ chịu khổ lớn hơn nhiều nếu không bước lên Thánh Đạo này. Quả thật, với người thực sự làm tròn bổn phận, nỗi sầu chân thật là điều không biết đến: "Không hề có ai làm điều công chính, hỡi người thương mến, lại bước trên con đường khổ." (*Bhagavad-Gita*, vi.)

This is as regards the inner life of the disciple, but if one is to consider the treatment which he is likely to receive on the physical plane, the name of the path of woe is by no means inappropriate, at least if he has to do any sort of public work in which he tries to help the world. Ruysbroek, the Flemish mystic of the fourteenth century, writes of those who enter upon the Path: "Sometimes these unhappy ones are deprived of the good things of earth, of their friends and relations, and are deserted by all creatures; their holiness is mistrusted and despised, men put a bad construction all the works of their life, and they are rejected disdained by all those who surround them; and sometimes they are afflicted with divers diseases." Remember, too, how Madame Blavatsky writes: "Where do we find in history that ` Messenger' grand or humble, an Initiate or Neophyte, who, when he was made the bearer of some hitherto concealed truth or truths, was not crucified and rent to shreds by the ` dogs' of envy, malice and ignorance? Such is the terrible Occult law; and he who does not feel in himself the heart of a lion to scorn the savage barking, and the soul of a dove to forgive the poor ignorant fools, let him give up the Sacred Science." (*The Secret Doctrine*, iii.)

Điều này là xét về đời sống nội tâm của người đệ tử, nhưng nếu xét đến cách đối đãi mà y có khả năng nhận lãnh trên cõi hồng trần, thì danh xưng "con đường khổ" cũng không phải là không thích đáng, nhất là nếu y phải làm bất cứ loại công việc công khai nào để cố gắng giúp đỡ thế gian. Ruysbroek, nhà thần bí xứ Flemish thế kỷ mười bốn, viết về những ai bước vào Thánh Đạo: "Đôi khi những kẻ bất hạnh này bị tước mất các điều tốt đẹp của trần gian, xa lìa bạn bè và thân quyến, và bị mọi sinh linh bỏ rơi; sự thánh thiện của họ bị ngờ vực và khinh chê, người đời xuyên tạc ác ý mọi việc trong cuộc sống của họ, và họ bị phủ nhận, bị khinh miệt bởi hết thảy những kẻ vây quanh; và đôi khi họ bị nhiều chứng bệnh khác nhau hành hạ." Cũng hãy nhớ Bà Blavatsky đã viết: "Trong lịch sử, chúng ta tìm đâu ra một 'Sứ giả' — cao sang hay khiêm hạ, một Điểm đạo đồ hay một người sơ cơ — khi được trao phó gánh vác một chân lý hay những chân lý bấy lâu bị che khuất, mà lại không bị 'lũ chó' của ghen ghét, ác tâm và ngu muội đóng đinh và xâu xé? Ấy là Định luật huyền bí khủng khiếp; và ai không cảm thấy trong mình trái tim sư tử để khinh lũ gầm gào dữ tợn, và linh hồn bồ câu để tha thứ cho những kẻ ngu muội đáng thương kia, thì thôi chớ nên bước vào Khoa học Thiêng Liêng." (*Giáo Lý Bí Nhiệm*, iii.)

The way in which the world usually treats a new truth is first to ridicule it, then to grow angry about it, and then to adopt it and pretend that it has always held that view. In the meantime the first exponent of the new

Cách thế gian thường đối xử với một chân lý mới là trước hết chế nhạo nó, rồi giận dữ vì nó, và sau đó thu nhận nó, rồi giả vờ rằng nó xưa nay vẫn giữ quan điểm ấy. Trong khi đó, người trình bày đầu tiên của chân lý mới rất có thể

truth has probably been put to death or died of a broken heart.

đã bị giết hoặc chết vì tan vỡ trái tim.

It is in the course of the training on this Path that the consciousness of the candidate passes through the three halls mentioned in *The Voice of the Silence.* This term is used there to indicate the three lower planes. The first, that of ignorance, is the physical plane, upon which we are born to live and die, and it is very truly described as a Hall of Ignorance, for all that we know in it is the merest outside of things. The second, the Hall of learning, is the astral plane, which is very truly the place of probationary learning, for when the astral centres are opened we see so much more of everything than we do on the physical plane that at first it seems to us that we must indeed be seeing the whole, though further development soon shows us that this is not so.

Trong quá trình huấn luyện trên Thánh Đạo này, tâm thức của ứng sinh đi qua ba "phòng" được nói đến trong *Tiếng Nói của Im Lặng.* Từ này ở đó dùng để chỉ ba cõi thấp. Cõi thứ nhất, cõi của vô minh, là cõi hồng trần, nơi chúng ta sinh ra để sống và chết, và được mô tả rất đúng là Phòng Vô Minh, vì tất cả những gì ta biết trong đó chỉ là bề ngoài nông cạn của sự vật. Cõi thứ hai, Phòng Học tập, là cõi cảm dục, vốn đúng là nơi học hỏi trong giai đoạn dự bị; vì khi các trung tâm cảm dục được khai mở, chúng ta thấy nhiều hơn về mọi thứ so với trên cõi hồng trần, đến nỗi thoạt đầu dường như ta hẳn đã thấy trọn vẹn, dù phát triển tiếp theo sớm cho thấy điều đó không phải vậy.

But *The Voice of the Silence* warns us that beneath each flower in this region, however beautiful it may be, lies coiled the serpent of desire—that lower desire, which the aspirant must stifle in order that he may develop in its place the higher desire which we call aspiration. In the case of affection, for example, the lower, the selfish, the grasping affection must be altogether transcended, but the high, pure, and unselfish affection can never be transcended, since that is a characteristic of the LOGOS Himself, and a necessary qualification for progress upon the Path. What men should cast aside is such love as thinks always "How much love can I gain? How much does so and so love me? Does he love me as he loves some one else?" The love which we need is that which forgets itself altogether, and seeks only the occasion to pour itself out at the feet of the loved one.

Nhưng *Tiếng Nói của Im Lặng* cảnh báo chúng ta rằng dưới mỗi đoá hoa trong khu vực này, dẫu đẹp đến đâu, đều có cuộn mình con rắn của dục vọng—tức dục vọng thấp, mà người chí nguyện phải dập tắt để phát triển thay vào đó khát vọng cao hơn, điều chúng ta gọi là chí nguyện. Lấy ví dụ về tình cảm, thì thứ tình cảm thấp, ích kỷ, chiếm hữu phải được hoàn toàn vượt qua, còn tình cảm cao, tinh ròng và vô kỷ thì không bao giờ có thể bị vượt qua, vì ấy là một đặc trưng của chính Thượng đế, và là một tư cách tất yếu cho sự tiến bộ trên Thánh Đạo. Con người nên vứt bỏ thứ tình yêu luôn nghĩ: "Ta có thể chiếm được bao nhiêu tình yêu? Người này thương ta bao nhiêu? Y có thương ta như thương ai khác chăng?" Tình yêu mà chúng ta cần là tình yêu quên mình hoàn toàn, chỉ tìm cơ hội để tuôn đổ chính mình dưới chân người mình thương.

The astral plane is often called the world of illusion, yet it is at least one stage, and a very

Cõi cảm dục thường được gọi là thế giới của ảo tưởng, dẫu ít nhất nó cũng là một chặng—

long stage, nearer to the truth of things than what we see on the physical plane. It often happens that men are easily deluded upon the astral plane, because they are as yet much in the position of babies there, new-born infants with no sense of distance and no developed capacity for locomotion. We must not forget that in the normal course of things people very slowly awaken to the realities of the astral plane, just as a baby awakens to the realities of the physical plane. But those of us who are deliberately and, as it were, prematurely entering upon the Path are developing such knowledge abnormally, and are consequently more liable to error.

và là một chặng rất dài—gần với chân tướng của sự vật hơn những gì ta thấy trên cõi hồng trần. Người ta thường dễ bị mê lầm ở cõi cảm dục, vì họ còn ở vị thế như những đứa trẻ sơ sinh nơi ấy—những ấu nhi mới sinh, chưa có cảm thức về khoảng cách và chưa phát triển năng lực vận động. Chúng ta đừng quên rằng theo tiến trình bình thường, con người rất chậm rãi thức tỉnh với các thực tại của cõi cảm dục, y như một hài nhi thức tỉnh với các thực tại của cõi hồng trần. Nhưng những ai cố ý và, như có thể nói, sớm trước thời bước vào Thánh Đạo, thì phát triển loại tri thức này một cách bất thường, và do đó dễ sai lầm hơn.

Danger and injury might easily come in the course of our experiments but for the fact that all pupils who under proper training are endeavouring to open these faculties are assisted and guided by those who are already accustomed to the plane. That is the reason for the various tests which are always applied to one who wishes to become a worker on the higher planes; that is why also all sorts of horrible sights are shown to the neophyte, in order that he may understand them and become accustomed to them. If this were not done, and if he came across such a thing suddenly, he might receive a shock which would drive him back into his physical body, and this would not only prevent his doing any useful work, but might also be a positive danger to that body. Where the neophyte is deluded on the astral plane it is his own fault, and not that of the plane, because error is due only to his unfamiliarity with the surroundings.

Nguy hiểm và tổn hại có thể dễ dàng xảy đến trong quá trình thử nghiệm của chúng ta nếu không vì lẽ là tất cả môn sinh, những người đang nỗ lực khai mở các năng lực này dưới sự huấn luyện đúng đắn, đều được những vị đã quen thuộc cõi giới ấy trợ giúp và dẫn dắt. Đó là lý do của nhiều thử thách luôn được áp dụng với người muốn trở thành một người làm việc trên các cõi cao; cũng là lý do vì sao đủ loại cảnh tượng kinh khiếp được cho người sơ cơ trông thấy, để y hiểu và quen với chúng. Nếu điều này không được thực hiện, và nếu y bất ngờ chạm trán một sự việc như thế, y có thể nhận một chấn động đẩy y trở lại thể xác; điều này không chỉ ngăn y làm bất kỳ công việc hữu ích nào mà còn có thể gây nguy hiểm thực sự cho thể xác ấy. Khi người sơ cơ bị mê lầm trên cõi cảm dục, đó là lỗi của chính y, chứ không phải lỗi của cõi giới, vì sai lầm chỉ do y chưa quen với hoàn cảnh chung quanh.

The third hall is the mental plane—the Hall of Wisdom. As soon as a man is free from attachment to astral things he can pass beyond the probationary stage of his learning, and begin to acquire knowledge which is real

Phòng thứ ba là cõi trí—Phòng Minh triết. Ngay khi con người thoát khỏi sự chấp trước vào các sự vật cảm dục, y có thể vượt khỏi giai đoạn dự bị của học hỏi, và bắt đầu thu đạt tri thức chân thực và xác định. Vượt lên trên đó

and definite. Beyond that in turn lies the imperishable world of the buddhic plane, in which for the first time the man learns the true unity of all that to the lower vision seems to be separate.

nữa là thế giới bất hoại của cõi Bồ đề, nơi lần đầu tiên con người học được chân nhất thể của tất cả những gì dưới nhãn quan thấp dường như là biệt lập.

It has been said, "Thou canst not travel on the Path before thou hast become that Path itself." As long as it is but a Path to us, and we are following it according to directions received, or because we have seen it and chosen it with the intellect only, we have not truly entered it at all. This is only a stage, leading on to the condition when you have become yourself the Law and the Path, and you fulfil its requirements, instinctively doing the right merely because it is the right, and because it is inconceivable that you could do anything else. Then only you have *become* the Path.

Người ta đã nói: "Ngươi không thể du hành trên Thánh Đạo trước khi chính ngươi đã trở thành Thánh Đạo ấy." Bao lâu nó vẫn chỉ là một Con Đường đối với chúng ta, và chúng ta theo nó theo chỉ dẫn đã nhận, hoặc vì chúng ta đã thấy nó và chọn nó chỉ bằng trí năng, thì chúng ta vẫn chưa thật sự nhập đạo. Đó chỉ là một giai đoạn, đưa đến tình trạng bạn tự chính mình trở thành Định luật và Thánh Đạo, và bạn làm trọn các đòi hỏi của nó, một cách tự nhiên làm điều đúng chỉ vì đó là điều đúng, và vì không thể nghĩ rằng bạn có thể làm điều gì khác. Lúc ấy bạn mới thật sự *trở thành* Thánh Đạo.

A man cannot climb if he does not try; though if he does not climb it is true that he will not fall far. The strong man often makes serious errors; but the very force which enables him to make them also enables him to make great progress when he turns his energies in the right direction. Rapid progress affects the whole organism and is a great strain upon it, and this inevitably finds out whatever weak spots there are in the man. The plans of the Hierarchy will be carried out whatever we may or may not do, for we are but as pawns in the mighty game which is being played; but if we are intelligent pawns, and are willing to co-operate, it gives much less trouble to the authorities, and incidentally to ourselves.

Con người không thể trèo nếu không thử; tuy nếu y không trèo thì đúng là y sẽ không rơi xa. Người mạnh mẽ thường phạm những lỗi lầm nghiêm trọng; nhưng chính sức mạnh cho phép y phạm lỗi cũng cho phép y tiến bộ lớn lao khi y chuyển năng lực theo đúng hướng. Tiến bộ nhanh tác động toàn thể cơ cấu và là một gánh nặng lớn cho nó, và điều này tất yếu bộc lộ mọi chỗ yếu nào có trong con người. Các kế hoạch của Thánh Đoàn sẽ được thực hiện bất kể chúng ta có làm hay không làm, vì chúng ta chỉ như những quân tốt trong ván cờ vĩ đại đang diễn ra; nhưng nếu chúng ta là những quân tốt thông minh, sẵn lòng hợp tác, thì sẽ bớt gây phiền toái cho các vị hữu trách, và đồng thời cho chính mình.

And what will be the end of it all? The attainment of perfection. Yet even that is only relatively and not absolutely the end, for when we have reached in fullest consciousness the LOGOS of our system and have unified our consciousness with His,

Và rốt cuộc tất cả sẽ đi đến đâu? Đến sự đạt tới toàn thiện. Tuy vậy, ngay cả thế cũng chỉ là kết thúc tương đối chứ không tuyệt đối, vì khi chúng ta đã đạt Thượng đế của hệ thống chúng ta trong tâm thức viên mãn, và đã hợp nhất tâm thức của mình với Ngài, thì vẫn còn Con

there still remains the further Path which leads us to union with still higher Powers. A great authority has told us that at the end of one of the stages of evolution far beyond adeptship the perfect man will be a decad, having a body upon each of the sub-planes of the lowest cosmic plane, the triple LOGOS outside of time and space constituting his Self, and thus completing the ten. But this consummation can only be reached when the man has power to create a body for himself upon each of these planes.

Đường nữa dẫn chúng ta đến hợp nhất với các Quyền Lực còn cao hơn. Một bậc thẩm quyền lớn đã cho biết rằng vào cuối một trong các giai đoạn tiến hóa xa vượt cấp bậc chân sư, con người toàn hảo sẽ là một hữu thể thập phân, có một hiện thể trên mỗi cõi phụ của cõi vũ trụ thấp nhất, với Thượng đế Tam phân ở ngoài thời gian và không gian cấu thành Chân Ngã của y, và như thế thành đủ mười. Nhưng sự viên mãn này chỉ có thể đạt được khi con người có quyền năng tạo cho mình một hiện thể trên mỗi cõi trong các cõi ấy.

We have been led to understand that of the total number of egos which are engaged in this evolution about one-fifth will fully succeed—that is to say will succeed in attaining the asekha level before the end of the seventh round. Another fifth will by that time, have gained the arhat level, and about an equal number will be on the lower stages of the Path, while a number roughly stated as the remaining two-fifths will have dropped out of this evolution altogether at the critical period at the middle of the fifth round.

Chúng ta được hiểu rằng trong tổng số các chân ngã đang tham dự tiến hoá này, khoảng một phần năm sẽ thành công trọn vẹn—tức là sẽ đạt đến trình độ asekha trước khi kết thúc cuộc tuần hoàn thứ bảy. Một phần năm khác đến lúc ấy sẽ đạt trình độ arhat, và một con số xấp xỉ như thế sẽ ở các nấc thấp hơn của Thánh Đạo, trong khi một số lượng đại thể là hai phần năm còn lại sẽ rơi khỏi tiến hoá này hoàn toàn vào thời kỳ then chốt ở giữa cuộc tuần hoàn thứ năm.

All those who have not fully attained the goal, and completed their evolution, will have to resume it upon the next chain of globes, and even those who are the failures of the fifth round will be successes in the next chain. In the same way it is not improbable that some of those who are adepts and Masters now may have been among the failures of the moon-chain—that is to say that They belonged to the humanity of that chain, but were somewhat backward upon it, and so dropped out there, and came on in the fore-front of this later evolution, exactly as a boy who failed to pass an examination one year would be likely to be among the first of his class when he tries the same examination again twelve months later.

Tất cả những ai chưa đạt trọn mục tiêu và hoàn tất tiến hoá của mình sẽ phải tiếp tục nó trên Dãy kế tiếp các bầu hành tinh, và ngay cả những kẻ thất bại của cuộc tuần hoàn thứ năm rồi cũng sẽ là những người thành công trong Dãy kế tiếp. Tương tự, không loại trừ khả năng rằng một vài vị đã là chân sư và các Chân sư hiện nay có thể đã ở trong số những kẻ thất bại của Dãy Mặt Trăng—tức là Các Ngài thuộc về nhân loại của dãy ấy, nhưng có phần lạc hậu ở đó, nên đã rớt lại tại đó, rồi tiến lên hàng tiền phong trong cuộc tiến hoá muộn hơn này—hệt như một cậu học trò trượt kỳ thi năm nay rất có thể sẽ đứng đầu lớp khi thi lại cùng kỳ thi ấy mười hai tháng sau.

Remember that we are now only just past the

Hãy nhớ rằng hiện nay chúng ta chỉ vừa mới

middle of an evolutionary period, and that is why so very few people comparatively have as yet attained adeptship, just as very few boys in a class would be already fit to pass the final examination of the year after only six months of study. In precisely the same way very few animals are as yet attaining individuality, for the animal who attains individuality is as far in advance of his fellows as is the human being who attains adeptship in advance of the average man. Both are doing at the middle point of evolution what they are expected to be able to do only at the end of it. Those who achieve only at the normal time, at the end of the seventh round, will approach their goal so gradually that there will be little or no struggle.

vượt qua điểm giữa của một chu kỳ tiến hoá, và đó là lý do vì sao so sánh thì có rất ít người đạt tới địa vị chân sư cho đến nay—cũng như rất ít học sinh trong một lớp đủ sức vượt kỳ thi cuối năm chỉ sau sáu tháng học. Tương tự, hiện vẫn rất ít loài vật đạt tới biệt ngã hoá, vì con vật đạt tới biệt ngã hoá thì vượt xa đồng loại cũng như con người đạt đến địa vị chân sư vượt xa người trung bình. Cả hai đang làm ở điểm giữa của tiến hoá điều mà người ta chỉ kỳ vọng làm được vào cuối kỳ. Những ai chỉ đạt vào thời hạn bình thường, tức vào cuối cuộc tuần hoàn thứ bảy, sẽ tiếp cận mục tiêu một cách tiệm tiến đến mức hầu như không có, hoặc không có, tranh đấu.

Undoubtedly to attain in that way is very far easier for the candidate. But that method has the tremendous drawback that the man who attains by it will not have been able to give any help to others, but will on the contrary have required assistance himself. I remember from the days of my childhood a Christian hymn which gave this idea very beautifully. It described how a certain soul went to heaven and enjoyed its bliss, and wandered about there very happily for a time, but at last he noticed that the crown which he wore differed much in splendor from many of the others, and for a long time he wondered why this was so. At last he met the Christ Himself and mustered up courage to ask Him the reason of this peculiarity; and the answer given ran thus:

Hiển nhiên là đạt theo lối ấy thì dễ dàng hơn rất nhiều cho ứng sinh. Nhưng phương pháp ấy có một nhược điểm to lớn là người đạt được theo cách đó sẽ không thể giúp đỡ ai khác, trái lại, bản thân y còn cần được trợ giúp. Tôi nhớ từ thời thơ ấu một thánh ca Cơ Đốc rất diễn đạt ý tưởng này một cách mỹ lệ. Bài ca kể một linh hồn nọ lên thiên đàng và hưởng phúc lạc, dạo bước ở đó hạnh phúc một thời gian, nhưng rồi sau cùng y nhận ra chiếc mão miện y đội khác biệt nhiều về độ rực rỡ so với của nhiều người khác, và y băn khoăn lâu dài vì sao như thế. Sau cùng y gặp chính Đức Christ và gom đủ can đảm để thỉnh hỏi Ngài nguyên do của điều đặc biệt này; và câu trả lời như sau:

I know thou hast believed on Me,

And Life through Me is thine;

But where are all those glorious gems

That in thy crown should shine?

Ta biết ngươi đã tin nơi Ta,

Và Sự Sống nhờ Ta là của ngươi;

Nhưng đâu là những ngọc báu huy hoàng

Đáng lẽ toả chiếu trong mão miện ngươi?

Thou seest yonder glorious throng

With stars on every brow,

For every soul they led to Me

They wear a jewel now.

"They that are wise shall shine as the brightness of the firmament, but they that turn many to righteousness as the stars for ever and ever."

When we are struggling onwards ourselves we can help others, and we should do all that we can in this direction, not because of the result to ourselves (though that is inevitable) but for the sake of helping the world. The man who drifts with the stream has to be carried along, but when he begins to swim himself he sets free the force that would otherwise have been spent in helping him. That can then be used for the helping of others, quite independently of what he himself may do in that line.

Adeptship sets the man free from the necessity of rebirth, and its achievement also involves the liberation of forces for the aid of others. The man who seeks liberation only for himself may balance his karma perfectly and may kill out desire, so that the law of karma will not longer compel him to rebirth. But though he thus avoids the action of the law of karma he does not escape from the law of evolution. It may be long before he comes under the influence of that law, because by the hypothesis a man who has already at this stage set himself free from all desire must be considerably in advance of the average. There will however inevitably come a time when the slow and steady advance of the law of evolution will overtake him, and then its resistless pressure will force him out of his selfish bliss into rebirth once more, and so he

Ngươi thấy kia đoàn vinh hiển

Với ngôi sao trên mỗi vầng trán,

Vì mỗi linh hồn họ dẫn về Ta,

Họ đội thêm một bảo châu sáng.

"Những kẻ khôn ngoan sẽ sáng rực như bầu trời, còn những ai đưa nhiều người về đường công chính sẽ chiếu như các vì sao muôn đời muôn kiếp."

Khi chính chúng ta đang tự mình phấn đấu tiến lên, chúng ta có thể giúp đỡ người khác, và chúng ta nên làm hết sức có thể theo hướng ấy —không phải vì kết quả cho chính mình (dù điều đó là tất yếu) mà vì lợi ích của việc trợ giúp thế gian. Người trôi theo dòng phải được chở đi; nhưng khi y bắt đầu tự bơi, y giải phóng lực đáng lẽ dùng để đẩy y, để lực ấy có thể được sử dụng cho việc trợ giúp người khác, hoàn toàn độc lập với những gì chính y có thể làm theo chiều hướng ấy.

Địa vị chân sư giải phóng con người khỏi sự cần thiết phải tái sinh, và việc đạt được nó cũng đồng thời phóng thích các mãnh lực để trợ giúp tha nhân. Người chỉ tìm giải thoát cho riêng mình có thể cân bằng nghiệp quả hoàn toàn và có thể giết chết dục vọng, để định luật nghiệp quả không còn buộc y phải tái sinh nữa. Nhưng dù y tránh được tác động của định luật nghiệp quả, y cũng không thoát khỏi định luật tiến hoá. Có thể lâu lắm y mới rơi vào ảnh hưởng của định luật ấy, vì theo giả định, một người đã ở giai đoạn này mà tự giải thoát khỏi mọi dục vọng ắt đã vượt xa người trung bình. Tuy vậy, tất yếu sẽ đến lúc tiến trình chậm rãi và vững chắc của định luật tiến hoá bắt kịp y, và rồi sức ép không gì cưỡng nổi của nó sẽ đẩy y ra khỏi an lạc vị kỷ trở lại tái sinh một lần nữa, và như thế y lại thấy mình trên bánh xe

will find himself again upon the wheel from which he had hoped to escape.

luân hồi mà y từng hy vọng thoát khỏi.

It has often been asked how the secrets revealed at initiation are protected from those who are able to read thoughts. There is not the slightest danger that any of these secrets will ever be disclosed in this manner, for at the same time that the secret is told to the initiate the means by which he can guard it is also explained to him. If it could be possible that an initiate could ever be so false as to think of betraying what has been confided to him, even then there would be no danger, for he is in such close touch with the Brotherhood of which he is a part that they would at once know of his foul intention, and before he could speak the treacherous words he would have forgotten utterly that there was anything to betray. There is nothing that is in any way terrible about these secrets, except that the power which goes with them might well be terrible if wrongly used. Initiates always know one another, much in the same way as free-masons do; and, just as with the latter, any initiate could hide his status from those below him, but not from those above him.

Người ta thường hỏi làm sao các bí nhiệm được tiết lộ trong lễ điểm đạo lại được bảo vệ khỏi những ai có khả năng đọc tư tưởng. Hoàn toàn không có một chút nguy cơ nào rằng bất kỳ bí nhiệm nào sẽ bị tiết lộ theo cách này, vì cùng lúc bí nhiệm được nói cho điểm đạo đồ, phương tiện để y có thể gìn giữ nó cũng được giải thích cho y. Nếu giả như có thể có chuyện một điểm đạo đồ bội tín đến mức khởi tâm phản bội điều đã được giao phó, thì ngay cả khi ấy cũng không có nguy cơ nào, vì y ở trong mối liên hệ gần gũi đến thế với Huynh đệ Đoàn mà y là thành viên, đến nỗi Các Ngài lập tức biết ý đồ đen tối của y, và trước khi y kịp thốt ra lời phản trắc, y đã quên sạch rằng có điều gì để phản bội. Không có gì đáng sợ trong các bí nhiệm này cả, ngoại trừ quyền năng đi kèm với chúng có thể thực sự đáng sợ nếu bị dùng sai. Các điểm đạo đồ luôn nhận ra nhau, phần nào giống như những người hội Tam Điểm; và, cũng như với hội viên Tam Điểm, bất kỳ điểm đạo đồ nào cũng có thể ẩn giấu địa vị của mình trước những người dưới y, nhưng không thể ẩn giấu trước những người trên y.

However sorely the Brotherhood may be in need of helpers no man can receive initiation until his character is developed to a stage when he is ready for it, and in exactly the same way if a man has raised himself to the level of initiation there is no power which can withhold it from him. It may very often happen, however, that a man is ready in every respect, save for a lack of some one quality; and that lack may hold him back for a very long time, which would probably mean that by the time he acquired the missing quality he would in all other respects be developed in advance of the requirements. So it must not be supposed that all initiates standing upon the

Dẫu Huynh đệ Đoàn có đang rất thiếu người trợ giúp đến đâu, thì cũng không ai có thể thọ điểm đạo trước khi tính cách của người ấy phát triển đến mức sẵn sàng; và cũng đúng như thế, nếu một người đã tự nâng mình lên ngang tầm của điểm đạo, thì không có quyền lực nào có thể trì hoãn điều đó nơi y. Tuy nhiên, rất thường xảy ra trường hợp một người đã sẵn sàng về mọi phương diện, trừ thiếu một phẩm chất nào đó; và sự thiếu ấy có thể giữ y lại rất lâu, điều này có thể có nghĩa rằng đến khi y đạt được phẩm chất còn thiếu, y sẽ, về mọi phương diện khác, phát triển vượt trước yêu cầu. Vì vậy, chớ nên cho rằng mọi điểm đạo đồ đứng cùng một cấp đều tất yếu bình đẳng về mọi

same level are invariably equal in all respects. What the world calls a great man is not necessarily developed all round and fit for initiation. Anything in the nature of favouritism or neglect is utterly inconceivable. In this matter no man can give to another that which he has not earned, nor can any man withhold the due recognition of development won.

phương diện. Cái mà thế gian gọi là vĩ nhân không tất phải phát triển toàn diện và thích hợp cho lễ điểm đạo. Bất kỳ điều gì mang tính thiên vị hay bỏ sót đều hoàn toàn không thể tưởng tượng. Trong việc này, không ai có thể ban cho kẻ khác điều y chưa tự xứng đáng, cũng không ai có thể khước từ sự công nhận xứng hợp đối với mức phát triển đã đạt được.

THE ANCIENT MYSTERIES

What I can tell you with regard to the ancient mysteries is not derived from any special study of old manuscripts, or of the history of this subject. It happened to me in another life to be born in ancient Greece, and to become initiated there into some of the mysteries. Now a man who was initiated in this way in Greece gave a pledge not to reveal what he had seen, and this pledge is binding, even though it was given in a former incarnation; but Those who stood behind those mysteries have since thought fit to give out to the world much of what was then taught only under the vow of secrecy, and so They have relieved us from our promise as far as those teachings go. Therefore I break no pledge when I tell you something about the instructions which were given in those ancient mysteries. Other subjects were taught, however, which I am not at liberty to name, because they have not yet been made public by the Great Ones.

In the first place, I should like to ask you to notice that all peoples and all religions have had their mysteries, including the Christian religion. I have often heard people say that in the Christian religion, at least, nothing was hidden: that everything was open for the study of the poor and the unlearned. Any one who says that does not know the history of the Christian Church. Now, indeed, everything the Church knows is given out, but that is only

CÁC HUYỀN MÔN CỔ XƯA

Những gì tôi có thể nói với bạn về các huyền môn cổ xưa không được rút ra từ bất kỳ nghiên cứu đặc biệt nào về các bản thảo cổ hay lịch sử của đề tài này. Ở một kiếp khác, tôi đã sinh ra tại Hy Lạp cổ và được điểm đạo vào một số huyền môn tại đó. Nay, một người được điểm đạo theo cách ấy ở Hy Lạp phải lập nguyện không tiết lộ những gì mình đã thấy, và lời nguyện ấy vẫn ràng buộc, dù nó được thốt ra trong một kiếp trước; nhưng Những Vị đứng sau các huyền môn ấy từ đó đã xét thấy thích hợp để ban cho thế gian nhiều điều mà khi xưa chỉ được dạy dưới lời thệ giữ bí mật, và như thế Các Ngài đã giải trừ lời hứa của chúng tôi đối với phần những giáo huấn ấy. Do đó, tôi không phá vỡ lời thệ nào khi nói cho bạn nghe đôi điều về các chỉ dẫn đã được ban trong những huyền môn cổ xưa ấy. Tuy nhiên, có những môn khác cũng được dạy, mà tôi không có quyền nêu tên, vì chúng vẫn chưa được Các Đấng Cao Cả công bố ra công chúng.

Trước hết, tôi muốn mời bạn lưu ý rằng mọi dân tộc và mọi tôn giáo đều có các huyền môn của mình, kể cả tôn giáo Cơ Đốc. Tôi thường nghe người ta nói rằng ít nhất trong tôn giáo Cơ Đốc chẳng có gì bị che giấu: mọi điều đều mở ra cho người nghèo và kẻ thất học học hỏi. Ai nói thế hẳn không biết lịch sử của Giáo hội Cơ Đốc. Nay thì quả thật mọi điều Giáo hội biết đều được ban ra, nhưng chỉ vì Giáo hội đã quên các huyền môn mà trước kia Giáo hội từng giữ

because it has forgotten the mysteries which it used to keep hidden. If you study the earliest history of the Church, you will find that old writers speak very distinctly of the mysteries, which were taught only to those who were full members of the Church. There were many points on which nothing was said to those who were only "katechoumenoi," who had just entered the Church, but were still candidates for full membership.

kín. Nếu bạn nghiên cứu lịch sử sớm nhất của Giáo hội, bạn sẽ thấy các trước tác xưa nói rất minh bạch về các huyền môn, vốn chỉ được truyền dạy cho những ai là phần tử trọn vẹn của Giáo hội. Có nhiều điểm hoàn toàn không nói cho những người chỉ là "katechoumenoi", những người vừa mới vào Giáo hội nhưng vẫn còn là ứng viên cho tư cách hội viên trọn vẹn.

Traces of this we can find still earlier, for you will remember that it is said in the Gospels that the Christ made known to His disciples many things which He gave to the multitude only in parables.

Dấu vết của điều này ta còn thấy sớm hơn nữa, vì bạn sẽ nhớ trong các Sách Phúc Âm nói rằng Đức Christ đã tỏ cho các đệ tử của Ngài nhiều điều mà Ngài chỉ giảng cho quần chúng qua các ẩn dụ.

But one of the reasons of the failure of the Christian Church to control her more intellectual sons, as she should have done, is the fact that she has forgotten and lost the supernatural and philosophical mysteries which were the basis of her dogma. To see something of this hidden side of her teachings you have only to read the works of the great Gnostic writers. Then you will find that when we take this side as the inner doctrine for the scholars, and the present form of the Christian religion as the outer doctrine for the illiterate, we get in the two combined a perfect expression of the ancient Wisdom. But to take either of these teachings by itself, and to condemn the other as heresy, gives us only a one-sided view. So every religion has instruction for those who do not get beyond its outer form, but has always also higher instruction for those who penetrate to the inner.

Một trong những nguyên nhân vì sao Giáo hội Cơ Đốc thất bại trong việc kiểm soát những người con trí thức hơn của mình, như Giáo hội lẽ ra phải làm, là vì Giáo hội đã quên và đánh mất những huyền môn siêu nhiên và triết lý vốn là nền tảng của tín điều. Để thấy đôi điều của mặt ẩn tàng trong các giáo huấn của Giáo hội, bạn chỉ cần đọc các trước tác của những nhà Ngộ giáo vĩ đại. Khi đó bạn sẽ thấy rằng, khi chúng ta lấy mặt này làm nội điển dành cho học giả, và lấy hình thức hiện nay của tôn giáo Cơ Đốc làm ngoại điển dành cho người thất học, thì hai thứ ấy hợp lại cho ta một biểu đạt hoàn hảo của Minh Triết Ngàn Đời. Nhưng nếu chỉ lấy riêng một trong hai giáo huấn ấy và lên án điều kia là tà thuyết, chúng ta chỉ có cái nhìn phiến diện. Vì vậy, mọi tôn giáo đều có giáo huấn dành cho những ai không vượt khỏi hình thức bên ngoài của nó, nhưng cũng luôn có giáo huấn cao hơn dành cho những ai xuyên đến nội tâm.

However, when we speak of the ancient mysteries, we generally mean those which were connected with the great religion of ancient Greece. Only a few books exist on this subject. There is a book of Iamblichus, who

Tuy nhiên, khi nói về các huyền môn cổ xưa, ta thường có ý nói những huyền môn gắn với tôn giáo vĩ đại của Hy Lạp cổ. Chỉ có vài cuốn sách tồn tại về đề tài này. Có một cuốn của Iamblichus, chính ông là người được điểm đạo

was himself initiated into the mysteries, and there is a book written by a countryman of mine, Thomas Taylor, a Platonist, and also one by a Frenchman, Monsieur P. Foucart. Although they are very interesting, you will find that they give but little real information. Much that we think we know about the mysteries (I mean from an external point of view) comes to us through the writings of their exponents.

vào các huyền môn, và có một cuốn do một đồng hương của tôi, Thomas Taylor, một nhà Platon học, soạn, và một cuốn khác của một học giả Pháp, ông P. Foucart. Dẫu chúng rất thú vị, bạn sẽ thấy rằng chúng cung cấp rất ít thông tin thực sự. Nhiều điều chúng ta nghĩ là biết về các huyền môn (ý tôi là từ quan điểm bên ngoài) đến với chúng ta qua trước tác của những người trình bày chúng.

The Christian Church has had the habit—probably justifiable from her point of view—of destroying all books which stood for teachings other than her own, and we must not forget that almost all of our knowledge with regard to early Christian times comes to us through the hands of the monks of the middle ages. They were practically the only educated people of that time, and it was they who copied all the manuscripts. They had very pronounced opinions about what was useful and what was not; so very naturally only that part survived which agreed with their views, this being reported with emphasis, while anything of opposite character was discarded. Above all, the greater part of the knowledge which is accessible to the general world about the mysteries is found in the works of the Church Fathers, who were opposed to them. Without wishing to accuse the Fathers of having purposely misrepresented, we may certainly conclude that they tried to put forward their own view in the best and strongest light. Even at the present day if you wished to know the whole truth concerning the doctrine of some Protestant sect, you would not go to Catholic priests for information; nor, if you wanted good and just explanations concerning Catholicism, would you go to the Salvation Army to get them.

Giáo hội Cơ Đốc có thói quen—có lẽ là chính đáng từ quan điểm của Giáo hội—huỷ diệt mọi sách vở đứng về các giáo huấn khác với giáo huấn của mình; và chúng ta đừng quên rằng gần như mọi tri thức của chúng ta về thời kỳ Cơ Đốc sơ khai đều đến qua tay các tu sĩ thời trung cổ. Họ hầu như là những người có học duy nhất thời ấy, và chính họ sao chép tất cả các bản thảo. Họ có quan điểm rất dứt khoát về cái gì hữu ích và cái gì không; nên một cách rất tự nhiên chỉ phần nào phù hợp với quan điểm của họ là tồn tại, được thuật lại với nhấn mạnh, trong khi bất cứ điều gì đối nghịch đều bị loại bỏ. Trên hết, phần lớn tri thức khả dụng đối với thế giới phổ thông về các huyền môn được tìm thấy trong các tác phẩm của các Giáo Phụ, những người đối nghịch với chúng. Không muốn cáo buộc các Giáo Phụ cố tình xuyên tạc, chúng ta vẫn có thể kết luận rằng các ngài đã cố trình bày quan điểm của mình theo ánh sáng tốt đẹp và mạnh mẽ nhất. Ngay cả ngày nay, nếu bạn muốn biết trọn vẹn chân lý về giáo lý của một phái Tin Lành nào đó, bạn sẽ không đi hỏi các linh mục Công giáo; cũng như nếu bạn muốn những giải thích tốt đẹp và công bằng về Công giáo, bạn sẽ không đến Hội Salvation Army để lấy chúng.

In regard to the mysteries we are in a similar

Về các huyền môn, chúng ta lâm vào tình cảnh

situation, only much worse, because of the many and bitter disputes between the followers of the old religion and its mysteries and the Fathers of the Christian Church. Therefore we may accept only with considerable reserve and with great prudence what the Fathers say in regard to this subject. For example, you will find that they often maintain that the ancient mysteries contain much that is indecent and immoral.

tương tự, chỉ tệ hơn nhiều, vì những tranh chấp gay gắt và kéo dài giữa những người theo tôn giáo cũ cùng các huyền môn của nó với các Giáo Phụ của Giáo hội Cơ Đốc. Bởi vậy, ta chỉ có thể tiếp nhận với sự dè dặt đáng kể và thận trọng lớn lao những gì các Giáo Phụ nói về đề tài này. Chẳng hạn, bạn sẽ thấy các ngài thường quả quyết rằng trong các huyền môn cổ có nhiều điều tục tĩu và vô luân.

Because I have carefully searched clairvoyantly through the mysteries of Greece, and in a former incarnation was myself an initiate of them, I can say with perfect certainty that there is not even a shadow of truth in those statements. There did exist certain mysteries with which were festivities and a form of Bacchus-worship, which degenerated later on into something very objectionable; but this was only in later times, and those mysteries belonged to quite another branch. They were not in the least related to the mysteries of Eleusis, but were only an imitation of them on a small scale, entirely exoteric.

Vì tôi đã khảo sát một cách thông nhãn kỹ lưỡng các huyền môn Hy Lạp, và trong một tiền kiếp chính tôi từng là một người được điểm đạo trong đó, tôi có thể nói với sự xác quyết hoàn toàn rằng không hề có chút bóng mờ của chân lý nào trong những lời cáo buộc ấy. Quả có tồn tại một số huyền môn gắn với các cuộc lễ và một hình thức thờ thần Bacchus, về sau sa đọa thành điều rất phản cảm; nhưng đó chỉ là ở thời sau, và những huyền môn ấy thuộc một nhánh hoàn toàn khác. Chúng chẳng liên quan gì đến các huyền môn Eleusis, mà chỉ là sự bắt chước chúng ở quy mô nhỏ, hoàn toàn ngoại môn.

I have, this evening, to treat a very extensive subject in a short time. I must try to give you a rough sketch of what those Greek mysteries were and what was taught to the initiates.

Tối nay, tôi phải đề cập một chủ đề rất rộng lớn trong một thời gian ngắn. Tôi sẽ cố phác thảo cho bạn thấy các huyền môn Hy Lạp ấy là gì và điều gì được dạy cho những người điểm đạo.

The fact will be known to you that two divisions are always mentioned: the lesser and the greater mysteries. Everybody knew that those existed, and the number of persons who were initiated was indeed quite a large proportion of the whole population. I think you may read in exoteric books of thirty thousand initiates gathering at one time, and this also shows that the fact that a man was initiated need not be kept secret, but that the outer world knew him as belonging to this numerous class. I mean that, although certain

Bạn hẳn biết rằng luôn có nói đến hai phân hệ: các huyền môn tiểu và các huyền môn đại. Ai nấy đều biết chúng tồn tại, và số người được điểm đạo thực sự chiếm một tỷ lệ khá lớn trong toàn dân. Tôi nghĩ bạn có thể đọc trong các sách ngoại môn rằng có đến ba mươi ngàn người được điểm đạo tụ hội cùng lúc, và điều này cũng cho thấy rằng việc một người được điểm đạo không nhất thiết phải giữ kín, mà thế giới bên ngoài biết y thuộc về một tầng lớp đông đảo như thế. Ý tôi là, tuy các giáo huấn nhất định được ban trong huyền môn luôn

teachings given in the mysteries were always kept secret, the whole Greek and Roman world knew that the greater and lesser mysteries existed, and more or less who belonged to each of them.

được giữ bí mật, nhưng toàn thế giới Hy Lạp và La Mã đều biết rằng có các huyền môn đại và tiểu, và đại khái ai thuộc về mỗi hệ.

But behind those two degrees, the existence of which was generally known, there were all the time the real secret mysteries; and the existence of the third degree, as one might call it, was unknown to the public. If one thinks of the conditions of that time one can readily understand the reason for this. Most of the Roman Emperors, for example, knew of the existence of the lesser and greater mysteries, and insisted upon being initiated. Now we know very well from history that many of the Roman Emperors were hardly of the character to be allowed to play a leading role in a religious body. But, all the same, it would have been very difficult for the leaders of the mysteries to refuse entrance to an Emperor of Rome. As was once said, one cannot argue with the master of thirty legions. The emperors would certainly have killed anyone who stood in the way of anything they wished. Thus it was desirable that the existence of the third degree should not be known, and nobody knew that there was such a degree before he was deemed, by those who could judge, worthy to be admitted to it.

Nhưng ẩn sau hai bậc công khai ấy, luôn luôn có những huyền môn bí mật thật sự; và sự tồn tại của bậc thứ ba, nếu có thể gọi như vậy, hoàn toàn không được công chúng biết đến. Nếu nghĩ đến điều kiện thời ấy, ta dễ dàng hiểu lý do. Chẳng hạn, hầu hết các Hoàng đế La Mã biết sự tồn tại của huyền môn tiểu và đại, và nằng nặc đòi được điểm đạo. Nay, chúng ta biết rất rõ từ lịch sử rằng nhiều Hoàng đế La Mã khó mà có phẩm cách để cho phép họ đóng vai trò lãnh đạo trong một đoàn thể tôn giáo. Nhưng, dẫu vậy, với các lãnh đạo huyền môn, thật rất khó để từ chối cho một Hoàng đế La Mã nhập môn. Như có người từng nói, không thể tranh luận với chủ soái của ba mươi quân đoàn. Các hoàng đế chắc chắn sẽ giết bất kỳ ai dám cản trở điều họ muốn. Vì vậy, điều đáng mong là sự tồn tại của bậc thứ ba không bị biết tới, và chẳng ai biết có bậc này cho đến khi y được những người có thẩm quyền xét thấy xứng đáng được thâu nhận.

The teachings of this third degree were never given to the public and never will be. But in the common mysteries, lesser and greater, are many things which can be told. In the first place, then, we were taught certain pithy sayings, or apophthegms, and if I quote you some of those you will understand the nature of the teaching. One of the best known was "Death is life, and life is death." This shows us that the higher life on the other side of death was well known. Another saying was "He who seeks realities in this life shall also seek

Giáo huấn của bậc thứ ba này không bao giờ được truyền cho công chúng và sẽ không bao giờ như thế. Nhưng trong các huyền môn phổ thông, đại và tiểu, có nhiều điều có thể nói ra. Trước hết, chúng tôi được dạy một số cách ngôn súc tích, và nếu tôi trích vài câu, bạn sẽ hiểu tính chất của giáo huấn. Một trong những câu nổi tiếng nhất là: "Chết là sống, và sống là chết." Điều ấy cho thấy đời sống cao hơn bên kia cái chết đã được biết rõ. Một câu khác: "Ai tìm cái chân thực trong đời này cũng sẽ tìm cái chân thực sau khi chết; và ai tìm cái hư huyễn

realities after death; and he who seeks unrealities in this life shall also seek unrealities after death." A great principle of their teaching was that the soul had descended from the higher spheres to the material. The principles of reincarnation were also contained in their instruction. You will remember that this did not appear in the external doctrine of the religions either of Greece or of Rome—that is to say, it was not taught publicly and in so many words—but you will find that this idea of the descent of the soul into matter is imparted in classic mythology. You will remember the myth of Proserpina, who was carried to the under-world while picking the flower of the narcissus.

trong đời này cũng sẽ tìm cái hư huyễn sau khi chết." Một nguyên lý lớn của giáo huấn là linh hồn đã từ các cõi cao giáng xuống cõi vật chất. Nguyên lý tái sinh cũng nằm trong chỉ dẫn của họ. Bạn sẽ nhớ điều này không xuất hiện trong giáo lý ngoại môn của tôn giáo Hy Lạp hay La Mã—nghĩa là, nó không được dạy công khai và minh ngôn—nhưng bạn sẽ thấy ý niệm về sự giáng lâm của linh hồn vào vật chất được truyền qua thần thoại cổ điển. Bạn sẽ nhớ thần thoại về Proserpina, người bị kéo xuống âm phủ trong khi đang hái hoa thuỷ tiên.

Let us recall the myth of Narcissus. He was a youth of great beauty who fell in love with his own image reflected in the water, and was therefore changed into a flower and bound to earth. You need not have studied much Theosophy to see what that means. We learn in *The Secret Doctrine* how the Ego looks down upon the waters of the astral plane and the lower world, how it reflects itself in the personality, how it identifies itself with the personality and, falling in love with its image, is bound to earth. So Proserpina, while picking the narcissus, is dragged away to the under-world, and afterwards passes half her life under the earth and half on the earth; that is, as you will see, half in a material body and half out of it.

Hãy gợi lại thần thoại về Narcissus. Chàng là một thiếu niên kiều mỵ, si mê chính bóng mình phản chiếu trong nước, và vì thế bị biến thành một bông hoa và bị buộc chặt với đất. Bạn không cần học nhiều Thông Thiên Học để hiểu điều đó nghĩa là gì. Chúng ta học trong *Giáo Lý Bí Nhiệm* rằng chân ngã nhìn xuống "những làn nước" của cõi cảm dục và cõi thấp, phản chiếu chính mình trong phàm ngã, đồng hoá với phàm ngã và, phải lòng hình ảnh của mình, bị trói buộc vào đất. Vậy nên Proserpina, trong khi hái hoa thuỷ tiên, bị kéo xuống âm phủ, và sau đó sống nửa đời dưới lòng đất và nửa đời trên mặt đất; tức là, như bạn thấy, nửa đời trong một thể vật chất và nửa đời ngoài nó.

In the same way, there are numbers of other myths of which it is very interesting to hear the Theosophical explanation. For example, in this old mystery-teaching the minotaur was held to signify the lower nature in man—the personality which is half man and half animal. This was eventually slain by Theseus, who typifies the higher self or the

Tương tự, có vô số thần thoại khác mà nghe giải thích theo Thông Thiên Học thì rất thú vị. Chẳng hạn, trong giáo huấn huyền môn xưa, Minotaur được xem là tượng trưng cho bản tánh thấp trong con người—phàm ngã, thứ nửa người nửa thú. Cuối cùng nó bị Theseus sát hại, người tượng trưng cho chân ngã hay cá thể tính, vốn đã dần lớn lên và tập hợp sức

individuality, which has been gradually growing and gathering strength until at last it can wield the sword of its Divine Father, the Spirit. Guided through the labyrinth of illusion which constitutes these lower planes by the thread of occult knowledge given him by Ariadne (who represents intuition) the higher self is enabled to slay the lower, and to escape safely from the web of illusion; yet there still remains for him the danger that, developing intellectual pride, he may neglect intuition, even as Theseus neglected Ariadne, and so fail for this time to realize his highest possibilities.

mạnh cho đến khi rốt cuộc có thể vung gươm của Người Cha Thiêng Liêng là Chân Thần. Được dẫn dắt xuyên qua mê cung của ảo tưởng tạo thành các cõi thấp này bằng sợi chỉ tri thức huyền bí do Ariadne (đại diện cho trực giác) trao tặng, chân ngã có thể giết phần thấp và thoát ra an toàn khỏi lưới ảo tưởng; tuy vậy, vẫn còn hiểm hoạ rằng, phát triển kiêu mạn trí năng, y có thể coi thường trực giác, như Theseus đã bỏ quên Ariadne, và vì thế lần này thất bại trong việc hiện thực hoá các khả năng cao nhất của mình.

In ancient Greece the lesser mysteries were especially celebrated in a little place called Agrae, and the initiates were called “mystae.” Perhaps you know that their official dress, the token of their dignity, was the skin of a fawn, which in the old symbology represented the astral body.

Ở Hy Lạp cổ, các huyền môn tiểu cử hành đặc biệt tại một nơi nhỏ gọi là Agrae, và những người nhập môn được gọi là “mystae”. Có lẽ bạn biết rằng lễ phục chính thức của họ, dấu hiệu của phẩm vị, là da của một con hoẵng, vốn theo biểu tượng cổ đại tượng trưng cho thể cảm dục.

Its spotted appearance was thought to be emblematic of the many colours in an ordinary astral body. The reason why this was considered a fitting dress for those initiated into the lesser mysteries was because the principal teachings given in them concerned the astral plane. Those who were admitted learned what the astral life of man would be after death.

Vẻ lốm đốm của nó được xem là tiêu biểu cho nhiều màu sắc trong một thể cảm dục thông thường. Lý do nó được coi là lễ phục thích hợp cho những người được điểm đạo vào huyền môn tiểu là vì giáo huấn chủ yếu được ban trong đó liên quan đến cõi cảm dục. Những ai được thâu nhận sẽ học đời sống cảm dục của con người sau khi chết sẽ như thế nào.

Much time was spent in making clear by example as well as by teaching what would be the effect in the astral world of a certain mode of life on earth. In the first place they taught by illustrations, on an extensive scale by representations in the temples, by a kind of play or drama in which was shown what, in the astral world, would be the condition of a man who had been, let us say, avaricious or full of sensual desires. In the old days of the mysteries, when the leaders were adepts or

Nhiều thời gian được dùng để làm sáng tỏ, bằng minh hoạ cũng như bằng lời dạy, những hệ quả trên cõi cảm dục của một lối sống nào đó ở trần gian. Trước hết, họ dạy bằng các minh hoạ quy mô lớn qua những trình bày trong đền, bằng một thứ kịch hay diễn xướng, trong đó cho thấy trên cõi cảm dục tình trạng của một người đã, giả như, tham lam hay đầy dục vọng xác thịt sẽ ra sao. Thuở xưa của các huyền môn, khi những vị lãnh đạo là các chân sư hay môn sinh của các chân sư, các trình bày

pupils of adepts, these representations were something like materializations. That is to say, the teacher, whoever he was, produced them by his own power out of astral or etheric matter, and created a real image for his pupils. But as time advanced, and later teachers were unable to bring about this phenomenon, they tried to represent these teachings in other ways—in some cases by what we should call acting. Members of the priesthood took the roles of different persons, while in other cases puppets were moved by machinery.

ấy giống như những hiện hình. Nghĩa là, vị giáo sư, bất kể là ai, tạo ra chúng bằng quyền năng riêng của mình từ chất liệu cảm dục hay dĩ thái, và tạo nên một hình ảnh thật cho học trò. Nhưng theo thời gian, các bậc giáo sư về sau không còn có thể làm nên hiện tượng ấy nữa, họ cố trình bày giáo huấn bằng những cách khác—trong vài trường hợp là bằng thứ mà chúng ta gọi là diễn kịch. Các thành viên của giới tư tế đóng vai những nhân vật khác nhau, trong khi ở những trường hợp khác người ta dùng máy móc để chuyển động các con rối.

In addition to the teaching concerning the astral plane, instructions were also given in the same way as to the system of world-evolution. Among other things, pupils were taught how our solar system and its different parts came into existence. You can easily see how that could be represented, first by materialized nebulae and globes, and how, when this materialization was no longer possible, the arrangement of different globes could be made clear by the use of what we now call an orrery—that is, a model of the solar system.

Ngoài giáo huấn về cõi cảm dục, còn có chỉ dẫn theo cùng cách như thế về hệ thống tiến hoá thế giới. Trong số những điều khác, học trò được dạy cách hệ mặt trời của chúng ta và các phần khác nhau của nó hình thành. Bạn dễ dàng thấy điều đó có thể được trình bày thế nào, ban đầu bằng cách hiện hình các tinh vân và các bầu, và khi việc hiện hình không còn khả hữu, thì sắp đặt các bầu khác nhau có thể được làm rõ bằng việc dùng cái mà nay chúng ta gọi là một mô hình hệ mặt trời.

One of the most important things connected with the mysteries was that they explained the outer religion of the people in quite another way than that given to the general public. If you know anything about the religion of ancient Greece, you will understand that there were many things which badly needed some inner explanation, for certainly their religion does not appear to be very elevated or very reasonable when looked at from the ordinary standpoint. It seems to have been the object that all the stories which made up the outer teaching, many of which seem very extraordinary, should be learnt by the people and retained in their minds—just a few simple, clear

Một trong những điều quan trọng nhất gắn với các huyền môn là chúng giải thích tôn giáo ngoại tại của quần chúng theo một cách hoàn toàn khác với cách được ban cho công chúng. Nếu bạn biết đôi điều về tôn giáo của Hy Lạp cổ, bạn sẽ hiểu rằng có nhiều điều rất cần một chú giải nội tâm, vì chắc chắn tôn giáo của họ không có vẻ cao thượng hay hợp lý khi nhìn theo quan điểm thông thường. Có vẻ như chủ đích là tất cả những câu chuyện cấu thành giáo huấn ngoại môn—nhiều câu chuyện trong đó có vẻ hết sức lạ lùng—sẽ được người dân học và ghi nhớ—chỉ một vài khái niệm đơn giản, rõ ràng, và không hơn. Nhưng tất cả những người có tâm chí thành đều gia nhập các huyền môn, và học ở đó ý nghĩa thật của

conceptions, and nothing more. But all earnestminded people joined the mysteries, and learnt there the real meaning of the stories, which gave the whole thing quite another aspect.

những câu chuyện, điều làm cho toàn bộ vấn đề mang một diện mạo hoàn toàn khác.

Let me give you an idea of what I mean, by two or three very simple and short examples. I told you that, for the most part, the aim of those lesser mysteries was to inform the pupils about the effects on the astral plane of a certain mode of life here on earth. You probably know the myth of Tantalus. He was a man condemned to suffer in hell eternal thirst, while water surrounded him on all sides, but receded from his lips as soon as he tried to drink. The meaning of this is not difficult to see, when once we know what the astral life is. Every one who leaves this world of ours full of sensual desires of any kind—as, for example, a drunkard, or some one who has given himself up to sensual living in the ordinary meaning of the word—such a man finds himself on the astral plane in the position of Tantalus.

Để bạn hiểu ý tôi, xin nêu hai ba ví dụ ngắn và đơn giản. Tôi đã nói rằng, phần lớn, mục đích của huyền môn tiểu là thông tri cho học trò về các hệ quả trên cõi cảm dục của một lối sống nào đó ở trần gian. Bạn hẳn biết thần thoại Tantalus. Ông là người bị kết án chịu khát muôn đời nơi địa ngục, trong khi nước vây quanh mọi phía, nhưng lùi xa khỏi môi ông ngay khi ông toan uống. Ý nghĩa điều này không khó thấy, một khi chúng ta biết đời sống cảm dục là gì. Bất kỳ ai rời thế gian này vẫn đầy dục vọng xác thịt—như, chẳng hạn, một kẻ nghiện rượu, hay ai đó đã phó mặc mình cho đời sống dục lạc theo nghĩa thường của từ ấy—thì người ấy ở trên cõi cảm dục sẽ ở vào vị thế của Tantalus.

He has built up for himself this terrible desire which governs his whole being. You know how powerful the desire can be in the case of a drunkard; it conquers his feelings of honor, his love of his family, and all the better inclinations of his character. He will take money from his wife and children, will even take their clothes to sell them and obtain money to drink.

Y đã tự dựng nên trong mình dục vọng khủng khiếp này, điều thống trị toàn thể hữu thể của y. Bạn biết dục vọng có thể mạnh mẽ thế nào trong trường hợp kẻ nghiện rượu; nó chinh phục cảm thức danh dự của y, tình yêu gia đình của y, và mọi khuynh hướng tốt đẹp nơi tính cách của y. Y sẽ lấy tiền của vợ con, thậm chí mang cả áo quần của họ đi bán để lấy tiền uống rượu.

Remember that when a man dies he does not change at all. His desire is still as powerful as ever. But it is impossible to gratify it, because his physical body, through which only he could drink, is gone. There you have your Tantalus, as you see, full of that terrible desire, always finding that the gratification recedes as soon as he thinks he has it.

Hãy nhớ rằng khi một người chết, y không hề thay đổi. Dục vọng của y vẫn mạnh như trước. Nhưng không thể thoả mãn nó, vì thể xác qua đó y mới có thể uống đã không còn. Ở đó bạn có Tantalus, như bạn thấy, đầy dục vọng khủng khiếp ấy, luôn phát hiện thoả mãn lùi xa ngay khi y tưởng đã nắm được.

Recall also the story of Tityus, the man who was tied to a rock, his liver being gnawed by vultures, and growing again as fast as it was eaten. There you have an illustration of the effect of yielding to desire: an image of the man who is always tortured by remorse for sins committed on earth.

Cũng hãy nhớ câu chuyện về Tityus, người bị trói vào tảng đá, gan bị kền kền mổ xé, và cứ mọc lại nhanh bằng tốc độ nó bị ăn. Ở đó bạn có một minh hoạ về hệ quả của sự buông mình theo dục vọng: hình ảnh của kẻ luôn bị dày vò bởi ăn năn vì tội lỗi phạm trên trần.

As perhaps a higher example of the same we can take the story of Sisyphus. You know how he was condemned always to roll a stone up a hill, and how, when he reached the top, the stone would always roll down again. That is the condition of an ambitious man after death, a man who has spent his life in making plans for selfish ends, for attaining glory or honor. In his case also death brings no change. He goes on making plans just as he did during life. He works out his plans, he executes them, as he thinks, till the point of culmination, and then he suddenly perceives that he has no longer a physical body, and that all was but a dream. Then be begins again and again, till he has learnt at last that these desires are useless and that ambition must be killed. So Sisyphus goes on uselessly rolling the stone up the hill, till at last he learns not to roll it any more. To have learnt that is to have conquered that desire, and he will come back in his next life without it; without the *desire,* but of course not without the weakness of character which made that desire possible.

Và như một ví dụ cao hơn có thể lấy câu chuyện Sisyphus. Bạn biết ông bị kết án luôn lăn một hòn đá lên đồi, và khi vừa lên tới đỉnh, hòn đá lại lăn xuống. Đó là tình trạng của một người đầy tham vọng sau khi chết, một người đã dùng cả đời để lập kế hoạch cho những mục tiêu vị kỷ, để đạt vinh quang hay danh dự. Trong trường hợp của y, cái chết cũng không mang lại đổi thay. Y tiếp tục vạch kế hoạch như khi còn sống. Y soạn kế hoạch, thi hành chúng, theo y nghĩ, cho đến điểm đỉnh cao, rồi bỗng nhiên nhận ra rằng y không còn thể xác, và tất cả chỉ là một giấc mộng. Rồi y bắt đầu lại, hết lần này đến lần khác, cho đến khi y học được rằng các dục vọng này vô ích và tham vọng phải bị tiêu diệt. Vậy nên Sisyphus cứ vô ích lăn đá lên đồi, cho đến khi cuối cùng y học được là đừng lăn nó nữa. Học được điều đó tức là đã chinh phục được dục vọng ấy, và y sẽ trở lại trong kiếp tới không còn nó nữa; không còn *dục vọng,* nhưng dĩ nhiên không phải không còn sự yếu kém trong tính cách vốn làm cho dục vọng ấy có thể nảy sinh.

So you see that conditions that seem terrible are but the effects in the other world of a wrong life here on earth. That is nature's method of turning wrong into good. Man does suffer, but what he suffers is only the effect of his own action and nothing else; it is not punishment inflicted upon him from outside, but entirely of his own making. And that is not all. The suffering he has to bear is the only means by which his qualities can be directed in the right way for his evolution and progress

Vậy bạn thấy những tình cảnh có vẻ khủng khiếp thực ra chỉ là các hệ quả ở thế giới bên kia của một cuộc sống sai lệch ở trần gian. Đó là phương pháp của thiên nhiên để chuyển sai thành đúng. Con người có chịu khổ, nhưng điều y chịu chỉ là quả của chính hành động y và không gì khác; nó không phải là hình phạt giáng từ bên ngoài, mà hoàn toàn do y tự tạo. Và không chỉ thế. Nỗi khổ y phải chịu là phương tiện duy nhất qua đó các phẩm tính của y được định hướng đúng đắn cho tiến hoá

in another life. This was a point much emphasized in the teaching of the mysteries.

và tiến bộ của y trong một kiếp khác. Điều này là một điểm được nhấn mạnh nhiều trong giáo huấn của các huyền môn.

Now in regard to the greater mysteries. Those were celebrated principally in the great temple of Eleusis, not far from Athens. The initiates were named "epoptai," that is, "they whose eyes are opened." Their emblem was the golden fleece of Jason which is the symbol of the mind-body; for the yellow colour in the human aura indicates the intelligence, as every clairvoyant knows. In this degree of initiation the teachings of the former degree were continued. In the first, as you remember, were taught the effects in the astral world of various ways of living. In the greater mysteries the pupil was shown what would be the effect in the heaven-world of a certain line of life, study and aspiration on earth. The whole history of the evolution of the world and of man, in its deeper aspect, was expounded in the greater mysteries. The same method or representation as in the other case was used here; although it was much more difficult to represent on the physical plane what belonged to the mental.

Giờ nói về huyền môn đại. Những huyền môn này được cử hành chủ yếu tại ngôi đền lớn ở Eleusis, không xa Athens. Những người được điểm đạo gọi là "epoptai", nghĩa là "những người có đôi mắt đã mở". Biểu tượng của họ là bộ lông cừu vàng của Jason, tượng trưng cho thể trí; vì màu vàng trong hào quang con người biểu thị trí tuệ, như mọi nhà thông nhãn đều biết. Trong bậc điểm đạo này, các giáo huấn của bậc trước được tiếp tục. Ở bậc thứ nhất, như bạn nhớ, người ta được dạy các hệ quả trên cõi cảm dục của những cách sống khác nhau. Trong huyền môn đại, học trò được chỉ cho thấy hệ quả ở cõi thượng thiên của một đường hướng sống, học tập và chí nguyện trên trần. Toàn bộ lịch sử tiến hoá của thế giới và của con người, trong viễn tượng sâu xa hơn, được giảng giải trong huyền môn đại. Phương pháp trình bày cũng giống như trong trường hợp kia; dù khó khăn hơn nhiều khi phải trình bày trên cõi hồng trần những gì thuộc về cõi trí.

In each of these divisions of the mysteries, the lesser and the greater, there was an inner school which taught practical development to those who were seen to be ready for it. In the lesser mysteries theoretical knowledge about the astral plane was given, but the teachers carefully watched their pupils, and when they noticed one of whose character they felt sure, who showed that he was capable of psychic development, they invited him into the inner circle in which instruction was given as to the method of using the astral body and consciously functioning in it. When such a man passed on to the greater mysteries he received not only the ordinary teaching about the conditions of the mental plane, but also

Trong mỗi phân hệ của các huyền môn, đại và tiểu, đều có một nội học truyền dạy phát triển thực hành cho những ai được thấy là đã sẵn sàng. Trong huyền môn tiểu, tri thức lý thuyết về cõi cảm dục được ban, nhưng các thầy chăm chú quan sát học trò, và khi nhận thấy có người mà họ tin chắc về tính cách, cho thấy y có khả năng phát triển tâm thông, họ mời y vào nội đồ, nơi có chỉ dẫn về phương pháp sử dụng thể cảm dục và hoạt động có ý thức trong đó. Khi một người như thế tiến vào huyền môn đại, y không chỉ nhận giáo huấn thông thường về các điều kiện của cõi trí, mà còn nhận chỉ dẫn riêng về việc phát triển thể trí như một vận cụ.

private instruction as to the development of the mental body as a vehicle.

Those who were thus received, not only into the recognized stages of the mysteries but into their inner schools, were also taught at the end of their course that all of this was in truth but exoteric—that all which they had learnt, incalculable as had been its value, was really only a preparation for the true mysteries of initiation which would lead them to the feet of the Masters of Wisdom, and admit them to the Great Brotherhood which rules the world.

I may explain still further the meaning of some of those symbols which were used in connection with the mysteries. First, we will take what was called the thyrsus—that is, a staff with a pine-cone on its top. In India the same symbol is found, but instead of the staff a stick of bamboo with seven knots is used. In some modifications of the mysteries, a hollow iron rod, said to contain fire, was used instead of the thyrsus. Here again it is not difficult for the student of occultism to see the meaning. The staff or the stick with seven knots represents the spinal cord, with its seven centres, of which we read in the Hindu books. The hidden fire is the serpent-fire, kundalini, of which you may read in *The Secret Doctrine.* But the thyrsus was not only a symbol; it was also an object of practical use. It was a very strong magnetic instrument, used by initiates to free the astral body from the physical when they passed in full consciousness to this higher life. The priest who had magnetized it laid it against the spinal cord of the candidate and gave him in that way some of his own magnetism, to help him in that difficult life and in the efforts which lay before him. In connection with these mysteries, a certain set of objects called the toys of Bacchus are spoken of. When you go over those lists of the toys of Bacchus you will find them very

Những ai như thế được thâu nhận, không chỉ vào các giai đoạn thừa nhận của huyền môn mà còn vào các nội học của chúng, cũng được dạy ở cuối khoá rằng tất cả những điều này thực ra chỉ là ngoại môn—rằng mọi điều họ đã học, dẫu giá trị vô lượng, thực ra chỉ là sự chuẩn bị cho các huyền môn chân chính của điểm đạo, những điều sẽ dẫn họ đến dưới chân các Chân sư Minh triết, và đưa họ vào Đại Huynh đệ Đoàn đang cai quản thế gian.

Tôi có thể giải thích thêm nữa về ý nghĩa của một số biểu tượng được dùng trong liên hệ với các bí nhiệm. Trước hết, chúng ta sẽ xét cái được gọi là thyrsus—tức là một cây trượng có gắn quả thông ở đầu. Ở Ấn Độ có cùng biểu tượng ấy, nhưng thay vì cây trượng là một gậy tre có bảy đốt. Trong một số biến thể của các bí nhiệm, người ta dùng một ống sắt rỗng, được nói là chứa lửa, thay cho thyrsus. Ở đây, đối với đạo sinh huyền bí học, không khó thấy ý nghĩa. Cây trượng hoặc cây gậy có bảy đốt tượng trưng cho tủy sống với bảy trung tâm, như ta đọc trong các sách Ấn giáo. Ngọn lửa ẩn tàng là lửa xà kundalini, mà bạn có thể đọc trong *Giáo Lý Bí Nhiệm.* Nhưng thyrsus không chỉ là một biểu tượng; nó còn là một vật dụng thực hành. Đó là một khí cụ từ tính rất mạnh, do các điểm đạo đồ dùng để giải phóng thể cảm dục khỏi thể xác khi các vị chuyển sang đời sống cao hơn này trong sự tỉnh biết trọn vẹn. Vị tư tế đã từ hóa nó áp vào tủy sống của ứng viên và theo cách ấy truyền cho y một phần từ điện của chính mình, giúp y trong đời sống khó khăn đó và trong những nỗ lực đang chờ phía trước. Liên hệ với các bí nhiệm này, người ta còn nói đến một bộ vật dụng nhất định gọi là đồ chơi của Bacchus. Khi bạn xem qua danh sách các đồ chơi của Bacchus, bạn sẽ thấy chúng thật đáng kinh ngạc.

remarkable.

Whilst the child Bacchus (the LOGOS) plays with his toys he is seized by the Titans and torn to pieces. Later these pieces are put together and built into a whole. You will understand that this, however clumsy it may seem to us, is without doubt an allegory, which represents the descending of the One to become the many, and the re-union of the many in the One, through suffering and sacrifice. What, then, are the toys of the child Bacchus when he falls into matter and becomes the many? In the first place we find him playing with dice. Those dice are not common dice, but the five platonic solids; a set of five regular figures, the only regular polygons possible in geometry. They are given in a fixed series, and this series agrees with the different planes of the solar system. Each of them indicates, not the form of the atoms of the different planes, but the lines along which the power works which surrounds those atoms. These polygons are the tetrahedron, the cube, the octohedron, the dodecahedron, and the icosahedron. If we put the point at one end and the sphere at the other we get a set of seven figures, corresponding to the number of planes of our solar system.

Trong khi Bacchus hài nhi (Ngôi Lời) chơi với đồ chơi của mình, Ngài bị các Titan bắt lấy và xé ra từng mảnh. Sau đó, những mảnh ấy được ráp lại và xây dựng thành một toàn thể. Bạn sẽ hiểu rằng, dẫu có vẻ vụng về với chúng ta, đây chắc chắn là một ẩn dụ, biểu thị sự giáng hạ của Đấng Duy Nhất để trở thành cái nhiều, và sự tái hợp của cái nhiều trong Đấng Duy Nhất, qua khổ đau và hiến tế. Vậy đồ chơi của Bacchus hài nhi là gì khi Ngài rơi vào vật chất và trở thành cái nhiều? Trước hết, chúng ta thấy Ngài chơi xúc xắc. Những xúc xắc ấy không phải loại thường, mà là năm khối đa diện Platôn; một bộ gồm năm hình đều, là những đa diện đều duy nhất có thể có trong hình học. Chúng được sắp theo một chuỗi cố định, và chuỗi này tương ứng với các cõi khác nhau của hệ mặt trời. Mỗi hình trong đó chỉ ra, không phải hình dạng của các nguyên tử thuộc các cõi khác nhau, mà là những đường dọc theo đó mãnh lực bao quanh các nguyên tử ấy vận hành. Các đa diện ấy là: tứ diện, lập phương, bát diện, mười hai mặt đều và hai mươi mặt đều. Nếu ta đặt điểm ở một đầu và hình cầu ở đầu kia, ta được một bộ bảy hình, tương ứng với số cõi của hệ mặt trời chúng ta.

You know that in some of the older schools of philosophy it was said: “No one can enter who does not know mathematics.” What do you think is meant by that? Not what we now call mathematics, but the mathematics which embraced the knowledge of the higher planes, of their mutual relations and the way in which the whole is built by the will of God. Plato said, “God geometrizes,” and it is perfectly true. Those forms are not conceptions of the human brain; they are truths of the higher planes. We have formed the habit of studying the books of Euclid, but we study them now for themselves, and not as a guide to

Bạn biết rằng trong một số trường phái triết học cổ xưa có câu: “Không ai được vào nếu không biết toán học.” Với câu ấy, theo bạn, người ta muốn nói gì? Không phải thứ mà ngày nay chúng ta gọi là toán học, mà là thứ toán học bao gồm tri thức về các cõi cao, về tương quan hỗ tương của chúng và về cách toàn thể được kiến tạo bởi Ý Chí của Thượng đế. Platon nói: “Thượng đế kiến tạo theo hình học,” và điều đó hoàn toàn đúng. Những hình ấy không phải là sản phẩm của bộ óc nhân loại; chúng là các chân lý của các cõi cao. Chúng ta đã quen học các sách của Euclid, nhưng nay ta học chúng vì chính chúng, chứ không xem

something higher. The old philosophers pondered upon them because they led to the understanding of the true science of life. We have lost sight of the true teaching, and grasp in many cases only the lifeless form.

như cẩm nang dẫn lên điều cao hơn. Các triết gia xưa suy ngẫm về chúng vì chúng đưa đến sự thấu hiểu chân khoa học về sự sống. Chúng ta đã đánh mất tầm nhìn về giáo huấn chân thực, và trong nhiều trường hợp chỉ nắm lấy hình thức vô sinh khí.

Another toy with which Bacchus played was a top, the symbol of the whirling atom of which you will find a picture in *Occult Chemistry.* He also plays with a ball which represents the earth, that particular part of the planetary chain to which the thought of the LOGOS is specially directed at the moment. Also he plays with a mirror. The mirror has always been a symbol of astral light, in which the archetypal ideas are reflected and then materialized. So you see that each of those toys indicates an essential part in the evolution of a solar system.

Một món đồ chơi khác mà Bacchus dùng là con cù—biểu tượng của nguyên tử quay, mà bạn sẽ thấy hình vẽ trong *Hóa Học Huyền Bí.* Ngài cũng chơi với một quả cầu tượng trưng cho Địa cầu, phần đặc thù của Dãy Hành tinh mà vào lúc ấy tư tưởng của Thái dương Thượng đế đặc biệt hướng đến. Ngài cũng chơi với một chiếc gương. Gương xưa nay là biểu tượng của ánh sáng cảm dục, trong đó các ý tưởng nguyên mẫu được phản chiếu rồi hiện hình. Như vậy bạn thấy, mỗi đồ chơi ấy chỉ ra một bộ phận thiết yếu trong tiến trình tiến hóa của một hệ mặt trời.

A few words may be said about the way in which people were prepared for the study of those mysteries by the different schools; for instance, the Pythagorean school, to which I belonged. In the Pythagorean schools, the pupils were divided into three classes. The first was called that of the *akoustikoi* or hearers. This means that they were learners, but it is also true that one of the rules was that they were to keep absolutely silent for two years.

Có thể nói đôi lời về cách các trường phái khác nhau chuẩn bị con người học các bí nhiệm ấy; thí dụ như trường Pythagoras, nơi tôi đã thuộc về. Trong các trường Pythagoras, học chúng được phân thành ba hạng. Hạng thứ nhất gọi là *akoustikoi* hay thính giả. Điều này nghĩa là họ là những người học, nhưng cũng đúng là một trong các quy luật buộc họ phải giữ im lặng tuyệt đối trong hai năm.

I think this rule would be regarded as a serious drawback by many who join our Society at the present time, but in those olden times a great many people, not only men but women too, submitted to this stipulation. The rule had also another meaning, but it is a fact that during two years the members of the first class were compelled to keep silence. The other meaning was that during all the time, however long, that a man stayed in this class of the *akoustikoi,* he might not give out any

Tôi nghĩ rằng quy luật này sẽ bị nhiều người gia nhập Hội của chúng ta ngày nay xem là một trở ngại nghiêm trọng, nhưng vào thời xưa, rất nhiều người—không chỉ nam mà cả nữ—đã chấp nhận điều khoản ấy. Quy luật ấy còn có một ý nghĩa khác nữa, nhưng sự thật là trong hai năm, các thành viên của hạng thứ nhất bị buộc phải giữ im lặng. Ý nghĩa khác là trong suốt thời gian, bất kể bao lâu, mà một người còn ở hạng *akoustikoi*, y không được truyền dạy bất kỳ giáo huấn nào, mà tiếp tục

teaching, but continued to learn. I have wished that we had some such arrangement in the Theosophical Society, for it sometimes happens that members who do not yet know much themselves want to teach others, and the teaching is not always recognizable as Theosophy.

học. Tôi đã từng mong chúng ta cũng có một sắp đặt tương tự trong Hội Thông Thiên Học, vì đôi khi xảy ra việc những hội viên chưa biết nhiều đã muốn dạy người khác, và giáo huấn ấy không phải lúc nào cũng nhận ra được là Thông Thiên Học.

The second class of Pythagoreans was called that of the *mathematikoi.* They passed their time in studying geometry, numbers and music. They brought these different subjects into relation to one another and worked out the relations between colour and sound, which are very remarkable.

Hạng thứ hai của Pythagore gọi là *mathematikoi*. Họ dành thời gian học hình học, số học và âm nhạc. Họ liên hệ các môn khác nhau này với nhau và khai triển những tương quan giữa màu sắc và âm thanh, vốn rất đáng kinh ngạc.

Let us take an example, which shows how our world is a coherent whole and how we can take from different parts which do not seem to have any connection whatever, and bring them into relation with each other. I just spoke about the five platonic polygons. Every one who knows anything about music knows that there is a fixed proportion between the length of the strings which produce certain tones. You know that you can tune a piano according to a certain system of fifths, and you can express the relation of the different tones to one another by the number of vibrations of each tone; so you can express an harmonious chord in mathematical numbers. This was first discovered simply by experiment; later the mathematicians found out what the proportions should be, and again by experiment they were found to be exact. But the peculiarity is that the set of numbers which produces an harmonious chord have the same relation to one another as that which exists between certain parts of these platonic solids. I believe that this point was worked out some time ago in an article in the *Theosophical Review* by one of the English cathedral organists.

Chúng ta hãy lấy một ví dụ, cho thấy thế giới của chúng ta là một toàn thể mạch lạc và cho thấy chúng ta có thể lấy từ những phần tưởng như chẳng liên hệ gì, rồi nối chúng lại với nhau. Tôi vừa nói về năm đa diện Platôn. Ai biết đôi điều về âm nhạc đều biết có một tỉ lệ cố định giữa độ dài của những dây tạo ra các cao độ nhất định. Bạn biết có thể lên dây đàn piano theo một hệ thống quãng năm nào đó, và bạn có thể biểu thị tương quan các âm với nhau bằng số dao động của từng âm; do đó bạn có thể biểu diễn một hợp âm hòa điệu bằng các con số toán học. Điều này ban đầu được phát hiện đơn thuần bằng thí nghiệm; sau đó các nhà toán học tìm ra các tỉ lệ cần có, và lại bằng thí nghiệm người ta xác nhận chúng là chính xác. Nhưng điều đặc biệt là bộ số tạo ra một hợp âm hòa điệu lại có tương quan với nhau y hệt như tương quan tồn tại giữa những phần nhất định của các khối đa diện Platôn này. Tôi tin rằng điểm này đã từng được khai triển cách đây một thời gian trong một bài trên *Tạp chí Thông Thiên Học* do một nghệ sĩ đàn ống của nhà thờ chính tòa Anh quốc viết.

It is very remarkable that our scale, so different from the old Greek scale, which consisted of five tones, can still be deduced from the proportion of those five platonic figures, which were studied some thousands of years ago in Greece. One is apt to think that there cannot be much relation between mathematics and music, but you see that they are both parts of one great whole.

Điều thật đáng chú ý là thang âm của chúng ta —dù khác hẳn thang âm Hy Lạp cổ, vốn gồm năm âm—vẫn có thể được suy xuất từ các tỉ lệ của năm đa diện Platôn ấy, những hình đã được khảo cứu cách đây hàng ngàn năm tại Hy Lạp. Người ta dễ ngỡ rằng giữa toán học và âm nhạc không có bao lăm liên hệ, nhưng bạn thấy đấy, cả hai đều là những phần của một toàn thể vĩ đại.

The third class of the Pythagorean school was formed of the *physikoi*—those who studied physics, the inner connection between phenomena, world-building and metaphysics. They learnt the truth about man and nature and, as far as they could learn it, about Him who made both.

Hạng thứ ba của trường Pythagoras là *physikoi* —những người học vật lý, mối liên hệ nội tại giữa các hiện tượng, công cuộc kiến tạo thế giới và siêu hình học. Họ học chân lý về con người và thiên nhiên, và trong mức có thể, về Đấng đã tạo nên cả hai.

There is still one point in the mysteries which we should not forget to consider—the life of the disciples. A life of perfect purity was strictly required. It is a remarkable coincidence that the life in the Pythagorean school is divided into five periods, almost similar to the five steps of the preparatory path of the Hindus, as described by me in *Invisible Helpers,* and by Mrs. Besant in *The Path of Discipleship.* Almost all the forms and symbols of the present Christian religion are derived from the Egyptian mysteries. All the symbolism, for example, that is related to the Latin cross, and to the descent and sacrifice of the LOGOS, is taken from the Egyptian mysteries. I have written about this in *The Christian Creed.*

Còn một điểm nữa trong các bí nhiệm mà chúng ta không nên quên bàn đến—đời sống của các đệ tử. Một đời sống thanh tịnh hoàn toàn được đòi hỏi nghiêm ngặt. Thật là một sự trùng hợp đáng chú ý khi đời sống trong trường Pythagoras được chia thành năm thời kỳ, gần như tương tự năm bước của Con Đường Dự Bị của người Ấn, như tôi đã mô tả trong *Những Trợ Giúp Vô Hình,* và như Bà Besant trong *Con Đường Đệ Tử.* Hầu như tất cả các hình thức và biểu tượng của tôn giáo Cơ Đốc hiện nay đều bắt nguồn từ các bí nhiệm Ai Cập. Chẳng hạn toàn bộ biểu tượng liên quan đến thập giá La-tinh, và đến sự giáng lâm cùng hiến tế của Ngôi Lời, đều được lấy từ các bí nhiệm Ai Cập. Tôi đã viết về điều này trong *Tín Điều Kitô giáo.*

Though the mysteries of Greece and Rome, of Egypt and Chaldaea, are long ago defunct, the world has never been left without avenues of approach to the inner shrine. Even in the gross darkness of the middle ages the Rosicrucians and some other secret societies were ready to teach the truth to those who were ready to learn; and now in these modern days of hurry

Dẫu các bí nhiệm của Hy Lạp và La Mã, của Ai Cập và Chaldea đã tiêu vong từ lâu, thế giới chưa bao giờ bị bỏ mặc không có những lối ngả tiến vào nội điện. Ngay giữa bóng tối thô nặng của thời trung cổ, Huynh đệ Hoa Hồng Thập Tự và một vài hội kín khác vẫn sẵn sàng dạy chân lý cho những ai sẵn lòng học; và nay, giữa thời hiện đại vội vã và duy vật này, Hội Thông

and materialism the Theosophical Society still upholds the banner of true knowledge, and acts as a gateway by means of which those who are really in earnest may reach the feet of the Masters of the Wisdom. We have our grades in the Esoteric Section, just as the mysteries had; and behind us, as behind them, stand always the officials of the Great White Brotherhood, who keep in their hands the key to the true initiations.

Thiên Học vẫn giương cao ngọn cờ chân tri, và làm cổng vào nhờ đó những ai thực sự chí thành có thể đến dưới chân các Chân sư của Minh triết. Chúng ta có các cấp bậc trong Ban Nội Môn, cũng như các bí nhiệm đã có; và phía sau chúng ta, như phía sau họ, luôn luôn có các vị chức sự của Huynh đệ Đoàn Chánh đạo, những vị giữ trong tay chìa khóa của các cuộc điểm đạo chân chính.

You must also remember that many things given in those old days only under the seal of secrecy are now made public, and through our Society are given to the world. Many of the greatest and noblest characters of history have passed years in study and work to try to find what is now given us so easily and simply in a few books. Of us is perfectly true what is said in the Bible: "Many prophets and kings have desired to see those things which ye see, and have not seen them; and to hear those things which ye hear, and have not heard them." *(Luke,* x.) Because this honour is reserved for us and this opportunity is given us, it seems to me that a great responsibility rests upon us, and that we should try to be worthy of the gift. It is good karma which allows this possibility to open before us. If we let it pass, we shall not deserve to have another offered us for thousands of years. If you knew, as I know, with what difficulties we had to contend in former days to learn all those things which are laid before us now, perhaps you would appreciate more the opportunity offered you. Let us try to make use of it to the utmost of our power, and show ourselves worthy of the privilege given us by Theosophy.

Bạn cũng phải nhớ rằng nhiều điều thuở xưa chỉ được ban truyền dưới ấn bí mật, thì nay đã được công khai, và thông qua Hội của chúng ta được trao cho thế giới. Nhiều nhân vật vĩ đại và cao quý nhất trong lịch sử đã trải qua nhiều năm học hỏi và làm việc để cố tìm ra những gì nay được trao cho chúng ta thật dễ dàng và giản dị trong một vài cuốn sách. Điều nói trong Kinh Thánh hoàn toàn đúng với chúng ta: "Nhiều nhà tiên tri và các vua chúa đã ao ước thấy những điều mà các ngươi thấy mà không được thấy; và nghe những điều các ngươi nghe mà không được nghe." *(Lu-ca,* x.) Bởi vinh dự này được dành cho chúng ta và cơ hội này được ban cho chúng ta, theo tôi dường như một trách nhiệm lớn đặt lên chúng ta, và chúng ta nên cố xứng đáng với ân huệ ấy. Đó là nghiệp quả lành cho phép khả năng này mở ra trước mắt chúng ta. Nếu chúng ta để nó trôi qua, chúng ta sẽ không xứng đáng để được trao một cơ hội khác trong hàng ngàn năm. Nếu bạn biết, như tôi biết, chúng tôi đã phải đối đầu những khó khăn nào trong những ngày trước kia để học tất cả những điều nay được bày ra trước chúng ta, có lẽ bạn sẽ trân trọng hơn cơ hội được trao. Chúng ta hãy cố gắng tận dụng nó hết mức có thể, và tỏ ra mình xứng đáng với đặc ân mà Thông Thiên Học đã ban.

SECOND SECTION—PHẦN THỨ HAI

THE LOGOS—NGÔI LỜI

WE have in the LOGOS of our solar system as near an approach to a personal (or rather, perhaps, individual) God as any reasonable man can desire, for of Him is true everything good that has ever been predicated of a personal deity. We cannot ascribe to Him partiality, injustice, jealousy, cruelty; those who desire these attributes in their deity must go elsewhere. But so far as His system is concerned He possesses omniscience, omnipresence, omnipotence; the love, the power, the wisdom, the glory, all are there in fullest measure. Yet He is a mighty Individual —a trinity in unity, and God in very truth, though removed by we know not how many stages from the Absolute, the Unknowable before which even solar systems are but as specks of cosmic dust. I do not think that we can image Him at all. The sun is His chief manifestation on the physical plane, and that may help us a little to realize some of His qualities, and to see how everything comes from Him. The sun may be considered as a sort of force-centre in Him, corresponding to the heart of man, the outer manifestation of the principal centre in His body.

CHÚNG ta có nơi Thái dương Thượng đế của hệ mặt trời chúng ta một sự tiếp cận gần với một Thượng đế cá vị (hay đúng hơn, có tính cá thể) như bất kỳ người nào sáng suốt có thể mong muốn, bởi vì nơi Ngài, mọi điều thiện hảo từng được quy cho một thần linh cá vị đều là chân thực. Chúng ta không thể gán cho Ngài sự thiên vị, bất công, ghen tuông, tàn bạo; ai muốn thấy những thuộc tính ấy nơi vị thần của mình thì phải tìm ở nơi khác. Nhưng trong phạm vi hệ thống của Ngài, Ngài sở hữu toàn tri, hiện diện khắp nơi, toàn năng; tình thương, quyền năng, minh triết, vinh quang—tất cả đều có mặt nơi Ngài trong mức viên mãn nhất. Tuy thế, Ngài là một Cá Thể hùng vĩ—một Tam Vị trong Hợp nhất, và là Thượng đế đích thực, dẫu Ngài cách xa, không biết là bao nhiêu bậc, so với Tuyệt Đối, Đấng Bất Khả Tri mà trước mặt Ngài, ngay cả các hệ mặt trời cũng chỉ như hạt bụi vũ trụ. Tôi không nghĩ rằng chúng ta có thể tưởng tượng nổi về Ngài. Mặt trời là biểu lộ chủ yếu của Ngài trên cõi hồng trần, và điều ấy có thể giúp chúng ta phần nào hình dung vài phẩm tính của Ngài, và thấy mọi sự đều xuất phát từ Ngài. Có thể xem mặt trời như một trung tâm lực nơi Ngài, tương ứng với trái tim nơi con người, tức biểu lộ ra bên ngoài của trung tâm chủ yếu trong Thể Ngài.

Although the whole solar system is His physical body, yet His activities outside of it are enormously greater than those within it. I

Dầu toàn thể hệ mặt trời là thể xác của Ngài, thì các hoạt động của Ngài ở bên ngoài nó vẫn lớn lao vô lượng lần so với các hoạt động bên

have myself preferred not even to try to make any image of Him, but simply to contemplate Him as pervading all things, so that even I myself am also He, so that all other men too are He, and in truth there is nothing but God. Yet at the same time, although this that we can see is a manifestation of Him, this solar system that seems so stupendous to us is to Him but a little thing, for, though He is all this, yet outside it and above it all He exists in a glory and a splendour of which we know nothing as yet. Thus though we agree with the pantheist that all is God, we yet go very much further than he does, because we realize that He has a far greater existence above and beyond His universe. "Having pervaded this whole universe with one fragment of Myself, I remain. (*Bhagavad Gita,* x.)

trong. Về phần tôi, tôi còn không muốn cố tạo ra bất kỳ hình ảnh nào về Ngài; tôi chỉ chiêm ngưỡng Ngài như thấm nhuần tất cả, đến nỗi ngay cả chính tôi cũng là Ngài, mọi người khác cũng là Ngài, và thật sự chẳng có gì ngoài Thượng đế. Tuy vậy, mặc dù cái chúng ta thấy là một biểu hiện của Ngài, thì hệ mặt trời này —vốn dường như vô cùng đồ sộ đối với chúng ta—đối với Ngài chỉ là một điều nhỏ bé, bởi vì dẫu Ngài là tất cả những điều ấy, Ngài vẫn tồn tại bên ngoài và vượt lên trên tất cả, trong một quang huy và huy hoàng mà hiện thời chúng ta chưa biết gì. Như thế, dẫu chúng ta đồng ý với nhà phiếm thần luận rằng "mọi sự là Thượng đế", chúng ta vẫn đi xa hơn ông rất nhiều, bởi chúng ta nhận ra rằng Ngài còn có một hiện hữu lớn lao hơn nữa ở bên trên và vượt ngoài vũ trụ của Ngài. "Sau khi thấm nhuần toàn vũ trụ này chỉ bằng một mảnh của Ta, Ta vẫn tồn tại." (*Bhagavad Gita,* x.)

I do not think that we can find any form of words that will at all express the method of our union with Him. We may in one sense be cells in his Body, but we are certainly very much more than that, for His life and power are manifested through us in a way which is out of all proportion to any such manifestation of our spiritual life as could be supposed to be given through the cells of our bodies. In His manifestation on the lowest cosmic plane we may take it that His first aspect is on the highest level, the second on that below it, and the third in the higher part of the nirvanic plane, so that when an adept gradually raises his consciousness plane by plane as he developes, he comes first to the third aspect and realizes his unity with that moving on only after long intervals to full union with the second and the first.

Tôi không nghĩ rằng chúng ta có thể tìm ra hình thức ngôn từ nào đủ để diễn đạt phương cách chúng ta hợp nhất với Ngài. Xét theo một nghĩa, chúng ta có thể là những tế bào trong Thân Ngài, nhưng chắc chắn chúng ta còn hơn thế rất nhiều, vì sự sống và quyền năng của Ngài biểu lộ qua chúng ta theo một cách hoàn toàn vượt mức so với bất kỳ biểu lộ nào của sự sống tinh thần nơi chúng ta có thể được cho là truyền qua tế bào thân xác. Trong sự biểu hiện của Ngài trên cõi vũ trụ thấp nhất, ta có thể xem Phương diện thứ nhất của Ngài ở mức cao nhất, Phương diện thứ hai ở mức ngay dưới đó, và Phương diện thứ ba ở phần cao của cõi Niết Bàn; do đó khi một chân sư lần lượt nâng tâm thức của mình lên từng cõi khi vị ấy phát triển, vị ấy trước hết đạt đến Phương diện thứ ba và nhận ra sự hợp nhất của mình với Phương diện ấy, rồi chỉ sau những khoảng dài mới tiến đến hợp nhất trọn vẹn với Phương diện thứ hai và thứ nhất.

I myself who speak to you have once seen Him

Bản thân tôi—người đang nói với quý vị—đã

in a form which is not the form of His system. This is something which utterly transcends all ordinary experience, which has nothing to do with any of the lower planes. The thing became possible for me only through a very daring experiment—the utter blending for a moment of two distinct rays or types, so that by means of this blending a level could for a moment be touched enormously higher than any to which either of the egos concerned could have attained alone. He exists far above His system; He sits upon it as on a lotus throne. He is as it were the apotheosis of humanity, yet infinitely greater than humanity. We might think of the Augoeides carried up higher and higher, and to infinity. I do not know whether that form is permanent or whether it can be seen at a certain level only —who shall say? But that this thing is a tremendous reality—that I know; and, once seen, such a manifestation can never be forgotten.

từng một lần thấy Ngài trong một hình tướng không phải là hình tướng của hệ thống Ngài. Đó là điều hoàn toàn vượt khỏi mọi kinh nghiệm thông thường, chẳng liên can gì đến các cõi thấp. Việc ấy chỉ trở nên khả hữu với tôi qua một thực nghiệm táo bạo—sự dung hợp trọn vẹn trong chốc lát của hai cung hay loại tính khác biệt, để nhờ sự dung hợp ấy, có thể chạm đến trong tích tắc một mức độ cao hơn vô cùng so với bất cứ mức nào mà riêng mỗi chân ngã trong hai bên có thể tự mình đạt đến. Ngài hiện hữu ở rất cao trên hệ thống của Ngài; Ngài ngự trên nó như trên một tòa sen. Ngài là, như thể nói, sự thăng hoa tột đỉnh của nhân loại, song vẫn vô lượng vượt quá nhân loại. Ta có thể nghĩ đến Thái dương Thiên Thần được đưa lên cao mãi, và đến vô tận. Tôi không biết hình tướng ấy có thường hằng hay chỉ có thể thấy ở một mức nào đó—ai mà dám quyết? Nhưng rằng điều ấy là một hiện thực hùng vĩ —điều đó tôi biết; và một khi đã thấy, một biểu lộ như thế không bao giờ có thể bị lãng quên.

One little touch of higher experience I may mention, though it is one which is exceedingly difficult to describe adequately. When a man raises his consciousness to the highest subdivision of his casual body, and focuses it exclusively in the atomic matter of the mental plane, he has before him three possibilities of moving that consciousness, which correspond to some extent with the three dimensions of space. Obviously a way is open to him to move it downwards into the second subplane of the mental, or upward into the lowest subplane of the buddhic, if he has developed that sufficiently to be able to utilize it as vehicle.

Tôi có thể nhắc đến một chạm nhẹ của kinh nghiệm cao hơn, dẫu nó cực kỳ khó mô tả cho đầy đủ. Khi một người nâng tâm thức của mình lên phân phân cao nhất của thể nguyên nhân và tập trung nó hoàn toàn vào chất nguyên tử của cõi trí, y có trước mặt ba khả năng chuyển động tâm thức ấy, phần nào tương ứng với ba chiều của không gian. Rõ ràng có một lối mở cho y đi xuống phân cõi thứ hai của cõi trí, hoặc đi lên phân cõi thấp nhất của cõi Bồ đề, nếu y đã phát triển đủ để sử dụng cõi ấy như vận cụ.

A second line of movement open to him is the short cut which exists from the atomic subdivision of one plane to the corresponding atomic subdivisions of the planes above and below, so that without touching any

Một đường chuyển động thứ hai mở cho y là con đường tắt tồn tại giữa phân phân nguyên tử của một cõi với các phân phân nguyên tử tương ứng của các cõi ở trên và ở dưới, sao cho không cần chạm đến bất kỳ phân cõi trung

intermediate sub-plane the consciousness may pass from that atomic mental downwards to the atomic astral or upwards to the atomic buddhic, again of course supposing the development of this latter to be already achieved. In order to image to oneself this short cut, one may think of the atomic subplanes as being side by side along a rod, the other sub-divisions of each plane hanging from the rod in loops, as though a piece of string were wound loosely round the rod. Obviously then to pass from one atomic sub-division to another one could move by the short cut straight along the rod, or down and up again through the hanging loop of string which symbolizes the lower sub-planes. But there is yet a third possibility—a possibility not so much yet of *movement* along another line at right angles to both of these others, but rather a possibility of looking up such a line—looking up as a man at the bottom of a well might look up at a star in the sky above him.

gian nào, tâm thức có thể đi từ nguyên tử trí xuống nguyên tử cảm dục hoặc lên nguyên tử Bồ đề—dĩ nhiên giả định rằng sự phát triển của cõi sau này đã đạt được. Để hình dung con đường tắt này, người ta có thể nghĩ đến các phân phân nguyên tử như nằm kề nhau dọc theo một thanh trục, còn các phân phân khác của mỗi cõi thì buông thõng từ thanh trục ấy thành những vòng lủng lẳng, như thể một sợi dây được quấn lỏng quanh thanh trục. Rõ ràng để đi từ một phân phân nguyên tử này sang một phân phân nguyên tử khác, ta có thể đi tắt thẳng dọc theo thanh trục, hoặc đi vòng xuống rồi lại lên qua vòng dây buông thõng tượng trưng cho các phân cõi hạ. Nhưng còn một khả năng thứ ba—không hẳn là chuyển động dọc theo một tuyến nữa, vuông góc với cả hai tuyến kia, mà đúng hơn là một khả năng ngước nhìn dọc theo một tuyến như thế—ngước nhìn như người ở đáy giếng ngước nhìn một ngôi sao trên trời.

For there is a direct line of communication between the atomic sub-plane of the mental in this lowest cosmic plane and the corresponding atomic mental in the cosmic plane. We are infinitely far as yet from being able to climb upwards by that line, but once at least the experience came of being able to look up it for a moment. What is seen then it is hopeless to try to describe, for no human words can give the least idea of it; but at least this much emerges, with a certitude that can never be shaken, that what we have hitherto supposed to be our consciousness, our intellect, is simply not ours at all, but His; not even a reflection of His, but literally and truly a part of His consciousness, a part of His intellect. Incomprehensible, yet literally true! It is a commonplace of our meditation to say, "I am that Self; that self am I," but to see it, to know it, to feel it, to realize it in this way, is something very different from that verbal

Bởi vì có một đường liên lạc trực tiếp giữa phân phân nguyên tử của cõi trí thuộc cõi vũ trụ thấp nhất này và phân phân trí nguyên tử tương ứng ở Cõi Vũ trụ cao hơn. Chúng ta hiện còn ở cách vô cùng xa khả năng leo lên theo tuyến ấy, nhưng đã có ít nhất một lần kinh nghiệm về việc có thể ngước nhìn theo tuyến đó trong chốc lát. Những gì được thấy khi ấy thì bất khả mô tả—không một ngôn từ nào của con người có thể gợi được chút ý niệm; nhưng chí ít điều này hiện lộ, với một xác tín không gì lay chuyển được: cái mà bấy lâu nay chúng ta tưởng là tâm thức của chúng ta, trí tuệ của chúng ta, thực ra tuyệt nhiên không phải của chúng ta, mà là của Ngài; thậm chí không phải chỉ là phản ảnh của Ngài, mà đúng theo văn nghĩa và theo chân lý, là một phần tâm thức của Ngài, một phần trí tuệ của Ngài. Bất khả tư nghị, mà lại đúng theo văn nghĩa! Trong tham thiền, chúng ta thường nói: "Ta là Tự Ngã ấy; Tự Ngã ấy là ta", nhưng thấy nó, biết nó, cảm

recitation.

From Him comes forth all life in the successive outpourings which are described in our books —the first outpouring from His third aspect, which gives to previously existing atoms the power to aggregate themselves into the chemical elements—the action which is described in the Christian Scriptures as the spirit of God moving over the waters of space. When, at a later stage, the kingdoms of nature are definitely established, there comes the second outpouring, from His second aspect, which forms group-souls for the minerals, the plants, the animals, and this is the descent of the Christ principle into matter, which alone renders possible our very existence. But when we think of the human kingdom we remember that the ego itself is a manifestation of the third outpouring which comes from His first aspect, the eternal and all-loving Father.

Every fixed star is a sun like our own, and each one is a partial expression of a LOGOS.

BUDDHISM— ĐẠO PHẬT

In thinking of the Lord BUDDHA we must not forget that He is very much more than merely the founder of a religion. He is a great official of the Occult Hierarchy, the greatest of all save one, and the founder in previous incarnations of many religions before this one which now bears His title. For He was the Vyasa who has done so much for the Indian religion; He was Hermes, the great founder of the Egyptian mysteries; He was the original Zoroaster, from whom came the sun and fire worship; and he was also Orpheus, the great bard of the Greeks.

nó, hiện chứng nó theo cách này, là điều rất khác với sự tụng đọc bằng miệng.

Từ Ngài, mọi sự sống tuôn ra qua những lần tuôn đổ liên tiếp, như được mô tả trong các sách của chúng ta—lần tuôn đổ thứ nhất từ Phương diện thứ ba của Ngài, ban cho các nguyên tử vốn đã hiện hữu quyền năng kết tụ thành các nguyên tố hóa học—hành động mà Kinh Thánh Cơ Đốc miêu tả là Thần của Thượng đế di động trên mặt nước của không gian. Khi, ở một giai đoạn muộn hơn, các giới của thiên nhiên được thiết lập rõ rệt, có lần tuôn đổ thứ hai, đến từ Phương diện thứ hai của Ngài, tạo nên các Hồn nhóm cho khoáng vật, thực vật, thú vật; và đó là sự giáng lâm của nguyên lý Christ vào trong vật chất, điều duy nhất làm cho sự tồn tại của chính chúng ta trở nên khả hữu. Nhưng khi nghĩ về giới nhân loại, chúng ta nhớ rằng chân ngã tự thân là một biểu hiện của lần tuôn đổ thứ ba, đến từ Phương diện thứ nhất của Ngài—Đức Cha vĩnh cửu và toàn ái.

Mỗi ngôi sao cố định là một mặt trời như mặt trời của chúng ta, và mỗi ngôi như thế là một biểu hiện bộ phận của một Ngôi Lời.

PHẬT GIÁO— ĐẠO PHẬT

Khi nghĩ về Đức PHẬT, chúng ta chớ quên rằng Ngài hơn xa việc chỉ là vị sáng lập một tôn giáo. Ngài là một vị chức sự vĩ đại của Thánh Đoàn Huyền Bí, vĩ đại nhất ngoại trừ một Đấng, và trong những lần lâm phàm trước đây, Ngài đã sáng lập nhiều tôn giáo trước tôn giáo hiện nay mang danh xưng của Ngài. Bởi Ngài chính là Vyasa, người đã làm rất nhiều cho tôn giáo Ấn Độ; Ngài là Hermes, vị khai sáng vĩ đại của các bí nhiệm Ai Cập; Ngài là Zoroaster nguyên thủy, từ đó nảy sinh sự thờ mặt trời và lửa; và Ngài cũng là Orpheus, đại thi bá của người Hy Lạp.

In this last of His many births, when He came as the Lord Gautama, it does not appear that He had originally any intention of founding a new religion. He appeared simply as a reformer of Hinduism—a faith which was already of hoary antiquity, and had therefore departed much from its original form, as all religions have. It had become hardened in many ways, and appears to have been very far less elastic even than it is now. Even now we all know how strictly drawn are the lines between the castes, what an iron rigidity there is as to forms and ceremonies. We know that even now no man can be converted to Hinduism; the only way to enter that faith is to be born into it.

Trong lần lâm phàm cuối cùng này của vô số hóa thân, khi Ngài đến với tư cách Đức Gautama, có vẻ như ban đầu Ngài không hề có ý định lập ra một tôn giáo mới. Ngài xuất hiện đơn thuần như một nhà cải chánh Ấn giáo—một tín ngưỡng vốn đã cổ xưa rêu phong, và vì thế, như mọi tôn giáo khác, đã rời xa nhiều so với hình thức nguyên thủy. Nó đã trở nên chai cứng theo nhiều cách, và hình như còn kém linh hoạt hơn cả hiện nay. Ngay cả bây giờ, tất cả chúng ta đều biết các ranh giới giữa đẳng cấp được vạch rất nghiêm, và có một sự cứng nhắc sắt đá về hình thức cùng nghi lễ. Chúng ta biết rằng ngay đến nay cũng không ai có thể cải sang Ấn giáo; con đường duy nhất để đi vào tín ngưỡng ấy là sinh ra trong đó.

Imagine a condition in which all this was even far more rigid, in which the feeling was much more intense, in which all the ideas of life had been very much changed from what they were in the days of the original Aryan immigrants, when it was a religion full of joy, and holding out hope for everybody. A little before the time of the Buddha the general opinion seems to have been that practically no one but a brahman had any chance of salvation at all. Now as the number of the brahmans was always small, and even now is only something like thirteen millions out of the three hundred million inhabitants of India, it was clearly not a very hopeful religion for the majority of the people, since it indicated to them that they had to work on through very many lives, until they could earn admission into the small and exclusive brahman caste, before they could possibly escape from the wheel of birth and death.

Hãy hình dung một tình trạng mà trong đó tất cả điều ấy còn cứng nhắc hơn nhiều, cảm thức còn mãnh liệt hơn nhiều, mọi quan niệm về đời sống đã biến đổi rất nhiều so với thời các di dân Arya nguyên thủy, khi Ấn giáo còn là một tôn giáo tràn đầy hoan lạc và mở rộng hy vọng cho mọi người. Gần trước thời Đức Phật, ý kiến chung dường như là hầu như không ai, ngoài một brāhman, có cơ may giải thoát. Nay vì số người brāhman luôn luôn ít—ngay cả bây giờ cũng chỉ chừng mười ba triệu trong tổng số ba trăm triệu dân Ấn Độ—nên hiển nhiên đó không phải là một tôn giáo đầy hy vọng cho đa số dân chúng, bởi nó cho họ biết rằng họ phải làm việc qua rất nhiều kiếp sống, cho đến khi có thể xứng đáng được thu nhận vào đẳng cấp brāhman nhỏ bé và biệt lập, trước khi họ có thể thoát khỏi bánh xe sinh tử.

Then came Lord BUDDHA, and by His teaching flung open wide the gates of the sweet law of justice, for He taught that men had departed entirely from the old form of religion. He repeatedly asserted that a man

Rồi Đức PHẬT xuất hiện, và bằng giáo huấn của Ngài, Ngài mở rộng cánh cổng của luật công bình êm dịu, vì Ngài dạy rằng loài người đã hoàn toàn rời bỏ hình thức tôn giáo xưa. Ngài nhiều lần khẳng định rằng một người,

who, though born a brahman, did not live the life which a brahman should, was neither worthy of respect nor in the way of salvation, and that a man of any other caste who did live the true brahman life, should be treated as a brahman, and had in every way the same possibilities before him as though he had been born into the sacred caste.

dẫu sinh ra là brāhman mà không sống đời sống xứng với một brāhman, thì chẳng đáng tôn kính cũng chẳng ở trên đường cứu rỗi; và rằng một người thuộc bất kỳ đẳng cấp nào khác nhưng sống đúng đời sống brāhman chân chính thì nên được đối đãi như một brāhman, và ở mọi phương diện đều có trước mắt mình những khả năng như nhau hệt như thể y đã sinh vào đẳng cấp thiêng liêng.

Naturally enough in the face of teachings which placed all hope of final salvation so indefinitely far away in the future, the ordinary man of the world had become hopeless and consequently careless; on the other hand, the austerity of the brahman, who spent the whole of his life in ceremonies and in meditation, was not to their taste, and indeed was obviously impossible for them. But the BUDDHA preached to them what He called the middle way; He told them that although the life of austerity and of entire devotion to religion was not for them, there was no reason why, because of that, they should relapse into carelessness and evil living. He showed them that a higher life is possible for the man still in the world, and that, though they might not be able to devote themselves to metaphysics and to hairsplitting arguments, they could still obtain sufficient grasp of the great facts of evolution to form a satisfactory guide to them in their lives.

Dĩ nhiên, đối diện với những giáo lý đặt mọi hy vọng cứu rỗi cuối cùng vào một tương lai mù mịt xa xăm, người thường trong đời đã trở nên tuyệt vọng và vì vậy hóa ra buông thả; còn lối sống khắc kỷ của brāhman, người dành trọn đời mình cho nghi lễ và tham thiền, thì không hợp với họ, và thực sự là bất khả thi đối với họ. Nhưng Đức PHẬT đã thuyết điều Ngài gọi là con đường trung đạo; Ngài bảo rằng tuy đời sống khổ hạnh và hiến mình trọn vẹn cho tôn giáo không dành cho họ, song không có lý do gì để vì thế mà họ sa ngã vào sự cẩu thả và ác hạnh. Ngài chỉ cho họ thấy rằng một đời sống cao hơn vẫn khả hữu cho người còn ở giữa đời; và rằng tuy họ có thể không thể dành trọn mình cho siêu hình học và những tranh biện rắc rối, họ vẫn có thể nắm đủ những sự kiện lớn lao của tiến hóa để tạo thành một kim chỉ nam thỏa đáng cho đời sống của mình.

He declared that extremes in either direction are equally irrational; that on the one hand the life of the ordinary man of the world, wrapped up entirely in his business, pursuing dreams of wealth and power, is foolish and defective because it leaves out of account all that is really worthy of consideration; but that on the other hand the extreme asceticism that teaches each man to turn his back upon the world altogether, and to devote himself

Ngài tuyên bố rằng các thái cực theo cả hai chiều đều phi lý như nhau; rằng, một mặt, đời sống của người thường ở thế gian, hoàn toàn vùi đầu vào việc làm ăn, theo đuổi mộng tưởng giàu sang và quyền lực, là dại dột và khiếm khuyết vì nó gạt ra ngoài mọi điều thực sự đáng được quan tâm; nhưng, mặt khác, chủ nghĩa khổ hạnh cực đoan dạy mỗi người phải quay hẳn lưng lại với thế gian, và chuyên chú cách ích kỷ vào nỗ lực tự cô lập mình và trốn

exclusively and selfishly to the endeavour to shut himself away from it and escape from it, is also foolish. He held that the middle path of truth and beauty is the best and safest, and that while certainly the life devoted entirely to spirituality is the highest of all for those who are ready for it, there is also a good and true and spiritual life possible for the man who yet holds his place and does his work in the world.

khỏi nó, cũng là điều dại dột. Ngài chủ trương rằng con đường trung đạo của chân lý và cái đẹp là tốt nhất và an toàn nhất; và rằng, tuy hẳn nhiên đời sống hoàn toàn hiến dâng cho tinh thần là cao cả nhất cho những ai đã sẵn sàng, vẫn có một đời sống tốt lành, chân thực và tinh thần khả hữu cho người còn giữ vị trí và làm công việc của mình giữa thế gian.

He based His doctrines solely on reason and common-sense; He asked no man to believe anything blindly, but rather told him to open his eyes and look around him. He declared that in spite of all the sorrow and misery of the world, the great scheme of which man is a part is a scheme of eternal justice, and that the law under which we are living is a good law, and needs only that we should understand it and adapt ourselves to it. He taught that all life is suffering, but that man causes his own trouble for himself, because he yields himself perpetually to desire for that which he has not, and He said that happiness and contentment can be gained better by limiting desires than by increasing possessions.

Ngài đặt nền giáo pháp của mình hoàn toàn trên lý trí và lẽ thường; Ngài không đòi ai phải tin mù quáng điều gì, mà bảo người ấy mở mắt ra và nhìn quanh. Ngài tuyên bố rằng bất chấp mọi khổ đau và thống khổ của đời, đồ hình vĩ đại mà con người là một phần trong đó là một đồ hình của công bình vĩnh cửu, và luật pháp theo đó chúng ta đang sống là một luật lành, chỉ cần chúng ta thấu hiểu nó và thích ứng mình với nó. Ngài dạy rằng mọi đời sống đều là khổ, nhưng con người tự chuốc lấy rắc rối cho chính mình vì y cứ mãi buông mình theo lòng ham muốn những gì mình chưa có; và Ngài nói rằng hạnh phúc và an lạc có thể đạt được tốt hơn bằng cách hạn chế dục vọng hơn là gia tăng sở hữu.

To this end He tabulated His teaching in the most marvellous manner, arranging everything under certain headings which could be readily memorized. This constitutes in reality a carefully graded system of mnemonics. It is so simple in its broad outline that any child can remember and understand its four noble truths, its noble eightfold path, and the principles of life which they suggest; yet it is carried out so elaborately that it constitutes a system of philosophy which the wisest man may study all his life through, and yet find in it ever more and more light upon the problems of life.

Để đạt mục đích ấy, Ngài đã hệ thống hóa giáo huấn của mình theo một lối kỳ diệu, sắp đặt mọi điều dưới những đề mục nhất định dễ ghi nhớ. Thực chất, đây là một hệ thống ghi nhớ được phân cấp hết sức cẩn trọng. Nó đơn giản trong đại cương đến mức bất kỳ đứa trẻ nào cũng có thể ghi nhớ và hiểu được Tứ Diệu Đế, Bát Chánh Đạo và những nguyên tắc sống mà chúng gợi ra; song nó lại được triển khai tinh vi đến mức trở thành một hệ thống triết học mà bậc trí giả nhất có thể học suốt đời, vậy mà vẫn còn tìm được trong đó ngày càng nhiều ánh sáng cho các vấn đề của đời sống.

He analyzed everything to an almost

Ngài đã phân tích mọi điều đến mức hầu như

incredible extent, as may be seen by a study of the twelve nidanas, or by His enumeration of the steps which intervene between thought and action. Each of His four noble truths is represented by a single word, and yet to any one who has ever heard the exposition of the system each of those words inevitably calls up a great range of ideas. The same thing is true of the words signifying the steps of the noble eightfold path, and of the "great perfections" which are spoken of in *The Voice of the Silence.* All of these perfections are simply wisdom, power and love appearing in different forms. They are sometimes reckoned as six, but more commonly as ten. The six are given as perfect charity, perfect morality, perfect patience, perfect energy, perfect truth and perfect wisdom; and the other four which are sometimes added are perfect resignation, perfect resolution, perfect kindness and perfect abnegation.

khó tin, như có thể thấy qua nghiên cứu về mười hai nhân duyên, hoặc qua sự liệt kê của Ngài những bước trung gian giữa tư tưởng và hành động. Mỗi một trong Tứ Diệu Đế của Ngài được biểu thị bằng một từ duy nhất, vậy mà với bất kỳ ai từng nghe trình bày về hệ thống ấy, mỗi từ ấy tất yếu gợi dậy một trường rộng lớn các ý niệm. Điều tương tự đúng với những từ biểu thị các chi phần của Bát Chánh Đạo, và với "những đại toàn thiện" được nói đến trong *Tiếng Nói của Im Lặng.* Tất cả những toàn thiện ấy giản dị chỉ là trí tuệ, quyền năng và tình thương xuất hiện dưới những hình thức khác nhau. Đôi khi người ta kể là sáu, nhưng thường là mười. Sáu điều được nêu là bố thí hoàn hảo, trì giới hoàn hảo, nhẫn nhục hoàn hảo, tinh tấn hoàn hảo, chân thật hoàn hảo và trí tuệ hoàn hảo; và bốn điều đôi khi được thêm là xả ly hoàn hảo, quyết chí hoàn hảo, từ ái hoàn hảo và xả kỷ hoàn hảo.

The religion of Buddhism has practically disappeared from India, yet it has left behind it lasting results, and the country bears everywhere the strong impress of His teachings. Before His coming blood-sacrifices appear to have been universal; even now they still exist, but are comparatively rare, for He taught that such things were not pleasing to any noble deity, but that the Gods desired rather the sacrifice of a holy life.

Tôn giáo Phật giáo trên thực tế đã biến mất khỏi Ấn Độ, nhưng nó đã để lại những kết quả bền lâu, và khắp nơi trên đất nước vẫn mang dấu ấn mạnh mẽ giáo huấn của Ngài. Trước khi Ngài xuất hiện, các lễ tế huyết dường như phổ biến; nay chúng vẫn còn, nhưng tương đối hiếm, vì Ngài dạy rằng những điều như thế không làm vừa lòng bất cứ vị thần cao quý nào, mà chư Thần ưa thích sự hiến tế của một đời sống thánh thiện hơn.

In looking back upon the record of those times we see that He preached mostly in the open air, and nearly always sitting at the foot of a tree, with the listeners sitting on the ground about Him, or standing leaning against the trees, men and women intermingling, and little children running about and playing upon the outskirts of the crowd. The great teacher had a most wonderful voice, gloriously full and sonorous, and a personality which instantly commanded the

Nhìn lại ghi chép về những thời ấy, chúng ta thấy Ngài phần lớn thuyết pháp giữa trời, và hầu như luôn ngồi dưới gốc cây, thính chúng ngồi dưới đất quanh Ngài, hoặc đứng tựa lưng vào cây; nam nữ lẫn lộn, và những trẻ nhỏ thì chạy nhảy nô đùa ở rìa đám đông. Vị Huấn sư vĩ đại có một giọng nói hết sức kỳ diệu, tròn đầy và ngân vang huy hoàng, và một sức hiện diện lập tức thu hút sự chú ý của mọi người nghe Ngài, và luôn luôn chinh phục trái tim họ, ngay cả trong những trường hợp hiếm hoi

attention of all who heard Him, and invariably won their hearts, even in the rare cases where they did not agree with what he said. The audiences were stirred up to great religious fervor, we find them constantly raising cries of "Sadhu, Sadhu," by way of applause, when anything was said which especially moved them, and at the same time raising their joined hands in an attitude of salutation.

khi họ không đồng ý với điều Ngài nói. Thính chúng thường bừng bừng nhiệt thành tôn giáo; chúng ta thấy họ liên tục cất tiếng "Sa-dhu, Sa-dhu" như một cách tán thưởng khi điều gì đó đặc biệt làm họ xúc động, đồng thời chắp tay lên trong tư thế chào kính.

Part at least of this influence was due to the tremendously strong vibrations of His aura, which was of very great size, so that the audience were actually sitting within it and being attuned to it while they listened to His discourse. Its magnetic effect was almost indescribable, and while His hearers were within its influence even the most stupid of them could understand to the full whatever He said, though often afterwards when they had passed away from that influence they found it difficult to comprehend it at all in the same way. To this marvellous influence also is due the phenomenon so often described in the Buddhist books—the attainment of the arhat level by such large numbers of His hearers. It is quite a common thing to read in the accounts given in the Buddhist scriptures that after a sermon of the BUDDHA hundreds of men, even thousands, reached the arhat level. Knowing what a very high degree of attainment this means, this seemed to us, when we read it, almost incredible, and we supposed it to be simply a case of oriental exaggeration; but later and closer study has shown us that the accounts are actually true. So remarkable a result seemed to call for further investigation into its causes, and we found that in order to understand all this it was necessary to take into account not this one life only, but the work of many previous incarnations.

Ít nhất một phần của ảnh hưởng này là do những rung động vô cùng mạnh mẽ của hào quang của Ngài, vốn có kích thước rất lớn, đến mức thính giả thực sự ngồi bên trong nó và được điều hòa đồng điệu với nó trong lúc họ lắng nghe bài thuyết giảng của Ngài. Tác động từ tính của nó hầu như không thể diễn tả, và khi các thính giả của Ngài còn ở trong vòng ảnh hưởng ấy thì ngay cả những người kém thông tuệ nhất trong họ cũng có thể thấu hiểu trọn vẹn bất cứ điều gì Ngài nói; nhưng thường khi đã ra khỏi ảnh hưởng đó rồi, họ thấy khó mà lĩnh hội nó theo cùng một cách như trước. Cũng chính do ảnh hưởng kỳ diệu này mà nảy sinh hiện tượng – vốn thường được mô tả trong các kinh sách Phật giáo – là việc có một số lượng rất lớn thính giả của Ngài đạt đến đẳng cấp A-la-hán. Trong các thuật ký của kinh điển Phật giáo, chúng ta thường bắt gặp lời thuật rằng sau một thời pháp của ĐỨC PHẬT, hàng trăm, thậm chí hàng ngàn người đạt đẳng cấp A-la-hán. Biết đẳng cấp chứng đắc ấy cao siêu đến mức nào, khi đọc những lời ấy, chúng tôi từng thấy dường như khó tin và cho rằng đó đơn thuần là một lối cường điệu phương Đông; nhưng về sau, nhờ khảo cứu kỹ lưỡng hơn và gần gũi hơn, chúng tôi thấy những tường thuật ấy thật sự chính xác. Kết quả phi thường như thế hiển nhiên đòi hỏi phải khảo sát sâu thêm về các nguyên nhân, và chúng tôi nhận ra rằng để thấu hiểu tất cả điều này, cần tính đến không chỉ một kiếp sống này, mà còn cả công phu trong nhiều kiếp trước.

We must remember that the Lord Gautama is the BUDDHA of the fourth root-race, even though this last incarnation of His was taken in the fifth. He had been born many times in various Atlantean races, and always as a great teacher. In each of those lives He had drawn around Him many pupils, who had gradually been raised to higher levels of thought and of life, and when He came in India for this last culminating birth He arranged that all those whom at many different times and in many different lands He had influenced should be brought together into incarnation at the same time. Thus His audiences were to a large extent composed of fully prepared and, as it were, highly specialized souls, and when these came under the influence of the extraordinarily powerful magnetism of a BUDDHA, they understood and followed every word which He said, and the action upon them as egos was of the most wonderfully stimulating nature. Therefore it was that they so readily responded; therefore it was that so large a number of them could be and were raised so rapidly to such dizzy heights.

Chúng ta phải nhớ rằng Đức Gautama là ĐỨC PHẬT của căn chủng thứ tư, mặc dù lần lâm phàm cuối cùng của Ngài diễn ra trong căn chủng thứ năm. Ngài đã sinh ra nhiều lần trong các giống dân Atlantis, và luôn luôn là một bậc đại giáo sư. Trong mỗi kiếp như thế, Ngài đã quy tụ quanh mình nhiều môn đồ, những người dần dần được nâng lên các đẳng mức cao hơn của tư tưởng và đời sống; và khi Ngài đến Ấn Độ cho lần sinh tối hậu này, Ngài đã thu xếp để tất cả những ai vào nhiều thời điểm khác nhau và tại nhiều xứ sở khác nhau đã từng được Ngài ảnh hưởng đều cùng đồng thời lâm phàm. Vì vậy, thính chúng của Ngài phần lớn gồm những linh hồn đã chuẩn bị chu đáo và, có thể nói, đã được chuyên biệt cao độ; và khi họ rơi vào tầm ảnh hưởng của từ lực phi thường mạnh mẽ của một ĐỨC PHẬT, họ hiểu và thuận theo từng lời Ngài dạy, và tác động giáng xuống họ với tư cách những Chân ngã là vô cùng khích lệ, nhiệm mầu. Do đó, họ đáp ứng rất mau lẹ; do đó, một con số lớn như vậy có thể được nâng lên, và thật sự đã được nâng lên rất nhanh, đến những đỉnh cao choáng ngợp như thế.

In the third volume of *The Secret Doctrine,* we shall find an exceedingly interesting and suggestive section called *The Mystery of Buddha,* which refers to the fact that the BUDDHA prepared His own inner bodies of very high grades of matter, with the fullest development of the spirillae. His buddhic, causal and mental bodies are kept together for other Great Ones to use, because of the exceeding difficulty of producing others equal to them. The Christ used them along with the physical body of Jesus, while the latter waited on higher planes in his own vehicles. Shankaracharya also used these "remains." Hence arose the incorrect idea that He was a reincarnation of the BUDDHA. The coming Christ will also use these vehicles, wedding

Trong tập thứ ba của *Giáo Lý Bí Nhiệm,* chúng ta sẽ thấy một thiên mục vô cùng thú vị và gợi mở nhan đề *Bí Ẩn về Đức Phật,* vốn nhắc đến sự kiện rằng ĐỨC PHẬT đã tự chuẩn bị các thể bên trong của Ngài bằng những cấp vật chất rất cao, với sự phát triển đầy đủ nhất của các xoắn ốc. Các thể Bồ đề, thể nhân quả và thể trí của Ngài được giữ lại cùng nhau để các Đấng Cao Cả khác có thể sử dụng, bởi việc tạo ra những thể tương đương gần như bất khả. Đức Christ đã dùng các thể ấy đồng thời với thể xác của Đức Jesus, trong khi vị sau chờ trên các cõi cao trong những vận cụ riêng của Ngài. Đức Shankaracharya cũng đã dùng những "di thể" này. Bởi thế mới nảy sinh quan niệm sai lầm cho rằng Ngài là một hóa thân của ĐỨC PHẬT. Đức Christ đang Đến cũng sẽ sử dụng những

them to another physical body which is even now being prepared for Him.

vận cụ này, phối ngẫu chúng với một thể xác khác đang được chuẩn bị cho Ngài ngay từ bây giờ.

Buddhism still claims a larger number of adherents than any other religion in the world, and is a living influence in the lives of millions of our fellow-men. It would be quite unfair to judge it by what is written about it by European orientalists. When I was in Ceylon and Burma I compared these accounts with the interpretation given to the doctrines by the living followers of His religion. Learned monks in these countries approach the subject with an accuracy of knowledge at least equal to that of the most advanced orientalists, but their interpretation of the doctrines is very far less wooden and lifeless. By far the best book in English to give one a real idea of the religion as it is held by living men is *The Light of Asia,* by Sir Edwin Arnold; and another book, which makes a good second to it, is *The Soul of a People,* by H. Fielding Hall. Some critics have said that Sir Edwin Arnold has gone a little beyond the bare literal meaning of the words of the text, and is trying to read Christian ideas into them. I do not think this is so, and I have certainly found that he expresses far more closely the feeling and attitude of the Buddhists than any other writer.

Phật giáo hiện vẫn có số lượng tín đồ đông đảo hơn bất cứ tôn giáo nào khác trên thế giới, và là một ảnh hưởng sống động trong đời sống của hàng triệu đồng loại của chúng ta. Sẽ là bất công nếu đánh giá Phật giáo chỉ qua những gì các nhà Đông phương học châu Âu viết về nó. Khi tôi ở Tích Lan và Miến Điện, tôi đã đối chiếu các tường thuật ấy với cách diễn giải giáo lý của những tín đồ đang sống trong tôn giáo của Ngài. Các vị tăng uyên bác ở những xứ sở ấy tiếp cận vấn đề với một tri thức chính xác ít nhất cũng ngang bằng các nhà Đông phương học tiến bộ nhất, nhưng cách diễn giải giáo lý của họ thì bớt khô cứng và vô sinh khí hơn nhiều. Xét trong các sách tiếng Anh, cuốn đem lại một ý niệm chân thực nhất về tôn giáo như được những người đang sống nắm giữ là *The Light of Asia,* của Sir Edwin Arnold; và một cuốn khác có thể xếp thứ nhì là *The Soul of a People,* của H. Fielding Hall. Một số nhà phê bình nói rằng Sir Edwin Arnold đã đi xa hơn đôi chút so với nghĩa chữ bạch của văn bản, và cố gắng đem các ý niệm Cơ Đốc giáo đọc vào đó. Tôi không nghĩ như vậy, và tôi chắc chắn thấy rằng ông diễn đạt gần gũi hơn bất cứ tác giả nào khác với cảm thức và thái độ của người Phật tử.

Buddhism is now divided into two great Churches, the Northern and the Southern, and both of them have departed to some extent from the original teaching of the BUDDHA, though in different directions. The religion is so plain and straightforward, and so obviously common-sense that almost any person may readily adapt himself to it, without necessarily giving up the beliefs and practices of other faiths. As a consequence of this in the Northern Church we have a form of Buddhism with an immense amount of

Hiện nay Phật giáo được phân thành hai Giáo hội lớn, Bắc tông và Nam tông, và cả hai đều đã xa rời giáo huấn nguyên thủy của ĐỨC PHẬT ở một mức độ nào đó, tuy theo những hướng khác nhau. Tôn giáo này rất mộc mạc và thẳng băng, và hiển nhiên hợp lẽ thường đến nỗi hầu như bất kỳ ai cũng có thể dễ dàng thích nghi với nó, mà không nhất thiết phải từ bỏ tín niệm và thực hành của các tôn giáo khác. Hệ quả là tại Bắc tông, chúng ta gặp một hình thái Phật giáo với lượng chất bồi tích lũy rất lớn. Có vẻ như nó đã hấp thụ vào mình nhiều lễ nghi

accretion. It seems to have absorbed into itself many ceremonies and beliefs of the aboriginal faith which it supplanted; so that in Tibet, for example, we find it including a whole hierarchy of minor deities, devas and demons which were entirely unknown to the original scheme of the BUDDHA. The Southern Church, on the other hand, instead of adding to the teaching of the BUDDHA, has lost something from it. It has intensified the material and the abstract sides of the philosophy.

và tín điều của tín ngưỡng thổ dân mà nó đã thay thế; vì vậy, ở Tây Tạng, chẳng hạn, ta thấy nó gồm cả một hệ thống cấp bậc của các tiểu thần, chư thiên và ma quỷ vốn hoàn toàn xa lạ với đồ hình nguyên thủy của ĐỨC PHẬT. Ngược lại, Giáo hội Nam tông, thay vì bổ sung vào giáo huấn của ĐỨC PHẬT, lại đánh mất đi một phần nào đó; họ nhấn mạnh hơn mặt vật liệu và khía cạnh trừu tượng của triết lý.

It teaches that nothing but Karma passes over from life to life—that there is no permanent ego in man, but that in his next birth he is in effect a new man, who is the result of the karma of the previous life, and they quote various sayings of the BUDDHA in support of this. It is true that He often spoke very strongly against the persistence of the personality, and that He assured His hearers again and again that nothing whatever which they knew in connection with a man could pass over to another birth. But He nowhere denied the individuality; in fact many of His sayings absolutely affirm it. Take for example a text which occurs in the *Samannaphalasutta* of the *Digha-Nikaya.* When first mentioning the condition and training of the mind that are necessary for success in spiritual progress, the BUDDHA describes how he sees all the scenes in which he was in any way concerned passing in succession before his mind's eye. He illustrates it by saying:

Giáo hội Nam tông dạy rằng chẳng có gì ngoài nghiệp quả chuyển di từ kiếp này sang kiếp khác—rằng không có chân ngã thường tồn nơi con người, mà trong lần tái sinh kế tiếp, y thực chất là một con người mới, kết quả của nghiệp quả trong kiếp trước; và họ dẫn ra nhiều lời dạy của ĐỨC PHẬT để hậu thuẫn điều này. Đúng là Ngài thường nói rất mạnh mẽ chống lại sự dai dẳng của phàm ngã, và Ngài đã nhiều lần bảo đảm với thính chúng rằng bất kỳ điều gì họ biết gắn với một con người đều không thể chuyển sang một kiếp khác. Nhưng không chỗ nào Ngài phủ nhận cá thể tính; thực vậy, nhiều lời dạy của Ngài khẳng định dứt khoát điều đó. Hãy lấy thí dụ một đoạn văn xuất hiện trong *Samannaphalasutta* của *Digha-Nikaya.* Khi lần đầu đề cập tới điều kiện và sự rèn luyện của thể trí cần thiết cho thành công trong tiến bộ tinh thần, ĐỨC PHẬT mô tả cách Ngài thấy mọi cảnh tượng mà Ngài đã từng can dự hiện lần lượt trước nhãn quan nội tại. Ngài minh họa điều ấy bằng cách nói:

"If a man goes out from his own village to another and thence to another, and from there comes back again to his own village, he may think thus: ` I indeed went from my own village to that other. There I stood thus; I sat in this manner; thus I spoke, and thus I remained silent. From that village again I went to another, and I did the same there. The same `

"Nếu một người đi từ làng của mình đến làng khác, rồi lại đến làng khác nữa, rồi từ đó trở về làng mình, người ấy có thể nghĩ như sau: 'Quả vậy, tôi đã đi từ làng mình tới làng kia. Ở đó, tôi đứng như thế này; tôi ngồi theo cách này; như thế tôi đã nói, và như thế tôi đã im lặng. Từ làng ấy tôi lại đi sang làng khác, và tôi cũng làm y như vậy ở đó. Cái "tôi đây" ấy đã trở về từ

I am' returned from that village to my own village.' In the very same way, O King, the ascetic, when his mind is pure, knows his former births. He thinks: ` In such a place I had such a name. I was born in such a family, such was my caste, such was my food, and in such and such a way I experienced pleasure and pain, and my life extended through in some other place, and there also I had such and such conditions. Thence removed, the same ` I' am now born here.' "

làng kia về làng của chính tôi.' Y như vậy, tâu Đại vương, vị khổ hạnh, khi thể trí thanh tịnh, biết rõ những tiền sanh của mình. Y nghĩ: 'Ở chốn nọ, ta có tên như vầy. Ta sinh trong một gia tộc như thế, đẳng cấp như thế, thức ăn như thế, và theo cách như thế ta đã kinh nghiệm vui và khổ; rồi đời ta tiếp diễn qua nơi khác, và ở đó ta cũng có những điều kiện như vầy như vầy. Từ đó rời đi, chính cái "ta" ấy nay sinh ra ở đây.'"

This question shows very clearly the doctrine of the BUDDHA with regard to the reincarnating ego. He gives illustrations also in the same Sutta of the manner in which an ascetic can know the past births of others—how he can see them die in one place, and after the sorrows and joys of hell and heaven the same men are born again somewhere else. It is true that in the *Brahmajala Sutta* He mentions all the various aspects of the soul, and says that they do not *absolutely* exist, because their existence depends upon "contact," that is to say upon relation. But in thus denying the *absolute* reality of the soul He agrees with the other great Indian teachers, for the existence not only of the soul but even of the LOGOS Himself is true only relatively.

Câu hỏi này thể hiện rất rõ giáo lý của PHẬT về bản ngã luân hồi. Ngài cũng đưa ra những minh họa trong cùng một bài kinh về cách thức mà một nhà tu khổ hạnh có thể biết được tiền kiếp của những người khác - làm thế nào ông ta có thể thấy họ chết ở một nơi, và sau những khổ đau và niềm vui của địa ngục và thiên đường, những người đó lại tái sinh ở một nơi nào đó khác. Đúng là trong *Kinh Brahmajala,* Ngài đề cập đến tất cả các khía cạnh khác nhau của linh hồn, và nói rằng chúng không tồn tại *một cách tuyệt đối,* bởi vì sự tồn tại của chúng phụ thuộc vào "sự tiếp xúc", nghĩa là phụ thuộc vào mối quan hệ. Nhưng khi phủ nhận thực tại *tuyệt đối* của linh hồn như vậy, Ngài đồng ý với các bậc thầy vĩ đại khác của Ấn Độ, vì sự tồn tại không chỉ của linh hồn mà ngay cả của chính THƯỢNG ĐẾ cũng chỉ đúng một cách tương đối.

Untrained minds frequently misunderstand these ideas, but the careful student of oriental thought will not fail to grasp exactly what is meant, and to realize that the teaching of the BUDDHA in this respect is exactly that now given by Theosophy. It is not difficult to see how various texts might be so emphasized or distorted as to seem to contradict one another, and the Southern Church has chosen to cling rather to the denial of the permanence of the personality than to the assertion of the continuity of the individuality, just as in

Những thể trí chưa được huấn luyện thường hiểu lầm các ý niệm này, nhưng người môn sinh cẩn trọng của tư tưởng phương Đông sẽ nắm bắt chính xác điều được hàm ý, và nhận ra rằng giáo huấn của ĐỨC PHẬT ở phương diện này đúng hệt với điều mà Thông Thiên Học hiện truyền dạy. Không khó để thấy các đoạn văn riêng rẽ có thể bị nhấn mạnh hoặc bóp méo đến mức như mâu thuẫn nhau, và Giáo hội Nam tông đã chọn bám vào sự phủ nhận tính trường tồn của phàm ngã hơn là khẳng định tính liên tục của cá thể tính, cũng

Christianity some people have acquired the habit of laying stress on particular texts, and ignoring others which contradict them.

như trong Cơ Đốc giáo, một số người quen thói nhấn mạnh vài câu riêng lẻ và phớt lờ những câu khác trái ngược với chúng.

Another point as to which there is a very similar misunderstanding is the constantly repeated assertion that nirvana is equivalent to annihilation. Even Max Mueller, the great Oxford Sanskritist, was under this delusion for many years, but later in his life with furthers and deeper study he came to understand that in this he had been mistaken. The description which the Lord BUDDHA Himself gives to nirvana is so far above the comprehension of any man who is trained only in ordinary and worldly methods of thought that it is little wonder that it should have been misunderstood at first sight by the European orientalists; but no one who has lived in the East among the Buddhists can for a moment suppose that they regard annihilation as the end which they are striving to reach.

Một điểm khác nữa thường bị hiểu lầm tương tự là lời khẳng định lặp đi lặp lại rằng niết bàn đồng nghĩa với hư vô. Ngay cả Max Mueller, nhà Phạn ngữ học lừng danh ở Oxford, cũng mắc phải ảo tưởng ấy suốt nhiều năm; nhưng về sau, khi khảo cứu sâu rộng hơn, ông nhận ra rằng mình đã lầm. Sự mô tả mà chính ĐỨC PHẬT dành cho niết bàn cao vượt ngoài khả năng lĩnh hội của bất kỳ ai chỉ được rèn luyện theo các phương pháp tư duy thông tục và thế gian, đến nỗi không lạ gì khi các nhà Đông phương học châu Âu thoạt tiên đã hiểu sai về nó; nhưng không một ai từng sống ở phương Đông giữa hàng Phật tử lại có thể nghĩ rằng họ xem hư vô là cứu cánh mà họ nỗ lực đạt tới.

It is quite true that the attaining of nirvana does involve the utter annihilation of that lower side of man which is in truth all that we know of him at the present time. The personality, like everything connected with the lower vehicles, is impermanent and will disappear. If we endeavour to realize what man would be when deprived of all which is included under these terms we shall see that for us at our present stage it would be difficult to comprehend that anything remained, and yet the truth is that everything remains—that in the glorified spirit which then exists, all the essence of all the qualities which have been developed through the centuries of strife and stress in earthly incarnation will inhere to the fullest possible degree. The man has become more than man, since he is now on the threshold of Divinity; yet he is still himself, even though it be a so much wider self.

Hoàn toàn đúng rằng việc chứng đắc niết bàn có bao hàm sự triệt tiêu toàn bộ phương diện thấp của con người—vốn, thực ra, là tất cả những gì chúng ta hiện biết về y. Phàm ngã, cũng như mọi thứ gắn với các hạ hiện thể, đều vô thường và sẽ tiêu tan. Nếu chúng ta cố gắng hình dung con người sẽ ra sao khi bị tước bỏ tất cả những gì nằm trong các thuật ngữ ấy, chúng ta sẽ thấy rằng, ở trình độ hiện thời của mình, thật khó mà tin rằng còn có thứ gì tồn tại; thế nhưng sự thật là mọi thứ vẫn còn—rằng trong linh thể vinh quang lúc ấy, toàn bộ tinh túy của mọi phẩm chất đã được bồi dưỡng qua bao thế kỷ tranh đấu và lao lực trong các kiếp lâm phàm nơi trần thế sẽ tồn tại ở mức viên mãn nhất có thể. Con người đã trở thành hơn cả con người, vì y nay đang đứng nơi ngưỡng Thần tính; thế nhưng y vẫn là chính y, dù cái "mình" ấy đã mở rộng bội phần.

Many definitions have been given of nirvana, and naturally none of them can possibly be satisfactory; perhaps the best on the whole is that of peace in omniscience. Many years ago when I was preparing a simple introductory catechism of their religion for Buddhist children, the chief Abbot Sumangala himself gave me as the best definition of nirvana to put before them that it was a condition of peace and blessedness so high above our present state that it was impossible for us to understand it. Surely that is far removed from the idea of annihilation. Truly all that we now call the man has disappeared, but that is not because the individuality is annihilated, but because it is lost in divinity.

Đã có nhiều định nghĩa về niết bàn, và dĩ nhiên chẳng định nghĩa nào có thể thỏa đáng; có lẽ khái quát nhất là "an bình trong toàn tri." Nhiều năm trước, khi tôi soạn một sách giáo lý nhập môn đơn giản về tôn giáo của các em nhỏ Phật tử, chính Đại Trụ trì Sumangala đã cho tôi định nghĩa hay nhất về niết bàn để trình bày với các em: ấy là một cảnh giới an bình và phúc lạc cao vượt trên trạng thái hiện tại của chúng ta, đến nỗi chúng ta không thể hiểu nổi. Hẳn là điều ấy cách xa ý niệm về hư vô. Quả thực, cái mà giờ đây chúng ta gọi là con người đã biến mất, nhưng không phải bởi vì cá thể tính bị tiêu diệt, mà vì nó đã tan hòa trong Thần tính.

The BUDDHA Himself once said: "Nirvana is not being, but also it is not non-being."

Chính ĐỨC PHẬT đã từng nói: "Niết bàn không phải là hữu, nhưng cũng không phải là vô."

Another difference between the Northern Church of Buddhism and the Southern is that they adopt different version of the scriptures. It is usually stated that the Northern Church adopts the Mahayana and the Southern the Hinayana, but whether even this much may be safely said depends upon the shade of meaning which we attach to a much-disputed word. Yana means vehicle, and it is agreed that it is to be applied to the dhamma or law, as the vessel which conveys us across the sea of life to nirvana, but there are at least five theories as to the exact sense in which it is to be taken.

Một điểm khác biệt nữa giữa Giáo hội Phật giáo Bắc tông và Nam tông là họ sử dụng các bản kinh điển khác nhau. Người ta thường nói rằng Bắc tông theo Đại thừa và Nam tông theo Tiểu thừa; nhưng ngay cả kết luận ấy có thể nêu ra một cách an toàn hay không còn tùy thuộc vào sắc thái nghĩa mà chúng ta gán cho một từ vốn gây nhiều tranh luận. Yana nghĩa là "phương tiện", và người ta đồng ý rằng từ này được áp dụng cho dhamma hay luật, như chiếc thuyền chở chúng ta vượt biển đời sang bờ niết bàn; nhưng ít nhất có năm học thuyết về ý nghĩa xác thực cần gán cho nó.

That it refers simply to the language in which the law is written, the greater vehicle being by this hypothesis Sanskrit, and the lesser vehicle Pali—a theory which seems to me untenable. It is true that the Northern Church uses the Sanskrit translation, while the Southern scriptures are in Pali, the language which the Lord BUDDHA spoke when on earth. It is stated that the Pali scriptures

Rằng nó chỉ đề cập đơn giản đến ngôn ngữ viết luật, với "đại thừa" theo giả thuyết này là tiếng Phạn, và "tiểu thừa" là tiếng Pali—một thuyết theo tôi là không thể đứng vững. Đúng là Bắc tông dùng bản bằng tiếng Phạn, còn kinh điển Nam tông là bằng tiếng Pali, ngôn ngữ mà ĐỨC PHẬT đã nói khi còn tại thế. Người ta cho rằng các kinh Pali mà nay chúng ta có không còn ở dạng nguyên bản; tất cả các bản gốc (ít nhất tại

which we now possess are not in the original form, but that all the originals existing (in Ceylon at least) were carefully destroyed by the Tamil invaders, so that the Pali scriptures which we now have are a retranslation made from a copy in Elu, then the Vernacular language of Ceylon.

Tích Lan) đã bị quân Tamil xâm lược phá hủy kỹ lưỡng, nên những kinh Pali hiện có là bản dịch lại từ một bản sao bằng tiếng Elu, ngôn ngữ bản xứ của Tích Lan thời đó.

Hina may apparently be taken as signifying mean or easy, as well as small. One interpretation therefore considers that the Hinayana is the meaner or easier road to liberation—the irreducible minimum of knowledge and conduct required to attain it, while the Mahayana is the fuller and more philosophical doctrine, which includes much traditional knowledge about higher realms of nature. Needless to say, this interpretation comes from a Mahayana source.

Hina dường như có thể được hiểu là "thấp" hay "dễ", cũng như "nhỏ". Theo đó, một cách diễn giải cho rằng Tiểu thừa là con đường "thấp hơn" hay "dễ hơn" để đạt giải thoát—tức là mức tối thiểu bất khả giản lược về tri thức và hạnh kiểm để đạt được cứu cánh; còn Đại thừa là giáo thuyết đầy đủ và triết lý hơn, bao gồm nhiều tri thức truyền thống về các cõi giới cao của thiên nhiên. Tất nhiên, cách diễn giải này phát xuất từ nguồn Đại thừa.

That Buddhism, in its unfailing courtesy towards other religions, accepts them all as ways to liberation, though it regards the method taught by its founder as offering the shortest and surest route. According to this view Buddhism is the Mahayana, and the Hinayana includes Brahmanism, Zoroastrianism, Jainism, and any other religions which were existing at the time when the definition was formulated.

Rằng Phật giáo, với phép lịch nhã bất biến đối với các tôn giáo khác, chấp nhận tất cả như những nẻo dẫn đến giải thoát, tuy vẫn xem phương pháp do bậc Giáo chủ của mình chỉ dạy là con đường ngắn nhất và chắc chắn nhất. Theo quan điểm này, Phật giáo là Đại thừa, còn Tiểu thừa bao gồm Bà-la-môn giáo, Hỏa giáo, Kỳ-na giáo và bất cứ tôn giáo nào khác hiện hữu vào thời điểm định nghĩa ấy được hình thành.

That the two doctrines are simply two stages of one doctrine—the Hinayana for the Sravakas or hearers, and the Mahayana for more advanced students.

Rằng hai giáo thuyết chỉ đơn giản là hai giai đoạn của cùng một giáo thuyết—Tiểu thừa dành cho Thanh văn hay "người nghe", và Đại thừa dành cho những môn sinh cao tiến hơn.

That the word Yana is to be understood not exactly in its primary sense of ` vehicle,' but rather in its secondary sense, nearly equivalent to the English word ` career.' According to this interpretation the Mahayana puts before the man the ` grand career' of becoming a Bodhisattva and devoting himself to the welfare of the world,

Rằng từ Yana không nên hiểu đúng y theo nghĩa gốc là "phương tiện", mà là theo nghĩa thứ phát, gần tương đương với từ "sự nghiệp". Theo cách hiểu này, Đại thừa mở ra trước mắt con người "sự nghiệp lớn lao" là trở thành một vị Bồ-tát và hiến mình cho phúc lợi thế gian, còn Tiểu thừa chỉ cho y thấy "sự nghiệp" nhỏ hơn là một lối sống để đạt niết bàn cho chính

while the Hinayana shows him only the smaller ` career' of so living as to attain nirvana for himself.

mình.

There has also been much discussion as to the exact meaning of the terms Adi-Buddha and Avalokiteshwara. I have made no special study of these things from the philosophical standpoint, but so far as I have been able to gather ideas from discussion of the matter with the living exponents of the religion, Adi-Buddha seems to be the culmination of one of the great lines of superhuman development—what might be called the abstract principle of all the Buddhas. Avalokiteshwara is a term belonging to the Northern Church, and seems to be the Buddhists' name for their conception of the LOGOS. European scholars have translated it: "The Lord who looks down from on high," but this seems to have in it a somewhat inaccurate implication, for it is clearly always the manifested LOGOS; sometimes the LOGOS of a solar system and sometimes higher than that, but always manifest. We must not forget that while the founders of the great religions see and know the things which They name, Their followers usually do not see; they have only the names, and they juggle with them as intellectual counters, and build up much which is incorrect and inconsistent.

Cũng có nhiều bàn luận về ý nghĩa chính xác của các thuật ngữ Adi-Buddha và Avalokiteshwara. Tôi không có khảo cứu chuyên sâu về các điều này từ lập trường triết học; nhưng theo những gì tôi lĩnh hội được qua các cuộc đàm đạo với những nhà truyền thừa đang sống của tôn giáo này, Adi-Buddha dường như là đỉnh cao của một trong các dòng tiến hóa siêu phàm vĩ đại—có thể gọi là nguyên lý trừu tượng của tất cả chư Phật. Avalokiteshwara là thuật ngữ thuộc Bắc tông, và dường như là danh xưng người Phật tử dành cho quan niệm của họ về Thượng đế. Các học giả châu Âu đã dịch là: "Đấng từ trên cao nhìn xuống," nhưng cách dịch ấy hàm chứa một ngụ ý không hoàn toàn xác đáng, vì rõ ràng đây luôn là Thượng đế biểu lộ; đôi khi là Thượng đế của một hệ mặt trời và đôi khi còn cao hơn thế nữa, nhưng luôn luôn là hiển lộ. Đừng quên rằng trong khi các vị khai sáng các tôn giáo vĩ đại thấy và biết những điều Các Ngài đặt tên, thì hàng môn đồ thường chẳng thấy; họ chỉ nắm cái tên, rồi tung hứng nó như những dấu hiệu trong lối lý luận trí năng, và dựng lên nhiều điều sai lầm và bất nhất.

The Buddhism of the Southern Church, which includes Ceylon, Burma, Siam and Cambodia, has on the whole kept its religion free from the accretions which have become so prominent in the Northern division of Japan, China and Tibet. In Burma no image appears in the temples except that of the BUDDHA, though of Him there are in some cases hundreds of image, of different material, in different positions, presented by various worshippers. In Ceylon a certain concession seems to have been made to popular feeling, or perhaps to a

Phật giáo của Giáo hội phương Nam, bao gồm Tích Lan, Miến Điện, Xiêm và Campuchia, nhìn chung đã giữ cho tôn giáo của mình không bị những lớp bồi đắp phụ trội vốn đã trở nên quá nổi bật trong nhánh phương Bắc ở Nhật Bản, Trung Hoa và Tây Tạng. Ở Miến Điện, trong các ngôi chùa không có tượng nào ngoài tượng của Đức Phật, dù trong một số trường hợp có hàng trăm tượng của Ngài bằng những chất liệu khác nhau, ở những tư thế khác nhau, do nhiều người lễ bái dâng cúng. Ở Tích Lan, dường như đã có một nhượng bộ nào

foreign government during the time of the Tamil kings, for the images of certain Hindu deities are often to be seen in the temples, though they are always placed in a subordinate position and considered as a kind of attendants upon the BUDDHA. We need not however blame the Tibetans very much for the fact that certain superstitions have crept into their Buddhism. The same thing happens in all countries and with all religions, as time goes on. In Italy, for example, numbers of the peasants in the hills still follow what they call the old religion, and continue even in the present day the worship of Bacchus, under an Etruscan name which antedates even the time of the Roman Empire. The Catholic priests quite recognize the existence of this older faith, and set themselves against it, but without avail.

đó đối với tâm lý quần chúng, hoặc có lẽ đối với một chính quyền ngoại bang vào thời các vua Tamil; vì hình tượng của một số vị Thần Ấn giáo thường thấy trong đền chùa, tuy luôn được đặt ở vị trí phụ thuộc và được xem như một hạng thị giả của Đức Phật. Tuy nhiên, chúng ta cũng không cần trách người Tây Tạng quá nhiều về việc một số mê tín đã len vào Phật giáo của họ. Điều ấy xảy ra ở mọi quốc độ và với mọi tôn giáo theo thời gian. Ở Ý, chẳng hạn, nhiều nông dân vùng đồi vẫn theo cái mà họ gọi là đạo cũ, và cho đến ngày nay vẫn tiếp tục thờ phụng Bacchus dưới một tên gọi Etrusca có từ trước cả thời Đế chế La Mã. Các linh mục Công giáo hoàn toàn thừa nhận sự tồn tại của tín ngưỡng cổ xưa này và nỗ lực chống lại nó, nhưng đều vô hiệu.

In Southern Buddhism there is remarkably little ceremony of any kind—practically nothing indeed that in any way corresponds to the Christian service. When the people pay their morning visit to the temple they usually call upon the monks to recite for them the three guides and the five precepts, which they then repeat after him, but even this can hardly be called a public service, for it is recited not once at a set time, but for each group of people as they happen to arrive. There is another ceremony called Paritta or Pirit (which means ` blessings') but this is not performed in the temple itself nor at any stated times, but it is considered a good work on the part of the laity to celebrate any special occasion by giving a Pirit ceremony—that is to say by erecting and elaborately decorating a temporary building in which the ceremony is held. It consists of the chanting of benedictory verses from the sacred scriptures, and is carried on for a certain number of days, usually a fortnight, by relays of monks who relieve one another every two hours.

Trong Phật giáo Nam truyền, hầu như rất ít nghi lễ dưới bất kỳ hình thức nào—thực tế không có gì tương ứng với phụng vụ Kitô giáo. Khi người dân đến chùa buổi sáng, họ thường thỉnh chư tăng tụng cho họ tam quy và ngũ giới; họ sẽ lặp lại theo vị tăng, nhưng ngay cả thế cũng khó gọi là một nghi lễ công cộng, vì không tụng vào một giờ cố định, mà tụng riêng cho từng nhóm người khi họ lần lượt đến. Có một nghi lễ khác gọi là Paritta hay Pirit (nghĩa là 'chúc phúc'), nhưng nghi lễ này không cử hành ngay trong chùa, cũng không theo thời điểm nhất định; giới cư sĩ xem là việc lành khi nhân một dịp đặc biệt mà thiết lễ Pirit —tức dựng và trang hoàng công phu một kiến trúc tạm để cử hành. Nghi lễ gồm tụng những đoạn chúc phúc trích từ Thánh điển, và kéo dài một số ngày nhất định, thường là nửa tháng, do các vị tăng thay phiên nhau đảm trách, cứ hai giờ đổi ban một lần.

Sometimes when a man falls ill one of these Pirit ceremonies is arranged for him, with the idea that it will promote his recovery. It is in reality a mesmeric ceremony, for the monks sit in a circle and hold in their hands a rope which runs round the circle, and they are instructed to recite their texts, keeping clearly in their minds all the time the will to bless. Naturally this rope becomes very strongly magnetized as the ceremony progresses, and strings run from it to a huge pot of water, which of course also becomes highly charged with magnetism. At the conclusion of the ceremony this water is distributed among the people, and the sick man often holds a thread which is connected with the rope.

Đôi khi khi có người lâm bệnh, người ta sắp đặt một lễ Pirit cho người ấy, với ý niệm rằng điều này sẽ giúp y phục hồi. Thực ra đó là một nghi lễ có tính thôi miên, vì chư tăng ngồi thành vòng tròn và tay cầm một sợi dây chạy quanh vòng; các Ngài được chỉ dẫn tụng kinh, đồng thời giữ rõ ràng trong tâm ý chí chúc phúc. Tự nhiên sợi dây ấy sẽ được từ hóa rất mạnh khi nghi lễ tiến hành; từ đó có những sợi chỉ nối sang một chum nước lớn, và dĩ nhiên nước ấy cũng nhiễm từ tính rất cao. Khi kết thúc nghi lễ, nước được phân phát cho mọi người, và người bệnh thường cầm một sợi chỉ nối liền với sợi dây.

The Southern Buddhists give a list of five psychic powers which may be gained by the man who is making progress on the Path. (1) The ability to pass through the air and through solid objects, and to visit the heaven-world while still alive. It is however possible that this may mean nothing more than ability to function freely in the astral body, because it is quite likely that in speaking of the heaven-world they do not really mean the mental plane, but only the higher levels of the astral. (2) Divinely clear hearing—which is evidently merely the astral faculty of clairaudience. (3) The ability to comprehend and sympathize with all that is in the minds of others—which appears to be thought-reading, or perhaps telepathy. (4) The Power to remember former births. (5) Divinely clear vision—that is to say, clairvoyance. To this is added in some lists the attainment of deliverance by wisdom. This must of course mean the attainment of freedom from the necessity of rebirth, but it does not seem to be of the same nature as the other powers, and perhaps should hardly appear in the same category.

Phật tử Nam truyền đưa ra một danh sách năm thần thông mà người đang tiến bộ trên Thánh Đạo có thể đạt được. (1) Khả năng đi trong hư không và xuyên qua vật rắn, và thăm cõi thượng thiên khi còn sống. Tuy nhiên, có thể điều này không có nghĩa gì hơn là khả năng vận dụng tự do thể cảm dục, vì rất có thể khi nói về cõi thượng thiên, họ không thực sự muốn nói cõi trí, mà chỉ các cảnh giới cao của cõi cảm dục. (2) Thính giác thiêng liêng rõ suốt—rõ ràng chính là năng lực thông nhĩ ở cõi cảm dục. (3) Khả năng thấu hiểu và đồng cảm với tất cả những gì ở trong tâm trí người khác—có vẻ là đọc ý nghĩ, hoặc có lẽ là viễn cảm. (4) Năng lực nhớ các lần sinh trước. (5) Thị giác thiêng liêng rõ suốt—tức thông nhãn. Một số bản liệt kê còn thêm "đắc giải thoát bằng trí tuệ". Dĩ nhiên phải hiểu là đạt tự do khỏi sự tất yếu tái sinh, nhưng điều này dường như không cùng bản chất với các thần lực kia, và có lẽ không nên xếp chung một loại.

Ananda is said to have been the favourite

Ananda được nói là đệ tử yêu dấu của Đức

disciple of the Lord BUDDHA, just as John is spoken of as the beloved disciple of the Christ, and no doubt in both cases the special intimacy was the result of relationship in previous lives. Ananda was certainly not so chosen because he was the most advanced, for even after the death of the BUDDHA we hear that when the first great council was held in a cave within the living rock, and the condition of taking part in it was that none should enter who could not pass through the rock, Ananda found himself shut out from it because he had not yet attained this power. But it is said that his grief at this exclusion from a grand opportunity of serving his departed Master was so great that by a supreme effort of will he then and there developed the power which had been lacking, and passed in triumphantly to take his place among his brothers, though a little late.

Phật, cũng như Gioan được gọi là đệ tử được Đức Christ yêu dấu; hẳn trong cả hai trường hợp, sự thân cận đặc biệt ấy là do mối tương quan từ những tiền kiếp. Chắc chắn Ananda không được chọn vì là người tiến hóa nhất; vì ngay sau khi Đức Phật nhập diệt, ta nghe rằng khi đại hội đầu tiên nhóm họp trong một hang động khoét ngay trong khối đá liền, và điều kiện tham dự là ai không thể đi xuyên qua đá thì không được vào, Ananda đã bị ngăn ở ngoài vì chưa thành tựu năng lực ấy. Nhưng truyền rằng nỗi u sầu vì bị loại khỏi cơ hội lớn lao để phụng sự bậc Thầy đã viên tịch thôi thúc mạnh đến nỗi, bằng một nỗ lực Ý Chí tối thượng, ngay khi ấy Ananda phát triển được năng lực còn thiếu, và hiên ngang đi vào, gia nhập cùng các huynh đệ của mình, tuy có hơi muộn.

This shows us that even those who are the most highly advanced of all humanity have still their special friendships, and that therefore to love one person more than another cannot be improper. It is true that such affection as you now feel for your nearest and dearest you will feel later on for the whole world, but at that time you will feel a thousand times more affection for those who are nearest to you. Your love will never be the same for all, although all will be included within it. It is impossible that we should feel towards another as we do towards our Master, for when He becomes a LOGOS we shall be part of His system, and even when far later on we ourselves become LOGOI we shall still be part of Him, for He will represent some far greater system. Although there will always be greater love for some than others, we shall help those whom we love less just as fully as those whom we love more. We shall always do our best for all, just as a doctor equally helps his patient whether he be a friend or not, for

Điều này cho thấy ngay cả những người tiến hóa bậc nhất trong toàn nhân loại vẫn có những tình bạn đặc thù; vì vậy yêu mến một người hơn người khác không thể là điều sai trái. Đúng là tình cảm mà hiện nay bạn dành cho người thân cận và yêu dấu nhất, về sau bạn sẽ dành cho toàn thế giới; nhưng lúc ấy, đối với những ai gần gũi nhất với bạn, tình cảm ấy sẽ ngàn lần sâu đậm hơn. Tình yêu của bạn sẽ không bao giờ đồng đều với tất cả, dù tất cả đều được bao gồm trong đó. Chúng ta không thể cảm đối với người khác như đối với bậc Thầy của mình, vì khi Ngài trở thành một Thượng đế (LOGOS) chúng ta sẽ là một phần trong hệ thống của Ngài, và ngay cả rất lâu về sau khi chính chúng ta trở thành Các Thượng đế (LOGOI), chúng ta vẫn còn là một phần của Ngài, vì Ngài sẽ đại diện cho một hệ thống còn vĩ đại hơn nhiều. Dẫu sẽ luôn có tình yêu sâu hơn với một số người hơn những người khác, chúng ta vẫn sẽ trợ giúp trọn vẹn cho những ai mình yêu ít cũng như những ai mình yêu nhiều. Chúng ta sẽ luôn làm hết sức mình cho

anything like dislike or hatred will have ceased aeons before.

tất cả, như một y sĩ giúp bệnh nhân ngang nhau dù người ấy là bạn hay không; vì mọi xúc cảm kiểu ác cảm hay hận thù đã chấm dứt từ những kỷ nguyên xa xưa.

At the time of the Lord BUDDHA many other spiritual teachers were sent forth to the world. We find for example Lao-tse, Confucius and Pythagoras, all working in their different spheres. Advantage was taken of the stupendous outpouring of spiritual force at the time to send forth teachers into many parts of the world.

Vào thời Đức Phật, nhiều vị Huấn sư tinh thần khác cũng được phái đến thế gian. Chẳng hạn, ta thấy Lão Tử, Khổng Tử và Pythagoras, tất cả đều hoạt động trong lĩnh vực riêng của mình. Người ta đã tận dụng lần tuôn đổ phi thường của mãnh lực tinh thần vào thời điểm đó để sai các vị giáo huấn đến nhiều miền trên thế giới.

CHRISTIANITY

KI TÔ GIÁO

There is nothing in the principles of Theosophy which is at all in opposition to the true primitive Christianity, though there may be statements which cannot be reconciled with some of the mistakes of modern popular theology. This modern theology attaches immense importance to texts; in fact it appears to me to be based upon one or two texts almost entirely. It takes these and gives to them a particular interpretation, often in direct opposition to the plain meaning of other texts from the same bible. Of course there are contradictions in the Christian scripture just as there must necessarily be in any book of that size, the various parts of which were written at such widely separated periods of the world's history, and by people so unequal in knowledge and in civilization..

Không có điều gì trong các nguyên lý của Thông Thiên Học đối nghịch với Kitô giáo nguyên thủy chân chính, dầu có thể có những phát biểu không thể điều hòa với một vài sai lầm của nền thần học đại chúng hiện đại. Thần học hiện đại này đặt tầm quan trọng khổng lồ vào các câu văn bản; thực ra, theo tôi, nó gần như đặt nền trên một hai câu mà thôi. Nó nắm lấy các câu ấy và gán cho chúng một cách hiểu đặc biệt, thường trái ngược thẳng thừng với nghĩa hiển nhiên của những câu khác cùng trong Kinh thánh ấy. Dĩ nhiên Kinh điển Kitô giáo có những mâu thuẫn, như tất yếu bất cứ quyển sách nào lớn đến thế, mà các phần khác nhau được trước tác vào những thời đoạn quá xa nhau trong lịch sử thế giới, và bởi những người bất tương xứng về tri thức và mức văn minh.

It is impossible that all the statements made in it can be literally true, but we can go back behind them all, and try to find out what the original teacher did lay before His pupils. Since there are many contradictions and many interpretations it is obviously the duty of a thinking Christian to weigh carefully the

Không thể có chuyện mọi khẳng định trong đó đều đúng theo nghĩa đen; nhưng chúng ta có thể lần trở về hậu trường của tất cả, để cố tìm xem bậc Thầy nguyên thủy thực sự đã trình bày gì cho các môn đồ của Ngài. Vì có nhiều mâu thuẫn và nhiều lối giải thích, hiển nhiên bổn phận của một Kitô hữu biết suy tư là cân

different versions of his faith which exist in the world, and decide between them according to his own reason and common-sense.

nhắc cẩn thận những dị bản khác nhau của đức tin đang tồn tại, và chọn lựa trong số đó theo lý trí và lương tri của chính mình.

Every Christian does, as a matter of fact, decide for himself now; he chooses to be a Roman Catholic, or a member of the Church of England, or a Methodist, or a Salvationist, though each of these sects professes to have the only genuine brand of Christianity, and justifies its claim by the quotation of texts. How then does the ordinary layman decide between their rival claims? Either he accepts blindly the faith which his father held, and does not examine the matter at all, or else he does examine it, and then he decides by the exercise of his own judgment.

Thực tế thì mỗi người Kitô hữu bây giờ đều tự mình quyết định; y chọn làm người Công giáo La Mã, hay tín hữu của Giáo hội Anh, hay một người Giám Lý, hoặc thuộc Hội Cứu Thế—dù mỗi phái ấy đều tự xưng chỉ mình mới mang nhãn hiệu Kitô giáo chính hiệu, và biện minh cho tuyên bố ấy bằng cách dẫn văn bản. Thế thì người tín hữu bình thường quyết định giữa những đòi quyền cạnh tranh ấy ra sao? Hoặc y mù quáng tiếp nhận đức tin của cha mình và không khảo sát gì cả; hoặc y khảo sát, rồi quyết định bằng phán đoán của chính y.

If he is already doing that, it would be absurd and inconsistent for him to refuse to examine *all* texts, instead of basing his belief only upon one or two. If he does impartially examine all texts, he will certainly find many which support Theosophical truth. He will find also that the creeds can be rationally interpreted only by Theosophy. Of course in order to make an intelligent comparison between these different systems it will be necessary for him to make some enquiries into the history of his own religion, and to see how the Christian doctrine came to be what it now is.

Nếu y đã làm thế, thì thật vô lý và bất nhất nếu y từ chối khảo sát *tất cả* các văn bản, thay vì chỉ căn cứ niềm tin trên một hai đoạn. Nếu y vô tư khảo sát tất cả các văn bản, y chắc chắn sẽ thấy có nhiều đoạn ủng hộ chân lý của Thông Thiên Học. Y cũng sẽ nhận ra rằng các tín điều chỉ có thể được giải minh một cách hợp lý bởi Thông Thiên Học. Tất nhiên, để có thể so sánh thông tuệ các hệ thống khác nhau này, y cần tìm hiểu đôi điều về lịch sử của chính tôn giáo mình, và thấy học lý Kitô đã trở nên như hiện nay bằng cách nào.

He will find that in the early Christian Church there were three principal divisions or parties. There were first of all the Gnostic Doctors or teachers, wise and cultured men who held that the Christian Church had its system of philosophy of the same nature as the great Greek and Roman systems which existed at that time. They said that this system, while thoroughly comprehensive and very beautiful, was difficult to understand, and therefore they did not recommend its study to

Y sẽ thấy rằng trong Giáo hội Kitô giáo sơ kỳ có ba phân bộ hay khuynh hướng chính. Trước hết là các học giả Ngộ giáo—những bậc uyên bác và tao nhã—những người chủ trương rằng Giáo hội Kitô có một hệ thống triết học cùng bản chất với các hệ thống Hy-La vĩ đại đương thời. Họ nói hệ thống ấy, tuy hết sức bao quát và rất mỹ lệ, lại khó hiểu; vì vậy họ không khuyến nghị đem dạy cho người ngu dốt. Họ gọi nó là Gnosis hay Tri thức—tức tri thức do những người là hội viên đầy đủ của Giáo hội sở

the ignorant. They spoke of it as the Gnosis or knowledge—the knowledge which was possessed by those who were full members of the church, but was not given out to the world at large, and not even told to the more ignorant members of the church while they were in that preliminary stage when they could not receive the sacraments.

hữu, nhưng không truyền ra bên ngoài, thậm chí không nói cho các tín hữu ít học hơn khi họ còn ở giai đoạn sơ bộ, chưa thể lãnh các bí tích.

Then there was the second division, a body of respectable middle-class people, who troubled themselves not at all about the philosophy, but simply were content to take the words of the Christ as their guide in life. They used as a sacred book a collection of His sayings, some leaves of which have recently been discovered by antiquarians.

Rồi có phân bộ thứ hai—một khối người trung lưu đáng trọng—họ không bận tâm đến triết lý, mà chỉ bằng lòng lấy những lời dạy của Đức Christ làm chỉ nam sống. Họ dùng như một Thánh thư một sưu tập các lời Ngài dạy; vài tờ trong đó mới đây các nhà khảo cổ đã phát hiện.

Then there was unfortunately a great mass of ignorant and turbulent people who never had any grasp whatever of Christian doctrine, but became members of the church merely because of the prophecies, given by the Christ, of a good time to come. He was very much moved by the sufferings of the poor, and full of compassion and pity for them. He told them constantly, in His teachings, to take comfort, because the poor man who endures the struggle bravely and well will in the future have a better position and greater advancement than the rich man who misuses his opportunities. One can readily see how that doctrine preached to an exceedingly ignorant people might be taken in a one-sided manner. They would take the promises and not the conditions, and their idea of that good time might easily be that they in turn would be the oppressors and would take advantage of the rich man—something which of course the Christ never preached. So it came to pass that He attracted to himself a great crowd of men who for various reasons were against the existing government; and when these ignorant people in turn preached what they

Rồi tiếc thay lại có một khối quần chúng vô tri và hiếu động, tuyệt nhiên không nắm được giáo lý Kitô, nhưng gia nhập Giáo hội chỉ vì các lời tiên tri, do Đức Christ ban, về một thời kỳ tốt đẹp sẽ đến. Ngài vô cùng cảm thương nỗi khổ của người nghèo, tràn lòng bi mẫn với họ. Ngài thường dạy họ hãy vững lòng, vì người nghèo chịu đựng chiến đấu một cách can trường và đúng đắn thì mai sau sẽ có địa vị cao hơn và tiến bộ lớn hơn người giàu lạm dụng cơ hội mình có. Dễ thấy giáo lý ấy, khi rao cho một đám người cực kỳ ngu dốt, có thể bị tiếp nhận theo một chiều. Họ sẽ nắm lấy lời hứa mà không màng điều kiện, và ý niệm của họ về thời kỳ tốt đẹp ấy rất có thể là đến lượt họ sẽ là kẻ áp bức và lợi dụng người giàu—điều mà dĩ nhiên Đức Christ chưa từng giảng dạy. Bởi thế Ngài đã thu hút về mình một đám đông những người vì nhiều lý do chống lại chính quyền hiện hữu; và khi những người ngu dốt ấy rao truyền thứ mà họ gọi là Kitô giáo cho kẻ khác, tự nhiên họ làm gia trọng và phóng đại những hiểu lầm của chính họ. Khối quần chúng rộng lớn này, tự gọi mình là "những người nghèo," nhanh chóng trở thành đa số áp đảo của Giáo hội sơ sinh, và nắm quyền lực lớn đến nỗi cuối

called Christianity to others, they naturally intensified and exaggerated their own misconceptions of it. This great mass of the common people, who called themselves "the poor men," speedily became a vast majority of the infant church, and gained so much power that they were eventually able to throw out the Gnostic Doctors as heretics; for the "poor men" resented the idea that any knowledge which they did not possess could be regarded as an essential part of Christianity.

cùng họ có thể loại các học giả Ngộ giáo ra như lạc giáo; vì "những người nghèo" khó chịu trước ý nghĩ rằng có bất cứ tri thức nào họ không sở hữu lại có thể được coi là yếu tố thiết yếu của Kitô giáo.

There is yet another point of view from which the Christian may find Theosophy of the greatest use to him. Just now the minds of many orthodox Christians are much exercised with regard to what they call the higher criticism—that is, the attempt to apply ordinary common-sense and scientific methods to the examination of the religious teaching—the endeavour to understand religion instead of blindly believing it. For many ages the world has been told that ecclesiastical dogmas must be swallowed like pills, and that to attempt to reason about them is impious. There are many men in the world, and they are among the most intellectual of its citizens, who simply cannot accept doctrines thus blindly and uncomprehendingly. Before they can believe they must to some extent understand, and a statement does not become a living fact to them until they can relate it rationally to other facts, and regard it as part of a more or less comprehensive scheme of things.

Còn một góc nhìn khác để người Kitô hữu có thể thấy Thông Thiên Học hữu ích nhất cho mình. Hiện nay tâm trí nhiều Kitô hữu chính thống bị khuấy lên vì cái mà họ gọi là "phê bình cấp cao"—tức nỗ lực áp dụng lương tri thông thường và các phương pháp khoa học vào việc khảo sát giáo huấn tôn giáo—cố gắng hiểu tôn giáo thay vì mù quáng tin theo. Bao đời nay, người ta được bảo rằng giáo điều giáo hội phải nuốt như thuốc viên, và rằng toan suy luận về chúng là phạm thượng. Có nhiều người trên đời—và họ là những trí giả bậc nhất trong xã hội—đơn giản không thể tiếp nhận các giáo điều một cách mù quáng và không hiểu như thế. Trước khi tin, họ phải hiểu ở mức nào đó; một mệnh đề không trở thành sự kiện sống đối với họ cho đến khi họ có thể gắn kết nó một cách hợp lý với các sự kiện khác, và xem nó như một phần của một mô hình sự vật ít nhiều bao quát.

It is ridiculous to say (as some of the orthodox do) that these people are inherently wicked and that their attitude is inspired by the devil. On the contrary they are precisely the men who truly appreciate God's great gift of reason, and are determined to employ it in the highest of all possible directions—for the elucidation of the truth about religion. The

Thật nực cười khi nói (như một số người chính thống làm) rằng những người ấy vốn ác và thái độ của họ do ma quỷ xúi giục. Trái lại, chính họ là những người thực sự trân trọng tặng ân lớn lao là lý trí của Thượng đế, và quyết tâm dùng nó theo phương hướng cao cả nhất—để minh giải chân lý về tôn giáo. Sự thật là các nhà phê bình là những người phục vụ tôn giáo

truth is that the critics are of the greatest possible service to religion; they are clearing up points in it which heretofore have been vague; they are stating with accuracy matters in connection with it which were previously very partially understood; they are trying to make a reasonable system out of what has until now been nothing but a mass of meaningless confusion.

hữu ích nhất; họ đang làm sáng tỏ những điểm bấy lâu mơ hồ; họ đang phát biểu một cách chuẩn xác những điều trước đây chỉ hiểu được rất phần nào; họ đang cố tạo nên một hệ thống hợp lý từ cái vốn cho đến nay chỉ là một đống hỗn độn vô nghĩa.

If any of our members have orthodox friends who are disturbed by these efforts, who fear lest this liberalizing and rationalizing of their faith should refine it altogether out of existence, let them recommend to them the teachings of Theosophy, for that is the very thing which they need. It will teach them to pause before throwing aside ancestral belief, and it will show them that when properly understood that belief has a real meaning and a real foundation, and that, while some of the vagaries of mediaeval ecclesiastical dogma may be incomprehensible and incredible, the original teaching of the Christ was a magnificent presentment of universal truth.

Nếu các hội viên của chúng ta có những bạn bè chính thống đang bị xao động bởi các nỗ lực này, sợ rằng việc khai phóng và duy lý hóa đức tin sẽ tinh luyện nó đến mức triệt tiêu, hãy khuyên họ học giáo huấn của Thông Thiên Học, vì đó chính là điều họ cần. Thông Thiên Học sẽ dạy họ dừng lại trước khi vứt bỏ tín điều tổ tiên, và cho họ thấy rằng khi hiểu đúng, niềm tin ấy có ý nghĩa thật sự và có nền tảng thật sự; rằng tuy vài dị đoan của giáo điều giáo hội thời Trung cổ có thể khó hiểu và khó tin, nhưng giáo huấn nguyên thủy của Đức Christ là một sự trình bày hùng vĩ về chân lý phổ quát.

If they have somewhat outgrown the outer form of their religion, if they have broken through the chrysalis of blind faith, and mounted on the wings of reason and intuition to the freer, nobler mental life of more exalted levels, Theosophy will show them that in all this there has been no loss, but a great and glorious gain. For it tells them that the glow of devotion which has meant so much to them in their spiritual life is more than justified, that the splendour and beauty and poetry of religious thought exist in fuller measure than they have ever hoped before—no longer as mere pleasant dreams from which the cold light of common-sense may at any time rudely awaken them, but as truths of nature which will bear investigation, which become only brighter and more perfect as they are

Nếu họ đã phần nào vượt ra khỏi hình thức bên ngoài của tôn giáo mình, nếu họ đã phá kén của đức tin mù quáng và bay lên, bằng đôi cánh của lý trí và trực giác, vào đời sống trí tuệ tự do và cao nhã hơn ở những tầng mức cao hơn, Thông Thiên Học sẽ cho họ thấy rằng trong tất cả điều ấy không có mất mát nào, mà là một thu hoạch lớn lao và vinh quang. Vì Thông Thiên Học nói với họ rằng ngọn lửa sùng mộ từng có ý nghĩa lớn lao trong đời sống tinh thần của họ không những chính đáng mà còn hơn thế; rằng vẻ huy hoàng, cái đẹp và chất thơ của tư tưởng tôn giáo tồn tại sung mãn hơn họ từng hy vọng—không còn là những giấc mộng êm đềm mà ánh sáng lạnh lẽo của lương tri có thể bất kỳ lúc nào thô bạo đánh thức họ dậy, mà là những chân lý của thiên nhiên có thể chịu đựng sự khảo sát, càng

more accurately understood.

Certainly the Christian Bible ought not to be taken literally, for many of its statements are symbolical, and others are simply not true. When we examine clairvoyantly the life of the Founder of Christianity, for example, we can find no trace of the alleged twelve apostles, it would seem that as men they never existed, but that they were introduced into the story for some reason—possibly to typify the twelve signs of the zodiac. The disciple Jesus, whose body was taken by the Christ, was not an illegitimate son, as is implied in the gospel, nor was his father a carpenter. He was in reality of the highest aristocracy of the Jews, a descendant of their own old royal line. He may however have had a tinge of Aryan blood in him, which would be quite enough to cause the exclusive Jews to say that he was not legitimately of the seed of David, and that statement might very easily be taken to mean such an irregular birth as is suggested by the narrative.

The truth is that the four gospels at any rate were never intended to be taken as in any sense historical. They are all founded upon a much shorter document written in Hebrew by a monk named Matthaeus, who lived in a monastery in a desert to the south of Palestine. He seems to have conceived the idea of casting some of the great facts of initiation into a narrative form and mingling with it some points out of the life of the real Jesus who was born 105 B. C., and some from the life of another quite obscure fanatical preacher, who had been condemned to death and executed in Jerusalem about 30 A. D.

He sent this document to a great friend of his who was the chief abbot of a huge monastery at Alexandria, and suggested to him that he, or

được hiểu đúng đắn thì càng thêm rực rỡ và hoàn hảo.

Chắc chắn Kinh Thánh Kitô giáo không nên được hiểu theo nghĩa đen, vì nhiều phát biểu của nó là biểu tượng, và những phát biểu khác đơn giản là không đúng sự thật. Chẳng hạn, khi dùng thông nhãn khảo sát đời sống của bậc Sáng lập Kitô giáo, chúng ta không tìm thấy dấu vết của mười hai tông đồ như được gán định; xem ra, với tư cách con người, họ chưa từng hiện hữu, nhưng được đưa vào câu chuyện vì một lý do nào đó—có thể để biểu trưng mười hai dấu hiệu hoàng đạo. Vị đệ tử Jesus, người mà thể xác được Đức Christ mượn dùng, không phải là con ngoài giá thú như Phúc âm hàm ý, cũng không có cha là thợ mộc. Thực ra, Ngài thuộc hàng quý tộc cao cấp nhất của người Do Thái, dòng dõi hoàng gia xưa của họ. Tuy nhiên, có thể trong huyết quản Ngài có một chút máu Arya—chừng ấy cũng đủ để những người Do Thái khép kín nói rằng Ngài không chính thống là dòng giống Đavít; và lời nói ấy rất dễ bị hiểu lầm thành sự sinh nở bất chính như câu chuyện gợi ra.

Sự thật là ít nhất bốn sách Phúc âm vốn không hề được chủ ý xem như có tính lịch sử theo bất kỳ nghĩa nào. Tất cả đều dựa trên một tài liệu ngắn hơn rất nhiều, viết bằng tiếng Do Thái bởi một tu sĩ tên Matthaeus, sống trong một tu viện ở sa mạc phía nam Palestine. Có vẻ như ông đã nảy ý định đúc kết vài đại sự kiện của điểm đạo vào hình thức tường thuật và hòa vào đó vài nét từ đời vị Jesus có thật sinh năm 105 TCN, cùng một vài nét từ đời một nhà giảng đạo cuồng tín vô danh khác, người bị kết án tử và xử tại Jerusalem khoảng năm 30 SCN.

Ông gửi bản thảo ấy cho một người bạn thân—vị đại viện chủ của một tu viện đồ sộ tại Alexandria—và gợi ý rằng ông, hoặc vài phụ

some of his assistants, might perhaps recast it, and issue it in the Greek language. The Alexandrian abbot seems to have employed a number of his young monks upon this work, allowing each of them to try the task for himself, and to treat it in his own way. A number of documents of very varying merit were thus produced, each incorporating in his story more or less of the original manuscript of Matthaeus, but each also adding to it such legends as he happened to know, or as his taste and fancy dictated. Four of these still survive to us, and to them are attached the names of the monks who wrote them, Matthew, Mark, Luke and John. The splendid passage with which the gospel of St. John opens was not original but quoted, for we found it in existence many years before the time of the Christ in a manuscript which was even then of hoary antiquity.

tá, có thể biên soạn lại và công bố bằng tiếng Hy Lạp. Vị viện chủ Alexandria dường như đã giao việc này cho một số tu sĩ trẻ, để mỗi người thử sức mình và xử lý theo cách riêng. Thế là xuất hiện một số bản văn phẩm chất rất khác nhau; mỗi bản lấy vào câu chuyện của mình ít nhiều nội dung của bản Matthaeus nguyên thủy, đồng thời thêm vào những truyền thuyết mà soạn giả tình cờ biết, hoặc hợp với thị hiếu và óc tưởng tượng của mình. Bốn bản trong số ấy còn tồn tại đến nay, gắn với tên các tu sĩ đã viết: Matthêu, Máccô, Luca và Gioan. Đoạn mở đầu tuyệt diệu của Phúc âm theo Thánh Gioan không phải nguyên tác, mà là trích dẫn; vì chúng tôi đã thấy nó tồn tại nhiều năm trước thời Đức Christ, trong một bản thảo khi ấy đã cổ xưa rêu phong.

It was associated in that manuscript with a quotation from the Stanzas of Dzyan, this latter also being translated into Greek.

Trong bản thảo ấy, đoạn văn được đặt kèm một trích dẫn từ Các Khổ Kệ của Dzyan, và phần sau đó cũng được dịch sang tiếng Hy Lạp.

SIN

TỘI LỖI

You ask what is the real meaning of sin. In the sense in which the word is ordinarily employed, at least by Christian preachers, I think sin may be defined as a figment of the theological imagination. It is popularly supposed to indicate a defiance of divine law —the performance of some action which the actor knows to be wrong. It is exceedingly doubtful whether this phenomenon ever occurs. In almost every conceivable case man breaks the law through ignorance or heedlessness, and not of deliberate intention. When once a man really knows and sees the divine intention he inevitably comes into harmony with it, for two reasons: at an earlier stage because he sees the utter futility of doing otherwise, and later because, seeing the

Bạn hỏi ý nghĩa thực sự của tội lỗi là gì. Theo nghĩa mà từ này thường được dùng—ít nhất là bởi các nhà giảng đạo Kitô—tôi nghĩ tội lỗi có thể được định nghĩa là một sản phẩm của trí tưởng tượng thần học. Người ta thường cho rằng nó chỉ sự thách thức luật thiêng—việc làm một hành vi mà kẻ làm biết là sai. Hết sức đáng ngờ liệu hiện tượng ấy có thật sự xảy ra. Hầu như trong mọi trường hợp có thể nghĩ tới, con người phá luật vì ngu dốt hay cẩu thả, chứ không phải do cố ý. Một khi thật sự biết và thấy thiên ý, con người tất yếu hòa hợp với nó vì hai lý do: ở giai đoạn sớm hơn, vì thấy hoàn toàn vô ích nếu làm khác; và ở giai đoạn sau, vì thấy vinh quang và cái đẹp của đồ án, y không thể không dốc hết tâm hồn và sinh lực để thực

glory and beauty of the design, he cannot but throw himself into its execution with all the powers of his heart and soul.

hiện nó.

One of the most serious of the many misconceptions which we have inherited from the dark ages is that what is called "sin" is a perversity to be met with punishment and savage persecution, instead of what it really is, the result of a condition of ignorance that can only be dealt with by enlightenment and education. It may be objected that in daily life we constantly see people doing what they must know to be wrong, but this is a misstatement of the case. They are doing what they have been *told* is wrong, which is quite a different matter. If a man really *knows* that an action is wrong, and that it will inevitably be followed by evil consequences, he is careful to avoid it. A man really *knows* that fire will burn him; therefore he does not put his hand into it. He has been *told* that the fire of hell will burn him as the result of a certain action—say playing cards on a Sunday—but he does not really *know* this, and therefore when he fells the inclination to play cards he does so in spite of the threatened consequences. It will be found that every one who does wrong justifies the wrong action to himself at the time of its commission, whatever he may think about it afterwards in cold blood. So I say that sin as ordinarily understood is a figment of the theological imagination; what really exists is an unfortunate condition of ignorance which often leads to infraction of the divine Law. This ignorance it is our duty to endeavour to dispel by the light of Theosophy.

Một trong những ngộ nhận nghiêm trọng nhất mà chúng ta thừa hưởng từ thời hắc ám là cái gọi là "tội" bị coi như chứng ngang bướng cần đối trị bằng hình phạt và đàn áp hung bạo, thay vì thừa nhận nó thực ra là hệ quả của trạng thái vô minh—mà chỉ có thể xử lý bằng sự soi sáng và giáo dục. Có thể phản bác rằng trong đời sống hàng ngày ta thường thấy người ta làm điều mà hẳn họ biết là sai; nhưng đó là phát biểu sai về tình huống. Thực ra họ làm điều mà họ đã được *bảo* là sai—đó là chuyện hoàn toàn khác. Nếu một người thật sự *biết* một hành vi là sai, và rằng tất yếu nó sẽ kéo theo hậu quả xấu, y sẽ cẩn thận tránh. Một người thật sự *biết* lửa sẽ đốt cháy mình, vì thế y không thọc tay vào lửa. Y từng được *bảo* rằng lửa địa ngục sẽ đốt y do kết quả của một hành vi nào đó—thí dụ chơi bài vào Chủ nhật—nhưng y không thật sự *biết* điều ấy; vì vậy khi có khuynh hướng muốn chơi bài, y vẫn cứ làm bất chấp hậu quả bị đe dọa. Bạn sẽ thấy rằng ai làm điều sai cũng tự biện hộ cho hành vi ấy vào lúc thực hiện, bất kể sau đó khi nguội đầu y nghĩ sao. Cho nên tôi nói tội lỗi như người ta vẫn hiểu chỉ là sản phẩm của trí tưởng tượng thần học; cái thực sự tồn tại là một trạng thái vô minh đáng tiếc, thường dẫn đến vi phạm Định luật thiêng liêng. Nhiệm vụ của chúng ta là nỗ lực xua tan vô minh ấy bằng ánh sáng của Thông Thiên Học.

THE POPE

GIÁO HOÀNG

A magnificent opportunity is waiting for the Pope who shall be ready and brave enough to take it. Instead of fulminating rescripts and bulls against Theosophy and liberalism, he

Một cơ hội lừng lẫy đang chờ đợi vị Giáo hoàng nào sẵn sàng và đủ can đảm nắm lấy. Thay vì giáng các sắc thư và sắc chỉ chống Thông Thiên Học và chủ nghĩa tự do, chính Ngài có

might himself propound the Theosophical interpretation of Christianity. Remember that the Catholic Church possesses what is called the doctrine of development, and also that it has proclaimed the Pope to be the infallible exponent of divine doctrine, the vicegerent of God upon earth. He would therefore be perfectly within his rights if, with regard to the Theosophical interpretation, he should pronounce quite boldly:

thể trình bày cách hiểu Kitô giáo theo Thông Thiên Học. Hãy nhớ rằng Giáo hội Công giáo có cái gọi là "học thuyết phát triển," và cũng đã tuyên bố Giáo hoàng là vị giảng giải vô ngộ của giáo lý thiêng liêng, là đại diện của Thượng đế trên trần gian. Do đó, xét về quyền hạn, hoàn toàn chính đáng nếu, liên quan đến cách hiểu theo Thông Thiên Học, Ngài mạnh dạn tuyên bố:

"Certainly this which you bring forward is the true meaning of Christian doctrine. We have always known this, and we have plenty of manuscripts in the Vatican Library to prove it. We did not tell you this before, because all through the ages until now men have not been fit for such a revelation. They have been too crude, too rough, too undeveloped to understand a philosophical and mystical interpretation. The outer husk of the religion has been all that could usefully be offered to them. Now one stage more has been attained and the world is ready for this further revelation. The second and inner meaning of our doctrine is therefore put before you, and while we must not condemn those who are still at the stage when they must cling to the outer husk, neither must they on their part be allowed to condemn those who are ready to take the further step and to receive a higher illumination."

"Chắc chắn điều mà các ông đưa ra đây là ý nghĩa chân thực của giáo lý Kitô. Chúng tôi luôn biết điều này, và chúng tôi có nhiều bản thảo trong Thư viện Vatican làm bằng chứng. Chúng tôi chưa nói với các ông trước kia, vì suốt các thời đại cho đến nay, loài người chưa thích hợp với một sự mặc khải như thế. Họ còn quá thô, quá cứng, quá non kém để hiểu một cách giải thích mang tính triết học và huyền nhiệm. Vỏ trấu bên ngoài của tôn giáo là tất cả những gì có thể hữu ích mà dâng cho họ. Nay nhân loại đã đạt thêm một nấc và thế giới sẵn sàng tiếp nhận mặc khải tiến xa hơn này. Ý nghĩa thứ hai, nội tại của giáo lý chúng tôi được đặt trước các ông; và trong khi chúng ta không nên kết án những ai còn đang ở giai đoạn cần bám chặt vào lớp vỏ bên ngoài, thì mặt khác cũng không thể để họ kết án những người đã sẵn sàng tiến thêm một bước và lãnh nhận sự soi sáng cao hơn."

But of course he must indeed be a strong as well as a wise man who should do this, for like all other great personages the Pope is surrounded by enormous masses of thought-forms, and he would find it a matter of extreme difficulty to break through these and make a new departure.

Nhưng dĩ nhiên, phải là một con người vừa mạnh mẽ vừa khôn ngoan mới có thể làm điều ấy; vì như mọi nhân vật lớn lao khác, Giáo hoàng bị bao quanh bởi những khối hình tư tưởng khổng lồ, và Ngài sẽ thấy hết sức khó khăn để phá xuyên qua đó mà mở ra một lối đi mới.

CEREMONIAL

NGHI LỄ

The line of ceremonial is one along which

Con đường nghi lễ là một lối mà nhiều người

many people come, but of course it must be understood that no religious ceremonial whatever is ever really essential, and the man who wishes to enter upon the Path of Holiness must realize this fully and must cast off belief in the necessity of ceremonies, as one of the fetters which hold him back from nirvana. This does not mean that ceremonies may not be sometimes quite effective in producing the results which are intended, but only that they are never really necessary for any one, and that the candidate for higher progress must learn to do utterly without them. The ceremonial line is an easy road for a certain type of people, and is really helpful and uplifting for them; but there is another type of men who always feel ceremonial as an obstacle between themselves and the deities which they wish to reach.

bước theo, nhưng tất nhiên cần hiểu rằng bất kỳ nghi lễ tôn giáo nào rốt ráo đều không hề thiết yếu; và người muốn bước lên Con Đường Thánh Đức phải thấu triệt điều này và vứt bỏ niềm tin vào tính tất yếu của nghi lễ, như một trong những xiềng xích trói buộc y khỏi Niết-bàn. Điều này không có nghĩa nghi lễ đôi khi không hiệu nghiệm trong việc tạo ra kết quả mong muốn, mà chỉ có nghĩa là chúng không bao giờ thật sự cần cho bất kỳ ai, và người ứng viên của tiến bộ cao hơn phải học cách hoàn toàn không nương vào chúng. Con đường nghi lễ là một lối dễ đi cho một hạng người nào đó, và thực sự hữu ích, thăng hoa cho họ; nhưng lại có hạng người khác luôn cảm thấy nghi lễ như một chướng ngại giữa họ với các vị Thần mà họ muốn vươn tới.

In Christianity this ceremonial line is the one appointed by its founder, through which his magic is to work. The consecration of the host, for example, is a means by which spiritual force is poured out over the people. There is often a vast amount of devotional feeling at the moment of the consecration, and the working of the magic is assisted by that, though it does not depend upon it. Those who are devotional unquestionably receive more because they bring with them an additional faculty of reception. On the other hand, there is always the probability that ignorant devotion will degenerate into superstition. In a recent enquiry into these matters from the occult point of view, made in Sicily, I found that there was certainly plenty of superstition, and much harmful interference in family matters on the part of the priests; but still on the whole the country was distinctly better than it would have been without it. We should remember also that in history we usually hear much of the worst effects of religious enthusiasm, whereas the

Trong Kitô giáo, con đường nghi lễ là lối do bậc Sáng lập ấn định, qua đó huyền thuật của Ngài vận hành. Chẳng hạn, việc thánh hiến bánh thánh là một phương tiện để tuôn đổ mãnh lực tinh thần xuống dân chúng. Thường có một lượng lớn cảm thức sùng mộ vào khoảnh khắc thánh hiến, và điều ấy trợ lực cho sự vận hành của huyền thuật, dù nó không lệ thuộc vào đó. Những người sùng mộ không hồ nghi sẽ tiếp nhận nhiều hơn, vì họ mang đến thêm năng lực thụ cảm. Mặt khác, luôn có khả năng sự sùng mộ vô minh thoái hóa thành mê tín. Trong một cuộc khảo sát gần đây về những vấn đề này từ quan điểm huyền bí học, thực hiện ở Sicilia, tôi thấy quả thật có nhiều mê tín, và nhiều can thiệp tai hại của các linh mục vào chuyện gia đình; nhưng nhìn chung, đất nước ấy vẫn tốt hơn hẳn so với khi không có những điều ấy. Ta cũng nên nhớ rằng trong lịch sử, người ta thường kể nhiều về các hệ quả tệ hại nhất của nhiệt cuồng tôn giáo, trong khi sự tiến bộ bền bỉ tốt đẹp của hàng ngàn người dưới ảnh hưởng của nó lại ít được để ý.

good steady progress of many thousands under its influence makes but little impression.

PRAYER

It is difficult to say anything on the question of prayer that would be universally applicable, because there are such very different kinds of prayer and they are addressed to beings who differ very widely in evolution. The founders of most great religions never in any way encouraged their followers to pray to them, and as a rule the latter have been far too enlightened to do anything of the kind. Whether a very strong thought directed towards them would reach them or not would depend upon the line of evolution which they have since followed—in fact upon whether they still remain within touch of this earth or not. If they were still so within reach, and if such a thought did reach them, it is probable that if they saw that it would be good for the thinker that any notice should be taken they would turn in his direction the attention of some of their pupils who are still upon earth. But it is quite inconceivable that a man who had any sort of conception of the magnificent far-reaching work done for evolution by the Great Ones on higher planes could dream of intruding his own petty concerns upon Their notice; he could not but know that any kind of help that he required would be far more fitly given to him by someone nearer to his own level. Even down here on this physical plane we are wiser than that, for we do not waste the time of the greatest scholars of our universities in helping babies over the difficulties of the alphabet.

As regards the saints of any of the churches the position is different, though even with them the ability to hear prayers will depend upon their position in evolution. The ordinary

LỜI CẦU NGUYỆN

Khó mà nói điều gì về vấn đề cầu nguyện có thể áp dụng phổ quát, vì có quá nhiều loại cầu nguyện khác nhau và chúng được hướng đến những hữu thể khác nhau xa về mức tiến hóa. Các bậc sáng lập của đa số tôn giáo lớn không hề khuyến khích tín đồ cầu nguyện với các Ngài; và theo lệ thường, tín đồ quá mực khai sáng để làm điều như vậy. Liệu một ý tưởng rất mạnh hướng về các Ngài có đến được với các Ngài hay không còn tùy vào đường lối tiến hóa mà các Ngài đã theo kể từ đó—thực tế là liệu các Ngài còn ở trong tầm tiếp cận của cõi đất này hay không. Nếu các Ngài còn ở trong tầm, và nếu ý tưởng như thế chạm đến các Ngài, có thể rằng nếu thấy việc lưu ý đến người cầu xin là tốt cho y, các Ngài sẽ hướng sự chú ý của một vài môn sinh của mình—những vị còn đang ở thế gian—về phía người ấy. Nhưng thật khó tưởng tượng một người có chút ý niệm nào về công trình vĩ đại và thấu suốt xa rộng mà Các Đấng Cao Cả đang thực hiện cho sự tiến hóa trên các cõi cao lại dám mơ chuyện đem những mối bận tâm nhỏ nhặt của riêng mình mà quấy rầy Các Ngài; y phải biết rằng bất cứ sự giúp đỡ nào y cần đều thích hợp hơn khi được ban bởi ai đó gần mức của y hơn. Ngay ở cõi hồng trần này, chúng ta cũng khôn ngoan hơn thế: chúng ta không phí thời gian của những học giả lớn nhất trong các đại học để giúp các em bé vượt qua khó khăn của bảng chữ cái.

Đối với các thánh của bất kỳ giáo hội nào, tình hình lại khác; dù ngay cả với các ngài, khả năng nghe lời cầu nguyện cũng tùy thuộc vào địa vị các ngài trong tiến hóa. Một vị thánh

saint, who is simply a good and holy man, will of course take his heaven-life as usual, and will probably take a long one. His life on the astral plane would be likely to be but short, and it would be only during that that it would be possible for a prayer to reach him and attract his attention. If during that time it did so reach him, no doubt he would do anything that he could to satisfy the petitioner but it is by no means certain that it would attract his attention, for he would naturally be fully occupied with his new surroundings.

bình thường—một người đơn giản là tốt lành và thánh thiện—dĩ nhiên sẽ trải qua thời kỳ sống ở cõi thượng thiên như thường lệ, và có lẽ thời kỳ ấy sẽ dài. Đời sống của vị ấy trên cõi cảm dục có lẽ sẽ ngắn, và chỉ trong quãng ấy thì lời cầu nguyện mới có thể chạm đến và thu hút sự chú ý của vị. Nếu trong thời gian đó lời cầu chạm đến, hẳn vị sẽ làm bất cứ điều gì có thể để đáp lời người thỉnh nguyện; nhưng không hề chắc rằng lời cầu có thể thu hút sự chú ý của vị, vì tự nhiên vị ấy đang bận rộn làm quen với môi trường mới.

When he entered upon his long rest in the heaven-world he would be entirely beyond any possibility of being disturbed by earthly things; yet even in such a case a prayer to him might not be without effect in connection with him. Such a man would almost certainly be pouring out a constant stream of loving thought towards humanity, and this thought would be a real and potent shower of blessing, tending generally towards the spiritual helping of those upon whom it fell; and there is no doubt that the man who was earnestly thinking of or praying to that saint would come into rapport with him, and would therefore draw down upon himself a great deal of that force, though entirely without the knowledge of the saint from whom it came. If the saint were sufficiently advanced to have entered upon a special series of births rapidly following one another the case would be different again. He would then be all the time within reach of earth, either living on the astral plane or in incarnation upon the physical, and if the prayer were strong enough to attract his attention at any time when he was for a moment out of his body, he would probably give any help in his power.

Khi vị ấy bước vào kỳ nghỉ dài ở cõi thượng thiên, vị hoàn toàn ở ngoài mọi khả năng bị những việc trần thế quấy rầy; tuy vậy, ngay trong trường hợp như thế, lời cầu nguyện với vị cũng không phải là vô hiệu liên quan đến vị. Một người như thế gần như chắc chắn sẽ luôn tuôn đổ một dòng tư tưởng yêu thương bất tận về phía nhân loại, và dòng tư tưởng ấy là một trận mưa chúc phúc thực sự và hữu hiệu, nói chung hướng đến sự trợ giúp tinh thần cho những ai mà nó rơi xuống; và không nghi ngờ, người đang thành tâm nghĩ đến hay cầu nguyện với vị thánh ấy sẽ đi vào tương liên với vị, và do vậy sẽ kéo được rất nhiều lực ấy xuống cho chính mình—dù vị thánh hoàn toàn không hay biết gì về điều đã phát ra từ mình. Nếu vị thánh tiến hóa đủ để bước vào một loạt các lần lâm phàm nối nhau nhanh chóng, tình hình lại khác nữa. Khi ấy vị sẽ thường xuyên ở trong tầm cõi đất, hoặc đang sống trên cõi cảm dục, hoặc đang nhập thể trên cõi hồng trần; và nếu lời cầu đủ mạnh để thu hút sự chú ý của vị vào một lúc nào đó khi vị rời thân thể chốc lát, vị có lẽ sẽ ban mọi giúp đỡ trong khả năng.

But fortunately for the many thousands who are constantly pouring forth their souls in prayer—in the blindest ignorance, of course,

Nhưng may thay cho hàng ngàn người vẫn hằng dốc đổ tâm hồn mình trong cầu nguyện—dĩ nhiên là trong vô minh, nhưng vẫn với

but still in perfect good faith—there is something else to depend upon which is independent of all these considerations. Shri Krishna tells us, in the *Bhagavad Gita,* how all true prayers come to Him, to whomsoever they may have been ignorantly offered; there is a consciousness wide enough to comprehend all, which never fails in its response to any earnest effort in the direction of an increased spirituality. It works through many means; sometimes perhaps by directing the attention of a deva to the suppliant, sometimes through the agency of those human helpers who work upon the astral or mental planes for the good of humanity. Such a deva or helper so used would, if he showed himself, inevitably be taken by the petitioner for the saint to whom he had prayed, and there are many stories which illustrate this.

thiện chí trọn vẹn—còn có điều khác để nương tựa, độc lập với tất cả những cân nhắc vừa nói. Shri Krishna nói với chúng ta, trong *Bhagavad Gita,* rằng mọi lời cầu chân thật đều đến với Ngài, dù chúng có được dâng lên một cách vô minh cho ai đi nữa; có một tâm thức đủ rộng để bao dung tất cả, không bao giờ thất bại trong sự đáp ứng trước bất cứ nỗ lực chân thành nào hướng đến gia tăng tính tinh thần. Tâm thức ấy vận hành qua nhiều phương tiện; đôi khi có lẽ bằng cách hướng sự chú ý của một vị thiên thần (deva) đến người cầu xin; đôi khi qua cơ quan của những người trợ giúp nhân loại đang làm việc trên cõi cảm dục hay cõi trí. Một vị thiên thần hay người trợ giúp được vận dụng như thế, nếu hiện thân ra, hẳn tất yếu bị người cầu xin nhận lầm là vị thánh mà y đã cầu, và có nhiều câu chuyện minh họa điều này.

I myself, for example, have been taken under such circumstances for S. Philip Neri, and a junior helper who was with me on the occasion was supposed to be S. Stanislaus Kostka. Our President, too, has more than once been regarded as an angel by those whom she was assisting.

Chính tôi, chẳng hạn, trong những trường hợp như vậy đã từng bị nhận lầm là Thánh Philip Neri; và một người trợ giúp trẻ đi cùng tôi khi ấy đã bị cho là Thánh Stanislaus Kostka. Vị Chủ tịch của chúng tôi cũng đã hơn một lần bị những người được bà giúp đỡ coi như một thiên thần.

THE DEVIL

MA QUỶ

The devil is non-existent. There are persons who imagine themselves to have made pacts with him, sometimes signed with their own blood. The result depends largely upon what sort of entity happened to personate him for the occasion. There are plenty of creatures of various sorts who would hugely enjoy such a joke at the expense of a man; but no such entity, whatever he may be, could possibly have any use for the "soul" of a man—nor would the "soul" of anybody foolish enough to make such a compact be likely to be of any use, either to the owner or anybody else. All these absurd superstitions are disproved by the fact

Ma quỷ không hề tồn tại. Có những người tưởng rằng mình đã lập khế ước với nó, đôi khi còn ký bằng chính máu mình. Kết quả tùy phần lớn vào loại thực thể nào tình cờ đóng vai nó trong dịp đó. Có thừa những loài sinh linh khác nhau sẽ vô cùng khoái trá trước một trò đùa như thế để hại con người; nhưng không một thực thể nào như vậy, dù là gì đi nữa, có thể có nhu cầu gì đối với "linh hồn" của con người—và "linh hồn" của bất kỳ ai dại dột đến mức ký khế ước như vậy cũng khó mà hữu dụng cho chủ của nó hay cho bất kỳ ai khác. Tất cả những điều mê tín nực cười này bị bác bỏ bởi sự kiện rằng con người chính là chân

that the man is the ego, and therefore cannot sell himself, and also that there are no buyers in such a transaction; so the whole thing is nothing but foolishness.

ngã, nên không thể bán chính mình; và cũng bởi sự kiện rằng chẳng có người mua nào trong thứ giao dịch ấy. Cho nên toàn bộ câu chuyện chẳng qua chỉ là sự dại dột.

There are many entities who may be both willing and able to arrange twenty years of material prosperity for a person. They are generally willing to do it in return for some material consideration, such as the sacrifice of babies, goats or fowls. The ego has no share in these pacts, either in the rare individual cases, or in general fetish worship. These entities cannot possess the human ego, nor could they use it if it could come into their possession. A human body is sometimes convenient for them, and for the sake of being permitted to obsess it they will sometimes enter into an arrangement. The making of a compact of this nature gives the entity a strong hold upon the man; but as soon as he discovers the folly of his action, the proper course for the man to take is to resist such obsession to the utmost. Childish ceremonies, such as signing with his own blood, would of course make no difference whatever.

Có nhiều thực thể vừa sẵn lòng vừa có khả năng sắp đặt cho một người hai mươi năm phồn vinh vật chất. Nói chung, họ sẵn lòng làm điều đó để đổi lại một số đền bù vật chất, như sự hiến tế trẻ sơ sinh, dê hoặc gà. Chân ngã không hề có phần trong những khế ước ấy, dù trong các trường hợp cá nhân hiếm hoi hay trong việc thờ vật linh nói chung. Những thực thể này không thể chiếm đoạt chân ngã con người, và dù có chiếm đoạt được, họ cũng không thể sử dụng nó. Đôi khi thân xác con người thuận tiện cho họ, và vì mục đích được phép ám nhập thân xác ấy, họ đôi khi sẽ đi đến một thỏa thuận. Việc lập một khế ước kiểu này trao cho thực thể một sự kềm giữ mạnh mẽ trên người đàn ông; nhưng ngay khi người ấy nhận ra sự dại dột của hành động mình, con đường đúng đắn y phải chọn là chống lại sự ám nhập ấy đến cùng. Những nghi thức ấu trĩ như ký tên bằng chính máu mình, dĩ nhiên, chẳng tạo nên bất kỳ khác biệt nào.

There is no hierarchy of evil. There are black magicians certainly, but the black magician is usually merely a single solitary entity. He is working for himself, as a separate entity, and for his own ends. You cannot have a hierarchy of people who distrust one another. In the White Brotherhood every member trusts the others; but you cannot have trust with the dark people, because their interests are built upon self.

Không hề có một huyền giai của điều ác. Chắc chắn có các nhà hắc thuật, nhưng nhà hắc thuật thường chỉ là một thực thể đơn lẻ, cô độc. Hắn hành động cho riêng mình, như một thực thể tách biệt, và vì mục đích riêng của hắn. Bạn không thể có một huyền giai gồm những kẻ chẳng tin cậy lẫn nhau. Trong Huynh đệ Đoàn Chánh đạo, mỗi thành viên tin cậy những người khác; nhưng bạn không thể có niềm tin giữa những kẻ thuộc phe bóng tối, bởi lợi ích của họ được xây trên cái tôi.

You must, however, take care what you mean when you speak of evil. The principle of destruction is often personified, but it is only that old forms are broken down to be used as material for building new and higher ones.

Tuy nhiên, bạn phải cẩn thận với điều mình muốn nói khi nhắc đến điều ác. Nguyên lý hủy diệt thường được nhân cách hóa, nhưng thực ra chỉ là những hình thức cũ bị phá vỡ để làm vật liệu xây dựng nên những hình thức mới và

Here in India there is Shiva, the Destroyer, but no one would think of Him as evil; He is one of the highest manifestations of the deity. The principle of the destruction of forms is necessary in order that life may progress. There is a Great One, a part of whose function it is to arrange when the great cataclysms shall take place—but He works for the good of the world. These things are not to be thought of as in any way evil. The notion of a supposed angel who revolted and was turned out of heaven is very much based upon John Milton. The conception is not at all the same in the Book of Job. In that story the devil is quite a different person from the gloomy hero in the Miltonic conception. Then the Buddhists have Mara—a personification of the karma of the past descending upon the man at once and taking many forms. There is an instant working-out of karma upon the attainment of enlightenment.

cao hơn. Ở Ấn Độ có Shiva, Đấng Hủy Diệt, nhưng chẳng ai nghĩ Ngài là ác; Ngài là một trong những biểu lộ tối cao của Thượng đế. Nguyên lý hủy diệt các hình tướng là cần thiết để sự sống có thể tiến bước. Có một Đấng Vĩ Đại, một phần chức năng của Ngài là sắp đặt thời điểm các tai biến lớn xảy ra—nhưng Ngài hoạt động vì lợi ích của thế gian. Những điều này không nên bị xem là ác theo bất kỳ cách nào. Quan niệm về một thiên thần nổi loạn bị tống khỏi thiên giới phần nhiều dựa trên John Milton. Khái niệm đó hoàn toàn không giống như trong Sách Gióp. Trong câu chuyện ấy, quỷ là một nhân vật rất khác với anh hùng ảm đạm trong quan niệm kiểu Milton. Rồi người Phật tử có Mara—một nhân cách hóa của nghiệp quả quá khứ giáng xuống con người ngay tức thì và mang nhiều hình dạng. Có một sự trổ quả nghiệp tức thời khi đạt đến giác ngộ.

The statement that all material things, all differences and limitations are evil is misleading. If by evil you mean what is ordinarily connoted by that word, and not some other and quite different notion of an abstract kind, then matter is not evil. Spirit and matter are equal. Matter is not in opposition to spirit. We find matter troublesome because of the bodies we have to use; but we are here in order to learn what without the physical life could not be conveyed to us. The physical plane experiences give a definiteness and precision to our consciousness and powers which we could never acquire on any plane unless we had spent the necessary time on this. But why do people bother about evil? There is plenty of good in the world, and it is better to think of that, for your thought strengthens that of which you think. To think and talk so much about black magicians unquestionably attracts their attention to you, and the results

Mệnh đề cho rằng mọi sự vật chất, mọi sai khác và giới hạn đều là ác là điều gây hiểu lầm. Nếu bằng "ác" bạn muốn nói điều thường được hàm ngụ bởi từ ấy, chứ không phải một khái niệm khác, hoàn toàn khác, có tính trừu tượng, thì vật chất không phải ác. Tinh thần và vật chất bình đẳng. Vật chất không đối lập với tinh thần. Chúng ta thấy vật chất rắc rối vì các hiện thể mà chúng ta phải dùng; nhưng chúng ta ở đây để học những điều mà nếu không có đời sống thể xác, chúng ta không thể tiếp nhận. Những trải nghiệm ở cõi hồng trần đem lại cho tâm thức và các năng lực của chúng ta một tính xác định và chính xác mà chúng ta chẳng thể nào tiếp thu ở bất kỳ cõi nào khác, trừ khi đã dành thời gian cần thiết tại đây. Nhưng tại sao người ta bận tâm về điều ác? Thế gian có đầy điều thiện, và tốt hơn là nghĩ về điều ấy, vì tư tưởng của bạn củng cố cái mà bạn nghĩ đến. Nghĩ và nói quá nhiều về các nhà hắc thuật không thể tránh khỏi việc thu hút sự chú ý của họ đến bạn, và hệ quả thường cực kỳ

are often exceedingly undesirable.

bất như ý.

HINDUISM

When ignorant missionaries dilate upon the three hundred and thirty million gods of the Hindus they are making a very gross misrepresentation of a religion which is far more scientific than their own. Hinduism, like every other religion, knows perfectly well that there can be only one God, though there may be countless manifestations of Him. To call these "gods" is of course ridiculous. It is perhaps better to avoid the word "god" altogether, because of the exceedingly unpleasant ideas which have been associated with it by the Christians; but if it is to be used, at least it should never be applied to any being lower than the LOGOS of the solar system. All the good things attributed to the Christian God are true of the LOGOS; there is nothing in the system that is not He, and yet He is much more than His system. We could not possibly grasp the truth about the Absolute; anything which we are able to grasp must after all be small, since our minds are so small. The advice of the Lord BUDDHA to His people was always that they should not trouble themselves about such remote matters, since it was impossible to arrive at any conclusion, and nothing useful came from it.

ẤN GIÁO

Khi những nhà truyền giáo vô minh phóng đại về ba trăm ba mươi triệu vị thần của người Ấn, họ đã bóp méo một cách thô thiển một tôn giáo vốn khoa học hơn tôn giáo của chính họ rất nhiều. Ấn giáo, như mọi tôn giáo khác, hoàn toàn biết rằng chỉ có một Thượng đế, dù có vô số biểu lộ của Ngài. Gọi những biểu lộ ấy là "chư thần" dĩ nhiên là lố bịch. Có lẽ tốt hơn là tránh hẳn từ "thần", vì những ý niệm hết sức khó chịu mà người Ki-tô giáo đã gán cho nó; nhưng nếu buộc phải dùng, ít nhất đừng bao giờ áp dụng cho bất kỳ đấng nào thấp hơn Thái dương Thượng đế. Mọi điều tốt đẹp quy cho Thượng đế của Ki-tô giáo đều đúng với Thái dương Thượng đế; trong hệ thống này không có gì không phải là Ngài, và tuy vậy Ngài còn vượt xa hệ thống của Ngài. Chúng ta không thể nào nắm bắt chân lý về Tuyệt Đối; bất cứ điều gì ta có thể nắm bắt rốt lại cũng nhỏ bé, vì trí của chúng ta nhỏ bé. Lời khuyên của Đức Phật dành cho dân Ngài luôn là đừng nhọc lòng về những chuyện xa xăm như thế, vì không thể đi đến kết luận nào, và cũng chẳng đem lại điều ích dụng.

The images of the Indian deities are usually highly magnetized, and when they are carried round the streets at the festivals their influence upon the people is unquestionably productive of much good. In many of the Hindu temples there are strong permanent influences at work, as is the case for example at Madura. Once when I visited that city some white ashes from the temple of Shiva were given to me, and also a bright crimson powder from the temple of Parvati, and I found that both of these were so powerfully magnetized

Những tượng của chư vị thần Ấn thường được từ hóa rất mạnh, và khi chúng được rước quanh phố trong các lễ hội, ảnh hưởng của chúng lên dân chúng không thể chối cãi là sinh nhiều điều thiện. Trong nhiều đền Ấn giáo có những ảnh lực thường trực mạnh mẽ vận hành, như ở Madura chẳng hạn. Một lần khi tôi đến thăm thành ấy, tôi được cho một ít tro trắng từ đền Shiva, và một ít bột đỏ thắm từ đền Parvati, và tôi nhận thấy cả hai đều được từ hóa mạnh đến mức giữ được ảnh lực của chúng suốt nhiều năm và qua bao cuộc

as to retain their influence for some years and after much travelling.

hành trình.

India is essentially a country of rites and ceremonies. The religion is full of them, and a great many of them are said to have been prescribed by the Manu Himself, though it is quite obvious that many others have been added at a much later date. Some of them appear to be regulations such as would be quite necessary at the beginning of a new race, but now that it is thoroughly established it seems clear that they are useless. In many cases when one watches their performance one can see quite clearly what must originally have been intended, even though now the ceremony has become a mere empty shell, and no result follows upon it. Such things are not without their value for younger souls; indeed there are many who delight in them and obtain great benefit from them; but of course none of them can ever be really necessary, and all such bondage falls away altogether from the really developed man.

Ấn Độ về căn bản là một xứ sở của lễ nghi. Tôn giáo đầy ắp lễ nghi, và rất nhiều trong số đó được cho là do chính Đức Manu ấn định, dù hiển nhiên nhiều thứ khác được thêm vào rất muộn về sau. Một vài điều dường như là những quy định vốn rất cần thiết vào đầu thời của một giống dân mới, nhưng nay khi giống dân ấy đã định hình hoàn toàn, có vẻ rõ ràng là chúng trở nên vô dụng. Nhiều trường hợp, khi quan sát việc hành lễ, người ta có thể thấy khá rõ điều vốn được chủ định ban đầu là gì, dẫu cho giờ đây nghi lễ chỉ còn là cái vỏ rỗng, và chẳng mang lại kết quả gì. Những điều như thế không phải là vô giá trị đối với các linh hồn trẻ; thật vậy, có nhiều người hoan hỷ vì chúng và thu được lợi ích lớn; nhưng dĩ nhiên chẳng điều nào trong đó thực sự cần thiết, và mọi ràng buộc như vậy đều hoàn toàn rơi rụng khỏi người đã phát triển thực sự.

Originally every householder was the priest of his own family, but as the civilization became more complex the rites and ceremonies grew more complex also, and therefore a class of specially instructed priests had to spring up, because no one who had anything else to do could possibly remember the wealth of unnecessary detail. In these days it would seem that most people perform them, or have them performed for them, much in the same spirit as they take medicine from a doctor, without understanding what it is, but with the faith that it will somehow do them good. There are, however, many people who cannot put heart and soul into a ceremony unless they do understand it, and these people usually end by breaking away from ceremonies altogether.

Ban đầu, mỗi chủ gia đình là vị tư tế của chính gia tộc mình, nhưng khi văn minh trở nên phức tạp hơn, các lễ nghi cũng trở nên phức tạp, và do đó một giai cấp tư tế được huấn luyện đặc biệt phải hình thành, vì không ai còn việc gì khác mà có thể nhớ nổi khối chi tiết thừa thãi ấy. Ngày nay, xem ra hầu hết người ta cử hành các nghi lễ, hoặc nhờ người khác cử hành thay cho họ, với tâm trạng không khác mấy khi họ uống thuốc bác sĩ kê, chẳng hiểu nó là gì, nhưng tin rằng bằng cách nào đó nó sẽ có lợi. Tuy vậy, có nhiều người không thể đặt trọn tâm can vào một nghi lễ trừ khi họ hiểu nó, và những người ấy thường kết thúc bằng việc dứt bỏ nghi lễ hoàn toàn.

It is sad to see priests performing the old ceremonies and using the old forms which once were so effective, and yet producing no result worth mentioning. There seems to be no will in these days. They commence some of their recitations "Om, Bhur, Bhuvar, Swar"; but nothing whatever happens when they recite the words. In the old days the officiant who said this threw some will into it, and raised his own consciousness, as well as that of those present who were responsive, from one plane to the other as he spoke.

Thật buồn khi thấy các tư tế thực hiện những nghi thức cũ và dùng những công thức xưa kia vốn rất hiệu nghiệm, mà chẳng tạo nên kết quả nào đáng nói. Ngày nay dường như không còn ý chí. Họ mở đầu vài bài tụng rằng "Om, Bhur, Bhuvar, Swar"; nhưng chẳng có gì xảy ra khi họ xướng những từ ấy. Xưa kia, vị chủ lễ khi xướng như vậy thì dồn ý chí vào đó, và nâng tâm thức của chính mình, cũng như của những người hiện diện vốn có khả năng đáp ứng, từ cõi này lên cõi kia theo từng lời xướng.

I remember seeing this strongly exemplified in the performance of a striking ceremony, when we were examining one of the earlier lives which occurred many thousands of years ago here in India. The people all entered an inner room and stood in absolute darkness. In the beginning of the ceremony the officiant slowly and solemnly uttered those words, and each produced its due effect upon the majority of those who stood around him. The word "Om" brought all the people in close harmony with him, and with the feelings which filled his mind. Then, at the utterance of the word "Bhur," to their senses the room was filled with ordinary light, and they were able to see all the physical objects in it; when, after an interval, the second word came, astral sight was temporarily opened for them; and the third word produced the same effect upon their mental sight, and brought round them all the bliss and power of the higher plane, and that condition persisted during the recitation of the various verses which followed.

Tôi nhớ đã thấy điều này được minh họa thật rõ trong một nghi lễ ấn tượng, khi chúng tôi khảo sát một trong những tiền kiếp rất xa xưa diễn ra tại Ấn Độ. Mọi người bước vào một căn phòng bên trong và đứng trong bóng tối tuyệt đối. Khởi đầu nghi lễ, vị chủ lễ chậm rãi và trang nghiêm thốt ra những lời ấy, và mỗi từ đều tạo nên hiệu ứng thích đáng lên đa số những người đứng chung quanh. Từ "Om" đưa mọi người vào sự hòa điệu mật thiết với ông, và với những cảm thức đang tràn ngập tâm trí ông. Rồi, khi thốt từ "Bhur", theo giác quan của họ, căn phòng bừng lên ánh sáng thường, và họ có thể thấy mọi vật thể hồng trần trong đó; sau một quãng, khi từ thứ hai vang lên, thị giác cảm dục tạm thời mở ra cho họ; và từ thứ ba tạo cùng một tác dụng lên thị giác thể trí, đem đến quanh họ mọi an lạc và năng quyền của cõi cao hơn, và trạng thái ấy kéo dài suốt thời gian tụng đọc các bài kệ tiếp theo.

Of course these effects were only temporary, and when the ceremony was over the higher consciousness faded away from those who had taken part in it, but nevertheless it remained for them a tremendous experience, and the effect of it was that on another similar occasion this higher consciousness was more

Dĩ nhiên những hiệu ứng ấy chỉ là tạm thời, và khi nghi lễ kết thúc, tâm thức cao phai dần khỏi những ai đã tham dự, nhưng dẫu vậy đó vẫn là một kinh nghiệm vô cùng lớn đối với họ, và hệ quả là vào một dịp tương tự khác, tâm thức cao ấy được khơi dậy trong họ dễ dàng hơn và đầy đủ hơn. Nhưng nay chẳng nơi nào

readily and more fully aroused in them. But now nothing of this sort seems to be done anywhere. Now the priest arranges his fuel and utters a solemn invocation to Agni, and then—lights the fire with a match! In the old days that which is represented by Agni really did come, and the fire fell from heaven, to use an old expression. But all outer husks seem to remain.

còn làm những điều như thế. Giờ đây vị tư tế sắp xếp củi và xướng lời khấn trang nghiêm lên Agni, rồi—châm lửa bằng một que diêm! Xưa kia, cái mà Agni đại diện thật sự đã đến, và "lửa từ trời" rơi xuống, nói theo lối xưa. Nhưng mọi lớp vỏ bên ngoài xem ra vẫn còn.

There is a quite rational and scientific idea underlying the practice of pilgrimage. Great shrines are usually erected on the spot where some holy man has lived or where some great event has happened (such as an initiation) or else in connection with some relic of a great person. In any one of these cases a powerful magnetic centre of influence has been created, which will persist for thousands of years. Any sensitive person who approaches the spot will feel this influence, and its effect upon him is unquestionably good. Where there is a strong vibration at a much higher level than any attained by ordinary humanity, its action upon any man who comes within its influence is to raise his own vibrations for the time towards unison with it.

Có một ý niệm hoàn toàn hợp lý và khoa học nằm bên dưới thực hành hành hương. Những thánh tích lớn thường được dựng trên nơi chốn nơi một bậc thánh đã sống hoặc nơi một biến cố trọng đại đã xảy ra (như một cuộc điểm đạo), hoặc liên hệ với một thánh tích của một bậc vĩ nhân. Trong bất kỳ trường hợp nào trong số đó, một trung tâm từ lực hùng mạnh đã được kiến tạo, và sẽ tồn tại hàng ngàn năm. Bất kỳ người nhạy cảm nào đến gần nơi ấy đều sẽ cảm nhận ảnh lực này, và ảnh hưởng của nó lên y chắc chắn là điều thiện. Nơi nào có một rung động mạnh ở cấp độ cao hơn nhiều so với mức mà nhân loại thường đạt, tác dụng của nó lên bất kỳ ai đi vào phạm vi ảnh hưởng là nâng rung động của y tạm thời lên hướng tới sự hòa điệu với nó.

The pilgrim who comes to such a spot and bathes himself in its magnetism, perhaps for several days together, is certainly the better for it, although different people will be affected in different degrees, according to their power of receptivity. Such a place of pilgrimage is the Bodhi tree at Buddha-gaya, the spot where the Lord Gautama attained His Buddhahood. This is true although the tree which is there now is not the original one. That fell some time in the middle ages, and the present tree is only an offshoot from it. But nevertheless the tremendously strong magnetism of the spot remains and is likely to do so for many a century yet to come.

Người hành hương đến nơi như vậy và tắm mình trong từ khí của nơi ấy, có khi suốt vài ngày liền, chắc chắn sẽ tốt hơn, dẫu khác người sẽ chịu ảnh hưởng ở các mức độ khác nhau tùy theo năng lực tiếp nhận. Một nơi hành hương như thế là cây Bồ-đề tại Buddha-gaya, chốn nơi Đức Gautama đạt đến Phật quả của Ngài. Điều này vẫn đúng dẫu cho cây hiện ở đó không phải cây nguyên thủy. Cây ban đầu đổ xuống vào một thời đã lâu ở trung cổ, và cây hiện nay chỉ là một chồi từ cây ấy. Nhưng dẫu vậy, từ lực cực kỳ mạnh mẽ của nơi ấy vẫn còn, và nhiều thế kỷ nữa hẳn vẫn còn như thế.

CASTES

It is said that originally each caste had its distinctive colour; indeed, the actual meaning of *varna* (the Sanskrit word for caste) is colour. I have not studied the question, but at least it is clear that the colours which are usually given do not indicate in any way the auras of the people. Only a young child has a white aura, and even the adepts have various colours in Their tremendous glow; yet for some reason the brahman is traditionally mentioned as white. A kshattriya is said to have some connection with the colour red; there are several reds in the human aura, from the rose of affection to the scarlet of anger and indignation, and the brown-reds of sensuality. But the kshattriya has no more of these than other men. Yellow is traditionally ascribed to the vaishya. But yellow in the aura signifies intellect, and we have no reason to consider the vaishya especially endowed with this quality. A shudra is spoken of as black.

If we adopt the suggestion that these colours had to do with the ancient and primitive races, we shall find the facts more tractable. The Aryans, representing the brahman caste, were undoubtedly much lighter in colour than the people amongst whom they came. The reddish Toltec people who were ruling large portions of the land when the Aryan invasion took place may have some connection with the original kshattriya caste. The aboriginals, who were Lemurians, and are now only represented by some of the hill tribes, were almost black in colour. They may be connected with the shudras. Between them and the Toltecs there appear to have been several waves of different Atlantean sub-races who settled down as traders; and these men were of a yellowish colour, as is the present day Chinaman. Perhaps they were the original

ĐẲNG CẤP

Người ta nói rằng ban đầu mỗi đẳng cấp có màu sắc riêng; thật vậy, ý nghĩa thực sự của *varna* (từ tiếng Phạn chỉ đẳng cấp) là màu sắc. Tôi chưa nghiên cứu vấn đề này, nhưng ít nhất cũng rõ ràng rằng các màu thường được gán cho không hề chỉ thị hào quang của người thuộc các đẳng cấp. Chỉ một đứa trẻ nhỏ mới có hào quang trắng, và ngay cả các chân sư cũng có nhiều màu sắc trong quầng sáng phi thường của Các Ngài; thế mà vì một lý do nào đó, Bà-la-môn lại được truyền thống xem là trắng. Kshattriya được nói là có liên hệ nào đó với màu đỏ; trong hào quang con người có vài sắc đỏ, từ hồng của tình cảm đến đỏ thắm của cơn giận và phẫn nộ, và đỏ nâu của tính dục. Nhưng kshattriya không có nhiều những sắc ấy hơn người khác. Vàng được truyền thống gán cho vaishya. Nhưng vàng trong hào quang biểu thị trí tuệ, và chúng ta không có lý do nghĩ rằng vaishya được phú cho phẩm tính này đặc biệt hơn. Shudra thì được nói là đen.

Nếu chấp nhận gợi ý rằng những màu sắc này liên quan đến các chủng tộc cổ xưa và nguyên sơ, chúng ta sẽ thấy sự kiện trở nên dễ thuyết phục hơn. Người Arya, đại diện cho đẳng cấp Bà-la-môn, chắc chắn sáng màu hơn nhiều so với dân cư nơi họ đến. Người Toltec đỏ hung, đang cai quản những phần rộng lớn của đất đai khi cuộc xâm nhập của người Arya diễn ra, có thể có liên hệ nào đó với đẳng cấp kshattriya nguyên thủy. Những người bản địa, vốn là Lemuria, nay chỉ còn được đại diện bởi một số sắc tộc miền núi, hầu như có màu da đen. Họ có thể liên hệ với shudra. Giữa họ và người Toltec dường như có nhiều làn sóng các giống dân phụ Atlantis khác nhau định cư như những người buôn bán; và những người ấy có màu vàng sẫm, như người Trung Hoa ngày nay. Có lẽ họ là vaishya nguyên thủy.

vaishyas.

No doubt as we carry further and further back the investigations which we are making in connection with the lines of past lives which we are making in connection with the lines of past lives which are now being examined, we shall obtain more definite information on the subject of the origin of these castes, and of this question of their relation to colour.

Chắc chắn khi chúng ta lần theo xa hơn nữa các khảo sát đang thực hiện trong mối liên hệ với dòng các tiền kiếp hiện được khảo cứu, chúng ta sẽ thu được thông tin xác định hơn về nguồn gốc các đẳng cấp này, và về mối liên hệ giữa chúng với màu sắc.

SPIRITUALISM

Never forget that the spiritualists are entirely with us on some most important points. They all hold (*a*) life after death as an actual vivid ever-present certainty, and *(b)* eternal progress and ultimate happiness for everyone; good and bad alike. Now these two items are of such tremendous, such paramount importance—they constitute so enormous an advance from the ordinary orthodox position—that I for one should be well content to join hands with them on such a platform, and postpone the discussion of the minor points upon which we differ until we have converted the world at large to that much of the truth. I always feel that there is plenty of room for both of us.

People who want to see phenomena, people who cannot believe anything without ocular demonstration, will obtain no satisfaction with us, while from the spiritualists they will get exactly what they want. On the other hand, people who want more philosophy than spiritualism usually provides will naturally gravitate in our direction. Those who admire the average trance-address certainly would not appreciate Theosophy, while those who enjoy Theosophical teaching would never be satisfied with the trance-address. We both cater for the liberal, the open-minded, but for quite different types of them; meantime, we

THẦN LINH HỌC

Xin đừng quên rằng những người theo thần linh học hoàn toàn đứng cùng chúng ta ở một số điểm tối hệ trọng. Tất cả họ đều khẳng định (*a*) đời sống sau khi chết như một điều chắc chắn sống động luôn hiện tiền, và *(b)* tiến bộ vĩnh cửu và hạnh phúc tối hậu cho mọi người; cả người thiện lẫn kẻ ác. Nay, hai điều này có tầm quan trọng khôn sánh, tối thượng —chúng cấu thành một bước tiến to lớn từ lập trường chính thống thông thường—đến độ riêng tôi sẵn lòng nắm tay họ trên nền tảng ấy, và hoãn cuộc thảo luận những điểm thứ yếu mà chúng tôi khác biệt cho đến khi chúng ta thuyết phục được cả thế giới chấp nhận phần chân lý đó. Tôi luôn cảm thấy rằng có thừa chỗ cho cả đôi bên.

Những người muốn thấy hiện tượng, những người không thể tin điều gì nếu không có chứng kiến tận mắt, sẽ không nhận được thỏa mãn từ phía chúng ta, trong khi nơi những người theo thần linh học họ sẽ có đúng cái họ muốn. Ngược lại, những người muốn nhiều triết lý hơn mức mà thần linh học thường cung cấp tự nhiên sẽ hướng về phía chúng ta. Những ai ưa thích các bài diễn thuyết xuất thần trung bình chắc chắn sẽ không đánh giá cao Thông Thiên Học, trong khi những ai thưởng thức giáo lý Thông Thiên Học sẽ chẳng bao giờ hài lòng với các bài diễn thuyết trong trạng thái xuất thần. Cả hai chúng ta đều phục

surely need not quarrel.

vụ những người phóng khoáng, cởi mở, nhưng là những dạng khác nhau của họ; trong khi chờ đợi, chúng ta hẳn chẳng cần gây gổ.

In what Madame Blavatsky wrote on the subject she laid great stress on the utter uncertainty of the whole thing, and the preponderance of personations over real appearances. My own personal experience has been more favourable than that. I spent some years in experimenting with spiritualism, and I suppose there is hardly a phenomenon of which you may read in the books which I have not repeatedly seen. I have encountered many personations, but still in my experience a distinct majority of the apparitions have been genuine, and therefore I am bound to bear testimony to the fact. The messages which they give are often uninteresting, and their religious teaching is usually Christianity and water, but still it is liberal as far as it goes, and anything is an advance upon the bigoted orthodox position.

Trong những gì Bà Blavatsky viết về đề tài này, Bà nhấn mạnh mạnh mẽ sự bất định hoàn toàn của toàn bộ sự việc, và tình trạng đóng giả lấn át những xuất hiện chân thật. Kinh nghiệm cá nhân của riêng tôi thì thuận lợi hơn thế. Tôi đã dành vài năm thử nghiệm với thần linh học, và tôi cho rằng hầu như không có hiện tượng nào mà bạn có thể đọc trong sách lại là điều tôi chưa từng nhiều lần chứng kiến. Tôi đã gặp nhiều trường hợp đóng giả, nhưng dẫu vậy, trong kinh nghiệm của tôi, đa số rõ rệt các hiện hình là chân thực, và do đó tôi buộc phải làm chứng cho sự kiện ấy. Những thông điệp họ đưa ra thường không mấy thú vị, và giáo lý tôn giáo của họ thường là một thứ Ki-tô giáo pha loãng, nhưng dẫu vậy, nó vẫn phóng khoáng trong phạm vi của nó, và bất cứ điều gì cũng là một bước tiến so với lập trường chính thống hẹp hòi.

Not that some spiritualists are not bigoted also—narrow and intolerant as any sectarian—when it comes to discussing (say) the question of reincarnation! The majority of English and American spiritualists do not yet know of that fact, but the French spiritists, the followers of Allan Kardec, hold it, and also the school of Madame d' Esperance in England. Many students wonder that dead people should not all know and recognize the fact of reincarnation; but after all why should they? When a man dies he resorts to the company of those whom he has known on earth; he moves among exactly the same kind of people as during physical life. The average country grocer is no more likely after death than before it to come into contact with any one who can give him information about reincarnation. Most men are shut in from all new ideas by a host of prejudices; they carry

Không phải là không có những người theo thần linh học cuồng tín—hẹp hòi và bất khoan dung như bất kỳ giáo phái nào—khi bàn (chẳng hạn) vấn đề tái sinh! Đa số những người Anh và Mỹ theo thần linh học vẫn chưa biết đến sự kiện đó, nhưng những nhà thần linh học Pháp, các môn đồ của Allan Kardec, thì thừa nhận, cũng như trường phái của Madame d'Esperance ở Anh. Nhiều học viên thắc mắc tại sao người chết không phải ai cũng biết và nhận ra sự kiện tái sinh; nhưng sau cùng, tại sao họ phải biết? Khi một người chết, y trở về với những người y đã quen biết trên trần; y đi lại giữa đúng loại người như trong đời sống hồng trần. Một người bán tạp hóa ở quê trung bình sau khi chết cũng chẳng dễ gì, hơn so với khi còn sống, mà tiếp xúc với ai có thể cho y thông tin về tái sinh. Hầu hết người ta bị bưng bít khỏi mọi ý tưởng mới bởi một loạt định kiến; họ mang những định kiến ấy

these prejudices into the astral world with them, and are no more amenable to reason and common sense there than here.

True, a man who is really open-minded can learn a great deal on the astral plane; he may speedily acquaint himself with the whole of the Theosophical teaching, and there are dead men who do this. Therefore it often happens that scraps of Theosophy are found among spirit communications. We must not forget that there is a higher spiritualism of which the public knows nothing, which never publishes any account of its results. The best circles of all are strictly private—restricted entirely to one family, or to a small number of friends. In such circles the same people meet over and over again, and no outsider is ever admitted to make any change in the magnetism; so the conditions set up are singularly perfect, and the results obtained are of the most surprising character. At public seances, to which any one may be admitted on payment, an altogether lower class of dead people appear, because of the promiscuous jumble of inharmonious magnetisms.

vào cõi cảm dục, và ở đó họ cũng chẳng dễ tiếp nhận lý trí và lẽ thường hơn là ở đây.

Đúng là một người thực sự cởi mở có thể học được rất nhiều ở cõi cảm dục; y có thể mau chóng làm quen với toàn thể giáo lý Thông Thiên Học, và có những người đã khuất làm được điều này. Bởi vậy, thường xảy ra là người ta thấy vài mẩu Thông Thiên Học trong các thông điệp do vong linh truyền. Chúng ta đừng quên rằng có một hình thái thần linh học cao hơn mà công chúng không hề biết, vốn chẳng bao giờ công bố bất kỳ tường thuật nào về các kết quả của mình. Những nhóm tốt nhất đều hoàn toàn riêng tư—chỉ giới hạn trong một gia đình, hoặc một số ít bạn hữu. Trong những nhóm như thế, những người tham dự luôn là cùng một số người gặp đi gặp lại nhau, và không bao giờ để bất kỳ người ngoài nào chen vào làm thay đổi từ tính; vậy nên những điều kiện thiết lập là đặc biệt hoàn hảo, và các kết quả đạt được hết sức đáng kinh ngạc. Ở các Buổi gọi hồn công khai, nơi bất kỳ ai cũng có thể vào cửa bằng cách trả tiền, một lớp người chết thấp hơn hẳn xuất hiện, vì một mớ hỗn tạp ngẫu nhiên của các từ tính bất hòa.

SYMBOLOGY

Symbology is a very interesting study. To a certain type of mind everything expresses itself in symbols, and to some people they are of the greatest possible help. I myself do not happen to be of that type, and therefore I have not paid special attention to them or made any particular study of them. Some of them however are obvious, and readily comprehensible to any one who understands even a little of the principles of their interpretation. Think, for example, of those which appear on the earlier pages of *The Book of Dzyan.* On the first page is a white disc, signifying the first condition of the

BIỂU TƯỢNG HỌC

Biểu tượng học là một môn học rất thú vị. Với một kiểu tâm trí nào đó, mọi điều đều tự biểu đạt bằng biểu tượng, và với một số người, chúng là sự trợ giúp tối đa. Bản thân tôi không thuộc kiểu ấy, và vì thế tôi không chú mục đặc biệt vào chúng hay khảo cứu riêng về chúng. Tuy nhiên, một số biểu tượng là hiển nhiên, và bất kỳ ai hiểu đôi chút các nguyên tắc giải nghĩa của chúng cũng có thể dễ dàng nắm bắt. Hãy nghĩ, chẳng hạn, về những biểu tượng xuất hiện ở các trang đầu của *Cuốn Sách Dzyan.* Trên trang đầu là một đĩa trắng, biểu thị trạng thái đầu tiên của cái không biểu hiện; trên trang thứ hai, một chấm xuất hiện ở

unmanifested; on the second page a spot appears in the centre of the white disc, signifying the first manifestation—the First LOGOS, or the Christ in the bosom of the Father; on the third page this spot has expanded into a bar, dividing the disc into two halves and so signifying the first great separation into spirit and matter—also the Second LOGOS, always spoken of as dual or androgynous; on the fourth page another bar has appeared at right angles to the first, giving us the forms of a circle divided into four equal parts or quarters, signifying the emergence of the Third LOGOS, though He is still in a condition of inactivity. On the next page the outer circle falls away, leaving us the equal-armed or Greek cross. This denotes the Third LOGOS ready for action, just about to descend into the matter of His cosmos.

trung tâm đĩa trắng, biểu thị biểu lộ đầu tiên—Đệ nhất Thượng đế, hay Đức Christ trong lòng của Cha; trên trang thứ ba, chấm ấy nở rộng thành một vạch, chia đĩa thành hai nửa, do đó biểu thị cuộc phân ly vĩ đại đầu tiên thành tinh thần và vật chất—đồng thời cũng là Đệ nhị Thượng đế, luôn được nói đến như là lưỡng tính; trên trang thứ tư, một vạch khác xuất hiện vuông góc với vạch thứ nhất, cho ta hình thức một vòng tròn chia làm bốn phần bằng nhau hay bốn phương, biểu thị sự xuất hiện của Đệ tam Thượng đế, tuy Ngài vẫn còn trong trạng thái bất hoạt. Ở trang kế tiếp, vòng tròn ngoài rơi đi, để lại thập giá cân bằng kiểu Hy Lạp. Điều này biểu thị Đệ tam Thượng đế sẵn sàng hành động, đang chuẩn bị giáng xuống vào chất liệu của cõi vũ trụ của Ngài.

The next stage of this activity is shown by various forms of the symbol. Sometimes the arms of the Greek cross widen out as they recede from the centre, and then we get the form called the Maltese cross. Another line of symbology retains the straight arms of the Greek cross, but draws a flame shooting out from the end of each arm, to signify the burning light within. A further extension of this idea sets the cross whirling round its centre, like a revolving wheel, and when that is done the flames are drawn as streaming backwards as the cross revolves, and in that way we get one of the most universal of all symbols, that of the svastika, which is to be found in every country in the world, and in connection with every religion.

Giai đoạn kế tiếp của hoạt động này được biểu thị bằng nhiều hình thức khác nhau. Đôi khi các cánh tay của thập giá Hy Lạp nở rộng ra khi xa dần trung tâm, và khi ấy ta có hình thức gọi là thập giá Malta. Một dòng biểu tượng khác giữ các cánh tay thẳng của thập giá Hy Lạp, nhưng vẽ một ngọn lửa phụt ra từ đầu mỗi cánh tay, để biểu thị ánh sáng bốc cháy bên trong. Một mở rộng xa hơn của ý tưởng này làm cho thập giá xoay quanh tâm của nó, như một bánh xe quay, và khi đó các ngọn lửa được vẽ như tuôn ngược theo chiều thập giá quay, và bằng cách ấy ta có một trong những biểu tượng phổ quát nhất, đó là chữ vạn (svastika), được tìm thấy ở mọi quốc gia trên thế giới, và gắn với mọi tôn giáo.

The symbolic meaning of the ordinary Latin cross, as it is used in the Christian Church, has no connection whatever with this line of thought. Its meaning is entirely different, for it symbolizes the Second LOGOS, and His descent into matter, and it is also closely

Ý nghĩa biểu tượng của thập giá La-tinh thông thường, như nó được dùng trong Giáo hội Ki-tô, hoàn toàn không liên hệ với dòng tư tưởng này. Ý nghĩa của nó hoàn toàn khác, vì nó tượng trưng cho Đệ nhị Thượng đế và sự giáng xuống vật chất của Ngài, và nó cũng gắn bó

connected with the initiation rites of ancient Egypt. In the case of *The Book of Dzyan* the comprehension of the symbol is enormously assisted by the fact that the book itself is highly magnetized in a peculiar way, so that when the student who is privileged to see it takes one of the pages in his hand a remarkable effect is produced upon him. Before his mind's eye arises the picture of that which the page is intended to symbolize, and simultaneously he hears a sort of recitation of the stanza which describes it. It is very difficult to put this clearly into words, but the experience is a wonderful one.

mật thiết với các nghi lễ điểm đạo của Ai Cập cổ. Trong trường hợp của *Cuốn Sách Dzyan*, sự hiểu biểu tượng được trợ giúp vô cùng bởi thực tế là bản thân cuốn sách được từ hóa rất mạnh theo một cách đặc dị, đến nỗi khi đạo sinh được đặc ân chiêm ngưỡng cầm một trong những trang sách trên tay, một hiệu ứng lạ thường được tạo ra trên y. Trước mắt trí của y hiện lên bức tranh về điều mà trang sách nhằm biểu thị, và đồng thời y nghe như một lối tụng đọc bài kệ mô tả điều ấy. Rất khó diễn đạt điều này thật rõ bằng lời, nhưng trải nghiệm ấy là kỳ diệu.

I have myself seen and handled the copy which Madame Blavatsky describes—from the study of which she wrote *The Secret Doctrine.* That is of course not the original book, but the copy of it which is kept in the occult museum which is under the care of the Master K.H. The original document is at Shamballa, in the care of the Head of the Hierarchy, and is certainly the oldest book in the world. Indeed it has been said that part of it (the first six stanzas, I think) is even older than the world, for it is said to have been brought over from some previous chain. That most ancient part is regarded by some as not merely an account of the processes of the coming into existence of a system, but rather a kind of manual of directions for such an act of creation. Even the copy must be millions of years old.

Chính tôi đã thấy và cầm quyển bản sao mà Bà Blavatsky mô tả—từ sự khảo cứu ấy mà Bà đã viết *Giáo Lý Bí Nhiệm.* Dĩ nhiên đó không phải là cuốn sách nguyên gốc, mà là bản sao được cất giữ trong viện bảo tàng huyền bí do Chân sư KH trông coi. Bản tài liệu nguyên thủy ở Shamballa, dưới sự chăm sóc của Vị Lãnh Đạo của Thánh đoàn, và chắc chắn là cuốn sách cổ nhất thế giới. Thậm chí có người nói rằng một phần của nó (tôi nghĩ là sáu bài kệ đầu) còn cổ hơn cả thế giới này, vì được cho là đã được mang qua từ một dãy trước. Phần cổ xưa nhất ấy được một số vị xem như không chỉ là một thuật ký về tiến trình xuất hiện của một hệ thống, mà đúng hơn là một loại cẩm nang chỉ dẫn cho hành vi sáng tạo như thế. Ngay cả bản sao cũng hẳn phải có tuổi hàng triệu năm.

Another well-known symbol is that of the "Great Bird," which is used to denote the Deity in the act of hovering over His universe, brooding over the waters of space, or darting onward along the line of His evolution. To repose between the wings of the Great Bird means so to meditate as to realize union with the LOGOS, and it is said that the man who reaches that level may rest there for untold

Một biểu tượng khác quen thuộc là "Đại Điểu", dùng để chỉ Thượng đế trong hành vi sải cánh bao trùm vũ trụ của Ngài, ấp ủ trên những làn nước của không gian, hoặc lao vút dọc theo đường tiến hoá của Ngài. Nằm nghỉ giữa đôi cánh của Đại Điểu là phương cách tham thiền để thể nhập với Thái dương Thượng đế, và người ta nói rằng ai đạt đến cảnh giới ấy có thể nghỉ ngơi ở đó suốt những năm tháng không

years.

The word Om is another presentation of the same idea; it is the sacred word of the fifth or Aryan root-race. The Atlantean sacred word was Tau, and it has been said that the sacred words given to the root-races in succession are all of them consecutive syllables of one great word, which is the true sacred Name.

Another obvious symbol, the heart, was prominent in the old Atlantean religion. In the innermost shrine of the great temple in the City of the Golden Gate there lay upon the altar a massive golden box in the shape of a heart, the secret opening of which was known only to the high-priest. This was called "The Heart of the World," and signified to them the innermost mysteries that they knew. In it they kept their most sacred things, and much of their symbolism centred around it. They knew that every atoms beats as a heart, and they considered that the sun had a similar movement, which they connected with the sun-spot period. Sometimes one comes across passages in their books which give the impression that they knew more than we do in matters of science, though they regarded it all rather from the poetic than from the scientific point of view. They thought, for example, that the earth breathes and moves, and it is certainly true that quite recently scientific men have discovered that there is a regular daily displacement of the earth's surface which may be thought of as corresponding in a certain way to breathing.

Another symbol is that of the lotus, and it is used to signify the solar system in its relation to its LOGOS. There is a real reason for this comparison in the actual facts of nature. The seven Planetary LOGOI, although they are great individual entities, are at the same time aspects of the Solar LOGOS, force-centres as it

thể kể xiết.

Linh từ Om là một trình hiện khác của cùng ý tưởng; đó là linh từ của giống dân gốc thứ năm, tức Arya. Linh từ của Atlantis là Tau, và người ta nói rằng các linh từ ban cho các giống dân gốc kế tiếp nhau, tất cả đều là các âm tiết liên tiếp của một linh từ vĩ đại, vốn là Thánh Danh chân thật.

Một biểu tượng hiển nhiên khác, trái tim, cũng nổi bật trong tôn giáo Atlantis cổ. Trong điện thờ sâu thẳm nhất của ngôi đền lớn ở Thành Phố Cửa Vàng có đặt trên bàn thờ một hộp vàng khối có hình trái tim, cách mở bí mật của nó chỉ vị đại tư tế biết. Vật này được gọi là "Trái Tim của Thế Giới", và đối với họ, nó biểu thị những huyền nhiệm thâm áo nhất mà họ biết. Họ cất giữ trong đó những vật thiêng nhất, và nhiều phần biểu tượng học của họ xoay quanh nó. Họ biết rằng mọi nguyên tử đều đập như một trái tim, và họ cho rằng Mặt trời có một vận động tương tự, điều mà họ liên hệ với chu kỳ vết đen Mặt trời. Thỉnh thoảng người ta gặp những đoạn văn trong sách vở của họ gây ấn tượng rằng trong các vấn đề khoa học, họ biết nhiều hơn chúng ta, dù họ nhìn tất cả dưới nhãn quan thi vị hơn là khoa học. Thí dụ, họ cho rằng Trái Đất hô hấp và vận động, và quả thật gần đây các nhà khoa học phát hiện có một dịch chuyển đều đặn hằng ngày của bề mặt Trái Đất, có thể được xem là tương ứng theo một cách nào đó với sự hô hấp.

Một biểu tượng khác là hoa sen, và nó được dùng để biểu thị hệ mặt trời trong mối liên hệ với Thái dương Thượng đế của nó. Có một lý do thật sự cho sự so sánh này trong các sự kiện tự nhiên. Bảy Hành Tinh Thượng đế, dẫu là những thực thể vĩ đại có tính cá thể, đồng thời cũng là các phương diện của Thái dương

were in His body. Now each of these great living centres or subsidiary LOGOI has a sort of orderly periodic change or motion of his own, corresponding perhaps on some infinitely higher level to the regular beating of the human heart, or to the inspiration and expiration of the breath.

Thượng đế, như những trung tâm lực trong thân thể của Ngài. Nay, mỗi trung tâm sống động vĩ đại hay mỗi Thượng đế phụ này có một kiểu biến dịch hay vận động theo chu kỳ riêng có trật tự, có thể tương ứng ở một cấp độ cao vô biên nào đó với nhịp đập đều đặn của trái tim con người, hay với sự hít vào và thở ra.

Some of these periodic changes are more rapid than others, so that a very complicated series of effects is produced, and it has been observed that the movements of the physical planets in their relation to one another furnish a clue to the operation of these great cosmic influences at any given moment. Each of these centres has His special location or major focus within the body of the sun, and has also a minor focus which is always exterior to the sun. The position of this minor focus is always indicated by a physical planet.

Một vài biến dịch chu kỳ trong số đó nhanh hơn những cái khác, nên tạo thành một chuỗi hiệu ứng hết sức phức tạp, và người ta đã quan sát thấy rằng vận động của các hành tinh hồng trần trong mối tương quan lẫn nhau cung cấp một mối chỉ dẫn về sự vận hành của những ảnh lực vũ trụ vĩ đại này vào bất kỳ thời điểm nào. Mỗi trung tâm đều có vị trí riêng hay tiêu điểm chính trong lòng Mặt trời, đồng thời có một tiêu điểm phụ luôn ở bên ngoài Mặt trời. Vị trí của tiêu điểm phụ này luôn được chỉ thị bằng một hành tinh hồng trần.

The exact relation can hardly be made clear to our three-dimensional phraseology; but we may perhaps put it that each centre has a field of influence practically co-extensive with the solar system; that if a section of the field could be taken it would be found to be elliptical; and that one of the foci of each ellipse would always be in the sun, and the other would be the special planet ruled by the subsidiary LOGOS. It is probable that, in the gradual condensation of the original glowing nebula from which the system was formed, the location of the planets was determined by the formation of vortices at these minor foci, they being auxiliary points of distribution—ganglia as it were in the solar system. All the physical planets are included within the portion of the system which is common to all the ovoids; so that any one who tries mentally to construct the figure will see that these revolving ovoids must have their projecting segments, and he will therefore be prepared to understand the comparison of the system as a

Mối tương quan chính xác khó mà làm rõ bằng ngôn ngữ ba chiều của chúng ta; nhưng có lẽ ta có thể diễn tả rằng mỗi trung tâm có một trường ảnh hưởng gần như đồng đại với toàn hệ mặt trời; rằng nếu lấy một mặt cắt của trường ấy, người ta sẽ thấy nó có dạng bầu dục; và rằng một trong các tiêu điểm của mỗi hình bầu dục luôn ở trong Mặt trời, còn tiêu điểm kia chính là hành tinh đặc thù do vị Thượng đế phụ ấy cai quản. Rất có thể trong quá trình ngưng tụ dần của tinh vân rực cháy nguyên thủy từ đó hệ thống được hình thành, vị trí các hành tinh được định bởi sự hình thành các xoáy tại các tiêu điểm phụ này, vì chúng là những điểm phụ trợ cho việc phân phối—như các hạch trong hệ mặt trời. Tất cả các hành tinh hồng trần đều nằm trong phần hệ thống vốn chung cho tất cả các khối hình bầu dục; nên ai cố gắng kiến tạo hình ảnh ấy trong tâm trí sẽ thấy rằng các khối hình bầu dục quay này hẳn có những đoạn nhô ra, và do đó y sẵn sàng hiểu sự so sánh toàn bộ hệ thống như một bông hoa nhiều cánh.

whole to a flower with many petals.

Another reason for this comparison of the system to a lotus is even more beautiful, but requires deeper thought. As we see them the planets appear as separate globes; but there is in reality a connection between them which is out of reach of our brain-consciousness. Those who have studied the subject of the fourth dimension are familiar with the idea of an extension in a direction invisible to us, but it may not have occurred to them that it is applicable to the solar system as a whole.

Một lý do khác cho sự so sánh hệ thống với hoa sen còn đẹp hơn, nhưng đòi hỏi suy tư sâu sắc hơn. Như ta thấy, các hành tinh hiện ra như những khối cầu tách rời; nhưng trong thực tại có một mối liên kết giữa chúng vượt khỏi tầm nhận thức bằng não bộ của ta. Những ai đã học về chiều thứ tư quen thuộc với ý niệm một sự mở rộng theo một hướng vô hình với ta, song có thể họ chưa từng nghĩ rằng nó có thể áp dụng cho toàn hệ mặt trời.

We may obtain a suggestion of the facts by holding the hand palm upwards bent so as to form a kind of cup, but with the fingers separated, and then laying a sheet of paper upon the tips of the fingers. A two-dimensional being living on the plane of that sheet of paper could not possibly be conscious of the hand as a whole, but could perceive only the tiny circles at the points of contact between the fingers and the paper. To him these circles would be entirely unconnected, but we, using the sight of a higher dimension, can see that each of them has a downward expansion, and that in that way they are all parts of a hand. In exactly the same way the man using the sight of the fourth dimension may observe that the planets which are isolated in our three dimensions are all the time joined in another way which we cannot yet see; and from the point of view of that higher sight these globes are but the points of petals which are part of one great flower. And the glowing heart of that flower throws up a central pistil which appears to us as the sun.

Ta có thể gợi ý về các sự kiện bằng cách ngửa bàn tay như tạo thành một chiếc chén, nhưng xòe các ngón tay ra, rồi đặt một tờ giấy lên các đầu ngón. Một hữu thể hai chiều sống trên mặt phẳng của tờ giấy ấy không thể nào nhận thức bàn tay như một chỉnh thể, mà chỉ có thể thấy những vòng tròn nhỏ ở các điểm tiếp xúc giữa ngón tay và tờ giấy. Với y, những vòng tròn này hoàn toàn tách rời nhau, nhưng chúng ta, dùng cái nhìn của một chiều cao hơn, thấy rằng mỗi vòng đều có phần mở rộng xuống dưới, và như vậy tất cả đều là những phần của một bàn tay. Y như thế, người sử dụng cái nhìn của chiều thứ tư có thể quan sát thấy rằng những hành tinh vốn cô lập trong ba chiều của chúng ta, suốt thời gian ấy vẫn liên kết với nhau theo một cách mà chúng ta hiện chưa thấy; và từ quan điểm của cái nhìn cao hơn ấy, các khối cầu chỉ là những đầu cánh của một cánh hoa, chúng là những phần của một đại liên hoa. Và trái tim rực sáng của đóa hoa ấy trồi lên một nhụy trung tâm, hiện ra với chúng ta như Mặt trời.

It is not wise for the votary of modern science to ridicule or despise either the learning of old time or the strange and fanciful symbols in which it was expressed, for many of these ancient symbols are pregnant with meaning—

Người tôn sùng khoa học hiện đại không khôn ngoan khi chế nhạo hay khinh miệt cả nền học thuật cổ thời lẫn những biểu tượng lạ lùng, kỳ khôi trong đó nền học thuật ấy được biểu đạt, vì nhiều biểu tượng cổ xưa ấy đầy dẫy thâm

often with meaning showing deeper knowledge than the outer world now possesses. The Theosophical student at least will avoid the mistake of despising anything merely because he does not yet comprehend it —because he has not yet learnt the language in which it is written.

nghĩa—thường là những thâm nghĩa biểu lộ tri thức sâu xa hơn những gì thế giới bên ngoài đang có. Ít nhất thì đạo sinh Thông Thiên Học sẽ tránh sai lầm khinh miệt bất cứ điều gì chỉ vì y chưa thấu hiểu—bởi y chưa học được ngôn ngữ trong đó điều ấy được viết ra.

FIRE

LỬA

On higher planes everything is what down here we should call luminous, and above a certain level every thing may be said to be permeated by fire, yet not at all such fire as we know on the physical plane. What we call by that name down here cannot exist without something which either burns or glows, and it is only a kind of reflection or lower expression of a higher abstract thing which we cannot sense. Try to think of a fire which does not burn, but is in a liquid form, something like water. This was known to the followers of the first great Zoroaster, for they had this fire which no fuel on their altars, a sacred fire by means of which they symbolized divine life.

Ở các cõi cao, mọi sự đều là thứ mà dưới này chúng ta sẽ gọi là "phát quang", và trên một cấp độ nào đó, có thể nói mọi thứ đều thấm nhuần lửa, tuy hoàn toàn không phải là thứ lửa như chúng ta biết ở cõi hồng trần. Thứ mà chúng ta gọi là lửa dưới này không thể tồn tại nếu không có thứ gì đó cháy hoặc phát sáng, và nó chỉ là một kiểu phản chiếu hay một biểu hiện thấp của một điều cao hơn, trừu tượng hơn mà chúng ta không cảm tri được. Hãy cố nghĩ về một loại lửa không cháy, nhưng ở dạng lỏng, giống như nước. Điều này đã được những người theo vị Zoroaster đầu tiên biết đến, vì họ có thứ lửa không cần nhiên liệu ấy trên các bàn thờ của họ, một ngọn thánh hỏa mà qua đó họ biểu tượng hóa sự sống thiêng liêng.

One way of reaching the LOGOS is along the line of fire, and the ancient Parsis knew this well, and raised themselves until they were one with the fire, so as to reach Him by way of it. The only way in which it can be done is through the assistance of certain classes of devas, but at this period of the world's history we are so grossly material that very few can stand the ordeal. The first Zoroaster had around him many who were able to take that way; and, though under present conditions our lower vehicles would probably be destroyed if we should make such an attempt, in new races and on other planets we shall be ale to take that way again. All this sounds strange and weird and incomprehensible,

Một con đường để đạt đến Thái dương Thượng đế là theo tuyến của lửa, và những người Parsi cổ đã biết điều này rất rõ, và nâng mình lên cho đến khi họ hợp nhất với lửa, để đạt đến Ngài qua con đường ấy. Cách duy nhất để làm điều đó là nhờ sự trợ giúp của một số đẳng cấp thiên thần, nhưng trong thời kỳ lịch sử hiện nay của thế giới, chúng ta vật chất nặng nề đến mức rất ít người có thể chịu nổi thử thách. Vị Zoroaster đầu tiên có quanh mình nhiều người có thể đi theo con đường đó; và, tuy trong các điều kiện hiện tại, các hiện thể thấp của chúng ta rất có thể sẽ bị hủy diệt nếu ta cố gắng như vậy, thì trong các giống dân mới và trên các hành tinh khác chúng ta sẽ lại có thể đi theo đường ấy. Tất cả điều này nghe có vẻ lạ lùng,

because it deals with conditions which are utterly unknown on the physical plane, but the student of occultism will find that in the course of his progress he has to face many things which cannot at all be expressed in words down here.

huyền hoặc và khó hiểu, vì nó liên hệ tới những điều kiện hoàn toàn không biết đến ở cõi hồng trần, nhưng đạo sinh huyền bí học sẽ thấy rằng trên bước đường tiến của mình y phải đối diện với nhiều điều hoàn toàn không thể diễn đạt bằng lời ở đây.

The Theosophical Attitude —Thái Độ Thông Thiên Học

THIRD SECTION—PHẦN THỨ BA

COMMON SENSE

ABOVE all things and under all circumstances the student of occultism must hold fast to common sense. He will meet with many new ideas, with many startling facts, and if he allows the strangeness of things to overbalance him, harm instead of good will result from the increase of his knowledge. Many other qualities are desirable for progress, but a well-balanced mind is an actual necessity. The study of occultism may indeed be summed up in this: it is the study of much that is unrecognized ordinary man—the acquisition therefore of a great multitude of new facts, and then the adaptation of one's life to the new facts in a reasonable and common-sense way. All occultism of which I know anything is simply an apotheosis of common sense.

LẼ THƯỜNG

TRÊN hết thảy và trong mọi hoàn cảnh, đạo sinh huyền bí học phải nắm giữ vững vàng lẽ thường. Y sẽ chạm trán nhiều tư tưởng mới, nhiều sự kiện gây sửng sốt, và nếu y để sự lạ lùng của các điều ấy làm mình chao đảo, thì sự gia tăng tri thức sẽ đem lại hại nhiều hơn lợi. Nhiều phẩm tính khác là đáng mong muốn để tiến bộ, nhưng một tâm trí quân bình thực sự là điều tất yếu. Nghiên cứu huyền bí học có thể tóm lược như sau: đó là nghiên cứu về nhiều điều mà người thường không nhận ra—vì thế là sự thu nhận một đoàn lớn những sự kiện mới—và rồi là việc thích ứng đời sống của mình với các sự kiện mới ấy một cách hợp lý và theo lẽ thường. Mọi huyền bí học mà tôi biết đều chỉ là sự tôn vinh lẽ thường đến mức tột đỉnh.

BROTHERHOOD

The brotherhood of man is a fact in nature; those who deny it are simply those who are blind to it, because they shut their eyes to actualities which they do not wish to acknowledge. We need waste little time over those who deny it; nature itself will refute their heresy. More subtly dangerous are those who misunderstand it, and their name is legion.

TÌNH HUYNH ĐỆ

Tình huynh đệ của nhân loại là một sự kiện trong tự nhiên; những ai phủ nhận nó chỉ là những người mù lòa với nó, vì họ nhắm mắt trước những thực tại họ không muốn thừa nhận. Chúng ta không cần phí nhiều thời gian với những người phủ nhận; tự nhiên sẽ phản bác tà thuyết của họ. Nguy hại tinh vi hơn là những người hiểu sai nó, và số ấy thì vô kể.

Remember not only what brotherhood means, but also what it does not mean. It emphatically does not mean equality, for twins and triplets are comparatively rare; under all but the most abnormal circumstances, brotherhood implies a difference in age, and consequently all sorts of other differences, in strength, in cleverness, in capacity.

Hãy nhớ không chỉ tình huynh đệ có nghĩa là gì, mà còn nghĩa là không phải gì. Nó dứt khoát không có nghĩa là bình đẳng, vì sinh đôi, sinh ba là khá hiếm; trong mọi hoàn cảnh trừ những tình huống bất thường nhất, tình huynh đệ hàm ý sự khác biệt về tuổi tác, và hệ quả là đủ loại khác biệt khác nữa, về sức mạnh, về sự lanh lợi, về năng lực.

Brotherhood implies community of interest, but not community of interests. If the family be rich all its members profit thereby; if the family be poor, all its members suffer accordingly. So there is a community of interest. But the individual interests of the brothers not only may be, but also for many years must be, absolutely different. What interests has the boy of fourteen in common with his brother of six? Each lives his own life among friends of his own age, and has far more in common with them than with his brother. What cares the elder brother of twenty-five, fighting his way in the world, for all the prizes and anxieties of school-life which fill the horizon of that second brother?

Tình huynh đệ hàm ý sự cộng thông về lợi ích chung, chứ không phải cộng thông về các lợi ích riêng. Nếu gia đình giàu, mọi thành viên đều được lợi; nếu gia đình nghèo, mọi thành viên đều chịu khổ tương ứng. Như vậy có sự lợi ích chung. Nhưng các lợi ích cá nhân của các anh em không chỉ có thể, mà còn trong nhiều năm chắc chắn phải, hoàn toàn khác biệt. Một cậu bé mười bốn tuổi có lợi ích gì chung với đứa em sáu tuổi? Mỗi đứa sống đời mình giữa những bạn cùng tuổi, và có nhiều điều chung với họ hơn là với người anh em. Người anh hai mươi lăm tuổi, đang bươn chải trong thế gian, nào bận tâm chi đến mọi phần thưởng và lo âu của đời học trò vốn đang chiếm trọn chân trời của cậu em thứ?

It is not to be expected, then, that because they are brothers men shall feel alike or be interested in the same things. It would not be desirable, even if it were possible, for their duties differ according to their ages, and the one thing which most promotes the evolution of the human family as a whole is that every man should strive earnestly to do his duty in that state of life to which it shall please God to call him, as the Church catechism puts it. This does not in the least imply that every man must always remain in the station in which his karma has placed him at birth; if he can honestly and harmlessly make such further karma as will raise him out of it he is at perfect liberty to do so. But at whatever stage he may be, he should do the duties of that stage. The

Vậy thì không thể mong đợi rằng chỉ vì là anh em mà người ta cảm thấy giống nhau hay hứng thú với cùng một điều. Dẫu có thể, điều đó cũng không đáng mong muốn, vì bổn phận của họ khác nhau theo tuổi tác, và điều giúp thăng tiến sự tiến hoá của đại gia đình nhân loại hơn cả chính là mỗi người phải cố gắng làm tròn bổn phận của mình trong trạng thái sống mà *giáo lý vấn đáp của Giáo hội* nói rằng "sẽ đẹp lòng Thượng đế gọi y đến". Điều này tuyệt nhiên không hàm ý rằng mỗi người phải luôn ở lại trong địa vị mà nghiệp quả đã đặt y vào lúc sinh ra; nếu y có thể một cách chân chính và vô tổn hại tạo nên nghiệp mới đưa y vượt khỏi địa vị ấy, y hoàn toàn có quyền làm như vậy. Nhưng ở bất kỳ giai đoạn nào, y nên làm tròn bổn phận của giai đoạn ấy. Đứa trẻ

child grows steadily; but while he is at a certain age, his duties are those appropriate to that age, and not those of some older brother. Each age has its duties—the younger to learn and to serve, and the older to direct and protect; but all alike to be loving and helpful, all alike to try to realize the idea of the great family of humanity. Each will best help his brothers, not by interfering with them, but by trying earnestly to do his own duty as a member of this family.

lớn lên đều đặn; nhưng khi ở một độ tuổi nhất định, bổn phận của y là những điều phù hợp với độ tuổi ấy, chứ không phải bổn phận của người anh lớn hơn. Mỗi tuổi có bổn phận riêng —tuổi nhỏ là học và phục vụ, tuổi lớn là hướng dẫn và bảo hộ; nhưng tất cả đều yêu thương và trợ giúp, tất cả đều cố gắng hiện thực ý niệm về đại gia đình nhân loại. Mỗi người sẽ giúp anh em mình tốt nhất không phải bằng cách can thiệp vào họ, mà bằng cách cố gắng làm tròn bổn phận của chính mình như một thành viên của gia đình này.

The brotherhood of our Society ought to be a very real thing. It is important that we should recognize and realize a close fellowship, a feeling of real unity and drawing together. This will be achieved if members will forget their own personal feelings and think chiefly of the interests of others. The heart of the Society is making for itself a body on the buddhic plane, a channel through which the Great Ones can work. The perfection of the channel as such depends upon the attitude of the earnest and devoted members. As yet it is very imperfect, because of the tendency of each member to think too much of himself as a unit, and too little of the good and well-being of the whole. The stones of the wall must be built each in its own place; one standing out of place here, or projecting there, causes roughness, and the wall as a whole is a less perfect wall. We form but a little part of a vast scheme, one wheel as it were of a machine. It is for us to make ourselves really fit for our little part; if we do that, though we may be quite unfit to take a leading position in the drama of the world, yet what little we do is well done and lasting, and will honourably fill its place in the greater whole.

Tình huynh đệ trong Hội của chúng ta phải là một điều rất thật. Điều quan trọng là chúng ta nhận biết và thể nghiệm một mối đồng hàng mật thiết, một cảm thức hợp nhất và quy tụ thực sự. Điều đó sẽ đạt được nếu hội viên quên tình cảm cá nhân của mình và chủ yếu nghĩ đến lợi ích của người khác. Trái tim của Hội đang kiến tạo cho mình một thể ở cõi Bồ đề, một đường dẫn qua đó Các Đấng Cao Cả có thể hoạt động. Sự hoàn mỹ của đường dẫn ấy, như một đường dẫn, tùy thuộc vào thái độ của những hội viên tha thiết và tận hiến. Hiện nay nó còn rất bất toàn, vì khuynh hướng của mỗi hội viên là nghĩ quá nhiều về bản thân như một đơn vị, và quá ít về lợi ích và sự vẹn toàn của toàn thể. Những hòn đá của bức tường phải được xây ở đúng chỗ của chúng; một hòn đứng lệch ra chỗ này, hay nhô ra chỗ kia, tạo nên chỗ gồ ghề, và bức tường như một toàn thể kém hoàn mỹ. Chúng ta chỉ là một phần nhỏ của một đồ hình mênh mông, như một bánh xe của cỗ máy. Việc của chúng ta là tự làm cho mình thực sự xứng hợp với phần nhỏ bé của mình; nếu ta làm được điều đó, dẫu ta có thể hoàn toàn không thích hợp để đóng vai trò lãnh đạo trong vở kịch của thế gian, thì điều nhỏ bé ta làm cũng được làm cho tốt và bền vững, và sẽ lấp đầy cách danh dự vị trí của nó trong tổng thể lớn hơn.

You are all aware that in seven hundred years'

Tất cả các bạn đều biết rằng trong bảy trăm

time our two Masters will commence the founding of the sixth root-race, and that even already They are looking about for those who will be suitable assistants for Them in that work. But there is something nearer than that to be done—and it is a work which will afford excellent practice in developing the qualities necessary for that larger work; and this is the development of the sixth sub-race of the Aryan race, which is now just beginning to be formed in North America. Already signs are to be seen of the preparations for this work; different races are being welded together in one; and we too have our part to play in this. We all recognize how important it is that a child's early years should be surrounded by good influences, and it is just the same with the childhood of a race. If we can succeed in starting this young race along right lines much will be gained; and we, even at this distance from America, can be of great help at this critical period of history, if we will.

năm nữa, hai Vị Thầy của chúng ta sẽ khởi sự khai sáng giống dân gốc thứ sáu, và ngay bây giờ Các Ngài đã tìm kiếm những ai sẽ là trợ thủ xứng hợp cho Các Ngài trong công cuộc ấy. Nhưng có một điều gần hơn phải được làm—và đó là một công việc sẽ đem lại sự thực tập tuyệt hảo để khai triển những phẩm tính cần cho công việc lớn hơn—ấy là việc phát triển giống dân phụ thứ sáu của giống dân Arya, hiện đang bắt đầu hình thành ở Bắc Mỹ. Dấu hiệu chuẩn bị cho công việc này đã thấy; các giống dân khác nhau đang được hàn gắn vào một; và chúng ta cũng có phần của mình trong đó. Chúng ta đều nhận ra tầm hệ trọng của việc những năm đầu đời của một đứa trẻ phải được bao bọc bởi những ảnh hưởng tốt, và với thời thơ ấu của một giống dân cũng vậy. Nếu chúng ta có thể khởi phát giống dân trẻ này theo đường hướng đúng đắn, thì sẽ đạt được nhiều điều; và chúng ta, ngay cả ở khoảng cách xa xôi này với châu Mỹ, vẫn có thể trợ giúp lớn lao vào thời khắc then chốt của lịch sử, nếu chúng ta muốn.

Part of the scheme very shortly to be realized is the drawing together of the various branches of our fifth sub-race, the Teutonic. Many of us belong to that—the English colonies, the Americans, the Scandinavians, the Dutch and the Germans; and many also in France and Italy, as for example the Normans, who are the descendants of the Norsemen, and also those in southern countries who are descendants of the Goths and Visigoths. What is desired in order to promote the work of the great plan is that all these races should be drawn into much closer sympathy. This has already been achieved to a great extent in the case of England and America; it is very much to be regretted that it cannot be done in the case of Germany also, but for the present that great country seems disposed to hold aloof from the desired coalition, and to stand out for what it considers its own private interests. It

Một phần của đồ hình sẽ sớm được hiện thực là quy tụ các nhánh khác nhau của giống dân phụ thứ năm của chúng ta, tức Teutonic. Nhiều người trong chúng ta thuộc giống đó—các thuộc địa Anh, người Mỹ, người Scandinavia, người Hà Lan và người Đức; và nhiều người ở Pháp và Ý, như người Norman, vốn là hậu duệ của người Norse, và cả những người ở các nước phương nam là hậu duệ của người Goth và Visigoth. Điều mong muốn nhằm thúc đẩy công việc của đại kế là tất cả những giống dân này được kéo lại trong sự cảm thông gần gũi hơn nhiều. Điều này đã đạt được ở mức độ lớn giữa Anh và Mỹ; thật đáng tiếc là điều ấy chưa thể thực hiện với Đức, nhưng hiện tại quốc gia lớn ấy dường như muốn đứng ngoài sự liên minh mong mỏi, và tách ra vì những gì họ xem là lợi ích riêng tư của mình. Rất hy vọng rằng khó khăn này có thể được vượt qua.

is much to be hoped that this difficulty may be overcome.

The great purpose of this drawing together is to prepare the way for the coming of the new Messiah, or, as we should say in Theosophical circles, the next advent of the Lord Maitreya, as a great spiritual teacher, bringing a new religion. The time is rapidly approaching when this shall be launched—a teaching which shall unify the other religions, and compared with them shall stand upon a broader basis and keep its purity longer. But before this can come about we must have got rid of the incubus of war, which at present is always hanging over our heads like a great spectre, paralyzing the best intellects of all countries as regards social experiments, making it impossible for our statesmen to try new plans and methods on a large scale. Therefore one essential towards carrying out the scheme is a period of universal peace. Many efforts have already been made in various ways to bring about this result—for example the Peace Conference; but it seems that some other way will have to be tried.

Mục đích lớn lao của việc quy tụ ấy là để chuẩn bị con đường cho sự đến của một Đấng Cứu Thế mới, hay, như chúng ta vẫn nói trong giới Thông Thiên Học, lần giáng lâm kế tiếp của Đức Maitreya như một bậc đạo sư tinh thần vĩ đại, mang đến một tôn giáo mới. Thời điểm phóng xuất giáo lý ấy đang đến gần nhanh chóng—một giáo lý sẽ hợp nhất các tôn giáo khác, và so với chúng sẽ đứng trên một nền tảng rộng lớn hơn và giữ được sự tinh sạch lâu hơn. Nhưng trước khi điều này có thể diễn ra, chúng ta phải trút bỏ gánh nặng đè nặng của chiến tranh, vốn hiện nay luôn treo lơ lửng trên đầu chúng ta như một bóng ma khổng lồ, làm tê liệt những trí tuệ ưu tú nhất của mọi quốc gia trong các thử nghiệm xã hội, khiến các chính khách không thể thử nghiệm các kế hoạch và phương sách mới trên quy mô lớn. Vì vậy, một điều kiện tất yếu để thực thi đồ hình là một thời kỳ hòa bình phổ quát. Nhiều nỗ lực đã được thực hiện theo nhiều cách để đạt đến kết quả này—chẳng hạn như Hội nghị Hòa bình; nhưng có vẻ cần phải thử một con đường khác.

If we of the fifth sub-race can but put aside our prejudices and stand side by side, a great work lies before us in the future. Ours is the latest sub-race, and therefore contains, generally speaking, the highest egos in evolution. Yet the majority of the people in it are by no means ready to respond to a purely unselfish motive as a means of bringing about the universal peace required.

Nếu chúng ta của giống dân phụ thứ năm có thể gạt bỏ định kiến và đứng bên nhau, một công việc lớn lao chờ đợi phía trước. Giống dân phụ của chúng ta là muộn nhất, và vì thế, nói chung, chứa những chân ngã cao nhất trong tiến hoá. Tuy vậy, đa số người trong đó hoàn toàn chưa sẵn sàng đáp ứng với một động cơ thuần vô kỷ như phương tiện mang lại nền hòa bình phổ quát cần thiết.

How then can this best be attained? By making it to the interest of all these nations to insist upon universal peace. Remember that trade suffers during war. We of these various branches of the Teutonic race are the greatest trading nations of the world, and I hope that

Vậy làm sao đạt được điều này một cách tốt nhất? Bằng cách khiến cho vì lợi ích của chính mình mà tất cả các quốc gia ấy phải đòi hỏi nền hòa bình phổ quát. Hãy nhớ rằng thương mại chịu tổn thất trong chiến tranh. Chúng ta—những nhánh khác nhau của giống Teutonic—

we may shortly realize that it is to our interest to bind ourselves together, and to stand for peace. Truly this is not a very high motive, for it is merely self-interest; but still when the rulers and great statesmen are moved to desire unity from the abstract love for humanity, this lower motive may help to bring their less developed fellow-countrymen into line with them, and cause them warmly to support any movement which they may set on foot for that object.

là các quốc gia buôn bán lớn nhất thế giới, và tôi hy vọng rằng chẳng bao lâu chúng ta sẽ nhận ra rằng vì lợi ích của mình mà liên kết lại với nhau, và đứng về phía hòa bình. Thật ra, đây không phải là một động cơ rất cao, vì nó chỉ là lợi ích vị kỷ; nhưng dẫu vậy, khi những nhà cầm quyền và các chính khách kiệt xuất được thúc đẩy mong muốn hợp nhất từ lòng nhân loại thuần túy, thì động cơ thấp hơn này có thể trợ giúp đưa những đồng bào kém phát triển hơn của họ vào hàng ngũ, và khiến họ nhiệt thành ủng hộ bất kỳ phong trào nào mà các vị ấy phát động cho mục đích đó.

All sorts of events are being utilized to help this binding together of our race. For example, the death of Her Majesty the late Queen Victoria was very decidedly utilized for that purpose. Her life did very much in drawing the Colonies together into closer bonds with the Mother-country. Those who saw the Jubilee procession from the psychic standpoint were greatly impressed with the mighty current of high emotion thereby evoked. In her life she did much, but at her death still more was accomplished. By her death she drew close not only our Colonies, but also the United States. I was in America at the time of her death, and really it might have been their own ruler for whom the Americans were mourning, so spontaneous and so sincere were their expressions of the sense of loss. So in her death the great Queen did grand service, as well as in her life.

Mọi loại biến cố đang được tận dụng để giúp sự gắn kết của chủng tộc chúng ta. Chẳng hạn, sự băng hà của Cố Nữ hoàng Victoria đã được sử dụng rất rõ rệt cho mục đích ấy. Đời Bà đã góp phần rất nhiều trong việc kéo các Thuộc địa lại gần hơn với Mẫu quốc bằng những mối dây gắn bó chặt chẽ. Những ai nhìn đoàn rước Lễ Kỷ niệm từ nhãn quan thông linh đều bị ấn tượng sâu sắc bởi dòng cuồng lưu cảm xúc cao cả được khơi dậy nhờ đó. Trong đời Bà, Bà đã làm được rất nhiều, nhưng khi băng hà, lại thành tựu được nhiều hơn nữa. Qua sự băng hà của Bà, Bà đã kéo gần không chỉ các Thuộc địa của chúng ta, mà cả Hợp chúng quốc Hoa Kỳ. Tôi ở Mỹ vào thời điểm Bà qua đời, và thật sự người ta có thể tưởng như đó là vị quân vương của chính họ mà người Mỹ đang để tang, vì những biểu lộ cảm thức mất mát của họ vừa tự phát vừa chân thành biết bao. Vậy là trong cái chết của mình, vị Nữ hoàng vĩ đại đã làm một cuộc phụng sự lớn lao, cũng như trong cuộc đời của Bà.

Each race has its own peculiarities, just as each individual has. If we wish to co-operate in the great work we must learn to allow for these, to be tolerant of them, and to regard them with a kindly interest, instead of sneering at them or letting them get on our nerves. What then can we do practically to

Mỗi chủng tộc đều có những nét riêng, cũng như mỗi cá nhân vậy. Nếu chúng ta muốn hợp tác trong công cuộc vĩ đại ấy, chúng ta phải học cách tính đến những đặc điểm đó, khoan dung với chúng, và nhìn chúng bằng mối quan tâm thiện lành, thay vì giễu cợt hoặc để chúng làm ta bực bội. Vậy, chúng ta có thể làm gì một

help these great national affairs? This at least: that when in our presence unkind or sneering remarks are made about other nations, we can make a point of always putting forward considerations on the other side, and saying something kindly. We may not always be able to contradict the evil thing said, but at least we may supplement it with something that is good.

cách thiết thực để giúp những vấn đề quốc gia trọng đại này? Tối thiểu là điều này: khi trước mặt chúng ta người ta buông những lời cay nghiệt hay giễu cợt các dân tộc khác, chúng ta có thể chủ động nêu lên những cân nhắc ở phía bên kia, và nói điều gì đó tử tế. Ta có thể không phải lúc nào cũng bác lại được điều xấu mà người ta đã nói, nhưng ít ra ta có thể bổ sung nó bằng một điều thiện.

There are perhaps but few of us, but at least in the course of a year each of us probably meets at least a thousand others, and each of us may to that extent be a centre for helping our own nation to see good in others, and thus, though it may be only in a small way, we may be able to smooth the path and make the way for union easier. Many people are constantly in the habit of speaking with narrow prejudice against the peculiarities of other nations; let us at least take care not to do this, but always bear in mind the importance of promoting friendly feeling. Do not let us despair when we think how little each one of us can do in the matter; let us rather remember that every little effort will be used by Those who are working from behind. No doubt the scheme will be carried out whether or not we take the privilege which is offered to us of helping in it; but that is no reason why we should not do our best.

Có lẽ chúng ta chỉ là ít ỏi, nhưng ít nhất trong một năm, mỗi người trong chúng ta có lẽ gặp được ít nhất một nghìn người khác, và ở mức độ đó mỗi chúng ta có thể là một trung tâm giúp cho chính dân tộc mình nhìn thấy điều tốt nơi các dân tộc khác, và nhờ vậy, dẫu chỉ trong một chừng mực nhỏ bé, chúng ta có thể làm con đường êm thuận và mở lối cho hiệp nhất dễ dàng hơn. Nhiều người quen thói nói năng với những định kiến hẹp hòi chống lại các nét riêng của dân tộc khác; chúng ta ít ra hãy cẩn thận đừng làm như vậy, mà luôn ghi nhớ tầm quan trọng của việc bồi đắp tình thân hữu. Đừng để chúng ta tuyệt vọng khi nghĩ đến sự bé nhỏ của những gì mỗi người có thể làm trong chuyện này; trái lại, hãy nhớ rằng mọi nỗ lực nhỏ nhoi đều sẽ được Những Vị đang làm việc từ phía sau sử dụng. Chắc hẳn đề án ấy sẽ được thực hiện dù chúng ta có hay không nhận lấy đặc ân được phụ giúp trong đó; nhưng đó không phải là lý do để chúng ta không cố gắng hết sức.

Nor is it only good people who are used in the promotion of the scheme. All sorts of forces are being used by the Great Brotherhood that stands behind to forward necessary work. Yes, even the very selfishness and the failings of men. “Blindly the wicked work the righteous will of heaven,” as Southey writes in Thalaba. And “All things work together for good to them that love God.” This was spoken as regards personal karma, but the same thing holds good in regard to greater and broader

Không chỉ những người tốt mới được sử dụng để xúc tiến đề án. Mọi loại mãnh lực đang được Huynh đệ Đoàn Vĩ Đại đứng phía sau dùng để đẩy công việc cần thiết tiến tới. Vâng, ngay cả tính vị kỷ và những thiếu sót của con người nữa. “Kẻ ác làm mù quáng ý chỉ công minh của trời,” như Southey đã viết trong Thalaba. Và “Mọi sự hiệp lại làm ích cho kẻ yêu mến Thượng đế.” Lời này được nói về nghiệp quả cá nhân, nhưng điều tương tự cũng đúng đối với các kế hoạch lớn hơn và bao quát hơn. Chẳng

schemes. For example, the bigotry of the Christian Church, evil though it is, has not been altogether valueless, for it has helped to develope strength of faith, since the ignorant cannot believe strongly without being bigoted. Self-seeking in commercial pursuits is evil also, yet it has in it a certain power which can be turned to account by those who stand behind, for it developes strength of will and concentration, qualities which in a future life may be put to most valuable uses.

hạn, tính cuồng tín của Giáo hội Cơ Đốc, tuy là điều xấu, nhưng không phải là hoàn toàn vô giá trị, vì nó đã giúp phát triển sức mạnh của đức tin, bởi người ngu dốt không thể tin mạnh nếu không cuồng tín. Tư lợi trong hoạt động thương mãi cũng là điều xấu, tuy vậy trong đó có một quyền năng nhất định có thể được Những Vị đứng sau chuyển dụng, vì nó phát triển sức mạnh của ý chí và sự tập trung, những phẩm tính mà trong một đời tương lai có thể được dùng vào những mục đích quý giá nhất.

We each have an opportunity to help in this scheme, to co-operate on the side of good. If we do not take the opportunity offered to us, another will, and if not that other, then another, but in any case the work will be done.

Mỗi người chúng ta có một cơ hội để góp phần vào đề án này, hợp tác về phía điều thiện. Nếu chúng ta không nắm lấy cơ hội được trao, sẽ có người khác nắm lấy, và nếu không phải người đó thì lại có người khác nữa; nhưng trong mọi trường hợp, công việc vẫn sẽ được hoàn tất.

We know that already some to whom the opportunity has been offered have cast it aside; but that is only all the more reason why we shou1d work with greater vigour, so as to atone for their defection—to do their share as well as our own. Never for a moment must we fear that because of such defection the work will be allowed to suffer. We cannot but regret that our poor friends should lose their opportunities—that from ignorance and lack of clear-sightedness they are working so sadly against their own interests. Yet remember that their folly is but temporary; they will awaken to the truth some day—if not in this life, then in some other. Meantime inside all is well, and the Great Work is going forward.

Chúng ta biết rằng đã có những người được trao cơ hội mà đã gạt nó sang một bên; nhưng đó càng là lý do để chúng ta làm việc với sức mạnh lớn hơn, hầu đền bù cho sự thoái thác của họ—làm phần việc của họ cũng như phần của chính mình. Không phút giây nào chúng ta được phép sợ rằng vì sự thoái thác như thế mà công việc sẽ bị để cho chịu thiệt hại. Chúng ta không thể không tiếc khi những người bạn tội nghiệp của mình đánh mất cơ hội—rằng vì ngu dốt và thiếu sáng suốt nên họ đang làm một cách buồn bã nghịch lại lợi ích của chính mình. Dẫu vậy, hãy nhớ rằng sự dại dột của họ chỉ là tạm thời; một ngày kia họ sẽ tỉnh ngộ với chân lý—nếu không trong đời này thì trong một đời khác. Trong khi đó, bên trong mọi sự đều ổn, và Đại Công Trình đang tiến bước.

The evolution of the world is, after all, like any other large undertaking. Think of the making of a railway, for instance. It does not matter to the railway company or to the future passengers which workman lays a certain rail or drives a certain bolt, so long as it is well and

Sự tiến hoá của thế giới, xét cho cùng, cũng giống như bất kỳ công việc lớn nào khác. Hãy nghĩ đến việc làm một tuyến đường sắt, chẳng hạn. Đối với công ty đường sắt hay đối với những hành khách tương lai, không hề quan trọng việc người thợ nào đặt một thanh ray

truly done; and the overseer will attend to that. It matters very much to the *workman*, for he who works receives the pay, while the other gets nothing. The overseer regrets it when a workman goes off in a fit of temper or of drunkenness and refuses to work for a day; but he thinks, "Never mind, he will come back tomorrow," and meantime he employs some one else. Many have left the work in just that way in an outburst of personality, but they will return. The question is not as to whether the work shall be done—the Masters will see to that in any case; it is only as to who will embrace the opportunity of doing it.

nhất định hay đóng một chiếc bu-lông nào đó, miễn là nó được làm đúng và tốt; và đốc công sẽ lo bảo đảm điều ấy. Điều đó lại rất quan trọng đối với *người thợ*, vì người làm việc thì nhận công, còn người kia thì không nhận gì cả. Đốc công lấy làm tiếc khi một người thợ bỏ việc vì cơn nóng giận hay say sưa và từ chối làm một ngày; nhưng ông nghĩ, "Không sao, ngày mai anh ta sẽ quay lại," và trong lúc đó ông thuê người khác. Nhiều người đã bỏ công việc đúng theo cách đó trong một cơn bộc phát của phàm ngã, nhưng họ sẽ trở lại. Vấn đề không phải là liệu công việc có được làm hay không—các Chân sư dù sao cũng sẽ lo liệu điều đó; vấn đề chỉ là ai sẽ nắm lấy cơ hội để làm nó.

Many people who contend bitterly against the right are merely showing that they are not yet fit to pass this test; they have not yet reached the stage where they can forget themselves utterly in the work; their personalities are still rampant, and so they are capable of being shocked and thrown off their balance, if some new fact comes before them. It is sad, of course, but it is only temporary; they have lost a good opportunity for this life, because they are not yet strong enough for it; but there are many lives yet to come. Meantime others will take their places. Never forget that one thing of importance is that the Masters' work should be done; let us at least be among those who are doing it now, even though there are many who cannot yet see clearly enough to help us. They repudiate the Masters for this life, like a naughty little boy who gets angry with his parents, and in a fit of passion runs away and hides himself; but presently hunger brings the naughty little boy home again, and in the same way hunger for the truth which they have once tasted will bring most of them back to the feet of the Masters in their next lives. Meantime let us stand firm, and fill our hearts with peace even in the midst of strife.

Nhiều người kịch liệt chống lại lẽ phải chỉ đang cho thấy rằng họ chưa sẵn sàng để vượt qua phép thử này; họ chưa đạt đến giai đoạn có thể quên mình hoàn toàn trong công việc; phàm ngã của họ vẫn còn hoành hành, và vì vậy họ có thể bị sốc và mất thăng bằng nếu một sự kiện mới nào đó đến trước họ. Tất nhiên điều đó đáng buồn, nhưng nó cũng chỉ là tạm thời; họ đã bỏ lỡ một cơ hội tốt cho đời này, vì họ chưa đủ mạnh mẽ cho nó; nhưng còn biết bao đời nữa trước mặt. Trong khi đó, người khác sẽ vào thay chỗ của họ. Đừng bao giờ quên rằng điều quan trọng là công việc của các Chân sư phải được hoàn thành; ít ra chúng ta hãy thuộc về những người đang làm nó ngay bây giờ, cho dù có nhiều người chưa đủ sáng suốt để giúp chúng ta. Họ chối bỏ các Chân sư trong đời này, như một cậu bé nghịch ngợm nổi giận với cha mẹ rồi, trong một cơn bốc đồng, bỏ chạy đi trốn; nhưng rồi cơn đói khiến cậu bé nghịch ngợm lại trở về nhà, và cũng vậy, cơn đói chân lý mà họ đã từng nếm sẽ đưa phần nhiều trong số họ trở về dưới chân các Chân sư trong những đời tới. Trong khi chờ đợi, chúng ta hãy đứng vững, và để bình an tràn đầy tâm chúng ta ngay giữa cảnh tranh đấu.

If we would rise to our opportunity we must rub down our corners and get rid of our awkward personalities, and forget them in encouraging good feeling in every possible way. If we hear something said against somebody else let us at once try to put the other side, and this both with regard to nations and individuals. Counterbalance the evil by speaking the good—not to give a false impression, but to give the best possible aspect or interpretation of the facts. Our work is to make the machine run smoothly, and neutralize the friction. Our aim is to be a united whole as a Society, and to help towards harmony in the outside world. The scheme is great, the opportunity glorious; shall we take it?

Nếu chúng ta muốn vươn lên với cơ hội của mình, chúng ta phải mài bớt các góc cạnh và khử đi những phàm ngã vụng về, quên chúng đi bằng cách cổ vũ tình cảm tốt đẹp bằng mọi cách có thể. Nếu nghe ai đó nói điều bất lợi về người khác, chúng ta hãy lập tức thử nêu mặt bên kia, và làm vậy cả đối với quốc gia lẫn cá nhân. Hãy cân bằng điều xấu bằng cách nói điều lành—không phải để tạo ấn tượng sai, mà để đưa ra diện mạo hay diễn giải tốt nhất có thể của các sự kiện. Công việc của chúng ta là làm cho bộ máy chạy êm, và trung hoà ma sát. Mục tiêu của chúng ta là trở thành một toàn thể hiệp nhất với tư cách một Hội, và góp phần vào sự hoà điệu trong thế giới bên ngoài. Kế hoạch thì lớn lao, cơ hội thì rực rỡ; chúng ta có nắm lấy chăng?

Yet beware lest you should make the idea of preparing yourself for grand work in the future an excuse for neglecting the minor opportunities of every-day life. A good example of what I mean is offered by a letter which I recently received, in which the writer says that he finds himself in the position of having to teach a Theosophical Branch, and that he feels it a great responsibility, of which he cannot think himself worthy because his knowledge is at present so imperfect. Now in reply to this I shall say:

Tuy nhiên, hãy coi chừng kẻo bạn biến ý tưởng chuẩn bị cho mình để làm công việc lớn lao trong tương lai thành cái cớ để bỏ bê những cơ hội nhỏ trong đời sống hằng ngày. Một ví dụ hay cho điều tôi muốn nói được nêu trong một bức thư tôi mới nhận, trong đó người viết nói rằng anh ta thấy mình đang ở vị trí phải giảng dạy cho một Chi bộ Thông Thiên Học, và anh cảm thấy đó là một trách nhiệm lớn, mà anh không thể nghĩ rằng mình xứng đáng vì tri thức của anh hiện còn quá khiếm khuyết. Giờ đây, đáp lại điều này, tôi sẽ nói:

Do not be in the least troubled about your position towards your Branch. Assuredly it is a responsibility to teach, but on the other hand it is a very great privilege. Think of it rather in this way, that here are number of hungry souls, and Those who stand behind have been so kind to you as to give you the opportunity of being the channel through which these can be fed. You have the broad principles of the teaching clearly in mind, and your own common sense will keep you from going far wrong in details. I admire your extreme consciousness, but if you keep these

Đừng bận tâm chút nào về vị trí của bạn đối với Chi bộ của bạn. Chắc chắn rằng giảng dạy là một trách nhiệm, nhưng mặt khác đó cũng là một đặc ân rất lớn. Hãy nghĩ theo cách này: ở đây có một số linh hồn đang đói, và Những Vị đứng đằng sau đã ưu ái trao cho bạn cơ hội làm kênh qua đó những người này có thể được nuôi dưỡng. Bạn có những nguyên tắc nền tảng của giáo lý một cách rõ ràng trong tâm, và lương tri của riêng bạn sẽ giữ cho bạn khỏi sai lạc nhiều trong phần tiểu tiết. Tôi trân trọng tâm thức sâu sắc của bạn, nhưng nếu bạn luôn đặt các nguyên tắc chủ đạo ấy trước mặt học trò

main principles steadily before your pupils, you are very little likely to go wrong in your teaching.

We all have the responsibility of which you speak, and those of us who have to write the books and give the lectures feel it far more acutely than you can imagine. Indeed we have sometimes been told by friends that we ought to have attained adeptship before we wrote any books, so that it might be quite certain that there should be no mistakes in them. I can only say that we decided to share our imperfect knowledge with our brothers, even while we still have very much to acquire; and I think that the result has justified our decision. If we had waited until we attained adeptship, it is true that our books would have been perfect—and they are very far from being perfect now—but then you see you would all have had to wait a thousand years or so for them, which would have made a considerable difference to the work of the Society in the present century. It seems to me that the problem that lies before you is an exactly similar one. You also might refrain from teaching until you knew everything; but what would become of your Branch in the meantime?

HELPING THE WORLD

One of the first qualifications which are required for the treading of the Path is single-mindedness or one-pointedness. Even worldly men succeed because they are one-pointed, and we can learn from them the value of determination on our own line. Our goal is not so tangible as theirs, so we have more difficulty in keeping the one-pointed attitude of mind; but in India the importance of the unseen is more easily realized than in the West. It is good to seek the company of those who are more advanced, to whom the realities

của mình, bạn rất ít có khả năng đi sai trong sự giảng dạy.

Tất cả chúng ta đều có trách nhiệm mà bạn nói đến, và những ai trong chúng ta phải viết sách và thuyết giảng còn cảm nhận nó sắc bén hơn nhiều so với điều bạn có thể tưởng. Quả thật đôi khi chúng tôi được bạn bè bảo rằng lẽ ra chúng tôi phải đạt địa vị chân sư trước khi viết bất kỳ cuốn sách nào, để có thể chắc chắn rằng trong đó sẽ không có sai lầm. Tôi chỉ có thể nói rằng chúng tôi đã quyết định chia sẻ tri thức chưa hoàn hảo của mình với các huynh đệ, ngay khi chúng tôi còn rất nhiều điều cần thâu đạt; và tôi nghĩ rằng kết quả đã chứng minh quyết định ấy của chúng tôi là đúng. Nếu chúng tôi đã chờ cho đến khi đạt địa vị chân sư, đúng là sách của chúng tôi sẽ hoàn hảo—và hiện giờ chúng còn rất xa mới hoàn hảo—nhưng rồi bạn thấy đó, tất cả các bạn hẳn phải chờ độ chừng một nghìn năm cho chúng, điều mà hẳn sẽ tạo nên một khác biệt đáng kể cho công việc của Hội trong thế kỷ hiện tại. Có vẻ với tôi rằng vấn đề đặt ra trước bạn hoàn toàn tương tự. Bạn cũng có thể thôi không giảng dạy cho đến khi bạn biết hết mọi điều; nhưng trong khi ấy, Chi bộ của bạn sẽ ra sao?

GIÚP THẾ GIỚI

Một trong những phẩm hạnh đầu tiên được đòi hỏi để bước trên Thánh Đạo là tính nhất tâm. Ngay cả người đời cũng thành công vì họ nhất tâm, và chúng ta có thể học nơi họ giá trị của quyết chí trên đường hướng của chính mình. Mục tiêu của chúng ta không cụ thể như của họ, nên chúng ta khó hơn trong việc giữ thái độ nhất tâm nơi thể trí; nhưng ở Ấn Độ, tầm quan trọng của cái vô hình dễ được nhận ra hơn là ở phương Tây. Tốt lành biết bao khi tìm kiếm sự bầu bạn của những người tiến xa hơn, đối với họ, thực tại của Thánh Đạo luôn

of the Path are constantly present; also to read and hear and think about our purpose frequently, and unwaveringly to practise the virtues by which alone the perfect knowledge can come to us.

luôn hiện tiền; cũng như thường xuyên đọc, nghe và nghĩ về mục đích của chúng ta, và kiên định thực hành những đức hạnh mà chỉ qua đó tri thức hoàn hảo mới có thể đến với chúng ta.

This an age of hurry and scurry; the tendency is for people to do a little of many things, but nothing thoroughly—to flutter from one thing to another. No man now devotes his life to a masterpiece, as was often done in the Middle Ages in Europe, in old days in India.

Đây là một thời đại vội vã hấp tấp; khuynh hướng là người ta làm một chút của nhiều việc, nhưng chẳng việc nào đến nơi đến chốn —bay lượn từ cái này sang cái khác. Giờ đây chẳng ai hiến trọn đời mình cho một tuyệt tác, như từng thường làm ở châu Âu thời Trung Cổ, ở những ngày xưa của Ấn Độ.

Occultism changes a man's life in many ways, but in none more than in this; it makes him absolutely one-pointed. Of course I do not mean that it causes him to neglect any duty that he used to do; on the contrary, the never-ceasing watch to fulfil every duty is its first prescription. But it gives him a keynote of life which is always sounding in his ears, which he never forgets for an instant—the key-note of helpfulness. Why? Because he learns what is the plan of the LOGOS, and tries to co-operate in it.

Huyền bí học thay đổi đời người theo nhiều cách, nhưng không điều nào hơn điều này; nó khiến người ta tuyệt đối nhất tâm. Tất nhiên tôi không có ý nói rằng nó khiến người ấy bỏ bê bất kỳ bổn phận nào mà y vốn làm; trái lại, sự canh chừng không nghỉ để chu toàn mọi bổn phận là đòi hỏi đầu tiên của nó. Nhưng nó ban cho y một chủ âm của đời sống luôn vang trong tai y, mà y không quên một sát-na nào— chủ âm của sự trợ giúp. Vì sao? Vì y học biết Thiên Cơ của Thượng đế là gì, và cố gắng hợp tác trong đó.

This involves many lines of action. To be able to help effectively he must make himself fit to help; hence he must undertake the most careful self-training, the elimination of evil qualities from himself, the development merit of good ones. Also he must maintain a constant watchfulness for opportunities to help.

Điều này bao hàm nhiều đường lối hành động. Để có thể giúp đỡ một cách hiệu quả, y phải làm cho mình xứng đáng để giúp; do đó y phải dấn thân vào sự tự huấn luyện kỹ lưỡng nhất, loại trừ các phẩm chất xấu khỏi chính mình, phát triển những phẩm tính tốt. Đồng thời y phải duy trì một sự tỉnh thức thường hằng để nhận ra các cơ hội giúp đỡ.

One special method of helping the world lies ready to the hand of members of our Society—that of spreading Theosophic truth. We have no right and no desire to force our ideas on any one, but it is our duty and our privilege to give people the opportunity of knowing the real explanation of the problems of life. If when the water of life is offered, a man will not

Một phương pháp đặc biệt để giúp thế giới nằm sẵn trong tay các hội viên của Hội chúng ta— ấy là truyền bá chân lý Thông Thiên Học. Chúng ta không có quyền cũng không có mong muốn nào để ép buộc ý tưởng của mình lên ai, nhưng đó là bổn phận và đặc ân của chúng ta khi trao cho mọi người cơ hội biết đến lời giải thích chân thực về các vấn đề của đời

drink, that is his own affair; but at least we should see that none perishes through ignorance of the existence of that water.

sống. Nếu khi nước sự sống được dâng mời mà một người không chịu uống, ấy là việc của riêng anh ta; nhưng ít ra chúng ta phải bảo đảm rằng không ai diệt vong vì không biết đến sự hiện hữu của nguồn nước ấy.

We have then this duty of spreading the truth, and nothing should be allowed to interfere with it. This is the work that as a Society we have to do, and we must remember that the duty is binding upon each of us. Our minds must be filled with it, we must be constantly thinking and planning for it, seizing every opportunity that offers. It is not for us to excuse ourselves because some other member seems to be doing nothing; that is his business, and we are in no way concerned in it; but if we ourselves neglect to do our very best, we are failing in our duty. It was not to illumine our own path that this glorious light came to us, but that we also in our turn might be light-bearers to our suffering brothers.

Như vậy, chúng ta có bổn phận truyền bá chân lý, và không điều gì được phép cản trở nó. Đây là công việc mà với tư cách một Hội chúng ta phải làm, và chúng ta phải nhớ rằng bổn phận ấy ràng buộc trên mỗi người chúng ta. Tâm trí chúng ta phải đầy dẫy điều đó, chúng ta phải không ngừng nghĩ suy và hoạch định cho nó, nắm lấy mọi cơ hội đưa đến. Không phải việc của chúng ta là viện cớ vì một hội viên nào đó dường như chẳng làm gì cả; ấy là chuyện của y, và chúng ta không liên can; nhưng nếu chính chúng ta xao lãng mà không dốc hết sức mình, là chúng ta đã thất bổn phận. Ánh sáng rực rỡ này đến với chúng ta không phải để soi riêng con đường của mình, mà để chúng ta cũng đến lượt mình trở thành những người khiêng đuốc cho các huynh đệ đang chịu khổ đau.

CRITICISM

CHỈ TRÍCH

If we wish to make any progress in occultism, we *must* learn to mind our own business and let other people alone. They have their reasons and their lines of thought which we do not understand. To their own Master they stand or fall. Once more, we have our work to do, and we decline to be diverted from it. We *must* learn charity and tolerance, and repress the mad desire to be always finding fault with someone else.

Nếu muốn tiến bộ chút nào trong huyền bí học, chúng ta *phải* học cách lo việc của mình và để cho người khác yên. Họ có những lý do và những đường lối suy nghĩ mà chúng ta không hiểu. Họ đứng hay ngã là trước Vị Thầy của chính họ. Một lần nữa, chúng ta có công việc của mình phải làm, và chúng ta khước từ bị xao lãng khỏi đó. Chúng ta *phải* học đức bác ái và bao dung, và nén lại ham muốn điên rồ luôn luôn tìm lỗi ở người khác.

It *is* a mad desire, and it dominates modern life —this spirit of criticism. Every one wants to interfere with somebody else's duty, instead of attending to his own; every one thinks he can do the other man's work better than it is being done. We see it in politics, in religion, in

Đó *là* một ham muốn điên rồ, và nó thống trị đời sống hiện đại—tinh thần chỉ trích này. Ai cũng muốn can thiệp vào bổn phận của người khác, thay vì chăm vào phần việc của mình; ai cũng nghĩ mình có thể làm công việc của người kia tốt hơn cách nó đang được làm. Ta

social life. For example the obvious duty of a Government is to govern, and the duty of its people is to be good citizens and to make that work of government easy and effective. But in these days people are so eager to teach their Governments how to govern that they forget all about their own primary duty of being good citizens. Men will not realize that if they will but do their duties, karma will look after the "rights" about which they are so clamorous.

thấy điều đó trong chính trị, trong tôn giáo, trong đời sống xã hội. Chẳng hạn, bổn phận hiển nhiên của một Chính phủ là cai quản, và bổn phận của dân chúng là làm những công dân tốt và làm cho công việc cai trị ấy trở nên dễ dàng và hữu hiệu. Nhưng ngày nay người ta sốt sắng dạy các Chính phủ cách cai trị đến nỗi họ quên mất bổn phận tiên quyết của chính mình là làm công dân tốt. Người ta không chịu nhận ra rằng nếu họ chỉ làm bổn phận của mình, thì nghiệp quả sẽ lo cho những "quyền lợi" mà họ ồn ào đòi hỏi như thế.

How comes this spirit of criticism to be so general and so savage at this stage of the world's history? Like most other evils, it is the excess of a good and necessary quality. In the course of evolution we have arrived at the fifth sub-race of the fifth root-race. I mean that that race is the latest yet developed, that its spirit is dominant in the world just now, and that even those who do not belong to it are necessarily much influenced by that spirit.

Sao tinh thần chỉ trích lại trở nên phổ biến và hung hăng đến vậy ở giai đoạn này của lịch sử thế giới? Như hầu hết các điều xấu khác, nó là sự thái quá của một phẩm chất tốt và cần thiết. Trong tiến trình tiến hoá, chúng ta đã đi tới giống dân phụ thứ năm của Giống dân gốc thứ năm. Ý tôi là giống dân ấy là giống dân mới nhất đã được phát triển, tinh thần của nó hiện đang chi phối thế giới, và ngay cả những người không thuộc về nó cũng nhất thiết chịu ảnh hưởng nhiều bởi tinh thần đó.

Now each race has its own special lessons to learn, its own special quality to unfold. The quality of the fifth-race is what is sometimes called manas—the type of intellect that discriminates, that notes the *differences* between thing. When it is perfectly developed, men will note these differences calmly, solely for the purpose of understanding them and judging which is best. But now, in this stage of half-development most people look for differences from their own point of view *not* in order to *understand* them but in order to *oppose* them—often violently to persecute them. It is simply the point of view of the ignorant and unevolved man, who is full of intolerance and self-conceit, absolutely sure that he is right (perhaps he may be up to a certain point) and that everybody else therefore must be entirely wrong—which

Nay mỗi chủng tộc đều có bài học riêng phải học, phẩm chất riêng phải mở bày. Phẩm chất của giống dân thứ năm là điều đôi khi được gọi là manas—loại trí tuệ phân biện, lưu ý tới những *khác biệt* giữa các sự vật. Khi nó được phát triển hoàn mãn, con người sẽ lưu ý những khác biệt này một cách bình thản, chỉ với mục đích thấu hiểu chúng và phán đoán cái nào là tốt hơn. Nhưng hiện nay, trong giai đoạn bán khai triển này, phần lớn người ta nhìn kiếm các khác biệt từ quan điểm riêng của mình *không* phải để *thấu hiểu* chúng mà để *chống lại* chúng—thường còn bức hại dữ dội nữa. Đó đơn thuần là quan điểm của người ngu dốt và kém tiến, vốn đầy bất khoan dung và tự phụ, hoàn toàn chắc chắn rằng mình đúng (có lẽ y đúng đến một mức nào đó) và vì vậy mọi người khác hẳn phải hoàn toàn sai—điều này không hề theo sau. Hãy nhớ Oliver Cromwell đã nói

does not follow. Remember that Oliver Cromwell said to his council: "Brethren, I beseech you in the sacred name of the Christ to think it possible that you may sometimes mistake!"

với hội đồng của ông: "Chư huynh đệ, tôi khẩn nài các ông nhân danh thiêng liêng của Đức Christ hãy nghĩ rằng có thể đôi khi các ông cũng lầm lẫn!"

We too must develop the critical faculty; but we should criticise *ourselves,* not others.

Chúng ta cũng phải phát triển năng lực phê phán; nhưng chúng ta nên chỉ trích *chính mình,* chứ không phải người khác.

There are always two sides to every question; generally more than two. *Kritein* means to judge; therefore criticism is useless and can only do harm unless it is absolutely calm and judicial. It is not a mad attack upon the opponent, but a quiet unprejudiced weighing of reasons for and against a certain opinion or a certain course of action. We may decide in one way, but we *must* recognize that another man of equal intellect may emphasize another aspect of the question, and therefore, decide quite otherwise. And yet in so deciding he may be just as good, just as wise, just as honest as we ourselves.

Mọi câu hỏi luôn có hai phía; thường là hơn hai. *Kritein* nghĩa là phán đoán; do đó, sự phê bình là vô ích và chỉ có thể gây hại trừ phi nó hoàn toàn bình thản và công minh. Nó không phải là một cuộc tấn công điên cuồng vào đối thủ, mà là một việc cân nhắc yên lặng và vô tư các lý do thuận và nghịch đối với một ý kiến hay một đường lối hành động nhất định. Chúng ta có thể quyết định theo một cách, nhưng chúng ta *phải* nhận ra rằng một người khác có trí tuệ ngang mình có thể nhấn mạnh một phương diện khác của vấn đề, và vì vậy quyết định hoàn toàn khác. Và rồi, trong quyết định như thế, y có thể tốt như chúng ta, khôn ngoan như chúng ta, lương thiện như chúng ta.

Yet how few recognize that; how few rabid protestants really believe Catholics to be good men; how few convinced redhot radicals really believe that an old Tory squire may be just as good and earnest a man as themselves, trying honestly to do what he thinks his duty!

Ấy vậy mà có bao người nhận ra điều đó; có bao người Kháng Cách cuồng nhiệt thật sự tin rằng người Công giáo là người tốt; có bao nhà cấp tiến sôi sục thật sự tin rằng một ông địa chủ Tory già có thể là người tốt lành và thành tâm như chính họ, đang chân thành cố làm điều y cho là bổn phận!

If a man comes to a decision different from our own we need not pretend to agree with him, but we must give him credit for good intentions. One of the worst features of modern life is its eager readiness to believe evil—its habit of deliberately seeking out the worst conceivable construction that can be put upon everything. And this attitude is surely at its very worst when adopted towards

Nếu một người đi đến một quyết định khác với chúng ta, chúng ta không cần phải giả vờ đồng ý với y, nhưng chúng ta phải ghi công cho y về thiện chí. Một trong những đặc điểm tệ hại nhất của đời sống hiện đại là sự sẵn sàng nôn nóng để tin điều ác—thói quen cố ý tìm cho bằng được cách diễn giải tệ hại nhất có thể gán cho mọi điều. Và thái độ này hẳn là tệ hại nhất khi được áp dụng đối với những bậc đã giúp

those who have helped us, to whom we owe thanks for knowledge or inspiration received. Remember the words of the Master: "Ingratitude is not one of our vices." It is always a mistake to rush madly into criticism of those who know more than we; it is more seemly to wait and think matters over, to wait and see what the future brings forth. Apply the test of time and the result; "By their fruits ye shall know them." Let us make a rule to think the best of every man; let us do our work and leave others free to do theirs.

chúng ta, những người mà chúng ta mắc ơn về tri thức hay cảm hứng đã nhận. Hãy nhớ lời của Vị Chân sư: "Vô ơn không phải là một trong các lỗi của chúng ta." Luôn luôn là sai lầm khi lao vào chỉ trích một cách điên cuồng những người biết nhiều hơn ta; hợp lẽ hơn là chờ đợi và nghĩ kỹ sự việc, chờ đợi và xem tương lai sẽ mang lại điều gì. Hãy áp dụng phép thử của thời gian và kết quả; "Cứ xem quả thì biết cây." Hãy đặt cho mình quy luật nghĩ tốt về mọi người; hãy làm công việc của chúng ta và để người khác tự do làm phần việc của họ.

PREJUDICE

Beware of the beginnings of suspicion: it will distort everything. I have seen it come between friends and noticed how a little suspicion soon grows into a giant misunderstanding. Every harmless word is distorted, and mistaken to be the expression of some unkind or improper motive, while all the time the speaker is utterly unconscious of the suspicion. It is the same when opinions differ about books or religion; a slight difference of opinion is fostered by dwelling upon all that tells on one's own side and against the other side, until the result is an absurdly distorted view. One finds it again with colour prejudice although those now wearing white bodies have worn brown ones and *vice versa,* and the habits of one have been or will be the habits of the other. Brotherhood means the getting rid of prejudices; knowledge of the fact of reincarnation ought to help us to overcome our limitations and uncharitableness.

We who are students of the higher life *must* rise above these prejudices. It is a difficult task, because they are ingrained—prejudices of race, of caste, of religion; but they *must* all be rooted out, because they prevent clear sight and true judgment. They are like coloured

THIÊN KIẾN

Hãy coi chừng mầm mống của nghi ngờ: nó sẽ bóp méo mọi sự. Tôi đã thấy nó chen vào giữa bạn bè và nhận thấy một chút nghi ngờ sớm lớn lên thành một sự hiểu lầm khổng lồ. Mọi lời vô hại đều bị bóp méo và bị hiểu lầm như là sự biểu hiện của một động cơ nào đó không tử tế hay không đúng đắn, trong khi suốt thời gian ấy, người nói hoàn toàn không hay biết về sự nghi ngờ đó. Điều tương tự xảy ra khi ý kiến bất đồng về sách hay tôn giáo; một khác biệt nhỏ trong ý kiến được nuôi dưỡng bằng cách chăm bẵm vào tất cả những gì có lợi cho phía mình và bất lợi cho phía kia, cho tới khi kết quả là một cái nhìn méo mó một cách vô lý. Người ta lại thấy điều đó với thiên kiến màu da—mặc dù những người hiện đang mang thân thể trắng đã từng mang thân thể nâu và *ngược lại,* và thói quen của bên này đã là hoặc sẽ là thói quen của bên kia. Tình huynh đệ có nghĩa là trừ khử các định kiến; tri thức về sự kiện tái sinh lẽ ra phải giúp chúng ta vượt qua các giới hạn và sự thiếu đức bác ái của mình.

Chúng ta, những đạo sinh của đời sống cao cả, *phải* vượt lên trên các định kiến ấy. Đó là một công việc khó, vì chúng ăn sâu—định kiến về chủng tộc, đẳng cấp, tôn giáo; nhưng tất cả những thứ ấy *phải* bị tận trừ, vì chúng ngăn cản cái nhìn trong sáng và phán đoán chân

glass—still more like cheap, imperfect glass; everything seen through them is distorted, often so much so as to look entirely different from what it really is. Before we can judge and discriminate we *must* see clearly.

thực. Chúng giống như kính màu—hơn nữa lại như kính rẻ tiền, méo mó; mọi thứ nhìn qua chúng đều bị biến dạng, thường đến mức trông hoàn toàn khác với cái vốn là. Trước khi có thể phán đoán và phân biện, chúng ta *phải* thấy cho rõ ràng.

It is always very easy to attribute some evil motive to others whom we have allowed ourselves to dislike, and to discover some evil explanation for their acts. This tendency forms a very serious impediment in the path of progress. We must tear away our own personalities, for only then shall we be at all able to see the other person as he is. A prejudice is a kind of wart upon the mental body, and of course when a man tries to look out through that particular part of the body he cannot see clearly. It is in reality a congested spot in the mental body, a point at which the matter is no longer living and flowing, but is stagnant and rotten. The way to cure it is to acquire more knowledge, to get the matter of the mental body into motion, and then one by one the prejudices will be washed away and dissolved.

Luôn luôn rất dễ gán một động cơ xấu xa nào đó cho những người mà ta đã cho phép mình không ưa, và bịa ra một lời giải thích ác ý cho các hành vi của họ. Khuynh hướng này tạo nên một chướng ngại rất nghiêm trọng trên con đường tiến bộ. Chúng ta phải xé bỏ phàm ngã của chính mình, vì chỉ khi đó ta mới có thể phần nào nhìn thấy người khác đúng như y là. Một định kiến là một thứ mụn cóc trên thể trí, và dĩ nhiên khi một người cố nhìn ra qua đúng phần thể đó, y không thể thấy rõ. Thực ra nó là một điểm ù lì trong thể trí, một điểm mà nơi đó chất liệu không còn sống động và lưu chuyển nữa, mà trì trệ và mục rữa. Cách chữa trị là thâu đạt thêm tri thức, làm cho chất liệu của thể trí vào chuyển động, và rồi từng định kiến một sẽ bị cuốn trôi và tiêu tan.

This evil effect of prejudice was what Aryasangha meant when he said, in *The Voice of the Silence,* that the mind was the great slayer of the real. By that he was drawing attention to the fact that we do not see any object as it is. We see only the images that we are able to make of it, and everything is necessarily coloured for us by these thought-forms of our own creation. Notice how two persons with preconceived ideas, seeing the same set of circumstances, and agreeing as to the actual happenings, will yet make two totally different stories from them. Exactly this sort of thing is going on all the time with every ordinary man, and we do not realize how absurdly we distort things.

Tác hại này của định kiến là điều mà Aryasangha muốn nói khi ông viết, trong *Tiếng Nói của Im Lặng,* rằng cái trí là kẻ đại sát chân thực. Bằng điều đó ông đang lưu ý đến thực tế rằng chúng ta không thấy bất kỳ đối tượng nào đúng như nó là. Ta chỉ thấy các ảnh tượng mà mình có thể tạo về nó, và mọi thứ tất yếu bị nhuộm màu đối với ta bởi những hình tư tưởng do chính ta tạo ra. Hãy để ý cách hai người mang định kiến sẵn có, cùng nhìn một chuỗi hoàn cảnh, và đồng ý với nhau về các diễn biến thực tế, vậy mà lại kể ra hai câu chuyện hoàn toàn khác nhau từ chúng. Chính loại việc này đang diễn ra liên tục với mọi người bình thường, và ta không nhận ra mình bóp méo mọi thứ lố bịch đến dường nào.

The duty of the Theosophical student is to learn to see things as they are, and this means control, vigilance and a very great deal of hard work. In the West, for example, people are very much prejudiced along religious lines, for we are born into a certain religion and sedulously taught that all others are superstitions. Our ideas therefore are biased from the first, and even when we do learn to know a little about other religions and respect them it would be difficult for us to imagine ourselves born into them. Those who are Hindus can scarcely think of themselves as being born as Christians or Muhammadans, and just in the same way the Christian or Muhammadan has an equal difficulty in thinking of himself as a Hindu or a Buddhist, although it is practically certain that in some past life he has been in one or other of these religions.

Many so-called protestant Christians will not even now trust a Roman Catholic, and the more ignorant people are, the greater is their distrust of that to which they are unaccustomed. The peasantry, for example, have an instinctive distrust of all foreigners, and there are many country places in England where, let us say, a Frenchman, unless in poverty and needing help, would certainly be regarded with suspicion. If he is hungry he will be fed, and treated with compassion; but let him come as a fellow-workman and all that he does will be criticised, laughed at, and suspected. Now of course all this comes from ignorance, and occurs because the peasantry are unaccustomed to meeting with foreigners.

The removal of such prejudice is one of the great advantages gained by an intelligent man when he travels. In the Theosophical Society men of different nations are being drawn much more closely together; Indians are learning to trust white people, and white

Bổn phận của đạo sinh Thông Thiên Học là học cách thấy sự vật như chúng là, và điều này đòi hỏi chế ngự, tỉnh thức và một khối lượng lao động nặng nề rất lớn. Ở phương Tây, chẳng hạn, người ta bị định kiến mạnh mẽ theo đường tôn giáo, vì chúng ta sinh ra trong một tôn giáo nhất định và được dạy dỗ cần mẫn rằng mọi tôn giáo khác đều là mê tín. Do đó, ý tưởng của chúng ta đã bị thiên lệch ngay từ đầu, và ngay cả khi ta học biết đôi chút về các tôn giáo khác và tôn trọng chúng thì ta vẫn khó mà tưởng tượng mình được sinh vào những tôn giáo ấy. Những người theo Ấn giáo hầu như khó nghĩ mình sinh ra làm tín đồ Cơ Đốc hay Hồi giáo, và tương tự như vậy, người Cơ Đốc hay Hồi giáo cũng gặp khó khăn ngang thế khi nghĩ mình là một người theo Ấn giáo hay Phật giáo, mặc dù thực tế gần như chắc chắn rằng trong một kiếp quá khứ nào đó y đã từng thuộc về một trong các tôn giáo ấy.

Nhiều người Cơ Đốc tự xưng là Kháng Cách đến nay vẫn không tin một người Công giáo La Mã, và càng ngu dốt bao nhiêu, người ta càng hoài nghi bấy nhiêu đối với cái mà họ không quen. Dân quê, chẳng hạn, có một sự nghi kỵ bản năng đối với mọi người ngoại quốc, và có nhiều vùng nông thôn ở Anh nơi mà, ta hãy nói, một người Pháp—trừ khi anh ta nghèo túng và cần giúp đỡ—chắc chắn sẽ bị nhìn với con mắt nghi ngờ. Nếu anh ta đói, anh sẽ được cho ăn và đối xử với lòng trắc ẩn; nhưng hãy để anh ta đến như một người thợ cùng làm, thì mọi điều anh làm sẽ bị chỉ trích, bị chế giễu, và bị ngờ vực. Dĩ nhiên tất cả những điều này xuất phát từ ngu dốt, và xảy ra vì dân quê không quen gặp gỡ người ngoại quốc.

Việc trừ khử những định kiến như vậy là một trong những lợi ích lớn mà người trí thức gặt hái được khi đi du lịch. Trong Hội Thông Thiên Học, những người thuộc các dân tộc khác nhau đang được kéo gần nhau hơn rất nhiều; người Ấn đang học tin vào người da trắng, và

people in turn are learning that Indians are much the same as themselves. I was working in Amsterdam during the Boer war, and though in Holland generally there was a strong feeling at the time against England, there was never the slightest trace of it among the Dutch Theosophical members. It is most interesting to attend one of the European Theosophical Conferences, and to see the really hearty good feeling which exists between men of different nations—how unfeignedly glad they are to see one another, and how they rejoice in one another's company. One sees at once that if such fellow-feeling as exists between the members of the Theosophical Society could only spread to a majority of their fellow-countrymen in the various nations, war would at once become a ridiculous impossibility.

người da trắng đến lượt mình đang học rằng người Ấn cũng chẳng khác mấy với họ. Tôi đã làm việc ở Amsterdam trong chiến tranh Boer, và mặc dù ở Hoà Lan nói chung lúc ấy có một cảm tình mạnh mẽ chống nước Anh, thì giữa các hội viên Thông Thiên Học người Hà Lan không hề có một dấu vết nhỏ nào của điều đó. Rất thú vị khi dự một Hội nghị Thông Thiên Học châu Âu, và thấy tình cảm thân ái thật lòng tồn tại giữa những người thuộc các dân tộc khác nhau—họ vui mừng không hề giả trá khi gặp nhau, và hân hoan trong bầu bạn của nhau. Người ta thấy ngay rằng nếu thứ tình đồng loại như tồn tại giữa các hội viên Hội Thông Thiên Học có thể lan rộng đến đa số đồng bào của họ trong các quốc gia khác nhau, thì chiến tranh lập tức sẽ trở nên một điều bất khả nực cười.

As things are now we form opinions on very slight grounds; you meet a person for the first time, and something that he says, or some trivial gesture, arouses in you a little dislike of him, so that there is a slight wall between you and him. This may seem an unimportant matter, yet if you are not careful that slight bias against the person will grow into a barrier which will for ever prevent you from understanding him. To a certain extent you see him through this thought-form that you have made, and you cannot see him correctly, for it is like looking through a twisted and coloured glass which distorts everything.

Trong hoàn cảnh hiện nay, chúng ta hình thành ý kiến trên những căn cứ rất mỏng manh; bạn gặp một người lần đầu, và điều gì đó y nói, hoặc một cử chỉ vặt vãnh nào, khơi lên trong bạn một chút ác cảm với y, đến nỗi có một bức tường mỏng giữa bạn và y. Điều này có vẻ nhỏ nhặt, nhưng nếu bạn không cẩn trọng, thiên lệch nhỏ bé ấy chống lại người đó sẽ lớn lên thành một bức rào cản mà sẽ vĩnh viễn ngăn bạn không thể hiểu y. Ở một mức độ nào đó, bạn nhìn y qua hình tư tưởng mà bạn đã làm, và bạn không thể thấy y một cách chính xác, vì nó như nhìn qua một tấm kính méo mó và có màu, thứ làm biến dạng mọi thứ.

Sometimes, but not so often, a prejudice is in favour of the person, as in the case of a mother who can see no harm in what her child does, even though he may seriously harm others. Now whether they be against a person or in favour of him, both of these are equally prejudices, mental delusions which slay the real. The best way to see truly is to begin determinedly to look always for the good in

Đôi khi, dù hiếm hơn, một định kiến lại nghiêng về phía có lợi cho người ấy, như trường hợp một người mẹ không thấy điều xấu nào trong những gì con mình làm, dẫu nó có thể gây hại nghiêm trọng cho người khác. Này, dù là chống lại một người hay nghiêng về phía y, cả hai đều đồng đẳng là định kiến, là những ảo tưởng của trí tuệ vốn giết chết cái thực. Cách tốt nhất để thấy chân thực là khởi sự, một

every one, as our prejudices are generally on the other side, and we are sadly prone to see the evil where none exists. We differ from other people in colour, in dress, in manners and customs, and in outer forms of religion, but all these are merely externals, and all that goes to make up the real man behind and beneath all this is much the same in us all. It is not after all so difficult to learn to look behind the outer shells in which people conceal themselves. Thereby they usually make the worst of themselves, for the main faults nearly always lie on the surface, and the real gold is often successfully concealed. One who aspires to make progress must overcome this blindness to the worth of others, this tendency to judge by surface characteristics.

cách quyết tâm, luôn tìm điều tốt nơi mọi người, vì các định kiến của chúng ta thường ở phía ngược lại, và chúng ta buồn thay dễ nghiêng thấy điều ác nơi nơi vốn chẳng có điều ác. Chúng ta khác nhau về màu da, y phục, phong thái và tập tục, và về các hình thức tôn giáo bên ngoài, nhưng tất cả những thứ đó chỉ là bề ngoài, và mọi điều hợp thành con người thực đằng sau và bên dưới tất cả những thứ ấy thì ở tất cả chúng ta rất tương đồng. Xét cho cùng, học cách nhìn xuyên qua vỏ ngoài mà người ta tự che đậy mình không quá khó. Bằng cách ấy, họ thường làm lộ ra điều tệ nhất của mình, vì các lỗi chính hầu như luôn nằm trên bề mặt, và vàng thật thì thường được che giấu khá kín. Người khao khát tiến bộ phải vượt thắng sự mù quáng này trước giá trị của người khác, khuynh hướng phán đoán theo đặc tính bề mặt này.

Remember that no one who desires to stand on the side of good as against evil can ever be refused the opportunity, no matter how ignorant or bigoted he may be. The Masters always take the good and use it wherever it appears, even if there is in the same man much that is bad also; and Their use of this force for good greatly helps the man who has generated it. For example, They will use the devotional force which is to be found even in a murderous fanatic, and thus They will allow him to do some good work and consequently to be helped.

Hãy nhớ rằng không một ai muốn đứng về phía thiện chống lại ác mà lại có thể bị từ chối cơ hội, bất kể y ngu dốt hay cuồng tín đến đâu. Các Chân sư luôn lấy điều tốt và sử dụng nó ở bất cứ nơi đâu nó xuất hiện, ngay cả khi nơi cùng một con người còn có nhiều điều xấu; và việc Các Ngài sử dụng mãnh lực này vì điều thiện giúp ích rất nhiều cho chính người đã phát ra nó. Chẳng hạn, Các Ngài sẽ sử dụng mãnh lực sùng tín vốn có ngay cả nơi một kẻ cuồng tín sát nhân, và như thế Các Ngài sẽ cho phép y làm đôi chút công việc thiện và do đó được trợ giúp.

We also should imitate the Great ones; we should always try to take the good in everything and everybody. Do not look for and accentuate the evil in any one, but select and emphasize the good. Go on doing your own work to the best of your ability, and do not trouble yourself about the work of another, or about how he is doing it. Even if other people make difficulties in your way, climb over them and do not worry; they are your karma,

Chúng ta cũng nên noi theo các Đấng Cao Cả; chúng ta phải luôn cố gắng đón lấy điều tốt trong mọi sự và mọi người. Đừng kiếm tìm và làm nổi bật điều ác nơi bất kỳ ai, nhưng hãy chọn lấy và nhấn mạnh điều thiện. Cứ làm công việc của riêng bạn tốt hết khả năng, và đừng bận lòng về công việc của người khác, hay về cách y đang làm. Dù người khác có gây khó cho bạn trên đường, cứ trèo qua chúng và đừng lo lắng; chúng là nghiệp quả của bạn, và

and after all these things from outside do not really matter. Do not make the mistake of thinking that others are trying to thwart your good purposes. All these people are much like yourself, think of it—would you deliberately choose to do a wicked thing like that?

sau hết, những điều từ bên ngoài ấy không thực sự quan trọng. Đừng mắc sai lầm nghĩ rằng người khác đang cố phá hỏng mục đích tốt đẹp của bạn. Tất cả những người này rất giống như chính bạn, hãy nghĩ thử xem—liệu bạn có cố tình chọn làm một việc độc ác như thế không?

CURIOSITY

TÒ MÒ

Be so centred in your work that you have no time to find fault with others, or to pry into their affairs. If only each man would mind his own business the world would be infinitely happier.

Hãy tập trung đến mức bạn không còn thì giờ để bắt lỗi người khác, hay dòm ngó việc của họ. Nếu mỗi người chỉ lo việc của mình, thế giới sẽ hạnh phúc vô cùng.

This prying into other people's affairs works much of evil, and it is quite accurate to say that the person who does it is suffering from a disease. The man who is prying is not usually doing it for the purpose of helping, but simply to satisfy his curiosity about something which does not concern him, which is symptomatic of his disease. Another symptom is that the man cannot keep to himself the information which he has so nefariously acquired, but must everlastingly be pouring it out to others as foolish and as wicked as himself. For it is wicked beyond all doubt, this gossip—one of the wickedest things in the world. Ninety-nine times out of a hundred what is said is an absolute fabrication, but it does an enormous amount of harm.

Thói dòm ngó vào việc của người khác gây ra rất nhiều điều ác, và nói rằng người làm điều ấy đang mắc một căn bệnh là hoàn toàn chính xác. Người tọc mạch thường không hề làm vậy với mục đích giúp đỡ, mà chỉ để thoả mãn tính tò mò về chuyện chẳng dính líu gì đến y, điều vốn là triệu chứng của căn bệnh y mắc. Một triệu chứng khác là người ấy không thể giữ cho riêng mình những thông tin mà y đã thu được bằng cách xấu xa như vậy, mà cứ hết lần này đến lần khác tuôn nó ra cho những kẻ khác ngu xuẩn và độc ác như chính y. Bởi vì điều này là độc ác vượt quá mọi hồ nghi—chuyện ngồi lê đôi mách—một trong những điều độc ác nhất trên đời. Chín mươi chín lần trong một trăm, những gì được nói ra là bịa đặt hoàn toàn, nhưng nó gây ra một lượng tác hại khổng lồ.

It is not only the damage done to another person's reputation; that is the least part of the evil. The gossip and his pestilential cronies perpetually make thought-forms of some evil quality which they choose to attribute to their victim, and then proceed to hurl them upon him in an unceasing stream. The natural effect of this will be to awaken in him the evil quality of which they accuse him, if there is

Không chỉ là thiệt hại gây ra cho thanh danh của người khác; đó còn là phần nhỏ nhất của điều ác. Kẻ buôn chuyện và đồng bọn ô uế của y liên tục tạo ra những hình tư tưởng về một phẩm chất ác nào đó mà họ chọn để gán cho nạn nhân của mình, rồi liên tiếp ném chúng vào y. Tác dụng tự nhiên của điều này sẽ là đánh thức nơi y phẩm chất ác mà họ buộc tội, nếu trong bản chất y có bất cứ gì đáp ứng được

anything at all in his nature which will respond to their malicious efforts. In the one case out of a hundred in which there is some truth in their spiteful prattle, their thought-forms intensify the evil, and so they pile up for themselves a store of the terrible karma which comes from leading a brother into sin. Theosophists especially should be careful to avoid these evils, because many of them are making some effort in the direction of developing psychic powers, and if they should use those for the purpose of prying into other people's affairs or for sending evil thoughts to them, their karma would be of the most terrible nature.

những nỗ lực hiểm độc của họ. Còn trong một lần hiếm hoi trong trăm lần mà có đôi chút sự thật trong lời nói xấu độc của họ, các hình tư tưởng của họ sẽ làm tăng cường cái ác, và như vậy họ chất chứa cho mình một kho nghiệp quả khủng khiếp vì đã dẫn một huynh đệ vào tội lỗi. Người Thông Thiên Học nhất là phải cẩn trọng tránh những điều ác này, vì nhiều người trong họ đang nỗ lực ít nhiều theo hướng phát triển quyền năng thông linh, và nếu họ dùng những quyền năng ấy để dòm ngó việc của người khác hay để gửi các tư tưởng ác đến họ, nghiệp quả của họ sẽ thuộc loại khủng khiếp nhất.

Never speak unless you know, and not even then unless you are absolutely certain that some definite good will come of it. Before you speak ask yourself about what you are going to say: "Is it true? Is it kind? Is it useful?" And unless you can answer these three questions in the affirmative, your duty is to remain silent. I am well aware that an absolute following of this rule would reduce the conversation of the world by about ninety per cent, but that would be an unspeakable advantage, and the world would advance much more rapidly.

Đừng bao giờ nói trừ phi bạn biết rõ, và ngay cả khi đó cũng đừng nói nếu bạn không hoàn toàn chắc chắn rằng sẽ có một điều thiện xác định nảy sinh từ đó. Trước khi nói, hãy tự hỏi về điều bạn sắp nói: "Nó có đúng không? Nó có tử tế không? Nó có hữu ích không?" Và trừ phi bạn có thể trả lời cả ba câu hỏi này bằng khẳng định, bổn phận của bạn là im lặng. Tôi biết rõ rằng nếu theo sát tuyệt đối quy tắc này thì cuộc chuyện trò trên đời sẽ giảm đi khoảng chín mươi phần trăm, nhưng đó sẽ là một điều lợi không sao nói xiết, và thế giới sẽ tiến nhanh hơn nhiều.

When we understand the underlying unity of all we cannot be otherwise than helpful, we cannot stand aside from our brother's sorrow. Of course there may be many cases where physical aid is impossible, but at least we can always give the help of sympathy, compassion and love, and this is clearly our duty. For a man who realizes Theosophy harshness is impossible. Any member who acts roughly or coarsely is failing in his Theosophy, and if he fails in patience he is failing in comprehension. To understand all is to forgive all, to love all. Every man has his own point of view, and the shortest road for one

Khi chúng ta thấu hiểu nhất thể nền tảng của vạn hữu, chúng ta không thể không trở nên trợ giúp; chúng ta không thể đứng ngoài trước nỗi sầu muộn của huynh đệ mình. Tất nhiên có thể có nhiều trường hợp sự trợ giúp vật chất là bất khả, nhưng ít ra ta luôn có thể trao sự giúp đỡ của cảm thông, từ bi và tình thương, và rõ ràng đó là bổn phận của ta. Với người thấu triệt Thông Thiên Học, sự thô bạo là bất khả. Bất kỳ hội viên nào hành xử thô lỗ hay cộc cằn là đang thất bại trong Thông Thiên Học của mình, và nếu y thất bại trong nhẫn nại, y thất bại trong thấu hiểu. Hiểu tất cả là tha thứ tất cả, là yêu tất cả. Mỗi người đều có quan điểm riêng, và

man is not by any means necessarily the best for another. Every man has a perfect right to take his own evolution in hand in his own way, and to do with regard to it what he chooses, so long as he does not cause suffering or inconvenience to any one else. It is emphatically not our business to try to put everybody right, but only to see that all is right on our side in our relation with others. Before we undertake an effort to force someone else into our path it will be best for us carefully to examine *his,* for it may be better for him. We ought to be always ready to help freely to the fullest extent of our power, but we ought never to interfere.

con đường ngắn nhất đối với người này tuyệt nhiên không nhất thiết là con đường tốt nhất cho người khác. Mỗi người có quyền trọn vẹn để tự cầm nắm sự tiến hoá của mình theo cách riêng, và xử trí liên hệ đến điều đó theo điều y chọn, miễn là y không gây khổ đau hay phiền toái cho bất cứ ai khác. Nhấn mạnh rằng không phải việc của chúng ta là cố gắng uốn nắn tất cả mọi người cho đúng, mà chỉ là để bảo đảm rằng mọi điều đều đúng về phía chúng ta trong mối liên hệ với người khác. Trước khi khởi sự một nỗ lực để ép ai đó đi vào đường của chúng ta, tốt hơn hết là chúng ta cẩn thận xem xét *con đường của y,* vì nó có thể tốt hơn đối với y. Chúng ta phải luôn sẵn sàng giúp đỡ một cách tự do đến tận mức năng lực của mình, nhưng không bao giờ được can thiệp.

KNOW THYSELF

The old Greek saying *Gnothi seauton,* know thyself, is a fine piece of advice, and self-knowledge is absolutely necessary to any candidate for progress. And yet we must beware lest our necessary self-examination should degenerate into morbid introspection, as it often does with some of the best of our students. Many people are constantly worrying themselves lest unawares they should be "sliding back," as they call it. If they understood the method of evolution a little better they would see that no one can slide back when the whole current is moving steadily forward.

HÃY TỰ BIẾT MÌNH

Câu nói cổ của người Hy Lạp *Gnothi seauton,* hãy tự biết mình, là một lời khuyên tuyệt vời, và tự tri là điều tuyệt đối cần thiết cho bất kỳ ứng viên nào muốn tiến bộ. Nhưng chúng ta cũng phải coi chừng kẻo việc tự xét cần thiết ấy lại thoái hoá thành sự soi xét bệnh hoạn, như nó thường làm nơi một số đạo sinh tốt nhất của chúng ta. Nhiều người liên tục lo lắng rằng họ có thể "trượt lùi" mà không hay, như cách họ gọi. Nếu họ hiểu phương pháp của tiến hoá tốt hơn chút nữa, họ sẽ thấy rằng chẳng ai có thể trượt lùi khi cả dòng thác đang chảy đều về phía trước.

As a torrent comes rushing down a slope, many little eddies are formed behind rocks, or perhaps where the water is whirling round and round, and therefore for the moment some of it is moving backward; but yet the whole body of water, eddies and all, is being swept on in the rush of the torrent, so that even that which is apparently moving

Như một dòng thác tuôn ào ạt xuống dốc, nhiều vòng xoáy nhỏ hình thành sau các phiến đá, hoặc ở nơi nước xoáy vòng vòng, và vì thế trong khoảnh khắc nào đó, một phần nước đang chảy ngược; nhưng toàn khối nước, cả các vòng xoáy nữa, vẫn đang bị cuốn đi theo dòng thác đổ, đến nỗi ngay cả phần nước dường như đang chảy ngược so với phần còn

backwards in relation to the rest of the stream is really being hurried forward along with the rest. Even the people who are doing nothing towards their evolution, and let everything go as it will, are all the while gradually evolving, because of the irresistible force of the LOGOS which is steadily pressing them onwards; but they are moving so slowly that it will take them millions of years of incarnation and trouble and uselessness to gain even a step.

lại của dòng cũng thực ra đang bị giục lên phía trước cùng với cả khối. Ngay cả những người chẳng làm gì cho sự tiến hoá của mình, và để mọi thứ muốn ra sao thì ra, vẫn đang dần dần tiến hoá, vì quyền năng không thể cưỡng của Thượng đế đang đều đặn thúc đẩy họ tiến lên; nhưng họ di chuyển quá chậm đến nỗi sẽ phải mất hàng triệu năm lâm phàm và phiền não và vô ích để đạt được dù chỉ một bước.

The method in which this is managed is delightfully simple and ingenious. All the evil qualities in man are vibrations of the lower matter of the respective planes. In the astral body, for example, selfishness, anger, hatred, jealousy, sensuality, and all qualities of this kind are invariably expressed by vibrations of the lower type of astral matter, while love, devotion, sympathy, and emotions of that class are expressed only in matter of the three higher sub-planes. From this flow two remarkable results. It must be borne in mind that each sub-plane of the astral vehicle has a special relation to the corresponding sub-plane in the mental body; or to put it more accurately, the four lower sub-planes of the astral correspond to the four kinds matter in the mental body, while the three higher correspond to the causal vehicle.

Phương pháp dùng để xoay xở việc này thật giản dị và tài tình. Mọi phẩm chất xấu nơi con người đều là những rung động của loại chất thấp hơn của các cõi tương ứng. Ở thể cảm dục, chẳng hạn, vị kỷ, sân hận, thù ghét, ganh ty, tính dục, và tất cả các phẩm chất loại này luôn luôn được biểu lộ bằng những rung động của loại chất liệu cảm dục thấp, trong khi tình thương, sùng tín, cảm thông và những cảm xúc cùng loại chỉ được biểu lộ trong chất liệu của ba cõi phụ cao. Từ đây phát sinh hai kết quả đáng chú ý. Cần ghi nhớ rằng mỗi cõi phụ của thể cảm dục có liên hệ đặc biệt với cõi phụ tương ứng trong thể trí; hay nói chính xác hơn, bốn cõi phụ thấp của thể cảm dục tương ứng với bốn loại chất liệu trong thể trí, trong khi ba cõi phụ cao tương ứng với vận cụ nguyên nhân.

Therefore it will be seen that only higher qualities can be built into the causal body, since the vibrations created by the lower can find in it no matter which is capable of responding to them. Thence it emerges that while any good which the man developes within himself records itself permanently by a change in his causal body, the evil which he does and thinks and feels cannot possibly touch the real ego, but can only cause disturbance and trouble to the mental body, which is renewed for each fresh incarnation. Of course the result of this evil does store itself

Vì vậy, có thể thấy rằng chỉ các phẩm tính cao mới có thể được xây nhập vào thể nguyên nhân, vì những rung động do các phẩm chất thấp tạo ra không thể tìm thấy trong đó thứ chất liệu nào có thể đáp ứng với chúng. Từ đó hiển lộ rằng trong khi bất kỳ điều thiện nào mà con người phát triển trong chính mình đều tự ghi khắc một cách vĩnh viễn bằng một biến đổi trong thể nguyên nhân, thì điều ác mà y làm, nghĩ và cảm không thể nào chạm tới chân ngã thực sự, mà chỉ có thể gây khuấy động và phiền toái cho thể trí, vốn được đổi mới cho mỗi lần nhập thể mới. Dĩ nhiên, hậu quả của

in the mental and astral permanent atoms, and so the man has to face it over and over again, but that is a very different matter from taking it into the ego and making it really a part of himself.

điều ác đó có tích chứa trong các Nguyên tử trường tồn của thể trí và thể cảm dục, và như thế con người phải đối mặt với nó hết lần này sang lần khác, nhưng đó là chuyện rất khác so với việc mang nó vào chân ngã và biến nó thực sự thành một phần của chính mình.

The second remarkable result produced is that a certain amount of force directed towards good produces an enormously greater effect in proportion than the same amount of force directed towards evil. If a man throws a certain amount of energy into some evil quality it has to express itself through the lower and heavier astral matter; and while any kind of astral matter is exceedingly subtle as compared with anything on the physical plane, yet as compared with the higher matter of its own plane it is just as gross as lead is on the physical plane when compared with the finest ether.

Kết quả đáng chú ý thứ hai là một lượng mãnh lực nhất định hướng về điều thiện tạo ra một hiệu quả lớn lao vô chừng so với cùng lượng mãnh lực ấy nếu hướng về điều ác. Nếu một người ném một lượng năng lượng nào đó vào một phẩm chất ác, nó phải biểu lộ qua chất liệu cảm dục thấp và nặng; và trong khi bất cứ loại chất liệu cảm dục nào cũng cực kỳ vi tế so với bất cứ thứ gì trên cõi hồng trần, thì so với chất liệu cao hơn của chính cõi nó, nó lại thô lậu như chì trên cõi hồng trần khi so với loại dĩ thái tinh vi nhất.

If therefore a man should exert exactly the same amount of force in the direction of good, it would have to move through the much finer matter of these higher sub-planes and would produce at least a hundred times as much effect, or if we compare the lowest with the highest, probably more than a thousand times. Remember that even in addition to what has been said as to the effect of force in different grades of matter, we have the other great fact that the LOGOS Himself is by His resistless power steadily pressing the whole system onwards and upwards, and that, however slow this cyclic progression may seem to us, it is a fact which cannot be neglected, for its effect is that a man who accurately balances his good and evil comes back, not to the same actual position, but to the same relative position, and therefore even he has made some slight advance, and is as it were in a position just a little than that which he has actually deserved and made for

Vì vậy, nếu một người vận dụng đúng cùng lượng mãnh lực ấy theo hướng điều thiện, nó sẽ phải chuyển động qua chất liệu vi tế hơn nhiều của các cõi phụ cao này và sẽ tạo ra ít nhất một trăm lần hiệu quả, hoặc nếu ta so sánh thấp nhất với cao nhất, có lẽ hơn một nghìn lần. Hãy nhớ rằng ngoài những gì đã nói về tác dụng của mãnh lực trong các đẳng cấp chất liệu khác nhau, ta còn có một sự kiện vĩ đại khác là chính Thượng đế đang bằng quyền năng bất khả kháng của Ngài đều đặn thúc đẩy cả hệ thống tiến lên và hướng thượng, và rằng cho dù sự tiến trình chu kỳ này có vẻ chậm chạp đối với chúng ta, thì nó vẫn là một thực tại không thể bỏ qua; vì tác dụng của nó là một người cân bằng đúng mức điều thiện và điều ác sẽ trở lại không phải cùng vị trí thực tế, mà cùng vị trí tương đối, và do đó ngay cả y cũng đã có tiến một chút, và như thể ở trong một vị thế nhỉnh hơn đôi chút so với vị thế mà y thực sự đáng được và tự tạo cho mình.

himself.

It will be clear from these considerations that, if any one is so foolish as to want to get really backwards against the stream, he will have to work hard and definitely towards evil; there is no fear of "sliding" back. That is one of the old delusions which remains from the times of the belief in the orthodox devil, who was so much stronger than God that everything in the world was working in his favour. Really the exact opposite is the case, and everything round a man is calculated to assist him, if he only understands it.

Từ những cân nhắc này sẽ rõ ràng rằng, nếu ai đó ngu dại đến nỗi muốn thực sự lùi ngược dòng, y sẽ phải làm việc cật lực và dứt khoát theo hướng điều ác; không có sợ hãi nào về chuyện "trượt" lùi cả. Đó là một trong những ảo tưởng cũ còn sót lại từ thời người ta tin vào con quỷ theo tín điều chính thống, kẻ vốn mạnh hơn Thượng đế đến độ mọi thứ trên đời làm việc đều thuận lợi cho nó. Thực tế hoàn toàn ngược lại, và mọi điều quanh một con người đều được tính toán để trợ giúp y, nếu y chỉ hiểu nó.

So many of our most conscientious people are just like the child who has a little garden of his own, and constantly pulls up his plants to see how the roots are growing—with the result of course that nothing grows at all. We must learn not to think of ourselves personally, nor of our personal progress, but enter the path of development, go on working for others to the best of our ability, and trust our progress to take care of itself. The more a scientist thinks about himself the less mental energy he has for the problems of science; the more a devotee thinks about himself the less devotion has he to lavish upon his object.

Quá nhiều người tận tâm nhất của chúng ta giống như đứa trẻ có một mảnh vườn riêng, và liên tục nhổ cây của mình lên để xem rễ chúng mọc thế nào—với hệ quả, dĩ nhiên, là chẳng thứ gì mọc lên cả. Chúng ta phải học không nghĩ về mình như một cá nhân, cũng chẳng nghĩ về sự tiến bộ cá nhân của mình, mà bước vào con đường phát triển, tiếp tục làm việc cho người khác tốt hết khả năng, và phó mặc sự tiến bộ của mình cho chính nó. Một nhà khoa học càng nghĩ về bản thân bao nhiêu thì càng ít năng lượng trí tuệ để dành cho các vấn đề của khoa học bấy nhiêu; một người sùng tín càng nghĩ về mình, thì càng ít lòng sùng tín để dâng trọn cho đối tượng của mình.

Some self-examination is necessary, but it is a fatal mistake to spend too much time in self-examination; it is like spending all one's time in oiling and tinkering at the machinery. We use what faculties we have, and in the use of them others will develope and true progress will be made. If you are learning a language, for example, it is a mistake to try to learn it from books quite perfectly before you make any attempt to speak it; you must plunge into it, and make mistakes in it, and in the effort you will learn in due course to speak without mistake. So in the course of time what is called

Một ít tự xét là cần thiết, nhưng là sai lầm chết người nếu dành quá nhiều thời giờ cho việc tự xét; nó giống như bỏ cả thì giờ để tra dầu và vặt vãnh sửa chữa bộ máy. Chúng ta sử dụng những năng lực mình đang có, và trong việc sử dụng chúng, các năng lực khác sẽ phát triển và tiến bộ đích thực sẽ được tạo ra. Nếu bạn đang học một ngôn ngữ, chẳng hạn, thì là sai lầm nếu cố gắng học nó thật hoàn hảo từ sách trước khi thử nói nó một chút nào; bạn phải đắm mình vào, và mắc lỗi với nó, và trong nỗ lực ấy bạn sẽ học được theo thời gian để nói mà không mắc lỗi. Vậy thì theo dòng thời gian,

renunciation will come naturally, and even easily. No doubt when men first attempt to live the higher life they do definitely renounce many things which are pleasures to others—which still have a strong attraction even for them; but soon the man finds that the attraction of such pleasures has ceased, and that he has neither time nor inclination for the lower enjoyments.

điều gọi là sự từ bỏ sẽ đến một cách tự nhiên, và thậm chí dễ dàng. Không hồ nghi gì, khi con người lần đầu tiên cố sống đời sống cao hơn, họ có từ bỏ dứt khoát nhiều điều vẫn là thú vui đối với kẻ khác—những điều vẫn còn có hấp lực mạnh mẽ ngay cả với họ; nhưng chẳng bao lâu người ấy sẽ nhận ra rằng hấp lực của các thú vui như thế đã chấm dứt, và y không còn thì giờ hay khuynh hướng cho các lạc thú thấp nữa.

Learn above all things not to worry. Be happy, and make the best of everything. Try to raise yourself and help others. Contentment is not incompatible with aspirations. Optimism is justified by the certainty of the ultimate triumph of good, though if we take only the physical plane into account it is not easy to maintain that position. One's attitude in this matter depends chiefly upon the level at which one habitually keeps one's consciousness. If it is centred chiefly in the physical plane one sees little but the misery, but when it becomes possible to centre it at a higher level the joy beyond always shines through. I know the BUDDHA said that life was misery, and it is quite true on the whole with regard to the manifested life down here, yet the Greeks and Egyptians managed to extract much joy even from this lower life by taking it from the philosophical point of view.

Hãy học trên hết mọi điều là đừng lo lắng. Hãy vui và tận dụng điều tốt nhất từ mọi sự. Cố gắng vươn mình lên và giúp đỡ kẻ khác. Sự mãn nguyện không hề mâu thuẫn với hoài bão. Lạc quan là chính đáng nhờ sự chắc chắn về thắng lợi tối hậu của điều thiện, dù nếu chúng ta chỉ tính đến cõi hồng trần thì không dễ để giữ vững lập trường ấy. Thái độ của mỗi người trong vấn đề này chủ yếu tùy thuộc vào cấp độ mà người ấy thường giữ tâm thức của mình. Nếu nó chủ yếu tập trung ở cõi hồng trần, người ta thấy chẳng nhiều gì ngoài khổ lụy; nhưng khi có thể tập trung nó ở một cấp độ cao hơn thì niềm vui bên kia luôn chiếu xuyên qua. Tôi biết Đức PHẬT đã nói đời là khổ, và nhìn chung điều ấy quả đúng đối với sự sống biểu lộ nơi đây; vậy mà người Hy Lạp và Ai Cập vẫn xoay sở rút tỉa nhiều niềm vui ngay từ đời sống thấp này khi nhìn nó từ quan điểm triết học.

We never lose anything by making the best of things, but gain very much in happiness and in the power of making others happy. As our sympathy and our love grow we shall be able to receive within ourselves all the streams of emotion and of thought which come to us from others, and yet we shall remain within ourselves unaffected, calm and joyous, like the great ocean which receives the waters of many rivers and yet remains always in equilibrium.

Chúng ta không bao giờ mất mát gì khi tận dụng tốt mọi sự, mà còn được rất nhiều hạnh phúc và thêm năng lực làm người khác hạnh phúc. Khi lòng cảm thông và tình thương của chúng ta lớn dần, chúng ta sẽ có thể đón nhận vào trong mình mọi dòng cảm xúc và tư tưởng đến với ta từ người khác, thế mà ta vẫn ở trong chính mình bất động, bình thản và hoan hỷ, như đại dương mênh mông đón nhận nước của muôn sông mà vẫn luôn quân bình.

The inner life of an aspirant ought not to be one of continual oscillation. Outer moods change constantly because they are affected by all sorts of outside influences. If you find yourself depressed, it may be due to any one of half-a-dozen reasons, none of them of any real importance. The physical body is a fertile source of such ills; a trifling indigestion, a slight congestion in the circulation, or a little over-fatigue may account for many conditions which *feel* quite serious. Even more frequently depression is caused by the presence of some astral entity who is himself depressed, and is hovering round you either in search of sympathy or in the hope of drawing from you the vitality which he lacks. We must simply learn to disregard depression altogether—to throw it off as a sin and a crime against our neighbors, which it really is; but, anyhow, whether we can succeed fully in dispersing its clouds or not we must learn simply to go on as though it were not there.

Đời sống nội tâm của một người chí nguyện không nên là một sự dao động liên miên. Tâm cảnh bên ngoài đổi thay không ngừng vì bị tác động bởi muôn vàn ảnh hưởng từ bên ngoài. Nếu bạn thấy mình u uất, có thể là do bất kỳ một trong dăm ba nguyên do, mà chẳng cái nào thật sự quan trọng. Thể xác là nguồn phì nhiêu của những chứng trạng như thế; một cơn rối loạn tiêu hóa vặt, một sự ứ trệ nhẹ trong tuần hoàn, hay một chút quá mệt cũng có thể giải thích nhiều tình trạng *cảm thấy* hết sức nghiêm trọng. Thậm chí thường hơn, buồn bã sinh ra do sự hiện diện của một thực thể cảm dục vốn tự y cũng đang u uất, lảng vảng quanh bạn hoặc để tìm cảm thông, hoặc mong rút từ bạn sinh lực mà y thiếu. Chúng ta phải học cách đơn giản là hoàn toàn không đếm xỉa tới u uất—quẳng nó đi như một tội lỗi và tội ác đối với đồng loại, vốn đúng là như thế; nhưng dẫu sao, dù ta có thành công trọn vẹn trong việc làm tan mây mù của nó hay không, ta cũng phải học cách đơn giản là tiếp tục như thể nó không hề ở đó.

Your mind is your own mind, into which you should allow entrance only to such thoughts as you, the ego, choose. Your astral body is also your own, and you should not allow in it any sensations except those which are good for the higher self. So you must manage these vibrations of depression, and absolutely decline to give harbourage to them. They must not be allowed to impinge upon you. If they do so impinge they must not be permitted to effect a lodgment. If, to some slight extent, in spite of your efforts, they do hang about you, then it is your duty to ignore them and to let no one else know that they even exist.

Trí của bạn là trí của riêng bạn, vào đó bạn chỉ nên cho phép những ý nghĩ mà bạn, chân ngã, chọn lựa. Thể cảm dục của bạn cũng là của riêng bạn, và bạn không nên cho phép trong đó những cảm thọ nào ngoài những gì tốt cho chân ngã. Cho nên bạn phải xử lý những rung động u uất này, và dứt khoát khước từ chỗ trú ngụ cho chúng. Không được cho phép chúng chạm vào bạn. Nếu chúng có chạm được thì không được cho phép chúng bám trụ. Nếu trong một mức độ ít ỏi nào đó, bất chấp nỗ lực của bạn, chúng vẫn lảng vảng quanh bạn, vậy thì bổn phận của bạn là phớt lờ chúng và đừng để ai biết rằng chúng thậm chí có tồn tại.

Sometimes people tell me they have had moments of splendid inspiration and exaltation, and glowing devotion and joy. They do not realize that these are precisely the

Đôi khi người ta nói với tôi họ đã có những khoảnh khắc đầy cảm hứng rạng ngời và thăng hoa, cùng lòng sùng mộ cháy sáng và hoan lạc. Họ không nhận ra rằng đó chính là

moments when the higher self succeeds in impressing himself upon the lower, and that all that which they feel is *there all the time*, but the lower self is not always conscious of it. Realize by reason and by faith that it is always there, and it becomes as though we felt it, even in the time when the link is imperfect and down here we feel it not.

những lúc chân ngã thành công trong việc in ấn chính mình lên hạ ngã, và rằng tất cả những gì họ cảm nhận *vẫn ở đó suốt thời gian,* nhưng hạ ngã không phải lúc nào cũng ý thức được. Hãy nhận biết bằng lý trí và bằng niềm tin rằng nó luôn ở đó, và như thế nó trở thành như thể chúng ta cảm thấy nó, ngay cả vào lúc mối liên kết còn bất toàn và nơi đây chúng ta chưa cảm được nó.

But many a man, while admitting the truth of this in the abstract, yet says that he cannot perpetually feel this happiness because of his own defects and constant failures. His attitude in fact is very much that adopted in the litany: "Have mercy upon us miserable sinners." Now we are all sinners in the sense that we all fall short of what we ought to do, and constantly do what we ought not to do, and constantly do what we ought not to do but there is no need to aggravate the offense by being *miserable* sinners. A miserable person is a public nuisance, because he is a centre of infection, and is spreading misery and sorrow all round upon his unfortunate neighbours—a thing which no man has a right to do. Any man with just the same feelings, who contrives to keep himself reasonably happy even while making determined efforts to reform, is not injuring others in at all the same way.

Nhưng nhiều người, dù thừa nhận chân lý này một cách trừu tượng, vẫn nói rằng y không thể mãi mãi cảm nhận hạnh phúc ấy vì những khiếm khuyết và thất bại thường hằng của chính mình. Thái độ của y thực ra rất giống với lời van nài trong kinh nguyện: "Xin thương xót chúng con là những tội nhân khốn khổ." Giờ đây, chúng ta đều là tội nhân theo nghĩa rằng tất cả đều chưa làm tròn điều phải làm, và liên tục làm điều không nên làm, nhưng không cần làm trầm trọng thêm lỗi lầm bằng cách trở thành những tội nhân *đáng thương*. Một người đáng thương là một mối phiền toái công cộng, vì y là một trung tâm lây nhiễm, đang gieo rắc khổ lụy và sầu não lên những người láng giềng bất hạnh quanh mình—một điều mà không ai có quyền làm. Bất kỳ ai có đúng những cảm xúc tương tự, mà vẫn xoay sở giữ cho mình tương đối vui tươi ngay cả khi nỗ lực quyết liệt để tự cải hóa, thì không gây tổn hại cho người khác theo cách như thế.

People who think and speak of themselves as miserable worms are going exactly the right way to make themselves miserable worms, for what a man thinks, that he is. All such talk is usually hypocrisy, as you may easily see from the fact that the man who so readily calls himself a miserable worm in church would feel distinctly insulted if anybody else called him so in ordinary daily life. And whether it is hypocritical or not it is certainly nonsense, for we passed the reptilian stage of evolution long ago, if we ever were in it. Anyone who

Những kẻ nghĩ và nói về mình như những con sâu bọ khốn khổ đang đi đúng con đường khiến mình trở thành sâu bọ khốn khổ, vì người nghĩ gì thì người đó là thế. Tất cả lời lẽ như thế thường là giả dối, như bạn dễ thấy từ sự kiện rằng kẻ dễ dàng gọi mình là "con sâu bọ khốn khổ" trong nhà thờ sẽ cảm thấy bị xúc phạm rõ ràng nếu ai khác gọi y như vậy trong đời sống thường nhật. Và dù có giả dối hay không thì chắc chắn đó cũng là điều vô nghĩa, vì chúng ta đã vượt qua giai đoạn bò sát trong tiến hoá từ lâu rồi, nếu thực ra chúng ta từng ở

understands at all the influence of thought will realize that a man who really thinks himself a miserable worm has already deprived himself of any power of rising out of that state, while the man who realizes strongly that he is a spark of the divine life will feel ever hopeful and joyous, because in essence the divine is always joy. It is a great mistake to waste time repentance; what is past is past, and no amount of remorse can undo it. As one of our own Masters once said, "The only repentance that is worth anything whatever is the resolve not to do it again."

trong đó. Ai hiểu chút ít về ảnh hưởng của tư tưởng sẽ nhận ra rằng kẻ thực sự nghĩ mình là con sâu bọ khốn khổ đã tự tước mất mọi năng lực vươn ra khỏi trạng thái ấy, trong khi người nhận thức mạnh mẽ rằng mình là một tia lửa của sự sống thiêng liêng sẽ luôn cảm thấy hy vọng và hoan hỷ, bởi về bản thể, cái thiêng liêng luôn là hoan lạc. Lãng phí thời gian cho "ăn năn hối lỗi" là một sai lầm lớn; điều đã qua là đã qua, và không một mớ dằn vặt nào có thể đảo ngược. Như một trong các Chân sư của chúng ta từng nói: "Sự ăn năn duy nhất đáng giá bất cứ điều gì là quyết tâm không tái phạm."

ASCETICISM

Some mistaken ideas seem prevalent among our members upon the subject of asceticism, and it may be worth while to consider what it really is, and how far it may be useful. The word is usually taken to signify a life of austerities and of mortification of the body, though this is somewhat of a departure from the original meaning of the Greek word asketes, which is simply one who exercises himself as an athlete does. But ecclesiasticism impounded the word and changed its sense, applying it to the practice of all sorts of self-denial for the purpose of spiritual progress, on the theory that the bodily nature with its passions and desires is the stronghold of the evil inherent in man since the fall of Adam, and that it must therefore be suppressed by fasting and penance. In the grander Oriental religions we sometimes encounter a similar idea, based on the conception of matter as essentially evil, and following from that the deduction that an approach to ideal good or an escape from the miseries of existence can be effected only by subduing or torturing the body.

KHỔ HẠNH

Có vẻ như đang phổ biến giữa các hội viên của chúng ta một số quan niệm sai lầm về chủ đề khổ hạnh, và có lẽ đáng để xem xét thực chất của nó là gì, và nó hữu ích đến đâu. Từ này thường được hiểu là đời sống khắc khổ và hành xác, tuy điều đó có phần xa rời ý nghĩa nguyên thủy của từ Hy Lạp "asketes", vốn chỉ đơn giản là người tự rèn luyện như vận động viên. Nhưng chủ nghĩa giáo sĩ đã chiếm dụng từ này và đổi nghĩa của nó, áp dụng vào việc thực hành đủ loại tự phủ nhận nhằm mục đích thăng tiến tinh thần, dựa trên thuyết cho rằng bản chất thân xác với dục tình và ham muốn là thành lũy của ác vốn hữu trong con người từ sau khi Adam sa ngã, và vì thế phải bị chế ngự bằng ăn chay khổ hạnh và đền tội. Trong các tôn giáo phương Đông cao cả, đôi khi ta cũng gặp một quan niệm tương tự, dựa trên ý niệm cho rằng vật chất vốn dĩ là ác, và từ đó suy ra rằng sự tiếp cận đến thiện lý tưởng hoặc thoát khỏi thống khổ của hiện hữu chỉ có thể thực hiện bằng cách khuất phục hay hành hạ thân xác.

The student of Theosophy will at once see that

Đạo sinh của Thông Thiên Học sẽ lập tức thấy

in both these theories there is dire confusion of thought. There is no evil inherent in man except such as he has himself generated in previous births; nor is matter essentially evil, since it is just as much divine as is spirit, and without it all manifestation of the Deity would be impossible. The body and its desires are not in themselves evil or good, but it is true that before real progress can be made they must be brought under the control of the higher self within. To torture the body is foolish; to govern it is necessary. "The men who perform severe austerities..... unintelligent, tormenting the aggregated elements forming the body, and Me also, seated in the inner body—know these demoniacal in their resolves." *(Bhagavad-Gita,* xvii. 5,6.) And again, "The austerity done under a deluded understanding, with self-torture, ... that is declared of darkness." *(Ibid,* xvii.*)*

rằng ở cả hai thuyết ấy đều có sự lẫn lộn tư tưởng nghiêm trọng. Không có cái ác nào vốn sẵn trong con người ngoại trừ những gì chính y đã tạo ra trong các kiếp trước; vật chất cũng không vốn ác, vì nó cũng thiêng liêng không kém tinh thần, và nếu không có nó thì mọi sự biểu lộ của Thượng đế đều bất khả. Thân và các ham muốn của nó tự thân không phải là ác hay thiện, nhưng đúng là trước khi có thể thực sự tiến bộ, chúng phải được đặt dưới sự kiểm soát của chân ngã bên trong. Hành xác là dại dột; điều cần là điều ngự thân. "Những người thực hành khổ hạnh nghiêm khắc... vô minh, hành hạ các yếu tố kết hợp tạo thành thân, và cả Ta nữa, đang ngự trong nội thân—hãy biết rằng những kẻ ấy là ma tính trong quyết định của chúng." *(Bhagavad-Gita,* xvii. 5,6.) Và lại nữa: "Sự khổ hạnh được làm trong hiểu biết mê lầm, với hành xác, ... đó được tuyên bố là của bóng tối." *(Ibid,* xvii.*)*

There appears to be a widely-spread delusion that to be really good one must always be uncomfortable—that discomfort as such is directly pleasing to the LOGOS. Nothing can be more grotesque than this idea, and in the above quoted texts from the *Bhagavad-Gita* we have a hint that it is perhaps worse than grotesque, for it is there said that they who torment the body are tormenting the LOGOS enshrined in it. With us in Europe this unfortunately common theory is one of the many horrible legacies left us by the ghastly blasphemy of Calvinism. I myself have actually heard a child say: "I feel so happy that I am sure I must be very wicked"—a truly awful result of criminally distorted teaching.

Dường như có một ảo tưởng lan rộng rằng để thực sự tốt lành, người ta phải luôn luôn khó ở —rằng sự khó ở tự thân là điều làm đẹp lòng Thượng đế. Không có gì khôi hài quái gở hơn ý tưởng này, và trong các đoạn trích dẫn trên từ *Bhagavad-Gita* chúng ta nhận được một ám chỉ rằng nó có lẽ còn tệ hơn quái gở, vì ở đó nói rằng những ai hành hạ thân xác là hành hạ Thượng đế đang ngự trong đó. Ở Châu Âu của chúng ta, thuyết bất hạnh đáng tiếc này là một trong nhiều di sản khủng khiếp do sự phạm thượng ghê sợ của thuyết Calvin để lại. Bản thân tôi từng thực sự nghe một đứa trẻ nói: "Con thấy hạnh phúc quá đến nỗi chắc chắn con phải rất xấu xa"—một kết quả thật khủng khiếp của giáo dục bị bóp méo đến mức tội lỗi.

Our Masters, who are so far above us, are full of joy; full of sympathy, but not of sorrow. We also must feel sympathy with others, but not identify ourselves with their sorrow. A man in great trouble can judge nothing clearly. To his

Các Chân sư của chúng ta, Những Đấng cao xa hơn ta biết bao, tràn đầy hoan lạc; đầy cảm thông, nhưng không đầy sầu khổ. Chúng ta cũng phải cảm thông với người khác, nhưng đừng đồng hóa mình với nỗi khổ của họ. Một

vision all the world seems dark, and it appears as if no one should be happy. When he is in great joy, all the world appears bright, and it seems as if no one ought to be unhappy. Yet nothing is changed, not even he himself, but only his astral body. All the world is going on just the same, whether you are happy or unhappy. Do not identify yourself with your astral body, but try to get out of this web of illusion, these personal moods.

người đang trong đại nạn không thể phán đoán gì cho rõ ràng. Trong tầm nhìn của y, cả thế giới như tối tăm, và dường như chẳng ai nên hạnh phúc. Khi y đang trong đại hoan lạc, cả thế giới như sáng bừng, và dường như chẳng ai nên bất hạnh. Vậy mà chẳng có gì đổi thay, ngay cả chính y cũng vậy, mà chỉ có thể cảm dục của y. Cả thế giới vẫn vận hành như cũ, dù bạn hạnh phúc hay bất hạnh. Đừng đồng hóa mình với thể cảm dục, mà hãy cố gắng thoát ra khỏi tấm lưới ảo tưởng này, những tâm cảnh cá nhân ấy.

No doubt this ludicrous theory of the merit of discomfort comes partly from the knowledge that in order to make progress man must control his passions, and from the fact that such control is disagreeable to the unevolved person. But the discomfort is very far from being meritorious; on the contrary, it is a sign that the victory is not yet achieved. It arises from the fact that the lower nature is not yet dominated, and that a struggle is still taking place. When the control is perfect there will no longer be any desire for the lower, consequently no struggle and no discomfort. The man will live the right life and avoid the lower because it is perfectly natural for him to do so—no longer because he thinks he ought to make the effort, even though it may be difficult for him. So that the discomfort exists only at an intermediate stage, and not it, but its absence, is the sign of success.

Không nghi ngờ gì, thuyết lố bịch về công đức của sự khó ở phần nào xuất phát từ sự hiểu biết rằng để tiến bộ, con người phải chế ngự dục tình, và từ thực tế rằng sự chế ngự ấy là điều khó chịu đối với người chưa phát triển. Nhưng sự khó chịu rất xa mới là công đức; trái lại, nó là dấu hiệu rằng chiến thắng chưa đạt. Nó phát sinh do hạ ngã chưa bị khuất phục, và cuộc tranh chiến vẫn đang diễn ra. Khi điều ngự trở nên hoàn hảo, sẽ không còn bất kỳ ham muốn đối với điều thấp nữa, hệ quả là không còn tranh chiến và không khó chịu. Con người sẽ sống đời sống đúng đắn và tránh điều thấp bởi vì điều đó đối với y là hoàn toàn tự nhiên—không còn vì y nghĩ mình nên gắng sức dù có thể khó cho y. Bởi vậy, sự khó chịu chỉ tồn tại ở một giai đoạn trung gian, và chính không có nó, chứ không phải có nó, mới là dấu hiệu của thành công.

Another reason for the gospel of the uncomfortable is a confusion of cause and effect. It is observed that the really advanced person is simple in his habits, and often careless about a large number of minor luxuries that are considered important and really necessary by the ordinary man. But such carelessness about luxury is the effect, not the cause, of his advancement. He does not trouble himself about these little matters

Một nguyên do khác cho "phúc âm của sự khó ở" là sự lẫn lộn giữa nhân và quả. Người ta nhận thấy rằng người thực sự tiến bộ thì đơn giản trong tập quán, và thường xuề xòa trước một loạt tiện nghi nhỏ nhặt được kẻ thường xem là quan trọng và thực sự cần thiết. Nhưng sự xuề xòa đối với tiện nghi ấy là hệ quả, không phải nguyên nhân của sự tiến bộ. Y không bận lòng về những chuyện lặt vặt ấy vì y phần lớn đã vượt qua chúng và chúng không còn hấp

because he has largely outgrown them and they no longer interest him—not in the least because he considers them as wrong; and one who, while still craving for them, imitates him in abstaining from them, does not thereby become advanced. At a certain stage a child plays with dolls and bricks; a few years later he has become a boy and his play is cricket and football; later again when he is a young man these in turn lose much of their interest, and he begins to play the game of love and life. But an infant who chooses to imitate his elders, who throws aside his dolls and brick and attempts to play cricket, does not thereby transcend his infancy. As his natural growth takes place he puts away childish things; but he cannot force the growth merely by putting these away, and playing at being older.

dẫn y—không phải chút nào vì y cho chúng là sai; còn kẻ, trong khi vẫn khao khát chúng, lại bắt chước y trong việc kiêng khem chúng, thì bởi vậy không hề trở nên tiến bộ. Ở một giai đoạn nào đó, một đứa trẻ chơi búp bê và gạch; vài năm sau nó thành cậu bé, và trò chơi của nó là crickê và bóng đá; đến nữa khi nó là thanh niên, thì những trò này lần lượt mất nhiều phần hấp dẫn, và nó bắt đầu chơi trò tình yêu và cuộc đời. Nhưng một hài nhi chọn bắt chước người lớn, ném búp bê và gạch sang một bên và cố chơi crickê, thì không vì thế mà vượt khỏi tuổi ấu thơ. Khi tăng trưởng tự nhiên diễn ra, nó sẽ bỏ đi những điều trẻ con; nhưng nó không thể cưỡng bức sự trưởng thành đơn thuần bằng cách loại bỏ các thứ ấy và đóng vai người lớn.

There is no virtue whatever merely in becoming uncomfortable for discomfort's sake; but there are three cases in which voluntary discomfort may be a part of progress. The first is when it is undertaken for the sake of helping another, as when a man nurses a sick friend or labours hard to support his family. The second is when a man realizes that some habit to which he is addicted is a hindrance in his upward way—such a habit, say, as tobacco-smoking, alcohol-drinking, or corpse-eating. If he is in earnest he gives up the habit instantly, but because the body is accustomed to that particular form of pollution it misses it, cries out for it, and causes the man a great deal of trouble. If he holds firm to his resolution his body will presently adapt itself to the new conditions, and when it has done so there will be no further discomfort. But in the intermediate stage, while the battle for mastery between the man and his body is still being fought, there may be a good deal of suffering, and this must be taken as the karma of having adopted

Hoàn toàn không có đức hạnh nào chỉ trong việc tự làm cho mình khó ở vì bản thân sự khó ở; nhưng có ba trường hợp trong đó sự khó ở tự nguyện có thể là một phần của tiến bộ. Thứ nhất là khi nó được thực hiện vì giúp kẻ khác, như khi một người túc trực chăm nom bạn ốm hoặc lao động cật lực để nuôi gia đình. Thứ hai là khi một người nhận ra rằng một thói quen nào đó mà y đang nghiện ngập là chướng ngại trên đường thượng tiến—chẳng hạn thói hút thuốc, uống rượu, hay ăn xác động vật. Nếu y nghiêm túc, y từ bỏ thói quen tức khắc, nhưng vì thân đã quen với dạng ô nhiễm đặc thù ấy, nó sẽ nhớ nhung, sẽ đòi hỏi, và gây cho người ấy rất nhiều rắc rối. Nếu y giữ vững quyết tâm, thân sẽ sớm tự điều chỉnh với điều kiện mới, và khi đã làm được thế, sẽ không còn khó chịu nữa. Nhưng ở giai đoạn trung gian, trong khi trận chiến giành quyền làm chủ giữa con người và thân xác vẫn còn đang diễn ra, có thể có nhiều đau khổ, và điều này phải được coi là nghiệp của việc đã nhận lấy thói xấu mà nay y đang từ bỏ. Khi khổ đau qua đi, nghiệp được trả, chiến thắng đạt được, và một bước tiến

the vice which he is now forsaking. When the suffering passes the karma is paid, the victory is won, and a step in evolution is achieved.

trong tiến hoá đã hoàn thành.

I am aware that there are rare cases (when people are physically very weak) in which it might be dangerous to relinquish a bad habit instantaneously. The morphine habit is an instance in point; one who is a victim to its horrors usually finds it necessary gradually to decrease the dose, because the strain of abrupt cessation might well be great than the physical body could endure. It would seem that there are certain pitiable cases in which the same system of gradual decrease must be applied to the flesh-eating habit. Doctrine tell us that while the digestion of flesh takes place chiefly in the stomach, that of most forms of vegetable food belongs to the work of the intestines; and therefore a person in very weak health sometimes finds it advisable to give to these various organs a certain amount of time to adjust themselves to the necessary change, and to practise, as it were, the functions which they are now required to fulfil. The steady pressure of the will, however, will soon bring the body into subjection and adapt it to the new order of things.

Tôi biết có những trường hợp hiếm hoi (khi người ta thể chất rất yếu) mà việc từ bỏ ngay một thói quen xấu có thể nguy hiểm. Thói nghiện morphin là một ví dụ; kẻ làm nạn nhân của kinh hoàng ấy thường thấy cần phải giảm liều dần dần, vì cú dừng đột ngột có thể vượt quá sức chịu đựng của thể xác. Có vẻ như có một số trường hợp đáng thương mà cùng một hệ thống giảm dần ấy phải được áp dụng cho thói ăn thịt. Y học cho biết rằng trong khi sự tiêu hóa thịt diễn ra chủ yếu ở dạ dày, thì sự tiêu hóa phần lớn các dạng thức ăn thực vật thuộc về công việc của ruột; vì vậy một người rất yếu đôi khi thấy khôn ngoan khi cho các cơ quan khác nhau ấy một khoảng thời gian nhất định để tự điều chỉnh với thay đổi cần thiết, và "tập" các chức năng mà nay chúng được yêu cầu đảm đương. Tuy nhiên, áp lực bền bỉ của ý chí sẽ sớm đưa thân xác vào chỗ quy thuận và thích ứng với trật tự mới.

The third cases in which discomfort may have its use is when a man deliberately forces his body to do something which it dislikes, in order to make sure that it will obey him when necessary. But it must be distinctly understood that even then the merit is in the ready obedience of the body, and not in its suffering. In the way a man may gradually learn indifference to many of the minor ills of life, and so save himself much worry and irritation. In this training himself in will, and his body in obedience, he must be careful to attempt only such things as are advantageous. The Hatha Yogi developes will-power,

Trường hợp thứ ba trong đó sự khó ở có thể có ích là khi một người cố ý buộc thân làm điều mà nó không ưa, để bảo đảm rằng khi cần, nó sẽ vâng phục. Nhưng phải hiểu rõ rằng ngay cả khi ấy, công đức nằm ở sự sẵn sàng vâng phục của thân, chứ không nằm trong sự đau khổ của nó. Bằng cách này, người ta có thể dần học được sự điềm nhiên trước nhiều nỗi khổ nho nhỏ của đời, và nhờ vậy tránh cho mình nhiều bận lòng và bực bội. Khi rèn luyện mình về ý chí, và rèn luyện thân về vâng phục, y phải cẩn thận chỉ thử những điều có lợi. Hành giả Hatha Yoga chắc chắn phát triển sức mạnh ý chí khi y giơ tay trên đầu cho đến khi tay khô

assuredly, when he holds his arm above his head until it withers; but while he grains enormously in will-power he also loses the use of his arm. The will-power can be developed just as well by some effort the result of which will be permanently useful instead of permanently hampering—by the conquest, for example, of irritability or pride, impatience or sensuality. It would be well if all who feel a yearning for asceticism would take to heart the words of wisdom in the *Bhagavad-Gita:*

héo; nhưng trong khi gặt hái cực nhiều ý chí, y cũng đánh mất công dụng của cánh tay. Ý chí có thể được phát triển cũng tốt như thế bằng một nỗ lực mà kết quả sẽ hữu ích lâu dài thay vì cản trở lâu dài—bằng chiến thắng, chẳng hạn, tính dễ cáu hay kiêu mạn, nôn nóng hay phóng dật. Sẽ tốt biết bao nếu tất cả những ai cảm thấy khát khao khổ hạnh chịu khắc cốt ghi tâm lời minh triết trong *Bhagavad-Gita:*

"Purity, straightforwardness, continence and harmlessness are called the austerity of the body. Speech causing no annoyance, truthful, pleasant and beneficial ……is called the austerity of speech. Mental happiness, equilibrium, silence, self-control, purity of nature—this is called the austerity of the mind." (xvii. 14, 15,)

"Thanh khiết, trực thẳn, tiết dục và vô tổn hại được gọi là khổ hạnh của thân. Lời nói không gây phiền nhiễu, chân thật, êm ái và lợi lạc…… được gọi là khổ hạnh của ngôn. Hỷ lạc nội tâm, quân bình, tĩnh lặng, tự chủ, thanh tịnh bản tánh—đây được gọi là khổ hạnh của tâm." (xvii. 14, 15,)

Note especially that in this last verse mental happiness is described as the first characteristic of the austerity of the mind—the first sign of the perfect self-control necessary for one who wishes to make real progress. It is emphatically our duty to be happy; morbidity, gloom or depression mean always failure and weakness, because they mean selfishness. The man who allows himself to brood over his own sorrows or wrongs is forgetting his duty to his fellows. He permits himself to become a centre of infection, spreading gloom instead of joy among his brethren; what is this but the grossest selfishness? If there be any one who feels a yearning for asceticism, let him take up this mental austerity advised in the scripture, and resolve that whatever may be his private troubles or sufferings he will forget himself and them for the sake of others, so that he may ever be pouring forth upon his fellow-pilgrims the radiant happiness which comes from the

Đặc biệt lưu ý rằng trong câu cuối này, hạnh phúc nội tâm được mô tả như đặc trưng thứ nhất của khổ hạnh của tâm—dấu hiệu đầu tiên của tự chủ hoàn hảo cần có nơi người muốn tiến bộ thực sự. Bổn phận của chúng ta là phải vui; bệnh hoạn, u ám hay buồn bã luôn có nghĩa là thất bại và yếu đuối, bởi vì chúng có nghĩa là vị kỷ. Kẻ cho phép mình ấp ủ sầu khổ hay oan ức riêng là kẻ quên bổn phận đối với đồng loại. Y cho phép mình trở thành một trung tâm lây nhiễm, gieo u ám thay vì hoan hỷ giữa huynh đệ; đó là gì nếu không phải thứ vị kỷ thô lậu nhất? Nếu có ai đó cảm thấy khát khao khổ hạnh, hãy để y thực hành khổ hạnh của tâm được khuyên dạy trong thánh điển này, và quyết nghị rằng dẫu có thể là nỗi khổ riêng tư hay thương tổn riêng tư nào, y cũng sẽ quên mình và quên chúng vì người khác, để y luôn tuôn đổ lên các bạn đồng hành trên đường đời ánh hoan lạc rạng ngời vốn đến từ tri thức viên mãn hơn của người Thông Thiên Học, luôn giúp họ tiến tới sự chứng ngộ rằng

fuller knowledge of the Theosophist, ever helping them towards the realization that "Brahman is bliss."

SMALL WORRIES

Unnecessary worry appears to be the key-note of modern life. Not only those who are making special efforts to progress are making themselves unreasonably uncomfortable, but the same vice is quite common even in ordinary life. The astral body of the average man is a sad sight for a clairvoyant. The illustration in *Man Visible and Invisible* (p. 131) shows what an astral body ought to be—merely a reflection of the colours of the mental, indicating that the man allows himself to feel only what his reason dictates. But if that be too much to expect at this stage of evolution, the picture on p. 102 gives us an assortment of colours which represents an average astral body when comparatively at rest. In it there are many hues which show the presence of undesirable qualities—qualities which should be weeded out as soon as may be; but that side of the subject is treated in the book, and it is to another feature that I wish now to draw attention.

I have said that the illustration shows what an ordinary undeveloped astral body would look like if comparatively at rest; but one of the evils of what we have agreed to call civilization is that hardly any astral body ever is even comparatively at rest. Of course it is understood that the matter of an astral body must always be in perpetual vibration, and each of the colours that we see in the drawing marks a different rate of that vibration; but there should be a certain order in this, and a certain limit to it. The more developed man (on p. 131) has five rates of vibration, but the ordinary man shows at least nine rates, with a mixture of varying shades in addition. That is

"Brahman là phúc lạc."

NHỮNG LO ÂU VẶT VÃNH

Lo lắng không cần thiết dường như là chủ âm của đời sống hiện đại. Không chỉ những người đang nỗ lực đặc biệt để tiến bộ đang tự làm mình khó ở một cách vô lý, mà cùng tệ nạn này cũng khá phổ biến ngay trong đời thường. Thể cảm dục của người trung bình là một cảnh tượng đáng buồn đối với người thông nhãn. Hình minh họa trong *Con Người Hữu Hình và Vô Hình* (tr. 131) cho thấy một thể cảm dục nên ra sao—chỉ là phản chiếu của các màu sắc của thể trí, biểu thị rằng con người chỉ cho phép mình cảm những gì lý trí mách bảo. Nhưng nếu điều đó quá nhiều để kỳ vọng ở giai đoạn tiến hoá này, thì bức họa ở tr. 102 cho ta một tập hợp màu sắc đại diện cho một thể cảm dục trung bình khi tương đối yên. Trong đó có nhiều sắc độ cho thấy sự hiện diện của các phẩm tính không mong muốn—các phẩm tính cần được nhổ bỏ ngay khi có thể; song khía cạnh ấy đã được bàn trong sách, và giờ đây tôi muốn thu hút sự chú ý đến một đặc điểm khác.

Tôi đã nói rằng bức minh họa cho thấy một thể cảm dục bình thường, chưa phát triển, sẽ trông như thế nào nếu tương đối yên; nhưng một trong những điều tệ hại của cái mà chúng ta đã đồng ý gọi là văn minh là hầu như chẳng có thể cảm dục nào thậm chí tương đối yên. Dĩ nhiên hiểu rằng chất liệu của một thể cảm dục phải luôn rung động không ngừng, và mỗi màu sắc chúng ta thấy trong bức vẽ đánh dấu một nhịp độ rung động khác; nhưng trong đó phải có một trật tự nào đó, và một giới hạn nào đó. Người phát triển hơn (ở tr. 131) có năm nhịp độ rung, nhưng người bình thường cho thấy ít nhất chín nhịp, kèm theo sự trộn lẫn các sắc thái biến thiên. Rõ ràng điều đó không

clearly not so good as the other, but the case of the majority of people in the West is really far worse than that. To have even nine rates of simultaneous vibration is already bad enough, but in the astral body of many a man and woman one might easily observe fifty rates or even hundred. The body should be divided into a few fairly definite areas, each swinging steadily at its normal rate, but instead of that, its surface is usually broken up into a multiplicity of little whirl-pools and cross-currents, all battling one against the other in the maddest confusion.

tốt bằng trường hợp kia, nhưng tình trạng của đa số người ở phương Tây thực ra còn tệ hơn nhiều. Có đến chín nhịp rung đồng thời đã là đủ tệ, nhưng trong thể cảm dục của biết bao người nam và nữ, người ta có thể dễ dàng quan sát năm mươi hay thậm chí một trăm nhịp. Thể ấy lẽ ra phải được phân chia thành vài vùng tương đối rõ rệt, mỗi vùng đu đưa đều đặn ở nhịp độ bình thường của nó, nhưng thay vì thế, bề mặt nó thường bị bẻ vụn thành vô số xoáy nhỏ và dòng chéo, tất cả đang tranh đấu với nhau trong hỗn loạn điên rồ.

All these are the result of little unnecessary emotions and worries, and the ordinary person of the West is simply a mass of these. He is troubled about this thing, he is annoyed about that, he is in fear about a third, and so on; his whole life is filled with petty little emotions, and all his strength is frittered away on them. A really great emotion, be it good or bad, sweeps over the whole of a man's astral body and for the time brings it all to one rate of vibration; but these small worries make little vortices or centres of local disturbance, each of which persists for a considerable time.

Tất cả những điều này là kết quả của những cảm xúc vụn vặt không cần thiết và lo âu, và người bình thường ở phương Tây quả chỉ là một khối những điều ấy. Y bận lòng chuyện này, y bực bội chuyện kia, y sợ hãi chuyện thứ ba, v.v.; cả cuộc đời y đầy rẫy những cảm xúc nhỏ nhặt, và toàn bộ sức lực y bị tiêu hao vào chúng. Một cảm xúc thực sự lớn, dù là thiện hay ác, quét qua toàn bộ thể cảm dục của một người và trong chốc lát đưa toàn thể nó về một nhịp rung; nhưng những lo âu nhỏ xíu này tạo nên những xoáy nhỏ hay những trung tâm rối loạn cục bộ, mỗi xoáy tồn tại dai dẳng suốt một thời gian đáng kể.

The astral body which thus vibrates fifty ways at once is a blot upon the landscape and a nuisance to its neighbors. It is not only a very ugly object—it is also a serious annoyance. It may be compared to a physical body suffering from some unusually aggravated from of palsy, with all its muscles jerking simultaneously in different directions. But to make the illustration even partially adequate we should have to assume that this palsy was contagious, or that every one who saw its unfortunate results felt an irresistible tendency to reproduce them. For this horrible choas of catastrophic confusion produces an unpleasant and most disturbing effect upon

Thể cảm dục rung theo năm mươi cách cùng một lúc như thế là một vết nhơ giữa khung cảnh và là mối phiền toái cho láng giềng. Nó không chỉ là một vật thể rất xấu xí—mà còn là một điều quấy nhiễu nghiêm trọng. Nó có thể ví như một thể xác đang chịu một dạng run liệt bị làm trầm trọng khác thường, với tất cả bắp thịt cùng lúc giật giật theo các hướng khác nhau. Nhưng để minh họa phần nào cho thích đáng, ta còn phải giả định rằng chứng run liệt này có tính lây, hoặc rằng bất cứ ai nhìn thấy hậu quả đáng thương của nó đều cảm một xu hướng không thể cưỡng lại muốn tái tạo chúng. Bởi vì tình trạng hỗn loạn kinh khủng như thảm họa ấy tạo nên một ảnh hưởng khó

all sensitive people who approach it; it infects their astral bodies and communicates to them a painful sensation of unrest and worry.

chịu và hết sức rối loạn lên tất cả những người nhạy cảm đến gần nó; nó lây nhiễm sang thể cảm dục của họ và truyền cho họ một cảm giác khó chịu về bất an và lo âu.

Only a few have yet unfolded the faculties which enable them to see this maleficent influence in action; a larger number are vaguely conscious of discomfort when they approach one of these fussy persons; but probably the majority feel nothing definite at the time of meeting, though later in the day they will probably wonder why they are so inexplicably fatigued. The effect is there and the harm is done, whether it be immediately perceptible or not.

Mới chỉ có ít người khai mở được các năng lực cho phép họ thấy ảnh hưởng độc hại này đang tác động; một số đông hơn mơ hồ cảm thấy khó chịu khi họ đến gần một người hay sốt vó; nhưng có lẽ đa số chẳng cảm thấy gì rõ ràng lúc gặp gỡ, dẫu muộn hơn trong ngày họ có lẽ sẽ tự hỏi vì sao mình mệt mỏi vô cớ đến thế. Ảnh hưởng vẫn ở đó và gây hại vẫn xảy ra, cho dù nó có được nhận ra tức thời hay không.

A person who is so foolish as to allow himself to get into this condition does much harm to many, but most of all to himself. Frequently the perpetual astral disturbance reacts through the etheric upon the dense physical vehicle, and all sorts of nervous diseases are produced. Nearly all nerve troubles are the direct result of unnecessary worry and emotion, and would soon disappear if the patient would but hold his vehicles still and possess his soul in peace.

Kẻ dại dột để cho mình rơi vào tình trạng như vậy gây hại nhiều cho nhiều người, nhưng hại nhất là cho chính y. Thường xuyên, sự rối loạn cảm dục liên miên phản hồi qua dĩ thái lên hiện thể hồng trần đậm đặc, và đủ loại bệnh thần kinh phát sinh. Hầu như mọi rối loạn thần kinh là kết quả trực tiếp của lo âu và cảm xúc không cần thiết, và sẽ sớm biến mất nếu bệnh nhân chịu giữ cho các vận cụ của mình tĩnh lặng và nắm giữ linh hồn mình trong an bình.

But even cases where a strong physical body is able successfully to resist this constant irritation from the astral, its effect upon its own plane is no less disastrous. These tiny centres of inflammation which thus cover the whole astral body are to it what boils are to the physical body—not only themselves causes of acute discomfort, sore spots the least touch upon which produces terrible pain, but also *weak* spots through which the life-blood of vitality drains away, and through which also blood-poisoning from without may take place. A person whose astral body is in this distracted condition can offer practically no resistance to any evil influence which he may

Nhưng ngay cả trong những trường hợp một thể xác cường tráng có thể kháng cự thành công sự kích thích triền miên này từ thể cảm dục, thì ảnh hưởng của nó trên chính cõi của nó cũng không kém phần tai hại. Những trung tâm viêm sưng nhỏ li ti phủ khắp thể cảm dục như thế đối với nó cũng như những mụn nhọt đối với thể xác—không chỉ là nguyên nhân tự thân của nỗi khó chịu nhức nhối, những điểm đau mà chỉ một chạm nhẹ cũng gây nên đau đớn khủng khiếp, mà còn là những điểm *yếu* qua đó sinh khí của sự sống rỉ chảy, và cũng qua đó có thể xảy ra "nhiễm trùng máu" từ bên ngoài. Một người mà thể cảm dục ở trong tình trạng rối loạn này hầu

encounter, while he is quite unable to profit by good influences. His strength flows out through these open sores, at the same time that all sorts of disease-germs find entrance by them. He is not using and controlling his astral body as a whole, but allowing it to break up into a number of separate centres and control *him.* His little worries and vexations establish themselves and confirm their empire over him until they become a legion of devils who possess him so that he cannot escape from them.

như không thể chống đỡ bất kỳ ảnh hưởng xấu nào mà y có thể gặp, đồng thời y hoàn toàn không thể thụ hưởng các ảnh hưởng tốt lành. Sức mạnh của y tuôn ra qua những vết thương hở này, đồng thời đủ loại "mầm bệnh" cũng tìm lối xâm nhập qua đó. Y không sử dụng và điều khiển thể cảm dục của mình như một tổng thể, mà để cho nó vỡ vụn thành một số trung tâm riêng lẻ và điều khiển *y.* Những lo lắng vặt vãnh của y tự xác lập và củng cố quyền lực của chúng trên y đến nỗi chúng trở thành một "binh đoàn quỷ dữ" ám vào y khiến y không thể thoát ra.

This is a painfully common condition; how is a man to avoid falling into it, and if he is already in it, how is he to get out of it? The answer is the same to both questions; let him learn not to worry, not to fear, not to be annoyed. Let him reason with himself as to the utter unimportance of all these little personal matters which have loomed so large upon his horizon. Let him consider how they will appear when he looks back upon them from the next life, or even twenty years hence. Let him lay well to heart the words of wisdom, that of all the outward things that happen to a man "nothing matters much, and most things matter not at all." What he himself does or says or thinks *is* of importance to him, for that forms his future; what other people do or say or think matters to him nothing whatever. Let him abstract himself from all these little pin-pricks of daily life, and simply decline to be worried by them.

Đây là một tình trạng phổ biến đến đau lòng; làm sao một người tránh rơi vào nó, và nếu đã ở trong đó, làm sao thoát ra? Câu trả lời giống hệt cho cả hai câu hỏi; hãy học đừng lo lắng, đừng sợ hãi, đừng bực bội. Hãy tự lý lẽ với mình về sự hoàn toàn không quan trọng của tất cả những chuyện vặt cá nhân đã phóng to trên chân trời của y. Hãy nghĩ xem chúng sẽ ra sao khi y nhìn lại từ cõi kế tiếp, hoặc chỉ hai mươi năm nữa thôi. Hãy khắc cốt ghi tâm lời minh triết rằng, trong tất cả những điều bên ngoài xảy đến với một người, "chẳng điều gì thật sự hệ trọng, và phần nhiều điều chẳng hệ trọng chút nào." Điều y tự làm hay nói hay nghĩ thì *là* hệ trọng đối với y, vì điều đó định hình tương lai của y; còn điều người khác làm hay nói hay nghĩ thì chẳng can hệ gì đến y cả. Hãy tự tách mình khỏi tất cả những mũi kim châm nhỏ nhặt của đời thường, và dứt khoát không để chúng làm bạn lo âu.

It will need some resolution at first, for it requires effort to conquer a well-established bad habit. He will find his mind muttering to him over and over again: "Mrs. Jones spoke evil of me; perhaps she is doing it now; perhaps other people may believe her; perhaps it may do me harm," and so on *ad infinitum.* But he must reply: "I don' t care *what* Mrs.

Lúc đầu sẽ cần một ít quyết tâm, vì chinh phục một thói xấu đã ăn sâu đòi hỏi nỗ lực. Y sẽ thấy tâm mình lẩm bẩm đi lặp lại: "Bà Jones đã nói xấu tôi; biết đâu bây giờ bà ấy vẫn đang nói; biết đâu người khác sẽ tin; biết đâu điều đó sẽ hại tôi," v.v. *đến vô tận.* Nhưng y phải đáp lại: "Tôi không bận tâm *điều gì* Bà Jones đã nói, dù tôi buồn cho người phụ nữ tội nghiệp ấy tạo

Jones has said, though I am sorry the poor woman should make such bad karma. I absolutely decline to think of it or of her. I have my work to do, and have no time to waste in thinking of foolish gossip."

nghiệp xấu như vậy. Tôi dứt khoát từ chối nghĩ về chuyện đó hay về bà ấy. Tôi có công việc phải làm, và không có thời giờ để lãng phí vào chuyện đàm tiếu ngốc nghếch."

Or it may be that forebodings of coming evil are constantly thrusting themselves into his brain: "Perhaps next year I may lose my position; perhaps I shall be starving; perhaps I shall be bankrupt; perhaps I may lose the affection of some friend." This also should be met firmly: Perhaps all these things may happen, but also perhaps they may not, and it is useless to try to cross a bridge before one come to it. I shall take all reasonable precautions, and when that is done I decline to think further of the matter. Worrying cannot affect whatever may be coming, but it can and certainly will make me unfit to meet it. Therefore I refuse to worry; I definitely turn my back on the whole subject."

Hoặc có thể là những điềm gở về tai ương sắp tới cứ liên tục xô vào bộ não y: "Biết đâu sang năm tôi mất việc; biết đâu tôi sẽ đói; biết đâu tôi phá sản; biết đâu tôi mất đi tình thương của một người bạn." Điều này cũng phải được đối mặt cứng rắn: Biết đâu tất cả những điều ấy sẽ xảy ra, nhưng cũng biết đâu sẽ không, và cố vượt cầu trước khi tới là vô ích. Tôi sẽ có mọi phòng bị hợp lý, và khi đã làm xong điều đó, tôi từ chối nghĩ thêm về vấn đề. Lo lắng không thể tác động đến điều gì có thể sắp đến, nhưng chắc chắn nó có thể và sẽ khiến tôi không đủ sức đương đầu với nó. Vậy nên tôi từ chối lo lắng; tôi dứt khoát quay lưng với toàn bộ đề tài."

Another common form of worry which leads to the most serious results is the folly of taking offense at something which somebody else says or does. Ordinarily common-sense would lead a man to avoid this mistake, and yet those who do avoid it are few. It needs only that we should think dispassionately about the matter, and we shall see that what the other man has said or done cannot make any difference to us. If he has said something which has hurt our feelings, we may be sure that in nine cases out of ten he has not meant it to be offensive; why then should we allow ourselves to be disturbed about the matter? Even in the rare cases when a remark is intentionally rude or spiteful, where a man has said something purposely to wound another, it is still exceedingly foolish of that other to allow himself to feel hurt. If the man had an evil intention in what he said, he is much to be pitied, for we know that under the

Một dạng lo âu phổ biến khác dẫn đến hệ quả nghiêm trọng là sự dại dột của việc tự ái bị tổn thương vì điều ai đó nói hay làm. Thông thường, lương tri sẽ dẫn một người tránh lỗi này, vậy mà người thực sự tránh thì ít. Chỉ cần ta nghĩ một cách vô tư về vấn đề, ta sẽ thấy rằng điều người kia nói hay làm không thể tạo khác biệt gì cho ta. Nếu y đã nói điều gì đó làm tổn thương cảm xúc của ta, ta có thể chắc rằng chín phần mười là y không cố ý vô lễ; vậy sao ta còn để mình bị xáo trộn vì chuyện ấy? Ngay cả trong những trường hợp hiếm hoi khi một lời nói cố ý thô lỗ hay độc địa, nơi một người nói điều gì đó cố tình làm kẻ khác tổn thương, thì người kia vẫn hết sức dại dột nếu để mình cảm thấy bị xúc phạm. Nếu kẻ ấy có ác ý trong lời nói, y thật đáng thương, vì chúng ta biết rằng theo luật công bằng thiêng liêng, y chắc chắn sẽ chịu hệ quả cho sự ngu muội ấy. Điều y nói không nhất thiết ảnh hưởng gì tới ta, vì, nếu nghĩ kỹ, thực ra chẳng có tác động nào đã

law of divine justice he will certainly suffer for his foolishness. What he has said need in no way affect us, for, if we think of it, no effect whatever has really been produced.

xảy ra.

The irritating word does not in any way injure us, except in so far as we may choose to take it up and injure ourselves by brooding over it or allowing ourselves to be wounded in our feelings. What are the words of another, that we should let our serenity be disturbed by them? They are merely a vibration in the atmosphere; if it had not happened that we heard them, or heard of them, would they have affected us? If not, then it is obviously not the words that have injured us, but the fact that we heard them. So if we allow ourselves to care about what a man has said, it is *we* who are responsible for the disturbance treated in our astral bodies, and not he.

Lời nói khó chịu không làm tổn hại ta theo bất kỳ cách nào, trừ phi ta chọn chấp lấy nó và tự tổn thương bằng cách ấp ủ hay cho phép mình bị tổn thương trong cảm xúc. Lời người khác là gì mà ta lại để sự thanh thản của mình bị khuấy động bởi chúng? Chúng chỉ là những rung động trong khí quyển; nếu như không xảy ra việc ta nghe được chúng, hay nghe nói về chúng, liệu chúng có ảnh hưởng đến ta không? Nếu không, thì rõ ràng không phải lời nói đã gây hại ta, mà là sự kiện ta đã nghe chúng. Cho nên nếu ta cho phép mình bận tâm vì điều một người đã nói, thì *chính chúng ta* phải chịu trách nhiệm cho sự xáo trộn được tạo ra trong thể cảm dục của mình, chứ không phải y.

The man has done and can do nothing that can harm us; if we feel hurt and injured and thereby make ourselves a great deal of trouble, we have only ourselves to thank for it. If a disturbance arises within our astral bodies in reference to what he has said, that is merely because we have not yet gained control over those bodies; we have not yet developed the calmness which enables us to look down *as soul* upon all this, and go on our way and attend to our own work without taking the slightest notice of foolish or spiteful remarks made by other men. This is the merest common-sense, yet not one in a hundred will act upon it.

Người kia đã làm, và có thể làm, chẳng điều gì có thể hại ta; nếu ta thấy đau và bị tổn thương và bởi vậy tự gây cho mình nhiều rắc rối, ta chỉ có thể tự trách mình. Nếu một xáo trộn khởi lên trong thể cảm dục của ta liên quan đến điều y đã nói, thì đó chỉ vì ta vẫn chưa giành được quyền kiểm soát những thể ấy; ta chưa phát triển được sự bình thản cho phép ta nhìn xuống *với tư cách linh hồn* vào tất cả việc này, và cứ đi đường mình, lo công việc của mình mà không để ý chút nào đến những lời nói ngu ngốc hay độc địa của kẻ khác. Đây là lẽ thường tình đơn giản nhất, vậy mà hiếm có ai trong cả trăm người hành động theo.

That fact is that any one who wished to become a student of occultism must not have any personal feelings that can be offended under any circumstances whatever. A man who has them is still thinking of himself; whereas our duty is to forget ourselves in

Sự thực là bất kỳ ai muốn trở thành một đạo sinh của huyền bí học thì không được có những cảm thức cá nhân có thể bị xúc phạm trong bất kỳ hoàn cảnh nào. Người còn có những cảm thức ấy vẫn đang nghĩ về bản thân; trái lại, bổn phận của chúng ta là quên

order to remember the good of others. Nothing can offend you if you have resolved not to be offended—if you are thinking only how to help the other man, and not at all of yourself.

mình để nhớ đến điều lành cho kẻ khác. Không gì có thể xúc phạm bạn nếu bạn đã quyết định không bị xúc phạm—nếu bạn chỉ nghĩ cách giúp người kia, và hoàn toàn không nghĩ về mình.

Another variant of the disease is less personal and therefore is so far less blame-worthy, but hardly less prejudicial to progress. It is the habit of fussing over trifles in business or in household affairs. This always involves a lack of discrimination and of the sense of perspective. It is quite true that a household or a business must be orderly, that things must be done punctually and exactly; but the way to achieve this is to set up a high ideal and press steadily towards it—not to irritate every one by ceaseless, useless worry. The person who is so unfortunate as to be afflicted with a disposition of this kind should make a most determined fight against it, for until he conquers it he will be a force working always for friction and not for peace, and so will be of little real use in the world. His symptoms differ slightly from those of the more personal worrier; in his case there are fewer of the carbuncular vortices, but there is a perpetual tremor, an unrest of the whole astral body which is equally disquieting to others, equally subversive of happiness and advancement for the fusser himself.

Một biến thể khác của "căn bệnh" ít mang tính cá nhân hơn và vì thế ít đáng quở trách hơn phần nào, nhưng hầu như không kém phần phương hại cho tiến bộ. Đó là thói xốn xang vì chuyện lặt vặt trong công việc làm ăn hay việc nhà. Điều này luôn hàm chứa thiếu sót trong phân biện và cảm quan viễn cận. Có thật rằng một gia đình hay một doanh nghiệp phải có trật tự, mọi việc phải làm đúng giờ và chính xác; nhưng cách để đạt được điều đó là đặt ra một lý tưởng cao và kiên định hướng về nó—chứ không phải làm mọi người khó chịu bằng lo âu không ngớt và vô ích. Kẻ bất hạnh mắc phải tính khí như vậy nên tiến hành một trận chiến quyết liệt nhất để chống lại nó, vì cho đến khi y chinh phục được nó, y sẽ là một lực luôn gây ma sát chứ không gây hòa bình, và như vậy sẽ ít có ích thực sự cho đời. Triệu chứng của y hơi khác một chút so với kẻ hay lo cá nhân; trong trường hợp y, có ít xoáy "mụn nhọt" hơn, nhưng có một cơn run rẩy liên miên, một bất an của toàn bộ thể cảm dục, vốn gây bất an cho kẻ khác không kém, và cũng phá đổ hạnh phúc và thăng tiến đối với chính kẻ hay xốn xang ấy.

The man *must* learn to be master of his mind and his feelings, and steadily reject every thought and emotion which his highest self does not approve. A chaos of petty emotions is unworthy of a rational being, and it is to the last degree undignified that man, who is a spark of the Divine, should allow himself to fall under the sway of his desire-elemental—a thing that is not even a mineral yet.

Con người *phải* học làm chủ tâm và cảm, và kiên định khước từ mọi ý nghĩ và cảm xúc mà chân ngã cao nhất của mình không chấp thuận. Một hỗn độn của những cảm xúc vụn vặt là bất xứng đối với một hữu thể có lý trí, và cùng cực bất xứng khi con người—một tia lửa của Thiêng liêng—lại để mình rơi dưới ách của hành khí dục vọng—một thứ thậm chí còn chưa là khoáng vật.

I have already said that this disastrous astral confusion is often prejudicial to physical

Tôi đã nói rằng sự hỗn loạn cảm dục tai hại này thường phương hại đến sức khoẻ thể chất;

health; but it is invariably worse than prejudicial to progress on the path—it is absolutely fatal to it. One of the first great lessons to be learnt on that path is perfect self-control, and a long stage on the way to that is complete absence of worry. At first, from mere habit, the matter of the astral body will still be swept readily into unnecessary vortices, but every time that happens the man must firmly obliterate them, and restore the steady swing of the feelings which he, as an ego, really desires to have.

Let him fill himself so entirely with the divine love that it may be ever pouring from him in all directions in the shape of love for his fellow-men, and then there will be no room for unnecessary vibrations; he will have no time to worry over trifling personal matters if his whole life is spent in the service of the LOGOS, in trying to help forward the evolution of the world. To make any real progress or to do any real work a man must turn from the lower and reach towards the higher; he must come out of *our* world into Theirs—out of the restlessness into the peace which passeth understanding.

KILLING OUT DESIRE

We are often told that we must kill out desire; but it should be remembered that that is a gradual process. The lower and coarser desire which are meant by the Sanskrit word *kama* must certainly be killed out entirely before any sort of advancement can be made, but in the English sense of the word we all of us still have certain desire, and are likely to have them for a very long time to come. We desire keenly, for example, to serve the Master; to become His pupils; to help humanity. These also are desires, but they should not be killed. What is necessary is to kill out the lower and

nhưng đối với tiến bộ trên Đường Đạo, nó luôn luôn còn tệ hơn phương hại—nó tuyệt đối chí tử đối với điều đó. Một trong những bài học vĩ đại đầu tiên phải học trên Con Đường là tự chủ hoàn toàn, và một chặng đường dài hướng về điều ấy là vắng bóng hoàn toàn lo âu. Ban đầu, do thói quen, chất liệu của thể cảm dục vẫn còn dễ dàng bị cuốn vào những xoáy không cần thiết, nhưng mỗi lần điều đó xảy ra người ấy phải kiên quyết xóa bỏ chúng, và khôi phục nhịp đu đưa đều đặn của cảm xúc mà y, với tư cách chân ngã, thực sự mong muốn có.

Hãy để y tự lấp đầy mình đến tận cùng bằng tình thương thiêng liêng để nó luôn tuôn ra từ y theo mọi hướng dưới dạng tình thương đối với đồng loại, và khi ấy sẽ không còn chỗ cho những rung động không cần thiết; y sẽ không còn thời gian để lo lắng về chuyện vụn vặt cá nhân nếu cả cuộc đời y dành cho sự phụng sự Thượng đế, trong nỗ lực giúp đẩy nhanh tiến hoá của thế gian. Để có bất kỳ tiến bộ thực sự nào hoặc làm được bất kỳ công việc thực sự nào, một người phải quay lưng với điều thấp và vươn tới điều cao; y phải đi ra khỏi thế giới của *chúng ta* vào Thế Giới của Các Ngài—ra khỏi bồn chồn vào sự bình an vượt ngoài sự thấu hiểu.

DIỆT TRỪ DỤC VỌNG

Chúng ta thường được bảo rằng phải diệt trừ dục vọng; nhưng cần nhớ rằng đó là một tiến trình tuần tự. Những dục vọng thấp và thô thuộc về từ tiếng Phạn *kama* chắc chắn phải bị diệt hoàn toàn trước khi có thể tiến lên chút nào, nhưng theo nghĩa tiếng Anh của từ này thì tất cả chúng ta vẫn còn có những dục vọng nhất định, và có lẽ sẽ còn có chúng trong một thời gian rất dài nữa. Chẳng hạn, chúng ta khao khát mãnh liệt được phụng sự Chân sư; được trở thành môn sinh của Ngài; được giúp nhân loại. Đó cũng là dục vọng, nhưng chúng không nên bị diệt. Điều cần là diệt bỏ điều thấp

reach up to the higher, that is to say, to purify our desires and to transmute them into aspirations.

và vươn tới điều cao, nghĩa là thanh lọc dục vọng và chuyển hoá chúng thành hoài bão.

Later on another transmutation will take place. For example, now we desire to make progress; but a time will come when we shall be so sure of it that we shall cease to desire, because we know that all the time it is going on as rapidly as is possible for us, and because we mean that it shall so go on. Desire is then transmuted into resolution. At this point there can be no more regret for anything; you do your best and you know that in response to that the best must come. Some people desire earnestly to gain this quality or that; do not waste your power in desiring and wishing, but *will* instead.

Về sau sẽ diễn ra một sự chuyển hoá khác. Thí dụ, hiện nay chúng ta khao khát tiến bộ; nhưng sẽ đến lúc chúng ta chắc chắn về nó đến mức thôi không ham muốn nữa, vì chúng ta biết rằng mọi lúc điều đó đang diễn ra nhanh nhất có thể đối với ta, và vì chúng ta chủ định rằng nó sẽ diễn ra như vậy. Khi ấy, dục vọng được chuyển hoá thành quyết tâm. Tại điểm này sẽ không còn nuối tiếc gì về bất cứ điều gì; bạn làm hết sức mình và bạn biết rằng đáp lại điều đó, điều tốt nhất ắt phải đến. Một số người khao khát mãnh liệt đạt được phẩm tính này hay phẩm tính khác; đừng lãng phí năng lực của bạn vào ham muốn và ước ao, mà hãy *định chí* thay vào đó.

In the same way it is said that we should slay the lunar form, that is to say the astral body. But that does not mean that the astral body must be destroyed or that we must be without feelings and emotions. If that could be so we should have no sympathy and no understanding of others. What is intended is that we should keep it completely under control, that we should have the faculty to slay the lunar form at *will*. Purity is necessary, but it means not only the abstinence from specified faults, but absolute selflessness. Ambition, for example, is a very common form of desire, but in it there is always a thought of self. The adept cannot be ambitious. His will is one with the will of the LOGOS, and he wills evolution. We are all parts of the LOGOS, and our wills are part of His. It is only when we do not realize this that we set up desires in our own separate lines. The regulations for our lives were very well summed up by the Lord BUDDHA in one little verse of four short lines:

Tương tự, người ta nói rằng chúng ta nên sát diệt hình thể nguyệt tính, tức là thể cảm dục. Nhưng điều đó không có nghĩa là thể cảm dục phải bị phá hủy hay rằng chúng ta phải không có cảm thọ và cảm xúc. Nếu vậy, chúng ta sẽ không có cảm thông và không hiểu biết người khác. Ý định là chúng ta phải giữ nó hoàn toàn dưới quyền kiểm soát, rằng chúng ta phải có năng lực sát diệt hình thể nguyệt tính theo *ý chí*. Thanh khiết là cần thiết, nhưng nó không chỉ là kiêng các lỗi lầm chỉ định, mà là vô ngã tuyệt đối. Chẳng hạn, tham vọng là một dạng dục vọng rất thường gặp, nhưng trong nó luôn có ý nghĩ về cái tôi. Một chân sư không thể có tham vọng. Ý chí của Ngài là một với Ý chí của Thượng đế, và Ngài muốn tiến hoá. Tất cả chúng ta đều là những phần của Thượng đế, và ý chí của chúng ta là phần của Ý chí Ngài. Chỉ khi không nhận ra điều này, chúng ta mới dựng lên những dục vọng theo các đường lối tách biệt riêng. Quy điều cho đời sống của chúng ta đã được Đức PHẬT tóm lược rất hay trong một bài kệ bốn dòng ngắn:

Sabbapapassa akaranam

Kusalassa upasampada

Sachitta pariyo dapanam

Etam Buddhana sasanam.

Cease from all evil;

Learn to do well;

Cleanse your own heart;

This is the religion of the BUDDHAS.

Sabbapapassa akaranam

Kusalassa upasampada

Sachitta pariyo dapanam

Etam Buddhana sasanam.

Hãy dừng mọi ác hạnh;

Hãy học làm lành;

Hãy tự tịnh hoá tâm mình;

Ấy là tôn giáo của chư PHẬT.

THE CENTRE OF MY CIRCLE

Of all the many obstacles that stand in the way of the aspirant who wishes to enter upon the Path, the most serious, because the most far-reaching and fundamental, is self-centredness. Note that by this I do not mean the crude and ugly selfishness, which definitely seeks everything for itself even at the cost of others. I am, of course, supposing that that at least has been left behind long ago. But in those who have left it behind, there still lingers this other evil—so subtle and so deeply-rooted that they do not recognize it as an evil at all—indeed, they are not even aware of its existence. But let a man examine himself honestly and impartially, and he will find that all his thought is self-centred; he thinks often of other people and of other things, but always in their relation to himself; he weaves many imaginary dramas, but he himself occupies always a prominent role in them. He must always be in the centre of his little stage, with the limelight playing upon him; if he is not in that position he at once feels hurt, annoyed, angry, and jealous of any other person who happens for the moment to be attracting the

TÂM ĐIỂM CỦA VÒNG TRÒN CỦA TÔI

Trong tất cả những chướng ngại đứng chắn đường người chí nguyện muốn bước vào Con Đường, nghiêm trọng nhất, vì bao trùm và căn để nhất, là tâm trung tâm vào bản ngã. Lưu ý rằng tôi không có ý nói đến thứ vị kỷ thô lậu và xấu xí, vốn minh nhiên tìm mọi điều cho mình ngay cả bằng cái giá của người khác. Tôi dĩ nhiên giả định rằng ít ra điều ấy đã được bỏ lại từ lâu. Nhưng nơi những người đã bỏ nó phía sau, vẫn còn vương lại tệ nạn khác này—tinh vi đến thế và ăn sâu đến thế đến nỗi họ không nhận ra nó là tệ nạn chút nào—thực vậy, họ thậm chí không hay biết sự tồn tại của nó. Nhưng cứ để một người tự xét mình một cách thành thật và vô tư, y sẽ thấy rằng tất cả tư tưởng của y đều quy ngã; y nghĩ thường xuyên về người khác và các sự vật khác, nhưng luôn trong tương quan của chúng với chính y; y dệt nên nhiều vở kịch tưởng tượng, nhưng y luôn đảm nhiệm vai trò nổi bật trong đó. Y phải luôn ở tâm điểm của sân khấu nhỏ của y, dưới ánh đèn rọi chiếu vào y; nếu y không ở vị trí ấy, y lập tức thấy bị tổn thương, bực bội, giận dữ, và ghen tị với bất kỳ người nào khác tình cờ đang thu hút sự chú ý của những kẻ lẽ ra phải

attention of those who ought to be worshipping at *his* shrine. To change so fundamental a quality is to change for him the root of all things, to make himself into an altogether different man. Most people cannot for a moment face the possibility of such a radical change because they do not even know that the condition exists.

thờ phụng tại bàn thờ của *y*. Đổi thay một phẩm tính căn để như thế là đổi thay gốc rễ của mọi sự đối với y, biến y thành một con người hoàn toàn khác. Đa số người thậm chí không thể đối mặt một giây với khả năng của một đổi thay triệt để như vậy, vì họ thậm chí không biết tình trạng ấy tồn tại.

Now, this attitude is absolutely fatal to any kind of progress. It must be utterly changed, and yet so few are making any attempt to change it. There is one way out of this vicious circle, and only one; and that is the way of love. That is the only thing in the life of the ordinary man which ever changes this condition for him, which seizes upon him with a strong hand and for the time being alters his whole attitude. For a time, at least, when he falls in love, as it is called, some other person occupies the centre of his circle, and he thinks of everything in all the world in its relation to her, and not in its relation to himself. The divinity at whose shrine he offers this worship may in truth seem to the rest of the world to be but a very ordinary person, but for him she is temporarily the incarnation of grace and beauty; he sees in her the divinity which is in truth hers, because it lies latent in all of us, though normally we do not see it. It is true that in many cases after a time his enthusiasm fades and he transfers it to another object; but nevertheless for the time he has ceased to be self-centred, for the time he has had a wider outlook.

Giờ đây, thái độ này tuyệt đối chí tử đối với bất kỳ hình thức tiến bộ nào. Nó phải bị thay đổi tận gốc, vậy mà chỉ ít người đang cố gắng thay đổi nó. Có một lối thoát ra khỏi vòng luẩn quẩn này, và chỉ có một; và đó là con đường của tình thương. Đó là điều duy nhất trong đời sống của người thường bao giờ cũng khiến điều kiện này thay đổi đối với y, nắm trọn y trong bàn tay mạnh mẽ và trong một thời đoạn làm đổi thay toàn bộ thái độ của y. Trong một thời đoạn, ít nhất, khi y "phải lòng" như người ta nói, một người khác chiếm lĩnh tâm điểm vòng tròn của y, và y nghĩ mọi điều trong toàn thế gian trong tương quan của chúng với nàng, chứ không phải với chính mình. Vị thần trước bàn thờ của ai y dâng cúng sự thờ phượng này đối với người khác có thể chỉ là một người hết sức bình thường, nhưng đối với y nàng tạm thời là hiện thân của duyên dáng và vẻ đẹp; y thấy nơi nàng tính thiêng liêng thật sự thuộc về nàng, vì nó tiềm ẩn trong tất cả chúng ta, dù thường ngày ta không thấy. Đúng là trong nhiều trường hợp, sau một thời gian, nhiệt tình của y phai nhạt và y chuyển nó sang đối tượng khác; nhưng dẫu sao, trong thời gian ấy y đã thôi không quy ngã, trong thời gian ấy y đã có một tầm nhìn rộng hơn.

Now this, which the ordinary man thus does unconsciously, the student of occultism must do consciously. He must deliberately dethrone himself from the centre of the circle of his life, and he must enthrone the Master there instead. He has been in the habit of thinking instinctively how everything will

Điều mà người thường làm một cách vô thức như vậy, đạo sinh của huyền bí học phải làm một cách hữu thức. Y phải cố ý truất phế mình khỏi tâm điểm của vòng tròn đời sống mình, và y phải tôn Chân sư lên ngôi ở đó. Y đã quen theo bản năng nghĩ xem mọi việc sẽ ảnh hưởng y ra sao, hay y có thể lợi dụng nó thế

affect him, or what he can make of it, how he can turn it to is profit and pleasure. Instead of that he must now learn to think of *everything* as it affects the Master, and since the Master lives only to help the evolution of humanity, that means that he must regard everything from the stand-point of its helpfulness or hindrance to the cause of evolution. And though at first he will have to do this consciously and with a certain effort, he must persevere until he does it just as unconsciously, just as instinctively as heretofore he centred everything around himself. To use the words of a Master, he must forget himself utterly only to remember the good of other.

nào, y có thể biến nó thành lợi lộc và thú vui cho mình ra sao. Thay vì thế, giờ đây y phải học nghĩ về *mọi thứ* như chúng ảnh hưởng đến Chân sư thế nào, và vì Chân sư chỉ sống để giúp tiến hoá của nhân loại, điều đó có nghĩa là y phải nhìn mọi điều từ quan điểm tính hữu ích hay chướng ngại của nó đối với sự nghiệp tiến hoá. Và dù lúc đầu y phải làm điều này một cách hữu thức và với một nỗ lực nhất định, y phải kiên trì cho đến khi y làm điều đó cũng vô thức như trước nay y vẫn theo bản năng đặt mọi sự xoay quanh mình. Dùng lời của một Chân sư, y phải quên mình hoàn toàn chỉ để nhớ đến điều lành cho người khác.

But even when he has dethroned himself and enthroned the work which he has to do, he must be exceedingly careful that he does not delude himself, that he does not return to the old self-centredness in a subtler form. Many a good and earnest Theosophical worker have I known who committed this very mistake, who identified Theosophical work with himself, and felt that anyone who did not exactly agree with his ideas and his methods was an enemy of Theosophy. So often the worker thinks that his way is the only way, and that to differ from him in opinion is to be a traitor to the cause. But this means only that the self has crept skilfully back into its old place in the centre of the circle, and that the work of dislodging it must be begun all over again. The only power which the disciple should desire is that which makes him seem as nothing in the eyes of men. When he is the centre of his circle he may do good work, but it is always with the feeling that *he* is doing it, even largely with the object that it may be he that does it; but when the Master is the centre of his circle he will do the work simply in order that it may be done. The work is done for the sake of the work and not for the sake of the

Nhưng ngay cả khi y đã phế ngôi chính mình và tôn ngôi cho công việc mà y phải làm, y vẫn phải hết sức cẩn trọng để khỏi tự đánh lừa mình, để khỏi quay về lối tập trung vào bản thân theo một hình thức tinh vi hơn. Tôi đã biết không ít những người phụng sự Thông Thiên Học tốt lành và thành tâm lại phạm đúng lỗi lầm này, đồng hoá công việc Thông Thiên Học với bản thân, và cảm thấy rằng ai không hoàn toàn đồng ý với ý kiến và phương pháp của y thì là kẻ thù của Thông Thiên Học. Người phụng sự thường nghĩ rằng đường lối của mình là duy nhất, và rằng khác ý với y là phản bội sự nghiệp. Nhưng điều đó chỉ có nghĩa là cái "ta" đã khéo léo len lỏi trở về chỗ cũ, ngay giữa vòng tròn, và rằng công việc lôi nó ra khỏi chỗ ấy phải bắt đầu lại từ đầu. Quyền năng duy nhất mà người đệ tử nên khát khao là quyền năng khiến y trở nên hư vô trong mắt người đời. Khi y là trung tâm của vòng tròn của y, y có thể làm được việc tốt, nhưng bao giờ cũng với cảm thức rằng *y* đang làm việc ấy, thậm chí phần lớn còn nhằm mục đích để chính y là người làm nó; nhưng khi Chân sư là trung tâm vòng tròn của y, y sẽ làm việc đơn giản chỉ để cho công việc được hoàn tất. Công việc được làm vì chính công việc, chứ

doer. And he must learn to look upon his own work precisely as though it were that of some one else, and upon the work of some one else precisely as though it were his own. The one thing that is important is that the work should be done. It matters little who does it. Therefore, he ought neither to be prejudiced in favour of his own work and unduly critical of that of another, nor be hypocritically depreciatory of his own work in order that others may praise it. To quote the words of Ruskin with regard to art, he ought to be able to say serenely: "Be it mine or yours, or whose else it may, this also is well."

không vì người làm. Và y phải học nhìn công việc của mình như thể đó là việc của ai khác, và nhìn công việc của người khác như thể đó là việc của chính mình. Điều duy nhất quan trọng là công việc phải được làm xong. Ai làm không mấy hệ trọng. Do đó, y không nên thiên lệch về phía công việc của mình mà quá mức khắt khe với công việc của người khác, cũng không nên giả vờ hạ thấp công việc của mình để người khác khen ngợi. Mượn lời Ruskin nói về nghệ thuật, y nên có thể điềm nhiên nói: "Dù là của tôi hay của anh, hay của ai khác đi nữa, thì điều này cũng lành."

Another danger there is, too, which is special to the Theosophical worker—the danger of congratulating himself too soon that he differs from the rest of the world. Theosophical teaching puts a new complexion upon everything, so naturally we feel that our attitude is quite different from that of most other people. There is no harm in thinking this obvious truth, but I have found that some of our members are apt to pride themselves upon the fact that they are able to recognize these things. It does not in the least follow that we, who find ourselves able to recognize them are, therefore, better than others. Others men have developed themselves along other lines, and along those lines they may be very far in advance of us, though along our line they may be very far in advance of us, though along our line they lack something which we already have. Remember, the adept is the perfect man who is fully developed along all possible lines, and so while we have something to teach these others we also have much to learn from them, and it would be the height of folly to despise a man because he has not yet acquired Theosophical knowledge, nor even perhaps the qualities which enable him to appreciate it. Therefore, in this sense also we must take care not to be the centre of our own circle.

Còn có một mối nguy nữa, đặc thù với người phụng sự Thông Thiên Học—nguy cơ sớm tự chúc mừng rằng mình khác người đời. Giáo lý Thông Thiên Học đem lại sắc thái mới cho mọi sự, nên tự nhiên chúng ta cảm thấy thái độ của mình khác hẳn phần đông người khác. Nghĩ điều chân hiển nhiên đó không có gì sai, nhưng tôi nhận thấy một số hội viên của chúng ta hay tự hào về việc mình có thể nhận ra những điều ấy. Điều đó tuyệt nhiên không hề kéo theo rằng chúng ta, những người tự thấy mình có thể nhận ra chúng, vì thế mà hơn kẻ khác. Những người khác đã tự phát triển theo các đường hướng khác, và theo các đường ấy họ có thể rất xa vượt trước chúng ta, dù theo đường của chúng ta họ thiếu điều gì đó mà chúng ta đã có. Hãy nhớ, chân sư là con người hoàn hảo phát triển trọn đủ theo mọi đường hướng khả hữu; vậy nên, trong khi chúng ta có điều để dạy những người kia, chúng ta cũng có nhiều điều để học ở họ, và thật là dại dột tột bậc nếu khinh miệt một người chỉ vì anh ta chưa tiếp thu được tri thức Thông Thiên Học, hay thậm chí chưa có các phẩm tính giúp anh ta biết trân trọng nó. Do đó, theo nghĩa này nữa, chúng ta cũng phải cẩn thận đừng làm trung tâm cho vòng tròn của chính mình.

A good plan that you may adopt in order to keep yourself from slipping back into the centre may be to remember, as a symbol of what ought to be your attitude, what I have before explained to you with regard to the occult view of the course and influence of the planets. You remember how I explained to you that each planet is a minor focus in an ellipse, the major focus of which is within the body of the sun. You are like that minor focus; you are going upon your own course and doing the work appointed to you, and yet all the time you are but a reflection of the major focus, and your consciousness is centred within the sun, for the Master of whom you are a part is a member of the Great Hierarchy which is ever doing the work of the LOGOS.

Một phương sách tốt mà bạn có thể áp dụng để khỏi trượt ngược về trung tâm là ghi nhớ, như một biểu tượng về thái độ bạn nên có, điều tôi đã giải thích trước đây với bạn liên quan đến quan điểm huyền môn về quỹ đạo và ảnh hưởng của các hành tinh. Bạn nhớ tôi đã giải thích rằng mỗi hành tinh là một tiêu điểm phụ trong một đường elip, mà tiêu điểm chính nằm trong thân của mặt trời. Bạn giống như tiêu điểm phụ ấy; bạn đi trên quỹ đạo riêng và làm công việc được giao phó cho bạn, và vậy mà suốt thời gian ấy bạn chỉ là một phản ảnh của tiêu điểm chính, và tâm thức của bạn được đặt ở trong mặt trời, vì Chân sư của Người mà bạn là một phần vốn là thành viên của Thánh Đoàn, vốn không ngừng thực thi công việc của Thượng đế.

While a man is the centre of his own circle he is perpetually making the mistake of thinking that he is the centre of everybody else's. He constantly supposes that in everything which other people say or do they are somehow thinking of him, or aiming their remarks at him, and with many this becomes a kind of obsession, and they seem totally unable to realize that each of their neighbours is as a rule also entirely wrapped up in himself and not thinking of them at all. So the man makes for himself a great deal of totally unnecessary trouble and worry, all of which might be avoided if we would but see things in a sane and rational perspective. Again, it is because he is the centre of his own circle that he is liable to depression, for that comes only to one who is thinking of himself. If the Master be the centre of his circle, and all his energies are centred upon serving Him, he has no time for depression, nor has he the slightest inclination towards it. He is far too eagerly wishing for work that he can do. His attitude should be that indicated by our President in her *Autobiography*—that when a man sees a piece of work waiting to be done he should

Chừng nào một người còn là trung tâm vòng tròn của chính y, y còn mãi mắc lỗi cho rằng y là trung tâm vòng tròn của tất cả mọi người khác. Y liên tục cho rằng trong mọi điều người khác nói hay làm, họ bằng cách nào đó đang nghĩ đến y, hay nhằm các nhận xét vào y, và với nhiều người, điều này trở thành một ám chấp, họ dường như hoàn toàn không thể nhận ra rằng mỗi người láng giềng của họ, theo lẽ thường, cũng hoàn toàn cuộn kín trong chính mình và chẳng nghĩ gì tới họ cả. Thế là người ấy tự chuốc cho mình vô vàn rắc rối và lo âu hoàn toàn không cần thiết—tất cả những điều lẽ ra có thể tránh được nếu chúng ta chịu nhìn sự việc bằng một viễn cảnh lành mạnh và hợp lý. Một lần nữa, chính vì y là trung tâm vòng tròn của mình nên y dễ rơi vào u uất, vì điều ấy chỉ đến với kẻ đang nghĩ về chính mình. Nếu Chân sư là trung tâm vòng tròn của y, và mọi năng lực của y đều tập trung vào việc phụng sự Ngài, y không có thời giờ cho u uất, cũng chẳng có chút khuynh hướng nào về nó. Y quá khát khao có việc để làm. Thái độ của y nên là thái độ mà vị Chủ tịch của chúng ta gợi ý trong *Tự truyện* của Bà—rằng khi một người thấy một phần việc đang chờ, y không nên nói

say, not as the ordinary man usually does: "Yes, it would be a good thing, and somebody ought to do it. But why should I?"—but rather he should say: "Somebody ought to do this. Why should it not be I?"

As he evolves his circle will widen, and in the end there will come a time when his circle will be infinite in extent, and then in a sense he himself will again be its centre, because he has identified himself with the LOGOS, who is the centre of all possible circles, since every point is equally the centre of a circle whose radius is infinite.

OUR DUTY TO ANIMALS

While you are trying to do your best for all those around you, do not forget that you also have a duty towards forms of life lower than the human. In order that you may be able to do that, try to understand your lower brothers, try to understand the animals, just as you try to understand on a higher level the children with whom you have to deal. Just as you learn, if you want to help a child, to look at things from the child's point of view, so, if you want to help the animal evolution, try to see what is the animal's point of view. In all cases and with all forms of life our business is to love and to help, and to try to bring nearer the golden age when all shall understand one another and all shall co-operate in the glorious work that is to come.

There is no reason why our domestic animals should not be trained to help man, and to work in his service, so long as the work is not painful or excessive. But all the creatures around us should be trained in the way best for themselves; that is to say, we should always remember that their evolution is the object of the divine Will. So that while we

như người thường vẫn nói: "Vâng, đó là điều tốt, và ai đó nên làm. Nhưng tại sao lại là tôi?"—mà y nên nói: "Ai đó nên làm việc này. Tại sao lại không phải là tôi?"

Khi y tiến hoá, vòng tròn của y sẽ rộng ra, và sau cùng sẽ có lúc vòng tròn ấy vô hạn về tầm vóc, và bấy giờ theo một nghĩa nào đó y lại sẽ là trung tâm của nó, vì y đã đồng hoá với Thượng đế, Đấng là trung tâm của mọi vòng tròn khả hữu, bởi vì mọi điểm đều đồng thời là trung tâm của một vòng tròn có bán kính vô hạn.

BỔN PHẬN CỦA CHÚNG TA ĐỐI VỚI LOÀI VẬT

Trong khi bạn đang cố gắng làm điều tốt nhất cho mọi người chung quanh, đừng quên rằng bạn cũng có bổn phận đối với các dạng sự sống thấp hơn loài người. Để bạn có thể làm điều đó, hãy cố hiểu những người em thấp hơn, hãy cố hiểu loài vật, cũng như bạn cố hiểu ở cấp cao hơn những trẻ em mà bạn phải chung đụng. Cũng như khi muốn giúp một đứa trẻ, bạn học nhìn sự vật từ quan điểm của đứa trẻ, thì nếu bạn muốn giúp sự tiến hoá của loài vật, hãy cố xem quan điểm của loài vật là gì. Trong mọi trường hợp và với mọi dạng sự sống, bổn phận của chúng ta là yêu thương và giúp đỡ, và cố đưa lại gần hơn thời đại hoàng kim khi mọi người sẽ hiểu nhau và cùng hiệp tác trong công cuộc vinh quang đang đến.

Không có lý do gì khiến thú nuôi của chúng ta không được rèn luyện để giúp con người và làm việc trong sự phụng sự của con người, miễn là công việc ấy không gây đau đớn hay quá sức. Nhưng mọi sinh vật quanh ta nên được huấn luyện theo cách tốt nhất cho chính chúng; nghĩa là, chúng ta phải luôn nhớ rằng sự tiến hoá của chúng là mục đích của Ý Chí

should surely teach our animals all that we can, because that developes their intelligence, we must take care that we instil into them good qualities and not evil. We have various creatures brought among us. We have the dog, the cat, the horse and other originally wild animals given into our care—brought to us for affection and help. Why? That we may train them out of their ferocity, and into a higher and more intelligent state of life—that we may evoke in them devotion, affection and intellect.

thiêng liêng. Do vậy, trong khi chắc chắn chúng ta nên dạy cho loài vật của mình tất cả những gì có thể, vì điều đó phát triển trí tuệ của chúng, ta phải cẩn thận gieo vào chúng những phẩm chất tốt chứ không phải xấu. Nhiều loài được đưa đến sống giữa chúng ta. Chúng ta có chó, mèo, ngựa và các loài thú hoang nguyên thủy khác được trao vào tay ta —đem đến cho chúng ta để yêu thương và giúp đỡ. Tại sao? Để chúng ta huấn luyện chúng thoát khỏi tính hung hãn và bước vào một trạng thái sống cao hơn, thông minh hơn—để chúng ta khơi dậy nơi chúng lòng tận hiến, tình thương và trí tuệ.

But we must take good care that we help, not hinder; we must see that we do not increase in our animal the ferocious qualities which it is the business of is evolution to get rid of. For example, a man who trains a dog to hunt and kill is intensifying within him the very instincts which must be eliminated if the animal is to evolve, and in this way he is degrading a creature given into his charge instead of helping him on his way, even though at the same time he may be developing the animal's intelligence; and thus, though he may do a little good, he is at the same time doing a great deal of harm which far more than counterbalances it. The sane thing is true of a man who trains his dog to be ferocious in order that he may be an efficient protector of his property.

Nhưng chúng ta phải rất cẩn thận để giúp chứ không cản trở; phải đảm bảo rằng ta không làm gia tăng trong con vật những phẩm chất hung bạo mà công cuộc tiến hoá của nó có nhiệm vụ loại bỏ. Chẳng hạn, người huấn luyện chó đi săn và giết đang tăng cường trong nó đúng những bản năng phải bị loại trừ nếu con vật muốn tiến hoá; theo cách đó, thay vì giúp nó trên đường đi, anh ta lại làm suy đồi một sinh linh được trao vào tay mình, dù đồng thời anh ta có thể đang phát triển trí thông minh của con vật; và như thế, dù anh ta có làm được chút điều tốt, thì đồng thời anh ta cũng đang gây rất nhiều điều hại, lấn át xa điều tốt kia. Điều tương tự đúng với người huấn luyện chó trở nên hung dữ để nó có thể bảo vệ hữu hiệu tài sản của mình.

A man who treats an animal harshly or cruelly may possibly be evolving his intellect, since the animal may learn to think more keenly in order to see how to avoid the cruelty. But along with whatever evolution may be gained in this way, there is also the development of the exceedingly undesirable qualities of fear and hatred. Thus when, later on, that animal wave of life goes up into humanity, we shall have a humanity starting terribly

Một người đối xử thô bạo hoặc tàn nhẫn với con vật có thể khiến trí tuệ của nó phát triển, vì con vật có thể học cách nghĩ sắc bén hơn để tránh bị tàn nhẫn. Nhưng cùng với bất kỳ sự tiến hoá nào có thể thu được theo lối ấy, cũng đồng thời phát triển những phẩm chất cực kỳ đáng ghét là sợ hãi và thù hận. Vậy nên, về sau, khi làn sóng sự sống của loài vật ấy vươn lên nhân loại, chúng ta sẽ có một nhân loại khởi đầu với thiệt thòi khủng khiếp—khởi đầu với

handicapped—starting with these awful qualities of fear and hatred ingrained in it, instead of a humanity all aspiring, devotional, loving and gentle, such as we might have had if the men to whom the animal part of that evolution was committed had done their duty.

những phẩm chất kinh tởm của sợ hãi và thù hận ăn sâu, thay vì một nhân loại chỉ thuần hướng thượng, tận hiến, yêu thương và dịu hiền, như lẽ ra chúng ta có thể có nếu những người được giao phó phần tiến hoá của loài vật đã làm tròn bổn phận.

We have also our duty towards other and even lower forms of life than that. There is the elemental essence, which is surrounding us everywhere; that elemental essence progresses by means of our thought, and of the action which we produce upon it by our thoughts, passions, emotions and feelings. We need not trouble ourselves especially about that, because if we carry out our higher ideals, if we try to see to it that all our thought and all our emotion shall be of the highest possible type, then that also will, at the same time and without further difficulty, be the discharging of our duty towards the elemental essences which are influenced by our thought; they will be raised and not depressed; the higher qualities which we alone can reach will be set in motion, vivified and helped at their respective levels.

Chúng ta cũng có bổn phận với những dạng sự sống khác, thậm chí còn thấp hơn nữa. Có Tinh chất hành khí, vốn bao quanh chúng ta ở khắp nơi; Tinh chất hành khí tiến bộ nhờ tư tưởng của chúng ta và nhờ tác động mà chúng ta tạo ra trên nó bằng tư tưởng, đam mê, cảm xúc và cảm giác. Chúng ta không cần bận tâm riêng rẽ về điều đó, vì nếu chúng ta thực hiện các lý tưởng cao cả của mình, nếu chúng ta cố gắng bảo đảm cho mọi tư tưởng và mọi cảm xúc đều thuộc phẩm loại cao nhất có thể, thì đồng thời, không cần thêm khó nhọc nào nữa, chúng ta cũng hoàn thành bổn phận đối với các Tinh chất hành khí chịu ảnh hưởng của tư tưởng chúng ta; chúng sẽ được nâng lên chứ không bị hạ xuống; các phẩm chất cao hơn—mà chỉ chúng ta mới có thể chạm tới—sẽ được khởi động, sinh động hoá và hỗ trợ ở các cấp độ tương ứng của chúng.

All through evolution the assistance of the higher is expected in the development of the lower, and it is not only by individualizing them that man has helped the members of the animal kingdom. In Atlantean days the very formation of their species was largely given over into his hands, and it is because he failed to do his duty properly that many things turned out rather differently from what was originally intended. His mistakes are largely responsible for the existence of carnivorous creatures which live only to destroy one another. Not that he was responsible for *all* carnivorous creatures; there were such among the gigantic reptiles of the Lemurian period, and man was not in any way directly

Xuyên suốt tiến hoá, sự trợ giúp của bậc cao hơn được kỳ vọng trong sự phát triển của bậc thấp hơn, và không chỉ bằng việc biệt ngã hóa chúng mà con người đã giúp các thành viên của giới động vật. Vào thời Atlantis, ngay cả việc hình thành các loài của chúng phần lớn cũng được trao vào tay con người, và bởi vì con người đã không làm tròn bổn phận đúng đắn của mình nên nhiều điều đã rẽ sang khác với dự định ban đầu. Những sai lầm của con người là nguyên nhân lớn dẫn đến sự tồn tại của các loài ăn thịt chỉ sống bằng cách hủy diệt lẫn nhau. Không phải rằng con người chịu trách nhiệm về *tất cả* các loài ăn thịt; đã có những loài như thế trong số các bò sát khổng lồ của thời kỳ Lemuria, và con người không trực tiếp

engaged in their evolution; but it was in part his work to assist in the development from those reptile forms of the mammalia which play so prominent a part in the world now. Here was his opportunity to improve the breeds and to curb the undesirable qualities of the creatures that came under his hands; and it is because he failed to do all that he night have done in this direction that he is to some extent responsible for much that has since gone wrong in the world. If he had done all his duty it is quite conceivable that we might have had no carnivorous mammals.

tham gia vào sự tiến hoá của chúng; nhưng một phần công việc của con người là trợ giúp phát triển từ các dạng bò sát ấy thành loài thú (động vật có vú) vốn đóng một vai trò rất nổi bật trong thế giới hiện nay. Đây là cơ hội của con người để cải thiện giống loài và kìm bớt những phẩm chất bất hảo của những sinh vật rơi vào tay mình; và vì con người đã không làm tất cả những gì *có thể* đã làm theo hướng này nên ở một mức độ nào đó con người chịu trách nhiệm về nhiều điều sau đó đã xảy ra sai lệch trên thế gian. Nếu con người đã làm trọn bổn phận, hoàn toàn có thể hình dung rằng chúng ta đã chẳng có các loài thú ăn thịt.

Mankind has for so long treated animals cruelly that the whole animal world has a general feeling of fear and enmity towards men. Men have generated in this way an awful karma, which comes back upon them in terrible suffering, in various forms of disease and of insanity. Yet, even after all this bad behaviour on the part of man, few animals will harm him if left alone. A serpent, for example, will not usually do any injury to a human being, unless he is first hurt or frightened; and the same thing is true of nearly all wild animals, except the very few who may regard man as food, and even they usually will not touch man if they can get anything else. Except when it is absolutely necessary in self-defence or in defence of another the destruction of any form of life ought always to be avoided, as it tends to retard nature's work. That is one of the reasons why all consistent Theosophists refuse to share the sin of slaughter by eating meat or fish, or by wearing such things as are obtained only by the slaughter of animals, like sealskin or the feathers of birds. Silk used to be obtained by the wholesale slaughter of silk-worms, but I hear that there is now a new way of obtaining it without destroying the worm.

Nhân loại đã đối xử tàn nhẫn với loài vật quá lâu đến nỗi cả thế giới loài vật mang một cảm thức chung về sợ hãi và thù nghịch đối với con người. Con người đã tạo ra theo cách ấy một nghiệp quả khủng khiếp, quay lại giáng trên họ bằng những thống khổ ghê gớm, dưới nhiều dạng bệnh tật và cuồng loạn. Tuy vậy, ngay cả sau tất cả những hành vi tệ hại ấy của con người, ít loài vật nào sẽ làm hại con người nếu được để yên. Một con rắn, chẳng hạn, thường sẽ không gây hại cho người, trừ khi nó bị làm đau hoặc bị hoảng sợ trước; và điều tương tự đúng với hầu như mọi loài thú hoang, ngoại trừ một số rất ít có thể xem con người là thức ăn, mà ngay cả chúng cũng thường sẽ không đụng đến con người nếu tìm được thức ăn khác. Trừ khi hoàn toàn cần thiết để tự vệ hoặc để bảo vệ người khác, việc hủy diệt bất kỳ dạng sự sống nào đều nên luôn luôn tránh, vì nó có xu hướng làm chậm công cuộc của thiên nhiên. Đó là một trong những lý do khiến mọi người Thông Thiên Học kiên định đều từ chối chia phần vào tội sát sinh bằng cách ăn thịt hoặc cá, hay mặc những vật chỉ có được bằng cách giết hại loài vật, như da hải cẩu hoặc lông chim. Lụa xưa kia có được bằng cách sát hại hàng loạt tằm, nhưng tôi nghe nói nay đã có cách mới để thu lụa mà không phá hại con tằm.

SYMPATHY

Never set yourself against the law of nature. Lately, man has gone astray from nature very much, and materialism has become widely spread. Many scientific men who know a great deal more about nature are very much less in sympathy with her than were their less instructed forefathers. In the useful, and indeed necessary, study of the exterior many have forgotten the interior; but men will pass through this intermediate stage of misunderstanding and come back into sympathy. The older people, who had a closer kinship with nature, carried on little of detailed examination, which would have seemed irreverent to them. Because we have become irreverent, have lost the living feeling, we pry remorselessly. We must take care not to lose the precision that we have gained by this intermediate stage, but must recover the sympathy. By sympathy one may find out a great deal which science alone can never discover. In the teaching of children, we need to make them feel that we understand them, even though in doing so we may sacrifice some scholastic advantages. The average child regards grown-up people as foreign entities, strange arbitrary beings.

All this is true also in connection with our studies of nature. The nature-spirits are afraid of us, if we study them too scientifically; we must go with them into their life, and then they will be interested in the life of humanity also. In their blind way, flowers and other things feel joy and friendliness. Emerson said that it appeared to him that when he returned home, the trees in his garden felt glad to see or feel him again, and no doubt it was quite true. The trees and animals do know the people who love them. In India people speak of the "lucky hand" in planting, meaning that things

CẢM THÔNG

Đừng bao giờ đặt mình đối lập với định luật của thiên nhiên. Gần đây, con người đã lạc xa khỏi thiên nhiên rất nhiều, và chủ nghĩa duy vật đã lan rộng. Nhiều nhà khoa học biết nhiều điều hơn hẳn về thiên nhiên lại kém cảm thông với nàng hơn các bậc tiên tổ kém học của họ. Trong việc nghiên cứu cái bề ngoài, vốn hữu ích và quả thực cần thiết, nhiều người đã quên cái bên trong; nhưng loài người sẽ đi qua giai đoạn trung gian của sự hiểu lầm này và quay trở lại với cảm thông. Người xưa, những người có mối thân tộc gần gũi với thiên nhiên, ít khi đi sâu vào khảo sát chi li—điều vốn sẽ có vẻ thiếu tôn kính đối với họ. Bởi vì chúng ta đã trở nên thiếu tôn kính, đã đánh mất cảm thức sống động, chúng ta bới móc không chút nể nang. Chúng ta phải cẩn thận đừng để mất sự chính xác mà ta đã đạt được qua giai đoạn trung gian này, nhưng phải phục hồi cảm thông. Nhờ cảm thông, người ta có thể khám phá rất nhiều điều mà khoa học đơn thuần không bao giờ có thể phát hiện. Trong việc giáo dục trẻ em, chúng ta cần làm cho chúng cảm thấy rằng ta hiểu chúng, dù khi làm vậy ta có thể phải hy sinh một vài lợi thế học đường. Đứa trẻ trung bình xem người lớn như những thực thể xa lạ, những hữu thể độc đoán kỳ quặc.

Tất cả những điều này cũng đúng trong mối liên hệ với việc học hỏi thiên nhiên của chúng ta. Các tinh linh thiên nhiên sợ chúng ta nếu chúng ta nghiên cứu chúng quá khoa học; chúng ta phải cùng đi vào đời sống của chúng, và thế thì chúng cũng sẽ quan tâm đến đời sống của nhân loại. Bằng cách mù quáng của mình, hoa cỏ và những sự vật khác cảm được niềm vui và tình thân. Emerson nói rằng ông có cảm tưởng khi ông trở về nhà, những cây trong vườn vui mừng thấy, hay cảm nhận, ông trở lại, và hẳn điều ấy rất đúng. Cây cối và thú vật nhận biết những người yêu thương chúng.

will grow for some people, but not for others. One must be in sympathy with the purpose of the LOGOS. If we are actively helping in the progress of all, we are living in His will, which penetrates nature, and this is felt by nature at once; but if we put ourselves in opposition to evolution, nature shrinks back from us like a sensitive child.

Ở Ấn Độ người ta nói đến "bàn tay may mắn" trong việc trồng trọt, nghĩa là sự vật sẽ mọc tốt với một số người này nhưng không với những người khác. Người ta phải hoà cảm với mục đích của Thượng đế. Nếu chúng ta đang tích cực trợ giúp tiến bộ chung của muôn loài, chúng ta đang sống trong Ý chí của Ngài, vốn thấm suốt thiên nhiên, và điều này được thiên nhiên cảm nhận tức thời; nhưng nếu chúng ta tự đặt mình đối lập với tiến hoá, thiên nhiên sẽ co rút khỏi chúng ta như một đứa trẻ nhạy cảm.

OUR ATTITUDE TOWARDS CHILDREN

What is your attitude towards your children? Remember that these are egos, sparks of the divine life. They have been entrusted to you, not that you may domineer over them and brutally ill-treat them, and use them for your own profit and advantage, but that you may love them and help them in order that they may be expressions of that divine life. What an outpouring of love then you ought to feel! How beyond all words your patience and compassion should be! How deeply you should feel the honour of being trusted to serve them in this way! Remember always that you are not the older and they the younger, but that as souls you are all about the same age, and therefore your attitude must not be that of a selfish and cruel dictator, but of a helpful friend. You do not regard your friend differently when he puts on a new coat; remember therefore that when you meet a child you are meeting a soul wearing a new coat, and you should try by perfect kindness and love to draw out the best that is in it, and to help it to fit on its new coat. Remember always that true good means good for all, and that good is *never* gained at the cost of suffering to others. That which is so gained is

THÁI ĐỘ CỦA CHÚNG TA ĐỐI VỚI TRẺ EM

Thái độ của bạn đối với con cái bạn là gì? Hãy nhớ rằng đó là những chân ngã, những tia lửa của sự sống thiêng liêng. Chúng đã được trao phó cho bạn, không phải để bạn áp chế và thô bạo ngược đãi, hay dùng chúng vì lợi ích và lợi lộc riêng, mà để bạn yêu thương và trợ giúp chúng hầu chúng có thể là những biểu lộ của sự sống thiêng liêng ấy. Vậy bạn nên cảm thấy một tràn trề Tình thương biết bao! Lòng nhẫn nại và bi mẫn của bạn phải vượt ngoài mọi lời! Bạn phải cảm nhận sâu xa biết bao niềm vinh dự được tin cậy để phụng sự chúng theo cách này! Hãy luôn nhớ rằng bạn không phải là người già hơn còn chúng là kẻ trẻ hơn, mà như các linh hồn thì tất cả các bạn đều xấp xỉ cùng một tuổi, nên thái độ của bạn không được là của một kẻ độc tài ích kỷ và tàn nhẫn, mà là của một người bạn trợ giúp. Bạn không nhìn bạn mình khác đi khi anh ta khoác một chiếc áo mới; vậy hãy nhớ rằng khi bạn gặp một đứa trẻ, bạn đang gặp một linh hồn khoác chiếc áo mới, và bạn nên cố gắng bằng lòng tốt trọn vẹn và tình thương để khơi ra điều tốt đẹp nhất ở trong nó, và giúp nó mặc cho vừa chiếc áo mới ấy. Hãy luôn nhớ rằng điều thiện chân thật là điều thiện cho tất cả, và điều thiện *không bao giờ* đạt được bằng cái giá là nỗi khổ của kẻ khác.

not really good at all.

Điều đạt được như thế không hề là điều thiện thực sự.

THE FEAR OF DEATH

NỖI SỢ CÁI CHẾT

The fear of death is a stern reality in the minds of many people. A far larger number suffer from it than one would suppose, and still more from the fear of what may happen to us after death. Naturally this is especially to be found among people who have ideas of hell, and of probable punishment if they do not believe this or that. It is a gross and degraded form of superstition, but still the suffering is real, and what is even worse is the fear as to the fate of *others* after death. Many a mother's whole life is embittered by doubts and fears as to what may happen to her son. He goes far away from her, perhaps; he falls into the ordinary habits of men of the world, and does many things contrary to the narrow religious teaching in which she has been brought up, and so she thinks that he must suffer eternal torture. While it is true that there is no eternal hell for him, there is certainly much real earthly suffering for her.

Nỗi sợ cái chết là một thực tại nghiêm khắc trong tâm trí nhiều người. Số người chịu nỗi sợ ấy lớn hơn nhiều so với ta tưởng, và còn nhiều người hơn nữa sợ điều có thể xảy ra cho chúng ta sau khi chết. Tự nhiên điều này đặc biệt phổ biến giữa những người có quan niệm về địa ngục, và về hình phạt có thể đến nếu họ không tin điều này hoặc điều kia. Đó là một hình thức mê tín thô thiển và suy đồi, nhưng nỗi khổ thì vẫn là thật, và còn tệ hơn là nỗi sợ về số phận của *kẻ khác* sau khi chết. Đời sống của không ít bà mẹ bị đắng cay trọn vẹn bởi hoài nghi và sợ hãi điều có thể xảy đến cho đứa con trai của mình. Có khi nó đi xa khỏi bà; nó rơi vào các thói quen thông thường của người đời, và làm nhiều điều trái với giáo lý tôn giáo hẹp hòi mà bà đã được dạy, thế là bà nghĩ rằng nó phải chịu cực hình muôn đời. Dù sự thật là nó không có địa ngục vĩnh cửu nào, thì chắc chắn có rất nhiều sự thống khổ trần thế thật sự cho bà.

But we know the law of karma, and realize that the states after death are simply a continuation of the life which we are now living, although on a higher plane and without a physical body; and when in addition we learn that what we commonly call life is only one day in the real and greater life, then all these things assume quite a different perspective. We know then that progress is absolutely certain. A man may stumble, he may set himself against the forces of progress, but he will be carried on by them in spite of himself, though when he resists there will be much of bruising and trouble for him. We see at once that this knowledge eliminates fear.

Nhưng chúng ta biết luật nghiệp quả, và nhận ra rằng các trạng thái sau khi chết chỉ đơn giản là sự tiếp tục cuộc đời mà hiện nay chúng ta đang sống, dẫu trên một cõi cao hơn và không có thể xác; và khi thêm nữa chúng ta học rằng điều chúng ta thường gọi là đời sống chỉ là một ngày trong sự sống chân thật và cao rộng hơn, thì tất cả những điều này khoác một viễn ảnh hoàn toàn khác. Lúc ấy chúng ta biết rằng tiến bộ là điều chắc chắn tuyệt đối. Một người có thể vấp ngã, y có thể tự đặt mình đối lập với các lực tiến bộ, nhưng y sẽ bị chúng cuốn đi bất chấp chính y; dù rằng khi y kháng cự, y sẽ chịu nhiều thương tích và rắc rối. Chúng ta lập tức thấy rằng tri thức này loại trừ sợ hãi.

The so-called loss of a loved one by death is

Cái gọi là mất đi người thân yêu bởi cái chết

really only a temporary absence, and not even that as soon as a man developes the power to see on the higher planes. Those whom we think we have lost are with us still, even though with our physical eyes we cannot see them; and we should never forget that, although we may sometimes be under the delusion that we have lost them, they are not in the least under the delusion that they have lost *us*, because they can still see our astral bodies, and as soon as we leave the physical vehicle in sleep we are with them and can communicate with them exactly as when they were on the physical plane.

thực ra chỉ là sự vắng mặt tạm thời, và thậm chí không còn là như vậy nữa ngay khi một người phát triển được năng lực để thấy trên các cõi cao. Những người mà ta tưởng ta đã mất vẫn ở với ta, dù với mắt hồng trần ta không thấy họ; và ta không bao giờ nên quên rằng, dù đôi khi ta bị ảo tưởng rằng ta đã mất họ, họ tuyệt nhiên không hề có ảo tưởng rằng họ đã mất *chúng ta*, bởi họ vẫn thấy thể cảm dục của ta, và ngay khi ta rời vận cụ hồng trần trong giấc ngủ, ta ở với họ và có thể giao tiếp với họ chính xác như khi họ còn trên cõi hồng trần.

We need not worry ourselves about saving our souls; rather on the other hand, as a Theosophical writer once said, we may not be entirely beyond the hope that some day our souls may save us. There is no soul to be saved in the ordinary sense in which the words are used, because we ourselves are the souls; and furthermore there is nothing to be saved from except our own error and ignorance. The body is nothing but a vestment, and when it is worn out we cast it aside.

Chúng ta không cần bận lòng về việc "cứu linh hồn mình"; trái lại, như một tác giả Thông Thiên Học đã từng nói, có lẽ chúng ta chưa đến nỗi tuyệt vọng đến mức một ngày nào đó linh hồn chúng ta có thể cứu chúng ta. Không có linh hồn nào để cứu theo nghĩa thông thường của các từ ấy, vì chính chúng ta là linh hồn; hơn nữa, chẳng có gì để cứu khỏi ngoài chính sai lầm và vô minh của mình. Thân xác chỉ là một tấm áo, và khi nó rách nát, ta cởi bỏ.

CO-OPERATION

HỢP TÁC

It is part of the scheme of the LOGOS that at a certain stage in its evolution humanity must begin to guide itself. Therefore all the future BUDDHAS, Manus and Adepts will be members of our own humanity, the Lords from Venus having gone on to other worlds. Therefore also the LOGOS actually counts upon us all, upon you and upon me. We may have ninety-nine faults and only one virtue, but if that one virtue is needed in the Theosophical work (and what virtue is not needed?) we shall surely have the opportunity to use it.

Trong kế đồ của Thượng đế, đến một giai đoạn nào đó trong tiến hoá của mình, nhân loại phải bắt đầu tự dẫn dắt. Bởi vậy, tất cả các Đức Phật tương lai, các Manu và các chân sư sẽ là thành viên của chính nhân loại chúng ta, vì các Đấng đến từ Sao Kim đã đi sang các thế giới khác. Cũng bởi vậy, Thượng đế thực sự trông cậy vào tất cả chúng ta, vào bạn và vào tôi. Chúng ta có thể có chín mươi chín lỗi và chỉ một đức, nhưng nếu đức ấy là điều cần trong công việc Thông Thiên Học (và có đức nào là không cần?) thì chắc chắn ta sẽ có cơ hội sử dụng nó.

We should then value our co-workers for

Chúng ta nên trân trọng các bạn đồng công vì

what they can do, and not be constantly blaming them for what they cannot do. Many people have earned the right to do some particular kind of work, notwithstanding that their defects may be greater than their virtue. People often make a sad mistake in comparing their work with that of others, and wishing that they had the same opportunities. The truth is that each one has his own gifts and his own powers, and it is not expected of any man that he should do as much as some other man, but only that he should do his best—just his own best.

điều họ có thể làm, chứ không nên bền bỉ trách cứ họ vì điều họ không thể làm. Nhiều người đã tạo được quyền làm một loại công việc đặc thù nào đó, dù rằng khiếm khuyết của họ có thể lớn hơn đức hạnh của họ. Người ta thường phạm một lỗi buồn là đem công việc của mình so với công việc của người khác, và ước mình có cùng cơ hội. Sự thật là mỗi người đều có thiên tư và năng lực riêng, và không ai đòi hỏi một người phải làm nhiều bằng người khác, mà chỉ đòi hỏi y làm hết sức mình—chỉ là hết sức của chính y.

The Master once said that in reality there are only two classes of men—those who know and those who do not know. Those who know are they that have seen the light and have turned towards it, through whatever religion they have come, at however great a distance from the light they may as yet find themselves. Many of them may be suffering much in their struggle towards that light, but at least they have hope before them, and while we sympathize deeply with them and strive to help them we yet realize that they are by no means in the worst case. The people really to be pitied are those who are quite indifferent to all higher thought—those who do not struggle because they do not care, or think, or know that there is anything for which to strive. These are they in truth who constitute "the great orphan humanity."

Chân sư từng nói rằng thực ra chỉ có hai hạng người—những người biết và những người không biết. Những người biết là những người đã thấy ánh sáng và đã quay về phía nó, bất kể họ đến qua tôn giáo nào, dẫu hiện nay họ còn ở cách ánh sáng ấy bao xa đi nữa. Nhiều người trong họ có thể khổ sở nhiều trên lộ trình vươn tới ánh sáng ấy, nhưng ít ra họ có hy vọng ở phía trước; và trong khi chúng ta sâu xa cảm thông với họ và cố gắng giúp họ, chúng ta vẫn nhận ra rằng họ không phải là trường hợp đáng thương nhất. Những người thật sự đáng thương là những người hoàn toàn dửng dưng với mọi tư tưởng cao hơn—những kẻ không phấn đấu vì họ không quan tâm, không suy nghĩ, không biết rằng có điều gì đó đáng để phấn đấu. Đấy quả thật là những người hợp thành "đứa trẻ mồ côi vĩ đại là nhân loại".

A DAY OF LIFE

MỘT NGÀY CỦA SỰ SỐNG

It is not wise to specialize beyond a certain point, because one can never really get to the end of any subject, and it tends more and more to narrow the mind and the outlook, to produce a one-sided and distorted development, and to cause one to view everything out of its due proportion. We are in the habit of thinking of a life-time as a long

Không khôn ngoan nếu chuyên biệt hoá quá một mức nào đó, vì người ta không bao giờ thực sự đi đến cùng một chủ đề nào, và nó càng lúc càng có xu hướng làm hẹp trí và tầm nhìn, tạo ra sự phát triển lệch lạc, méo mó, và khiến người ta nhìn mọi sự lệch khỏi tỉ lệ xứng hợp của chúng. Chúng ta có thói quen nghĩ một kiếp sống là một khoảng thời gian dài, nhưng

period, but really it is only a day in greater life. You cannot finish a really great piece of work in one day; it may need many days, and the work of one particular day may at the time show no appreciable result; but nevertheless every day's work is necessary to the completion of the great task, and if a man should idle day after day because the completion of the work seems so far off he would certainly not succeed in getting it done.

thực ra nó chỉ là một ngày trong sự sống lớn lao hơn. Bạn không thể hoàn tất một công trình thật lớn trong một ngày; nó có thể cần nhiều ngày, và công việc của một ngày đặc thù nào đó có thể vào lúc ấy chẳng cho thấy kết quả đáng kể; nhưng dẫu vậy, công việc của mỗi ngày đều cần thiết cho sự hoàn thành đại nhiệm, và nếu một người xao lãng ngày qua ngày vì việc hoàn tất xem ra quá xa, chắc chắn y sẽ không thể thành công trong việc hoàn tất nó.

There are many to whom Theosophy comes late in life, who feel themselves somewhat discouraged by the outlook, thinking they are too old now to take themselves in hand seriously or to do any valuable work, that the best that they can do now is to go quietly on to the end of this incarnation in the hope that they may have a better opportunity in the next.

Có nhiều người gặp Thông Thiên Học muộn trong đời, cảm thấy mình có phần chán nản khi nhìn về phía trước, nghĩ rằng giờ họ đã quá già để tự nghiêm túc chỉnh mình hoặc để làm công việc gì có giá trị, rằng điều tốt nhất họ có thể làm là bình thản đi đến cuối lâm phàm này với hy vọng đời tới sẽ có cơ hội tốt hơn.

This is a sad mistake, and that for various reasons. You do not know what kind of incarnation karma is preparing for you next time you return to earth. You do not know whether by any previous action you have deserved the opportunity of being born into Theosophical surroundings. In any case the most likely way to secure such a birth is to make use of the opportunity which has come to you now, for, of all that we have learned about the working of this great law of cause and effect, this one fact stands out most clearly—that the result of taking an opportunity is invariably that another and wider opportunity is given. If therefore you neglect the opportunity put before you by your encounter with Theosophy now, it is possible that in the next incarnation the chance may not come to you again.

Đó là một sai lầm đáng buồn, và vì nhiều lẽ. Bạn không biết nghiệp quả đang chuẩn bị cho bạn đời lâm phàm kế tiếp kiểu gì khi bạn tái sinh. Bạn không biết liệu bằng hành động nào trước kia bạn đã xứng đáng có được cơ hội sinh ra trong môi trường Thông Thiên Học hay chưa. Dù sao thì cách có khả năng nhất để bảo đảm một sự sinh như thế là tận dụng cơ hội đã đến với bạn bây giờ, vì trong tất cả những gì chúng ta đã học về sự vận hành của định luật nhân quả vĩ đại này, một sự thật nổi bật rõ rệt nhất—rằng kết quả của việc nắm lấy một cơ hội luôn luôn là cơ hội khác rộng lớn hơn được trao. Vậy nên nếu bạn lơ là cơ hội mà cuộc gặp gỡ với Thông Thiên Học trao cho bạn bây giờ, rất có thể trong kiếp tới cơ hội ấy sẽ không đến với bạn nữa.

If a man sets to work earnestly and permeates his spirit as thoroughly as possible

Nếu một người bắt tay vào công việc một cách nghiêm túc và thấm nhiễm tinh thần của y

with Theosophical ideas, that will build them well into the ego, and will give him so great an attraction towards them that he is certain, even though he may not remember them in detail, to seek for them instinctively, and to recognize them, in his next birth. Every man therefore should begin Theosophical work just as soon as he hears of it, because whatever of it he contrives to achieve, however little it may be, will be just so much to the good, and he will begin to-morrow where he has left off this time. Also by trying to do what he can with such vehicles as he has, obstinate and unresponsive though they may prove through lack of pliability, he will assuredly do much to earn for himself more pliable vehicles for next time. So no effort is lost, and it is never too late in any given life to enter upon the long, long upward path, and to make a commencement in the glorious work of helping others.

triệt để hết mức với các ý tưởng Thông Thiên Học, điều đó sẽ xây chúng vững chắc vào trong chân ngã, và sẽ cho y một sức hút mạnh mẽ đến với chúng đến mức y chắc chắn, dù có thể không nhớ chúng chi tiết, sẽ theo bản năng kiếm tìm chúng và nhận ra chúng trong lần sinh sau. Bởi vậy, mỗi người nên khởi sự công việc Thông Thiên Học ngay khi y nghe nói đến nó, vì bất cứ điều gì y xoay xở làm được, dẫu nhỏ đến đâu, cũng là bấy nhiêu điều tốt, và ngày mai y sẽ bắt đầu từ nơi y đã dừng lại lần này. Hơn nữa, bằng việc cố làm hết sức mình với những hiện thể mà y đang có, dẫu chúng cứng đầu và kém đáp ứng vì thiếu tính dẻo, y chắc chắn sẽ làm được nhiều điều để tự tạo cho mình những hiện thể dẻo hơn cho lần tới. Vậy nên chẳng nỗ lực nào uổng phí, và trong bất kỳ đời nào cũng không bao giờ là quá muộn để bước lên con đường dài, dài hướng thượng, và để khởi sự trong công cuộc vinh quang của việc giúp người.

With an eternal life before us it would be a mistake to worry because the present day is drawing near its evening, or in despair to neglect the preparations for the coming day. *Light on the Path* says: "Kill out desire of life." This is often misunderstood, but its meaning should be plain. You cannot lose your life; why then should you desire it? It cannot possibly be taken from you. At the same time the quotation means that you should kill out desire for particular bodily conditions.

Với một sự sống vĩnh cửu ở phía trước, sẽ là sai lầm nếu bận lòng vì ngày hiện tại đang gần về chiều, hay vì tuyệt vọng mà bỏ bê việc chuẩn bị cho ngày sắp đến. *Ánh sáng trên Đường Đạo* nói: "Hãy diệt dục vọng sống." Điều này thường bị hiểu sai, nhưng ý nghĩa của nó phải rõ ràng. Bạn không thể đánh mất sự sống của mình; vậy tại sao lại khao khát nó? Nó không thể bị tước khỏi bạn. Đồng thời, câu trích còn có ý rằng bạn nên diệt dục đối với những điều kiện thân xác đặc thù.

MEDITATION

THAM THIỀN

I think that our members sometimes mistake with regard to meditation, because they have not thoroughly understood the exact way in which it works. They sometimes think that because they do not feel happy and uplifted after a meditation it is therefore a failure and entirely useless, or they find themselves dull and heavy and incapable of meditation. There

Tôi nghĩ đôi khi các hội viên của chúng ta mắc sai lầm về tham thiền, vì họ chưa thấu hiểu cặn kẽ cách nó vận hành. Thỉnh thoảng họ nghĩ rằng vì họ không cảm thấy hạnh phúc và được nâng cao sau một thời khoá nên thời khoá ấy là thất bại và hoàn toàn vô ích, hoặc họ thấy mình đờ đẫn, nặng nề và bất lực trong tham thiền. Với họ, dường như chẳng có gì là

seems no reality in anything for them, no certainty about anything, and they feel that they are making no progress. They suppose that this must be somehow their own fault and they reproach themselves for it; but they often ask what they can do to improve matters and to restore the joy they used to feel.

thật, chẳng có gì chắc chắn, và họ thấy mình chẳng tiến bộ. Họ cho rằng chắc hẳn đó là lỗi nào đó của riêng mình và tự trách; nhưng họ thường hỏi họ có thể làm gì để cải thiện tình hình và khôi phục niềm vui họ từng cảm.

Now the fact is that that experience in regard to meditation is that of all seekers after the spiritual life; you will find that the Christian saints constantly speak of their sufferings at periods of what they call "spiritual dryness," when nothing seems any use and they feel as though they had lost sight of God altogether. Imagine that I am sitting looking through a wide-open window upon a beautiful hill-side, but the sky is dull grey, heavy with a vast pall of could probably miles in thickness. I have not seen the sun for three days. I cannot feel his rays, but I know he is there, and I know that some day these clouds will roll away as others have done, and I shall see him again. What is necessary for the life of the world is that he should be *there*, not that I should see him; it is far pleasanter to see him and to feel the warmth of his rays, but it is not a necessity of life. I know just exactly how these people feel, and it is cold comfort to be told that our feelings do not matter, even though there is a very real sense in which it is true.

Sự thực là trải nghiệm ấy trong tham thiền là trải nghiệm chung của mọi người tìm kiếm đời sống tinh thần; bạn sẽ thấy các thánh nhân Kitô giáo không ngừng nói về nỗi khổ của họ trong các thời kỳ mà họ gọi là "khô hạn tinh thần", khi chẳng có gì có ích và họ cảm như thể hoàn toàn đánh mất tăm tích Thượng đế. Hãy hình dung tôi đang ngồi nhìn qua một cửa sổ rộng mở ra một sườn đồi tươi đẹp, nhưng bầu trời là một màu xám chì, nặng nề với một màn mây dày có lẽ hàng dặm. Tôi đã không thấy mặt trời trong ba ngày. Tôi không cảm được những tia nắng của Ngài, nhưng tôi biết Ngài vẫn ở đó, và tôi biết rồi sớm muộn những đám mây này sẽ tan như những đám khác đã tan, và tôi sẽ lại thấy Ngài. Điều cần thiết cho sự sống của thế gian là Ngài phải *ở đó*, chứ không phải là tôi phải thấy Ngài; được thấy Ngài và cảm hơi ấm của tia nắng dĩ nhiên dễ chịu hơn nhiều, nhưng đó không phải là điều kiện tất yếu của sự sống. Tôi hiểu chính xác những gì những người này cảm, và thật lạnh lùng khi bảo rằng cảm xúc của chúng ta không quan trọng, dù theo một nghĩa rất thật thì điều đó đúng.

I think it is helpful to remember that our meditation has several objects—for example:

Tôi nghĩ hữu ích khi nhớ rằng tham thiền của chúng ta có vài mục đích—chẳng hạn:

To ensure that, however deeply we may be immersed in the affairs of the world, we shall devote at least some time each day to the thought of a high ideal.

Để bảo đảm rằng, dẫu chúng ta có thể đắm sâu đến đâu trong chuyện đời, thì mỗi ngày ta vẫn dành ít nhất một khoảng thời gian cho tư tưởng về một lý tưởng cao đẹp.

To draw us nearer to the Master and to the LOGOS, so that from Them strength may be

Để kéo chúng ta đến gần Chân sư và Thượng đế hơn, hầu từ Các Ngài sức mạnh có thể tuôn đổ

poured upon us and through us to benefit the world.

xuống chúng ta và thông qua chúng ta để lợi ích cho thế gian.

To train our higher bodies, so that they may have constant practice in responding to the highest vibration—to do the same thing for them that a carefully arranged system of gymnastics or regular exercises does for the physical body.

Để rèn luyện các thể cao, sao cho chúng có được sự thực tập thường xuyên trong việc đáp ứng rung động cao nhất—làm cho chúng điều tương tự như một hệ thống luyện tập hay rèn luyện thân thể được sắp xếp cẩn thận làm cho thể xác.

Now you will observe that all these objects are attained just the same whether we feel happy or not. A mistake that many people make is to suppose that a meditation which is unsatisfactory *to them* is therefore ineffectual. It is just like a little child performing daily her hour of practice upon the piano. Sometimes perhaps she partially enjoys it, but very often it is a weariness to her, and her only thought is to finish it as quickness to her, and her only thought is to finish it as quickly as possible. She does not know, but we do, that every such hour is accustoming her fingers to the instrument, and is bringing nearer and nearer the time when she will derive from her music an enjoyment of which now she does not even dream. You will observe that this object is being attained just as much by the unpleasant and unsatisfactory hour of practice as by that which she enjoys. So in the work of our meditation sometimes we feel happy and uplifted, and sometimes not; but in both cases alike it has been acting for our higher bodies as do the exercises of physical culture or training for our physical body. It is pleasanter when you have what you call a "good" meditation; but the only difference between what seems a good one and a bad one lies in its effect upon the feelings, and not in the real work which it does towards our evolution.

Bây giờ bạn sẽ thấy rằng tất cả những mục đích này đều được đạt như nhau, bất kể chúng ta có cảm thấy hạnh phúc hay không. Một sai lầm mà nhiều người mắc là cho rằng một thời khoá không vừa ý *đối với họ* thì vì vậy là vô hiệu. Điều đó giống như một bé gái hàng ngày thực hiện giờ tập đàn piano của mình. Có lúc em có phần thích thú, nhưng rất thường đó là một nỗi mệt mỏi, và ý nghĩ duy nhất của em là kết thúc nó càng nhanh càng tốt. Em không biết, nhưng chúng ta biết, rằng mỗi giờ tập như thế đang làm cho những ngón tay của em quen với nhạc cụ, và đang đưa lại gần hơn lúc em sẽ rút được từ âm nhạc một niềm vui mà giờ đây em chưa từng mơ thấy. Bạn sẽ nhận ra rằng mục đích ấy đang được đạt tới y như nhau bởi giờ luyện tập khó chịu và không vừa ý cũng như bởi giờ em thích thú. Vậy trong công việc tham thiền của chúng ta, đôi khi chúng ta thấy hạnh phúc và được nâng cao, đôi khi không; nhưng trong cả hai trường hợp, nó vẫn tác động lên các thể cao của ta y như những bài tập rèn luyện thể lý tác động lên thể xác. Dễ chịu hơn khi bạn có điều bạn gọi là một thời khoá "tốt"; nhưng sự khác biệt giữa cái dường như là một thời tốt hay xấu chỉ nằm ở tác động của nó lên cảm xúc, chứ không nằm ở công việc thực mà nó làm được cho tiến hoá của chúng ta.

The reason of the temporary dullness is not always in ourselves—or rather, it is not always attributable to anything that can

Nguyên do của trạng thái đờ đẫn tạm thời không phải lúc nào cũng ở nơi chúng ta—hay đúng hơn, không phải lúc nào cũng quy cho

reasonably be called our fault. Often it is purely physical, resulting from over-fatigue or a nervous strain; often it is due to surrounding astral or mental influences. Of course it is our karma to be subjected to these, and so in that more remote way we are responsible; but we must just do the best we can with them, and there is no need for us to be despondent, or to waste our time in reproaching ourselves.

điều nào có thể hợp lý gọi là lỗi của chúng ta. Thường đó là thuần tuý thể lý, do kiệt sức hay căng thẳng thần kinh; thường đó là do các ảnh hưởng cảm dục hoặc trí tuệ chung quanh. Tất nhiên đó là nghiệp quả của chúng ta khi bị đặt dưới các ảnh hưởng ấy, nên theo cách xa hơn thì chúng ta có trách nhiệm; nhưng chúng ta chỉ cần làm hết sức mình trong các điều kiện đó, và không cần buồn nản hay uổng thời gian tự trách.

Another reason also may be that at certain times the planetary influences are more favourable for meditation than at others. I know nothing of this myself, for I have never considered the planetary influences in these matters, but have always forced my way to what I desired; but I have heard a friend say that an astrologer told him that on certain occasions when Jupiter had certain relations with the moon this had the effect of expanding the etheric atmosphere and making meditation easier, or at least making it appear more successful. The astrologer gave him a list, which he consulted after taking notes of the conditions of his meditations daily for three or four weeks, when he found that the results exactly agreed with the influences which were said to be acting. Certain aspects with Saturn, on the other hand, were said to congest the etheric atmosphere, making the work of meditation difficult, and this also was verified in the same way.

Còn một nguyên do nữa là ở những thời điểm nhất định, các ảnh hưởng hành tinh thuận lợi cho tham thiền hơn những lúc khác. Chính tôi thì không hề biết điều này, vì tôi chưa từng để ý đến ảnh hưởng hành tinh trong các việc như thế, mà luôn tự mình bứt tới điều mình muốn; nhưng tôi nghe một người bạn nói rằng một nhà chiêm tinh bảo với anh ta rằng trong những thời điểm nhất định khi Sao Mộc có những liên hệ nào đó với mặt trăng, điều này có hiệu lực là làm giãn nở khí quyển dĩ thái và khiến tham thiền dễ dàng hơn, hoặc tối thiểu khiến nó có vẻ thành công hơn. Nhà chiêm tinh đưa cho anh một danh mục, mà anh tra cứu sau khi ghi chú tình trạng các thời khoá của mình hàng ngày trong ba hay bốn tuần, và anh thấy kết quả trùng khít với những ảnh hưởng được nói là đang tác động. Trái lại, những góc chiếu nhất định với Sao Thổ được nói là làm tắc nghẽn khí quyển dĩ thái, khiến công việc tham thiền khó khăn, và điều này cũng được kiểm chứng theo cách tương tự.

The highest thought that we can have is that of the supreme Lord of all, but of course we must not suppose that our thought changes in the least the attitude of the Supreme towards us. We who are students ought to be far beyond the stage at which a man thinks that he can produce change in the Supreme—a thought which belongs only to the ignorant and unphilosophical among the Christians.

Ý nghĩ cao nhất mà chúng ta có thể có là về Đấng Tối Thượng của muôn loài, nhưng dĩ nhiên chúng ta không được cho rằng tư tưởng của chúng ta dù chỉ mảy may làm đổi thay thái độ của Đấng Tối Thượng đối với ta. Bản thân chúng ta chắc chắn được ảnh hưởng khi mở mình ra với Ngài. Nếu bạn mở cửa sổ phòng mình cho mặt trời, tình trạng căn phòng của bạn thay đổi rất nhiều bởi quyền năng của mặt

We ourselves however are certainly affected by opening ourselves to Him. If you open the window of your room to the sun, the condition of your room is much changed by the power of the sun, but the sun is no way changed by your opening the window. Open the windows of your soul to God.

trời, nhưng mặt trời không hề đổi thay bởi việc bạn mở cửa sổ. Hãy mở các cửa sổ của linh hồn bạn ra với Thượng đế.

During meditation one may try to think of the Supreme Self in everything and everything in it. Try to understand how the Self is endeavouring to express itself through the form. One method of practice for this is to try to identify your consciousness with that of various creatures, such as a fly, an ant, or a tree. Try to see and feel things as they see and feel them, until as you pass inwards all consciousness of the tree or the insect falls away, and the life of the LOGOS appears. We are very much more than the tree or the ant; therefore there is no danger of out being unable to withdraw our consciousness when the experiment is finished. We do not after all imprison it in the form of the tree or the ant; we expand it to take in the life in every form. The man who does this for the first time is usually surprised when he realizes the limitations under which animals act. He had thought an animal acted in a certain way for what seemed quite obvious reasons, but when he really enters into the animal he finds that its motives and intentions are wholly different. The disciple has to go through this process also with lower classes of human beings, because without it he could not perfectly help them.

Trong tham thiền, người ta có thể cố nghĩ về Tự Ngã Tối Thượng trong muôn loài và muôn loài ở trong Ngài. Cố hiểu cách Tự Ngã đang nỗ lực biểu lộ qua hình tướng. Một phương pháp thực tập cho điều này là cố đồng hoá tâm thức của bạn với tâm thức của các sinh linh khác nhau, như một con ruồi, một con kiến, hay một cái cây. Cố thấy và cảm như chúng thấy và cảm, cho đến khi khi bạn đi vào nội tâm, mọi ý thức về cái cây hay côn trùng đều rơi rụng, và sự sống của Thượng đế hiển lộ. Chúng ta lớn lao hơn cái cây hay con kiến rất nhiều; vì vậy không có nguy hiểm nào khiến chúng ta không thể rút tâm thức về khi thí nghiệm kết thúc. Rốt cuộc, chúng ta không giam nó trong hình tướng của cái cây hay con kiến; chúng ta mở rộng nó để bao hàm sự sống trong mọi hình tướng. Người làm điều này lần đầu thường ngạc nhiên khi nhận ra những giới hạn trong đó loài vật hành động. Anh đã nghĩ một con vật hành động theo một cách nào đó vì những lý do xem ra khá hiển nhiên, nhưng khi anh thật sự đi vào con vật, anh thấy động cơ và ý định của nó hoàn toàn khác. Người đệ tử cũng phải đi qua tiến trình này với những hạng người thấp hơn, vì nếu không, y không thể giúp họ một cách hoàn hảo.

This enables us to get down to the bed-rock of the Self, and clears away the darkness and loneliness which often comes over us at one stage of our progress. When we know quite certainly that we are part of a whole we do not so much mind where this particular fragment of it may be, or through what experiences it

Điều này giúp ta đi xuống đến nền tảng rắn chắc của Tự Ngã, và quét sạch bóng tối và nỗi cô độc thường kéo đến với ta ở một giai đoạn tiến bộ. Khi ta biết chắc chắn rằng mình là một phần của toàn thể, ta không còn bận tâm đến việc mảnh phần đặc thù này đang ở đâu, hay đang đi qua những trải nghiệm nào. Dù ta có

may be passing. Whatever loneliness we may have, we feel, we know, that we are never alone; the Master is always there waiting to help where help is possible. We must give up the clinging to the particular forms; and have no motive but to do the will of the LOGOS. We must never allow the feeling of loneliness to make us forget the Master or lose faith in Him, for no progress is possible unless we have the fullest confidence in the Master whom we choose to serve. If we have only a half-hearted questioning faith in him we cannot progress. We need not make the choice of Master unless we will; but having made it we *must* have faith in the Teacher and His message.

nỗi cô độc nào, ta vẫn cảm, vẫn biết, rằng ta không bao giờ đơn độc; Chân sư luôn ở đó chờ giúp đỡ nơi nào có thể giúp. Ta phải buông dính mắc vào các hình tướng riêng biệt; và không có động cơ nào khác ngoài việc làm theo ý muốn của Thượng đế. Ta không bao giờ được để cảm thức cô độc làm ta quên Chân sư hoặc đánh mất niềm tin nơi Ngài, vì không thể có tiến bộ nào nếu ta không có lòng tin trọn vẹn nơi Chân sư mà ta chọn phụng sự. Nếu chúng ta chỉ có một đức tin bán tín bán nghi nơi Ngài, chúng ta không thể tiến bộ. Ta không cần chọn một Chân sư nếu ta không muốn; nhưng một khi đã chọn, ta *phải* tin tưởng nơi Huấn sư và sứ điệp của Ngài.

In controlling the mind first turn away the senses from outward sounds and sights, and become insensitive to the waves of thought and emotion from others. That is comparatively easy, but the next stage is very difficult, for when this is done there come up from within disturbances which spring from the uncontrolled activity of the mind. The meditation of many of our beginners consists mostly of a continuous struggle to come back to the point. Here comes in the advice given in *The Voice of Silence.* "The mind is the slayer of the real; let the disciple slay the slayer." You must not of course destroy your mind, for you cannot get along without it, but you must dominate it; it is *yours*, not *you*. The best way to overcome its wandering is to use the will. It is often suggested that the pupil should help himself by making a shell round him; but after all shells are but crutches. Develop will, and you will be able to dispense with them. The astral body tries to impose itself upon you in the same way, and to make you believe that its desires are yours; but with that also we must deal in a precisely similar manner.

Khi điều phục thể trí, trước hết hãy quay các giác quan khỏi âm thanh và hình ảnh bên ngoài, và trở nên không nhạy với các làn sóng tư tưởng và cảm xúc từ người khác. Điều đó tương đối dễ, nhưng giai đoạn kế tiếp rất khó, vì khi điều này hoàn tất sẽ trồi lên từ bên trong những xáo động phát sinh từ hoạt động không kiểm soát của thể trí. Tham thiền của nhiều người sơ cơ trong chúng ta phần lớn là một cuộc vật lộn liên tục để quay lại điểm tập trung. Ở đây lời khuyên trong *Tiếng Nói của Im Lặng* phát huy tác dụng: "Trí là kẻ sát hại Thực tại; hãy để đệ tử giết kẻ sát hại." Bạn dĩ nhiên không được phá huỷ thể trí của mình, vì bạn không thể xoay sở nếu thiếu nó, nhưng bạn phải chế ngự nó; nó là *của bạn*, không phải là *bạn*. Cách tốt nhất để khắc phục sự phóng dật của nó là dùng ý chí. Người ta thường gợi ý rằng học trò nên tự giúp bằng cách tạo một vỏ bọc quanh mình; nhưng suy cho cùng các vỏ bọc chỉ là những chiếc nạng. Hãy phát triển ý chí, và bạn sẽ có thể bỏ chúng. Thể cảm dục cũng tìm cách áp đặt lên bạn theo cách tương tự, và làm bạn tin rằng các dục vọng của nó là của bạn; nhưng với nó, chúng ta cũng phải xử lý bằng đúng một cách như thế.

There is no limit to the degree to which will

Không có giới hạn cho mức độ phát triển của ý

may be developed. There are decided limitations to the extent to which the strength of the physical body can be increased, but there seem to be no limitations in the case of the will. Fortunately we can train it in the ordinary small things of daily life every day and all day long, and we can have no better practice than this. It is much easier for a man to screw up his courage to face a dramatic martyrdom before a crowd of people than to go on doing the tiresome daily duty with tiresome people day after day and year after year. This latter needs much more will-power than the former. Be careful however that you do not make others suffer in your efforts to develop your own will. Sometimes people have shown will-power by leaving home and friends and going out to face all kinds of difficulties and privations in order to do Theosophical work. That is quite right if a man is absolutely free to do it; but a man who left his wife and family for that purpose, or an only son who left parents that were dependent upon him, would evidently be neglecting his duty in a way which no one has a right to do, even for the sake of the noblest motives.

chí. Có những giới hạn nhất định đối với mức độ gia tăng sức mạnh của thể xác, nhưng dường như không có giới hạn trong trường hợp ý chí. May mắn thay, chúng ta có thể rèn luyện nó trong những điều nhỏ nhặt bình thường của đời sống, mỗi ngày và suốt cả ngày, và chúng ta không thể có thực tập nào tốt hơn. Dễ hơn nhiều cho một người là dồn hết can đảm để đối mặt một cuộc tử đạo kịch tính trước đám đông, hơn là tiếp tục chịu đựng bổn phận hằng ngày nhàm chán với những con người nhàm chán, ngày này qua ngày khác, năm này qua năm khác. Điều sau này đòi hỏi nhiều ý chí lực hơn điều trước. Tuy nhiên hãy cẩn thận đừng làm người khác khổ trong nỗ lực phát triển ý chí của riêng bạn. Đôi khi người ta đã biểu lộ ý chí lực bằng cách rời bỏ gia đình, bè bạn, và đi ra đối mặt đủ thứ khó khăn, thiếu thốn để làm công việc Thông Thiên Học. Điều đó hoàn toàn đúng nếu một người hoàn toàn tự do làm vậy; nhưng người đàn ông bỏ vợ con vì mục đích đó, hay người con trai duy nhất bỏ cha mẹ đang phụ thuộc vào mình, hiển nhiên là bỏ bê bổn phận theo một cách mà không ai có quyền làm, dù vì những động cơ cao cả nhất.

As a result of determined meditation we begin to build into our bodies the higher kinds of matter. At this stage we often feel grand emotions, coming from the buddhic level and reflected in the astral body, and under their influence we may do fine work and show great self-sacrifice. But then is needed the development of the mental and causal bodies in order to steady and balance us; otherwise the grand emotions that have swayed us in the right direction may very readily become a little twisted and sway us along some other and less desirable lines. With feeling alone we never obtain perfect balance or steadiness. It is well that the high feelings should come, and the more powerfully they come the better, but

Kết quả của tham thiền kiên quyết là chúng ta bắt đầu xây vào trong các thể của mình những loại chất liệu cao hơn. Ở giai đoạn này, chúng ta thường cảm những cảm xúc hùng tráng từ cấp độ Bồ đề phản chiếu xuống thể cảm dục, và dưới ảnh hưởng của chúng, chúng ta có thể làm được công việc tốt đẹp và tỏ bày sự hi sinh lớn. Nhưng rồi cần phải phát triển các thể trí và nguyên nhân để làm vững và cân bằng chúng ta; nếu không, những cảm xúc hùng tráng đã đưa ta theo chiều hướng đúng có thể rất dễ bị trẹo đi đôi chút và đưa ta theo những đường lối khác, kém mong muốn hơn. Với cảm xúc đơn thuần, chúng ta không bao giờ đạt được quân bình hoàn hảo hay sự vững chãi. Thật tốt khi những cảm xúc cao cả trỗi dậy, và

that is not enough; wisdom and steadiness must also be acquired because we need directing power as well as motive force. The very meaning of buddhic is wisdom, and when that comes it swallows up all else.

chúng càng mạnh mẽ càng tốt, nhưng bấy nhiêu chưa đủ; cần thủ đắc thêm minh triết và đức vững vàng, vì chúng ta cần quyền năng chỉ đạo cũng như lực đẩy. Ý nghĩa của Bồ đề chính là minh triết, và khi điều ấy đến, nó thu nhiếp tất cả.

Illumination may mean three quite different things. First, a man, by setting himself to think intensely and very carefully over a subject may arrive at some conclusion with respect to it. Secondly, he may hope to obtain some illumination from his higher self—to discover what the ego really thinks on its own plane about the matter in question. Thirdly, a highly developed man may come into touch with Masters or devas. It is only in the first case that his conclusions would be likely to be vitiated by his thought-forms. The higher self would be able to transcend these, and so would a Master or a deva.

Sự soi sáng có thể có ba nghĩa khác nhau. Thứ nhất, một người bằng cách tự đặt mình vào trạng thái tư duy mãnh liệt và rất cẩn trọng về một chủ đề có thể đạt tới một kết luận nào đó liên quan đến nó. Thứ hai, y có thể hy vọng đạt một ít soi sáng từ chân ngã cao của mình—khám phá xem chân ngã thực sự nghĩ gì trên cõi riêng của nó về vấn đề đang xét. Thứ ba, một người phát triển cao có thể tiếp xúc với các Chân sư hay chư thiên thần. Chỉ trong trường hợp thứ nhất thì kết luận của y mới có khả năng bị các hình tư tưởng của y làm cho lệch lạc. Chân ngã cao sẽ vượt khỏi những điều này, và một Chân sư hay một thiên thần cũng vậy.

All these would have no difficulty in presenting things as they really are; but we must remember that we have not only to absorb the information, but also to bring it down into the physical brain, and as soon as it reaches that brain it will begin to be coloured by prejudices. What we can do in meditation depends upon what we are doing all day long. If we have built up prejudices in ordinary life we cannot escape from them during the time of meditation; but if we patiently endeavour to root out our prejudices and to learn that the ways of others are just as good as our own, we are at least on our way towards establishing a gentle and tolerant attitude which will assuredly extend itself to the special time of our meditation. It is easy for us to see the disadvantages of any new ideas or suggestions; these leap to the eyes. But look for the good also, which does not always so readily emerge.

Tất cả các vị ấy sẽ không gặp khó khăn nào trong việc trình hiện sự vật như chúng thực là; nhưng chúng ta phải nhớ rằng chúng ta không chỉ phải hấp thụ thông tin, mà còn phải đưa nó xuống bộ não hồng trần, và ngay khi nó chạm đến bộ não ấy, nó sẽ bắt đầu bị nhuốm màu bởi các định kiến. Điều chúng ta có thể làm trong tham thiền tùy thuộc vào điều chúng ta đang làm suốt cả ngày. Nếu trong đời sống thường nhật chúng ta đã xây đắp những định kiến, ta không thể thoát khỏi chúng trong thời gian tham thiền; nhưng nếu kiên nhẫn nỗ lực nhổ tận gốc định kiến và học biết rằng đường lối của người khác cũng tốt như của ta, ta ít nhất đang trên đường thiết lập một thái độ nhu hoà và khoan dung, và điều này chắc chắn sẽ lan sang khoảng thời gian đặc thù của tham thiền. Dễ cho chúng ta khi thấy các bất lợi của bất cứ ý tưởng hay đề nghị mới nào; những điều này nhảy ngay vào mắt. Nhưng hãy tìm điều tốt nữa, điều không phải lúc nào cũng nổi rõ như thế.

During meditation the ego regards the personality much as at any other time—he is slightly contemptuous usually. Remember your physical meditation is not for the ego, but for the training of the various vehicles to be a channel for the ego. If the ego is at all developed he will meditate also upon his own level; but it does not follow that his meditation will synchronize with that of the personality. The force coming down is always that of the ego, but only a small part, giving a one-sided conception of things. The yoga of a fairly well-developed ego is to try to raise his consciousness first into the buddhic plane and then through its various stages. He does this without reference to what the personality happens to be doing at the time. Such an ego would probably also send down a little of himself at the personal meditation, though his own meditations are very different.

Trong khi tham thiền, chân ngã nhìn phàm ngã không khác mấy so với bất kỳ lúc nào khác —thường có phần khinh suất. Hãy nhớ rằng việc tham thiền trên cõi hồng trần của bạn không dành cho chân ngã, mà để huấn luyện các vận cụ khác nhau trở thành kênh cho chân ngã. Nếu chân ngã đã phát triển ở mức nào đó, y cũng sẽ tham thiền trên cấp độ riêng của y; nhưng không vì thế mà việc tham thiền của y sẽ đồng bộ với của phàm ngã. Mãnh lực tuôn xuống luôn là của chân ngã, nhưng chỉ là một phần nhỏ, khiến cho cái nhìn về sự vật bị phiến diện. Yoga của một chân ngã tương đối phát triển là cố gắng nâng tâm thức của y trước hết lên cõi Bồ đề rồi qua các giai đoạn khác nhau của cõi này. Y làm điều đó mà không cần để ý phàm ngã lúc ấy đang làm gì. Một chân ngã như thế có lẽ cũng sẽ rót xuống đôi chút chính y trong lúc phàm ngã tham thiền, dù các cuộc tham thiền của riêng y khác hẳn.

For the development of the powers of the soul, thought-control is an essential pre-requisite. When the thought is controlled and the will is strong a good deal may be achieved in various directions. Much help may be given both to the living and to the dead, and those who are sick or sorrowful may be greatly helped and strengthened. It is well for each member to make it a daily practice to devote a certain time to the sending out of such thoughts to people who are personally known to him—in addition, I mean, to the ordinary meditation which he undertakes for the sake of his own development. The same thing can be done to some extent in group meditation; the thoughts of all may be concentrated for a few minutes upon some one who is known to be in trouble or suffering, and a determined effort made to send strength and consolation. The same power used in a different way will often cure physical diseases.

Để phát triển các năng lực của linh hồn, kiểm soát tư tưởng là tiền đề thiết yếu. Khi tư tưởng được kiểm soát và ý chí mạnh mẽ, có thể đạt được nhiều thành tựu theo các hướng khác nhau. Có thể trợ giúp rất nhiều cho cả người sống lẫn người đã qua đời, và những ai bệnh tật hay sầu khổ có thể được giúp đỡ và gia cường lớn lao. Tốt nhất mỗi thành viên nên biến việc dành một khoảng thời gian mỗi ngày để phát ra những tư tưởng như vậy đến những người y quen biết thành một thực hành thường nhật—bên cạnh, tôi muốn nói, việc tham thiền thông thường mà y thực hiện vì sự phát triển của chính mình. Điều tương tự cũng có thể làm ở một mức độ nào đó trong tham thiền nhóm; tư tưởng của mọi người có thể tập trung trong vài phút vào một người nào đó mà ai nấy biết là đang gặp khó khăn hay đau khổ, và nỗ lực quả quyết được thực hiện để gửi sức mạnh và niềm ủi an. Cùng một năng lực ấy, nếu dùng theo cách khác, thường sẽ chữa lành các bệnh tật thể xác.

As to the development of astral sight and hearing, one hardly regards that as an end in itself, but rather as a means to an end. It seems best to utilize to the utmost all the powers that we already possess, and wait for these others to unfold themselves as the result of study and unselfish work. Such powers are undoubtedly a help, though they may be a danger if they come before the character is fully developed. For any one who wishes to hasten their unfoldment I should recommend the process which I describe in the last chapter of *The Other Side of Death.*

Về việc phát triển thị giác và thính giác trên cõi cảm dục, hầu như không ai xem đó là cứu cánh tự thân, mà đúng hơn là phương tiện để đạt cứu cánh. Có vẻ tốt nhất là tận dụng đến mức tối đa mọi năng lực mà chúng ta đã có, và chờ những năng lực khác tự bung nở như kết quả của học hỏi và công việc vị tha. Những năng lực như vậy chắc chắn là sự trợ giúp, dù có thể là mối nguy nếu chúng đến trước khi Tính cách được phát triển đầy đủ. Với bất kỳ ai muốn thúc đẩy sự bung nở ấy, tôi khuyên dùng tiến trình mà tôi mô tả trong chương cuối của *Bên Kia Cái Chết.*

Where a house is large enough to permit it, it is a good idea to set apart a room especially for meditation. I see no harm in holding group-meetings in such a room if the group be earnest and harmonious, but *not* if there is to be anything of the nature of discussion or wrangling. If you are trying experiments with mediums of any sort I should advise the use of some other room. You ask whether you should enter such a room when you feel worried; don' t be worried, don' t even admit the possibility of being worried. I advise you not to make a thought-form, "I am worried, therefore I must not enter," rather to take exactly the opposite line, "I am about to enter, therefore I am no longer worried." You will find that much more effective.

Nếu căn nhà đủ rộng cho phép, ý tưởng dành riêng một phòng chuyên cho tham thiền là rất hay. Tôi không thấy hại gì khi tổ chức các buổi nhóm trong căn phòng như vậy nếu nhóm có chí thành và hòa hợp, nhưng *không* nếu trong đó có bất cứ điều gì mang tính bàn cãi hay tranh cãi. Nếu bạn đang thử nghiệm với các đồng tử thuộc bất kỳ loại nào, tôi khuyên nên dùng phòng khác. Bạn hỏi liệu có nên vào một căn phòng như vậy khi bạn cảm thấy lo lắng; đừng lo lắng, đừng thậm chí thừa nhận khả năng lo lắng. Tôi khuyên bạn đừng tạo một Hình tư tưởng, "Tôi đang lo, vậy nên tôi không được vào," mà hãy chọn hướng ngược lại: "Tôi sắp bước vào, vậy nên tôi không còn lo nữa." Bạn sẽ thấy cách ấy hiệu quả hơn nhiều.

Fourth Section—Phần Thứ Tư
The Higher Planes —Các Cõi Cao Hơn

FOURTH SECTION—PHẦN THỨ TƯ

NIRVANA—NIẾT BÀN

IT has often been said that in the final

Người ta thường nói rằng trong thành tựu tối

consummation all individual souls merge into the Great Soul, and our students sometimes find it difficult to reconcile this with other statements which seem to imply that the individuality is maintained, in some form or other, even up to the very greatest heights. The fact is that no experience which we can have, and no ideas which we can formulate down here in our physical brain, will at all express the glorious realities of nirvana and the planes beyond it. We know so little of that transcendent glory, and what little we do know can never be put into adequate words. Perhaps, however, it is in a certain sense somewhat misleading to speak of individual souls as merging into the Great Soul. Every monad is fundamentally a spark of the divine triad; he cannot merge into that of which he is already a part. Surely a better explanation of what happens would be to say that as he evolves the spark develops into flame; he becomes more and more conscious of his unity with the divine, and so the LOGOS is able more and more to manifest Himself through him.

hậu, mọi linh hồn cá thể hòa nhập vào Đại Hồn, và các đạo sinh đôi khi thấy khó mà điều hòa điều này với những tuyên bố khác dường như ngụ ý rằng tính cá thể được duy trì, dưới hình thức này hay hình thức khác, thậm chí cho đến những đỉnh cao cao cả nhất. Sự thật là không có kinh nghiệm nào chúng ta có thể có, và cũng không ý niệm nào chúng ta có thể hình thành nơi bộ não hồng trần này, có thể diễn đạt các thực tại huy hoàng của Niết Bàn và các cõi vượt trên đó. Chúng ta biết quá ít về vinh quang siêu việt ấy, và chút ít mà chúng ta biết cũng không bao giờ có thể diễn ra bằng lời cho thỏa đáng. Tuy nhiên, ở một ý nghĩa nào đó, nói rằng những linh hồn cá thể hòa nhập vào Đại Hồn có lẽ là hơi gây hiểu lầm. Mỗi chân thần vốn là một tia lửa của bộ ba thiêng liêng; y không thể hòa nhập vào cái mà y vốn đã là một phần của nó. Hẳn là một giải thích tốt hơn cho điều xảy ra là: khi y tiến hóa, tia lửa phát triển thành ngọn lửa; y ngày càng ý thức hơn về sự hợp nhất của mình với điều thiêng liêng, và như thế Thượng đế càng lúc càng có thể tự hiển lộ qua y.

This much at least I can say, that up to the highest level of consciousness which any of our students have yet attained—up even to what is commonly called nirvana itself, there is no loss of individuality, of the power to think, to plan and to act. Long before that there is an entire loss of the sense of *separateness*, but that is a very different thing. Sir Edwin Arnold wrote of that beatific condition "the dewdrop slips into the shinning sea." Those who have passed through that most marvelous of experiences know that, paradoxical as it may seem, the sensation is exactly the reverse, and that a far closer description would be that the ocean had somehow been poured into the drop!

Ít nhất tôi có thể nói điều này, rằng cho đến cấp độ tâm thức cao nhất mà các đạo sinh của chúng ta từng đạt được—thậm chí tới cái mà thường được gọi là Niết Bàn, không hề có sự mất mát của tính cá thể, của năng lực tư duy, hoạch định và hành động. Từ lâu trước đó đã có sự mất hẳn cảm thức về *sự tách biệt*, nhưng đó lại là một điều rất khác. Sir Edwin Arnold đã viết về tình trạng huy hoàng ấy: "giọt sương lướt vào biển sáng chói." Những ai đã đi qua trải nghiệm kỳ diệu nhất ấy biết rằng, nghịch lý thay, cảm giác lại hoàn toàn ngược lại, và mô tả sát hơn nhiều là đại dương bằng cách nào đó đã được rót vào giọt sương!

That consciousness, wide as the sea, with "its

Cái tâm thức ấy, rộng như biển, với "tâm ở

centre everywhere and its circumference nowhere," is a great and glorious *fact;* but when a man attains it, it seems to him that his consciousness has widened to take in all that, not that he is merged into something else. And he is right, for that which he had ignorantly supposed to be *his* consciousness was never his at all, but only the shining of the divine power and wisdom and love through him, and he is now at last beginning to realize that stupendous fact. The truth is that what is commonly understood by individuality is a delusion and has never existed, but all that is best and noblest in that conception is maintained up to adeptship and far beyond, even into the realm of the great Planetary Spirits, for They are assuredly individuals, though mighty beyond our feeble powers of conception.

khắp nơi và chu vi chẳng nơi đâu," là một *sự thật* vĩ đại và huy hoàng; nhưng khi một người đạt được nó, dường như với y là tâm thức của y đã nới rộng để bao trùm tất cả điều đó, chứ không phải y đã hòa tan vào cái gì khác. Và y đúng, vì cái mà trước kia y lầm tưởng là tâm thức *của mình* vốn chưa bao giờ là của y, mà chỉ là ánh tỏa của quyền năng, minh triết và tình thương thiêng liêng xuyên qua y, và giờ đây cuối cùng y bắt đầu nhận ra sự thật hùng vĩ ấy. Sự thật là cái mà người ta thường hiểu bởi "tính cá thể" chỉ là ảo tưởng và chưa bao giờ hiện hữu, nhưng tất cả điều gì là tinh túy và cao quý nhất trong quan niệm ấy vẫn được duy trì cho tới trình độ chân sư và vượt xa nữa, thậm chí vào cõi của các Linh Thần Hành tinh vĩ đại, vì Quả thật Các Ngài là những cá thể, dù hùng mạnh vượt ngoài khả năng tưởng hình yếu ớt của chúng ta.

Even though the attempt be foredoomed to failure, let me endeavour to give some slight idea of an experience which some of us once had in connection with this lofty plane. Before we ourselves by our own efforts were able to touch it, a Master, for certain purposes of His own, enfolded us in His higher aura, and enabled us through Him to know something of glories of nirvana.

Dù nỗ lực này có thất bại ngay từ đầu, hãy để tôi cố gắng phác họa chút ít về một kinh nghiệm mà vài người trong chúng tôi đã có liên quan đến cõi cao quý này. Trước khi tự mình có thể chạm tới nó bằng nỗ lực riêng, một Chân sư, vì những mục đích riêng của Ngài, đã bao bọc chúng tôi trong hào quang cao của Ngài, và cho phép chúng tôi nhờ Ngài mà biết đôi điều về vinh quang của Niết Bàn.

Try to imagine the whole universe filled with and consisting of an immense torrent of living light, and in it a vividness of life and an intensity of bliss altogether beyond all description, a hundred thousand times beyond the greatest bliss of heaven. At first we feel nothing but the bliss; we see nothing but the intensity of the light; but gradually we begin to realize that even in this dazzling brightness there are brighter spots—nuclei, as it were—which are built of the light because there is nothing but the light, and yet through them somehow the light gleams out more brightly, and obtains a new quality which

Hãy thử hình dung toàn vũ trụ được tràn ngập và cấu thành bởi một thác lũ ánh sáng sống động khôn cùng, và trong đó là sức sống rực rỡ và cường độ phúc lạc hoàn toàn vượt ngoài mô tả, trăm nghìn lần vượt hơn cực lạc lớn nhất của thiên giới. Lúc đầu chúng ta chẳng cảm gì ngoài phúc lạc; chúng ta chẳng thấy gì ngoài cường độ của ánh sáng; nhưng dần dần chúng ta bắt đầu nhận ra rằng ngay trong ánh chói lòa này vẫn có những điểm còn chói rực hơn—những hạch tâm, như thể thế—vốn được dệt bằng chính ánh sáng vì chẳng có gì ngoài ánh sáng, vậy mà qua chúng ánh sáng bằng cách nào đó lại bừng lên rạng hơn và có được một

enables it to be perceptible upon other and lower planes, which without this would be altogether beneath the possibility of sensing its effulgence. And by degrees we begin to realize that these subsidiary suns are the great Ones, that these are Planetary Spirits, Great Angels, Karmic Deities, Buddhas, Christs and Masters, and that through Them the light and the life are flowing down to the lower planes. Gradually, little by little, as we become more accustomed to the stupendous reality, we begin to see that, in a far lower sense, even we ourselves are a focus in that cosmic scheme, and that through us also, at our much lower level, the light and the life are flowing to those who are still further away—not from it, for we are all part of it and there is nothing else anywhere—but further from the realization of it, the comprehension of it, the experience of it.

phẩm tính mới cho phép nó khả kiến trên các cõi khác và thấp hơn—những cõi mà nếu không có điều này thì hoàn toàn dưới ngưỡng có thể cảm nhận được quang huy của nó. Và từng chút một chúng ta bắt đầu nhận ra rằng những thái dương phụ này chính là các Đấng Cao Cả, rằng đó là các Linh Thần Hành tinh, các Đại Thiên Thần, các Vị Thần Nghiệp Quả, các vị Phật, các Đức Christ và các Chân sư, và rằng qua Các Ngài, ánh sáng và sự sống đang tuôn chảy xuống các cõi thấp hơn. Dần dần, từng chút một, khi chúng ta trở nên quen hơn với thực tại hùng vĩ, chúng ta bắt đầu thấy rằng, ở một nghĩa thấp hơn nhiều, ngay cả chính chúng ta cũng là một tiêu điểm trong sơ đồ vũ trụ ấy, và rằng qua chúng ta nữa, ở cấp độ thấp hơn rất nhiều của mình, ánh sáng và sự sống đang tuôn chảy đến những ai còn ở xa hơn—không phải xa khỏi nó, vì tất cả chúng ta đều là một phần của nó và chẳng có gì khác ở bất cứ đâu—mà là xa hơn khỏi việc nhận ra nó, thấu hiểu nó, thể nghiệm nó.

If we can see and grasp even a little of the glory, we can to some extent reflect it to others who are less fortunate. That light shines for every one, and it is the only reality; yet men by their ignorance and by their foolish actions may so shut themselves away that they cannot see it, just as the sun floods the whole world with light and life, and yet men may hide themselves in caves and cellars where that light cannot be seen. Just as a mirror properly placed at the mouth of such a cave or cellar may enable those within to participate, at least to some extent, in the benefits of the light, so may we, when we see the light, reflect it to others who have so placed themselves that they cannot perceive it directly.

Nếu chúng ta có thể thấy và nắm bắt dù chỉ phần nào vinh quang ấy, chúng ta có thể phần nào phản chiếu nó cho những người kém may mắn hơn. Ánh sáng đó chiếu cho mọi người, và đó là thực tại duy nhất; tuy nhiên, con người bằng vô minh và hành động dại dột của mình có thể tự khép lại đến nỗi họ không thể thấy nó, cũng như mặt trời rót tràn ánh sáng và sự sống khắp thế gian, vậy mà người ta có thể ẩn mình trong hang động và hầm hố nơi ánh sáng ấy không thể thấy. Cũng như một tấm gương được đặt đúng chỗ ở cửa miệng hang hay hầm có thể cho những người bên trong phần nào thụ hưởng ích lợi của ánh sáng, thì chúng ta cũng vậy, khi đã thấy ánh sáng, có thể phản chiếu nó cho những người đã tự đặt mình ở chỗ không thể trực tiếp tri nhận nó.

No words that we can use can really give even least idea of such an experience as that, for all with which our minds are acquainted has long

Không một ngôn từ nào chúng ta có thể dùng có thể thực sự cho dù chỉ một ý niệm nhỏ nhất về một kinh nghiệm như thế, vì mọi điều trí

ago disappeared before that level is attained. There is of course at that level a sheath of some sort for the spirit, but it is impossible to describe it in any words. In one sense it seems as though it were an atom, and yet in another it seems to be the whole plane. Each man is a centre of consciousness and therefore must have some position; that focus in the stream of the life of the LOGOS must, one would say, be in one place or another. Yet he feels as if he were the whole plane and could focus anywhere, and wherever for the moment the outpouring of this force stops, that is for him a sheath. The man still feels absolutely himself, even though he is so much more; and he is able to distinguish others. He is able to recognize with perfect certainty the Great Ones whom he knows, yet it is rather by instinctive feeling than by any resemblance to anything that he has seen before; but if he focusses his consciousness upon one of These he gets the effect of the form of the man he knows it in the Augoeides, two planes below.

chúng ta quen thuộc đã biến mất từ lâu trước khi đạt đến cấp độ ấy. Dĩ nhiên ở cấp độ đó vẫn có một cái vỏ nào đó cho chân thần, nhưng bất khả diễn tả bằng bất kỳ lời nào. Ở một nghĩa, dường như nó là một nguyên tử, vậy mà ở một nghĩa khác, dường như nó là toàn cõi. Mỗi người là một trung tâm tâm thức và vì thế tất phải có một vị trí nào đó; tiêu điểm ấy trong dòng Sự Sống của Thượng đế hẳn, người ta sẽ nói, phải ở chỗ này hay chỗ khác. Tuy vậy, y cảm như thể y là toàn cõi và có thể tập trung ở bất cứ đâu, và bất cứ nơi nào mà trong khoảnh khắc sự tuôn đổ của mãnh lực này dừng lại, thì đó đối với y là một cái vỏ. Con người vẫn cảm thấy tuyệt đối là chính mình, dù y là nhiều hơn thế rất nhiều; và y có thể phân biệt những người khác. Y có thể nhận ra với sự chắc chắn tuyệt đối những Đấng Cao Cả mà y biết, nhưng đó là bằng trực cảm hơn là bởi bất kỳ sự giống nhau nào với điều y từng thấy trước đó; song nếu y tập trung tâm thức vào một trong Các Ngài, y có được hiệu quả của hình tướng của người mà y quen biết trong Augoeides, tức hai cõi bên dưới.

THE TRIPLE SPIRIT

The Monads are clearly all centres of force in the LOGOS, and yet each possesses a very distinct individuality of his own. In the average man the monad is but little in touch with the ego and the lower personality, which are yet somehow expressions of him. He knows from the first what is his object in evolution and he grasps the general trend of it, but until that portion of him which expresses itself in the ego has reached a fairly high stage, he is scarcely conscious of the details of life down here, or at any rate takes little interest in them. He seems at that stage not to know other monads, but rests in indescribable bliss without any active consciousness of surroundings. As evolution progresses, however, he grasps matters on the lower lane

CHÂN THẦN TAM PHÂN

Các Chân thần hiển nhiên đều là những trung tâm mãnh lực trong Thượng đế, tuy vậy mỗi vị đều sở hữu một tính cá thể rất riêng. Ở người trung bình, chân thần chỉ tiếp xúc rất ít với chân ngã và phàm ngã bên dưới, vốn dẫu sao cũng là những biểu lộ của chính Ngài. Ngay từ đầu Ngài đã biết mục đích của mình trong tiến hóa và nắm được xu hướng tổng quát của nó, nhưng cho đến khi phần của Ngài biểu lộ thành chân ngã đạt đến một trình độ khá cao, Ngài hầu như không ý thức chi tiết của đời sống nơi đây, hoặc ít nhất không mấy quan tâm đến chúng. Ở giai đoạn đó dường như Ngài không biết các chân thần khác, mà an trụ trong phúc lạc không thể tả, không có tâm thức chủ động về hoàn cảnh chung quanh. Tuy nhiên, khi tiến hóa tiếp diễn, Ngài nắm

much more fully, and finally takes them entirely into his own hands, and at that stage he knows both himself and others, and his voice within us becomes for us the Voice of the Silence. That voice differs for us at different stages. For us now in this lower consciousness it is the voice of the ego; when we identify ourselves with the ego it is the voice of the spirit; when we reach the spirit it is the voice of the monad, and when in the far-away future we identify ourselves wholly with the monad it ill be the voice of the LOGOS; but in every case we have to subject the lower and rise above it, before the voice of the higher can be heard.

bắt các vấn đề ở các cõi thấp đầy đủ hơn nhiều, và sau cùng tự tay đảm trách trọn vẹn, và ở giai đoạn đó Ngài biết cả chính mình lẫn tha nhân, và tiếng nói của Ngài bên trong chúng ta trở thành với chúng ta Tiếng Nói của Im Lặng. Tiếng nói đó đối với chúng ta khác nhau ở những giai đoạn khác nhau. Giờ đây, trong tâm thức thấp này, đó là tiếng nói của chân ngã; khi chúng ta đồng hóa mình với chân ngã, đó là tiếng nói của tinh thần; khi chúng ta đạt đến tinh thần, đó là tiếng nói của chân thần; và khi trong tương lai xa xăm chúng ta hoàn toàn đồng hóa với chân thần, thì đó sẽ là tiếng nói của Thượng đế; nhưng trong mọi trường hợp, chúng ta phải chế ngự cái thấp và vượt lên trên nó, trước khi tiếng nói của cái cao hơn có thể được nghe.

This monad resides permanently upon the second of our planes, and when he descends upon the third, the plane of nirvana, he manifests himself as the triple spirit, and this triple spirit is a reflection or (even more truly) an expression of the LOGOS as He manifests Himself in our set of planes. His first manifestation on our highest plane is also triple. In the first of these three aspects He does not manifest Himself on any plane below the highest, but in the second He descends to the second plane and draws round Himself a garment of its matter, thus making a quite separate expression of Him. In the third aspect He descends to the upper portion of the third plane, and draws round Himself matter of that level, thus making a third manifestation. These three are the "three persons in one God," of which Christianity teaches, telling us in its Athanasian creed that we should worship "One God in Trinity and Trinity in Unity, neither confounding the persons nor dividing the substance"—that is to say, never confusing in our minds the work and function of the three separate manifestations, each on its own plane, yet never for a moment

Chân thần này an trụ vĩnh viễn trên cõi thứ hai của chúng ta, và khi Ngài giáng xuống cõi thứ ba, tức cõi Niết Bàn, Ngài tự biểu lộ thành chân thần tam phân, và chân thần tam phân này là sự phản chiếu hoặc (đúng hơn nữa) là sự biểu lộ của Thượng đế khi Ngài tự hiển lộ trong hệ cõi của chúng ta. Biểu hiện đầu tiên của Ngài trên cõi cao nhất của chúng ta cũng là tam phân. Trong phương diện thứ nhất của ba phương diện này, Ngài không tự biểu lộ trên bất kỳ cõi nào dưới cõi cao nhất; nhưng ở phương diện thứ hai, Ngài giáng xuống cõi thứ hai và khoác quanh mình một y phục bằng chất liệu của cõi đó, nhờ vậy tạo thành một biểu lộ khá riêng biệt của Ngài. Ở phương diện thứ ba, Ngài giáng xuống phần trên của cõi thứ ba, và khoác quanh mình chất liệu ở trình độ ấy, nhờ vậy tạo thành một biểu hiện thứ ba. Ba vị này là "Ba Ngôi trong Một Thượng đế," như Ki-tô giáo dạy, bảo chúng ta trong tín điều Athanasian rằng chúng ta nên thờ phượng "Một Thượng đế trong Tam Vị và Tam Vị trong Nhất Thể, không lẫn lộn các ngôi cũng không phân chia bản thể"—nghĩa là, đừng bao giờ lẫn lộn trong tâm trí chúng ta công việc và chức năng của ba biểu lộ riêng biệt, mỗi vị trên cõi

forgetting the eternal unity of the "substance," that which lives behind all alike on the highest plane, at the level where these three are one.

riêng của mình, nhưng cũng đừng quên một sát-na nào sự hợp nhất vĩnh cửu của "bản thể," cái sống đằng sau cả ba như nhau trên cõi cao nhất, nơi ba vị là một.

Now an exact repetition of this process takes place in the case of man, who is in very truth made in the image of God. The spirit is triple upon the third plane, and the first of its three manifestations does not descend below that level. The second manifestation descends one stage, on to the fourth plane, and clothes itself with its matter, and then we call it buddhi. Just as before, the third aspect descends two planes, and shrines itself in matter of the highest level of the mental plane, and we call that manas, and this trinity of atma-buddhi-manas, manifesting in the causal body, is what we call the ego.

Giờ đây, một sự lặp lại y hệt tiến trình này diễn ra trong trường hợp con người, kẻ thực sự được tạo theo hình ảnh của Thượng đế. Tinh thần là tam phân trên cõi thứ ba, và biểu hiện đầu tiên trong ba biểu hiện ấy không giáng xuống dưới cõi đó. Biểu hiện thứ hai giáng xuống một bậc, đến cõi thứ tư, và khoác lấy chất liệu của cõi này, và rồi chúng ta gọi đó là Bồ đề. Cũng như trước, phương diện thứ ba giáng xuống hai cõi, và ngự trong chất liệu của trình độ cao nhất của cõi trí, và chúng ta gọi đó là manas, và bộ ba atma–buddhi–manas này, biểu lộ trong thể nguyên nhân, là cái mà chúng ta gọi là chân ngã.

Never forget that the ego is not the manas only, but the spiritual triad; at our present stage of evolution he rests in his causal body on the higher levels of the mental plane, but as he passes onwards his consciousness will be centred on the buddhic plane, and afterwards, when he attains adeptship; on the nirvanic. But it must not be supposed that when this further development takes place the manas is in any way lost. When the ego draws himself up into the buddhic plane, he draws up manas with him into that expression of manas which has all the time existed on the buddhic plane, but has not been fully vivified until now. In the same way when he draws himself up into the nirvanic plane, manas and buddhi exist within him just as fully as ever, so that now the triple spirit is in full manifestation on its own plane in all its three aspects. Therefore the spirit is truly seven-fold, for he is triple on his own plane, dual on the buddhic, and single on the mental, and the unity which is his synthesis makes seven. Though he draws back into the higher he retains the definiteness of

Đừng bao giờ quên rằng chân ngã không chỉ là manas, mà là Tam Nguyên Tinh Thần; ở giai đoạn tiến hóa hiện tại, y ngự trong thể nguyên nhân của mình trên các cõi cao của cõi trí, nhưng khi y tiến xa hơn, tâm thức của y sẽ tập trung nơi cõi Bồ đề, và về sau, khi y đạt đến trình độ chân sư, nơi cõi Niết Bàn. Nhưng không được nghĩ rằng khi sự phát triển tiếp theo này xảy ra thì manas bị mất đi theo bất kỳ cách nào. Khi chân ngã kéo mình lên cõi Bồ đề, y kéo manas lên cùng y vào biểu lộ của manas vốn vẫn tồn tại suốt thời gian qua nơi cõi Bồ đề, nhưng chưa được sinh lực hóa đầy đủ cho đến bây giờ. Tương tự, khi y kéo mình lên cõi Niết Bàn, manas và Bồ đề tồn tại trong y trọn vẹn như trước, để rồi giờ đây chân thần tam phân hiển bày trọn đủ trên cõi riêng của mình trong cả ba phương diện. Bởi vậy, tinh thần thực sự là thất phân, vì Ngài là tam phân trên cõi riêng của Ngài, nhị phân trên cõi Bồ đề, và đơn nhất trên cõi trí, và sự hợp nhất vốn là tổng hợp của Ngài khiến thành bảy. Dẫu Ngài quy phục vào cái cao hơn, Ngài vẫn giữ được tính xác định của cái thấp hơn.

the lower.

This is probably what Madame Blavatsky meant when she spoke of the auric egg, but she surrounded this idea with great mystery, and it seems likely that she was under some pledge not to write freely about it. She never clearly explained the triple spirit, but evidently endeavored to suggest the idea without clearly expressing it, for she laid great stress upon the fact that, just as the astral plane may be said to be a reflection of the buddhic, so may the physical be said to be a reflection of the nirvanic, and then she furthermore emphasized the fact that there are three bodies or vehicles of man on the physical plane—apparently going out of her way to make this agree, and for that purpose dividing the physical body of man into two parts, the dense and the etheric, and adding as a third principle the vitality which flows through them. Now as this vitality exists on all the planes, and might just as well be made into additional principles on the astral and mental planes as on the physical, it would seem that some reason is required for her rather peculiar arrangement, and perhaps this reason may be found in her desire to indicate the triple spirit without actually mentioning it. I think the President has said that when Blavatsky spoke about the sacred auric egg she meant the four permanent atoms within an envelope of matter of the nirvanic plane.

Có lẽ đây là điều Bà Blavatsky muốn nói khi Bà đề cập đến noãn hào quang, nhưng Bà đã bao phủ ý niệm này bằng vẻ bí nhiệm lớn lao, và có vẻ như Bà ở dưới một lời thệ không được viết tự do về điều ấy. Bà chưa bao giờ giải thích minh bạch về chân thần tam phân, nhưng rõ ràng đã cố gắng gợi ý ý niệm này mà không diễn đạt rõ ràng, vì Bà nhấn mạnh mạnh mẽ vào sự kiện rằng, cũng như cõi cảm dục có thể được xem là phản chiếu của cõi Bồ đề, thì cõi hồng trần cũng có thể được xem là phản chiếu của cõi Niết Bàn, và rồi Bà còn nhấn mạnh thêm rằng con người có ba thể hay vận cụ trên cõi hồng trần—rõ ràng là Bà phải vòng ra ngoài để khiến điều này tương ứng, và vì mục đích đó đã chia thể xác của con người thành hai phần, phần đậm đặc và phần dĩ thái, và thêm như một nguyên khí thứ ba là sinh khí chảy xuyên qua chúng. Nay, vì sinh khí này hiện hữu trên mọi cõi, và cũng có thể được làm thành các nguyên lý bổ sung trên cõi cảm dục và cõi trí như trên cõi hồng trần, nên có vẻ cần một lý do cho sắp đặt khá đặc thù của Bà, và có lẽ lý do ấy nằm ở chỗ Bà muốn gợi chỉ về chân thần tam phân mà không trực tiếp nêu tên. Tôi nghĩ vị Chủ tịch đã nói rằng khi Blavatsky nói về noãn hào quang thiêng liêng, Bà ám chỉ bốn Nguyên tử trường tồn nằm trong một bao thể chất liệu của cõi Niết Bàn.

BUDDHIC CONSCIOUSNESS

A selfish man could not function on the buddhic plane, for the very essence of that plane is sympathy and perfect comprehension, which excludes selfishness. A man cannot make a buddhic body until he has conquered the lower planes. There is a close connection between the astral and the buddhic, the former being in some ways a

TÂM THỨC BỒ ĐỀ

Một người ích kỷ không thể hoạt động trên cõi Bồ đề, vì bản chất cốt yếu của cõi này là sự cảm thông và thấu hiểu trọn vẹn, điều loại trừ tính ích kỷ. Con người không thể kiến tạo một thể Bồ đề cho đến khi y đã chinh phục các cõi thấp. Có một mối liên hệ mật thiết giữa cõi cảm dục và cõi Bồ đề, cõi trước ở một vài phương diện là phản chiếu của cõi sau; nhưng vì thế không

reflection of the latter; but it must not therefore be supposed that a man can leap from the astral consciousness to the buddhic without developing the intervening vehicles.

nên cho rằng một người có thể nhảy vọt từ tâm thức cảm dục sang tâm thức Bồ đề mà không phát triển các vận cụ trung gian.

Certainly on the highest levels of the buddhic plane a man becomes one with all others, but we must not therefore assume that he feels alike towards all. There is no reason to suppose that we shall ever feel absolutely alike towards everybody; why should we? Even the Lord BUDDHA had His favorite disciple Ananda; even the Christ regarded Saint John the Beloved in a different way from the rest. What *is* true is that presently we shall come to love every one as much as we now love our nearest and dearest, but by that time we shall have developed for those nearest and dearest a type of love of which we have no conception now. The buddhic consciousness includes that of many others, so that you may put yourself down into another man and feel exactly as he does, looking upon him from within instead of from without. In that relation you will feel no shrinking even from an evil man, because you will recognize him as a part of yourself—a weak part. You will desire to help him by pouring strength in that weak part of yourself. What is required is really to be in this attitude and to do it, not merely to talk about it or think vaguely of it; and it is not easy to acquire this power.

Chắc chắn ở các cấp cao nhất của cõi Bồ đề, một người trở nên hợp nhất với hết thảy người khác, nhưng chúng ta không nên bởi thế mà giả định rằng y cảm như nhau đối với mọi người. Không có lý do gì để cho rằng chúng ta sẽ bao giờ cảm tuyệt đối như nhau với tất cả; tại sao phải thế? Ngay cả Đức PHẬT cũng có đệ tử yêu dấu của Ngài là A Nan; ngay cả Đức Christ cũng xem Thánh Gioan, người được thương mến, theo cách khác với những vị còn lại. Điều *đúng* là rồi đây chúng ta sẽ đến chỗ yêu thương mọi người nhiều như chúng ta hiện nay yêu những người thân nhất yêu dấu nhất, nhưng đến lúc đó chúng ta sẽ đã phát triển đối với những người thân yêu ấy một dạng tình yêu mà hiện nay chúng ta chưa thể khái niệm được. Tâm thức Bồ đề bao gồm tâm thức của nhiều người khác, đến nỗi bạn có thể "đặt mình vào" một người khác và cảm chính xác như y, nhìn y từ bên trong thay vì từ bên ngoài. Trong tương quan đó, bạn sẽ không thấy ngại ngần gì ngay cả đối với một người xấu, bởi bạn sẽ nhận ra y là một phần của chính bạn—một phần yếu. Bạn sẽ ước muốn giúp y bằng cách rót sức mạnh vào phần yếu đó của chính bạn. Điều cần thiết thật sự là ở trong thái độ này và hành động như thế, chứ không chỉ nói về nó hay nghĩ mơ hồ về nó; và đạt được năng lực này không dễ.

EXPERIENCE

KINH NGHIỆM

It is not necessary for every ego to go through every experience, for when you rise to the buddhic level you can gain the experience of others, even of those who have opposed progress. We shall feel by sympathy. We could withdraw if we did not want to feel another's suffering; but we should choose to feel it

Không cần thiết mọi chân ngã đều phải trải qua mọi kinh nghiệm, vì khi bạn vươn lên cấp độ Bồ đề bạn có thể thu nhận kinh nghiệm của những người khác, thậm chí của những ai đã chống lại sự tiến bộ. Chúng ta sẽ cảm nhận bằng sự cảm thông. Chúng ta có thể rút lui nếu không muốn cảm nỗi đau của người khác;

because we want to help. On the buddhic plane we enfold the man in our own consciousness, and though he knows nothing of such enfoldment it will to a certain extent lessen his sufferings. In all probability we have all had most of the experiences of the savage and half-civilized stages. An adept would necessarily wish to remove or relieve suffering, but we may easily imagine a case in which he would see that the good which was being produced by the suffering so enormously outweighed the present pain that to interfere would not be kindness but cruelty to the sufferer. He would see the whole, not only the part. His sympathy would be deeper than ours, but he would not express it in action except when action was useful.

nhưng chúng ta sẽ chọn cảm nó vì chúng ta muốn giúp. Trên cõi Bồ đề, chúng ta bao bọc người đó trong chính tâm thức của mình, và dẫu y không hề biết đến sự bao bọc ấy, nó vẫn ở một mức nào đó làm nhẹ bớt những đau khổ của y. Rất có khả năng tất cả chúng ta đều đã có phần lớn những kinh nghiệm của các giai đoạn dã man và bán văn minh. Một vị chân sư tất nhiên sẽ mong muốn loại bỏ hay làm nhẹ đi khổ đau, nhưng chúng ta dễ dàng hình dung một trường hợp trong đó Ngài thấy rằng điều thiện được tạo ra bởi sự đau khổ vượt trội gấp bội so với nỗi đau hiện tại, đến nỗi can thiệp không phải là lòng tốt mà là độc ác với người chịu khổ. Ngài sẽ thấy toàn thể, chứ không chỉ phần đoạn. Lòng cảm thông của Ngài sâu hơn chúng ta, nhưng Ngài sẽ không biểu lộ nó bằng hành động trừ khi hành động là hữu ích.

THE SPHERES

CÁC QUẢ CẦU

In any diagram which represents the various planes we usually draw them as lying one above the other like the shelves of a book-case. But then in explaining that diagram we are careful to say that this must not be taken literally, since all the planes interpenetrate and all of them are about us here all the time. That is perfectly true, and yet there is a sense in which the shelf-like arrangement is true also. We may perhaps draw an analogy from the condition of affairs which we find existing upon the surface of the physical earth. We may take the solid matter for all practical purposes as existing only under our feet, as the lowest stratum of physical matter, though of course it is true that countless millions of particles of solid matter are also floating in the air over our heads.

Trong bất kỳ sơ đồ nào biểu diễn các cõi khác nhau, chúng ta thường vẽ chúng như nằm chồng lên nhau như các kệ của một tủ sách. Rồi khi giải thích sơ đồ ấy, chúng ta cẩn thận nói rằng không được hiểu theo nghĩa đen như vậy, vì mọi cõi đều tương giao xuyên thấu và tất cả đều ở quanh chúng ta ở ngay đây luôn luôn. Điều đó hoàn toàn đúng, nhưng vẫn có một ý nghĩa trong đó cách sắp đặt như kệ cũng đúng. Chúng ta có thể rút một tương tự từ tình trạng sự việc mà chúng ta thấy tồn tại trên bề mặt Trái Đất vật chất. Về mọi mục đích thực tế, chúng ta có thể xem chất rắn chỉ tồn tại dưới chân chúng ta, như tầng thấp nhất của chất liệu hồng trần, dù dĩ nhiên đúng là vô số triệu hạt rắn cũng đang lơ lửng trong không khí trên đầu chúng ta.

We may say that, roughly speaking, the liquid matter of the earth (chiefly water) lies upon the surface of the solid matter, though again it is true that a large amount of water

Chúng ta có thể nói đại khái rằng chất lỏng của Trái Đất (chủ yếu là nước) nằm trên bề mặt của chất rắn, dù cũng đúng là một lượng lớn nước xuyên thấu vào đất bên dưới chúng ta, và cũng

interpenetrates the earth beneath us, and also that millions of tons of water are raised above the surface of the earth in the form of clouds. Still, the great bulk of the liquid matter of the earth lies on the top of its solid matter in the form of the ocean, lakes and rivers. Then the gaseous matter of our earth (chiefly the atmosphere) lies upon the surface of the water and of the solid earth, and extends much further away into space than either the liquid or the solid.

đúng là hàng triệu tấn nước được nâng lên trên bề mặt Trái Đất dưới dạng mây. Tuy vậy, phần lớn khối lượng chất lỏng của Trái Đất nằm trên đỉnh chất rắn của nó dưới dạng đại dương, hồ và sông. Rồi chất khí của Trái Đất (chủ yếu là khí quyển) nằm trên bề mặt của nước và của đất rắn, và lan xa hơn vào không gian nhiều hơn cả chất lỏng lẫn chất rắn.

All three conditions of matter exist here at the surface of the earth where we live, but the water in the form of clouds extents further above that surface than does ordinary dust, and again the air, though interpenetrating both the others, extends much further away still. This is by no means a bad analogy to explain the arrangement of the matter of the higher planes.

Cả ba trạng thái chất liệu đều tồn tại ngay đây trên bề mặt Trái Đất nơi chúng ta sống, nhưng nước dưới dạng mây vươn cao hơn bề mặt ấy so với bụi thông thường, và không khí, tuy xuyên thấu cả hai trạng thái kia, lại lan xa hơn nữa. Đây không phải là một tương tự tồi để giải thích sự sắp đặt của chất liệu các cõi cao hơn.

What we call our astral plane may also be considered as the astral body of the earth. It certainly exists all around us, and interpenetrates the solid earth beneath our feet, but it also extends far away above our heads, so that we may think of it as a huge ball of astral matter with the physical earth in the middle of it, much as the physical body of a man exists within the ovoid form which is filled with astral matter, except that in case of the earth the proportionate size of its astral body outside the physical is enormously greater than in the case of man. But just as in the case of the man densest aggregation of astral matter is that which is within the periphery of the physical body, so in the case of the earth by far the greater part of its astral matter is gathered together within the limit of the physical sphere.

Cái mà chúng ta gọi là cõi cảm dục của chúng ta cũng có thể được xem như thể cảm dục của Trái Đất. Nó chắc chắn tồn tại quanh chúng ta, và xuyên thấu Trái Đất rắn dưới chân, nhưng nó cũng vươn xa khỏi trên đầu chúng ta, để rồi chúng ta có thể nghĩ về nó như một quả cầu khổng lồ bằng chất liệu cảm dục với Trái Đất vật chất ở giữa, tương tự như thể xác của một người tồn tại trong hình bầu dục noãn được lấp đầy bằng chất liệu cảm dục, ngoại trừ trong trường hợp Trái Đất, kích thước tương đối của thể cảm dục bên ngoài thể xác lớn hơn gấp bội so với trường hợp con người. Nhưng cũng như trong trường hợp con người, nơi tập trung đặc hơn của chất liệu cảm dục là phần nằm trong chu vi của thể xác, thì trong trường hợp Trái Đất, phần lớn nhất của chất liệu cảm dục của nó được gom lại trong giới hạn của quả cầu vật chất.

Nevertheless, the portion of the astral sphere which is exterior to the physical, extends

Tuy thế, phần của quả cầu cảm dục nằm ngoài phần vật chất lan rộng gần đến khoảng cách

nearly to the mean distance of the moon's orbit, so that the astral planes of the two worlds touch one another when the moon is in perigee, but do not touch when the moon is in apogee. Incidentally, it follows that at certain times of the month astral communication with the moon is possible, and at certain other times it is not.

trung bình của quỹ đạo Mặt Trăng, để rồi các cõi cảm dục của hai thế giới chạm nhau khi mặt trăng ở điểm cận địa, nhưng không chạm khi mặt trăng ở điểm viễn địa. Hệ quả là, vào những thời điểm nhất định trong tháng, giao tiếp cảm dục với Mặt Trăng là khả hữu, còn ở những thời điểm khác thì không.

The mental plane of our earth bears about the same proportion to the astral as the latter does to the physical. It also is a huge globe, concentric with the other two, interpenetrating them both, but extending much further from the centre than does the astral globe. It will be seen that the effect of this is that, while matter of all the planes exists together down here, there is a certain amount of truth in the illustration of the shelves, for beyond the limit of the physical atmosphere there is a considerable shell which consists only of astral and mental matter, and outside of that again another similar shell which consists of mental matter only.

Cõi trí của Trái Đất chúng ta có tỷ lệ so với cõi cảm dục cũng gần như cõi cảm dục so với cõi hồng trần. Nó cũng là một quả cầu khổng lồ, đồng tâm với hai quả kia, xuyên thấu cả hai, nhưng lan xa khỏi tâm hơn quả cầu cảm dục. Sẽ thấy rằng hiệu quả của điều này là, trong khi chất liệu của mọi cõi cùng tồn tại ở dưới này, thì cũng có phần nào đúng khi minh họa theo kiểu "các kệ," vì ở ngoài giới hạn của khí quyển vật chất có một vỏ đáng kể chỉ gồm chất liệu cảm dục và trí, và ngoài vỏ đó lại có một vỏ tương tự nữa chỉ gồm chất liệu trí.

When we reach the buddhic plane the extension becomes so great that what we might call the buddhic bodies of the different planets of our chain meet one another, and so there is but one buddhic body for the whole chain, which means that in the buddhic vehicle it is possible to pass from one of these planets to another. I presume that when investigations in a similar way are extended to the nirvanic plane it will be found that that matter extends so much further that other chains are included in it as well—perhaps the entire solar system.

Khi chúng ta đạt đến cõi Bồ đề, sự mở rộng trở nên lớn đến mức cái mà ta có thể gọi là "các thể Bồ đề" của các hành tinh khác trong dãy của chúng ta gặp nhau, và vì thế chỉ có một thể Bồ đề cho cả dãy, nghĩa là trong vận cụ Bồ đề có thể đi từ hành tinh này sang hành tinh khác. Tôi phỏng đoán rằng khi khảo cứu theo cách tương tự được mở rộng lên cõi Niết Bàn, sẽ thấy chất liệu cõi đó vươn xa đến mức các dãy khác cũng được bao gồm trong đó—có lẽ là toàn bộ hệ mặt trời.

All this is true as far as it goes, and yet it does not convey a really accurate idea of the true position of affairs, because of the fact that our minds can grasp only three dimensions,

Tất cả những điều này đúng ở mức độ nào đó, nhưng nó không truyền đạt một ý niệm thật sự chính xác về tình trạng thực sự, vì tâm trí của chúng ta chỉ có thể nắm ba chiều, trong

whereas in reality there are many more, and as we raise our consciousness from plane to plane, each step opens before us the possibility of comprehending one more of these dimensions. This makes it difficult to describe exactly the position of those who have passed away from the physical life to other planes. Some of such people tend to hover round their earthly homes, in order to keep in touch with their friends of the physical life and the places which they know; others, on the other hand, have a tendency to float away and to find for themselves, as if by specific gravity, a level much further removed from the surface of the earth.

khi thực tại có nhiều chiều hơn, và khi chúng ta nâng tâm thức từ cõi này lên cõi khác, mỗi bước mở ra trước chúng ta khả năng thấu hiểu thêm một chiều nữa trong số các chiều ấy. Điều này làm cho việc mô tả chính xác vị thế của những người đã rời đời sống hồng trần sang các cõi khác trở nên khó khăn. Một số người như vậy có xu hướng lảng vảng quanh mái nhà trần thế của họ, để giữ tiếp xúc với bạn bè trong đời sống hồng trần và những nơi họ quen biết; những người khác, trái lại, có xu hướng trôi nổi xa và tìm cho mình, như thể theo "tỷ trọng riêng," một tầng mức xa bề mặt Trái Đất hơn rất nhiều.

The average person passing into the heaven-life, for example, tends to float at a considerable distance above the surface of the earth, although on the other hand some of such men are drawn to our level. Still, broadly speaking, the inhabitants of the heaven-world may be thought of as living in a sphere or ring or zone round the earth. What Spiritualists call the summer-land extends many miles above our heads, and as people of the same race and the same religion tend to keep together after death just as they do during life, we have what may be described as a kind of network of summer-lands over the countries to which belong the people who have created them.

Người trung bình khi đi vào đời sống thiên giới, chẳng hạn, có xu hướng trôi ở một khoảng cách đáng kể trên bề mặt Trái Đất, dù mặt khác, một số người như vậy lại bị hút về tầng mức gần chúng ta. Tuy nhiên, nói rộng ra, cư dân của cõi trời có thể được xem như đang sống trong một quả cầu hay một vành đai hay một vùng chung quanh Trái Đất. Cái mà các nhà thần linh học gọi là "miền mùa hạ" trải rộng nhiều dặm trên đầu chúng ta, và vì người thuộc cùng chủng tộc và cùng tôn giáo có xu hướng kết tụ với nhau sau khi chết cũng như khi còn sống, chúng ta có một cái có thể mô tả như một mạng lưới các "miền mùa hạ" phủ trên những xứ sở thuộc về những người đã tạo ra chúng.

People find their own level on the astral plane, much in the same way as objects floating in the ocean do. This does not mean that they cannot rise and fall at will, but that if no special effort is made they come to their level and remain there. Astral matter gravitates towards the centre of the earth just as physical matter does; both obey the same general laws. We may take it that the sixth sub-plane of the astral is partially coincident with the surface of the earth, while the lowest, or seventh,

Con người tìm thấy tầng mức riêng của mình trên cõi cảm dục, tương tự như những vật nổi trên đại dương. Điều này không có nghĩa là họ không thể lên xuống theo ý muốn, mà là nếu không có cố gắng đặc biệt, họ sẽ đến tầng mức của mình và ở lại đó. Chất liệu cảm dục hấp về tâm Trái Đất cũng như chất liệu hồng trần; cả hai đều tuân theo cùng những định luật tổng quát. Chúng ta có thể coi rằng, nói chung, cõi phụ thứ sáu của cõi cảm dục phần nào trùng với bề mặt Trái Đất, trong khi cõi phụ thấp

penetrates some distance into the interior.

nhất, hay thứ bảy, xuyên vào một khoảng trong nội thất của hành tinh.

The conditions of the interior of our earth are not easy to describe. Vast cavities exist in it, and there are races inhabiting these cavities, but they are not of the same evolution as ourselves. One of these evolutions, which is at a level distinctly lower than any race now existing upon the surface of the earth, is to some extent described in the seventeenth life of Alcyone, published recently in *The Theosophist;* the other is more nearly at our level, yet utterly different from anything that we know.

Điều kiện ở nội tâm của Trái Đất không dễ mô tả. Có những khoang rỗng mênh mông ở đó, và có những giống loài cư trú trong các khoang này, nhưng họ không thuộc cùng một tiến hóa như chúng ta. Một trong những tiến hóa này, vốn ở trình độ thấp rõ rệt hơn bất kỳ giống dân nào hiện hữu trên bề mặt Trái Đất, đã phần nào được mô tả trong đời thứ mười bảy của Alcyone, mới xuất bản gần đây trong *The Theosophist*; tiến hóa kia thì gần như ở mức của chúng ta hơn, song hoàn toàn khác với bất cứ điều gì chúng ta biết.

As the centre of the earth is approached, matter is found to exist in a state not readily comprehensible to those who have not seen it; a state in which it is far denser than the densest metal known to us, and yet flows as readily as water. But yet there is something else within even that. Such matter is far too dense for any forms of life that we know, but nevertheless, it has connected with it an evolution of its own.

Khi tiến gần tâm Trái Đất, thấy chất liệu tồn tại trong một trạng thái không dễ lĩnh hội đối với người chưa thấy nó; một trạng thái trong đó nó đặc hơn rất nhiều so với kim loại đặc nhất mà chúng ta biết, vậy mà lại chảy dễ dàng như nước. Nhưng rồi lại có một cái gì đó bên trong cả cái đó nữa. Chất liệu như thế quá đỗi đậm đặc đối với bất kỳ hình thức sự sống nào mà chúng ta biết, nhưng tuy vậy, nó cũng có gắn với nó một tiến hóa riêng.

The tremendous pressures which exist here are utilized by the Third LOGOS for the manufacture of new elements; in fact, the central portions of the earth may with great truth be regarded as His laboratory for temperatures and pressures are obtainable there of which we on the surface have no conception. It is there that, under His direction, troops of devas and nature-spirits of a particular type combine and separate, arrange and rearrange the ultimate physical atoms, working along the wonderful double spiral which is symbolized in Sir William Crookes' lemniscates. From this point also, incredible as it seems to us, there is a direct connection with the heart of the sun, so that elements made there appear in the centre of

Những áp lực khủng khiếp hiện hữu ở đây được Đệ Tam Thượng đế sử dụng để chế tạo các nguyên tố mới; thực vậy, khu trung tâm của Trái Đất rất đúng có thể được xem là phòng thí nghiệm của Ngài, vì ở đó có thể có những nhiệt độ và áp lực mà chúng ta trên bề mặt không thể nào khái niệm. Tại đó, dưới sự chỉ đạo của Ngài, các đoàn thiên thần và tự nhiên linh thuộc một loại đặc thù kết hợp và phân chia, sắp đặt và tái sắp đặt các nguyên tử hồng trần tối hậu, vận hành theo đường xoắn kép kỳ diệu được biểu tượng trong hình vô cực (lemniscate) của Sir William Crookes. Cũng từ điểm này, mặc dù điều đó dường như khó tin với chúng ta, có một mối liên hệ trực tiếp với tâm Mặt Trời, đến nỗi các nguyên tố được tạo ra ở đó xuất hiện ở trung tâm Trái Đất mà

the earth without passing through what we call the surface; but it is useless to speak of this until the higher dimensions of space are more generally understood. As in the case of the physical, the densest astral matter is far too dense for the ordinary forms of astral life; but that also has other forms of its own which are quite unknown to students of the surface.

không đi qua cái chúng ta gọi là bề mặt; nhưng nói về điều này là vô ích cho đến khi các chiều cao hơn của không gian được hiểu biết rộng rãi hơn. Cũng như đối với cõi hồng trần, chất liệu cảm dục đậm đặc nhất quá đỗi đậm đặc đối với những hình thái sự sống cảm dục thông thường; nhưng cõi đó cũng có những hình thức riêng của nó hoàn toàn không được các học viên nơi bề mặt biết đến.

In investigating the interior of the earth we did not find a central shaft running from pole to pole, such as has been described by some mediums, nor did we find a number of concentric spheres resting upon cushions of steam. At the same time there are certain forces which do play through concentric layers, and it is not difficult to see what were the natural phenomena which deceived those who, in perfect good faith, made that statement.

Trong khi khảo sát nội tâm Trái Đất, chúng tôi không thấy một trục rỗng chạy từ cực này sang cực kia, như một số đồng tử đã mô tả, cũng không thấy một số quả cầu đồng tâm nằm trên những đệm hơi nước. Đồng thời, vẫn có những mãnh lực nhất định tác động xuyên qua các lớp đồng tâm, và không khó để thấy những hiện tượng tự nhiên nào đã đánh lừa những người, với thiện chí hoàn toàn, đưa ra lời khẳng định đó.

There is unquestionably a force of etheric pressure just as there is of atmospheric pressure, and it can be utilized by man as soon as he can discover some material which is ether-proof. The same pressure exists in the astral world. The most ordinary example of this is what happens when a man leaves his body in sleep or in death.

Không nghi ngờ gì, có một mãnh lực áp suất dĩ thái cũng như có áp suất khí quyển, và nó có thể được con người sử dụng ngay khi y phát hiện ra một chất liệu nào đó "chống dĩ thái." Cùng áp suất ấy tồn tại trong thế giới cảm dục. Ví dụ phổ thông nhất về điều này là những gì xảy ra khi con người rời thể xác trong giấc ngủ hoặc trong cái chết.

When the astral body is withdrawn from the physical, we must not suppose that that physical body is left without an astral counterpart. The pressure of the surrounding astral matter—and that really means the action of the force of gravitation on the astral plane—immediately forces other astral matter into that astrally empty space, just as, if we create a vortex and draw out the air from a room, other air flows instantly from the surrounding atmosphere. But that astral matter will correspond with curious accuracy to physical matter which it interpenetrates.

Khi thể cảm dục được rút khỏi thể xác, ta không nên cho rằng thể xác bị bỏ lại không có đối phần cảm dục. Áp lực của chất liệu cảm dục bao quanh—và điều đó thực ra có nghĩa là tác động của lực hấp dẫn trên cõi cảm dục—lập tức ép chất liệu cảm dục khác vào khoảng trống cảm dục ấy, y như khi chúng ta tạo một xoáy và hút không khí khỏi một căn phòng, thì không khí khác tức khắc tràn vào từ khí quyển chung quanh. Nhưng chất liệu cảm dục đó sẽ tương ứng với độ chính xác thú vị với chất liệu hồng trần mà nó xuyên thấu. Mỗi dạng chất liệu hồng trần lôi cuốn chất liệu cảm dục có

Every variety of physical matter attracts astral matter of corresponding density, so that solid physical matter is interpenetrated by what we may call solid astral matter—that is, matter of the lowest astral sub-plane; whereas physical liquid is interpenetrated by matter of the next astral sub-plane—astral liquid; while physical gas in turn attracts its particular correspondence—matter of the third astral sub-plane from the bottom, which might be called astral gas.

mật độ tương ứng, để rồi chất rắn hồng trần được xuyên thấu bởi cái mà chúng ta có thể gọi là "chất rắn cảm dục"—tức chất liệu của cõi phụ thấp nhất của cõi cảm dục; trong khi chất lỏng hồng trần được xuyên thấu bởi chất liệu của cõi phụ kế tiếp—"chất lỏng cảm dục"; và chất khí hồng trần đến lượt mình lôi cuốn đối phần tương ứng—chất liệu của cõi phụ thứ ba tính từ dưới lên, có thể gọi là "chất khí cảm dục."

Take the case of a glass of water; the tumbler (being solid matter) is interpenetrated by astral matter of the lowest sub-plane; the water in the tumbler (being liquid matter) is interpenetrated by astral matter of the second sub-plane, counting from the bottom upwards; while the air which surrounds both (being gaseous matter) is interpenetrated by astral matter of the third sub-plane, counting from the bottom upwards.

Hãy lấy trường hợp một ly nước; cái cốc (vì là chất rắn) được xuyên thấu bởi chất liệu cảm dục của cõi phụ thấp nhất; nước trong cốc (vì là chất lỏng) được xuyên thấu bởi chất liệu cảm dục của cõi phụ thứ hai, tính từ dưới lên; còn không khí bao quanh cả hai (vì là chất khí) được xuyên thấu bởi chất liệu cảm dục của cõi phụ thứ ba, tính từ dưới lên.

We must also realize that just as all these things, the tumbler, the water, and the air, are interpenetrated by physical ether, so are their astral correspondences further interpenetrated by the variety of astral matter which corresponds to the different types of ether. So when a man withdraws is astral body from the physical there is an inrush of all three varieties of astral matter, because man's physical body is composed of solid, liquid and gaseous constituents. Of course there is ether in the physical body as well, so there must also be astral matter of the higher sub-planes to correspond to that.

Chúng ta cũng phải nhận ra rằng, cũng như tất cả những vật này—cốc, nước và không khí—được xuyên thấu bởi dĩ thái hồng trần, thì các đối phần cảm dục của chúng lại còn được xuyên thấu thêm nữa bởi dạng chất liệu cảm dục tương ứng với các loại dĩ thái khác nhau. Vậy nên, khi một người rút thể cảm dục khỏi thể xác, có một luồng ập vào của cả ba loại chất liệu cảm dục, bởi thể xác của con người được cấu thành bởi các thành phần rắn, lỏng và khí. Dĩ nhiên, có dĩ thái trong thể xác nữa, vậy nên cũng phải có chất liệu cảm dục của các cõi phụ cao hơn tương ứng với điều đó.

That temporary astral counterpart formed during the absence of the real astral body is thus an exact copy of it so far as arrangement is concerned, but it has no real connection with the physical body, and could never be used as a vehicle. It is constructed of any astral

Đối phần cảm dục tạm thời ấy, hình thành trong thời gian vắng mặt của thể cảm dục thật, vì thế là một bản sao chính xác của thể cảm dục về phương diện sắp đặt, nhưng nó không có liên hệ thực sự nào với thể xác, và không bao giờ có thể được sử dụng như một vận cụ. Nó

matter of the required kind that happens to be handy; it is merely a fortuitous concourse of atoms, and when the true astral body returns it pushes out this other astral matter without the slightest opposition. This is one reason for the extreme care which ought to be exercised as to the surroundings in which we sleep, for if those surroundings are evil, astral matter of the most objectionable type may fill our physical bodies while we are away from them, leaving behind it an influence which cannot but react horribly upon the real man when he returns. But the instant inrush when the body is abandoned shows the existence of astral pressure.

được cấu thành từ bất cứ chất liệu cảm dục nào của loại cần dùng có sẵn gần đó; nó chỉ là một kết tụ ngẫu hợp của các nguyên tử, và khi thể cảm dục thật trở về, nó đẩy chất liệu cảm dục kia ra mà không gặp chút phản kháng nào. Đây là một lý do cho sự cẩn trọng tối đa mà chúng ta nên thực hành đối với môi trường xung quanh nơi chúng ta ngủ, vì nếu môi trường ấy xấu, chất liệu cảm dục thuộc loại đáng chê nhất có thể lấp đầy thể xác chúng ta khi chúng ta vắng mặt, để lại phía sau một ảnh hưởng không thể không phản tác động khủng khiếp lên con người thật khi y trở về. Nhưng luồng ập vào tức thì khi thể xác bị bỏ rơi cho thấy sự hiện hữu của áp suất cảm dục.

In the same way, when the man has finally left his physical body at death, what he leaves is no longer a vehicle, but a corpse—not in any true sense a body at all, but simply a collection of disintegrating material in the shape of a body. Just as we can no longer call that truly a body, so we cannot call the astral matter which interpenetrates it truly a counterpart in the ordinary sense of the word. Take an imperfect yet perhaps helpful analogy. When the cylinder of an engine is full of steam, we may regard the steam as the living force within the cylinder, which makes the engine move. But when the engine is cold and at rest, the cylinder is not necessarily empty; it may be filled with air; yet that air is not its appropriate living force, though it occupies the same position as did the steam.

Tương tự như vậy, khi con người đã rời thể xác của mình dứt khoát trong cái chết, cái y bỏ lại không còn là một vận cụ nữa, mà là một xác—không còn là một "thể" theo bất kỳ nghĩa đúng đắn nào, mà chỉ là một tập hợp chất liệu đang phân hủy trong hình dáng của một thân thể. Cũng như chúng ta không còn có thể gọi cái đó là "thể" theo nghĩa chân chính, thì chúng ta cũng không thể gọi chất liệu cảm dục xuyên thấu nó là đối phần thực thụ theo nghĩa thông thường. Hãy lấy một tương tự chưa hoàn hảo nhưng có lẽ hữu ích. Khi xi-lanh của một động cơ đầy hơi nước, chúng ta có thể xem hơi nước là mãnh lực sống trong xi-lanh, cái làm cho động cơ chuyển động. Nhưng khi động cơ nguội và nghỉ, xi-lanh không nhất thiết trống; nó có thể đầy không khí; tuy nhiên, không khí đó không phải là mãnh lực sống thích hợp của nó, dù nó chiếm cùng vị trí như hơi nước từng chiếm.

Astral matter is never *really* solid at all—only relatively solid. You know that the mediaeval alchemists always symbolized astral matter by water, and one of the reasons for that was its fluidity and penetrability. It is true that the counterpart of any solid physical object is always matter of the lowest astral sub-plane,

Chất liệu cảm dục không bao giờ *thực sự* "rắn"—chỉ "rắn" một cách tương đối. Bạn biết rằng các nhà giả kim thời trung cổ luôn tượng trưng chất liệu cảm dục bằng nước, và một trong những lý do là vì tính lưu chất và khả năng xuyên thấu của nó. Đúng là đối phần của bất kỳ vật rắn hồng trần nào luôn là chất liệu

which for convenience we often call astral solid matter; but we must not therefore endow it with the qualities with which we are familiar in solids on this plane. The particles in that densest kind of astral matter are further apart relatively to their size than even gaseous particles; so that it would be easier for two of the densest astral bodies to pass through each other than it would be for the lightest physical gas to diffuse itself in the air.

của cõi phụ thấp nhất cảm dục, mà vì tiện lợi chúng ta thường gọi là "chất rắn cảm dục"; nhưng chúng ta đừng bởi vậy mà gán cho nó những phẩm tính mà chúng ta quen thuộc nơi chất rắn ở cõi này. Các hạt trong loại chất liệu cảm dục đậm đặc nhất ấy đứng xa nhau, so với kích thước của chúng, còn hơn cả các hạt khí; đến nỗi sẽ còn dễ hơn cho hai "thể cảm dục đậm đặc" xuyên qua nhau, so với việc chất khí nhẹ nhất khuếch tán vào không khí.

On the astral plane one has not the sense of jumping over a precipice, but simply of floating over it. If you are standing upon the ground, part of your astral body interpenetrates the ground under your feet; but through your astral body you would not be conscious of this fact by anything corresponding to a sense of hardness, or by any difference in your power of motion. Remember that upon the astral plane there is no sense of touch that corresponds to ours upon the physical. One never touches the surface of anything, so as to feel it hard or soft, rough or smooth, hot or cold; but on coming into contact with the interpenetrating substance one would be conscious of a different rate of vibration, which might of course be pleasant or unpleasant, stimulating or depressing. When on awakening in the morning we remember anything corresponding to our ordinary sense of touch, it is only that in bringing the remembrance through, the physical brain adopted the means of expression to which we are accustomed.

Trên cõi cảm dục, người ta không có cảm giác "nhảy qua vực sâu," mà chỉ có cảm giác lướt qua đó. Nếu bạn đứng trên mặt đất, một phần thể cảm dục của bạn xuyên thấu đất dưới chân; nhưng qua thể cảm dục bạn sẽ không ý thức về sự kiện này bằng bất kỳ điều gì tương ứng với cảm giác cứng hay mềm, cũng chẳng có bất kỳ khác biệt nào trong năng lực vận động của bạn. Hãy nhớ rằng trên cõi cảm dục không có cảm giác xúc chạm giống như của chúng ta trên cõi hồng trần. Người ta không bao giờ "chạm" vào bề mặt của vật gì, để cảm nó cứng hay mềm, thô hay mịn, nóng hay lạnh; mà khi tiếp xúc với chất liệu xuyên thấu, người ta sẽ ý thức về một nhịp độ rung động khác, điều này dĩ nhiên có thể là dễ chịu hay khó chịu, kích thích hay làm sụt giảm. Khi lúc thức dậy vào buổi sáng chúng ta nhớ bất cứ điều gì tương ứng với cảm giác xúc chạm thông thường của mình, thì đó chỉ là vì khi đưa ký ức qua, bộ não hồng trần đã dùng phương tiện biểu đạt mà chúng ta quen dùng.

Though the light of all planes comes from the sun, yet the effect which it produces on the astral plane is entirely different from that on the physical. In astral life there is a diffused luminosity, not obviously coming from any special direction. All astral matter is in itself

Dẫu ánh sáng của mọi cõi đến từ mặt trời, nhưng hiệu quả mà nó tạo ra trên cõi cảm dục hoàn toàn khác với trên cõi hồng trần. Trong đời sống cảm dục có một ánh sáng tỏa đều, không hiển nhiên đến từ một hướng đặc biệt nào. Mọi chất liệu cảm dục tự thân đều phát

luminous, and an astral body is not like a painted sphere, but rather a sphere of living fire. It is also transparent, and there are no shadows. It is never dark in the astral world. The passing of a physical cloud between us and the sun makes no difference whatever to the astral plane, nor of course does the shadow of the earth which we call night.

quang, và một thể cảm dục không giống như một khối cầu được sơn, mà giống một khối cầu lửa sống động. Nó cũng trong suốt, và không có bóng. Trên cõi cảm dục không bao giờ tối. Đám mây hồng trần đi ngang giữa chúng ta và mặt trời chẳng tạo khác biệt gì với cõi cảm dục, và dĩ nhiên cái bóng của Trái Đất mà chúng ta gọi là đêm cũng vậy.

The invisible helper would not pass through a mountain, if he thought of it as an obstacle; to learn that it is not an obstacle is precisely the object of one part of what is called "the test of earth." There cannot be an accident on the astral plane in our sense of word, because the astral body, being fluidic, cannot be destroyed or permanently injured, as the physical body can. An explosion on the astral plane might be temporarily as disastrous as an explosion of gunpowder on the physical, but the astral fragments would quickly collect themselves again.

Một người trợ giúp vô hình sẽ không "đi xuyên" qua một ngọn núi nếu y xem đó là một chướng ngại; học rằng nó không phải là chướng ngại chính là mục tiêu của một phần cái gọi là "bài thử của đất." Không thể có tai nạn trên cõi cảm dục theo nghĩa của chúng ta, bởi vì thể cảm dục, vốn linh động, không thể bị hủy diệt hay tổn thương vĩnh viễn như thể xác. Một vụ nổ trên cõi cảm dục có thể tạm thời gây tai hại như một vụ nổ thuốc súng trên cõi hồng trần, nhưng các mảnh cảm dục sẽ nhanh chóng tự tập hợp lại.

People on the astral plane can and do pass through one another constantly, and through fixed astral objects. Remember that on the astral plane matter is so much more fluidic and so much less densely aggregated. There never can be anything like what we mean by a collision, and under ordinary circumstances two bodies which interpenetrate are not even appreciably affected. If, however, the interpenetration lasts for some time, as it does, for example, when two person sit side by side through a service in a church or a performance in a theatre, a considerable effect may be produced.

Con người trên cõi cảm dục có thể và thường xuyên xuyên qua nhau, và xuyên qua các vật cảm dục cố định. Hãy nhớ rằng trên cõi cảm dục, chất liệu linh động hơn nhiều và tập hợp kém đặc hơn nhiều. Không bao giờ có bất cứ điều gì giống như cái mà chúng ta gọi là va chạm, và trong hoàn cảnh bình thường, hai "thể" xuyên thấu nhau thậm chí không bị ảnh hưởng đáng kể. Tuy nhiên, nếu sự xuyên thấu kéo dài một thời gian, như khi hai người ngồi cạnh nhau suốt một buổi lễ trong nhà thờ hoặc một buổi diễn trong nhà hát chẳng hạn, có thể tạo ra một hiệu quả đáng kể.

There are many currents which tend to carry about persons who are lacking in will, and even those who have will but do not know how to use it. During physical life the matter of our astral bodies is constantly in motion, while after death, unless the will is exercised

Có nhiều dòng lưu chuyển có xu hướng cuốn theo những người thiếu ý chí, và thậm chí những ai có ý chí nhưng không biết dùng nó. Trong đời sống hồng trần, chất liệu của thể cảm dục chúng ta liên tục chuyển động, còn sau khi chết, nếu không vận dụng ý chí để

for the purpose of preventing it, it is arranged in concentric shells with a crust of the coarsest matter on the outside. If a man wishes to be of service on the astral, this shelling must be prevented, for those whose astral bodies have been thus re-arranged are confined to one level. If the re-arrangement has already occurred, the first thing that is done when a person is taken in hand is to break up that condition and set him free on the whole of the astral plane. For those who are acting as invisible helpers on the astral plane there are no separate levels; it is all one.

ngăn chặn, nó sẽ được sắp đặt thành các vỏ đồng tâm với một lớp vỏ thô nhất ở bên ngoài. Nếu một người muốn phụng sự trên cõi cảm dục, trạng thái "tạo vỏ" này phải được ngăn chặn, vì những ai có thể cảm dục đã được sắp đặt lại như thế bị giới hạn ở một tầng mức duy nhất. Nếu sự sắp đặt lại đã xảy ra, điều đầu tiên được làm khi một người được tiếp nhận là phá vỡ trạng thái đó và giải phóng y trên toàn bộ cõi cảm dục. Với những ai đang hành động như các trợ giúp vô hình trên cõi cảm dục, không có các tầng mức riêng rẽ; tất cả là một.

In India the idea of service on the astral plane is not so widely known as in the West; the idea of service to God for the attainment of liberation is more prominent than that of service to one's fellowmen. Atmospheric and climatic conditions make practically no difference to work on the astral and mental planes. But being in a big city does make a great difference, on account of the masses of thought-forms. Some psychics require a temperature of about eighty degrees in order to do their best work, while others do not work well except at a lower temperature.

Ở Ấn Độ, ý niệm phụng sự trên cõi cảm dục không phổ biến như ở phương Tây; ý niệm phụng sự Thượng đế để đạt giải thoát nổi bật hơn ý niệm phụng sự đồng loại. Điều kiện khí quyển và khí hậu hầu như không tạo khác biệt cho công việc trên các cõi cảm dục và trí. Nhưng ở trong một thành phố lớn quả thật tạo khác biệt lớn, vì các khối lượng Hình tư tưởng. Một số nhà ngoại cảm cần nhiệt độ khoảng tám mươi độ để làm công việc tốt nhất, trong khi những người khác không làm việc tốt trừ khi ở nhiệt độ thấp hơn.

If necessary, occult work can be done anywhere, but some places afford greater facilities than others. For example, California has a very dry climate with much electricity in the air, which is favourable for the development of clairvoyance Here in Adyar there is no resistance to our thought-forms on account of the environment, because we are all thinking more or less along the same lines. But we must remember that there may always be resistance on the part of the person to whom we are sending thoughts, for some persons have for a whole life-time built round themselves such shells of selfishness that one cannot penetrate them even when one wishes to do them good.

Nếu cần, công việc huyền môn có thể được thực hiện ở bất cứ đâu, nhưng có những nơi cung cấp điều kiện thuận lợi hơn nơi khác. Chẳng hạn, California có khí hậu rất khô với nhiều điện lực trong không khí, điều này thuận lợi cho sự phát triển thông nhãn. Ở đây, tại Adyar, không có sự kháng cự đối với các Hình tư tưởng của chúng ta từ môi trường, bởi vì tất cả chúng ta đều tư duy ít nhiều dọc theo cùng một đường lối. Nhưng chúng ta phải nhớ rằng luôn có thể có sự kháng cự từ phía người mà chúng ta đang gửi tư tưởng tới, vì có những người suốt cả một đời đã xây quanh họ những vỏ tự kỷ đến mức không thể xuyên thấu, ngay cả khi người ta muốn làm điều thiện cho họ.

FIFTH SECTION—PHẦN THỨ NĂM

THE EGO AND THE PERSONALITY—CHÂN NGÃ VÀ PHÀM NGÃ

There are still many of our members who do not fully understand the problem of the higher and the lower self. Nor is this wonderful; for we are repeatedly told that there is only one consciousness, and yet we often clearly feel two, so it is not remarkable that students should be uncertain as to the real relation between these two, and should wonder whether the ego is entirely dissociated from his physical body and has an existence of his own among his fellows on his own plane.

Vẫn còn nhiều thành viên của chúng ta chưa thấu hiểu trọn vẹn vấn đề về tự ngã cao và tự ngã thấp. Điều này cũng không có gì đáng ngạc nhiên; vì chúng ta thường được dạy rằng chỉ có một tâm thức duy nhất, thế mà chúng ta lại thường cảm rõ ràng như có hai, nên không lạ khi các môn sinh hoang mang về mối liên hệ thực sự giữa hai điều ấy, và tự hỏi liệu chân ngã có hoàn toàn tách rời khỏi thể xác và có một sự hiện hữu riêng giữa những đồng bạn của y trên chính cõi của y hay không.

This problem of the lower and higher self is an old one, and it is undoubtedly difficult to realize that there is after all only one consciousness, and that the apparent difference is caused only by the limitations of the various vehicles. The whole consciousness works on its own higher mental plane, but in the case of the ordinary man only partially and vaguely as yet. So far as it is active it is always on the side of good, because it desires that which is favorable to its evolution as a soul. It puts a portion of itself down into lower matter, and that portion becomes so much more keenly and vividly conscious in that matter that it thinks and acts as though it were a separate being, forgetting its connection with that less developed yet far wider self-consciousness above. So sometimes it seems as though the fragment worked against the whole; but the man who is instructed declines to be deluded, and reaches back through the keen alert consciousness of

Vấn đề phàm ngã và chân ngã này vốn cũ, và quả thật khó để nhận ra rằng rốt cuộc chỉ có một tâm thức mà thôi, và sự khác biệt bề ngoài chỉ do những giới hạn của các vận cụ khác nhau gây nên. Toàn thể tâm thức hoạt động trên cõi thượng trí của nó, nhưng đối với người thường thì cho đến nay chỉ hoạt động một phần và mơ hồ. Trong chừng mực nó hoạt động, nó luôn đứng về phía điều thiện, bởi nó ước muốn điều thuận lợi cho sự tiến hoá của nó như một linh hồn. Nó đặt một phần chính mình xuống chất liệu thấp hơn, và phần ấy trở nên nhạy bén và sinh động trong chất liệu ấy đến nỗi nó suy nghĩ và hành động như thể nó là một hữu thể riêng biệt, quên mất mối liên hệ với tâm thức tự giác ít phát triển hơn nhưng rộng lớn hơn rất nhiều ở bên trên. Bởi vậy đôi khi dường như mảnh vụn ấy làm việc chống lại toàn thể; nhưng người được khai thị thì không chịu để bị mê lầm, và lần ngược qua cái tâm thức tinh anh cảnh giác của mảnh vụn ấy để chạm tới tâm thức chân thực ở hậu cảnh,

the fragment to the true consciousness behind, which is as yet so little developed.

vốn hãy còn rất ít phát triển.

Undoubtedly the ego is only very partially expressed by his physical body, yet we should not be accurate in speaking of him as dissociated from that body. If we figure the ego as a solid body and the physical plane as a surface, the solid body if laid upon that surface could manifest itself through that surface only as plane figure, which would obviously be an exceedingly partial expression. We can see also that if the various sides of the solid were laid upon the surface successively we might obtain expressions which differed considerably, though all of them would be imperfect, because in all cases the solid would have an extension in an entirely different direction, which could by no means be expressed in the two dimensions of the superficies. We shall obtain a nearly accurate symbolism of the facts as far as the ordinary man is concerned if we suppose the solid to be conscious only so far as it is in contact with the surface, although the results gained through the manifestation of such consciousness would inhere in the solid as a whole, and would be present in any later expression of it, even though that might differ considerably from previous expressions.

Quả thật chân ngã chỉ được thể xác biểu đạt một phần rất nhỏ, tuy nhiên chúng ta cũng không chính xác nếu nói về y như thể tách rời khỏi thể xác ấy. Nếu chúng ta hình dung chân ngã như một khối rắn và cõi hồng trần như một bề mặt, thì khối rắn ấy nếu đặt lên bề mặt kia chỉ có thể tự biểu lộ qua bề mặt như một hình phẳng, hiển nhiên là một sự biểu đạt hết sức phiến diện. Ta cũng có thể thấy rằng nếu lần lượt đặt các mặt khác nhau của khối rắn lên bề mặt, chúng ta sẽ có được những biểu đạt khác nhau khá nhiều, tuy tất cả đều không toàn bích, vì trong mọi trường hợp khối rắn luôn có sự trải dài theo một hướng hoàn toàn khác, điều ấy không thể nào được biểu đạt trong hai chiều của bề mặt. Chúng ta sẽ có một biểu tượng gần đúng với thực tại trong chừng mực liên quan đến người thường nếu ta giả định khối rắn chỉ ý thức ở phần tiếp xúc với bề mặt, mặc dù những kết quả thu được qua việc biểu hiện của tâm thức như thế sẽ thuộc về khối rắn như một toàn thể, và sẽ hiện diện trong bất kỳ biểu lộ nào về sau của nó, dù cho biểu lộ ấy có thể khác trước khá nhiều.

It is only in the case of those already somewhat advanced that we can speak of the ego as having a conscious existence among his fellows on his own plane. From the moment that he breaks off from his group-soul and commences his separate existence, he is a conscious entity; but the consciousness is of an exceedingly vague nature. The only physical sensation which occasionally comes to some persons is at the moment of awakening in the morning. There is a state intermediate between sleeping and waking in which a man is blissfully conscious that he

Chỉ trong trường hợp những người đã có phần nào tiến bộ thì ta mới có thể nói về chân ngã như có một sự hiện hữu có ý thức giữa các đồng bạn của y trên chính cõi của y. Kể từ khoảnh khắc y tách khỏi Hồn nhóm và bắt đầu sự hiện hữu biệt lập, y là một đơn vị có ý thức; nhưng cái tâm thức ấy cực kỳ mơ hồ. Cảm giác hồng trần duy nhất thỉnh thoảng đến với một số người là vào khoảnh khắc thức dậy buổi sáng. Có một trạng thái trung gian giữa ngủ và thức, trong đó người ta hạnh phúc ý thức rằng mình hiện hữu, nhưng chưa ý thức về bất kỳ đối tượng chung quanh nào, cũng không có

exists, and yet is not conscious of any surrounding objects, not capable of any moment. Indeed, he sometimes knows that any movement would break the spell of happiness and bring him down into the ordinary waking world, and so he endeavours to remain still as long as possible.

khả năng cử động. Quả vậy, đôi khi người ấy biết rằng bất kỳ cử động nào cũng sẽ phá vỡ phép màu hạnh phúc và kéo y trở lại thế giới thức thường lệ, nên y cố gắng nằm yên lâu nhất có thể.

That condition—a consciousness of existence and of intense bliss—closely resembles that of the ego of the average man upon the higher mental plane. He is wholly centred there only for the short time which intervenes between the end of one life in the heaven-world and the commencement of his next descent into incarnation; and during that short period there comes to him the flash of retrospect and prospect—a glimpse of what his last life has done for him, and of what his next life is intended to do. For many ages these glimpses are his only moments of full awakening, and it is his desire for a more perfect manifestation, his desire to feel himself more thoroughly alive and active, which drives him into the effort of incarnation. It is not desire for life in the ordinary sense of the word, but rather for that complete consciousness which involves the power to respond to all possible vibrations from the surroundings on every plane, so that he may attain the perfection of sympathy.

Tình trạng đó—một tâm thức về hiện hữu và phúc lạc mãnh liệt—rất giống với tình trạng của chân ngã nơi người trung bình trên cõi thượng trí. Y chỉ trọn vẹn quy tâm ở đó trong quãng ngắn xen giữa lúc chấm dứt một đời sống trên cõi trời và lúc khởi đầu cuộc giáng nhập tiếp theo; và trong quãng ngắn ấy, y có một tia lóe hồi quán và viễn kiến—một thoáng thấy được đời vừa qua đã làm gì cho y, và đời sắp đến dự định sẽ làm gì. Trong nhiều thời đại, những thoáng chốc ấy là những khoảnh khắc tỉnh thức trọn vẹn duy nhất của y, và chính khát vọng một sự biểu lộ hoàn thiện hơn, khát vọng cảm thấy mình sống và hoạt động sâu sắc hơn, đã thôi thúc y nỗ lực lâm phàm. Đó không phải là ước muốn sống theo nghĩa thông thường của từ này, mà đúng hơn là khát vọng đạt tới tâm thức trọn vẹn, vốn bao hàm năng lực đáp ứng với mọi rung động khả hữu từ hoàn cảnh chung quanh trên mọi cõi, để nhờ vậy y đạt tới sự hoàn mãn của đồng cảm.

When the ego is still undeveloped the forces of the higher mental plane pass through him practically without affecting him, as he cannot respond to more than a very few of these extremely fine vibrations. It needs powerful and comparatively coarse vibrations to affect him at first, and these do not exist upon his own plane, and for that reason he has to put himself down to lower levels in order to find them. Therefore full consciousness comes to him at first only in the lowest and densest of his vehicles, his attention being

Khi chân ngã còn chưa phát triển, các lực của cõi thượng trí hầu như đi xuyên qua y mà không tác động gì, vì y không thể đáp ứng với quá nhiều rung động cực kỳ tinh tế ấy. Lúc đầu, cần những rung động mạnh và tương đối thô để tác động lên y, mà những rung động như thế lại không hiện hữu trên cõi của y; vì lý do đó, y phải tự đặt mình xuống những mức thấp hơn để tìm thấy chúng. Do vậy, tâm thức trọn vẹn đến với y lúc ban đầu chỉ trong vận cụ thấp nhất và đậm đặc nhất của y, sự chú ý của y trong một thời gian dài dồn xuống cõi hồng

focussed for a long time down in the physical plane; so that, although that plane is so much lower than his own and offers so much less scope for activity, in those early stages he feels himself much more alive when he is working there. As the consciousness increases and widens its scope he gradually begins to work more and more in matter one stage higher—that is, in astral matter.

trần; nên mặc dù cõi này thấp hơn nhiều so với cõi của y và cho y rất ít phạm vi hoạt động, ở những giai đoạn sớm sủa ấy y lại cảm thấy mình sống động hơn nhiều khi làm việc tại đó. Khi tâm thức gia tăng và mở rộng tầm vực của nó, y dần dần bắt đầu hoạt động ngày càng nhiều hơn trong chất liệu ở mức cao hơn một bậc—tức là trong vật chất cảm dục.

At a much later stage, when he has attained to clear working in astral matter, he begins to be able also to express himself through the matter of his mental body and the end of his present effort is achieved when he works as fully and clearly in the matter of the causal body on the higher mental plane as he does now on the physical plane.

Ở một giai đoạn muộn hơn nhiều, khi y đã đạt khả năng hoạt động minh bạch trong vật chất cảm dục, y bắt đầu cũng có thể tự biểu hiện qua chất liệu của thể trí; và mục tiêu của nỗ lực hiện tại được thành tựu khi y hoạt động đầy đủ và minh bạch trong chất liệu của thể nguyên nhân trên cõi thượng trí như y hiện hoạt động trên cõi hồng trần.

These stages of full development of consciousness must not be confounded with the mere learning to use to some extent the respective vehicles. A man is using his astral body whenever he expresses an emotion; he is using his mental body whenever he thinks. But that is very far from his being able to utilize either of them as independent vehicles through which consciousness can be fully expressed. When a man is fully conscious in his astral body, he has already made a considerable amount of progress; when he has bridged over the chasm between the astral consciousness and the physical, day and night no longer exist for him, since he leads a life unbroken in its continuity. For him death also has ceased to exist, since he carries that unbroken consciousness not only through night and day, but also through the portals of death itself and up to the end of his life upon the astral plane.

Những giai đoạn phát triển trọn vẹn của tâm thức này không nên bị lẫn với việc chỉ mới học sử dụng ở một mức độ nào đó các vận cụ tương ứng. Một người đang dùng thể cảm dục bất cứ khi nào y biểu lộ một cảm xúc; y đang dùng thể trí bất cứ khi nào y suy nghĩ. Nhưng điều đó còn xa mới đạt đến khả năng sử dụng bất kỳ vận cụ nào như những vận cụ độc lập qua đó tâm thức có thể được biểu đạt trọn vẹn. Khi một người hoàn toàn ý thức trong thể cảm dục, y đã tiến khá xa rồi; khi y đã bắc được nhịp cầu qua hố sâu giữa tâm thức cảm dục và tâm thức hồng trần, thì ngày và đêm không còn tồn tại đối với y nữa, vì y sống một đời sống liên tục không gián đoạn. Với y, cái chết cũng đã không còn tồn tại, vì y mang theo dòng tâm thức bất đoạn ấy không chỉ xuyên qua đêm và ngày, mà còn xuyên qua cửa ải tử vong và cho đến cuối đời sống của y trên cõi cảm dục.

One step of further development lies open to him—the consciousness of the heaven-world; and then his life and memory are continuous

Một bước phát triển nữa mở ra trước y—tâm thức của cõi trời; và rồi đời sống và ký ức của y liên tục suốt trọn mỗi lần giáng nhập. Thêm

during the whole of each descent into incarnation. Yet one step more raises the full consciousness to the level of the ego on the higher mental plane, and after that he has always with him the memory of all his lives, and he is capable of consciously directing the various lower manifestations of himself at all points of his progress.

một bước nữa nâng tâm thức trọn vẹn lên đến mức của chân ngã trên cõi thượng trí, và từ đó về sau y luôn mang theo ký ức của tất cả các kiếp, và y có khả năng chủ động điều khiển các biểu lộ thấp của chính mình ở mọi chặng đường tiến bộ.

It must not be supposed that the development of any of these stages of consciousness is ever sudden. The actual rending of the veil between two stages is usually a fairly rapid process, sometimes even instantaneous. A man who has normally no memory of what happens on the astral plane may unintentionally, by some accident or illness, or intentionally by certain definite practices, bridge over the interval and make the connection, so that from that time onward his astral consciousness will be continuous, and his memory of what happens while the physical body is asleep will therefore be perfect. But long before such an effort or accident is possible for him the full consciousness must have been working in the astral body, even though in the physical life he knew nothing of it.

Không nên tưởng rằng sự phát triển của bất kỳ giai đoạn tâm thức nào trong số này lại diễn ra đột ngột. Sự xé rách thực sự của bức màn giữa hai giai đoạn thường là một quá trình khá nhanh, đôi khi thậm chí tức thời. Một người bình thường không hề có ký ức về những gì xảy ra trên cõi cảm dục có thể vô tình, do một tai nạn hay tật bệnh, hoặc cố ý bằng những thực hành nhất định, bắc cầu qua khoảng cách và tạo mối nối, để từ đó tâm thức cảm dục của y sẽ liên tục, và ký ức về những gì xảy ra trong lúc thể xác ngủ sẽ vì thế mà hoàn hảo. Nhưng từ rất lâu trước khi nỗ lực hay tai nạn như thế có thể xảy đến với y, tâm thức trọn vẹn hẳn đã từng hoạt động trong thể cảm dục, dù trong đời sống hồng trần y không hay biết gì về điều đó.

In exactly the same way a man must have been for a long time thoroughly practised in the use of his mental body as a vehicle before he can hope to break the barrier between that and the astral, so that he can have the pleasure of continuous recollection. By analogy this lead us to see that the ego must have been fully conscious and active on his own plane for a long time before any knowledge of that existence can come through to us in our physical life.

Hoàn toàn tương tự, một người phải trong một thời gian dài rèn luyện thuần thục việc sử dụng thể trí như một vận cụ trước khi y có thể hy vọng phá vỡ rào chắn giữa nó với thể cảm dục, để được hoan lạc vì có ký ức liên tục. Theo phép tương đồng, điều này cho ta thấy rằng chân ngã hẳn đã ý thức trọn vẹn và hoạt động trên chính cõi của y trong một thời gian dài trước khi bất kỳ hiểu biết nào về sự hiện hữu ấy có thể truyền xuống với chúng ta trong đời sống hồng trần.

There are many in whom the ego has already to some extent awakened from the condition of mere bliss which was described above, and

Có nhiều người mà chân ngã đã phần nào thức dậy từ tình trạng chỉ có phúc lạc đơn thuần nêu trên, và ít ra đã ý thức phần nào về môi

is at least partially conscious of his own surroundings, and therefore of other egos. From that time on he leads a life and has interests and activities on his own plane; but even then we must remember that he puts down into the personality only a very small part of himself, and that that part constantly becomes entangled in interests which, because they are so partial, are often along different lines from the general activities of the ego himself, who consequently does not pay any particular attention to the lower life of the personality, unless something rather unusual happens to it.

trường riêng của y, và do đó về các chân ngã khác. Từ đó trở đi, y sống và có những mối quan tâm, hoạt động trên chính cõi của y; nhưng ngay cả khi ấy chúng ta vẫn phải nhớ rằng y chỉ đặt xuống phàm ngã một phần rất nhỏ của chính mình, và phần ấy thường xuyên bị cuốn vào những mối quan tâm, vì chúng quá phiến diện, nên hay đi theo những đường hướng khác với các hoạt động tổng quát của chính chân ngã, thành thử y không mấy lưu tâm đến đời sống thấp của phàm ngã, trừ khi có điều gì đó khá khác thường xảy ra với nó.

When this stage is reached he usually comes under the influence of a Master; indeed often his first clear consciousness of anything outside himself is his touch with that Master. The tremendous power of the Master's influence magnetises him, draws his vibrations into harmony with its own, and multiplies manyfold the rate of his development. It rays upon him like sunshine upon a flower, and he evolves rapidly under its influence. This is why, while the earlier stages of progress are so slow as to be almost imperceptible, when the Master turns His attention upon the man, develops him and arouses his own will to take part in the work, the speed of his advancement increases in geometrical progression.

Khi đạt giai đoạn này, y thường rơi dưới ảnh hưởng của một Chân sư; thật vậy, thường thì thức nhận rõ ràng đầu tiên của y về điều gì đó ngoài bản thân là sự tiếp xúc với vị Chân sư ấy. Sức mạnh ghê gớm của ảnh hưởng vị Chân sư từ hóa y, kéo các rung động của y hoà điệu với rung động của Ngài, và nhân lên gấp nhiều lần tốc độ phát triển của y. Ảnh hưởng ấy chiếu rọi trên y như nắng trên đóa hoa, và y tiến hóa nhanh chóng dưới tác động ấy. Vì vậy, trong khi những giai đoạn đầu của tiến bộ chậm đến mức hầu như khó nhận thấy, thì khi Chân sư hướng sự chú ý của Ngài vào người ấy, phát triển y và khơi dậy ý chí của y để tham gia công việc, tốc độ thăng tiến của y tăng theo cấp số nhân.

Of that stream of divine influence poured upon the ego by the Master, the amount which can be passed on to the personality depends upon the connection between it and the ego, which is very different in different cases. There is almost infinite variety in human life. The spiritual force rays upon the ego, and some little of it certainly comes through into the personality, because though the ego has put forth a part of himself he does not cut himself off entirely from it, notwithstanding

Trong dòng ảnh hưởng thiêng liêng tuôn đổ xuống chân ngã bởi Chân sư, lượng có thể chuyển xuống phàm ngã tùy thuộc vào mối liên kết giữa nó và chân ngã, điều vốn rất khác nhau giữa các trường hợp. Đời sống con người đa dạng gần như vô tận. Mãnh lực tinh thần chiếu rọi lên chân ngã, và hẳn nhiên một phần nhỏ của nó đi xuyên xuống phàm ngã, vì dù chân ngã đã phóng xuất một phần của chính mình, y vẫn không cắt lìa hoàn toàn khỏi phần ấy, mặc cho thực tế là nơi mọi người bình

the fact that in the case of all ordinary people the ego and the personality are very different things.

thường, chân ngã và phàm ngã là hai điều rất khác nhau.

The ego in ordinary men has not much grasp of the personality, nor a clear conception of his purpose in sending it forth; and, again, the small piece which meets us in the personality grows to have ways and opinions of its own. It is developing by the experience which it gains, and this is passed on to the ego; but along with this real development it usually gathers a good deal which is hardly worthy of that name. It acquires knowledge, but also prejudices, which are not really knowledge at all. It does not become quite free from these prejudices—not only of knowledge (or rather its absence) but of feeling and action as well—until the man reaches adeptship. It gradually discovers these things to be prejudices, and progresses through them; but it has always a great deal of limitation from which the ego is entirely free.

Nơi người thường, chân ngã không nắm bắt nhiều về phàm ngã, cũng không có một nhận thức rõ ràng về mục đích khi phóng nó ra; và nữa, mảnh nhỏ gặp ta trong phàm ngã lại lớn lên để có lối nếp và quan kiến riêng. Nó phát triển nhờ những kinh nghiệm thu thập được, và điều này được chuyển lên cho chân ngã; nhưng cùng với sự phát triển thực sự ấy, nó thường thu góp khá nhiều điều chẳng đáng gọi là phát triển. Nó thủ đắc tri thức, nhưng cả định kiến nữa, vốn không phải tri thức thật. Nó không thể hoàn toàn thoát khỏi các định kiến ấy—không chỉ của tri thức (hoặc đúng hơn là sự thiếu vắng tri thức) mà còn cả của cảm xúc và hành động—cho đến khi người ấy đạt địa vị chân sư. Dần dà nó nhận ra những điều này là định kiến, và tiến bộ xuyên qua chúng; nhưng nó luôn có nhiều giới hạn mà chân ngã hoàn toàn tự do.

As to the amount of the spiritual force which is passed to the personality, one can only decide in a particular case by using clairvoyance. But something of it must flow through always, because the lower is attached to the higher, just as the hand is attached to the body by the arm. It is certain that the personality must get something, but it can have only what it has made itself able to receive. It is also a question of qualities. The Master often plays upon qualities in the ego which are much obscured in the personality, and in that case of course very little comes down. As only those experiences of the personality can be handed on to the spiritual or permanent ego which are compatible with his nature and interests, so only those impulses to which it is able to respond can express themselves in the personality. Remember, though, that the former tends to

Về lượng mãnh lực tinh thần được chuyển xuống phàm ngã, chỉ có thể quyết định trong một trường hợp cụ thể bằng cách dùng thông nhãn. Nhưng hẳn là lúc nào cũng có chút ít chảy qua, bởi vì cái thấp liên kết với cái cao, như bàn tay gắn với thân thể qua cánh tay. Chắc chắn phàm ngã phải nhận được một phần nào đó, nhưng nó chỉ có thể nhận những gì mà chính nó đã làm cho mình có khả năng tiếp nhận. Đồng thời còn là vấn đề phẩm tính nữa. Chân sư thường khai thác những phẩm tính nơi chân ngã vốn bị che khuất nhiều trong phàm ngã, và trong trường hợp ấy dĩ nhiên rất ít sẽ giáng xuống. Cũng như chỉ những kinh nghiệm của phàm ngã tương hợp với bản tính và mối quan tâm của chân ngã mới có thể được chuyển giao lên chân ngã hoặc thể trường tồn, thì chỉ những xung lực nào mà phàm ngã có thể đáp ứng mới có thể tự biểu hiện nơi phàm ngã. Hãy nhớ rằng, về trước có

exclude the bad and the latter the good—or rather we should call them the material and the spiritual, for nothing is bad.

khuynh hướng loại trừ cái xấu và về sau cái tốt —đúng hơn chúng ta nên gọi là cái vật chất và cái tinh thần, vì không có gì là xấu.

One may sometimes see by clairvoyance many of these influences at work. On a certain day, for example, we may see a characteristic of the personality much intensified, with no outward reason. The cause is often to be found in what is taking place at some higher level—the stimulation of that quality in the ego. Sometimes a man finds himself overflowing with affection or devotion, and quite unable on the physical plane to understand why. The cause is usually, again, the stimulation of the ego, or it may be that the ego is taking some special interest in the personality for the time being.

Đôi lúc bằng thông nhãn có thể thấy nhiều ảnh hưởng như thế đang hoạt động. Chẳng hạn vào một ngày nào đó, chúng ta có thể thấy một đặc tính nơi phàm ngã được tăng cường rất mạnh mà không có nguyên do bên ngoài. Nguyên nhân thường nằm ở những gì đang diễn ra tại một cấp độ cao hơn—tức sự kích hoạt phẩm chất ấy nơi chân ngã. Đôi khi một người thấy mình tràn ngập tình thương hay sùng kính, và hoàn toàn không hiểu nổi vì sao trên cõi hồng trần. Nguyên nhân thường là, một lần nữa, do sự kích hoạt nơi chân ngã, hoặc có khi là do chân ngã đang đặc biệt quan tâm đến phàm ngã trong lúc ấy.

In meditation we sometimes draw such attention on the part of the ego, though it is well to keep in mind that we must try to reach up to join that higher activity, rather than to interrupt it to draw down its attention to the lower. The higher influence is certainly invited by right meditation, which is *always* effective, even though on the physical plane things may seem to be very dull and quite without zest. The reaching upwards of the ego himself often means his neglect to send energy down to the personality, and this, of course, leaves the latter feeling rather dull and in the shade. The extent, then, to which the personality is influenced by the effort of the Master depends upon two things principally—the strength of the connection at the time between the ego and the personality; and the particular work which the Master is doing upon the ego, that is, the particular qualities upon which He is playing.

Trong tham thiền, đôi lúc chúng ta lôi kéo được sự chú ý như thế từ phía chân ngã, tuy cũng nên ghi nhớ rằng chúng ta phải cố với lên để hòa nhập hoạt động cao hơn ấy, hơn là gián đoạn nó để kéo sự chú ý của nó xuống chỗ thấp. Ảnh hưởng cao hơn chắc chắn được mời gọi bằng tham thiền đúng đắn, vốn *luôn luôn* hiệu lực, mặc dù trên cõi hồng trần mọi việc có thể xem ra thật tẻ nhạt và vô vị. Sự vươn lên của chính chân ngã thường có nghĩa là y lơ là việc truyền năng lượng xuống phàm ngã, và dĩ nhiên điều đó khiến phàm ngã cảm thấy hơi tẻ nhạt và ở trong bóng râm. Mức độ mà phàm ngã được ảnh hưởng bởi nỗ lực của Chân sư vì thế chủ yếu tùy thuộc vào hai điều—độ bền mạnh của mối liên kết giữa chân ngã và phàm ngã lúc bấy giờ; và công việc đặc thù mà Chân sư đang thực hiện nơi chân ngã, nghĩa là những phẩm tính đặc thù mà Ngài đang khai thác.

Meditation and the study of spiritual subjects in this earthly life make a very great difference in the life of the ego. The ordinary person who

Trong đời trần thế này, tham thiền và học hỏi các đề tài tinh thần tạo khác biệt rất lớn trong đời sống của chân ngã. Người bình thường

has not taken up spiritual matters seriously has only a thread of connection between the higher and the lower self. The personality in his case seems to be all, and the ego, though he undoubtedly exists on his own plane, is not at all likely to be doing anything actively there. He is very much like a chicken which is growing inside an egg. But in the case of some of us who have been making efforts in the right direction, we may hope that the ego is becoming quite vividly conscious. He has broken through his shell, and is living a life of great activity and power. As we go on, we shall become able to unify our personal consciousness with the life of the ego, as far as that is possible, and then we shall have only the one consciousness; even down here we shall have the consciousness of the ego, who will know all that is going on. But with many people at the present day there is often considerable opposition between the personality and the ego.

chưa nghiêm túc tiếp nhận các vấn đề tinh thần thì chỉ có một sợi dây nối liền giữa tự ngã cao và tự ngã thấp. Ở trường hợp y, phàm ngã dường như là tất cả, còn chân ngã, dù chắc chắn hiện hữu trên cõi riêng của y, lại hầu như không làm gì năng động ở đó. Y rất giống một con gà đang lớn trong trứng. Nhưng đối với một số chúng ta—những người đã nỗ lực theo hướng đúng—chúng ta có thể hy vọng rằng chân ngã đang trở nên hết sức sinh động. Y đã phá vỏ trứng và đang sống một đời sống hoạt động mạnh mẽ và đầy năng lực. Khi ta tiếp tục, chúng ta sẽ có thể hợp nhất tâm thức cá nhân với đời sống của chân ngã, trong giới hạn khả dĩ, và rồi chúng ta sẽ chỉ có một tâm thức duy nhất; ngay cả ở dưới này, chúng ta sẽ có tâm thức của chân ngã, y sẽ biết tất cả những gì đang diễn ra. Nhưng với nhiều người hiện nay vẫn thường có sự đối kháng đáng kể giữa phàm ngã và chân ngã.

There are other things to be taken into account. It is by no means always accurate to judge the ego by his manifestation in the personality. An ego of intensely practical type may make much more show on the physical plane than another of far higher development, if the energy of the latter happens to be concentrated almost exclusively upon the causal or buddhic levels. Therefore people who see only on the physical plane are frequently entirely wrong in their estimation of the relative position of others.

Còn những điều khác cũng cần tính đến. Hoàn toàn không phải lúc nào cũng chính xác nếu đánh giá chân ngã dựa vào sự biểu hiện của y trong phàm ngã. Một chân ngã có kiểu mẫu hết sức thực tiễn có thể làm nên vẻ vang lớn trên cõi hồng trần hơn một chân ngã khác phát triển cao hơn rất nhiều, nếu năng lượng của chân ngã sau tình cờ tập trung hầu như hoàn toàn ở các cấp độ thể nguyên nhân hoặc Bồ đề. Vì thế những người chỉ thấy trên cõi hồng trần thường đánh giá hoàn toàn sai vị trí tương đối của người khác.

If you have to deal with a fairly advanced ego, you will sometimes find him rather inconsiderate of his body. You see whatever is put down into the personality is so much taken from *him!* I have again and again seen cases in which the ego was to some extent impatient and withdrew into himself somewhat; but on the other hand in cases

Nếu bạn phải làm việc với một chân ngã khá tiến bộ, đôi khi bạn sẽ thấy y hơi thiếu quan tâm đến thân xác của mình. Bạn thấy đấy, bất cứ thứ gì được đặt xuống phàm ngã là bấy nhiêu bị rút khỏi *y!* Tôi đã nhiều lần thấy những trường hợp chân ngã phần nào sốt ruột và rút vào trong chính mình một chút; nhưng mặt khác, trong những trường hợp như thế

such as these there is always a flow between the ego and the personality, which is not possible with the ordinary man. In the ordinary man the part is, as it were, put down and left, though not of course quite cut off; but at this more advanced stage there is a constant communication between the two along the channel. Therefore, the ego can withdraw a great deal of himself whenever he chooses, and leave a very poor representation of the real man behind. So the relation between the lower and the higher self varies much in different people and at different stages of development.

luôn có một dòng chảy giữa chân ngã và phàm ngã, điều này không có nơi người thường. Ở người thường, phần kia, như thể, được đặt xuống rồi để đó, tuy dĩ nhiên không bị cắt đứt hoàn toàn; nhưng ở giai đoạn tiến bộ hơn này, luôn có một thông giao thường trực giữa hai bên dọc theo kênh nối. Do vậy, chân ngã có thể rút đi một phần lớn của chính y bất cứ khi nào y muốn, và để lại phía sau một đại diện rất nghèo nàn của con người thật. Bởi vậy, mối liên hệ giữa tự ngã thấp và tự ngã cao khác nhau rất nhiều ở những người khác nhau và ở các giai đoạn phát triển khác nhau.

As to the work of the ego, he may be learning things on his own plane; or he may be helping other egos—there are many kinds of work for which he may need an accession of strength. And then he may forget for a time to pay his personality proper attention, just as even a good man may occasionally, under some special pressure of business, forget his horse or his dog. Sometimes when that happens the personality reminds him of its existence by blundering into some foolishness which causes serious suffering. You may have noticed that sometimes, after you have completed a special piece of work that has needed the co-operation of the ego to a large extent—as, for example, lecturing to a large audience—he takes away the energy and leaves the personality with only enough to feel rather dispirited. For a time he admitted that there was some importance in the work, and therefore poured down a little more of himself, but afterwards he leaves the poor personality feeling rather depressed.

Về công việc của chân ngã, y có thể đang học hỏi những điều trên cõi của y; hoặc y có thể đang giúp đỡ các chân ngã khác—có nhiều loại công việc đòi hỏi y cần tăng thêm sức mạnh. Và rồi y có thể quên trong một thời gian việc dành cho phàm ngã sự chú ý thích đáng, cũng như ngay cả một người tốt đôi khi, dưới áp lực công việc đặc biệt, có thể quên chăm sóc ngựa hay chó của mình. Thỉnh thoảng, khi điều ấy xảy ra, phàm ngã nhắc y về sự hiện hữu của nó bằng cách vấp phải một điều dại dột gây ra đau khổ nghiêm trọng. Bạn có thể đã để ý rằng đôi khi, sau khi bạn hoàn tất một phần việc đặc biệt cần sự hợp tác rất lớn của chân ngã—chẳng hạn như diễn thuyết trước một cử toạ đông đảo—y rút năng lượng về và để lại cho phàm ngã chỉ vừa đủ để cảm thấy hơi nản lòng. Trong một thời gian, y thừa nhận rằng công việc ấy có đôi chút quan trọng, và vì thế rót xuống một chút nhiều hơn của chính mình, nhưng sau đó y để mặc phàm ngã tội nghiệp thấy hơi u sầu.

Of course, depression comes much more often from other reasons, such as the presence of an astral entity in a low-spirited condition, or of some non-human beings. And joy also is not always due to the influence of the ego, for the

Dĩ nhiên, chán nản thường đến vì nhiều nguyên do khác, như sự hiện diện của một thực thể cảm dục đang ở trạng thái uể oải, hoặc của một vài sinh linh phi nhân. Và hoan hỷ cũng không phải lúc nào là do ảnh hưởng

fact is that the man does not think much about his own feelings when he is in a fit condition to receive an influx of power. Joy may be produced by the proximity of harmonious nature-spirits, or in a variety of other ways. The channel between the ego and personality is by no means always open. Sometimes it appears to be almost choked up —a condition of affairs which is quite a possibility in view of its narrowness in most cases. Then the force may break through again on some occasion, such as that of a conversion. But for many of us there is a constant flow in some measure. Meditation, conscientiously done, opens the channel and keeps it open. Always remember, though, that it is better to try to go up to the ego than to bring it down to the personality.

của chân ngã, bởi sự thật là khi người ta ở trong trạng thái thích hợp để tiếp nhận luồng năng lực, y không mấy nghĩ về cảm giác riêng của mình. Niềm vui có thể được tạo ra do sự cận kề của các tinh linh thiên nhiên hoà điệu, hoặc bằng nhiều cách khác. Kênh nối giữa chân ngã và phàm ngã đâu phải lúc nào cũng mở. Đôi khi nó dường như gần như bị nghẽn— một trạng huống hoàn toàn có thể, xét đến sự hẹp của nó trong đa số trường hợp. Rồi lực có thể phá tung trở lại vào một dịp nào đó, như trong một cuộc hoán cải. Nhưng với nhiều người trong chúng ta, luôn có một dòng chảy ở mức nào đó. Tham thiền, nếu được thực hành lương thiện, sẽ mở kênh và giữ cho nó mở. Tuy nhiên, hãy luôn nhớ rằng tốt hơn là cố gắng vươn lên tới chân ngã hơn là kéo y xuống phàm ngã.

Every ego has a certain knowledge of his own. He obtains a glimpse, between lives, of his past and future; in the undeveloped man this awakens the ego for a moment, after which he falls asleep again. During physical life the ordinary ego is to some extent capable of brooding watchfulness and a little effort, but is still in a sleepy condition. With a developed man the ego is fully awake. The ego in course of time discovers that there are a good many things which he can do, and when this happens he may rise into a condition in which he has a definite life on his own plane, though in many cases it is even then but dreamy. It is the ego's purpose to learn to be fully active on all planes, even the physical.

Mỗi chân ngã đều có một tri thức nhất định của riêng y. Giữa các kiếp, y có một thoáng nhìn về quá khứ và tương lai của y; nơi người chưa phát triển, điều này đánh thức chân ngã trong một khoảnh khắc, sau đó y lại ngủ. Trong đời sống hồng trần, chân ngã bình thường ở mức nào đó có khả năng canh giữ trầm tư và một chút nỗ lực, nhưng vẫn ở trong trạng thái buồn ngủ. Nơi người đã phát triển, chân ngã hoàn toàn tỉnh thức. Mục đích của chân ngã theo thời gian là học để năng động trọn vẹn trên mọi cõi, kể cả cõi hồng trần.

Suppose you have an ego whose principal method of manifesting himself is by affection. That quality is what he wants exhibited by his personality, and if you down here try to feel strong affection and make a specialty of that, the ego will promptly throw more of himself down into the personality, because he finds in it exactly what he desires. Be careful to

Giả sử bạn có một chân ngã mà phương thức biểu lộ chủ yếu của y là bằng tình thương. Phẩm tính ấy là điều y muốn được phàm ngã trình hiện, và nếu bạn ở dưới này cố gắng cảm tình thương mãnh liệt và chuyên tâm nuôi dưỡng điều ấy, chân ngã sẽ lập tức phóng nhiều hơn của chính y xuống phàm ngã, vì y tìm thấy ở đó đúng điều y mong muốn. Hãy

provide what he needs, and he will quickly take advantage of it. Egos on their own plane can help other egos, when they are sufficiently developed to do so. The ego of the ordinary person has rather a vegetable consciousness or life, and seems to be only just aware of other egos. The personality will not know what the ego does, unless they have been unified. The ego may know the Master while the personality does not. The study of inner things, and living the life, wakes up the ego. Purely unselfish devotion belongs to the higher planes and concerns him.

cẩn trọng cung ứng điều y cần, và y sẽ nhanh chóng tận dụng nó. Các chân ngã trên cõi của mình có thể giúp các chân ngã khác, khi họ đủ phát triển để làm thế. Chân ngã của người thường có đời sống hay tâm thức như thực vật, và dường như chỉ vừa đủ ý thức về các chân ngã khác. Phàm ngã sẽ không biết chân ngã làm gì, trừ khi hai bên đã được hợp nhất. Chân ngã có thể biết Chân sư trong khi phàm ngã thì không. Việc học hỏi những điều bên trong, và sống theo đời sống ấy, đánh thức chân ngã. Lòng sùng tín hoàn toàn vô kỷ thuộc các cõi cao và liên quan đến y.

I do not think the experiences of the personality can be transmitted to the ego, but the essence of them may. He cares little for the details, but he wants the essence of it. Any of those thoughts that we consider evil are impossible for the ego. For precise definition he must come down into the physical body. He devotes himself more especially during the heaven-life to the assimilation of the experiences of the personality, but he is doing it all the time. When you take up the study of Theosophy, and live the life, you begin to call the attention of the ego by sending up vibrations to which he can respond. The ordinary man has in his life little that appeals to the ego.

Tôi không nghĩ những kinh nghiệm của phàm ngã có thể được truyền nguyên vẹn lên chân ngã, nhưng tinh túy của chúng thì có thể. Y ít quan tâm đến chi tiết, nhưng y muốn tinh túy của việc ấy. Bất kỳ loại tư tưởng nào mà chúng ta xem là ác đều bất khả nơi chân ngã. Để định nghĩa chính xác, y phải hạ xuống thể xác. Y dành mình, nhất là trong đời sống cõi trời, cho việc đồng hóa những kinh nghiệm của phàm ngã, nhưng thực ra y làm điều ấy suốt mọi lúc. Khi bạn bắt tay vào học Thông Thiên Học và sống theo đời sống ấy, bạn bắt đầu thu hút sự chú ý của chân ngã bằng cách gửi lên những rung động mà y có thể đáp ứng. Người thường trong đời y có rất ít điều gây được tiếng gọi đối với chân ngã.

High unselfish affection and devotion belong to the highest astral sub-plane, and these reflect themselves in the corresponding matter of the mental plane, so that they touch the causal, not the lower mental. Thus only unselfish thoughts affect the ego. All the lower thoughts affect the permanent atoms, but not the ego; and corresponding to them you would find gaps in the causal body, not bad colors. Selfishness below shows in it as absence of affection or sympathy, and when the good quality develops the gap will be filled up. In the causal body you can see whether a man

Tình thương vô kỷ cao cả và lòng sùng tín thuộc cõi phụ cao nhất của cõi cảm dục, và chúng tự phản chiếu vào chất liệu tương ứng của cõi trí, nhờ thế chạm đến thể nguyên nhân, chứ không chạm đến phần hạ trí. Do vậy chỉ những tư tưởng vô kỷ mới ảnh hưởng tới chân ngã. Tất cả những tư tưởng thấp đều tác động lên các Nguyên tử trường tồn, nhưng không tác động lên chân ngã; và tương ứng với chúng, bạn sẽ thấy trong thể nguyên nhân có những khoảng trống, chứ không phải những màu "xấu". Tính vị kỷ ở bên dưới biểu lộ nơi nó như sự vắng bóng của tình thương hay đồng

can possibly fail in this or that quality. Try to deve1ope the qualities the ego wants, and he will come down to help.

cảm, và khi phẩm tính tốt phát triển thì khoảng trống ấy sẽ được lấp đầy. Trong thể nguyên nhân bạn có thể thấy liệu một người có thể thất bại ở phẩm chất này hay kia hay không. Hãy cố gắng phát triển những phẩm chất mà chân ngã muốn, và y sẽ giáng xuống để trợ giúp.

As is said in *Light on the Path,* watch for the ego, and let him fight through you, and yet at the same time never forget that you are the ego. Therefore identify yourself with him and make the lower give way to you the higher. Yet do not be too greatly disheartened if you should fall even many times, for even failure is to a certain extent a success, since we learn by it and so are wiser to meet the next problem. We cannot always succeed now at every point, though we surely shall do so ultimately. But never forget that it is not expected of us that we shall always succeed, but only that we shall do our best.

Như đã nói trong *Ánh sáng trên Đường Đạo,* hãy canh chừng chân ngã, và để y chiến đấu xuyên qua bạn, đồng thời đừng bao giờ quên rằng bạn chính là chân ngã. Vậy nên hãy đồng hóa với y và buộc phần thấp nhường chỗ cho bạn, phần cao. Tuy nhiên, đừng quá nản lòng nếu bạn lỡ té ngã dù nhiều lần, vì ngay cả thất bại ở một mức nào đó cũng là một thành công, bởi chúng ta học được từ đó và trở nên khôn ngoan hơn để đối diện vấn đề kế tiếp. Bây giờ chúng ta không phải lúc nào cũng có thể thành công ở mọi điểm, tuy chắc chắn rốt cuộc chúng ta sẽ làm được. Nhưng đừng bao giờ quên rằng người ta không trông đợi chúng ta luôn luôn thành công, mà chỉ trông đợi chúng ta làm hết sức mình.

COUNTERPARTS

When the ego descends into incarnation, he draws round himself a mass of astral matter, not yet formed into a definite astral body; this takes, in the first place, the shape of that ovoid which is the nearest expression that we can realize of the true shape of the causal body. But when the further step downward and outward into physical incarnation is taken, and a little physical body is formed in the midst of that astral matter, it immediately begins to exert a violent attraction over it, so that the great majority of the astral matter (which previously may be thought of as fairly evenly distributed over the large oval) now becomes concentrated into the periphery of that physical body.

ĐỐI PHẦN

Khi chân ngã giáng nhập, y kéo quanh mình một khối vật chất cảm dục, chưa được tạo thành một thể cảm dục xác định; điều này lúc đầu lấy hình dạng noãn (hình bầu dục), vốn là biểu đạt gần nhất mà chúng ta có thể hiểu về hình dạng thật sự của thể nguyên nhân. Nhưng khi bước xuống thấp hơn và hướng ngoại vào lâm phàm hồng trần được thực hiện, và một thể xác nhỏ được hình thành ở giữa khối vật chất cảm dục ấy, thì ngay lập tức nó bắt đầu gây nên một hấp lực mạnh mẽ lên vật chất cảm dục, đến nỗi đại bộ phận vật chất cảm dục (trước đó có thể xem như phân bố khá đều trên noãn lớn) giờ trở nên tập trung vào chu vi của thể xác.

As the physical body grows, the astral matter follows every change, and thus we find man presenting the spectacle of an astral body, ninety-nine percent of which is compressed within the periphery of his physical body, only about the remaining one percent filling the rest of the ovoid form. In the plates in *Man, Visible and Invisible* we have sketched in the outline of the physical body merely in pencil so that it shows but slightly, because my especial desire in that book was to emphasize the colors of the ovoid, and the way in which they illustrate the development of man by the transfer of vibrations from the lower bodies to the higher; but in reality that astral counterpart of the physical body is very solid and definite, and quite clearly distinguishable from the surrounding ovoid.

Khi thể xác lớn lên, vật chất cảm dục theo sát mọi thay đổi, và như vậy ta thấy con người trình hiện cảnh tượng một thể cảm dục mà chín mươi chín phần trăm bị nén trong chu vi của thể xác, chỉ khoảng một phần trăm còn lại lấp đầy phần còn lại của dạng noãn. Trong các bản minh họa trong *Con Người, Hữu Hình và Vô Hình* chúng tôi chỉ phác thảo đường viền của thể xác bằng bút chì nên nó chỉ hiện lên rất nhẹ, bởi ước muốn đặc biệt của tôi trong cuốn sách ấy là nhấn mạnh các màu sắc của noãn, và cách thức chúng minh họa sự phát triển của con người qua việc chuyển giao rung động từ các thể thấp lên thể cao; nhưng trong thực tế đối phần cảm dục của thể xác ấy rất "chắc" và rõ ràng, và hoàn toàn dễ phân biệt với noãn bao quanh.

Note, therefore, that the astral matter takes the exact form of the physical matter merely because of the attraction which the latter has for the former. But we must further realize that although we may speak of the lowest sub-plane of the astral as corresponding to solid physical matter, it is yet very different in texture, for all astral matter bears to its corresponding physical matter something the same sort of relation that the liquid bears to the solid. Therefore the particles of the astral body, whether in the finest or coarsest parts of it, are constantly in motion among themselves, just as are particles of flowing water; and it will consequently be seen that it is quite impossible for the astral body to possess specialized organs in the same sense as does the physical body.

Vậy hãy lưu ý rằng vật chất cảm dục mang hình dạng chính xác của vật chất hồng trần chỉ là do hấp lực mà vật chất sau có đối với vật chất trước. Nhưng chúng ta còn phải nhận ra rằng dù ta có thể nói cõi phụ thấp nhất của cõi cảm dục tương ứng với vật chất hồng trần đặc, thì cấu chất của chúng vẫn khác nhau rất nhiều, vì mọi vật chất cảm dục so với vật chất hồng trần tương ứng của nó có một mối liên hệ nào đó tương tự mối liên hệ của chất lỏng với chất rắn. Do vậy, các hạt của thể cảm dục, dù ở phần tinh tế nhất hay thô trọc nhất của nó, cũng luôn luôn chuyển động với nhau, hệt như những hạt nước đang chảy; và vì thế có thể thấy rằng hoàn toàn bất khả để thể cảm dục có các cơ quan chuyên biệt theo cùng nghĩa như thể xác.

No doubt there is an exact counterpart in astral matter of the rods and cones which make up the retina of the physical eye; but the particles which at one moment are occupying that particular position in an astral body may, a second or two later, be moving through the

Chắc chắn có một đối phần chính xác trong vật chất cảm dục của những "que" và "nón" cấu thành võng mạc của mắt hồng trần; nhưng những hạt vào một khoảnh khắc nào đó đang chiếm chỗ đặc thù trong một thể cảm dục ấy thì một hai giây sau có thể đang đi qua bàn tay

hand or the foot. One does not, therefore, see upon the astral plane by means of the astral counterpart of the physical eyes, nor does one hear with the astral counterpart of the physical ears; indeed, it is perhaps not exactly correct to apply the terms "seeing" and "hearing" to astral methods of cognizance, since these terms are commonly held to imply specialized sense-organs, whereas the fact is that every particle in the astral body is capable of receiving and transmitting vibrations from one of its own type, but its own type only. Thus when one obtains a glimpse of astral consciousness, one is surprised to find oneself able to see on all sides simultaneously, instead of only in front as one does on the physical plane. The exact correspondence of the astral body to the physical therefore is merely a matter of external form, and does not at all involve any similarity of function in the various organs.

hay bàn chân. Bởi vậy, người ta không "thấy" trên cõi cảm dục bằng các đối phần cảm dục của mắt hồng trần, cũng không "nghe" bằng các đối phần cảm dục của tai hồng trần; thật ra, có lẽ dùng các từ "thấy" và "nghe" để chỉ các phương pháp tri nhận cảm dục là không thật đúng, bởi các thuật ngữ ấy thường hàm ý các cơ quan cảm giác chuyên biệt; trong khi sự thật là mọi hạt trong thể cảm dục đều có khả năng thu nhận và truyền dẫn các rung động thuộc loại của chính nó, nhưng chỉ loại của chính nó mà thôi. Do vậy, khi người ta có được thoáng chốc tâm thức cảm dục, người ấy sẽ ngạc nhiên thấy mình có thể thấy đồng thời mọi phía, thay vì chỉ ở phía trước như trên cõi hồng trần. Bởi thế, sự tương ứng chính xác của thể cảm dục với thể xác chỉ là vấn đề về hình dạng bên ngoài, hoàn toàn không hàm ý bất kỳ sự tương đồng nào về chức năng nơi các cơ quan khác nhau.

But the attraction continued all through life sets up a kind of habit or momentum in the astral matter, which causes it to retain the same form even while it is withdrawn temporarily from the attraction of the physical body at night and permanently after death; so that even through the long astral life the lineaments of the physical body which was put aside at death will still be preserved almost unchanged. Almost—because we must not forget that thought has a powerful influence upon astral matter and can readily mould it, so that a man who habitually thinks of himself after death as younger than he actually was at the time of that death will gradually come to present a somewhat younger appearance.

Tuy nhiên, lực hấp dẫn tiếp diễn suốt đời tạo nên một loại thói quen hay xung lượng nơi vật chất cảm dục, khiến nó giữ nguyên hình dạng ấy kể cả khi nó tạm thời rút khỏi hấp lực của thể xác lúc ban đêm và vĩnh viễn sau khi chết; nên ngay cả trong suốt đời sống cảm dục dài lâu, diện mạo của thể xác đã được đặt sang một bên lúc chết vẫn còn được bảo tồn hầu như không thay đổi. "Hầu như"—bởi chúng ta không được quên rằng tư tưởng có ảnh hưởng mạnh mẽ lên vật chất cảm dục và dễ dàng uốn nắn nó, thành thử một người sau khi chết mà thường xuyên nghĩ về mình trẻ hơn tuổi lúc chết thì dần dà sẽ trình hiện một dung mạo trẻ hơn đôi chút.

A questioner asks, "If the arm of a man, the branch of a tree, or the leg of a chair were cut off, would in each case the astral counterpart also be removed, and can we, by breaking an

Một người hỏi: "Nếu cánh tay của một người, cành của một cái cây, hoặc chân của một chiếc ghế bị cắt rời, thì trong mỗi trường hợp liệu đối phần cảm dục cũng bị loại bỏ không, và liệu

astral counterpart, produce a fracture in a physical object? That is to say, if with the hand of my astral body I break the astral counterpart of a chair, will the physical chair also be broke?"

chúng ta có thể, bằng cách bẻ gãy một đối phần cảm dục, tạo ra một vết nứt trong một vật thể hồng trần hay không? Tức là, nếu bằng bàn tay của thể cảm dục tôi bẻ gãy đối phần cảm dục của một cái ghế, thì chiếc ghế hồng trần cũng sẽ bị gãy chăng?"

The three cases given are not quite analogous. Both the tree and the man have the life within them which makes the astral body in each case a coherent whole. It is strongly attracted by the particles of the physical body, and therefore adapts itself to its shape, but if part of that physical body be removed, the coherence of the living astral matter is stronger than the attraction towards that severed portion of the physical. Consequently the astral counterpart of the arm or branch will not be carried away with the severed physical fragment. Since it has acquired the habit of keeping that particular form, it will continue for a short time to retain the original shape, but will soon withdraw within the limits of the maimed form.

Ba trường hợp nêu ra không hoàn toàn tương đồng. Cả cây lẫn người đều có sinh lực bên trong khiến thể cảm dục trong mỗi trường hợp là một toàn thể kết đoàn. Nó bị hấp dẫn mạnh bởi các hạt của thể xác, và vì thế thích nghi với hình dạng của thể xác, nhưng nếu một phần của thể xác bị cắt rời, thì tính kết đoàn của vật chất cảm dục sống mạnh hơn hấp lực hướng về phần thể xác bị cắt rời ấy. Hệ quả là đối phần cảm dục của cánh tay hoặc cành cây sẽ không bị kéo đi theo mảnh hồng trần bị cắt. Do đã hình thành thói quen giữ hình dạng đặc thù ấy, nó sẽ tiếp tục một thời gian ngắn duy trì hình dạng ban đầu, nhưng sẽ sớm rút vào trong giới hạn của hình dạng đã bị thương tật.

In the case of an inanimate body, such as a chair or a basin, there would not be the same kind of individual life to maintain cohesion. Consequently when the physical object was broken the astral counterpart would also be divided; but it would not be possible to break an astral counterpart, and in that way to affect the physical object. In other words the act of fraction must begin on the physical plane.

Trong trường hợp một vật vô tri, như một chiếc ghế hoặc một cái chậu, sẽ không có dạng sinh lực cá thể tương tự để duy trì sự kết đoàn. Bởi vậy, khi vật hồng trần bị bẻ gãy, đối phần cảm dục của nó cũng sẽ bị phân chia; nhưng không thể bẻ gãy một đối phần cảm dục và bằng cách đó ảnh hưởng đến vật hồng trần. Nói cách khác, hành vi bẻ gãy phải khởi đầu trên cõi hồng trần.

One could of course move a purely astral object by means of an astral hand if one wished, but not the astral counterpart of a physical object. In order to perform this latter feat it would be necessary to materialize a hand and move the physical object, when the astral counterpart would of course accompany it. The astral counterpart is there because the physical object is there, just as the

Tất nhiên, người ta có thể di chuyển một vật thuần cảm dục bằng một bàn tay cảm dục nếu muốn, nhưng không thể làm thế với đối phần cảm dục của một vật hồng trần. Muốn thực hiện điều sau, sẽ cần hiện hình một bàn tay và di chuyển vật hồng trần, khi ấy đối phần cảm dục tất nhiên sẽ đi kèm theo. Đối phần cảm dục hiện diện ở đó vì vật hồng trần hiện diện, cũng như hương hoa hồng lan tỏa khắp phòng

scent of a rose fills the room because the rose is there. To suggest that by moving the astral counterpart one could also move the physical object is like suggesting that by moving the smell one could move the physical rose which causes the smell.

vì bông hồng ở đó. Gợi rằng bằng cách di chuyển đối phần cảm dục người ta cũng có thể di chuyển vật hồng trần chẳng khác nào gợi rằng bằng cách di chuyển mùi hương người ta có thể di chuyển bông hồng hồng trần vốn gây nên mùi hương ấy.

The astral body changes its particles as does the physical, but fortunately the clumsy and tiresome process of cooking, eating and digesting food is not a necessity on the astral plane. The particles which fall away are replaced by others from the surrounding atmosphere. The purely physical cravings of hunger and thirst no longer exist there; but the desire of the glutton to gratify the sensation of taste, and the desire of the drunkard for the exhilaration which follows, for him, the absorption of alcohol—these are both astral, and therefore they still persist, and cause great suffering because of the absence of the physical body through which alone they could be satisfied.

Thể cảm dục thay đổi các hạt của nó như thể xác thay đổi, nhưng may thay, quá trình vụng về và mệt mỏi là nấu nướng, ăn và tiêu hóa không phải là một nhu cầu trên cõi cảm dục. Những hạt rơi rụng được thay thế bằng những hạt khác từ bầu không khí chung quanh. Những khao khát thuần thể xác như đói và khát không còn tồn tại ở đó; nhưng ước muốn của kẻ phàm ăn muốn thoả mãn cảm giác vị giác, và ước muốn của kẻ nghiện rượu muốn đạt cảm giác hưng phấn theo sau việc hấp thụ rượu—những điều ấy đều là cảm dục, nên vẫn còn tồn tại, và gây đau khổ lớn vì thiếu vắng thể xác, vốn là phương tiện duy nhất qua đó chúng có thể được thoả mãn.

So far as we are at present aware the astral body does not appear to be susceptible to fatigue.

Theo như chúng ta hiện biết, thể cảm dục dường như không chịu ảnh hưởng của mệt mỏi.

The ordinary man while possessing a physical body naturally never has the opportunity of working for any length of time consecutively upon the astral plane, for his nights of astral work alternate with days of physical work. I knew, however, of one case of a man who, having the right to take a rapid reincarnation, had to wait upon the astral plane twenty-five years for the special conditions which he required. He spent the whole of this time in working for the help of others, without any intermission except the occasional attendance at classes held by pupils of our Masters; and he assured me that he had never felt the slightest sense of fatigue—that in fact he had forgotten what it meant to be tired.

Người thường, trong khi còn có thể xác, tự nhiên chẳng bao giờ có cơ hội làm việc liên tục trên cõi cảm dục trong một thời gian dài, bởi những đêm làm việc cảm dục xen kẽ với những ngày làm việc hồng trần. Tuy nhiên, tôi có biết một trường hợp một người, do có quyền tái lâm nhanh, phải chờ trên cõi cảm dục hai mươi lăm năm cho những điều kiện đặc thù mà y cần. Y đã dành trọn thời gian ấy để làm việc giúp đỡ kẻ khác, không hề gián đoạn ngoại trừ đôi khi tham dự các lớp học do các môn đồ của các Chân sư của chúng ta tổ chức; và y quả quyết với tôi rằng y chưa từng cảm chút mệt mỏi nào—thật ra y đã quên mất mệt mỏi nghĩa là gì.

We all know that excessive or long-continued emotion tires us very quickly in ordinary life, and since emotion is an expression of the astral, that may perhaps lead some to suppose that fatigue of the astral body is possible. I think, however, that it will be found that what is subject to fatigue is merely the physical organism through which everything in us which manifests on this plane must pass. What we call mental fatigue is a parallel case. There is no such thing as fatigue in the mind; what we call by that name is only fatigue of the physical brain through which that mind has to express itself.

Chúng ta đều biết rằng cảm xúc quá độ hay kéo dài làm ta mệt rất nhanh trong đời thường, và vì cảm xúc là sự biểu hiện của cảm dục, điều ấy có thể dẫn một số người cho rằng thể cảm dục có thể mệt mỏi. Tuy nhiên, tôi nghĩ rằng sẽ thấy rằng điều chịu mệt mỏi chỉ là cơ cấu hồng trần qua đó mọi thứ trong chúng ta biểu lộ trên cõi này phải đi qua. Cái mà ta gọi là mệt mỏi trí tuệ cũng là một trường hợp song song. Không có cái gọi là mệt mỏi trong tâm trí; điều mà ta gọi bằng cái tên ấy chỉ là mệt mỏi của bộ não hồng trần, qua đó tâm trí phải tự biểu hiện.

A spectator who has not been able to raise his sight above the astral level will of course see only astral matter when he looks at the aura of his fellow-men. He will see that this astral matter not only surrounds the physical body but also interpenetrates it, and that within the periphery of that body it is much more densely aggregated than in that part of the aura which lies outside. This is due to the attraction of the large amount of dense astral matter which is gathered together there as the counterpart of the cells of the physical body.

Một người quan sát không thể nâng tầm nhìn lên trên mức cảm dục, dĩ nhiên, khi nhìn hào quang của đồng loại, sẽ chỉ thấy vật chất cảm dục. Y sẽ thấy vật chất cảm dục ấy không chỉ bao quanh thể xác mà còn xuyên thấu nó, và rằng trong chu vi thể xác, vật chất cảm dục được tập trung dày đặc hơn nhiều so với phần của hào quang nằm bên ngoài. Điều này là vì hấp lực của lượng lớn vật chất cảm dục đậm đặc được tập hợp ở đó như đối phần của các tế bào thể xác.

When during sleep the astral body is drawn from the physical this arrangement still persists, and then any one looking at the astral body with clairvoyant vision would still see, just as before, a form resembling the physical body surrounded by an aura. That form would now be composed only of astral matter, but still the great difference in density between it and its surrounding mist would be quite sufficient to make it clearly distinguishable, even though it is itself only a form of denser mist.

Khi trong giấc ngủ thể cảm dục được rút khỏi thể xác, sự sắp đặt này vẫn còn tồn tại, và khi ấy, bất kỳ ai nhìn thể cảm dục bằng nhãn thông cũng sẽ vẫn thấy, như trước kia, một hình dạng tương tự thể xác được bao quanh bởi một hào quang. Hình dạng ấy giờ đây chỉ được cấu thành bởi vật chất cảm dục, nhưng sự khác biệt lớn về mật độ giữa nó và làn sương bao quanh cũng đủ để khiến nó hiển lộ rõ rệt, dù tự thân nó cũng chỉ là một dạng sương đặc hơn mà thôi.

There is a considerable difference in appearance between the evolved and the unevolved man. Even in the case of the latter

Có một khác biệt đáng kể về diện mạo giữa người đã tiến hoá và người chưa tiến hoá. Ngay cả nơi người sau, các nét và hình dạng của

the features and shape of the inner form are recognizable always, though blurred and indistinct; but the surrounding egg scarcely deserves the name for it is in fact a mere shapeless wreath of mist, having neither regularity nor permanence of outline.

In the more developed man the change is very marked, both in the aura and the form within it. This latter is much more distinct and definite—a closer reproduction of the man's physical appearance; while instead of the floating mist-wreath we see a sharply defined ovoid form preserving its shape unaffected amidst all the varied currents which arc always swirling round it on the astral plane. Though the arrangement of the astral body is largely changed after death by the action of the desire elemental, such alteration does not in any way affect the recognizability of the form within the egg, though the natural changes which take place tend on the whole to make the form grow somewhat fainter and more spiritual in appearance as time passes on.

hình thể bên trong vẫn luôn có thể nhận ra, dù mờ nhạt và không rõ; nhưng noãn bao quanh hầu như không đáng gọi là noãn—thực chất chỉ là một vòng sương mù vô định hình, không có quy luật cũng chẳng có tính bền vững về đường viền.

Nơi người phát triển hơn, thay đổi rất rõ rệt, cả ở hào quang lẫn hình thể bên trong nó. Hình thể sau rõ nét và xác định hơn nhiều—một bản sao gần gũi hơn của diện mạo hồng trần của người ấy; trong khi thay vì vòng sương trôi nổi, ta thấy một noãn có đường biên sắc nét, giữ nguyên hình dạng không bị ảnh hưởng giữa mọi dòng lưu biến thiên luôn luôn xoáy quanh nó trên cõi cảm dục. Dù sự sắp xếp của thể cảm dục bị thay đổi rất nhiều sau khi chết bởi hoạt động của tinh linh dục vọng, thì sự thay đổi ấy không làm suy suyển chút nào khả năng nhận ra hình thể bên trong noãn; dẫu những biến đổi tự nhiên diễn ra nhìn chung có khuynh hướng khiến hình thể trở nên mờ nhạt và mang vẻ tinh thần hơn theo thời gian.

COLORS IN THE ASTRAL BODY

Any comparatively permanent color in the astral body means a persistent vibration, which in the course of time produces its effect upon the mental body, and also upon the causal body, so that the higher qualities developed by the life on the lower planes are gradually built into the permanent causal body, and so become qualities of the soul itself. The colors may be mingled to any extent; for example, affection (rose) mingled with religious devotion (blue) will give a lovely violet. It is only the *good* thought or feeling which can produce an effect in the causal body, and so be permanently stored up

MÀU SẮC TRONG THỂ CẢM DỤC

Bất kỳ một màu sắc tương đối bền vững nào trong thể cảm dục đều có nghĩa là một rung động dai dẳng, điều theo thời gian sẽ tạo nên ảnh hưởng lên thể trí, và cả lên thể nguyên nhân nữa, để rồi các phẩm chất cao được phát triển bởi đời sống trên các cõi thấp dần dần được xây vào thể nguyên nhân trường tồn, và trở thành các phẩm chất của chính linh hồn. Các màu có thể hòa trộn ở bất kỳ mức độ nào; chẳng hạn, tình thương (hồng) hòa với lòng sùng tín tôn giáo (lam) sẽ cho ra một sắc tím tuyệt đẹp. Chỉ có tư tưởng hay cảm xúc *tốt* mới có thể tạo ảnh hưởng lên thể nguyên nhân và vì thế được tích lũy bền vững như một phần

as part of the man. Other kinds of thought and feeling remain in the lower vehicles and are comparatively impermanent. The size a thought-form shows the strength of the emotion.

THE CAUSAL BODY

No number of physical bodies could fully contain the causal body, any more than any number of lines can make a square, or any number of squares can make a cube. The ego puts himself down into his various bodies with the hope of gaining two things—to make the causal body learn to respond to more vibrations, and also to increase its size. Most people are not more than just conscious in the causal body. The strings of such egos cannot be played upon directly, but are affected from below by way of overtones. Most men can at present only work on the matter of the third sub-plane of the mental (the lowest part of their causal bodies), and indeed only the lower matter even of that is usually in operation. When they are on the Path, the second sub-plane opens up. The adept uses the whole causal body while his consciousness is on the physical plane. A rough and ready way of deciding at what stage a man stands is to look at the causal body. It shows also how he arrived there. Men develop unequally—we are all undeveloped in some way. An animal has a minimum-sized causal body as soon as he is individualized; then it has to be developed both as to size and color.

THE DESIRE-ELEMENTAL

Much of the matter of the astral body is vivified by elemental essence, which is cut off [1]for the time being from the general mass

của con người. Các loại tư tưởng và cảm xúc khác thì tồn tại ở các thể thấp và tương đối vô thường. Kích thước của một hình tư tưởng cho thấy sức mạnh của cảm xúc.

THỂ NGUYÊN NHÂN

Dù có bao nhiêu thể xác cũng không thể chứa trọn thể nguyên nhân, cũng như bao nhiêu đoạn thẳng cũng không thể làm ra một hình vuông, hay bao nhiêu hình vuông cũng không thể làm ra một khối lập phương. Chân ngã đặt mình xuống các thể khác nhau với hy vọng đạt được hai điều—khiến thể nguyên nhân học đáp ứng với nhiều rung động hơn, và cũng làm tăng kích thước của nó. Phần lớn mọi người không hơn gì trạng thái vừa đủ có tâm thức trong thể nguyên nhân. "Những dây đàn" của các chân ngã như thế không thể được gảy trực tiếp, mà chỉ bị tác động từ dưới lên qua các bội âm. Hiện nay, đa số người chỉ có thể hoạt động trên chất liệu của cõi phụ thứ ba của cõi trí (phần thấp nhất của thể nguyên nhân của họ), và thực ra thường chỉ phần chất liệu thấp của chính cõi phụ ấy là hoạt động. Khi họ ở trên Thánh Đạo, cõi phụ thứ hai mở ra. Vị chân sư sử dụng toàn bộ thể nguyên nhân trong khi tâm thức của Ngài đang ở trên cõi hồng trần. Một cách thô sơ nhưng hữu hiệu để quyết định một người đang đứng ở giai đoạn nào là nhìn vào thể nguyên nhân. Nó cũng cho thấy y đã đến đó bằng cách nào. Con người phát triển không đồng đều—tất cả chúng ta đều chưa phát triển ở một phương diện nào đó. Một thú vật có một thể nguyên nhân kích cỡ tối thiểu ngay khi nó được biệt ngã hóa; rồi thể ấy phải được phát triển cả về kích thước lẫn màu sắc.

TINH LINH DỤC VỌNG

Nhiều phần của vật chất trong thể cảm dục được tiếp sinh lực bởi Tinh chất hành khí, vốn được tách rời [1]trong một thời gian khỏi khối

which belongs to the plane, and becomes the man's expression on that plane. This is a **living, though not an intelligent essence.** But it has a kind of instinct which Mr. Sinnett calls "dawning intelligence," which guides it into getting what it wants. Blindly and without reason, but instinctively, it seeks its ends, and shows great ingenuity in obtaining its desires and in furthering its evolution.

lượng chung thuộc về cõi, và trở thành sự biểu hiện của con người trên cõi ấy. Đó là một **tinh chất sống, tuy không phải tinh chất thông minh.** Nhưng nó có một loại bản năng mà Ông Sinnett gọi là "trí khôn đang ló dạng", thứ hướng dẫn nó đạt được điều nó muốn. Mù quáng và không có lý trí, nhưng theo bản năng, nó tìm kiếm mục đích của mình, và tỏ ra rất tháo vát trong việc đạt điều nó ham muốn và trong việc thúc đẩy sự tiến hoá của chính nó.

Evolution for it is a descent into matter; its aim is to become a mineral monad. Therefore, its object in life is to get as near to the physical plane as it can, to come into contact with as many of the vibrations of the coarser kind as possible. It knows nothing of *you*; it could not know or imagine anything of you; but it does realize that it is apart from the general stock, and that it is good to be apart. It is not a devil, and you must not get the idea that it is to be hated.

Đối với nó, tiến hoá là sự đi xuống vào vật chất; mục tiêu của nó là trở thành một chân thần khoáng vật. Bởi vậy, mục đích trong đời của nó là tiến càng gần cõi hồng trần càng tốt, để tiếp xúc với càng nhiều rung động thuộc loại thô càng hay. Nó không biết gì về *bạn*; nó không thể biết hay tưởng tượng điều gì về bạn; nhưng nó có cảm nhận rằng nó đã tách khỏi khối chung, và rằng việc tách rời ấy là tốt. Nó không phải là quỷ, và bạn chớ có ý nghĩ rằng nó đáng bị ghét bỏ.

It is part of the Divine Life, just as you are; but its interests are diametrically opposed to yours. *It* wants to evolve downwards; *you* want to evolve upwards. It desires to preserve its separate life, and it feels that it can do so only by means of its connection with you. It is conscious of a something which is your lower mind, and realizes that if it can englobe, as it were, this mind, and persuade you that its and yours interests are one, you will increasingly supply it with the sensations it desires. When it gets the matter sufficiently entangled to suit its purpose, you cannot withdraw it, the result being that some of this matter of the lower mind is then lost to you altogether in the life after death.

Nó là một phần của Sự Sống Thiêng Liêng, cũng như bạn vậy; nhưng lợi ích của nó thì trái ngược hẳn với lợi ích của bạn. *Nó* muốn tiến hoá đi xuống; *bạn* muốn tiến hoá đi lên. Nó muốn bảo toàn đời sống biệt lập của nó, và nó cảm thấy rằng nó chỉ có thể làm thế bằng mối liên hệ với bạn. Nó ý thức về một điều gì đó là hạ trí của bạn, và nhận ra rằng nếu nó có thể bao trùm, như thể, cái trí ấy, và thuyết phục bạn rằng lợi ích của nó và của bạn là một, thì bạn sẽ càng ngày càng cung cấp cho nó những cảm giác mà nó khao khát. Khi nó khiến chất liệu đủ vướng víu theo đúng ý đồ, thì bạn không thể rút nó ra, hệ quả là một phần vật chất của hạ trí ấy sẽ bị mất hẳn đối với bạn trong đời sau khi chết.

So, you see, here is the desire-elemental seeking its own ends; not knowing that it is injuring you by trying to entangle your lower

Bạn thấy đó, đây là tinh linh dục vọng đang tìm kiếm mục đích riêng của nó; không biết rằng nó đang làm tổn hại bạn bằng cách cố

mind. The more it can do this the better for it, for the more mental matter it can entangle the longer will be its astral life—that life still enduring even after you have passed into the heaven-world. In Theosophical phraseology it has been known as the shade. *Your* business is not to allow yourself to be deceived; it understands nothing of your evolution, and is not responsible for it; it simply tries to turn you to its own purpose. You ought to understand the situation, and refuse to be drawn. Do let us realize this: that this elemental is not ourselves. It is never *you* who desire these lower things, but this creature.

gắng làm vướng víu hạ trí của bạn. Nó càng làm được điều này thì càng tốt cho nó, bởi càng vướng được nhiều vật chất trí tuệ thì đời sống cảm dục của nó càng kéo dài—đời sống ấy vẫn còn tiếp diễn ngay cả sau khi bạn đã bước vào cõi trời. Trong thuật ngữ Thông Thiên Học, nó được gọi là "cái bóng". *Phần việc của bạn* là không để mình bị lừa dối; nó chẳng hiểu gì về sự tiến hoá của bạn, và không chịu trách nhiệm cho điều ấy; nó đơn giản chỉ cố uốn bạn theo mục đích riêng của nó. Bạn cần hiểu rõ tình huống và từ chối để bị lôi kéo. Xin hãy thực sự nhận ra điều này: rằng tinh linh này không phải là chính chúng ta. Không bao giờ là *bạn* đang ham muốn những điều thấp hèn ấy, mà là sinh thể này.

It is not so much that we have to make a great fight against it, but we should shake ourselves free, saying: "This is not I; I do not want this lower thing." Somebody wants it. Yes, it is this elemental; and you are responsible for its likes and wants, for in your last life you made it what it is. Not that this particular collection of astral matter and elemental essence existed then; it did not, for it was newly gathered together at your birth this time. **But it is an exact reproduction of the matter in your astral body at the end of your last astral life**. Nevertheless it is not you; and you must ever bear this in mind all through life, and even more during the life after death, for then it has still greater power to deceive you.

Không hẳn là chúng ta phải giao một trận chiến kịch liệt chống lại nó, mà chúng ta nên tự lắc mình thoát ra, nói rằng: "Đây không phải là tôi; tôi không muốn cái điều thấp kém này." Ai đó muốn nó. Đúng vậy, đó là tinh linh này; và bạn chịu trách nhiệm về cái thích và cái muốn của nó, vì trong kiếp trước bạn đã làm cho nó thành ra như thế. Không phải là tập hợp đặc thù này của chất liệu cảm dục và Tinh chất hành khí từng hiện hữu khi ấy; nó không có, vì nó chỉ mới được tụ hợp lại khi bạn sinh ra trong kiếp này. **Nhưng nó là một bản sao chính xác của chất liệu trong thể cảm dục của bạn vào cuối đời sống cảm dục trước đây của bạn**. Tuy nhiên nó không phải là bạn; và bạn phải luôn ghi nhớ điều này suốt cả đời, và còn phải nhớ hơn nữa trong đời sống sau khi chết, vì khi ấy nó còn có quyền lực lớn hơn để mê hoặc bạn.

But you may think that by thus refusing to allow it to influence you, you are checking its evolution. Not at all. You are doing better for the elemental if you control the lower passions, and take a firm stand of your own. It is true you do not develop a very low part of it; but you may drop the lower and evolve the

Nhưng bạn có thể nghĩ rằng bằng cách từ chối để nó ảnh hưởng lên mình như thế, bạn đang kìm hãm sự tiến hóa của nó. Hoàn toàn không. Bạn làm điều tốt hơn cho tinh linh cảm dục nếu bạn kiểm soát các đam dục thấp và tự mình đứng vững một lập trường kiên định. Đúng là bạn không phát triển một phần rất

higher. An animal can supply the lower kinds of vibrations even better than you can yourself, whereas none but man can evolve the higher type of essence.

thấp của nó; nhưng bạn có thể buông bỏ phần thấp và tiến hóa phần cao. Một con vật có thể cung cấp những loại rung động thấp còn tốt hơn chính bạn, trong khi chẳng có ai ngoài con người mới có thể tiến hóa loại tinh chất cao hơn.

After the death of the physical body the ordinary man, who has never heard all this, finds himself when he wakes up on the other side in a totally unexpected condition of affairs, and is generally more or less disturbed thereby. Finally, he accepts these conditions which he does not understand, thinking them necessary and inevitable. Some no doubt are, but some are not, and with knowledge the latter could be transcended.

Sau cái chết của thể xác, người thường vốn chưa hề nghe biết những điều này, khi tỉnh dậy ở bên kia bờ thấy mình ở trong một tình trạng hoàn toàn không ngờ tới, và thường ít nhiều bị xáo trộn vì điều đó. Cuối cùng, người ấy chấp nhận những điều kiện mà y không hiểu, nghĩ rằng chúng là cần thiết và tất yếu. Một số điều chắc chắn là như thế, nhưng một số thì không, và với tri thức thì những điều sau có thể được vượt lên trên.

The elemental is afraid, because it knows that the death of the physical body means that the term of its separated life is limited; it knows that the man's astral death will more or less quickly follow, and with it the loss to it of vivid and intense sensations. Consequently it adopts the best plan it can think of for the preservation of the man's astral body. It evidently knows enough of astral physics to realize that the coarsest matter can hold together longest, and best stand friction. So it arranges the matter in rings, the coarsest on the outside. And in so doing it is right, from its point of view. During physical life the astral body is like swirling, boiling water, but after death it arranges the matter in a series of graduated sheaths, so that full circulation is impossible.

Tinh linh cảm dục thì sợ hãi, vì nó biết rằng cái chết của thể xác có nghĩa hạn kỳ của đời sống tách rời của nó đã bị giới hạn; nó biết rằng cái chết cảm dục của con người sẽ xảy ra sớm hay muộn, và kèm theo đó là mất mát đối với nó những cảm giác sống động và mãnh liệt. Do đó nó chọn kế sách tốt nhất mà nó có thể nghĩ ra để bảo toàn thể cảm dục của con người. Rõ ràng nó biết đủ nhiều về "vật lý" cõi cảm dục để nhận ra rằng chất liệu càng thô càng có thể kết dính lâu nhất và chịu đựng ma sát tốt nhất. Vì vậy nó sắp xếp chất liệu theo những vòng, phần thô nhất ở bên ngoài. Và khi làm như vậy thì xét theo quan điểm của nó, nó làm đúng. Trong đời sống hồng trần, thể cảm dục như nước xoáy sôi sục, nhưng sau khi chết nó sắp đặt chất liệu thành một loạt các lớp vỏ thứ bậc, đến nỗi tuần hoàn đầy đủ là không thể.

Now there are no sense organs in the astral body. There are in it organs corresponding to the physical sense-organs, but you do not see, hear and smell with them. You hear and see all over the surface of the body. Each sub-plane has its own matter; and it is by means of the matter of that sub-plane in your body that you

Giờ đây không có cơ quan cảm giác nào trong thể cảm dục. Trong đó có các cơ quan tương ứng với cơ quan cảm giác hồng trần, nhưng bạn không thấy, không nghe, không ngửi bằng chúng. Bạn nghe và thấy bằng toàn bộ bề mặt của thể. Mỗi cõi phụ có chất liệu riêng của nó; và chính nhờ chất liệu của cõi phụ đó trong thể

can respond to its vibrations. Whatever matter is on the outside (or surface) of your body responds to these vibrations, and you see or hear by it alone. Consequently, what has happened is this: the elemental has, by this arrangement of the matter of your body, shut you up, as it were, in a box of astral matter, which enables you to see and hear things of the lowest and coarsest plane only. If you object to being shut up in this way, it endeavours to make you believe that unless you do thus firmly root yourself into the lower matter you will float off, and lose yourself in a nebulous vagueness.

của bạn mà bạn có thể đáp ứng với các rung động của cõi ấy. Bất cứ chất liệu nào ở bên ngoài (hay bề mặt) thể của bạn đều đáp lại các rung động đó, và bạn chỉ thấy hay nghe bằng nó. Do đó, điều đã xảy ra là thế này: tinh linh cảm dục, bằng sự sắp đặt chất liệu trong thể của bạn như vậy, đã (nói như thế) nhốt bạn trong một cái hộp bằng chất liệu cảm dục, khiến bạn chỉ có thể thấy và nghe những điều của cõi thấp nhất và thô thiển nhất. Nếu bạn phản đối việc bị nhốt theo cách này, nó cố làm cho bạn tin rằng trừ khi bạn bám rễ thật chắc vào chất liệu thấp, bạn sẽ trôi đi và đánh mất mình trong một sự mơ hồ sương khói.

But if, on the other hand, you were to set your will to oppose it, then at once there would be a difference. The particles of the astral body would be kept all intermingled, as in life; and you would, in consequence, be free of all the sub-planes.

Nhưng nếu, ở chiều ngược lại, bạn đặt ý chí để đối kháng nó, thì ngay lập tức sẽ có khác biệt. Các hạt của thể cảm dục sẽ được giữ ở trạng thái hòa trộn lẫn nhau như khi còn sống; và do đó bạn sẽ tự do đối với tất cả các cõi phụ.

The final struggle with it takes place at the conclusion of the astral life, for then the ego endeavours to draw back into himself all that he put down into incarnation at the beginning of the life which has just closed—to recover as it were the principal which he has invested, plus the interest of the experience which has been gained and the qualities which have been developed during that life. But when he attempts to do this he is met with determined opposition from this desire-elemental, which he himself has created and fed.

Cuộc đấu sau cùng với nó diễn ra vào lúc kết thúc đời sống cảm dục, vì khi ấy chân ngã cố gắng rút trở lại vào chính mình mọi thứ mà Ngài đã đặt xuống khi nhập thể vào lúc khởi đầu của đời sống vừa kết thúc—tức là thu hồi, như thể, phần vốn mà Ngài đã đầu tư, cộng với lãi là kinh nghiệm đã thu nhận và các phẩm tính đã được phát triển trong đời sống đó. Nhưng khi Ngài cố làm điều này, Ngài gặp phải sự chống đối kiên quyết từ tinh linh dục vọng này, vốn do chính Ngài tạo ra và nuôi dưỡng.

Though it can hardly be described as intelligent, it has a strong instinct of self-preservation, which leads it to resist with all the force at its command the extinction which threatens it. In the case of all ordinary mortals it attains a certain measure of success in its efforts, for much of the mental faculty has during life been governed by the lower desires and prostituted to their service, or in other

Dẫu khó có thể nói rằng nó thông minh, nhưng nó có bản năng tự tồn rất mạnh, khiến nó dùng hết sức lực trong tầm tay để chống lại sự tiêu diệt đang đe dọa nó. Trong trường hợp của mọi phàm nhân thông thường, nó đạt được một mức độ thành công nào đó trong nỗ lực của mình, vì phần lớn năng lực trí tuệ trong đời sống đã bị các dục vọng thấp cai trị và bị hạ thấp để phục vụ chúng, hay nói cách khác, hạ

words the lower mind has been so seriously entangled by desire that it is impossible for it to be entirely freed. The result of the struggle is therefore that some portion of the mental matter and even of causal matter is retained in the astral body after the ego has completely broken away from it. When a man has during life completely conquered his lower desires and succeeded in absolutely freeing the lower mind from desire, there is practically no struggle, and the ego reclaims in full both principal and interest; but there is unfortunately an opposite extreme when he is able to reclaim neither.

trí đã bị dục vọng quấn chặt đến mức không thể hoàn toàn giải phóng. Kết quả của cuộc đấu do đó là một phần chất liệu trí tuệ, thậm chí cả chất liệu nguyên nhân, bị giữ lại trong thể cảm dục sau khi chân ngã đã hoàn toàn tách khỏi nó. Khi một người trong đời sống đã hoàn toàn chinh phục các dục vọng thấp và thành công trong việc giải phóng tuyệt đối hạ trí khỏi dục vọng, thì hầu như không có cuộc đấu nào, và chân ngã thu hồi đủ đầy cả vốn lẫn lãi; nhưng đáng tiếc là cũng có cực đoan đối nghịch khi Ngài không thể thu hồi được gì.

So our business, both during life and after death, is to control this desire-elemental, and not let *it* control us. Realize that you are a god in the making. All the power and force of the universe are on your side. The result is certain. Range yourself on the side of the Law, and all will be simplified.

Vì vậy công việc của chúng ta, cả khi sống lẫn sau khi chết, là kiểm soát tinh linh dục vọng này, chứ không để *nó* kiểm soát chúng ta. Hãy nhận ra rằng bạn là một vị thần đang được hình thành. Mọi quyền lực và mãnh lực của vũ trụ đều đứng về phía bạn. Kết quả là chắc chắn. Hãy đứng về phía Định luật, và mọi sự sẽ được giản lược.

Absolute control of passions is eminently desirable, but is obtained by few. You have to keep your temper on the astral plane. You see many dreadful things, and if you have not all feelings thoroughly under control you may easily do something for which you will be sorry. Down here people often commit casual brutality and think nothing of it; a callous schoolmaster, for example, beats a child without realizing his wickedness; but on the astral plane the heinousness of such a crime is at once obvious, and even the awful horrors of the karma which it entails may often be seen. On the astral you see the full effects of even an unkind word. Tremendous and violent passions may often attract low kinds of beings, who enter into the thought-forms and enjoy the vibrations. Such animated thought-forms may last for years, and even produce poltergeist phenomena.

Sự làm chủ tuyệt đối các đam dục là điều vô cùng đáng mong, nhưng ít ai đạt được. Bạn phải giữ bình tĩnh trên cõi cảm dục. Bạn sẽ thấy nhiều điều khủng khiếp, và nếu bạn chưa hoàn toàn làm chủ mọi cảm xúc, bạn có thể dễ dàng làm điều mà rồi sẽ phải hối hận. Ở đây, người ta thường phạm những hành vi tàn bạo bừa bãi mà chẳng nghĩ gì; một ông thầy giáo vô cảm, chẳng hạn, đánh một đứa trẻ mà không nhận ra sự độc ác của mình; nhưng trên cõi cảm dục, tính nghiêm trọng ghê gớm của tội ác như vậy lập tức hiển lộ, và thậm chí những nỗi kinh hoàng khủng khiếp của nghiệp quả mà nó kéo theo cũng thường có thể được thấy. Trên cõi cảm dục, bạn thấy đầy đủ hiệu ứng ngay cả của một lời nói thiếu tử tế. Những đam dục dữ dội và mãnh liệt thường lôi kéo các loại chúng sinh thấp, chúng nhập vào các hình tư tưởng và hưởng thụ các rung động. Những hình tư tưởng được sinh động như thế

có thể tồn tại nhiều năm, và thậm chí gây ra các hiện tượng ma quấy.

LOST SOULS

It is an unspeakable relief to be set free by the commonsense of Theosophical teaching from the awful nightmare of the doctrine of eternal damnation which is still held by the more ignorant among the Christians, who do not understand the real meaning of certain phrases attributed in their gospels to their Founder. But some of our students, filled with glad enthusiasm by the glorious discovery that every unit must finally attain perfection, find their joy somewhat damped by gruesome hints that, after all, there are conditions under which a soul may be lost, and they begin to wonder whether the reign of divine law is really universal, or whether there is not some method by which man contrive to escape from the dominion of the LOGOS and destroy himself. Let such doubters take comfort; the Will of the LOGOS is infinitely stronger than any human will, and not even the utmost exertion of perverse ingenuity can possibly prevail against Him.

It is true that He allows man to use his free-will, but only within certain well-defined limits; if the man uses that will well, those limits are quickly widened, and more and more power over his own destiny is given to him; but if he uses that will for evil, he thereby increases his limitations, so that while his power for good is practically unbounded, because it has in it the potentiality of infinite growth, his power for evil is rigidly restricted. And this not because of any inequality in the incidence of the law, but because in the one case he exerts his will in the same direction as that of the LOGOS, and so is swimming with the evolutionary tide, while in the other he is

CÁC LINH HỒN LẠC LỐI

Được giải phóng khỏi cơn ác mộng khủng khiếp của giáo lý "đọa đày vĩnh viễn"—vốn vẫn còn được một số người Kitô hữu kém hiểu biết tin giữ, những người không hiểu ý nghĩa thực sự của những cụm từ được cho là của Đấng Sáng Lập trong các phúc âm của họ—bằng lẽ thường của giáo lý Thông Thiên Học, là một sự nhẹ nhõm khôn tả. Nhưng một số đạo sinh của chúng ta, tràn đầy hoan hỷ nồng nhiệt bởi khám phá vinh quang rằng mọi đơn vị rốt cuộc đều phải đạt tới sự hoàn thiện, lại thấy niềm vui của họ phần nào bị lạnh đi bởi những gợi ý rờn rợn rằng, rốt cuộc, có những điều kiện mà tại đó một linh hồn có thể bị lạc lối, và họ bắt đầu tự hỏi liệu quyền cai trị của luật thiêng có thật sự phổ quát hay không, hay là có một phương cách nào đó để con người tìm cách thoát khỏi quyền tể trị của Thượng đế và tự hủy diệt mình. Xin để những kẻ hoài nghi như thế được an ủi; Ý Chí của Thượng đế vô cùng mạnh mẽ hơn bất kỳ ý chí con người nào, và dẫu cho sự nỗ lực tối đa của mưu mô lệch lạc thì cũng tuyệt đối không thể thắng Ngài.

Đúng là Ngài cho phép con người sử dụng tự do ý chí, nhưng chỉ trong những giới hạn được xác định rõ ràng; nếu người ấy dùng ý chí đó một cách tốt đẹp, những giới hạn đó sẽ nhanh chóng được nới rộng, và ngày càng nhiều quyền năng hơn đối với định mệnh của chính mình sẽ được trao cho y; nhưng nếu y dùng ý chí đó để làm điều ác, y qua đó tự gia tăng các giới hạn của mình, đến nỗi trong khi quyền năng làm điều thiện của y hầu như không bị giới hạn, vì nó hàm chứa tiềm năng tăng trưởng vô hạn, thì quyền năng làm điều ác của y lại bị hạn chế nghiêm ngặt. Và điều này không phải vì có sự bất bình đẳng trong sự tác động của luật, mà vì trong trường hợp thứ

struggling against it.

nhất y vận dụng ý chí theo cùng chiều với ý chí của Thượng đế, và như vậy là đang bơi theo làn triều tiến hóa, còn trong trường hợp kia y đang vùng vẫy ngược dòng.

The term "lost souls" is not well chosen, for it is almost certain to be misunderstood, and taken to imply much more than it really means. In every-day parlance, the word "soul" is used with exasperating vagueness, but on the whole it is generally supposed to denote the subtler and more permanent part of man, so that to the man in the street to lose one's soul means to lose oneself, to be lost altogether. That is precisely what can never happen; therefore the expression is misleading, and a clear statement of the facts which it somewhat inaccurately labels may be of use to students. Of such facts there seem to be three classes; let us consider them one by one.

Thuật ngữ "các linh hồn lạc lối" không được chọn khéo, vì hầu như chắc chắn sẽ bị hiểu lầm và bị xem như hàm ý nhiều hơn điều nó thật sự có nghĩa. Trong ngôn ngữ thường ngày, chữ "linh hồn" được dùng một cách mơ hồ đến bực bội, nhưng nhìn chung thường được cho là chỉ phần vi tế và bền vững hơn của con người, đến nỗi đối với người bình thường, đánh mất linh hồn tức là đánh mất chính mình, là bị mất hẳn. Đó chính là điều không bao giờ có thể xảy ra; do vậy cách nói ấy gây hiểu lầm, và một lời trình bày rõ ràng về những sự kiện mà nó dán nhãn một cách khá không chính xác có thể hữu ích cho đạo sinh. Dường như có ba loại sự kiện như thế; chúng ta hãy xét từng loại một.

Those who will drop out of this evolution in the middle of the fifth round. This dropping out is precisely the aeonian (*not* eternal) condemnation of which the Christ spoke as a very real danger for some of His unawakened hearers—the condemnation meaning merely the decision that they are incapable as yet of the higher progress, but not implying blame except in cases where opportunities have been neglected. Theosophy teaches us that men are all brothers, but not that they are all equal. There are immense differences between them; they have entered the human evolution at various periods, so that some are much older souls than others, and they stand at very different levels on the ladder of development. The older souls naturally learn much more rapidly than the younger, and so the distance between them steadily increases, and eventually a point is reached where the conditions necessary for the one type are entirely unsuitable for the other.

Những người sẽ bị rớt khỏi cuộc tiến hóa này vào giữa cuộc tuần hoàn thứ năm. Sự rớt khỏi này chính là sự kết án trường kỳ (không phải vĩnh cửu) mà Đức Christ đã nói đến như một mối nguy rất thực cho một số thính giả còn chưa thức tỉnh của Ngài—sự kết án này chỉ có nghĩa là quyết định rằng họ hiện tại chưa đủ năng lực cho tiến bộ cao hơn, nhưng không hàm ý trách cứ, trừ những trường hợp đã bỏ lỡ cơ hội. Thông Thiên Học dạy chúng ta rằng con người đều là huynh đệ, nhưng không dạy rằng tất cả đều bình đẳng. Giữa họ có những khác biệt mênh mông; họ đã bước vào cuộc tiến hóa nhân loại ở các thời kỳ khác nhau, nên một số là linh hồn già dặn hơn kẻ khác nhiều, và họ đứng ở những bậc rất khác nhau trên chiếc thang phát triển. Các linh hồn già tự nhiên học nhanh hơn nhiều so với các linh hồn trẻ, và như thế khoảng cách giữa họ đều đặn tăng lên, và rốt cuộc đến một điểm mà những điều kiện cần thiết cho kiểu này lại hoàn toàn không thích hợp cho kiểu kia.

We may obtain a useful working analogy by thinking of the children in a class at school. The teacher of the class has a year's work before him, to prepare his boys for a certain examination. He parcels out the work—so much for the first month, so much for the second, and so on, beginning of course with what is easiest and leading gradually up to what is more difficult. But the boys are of various ages and capacities; some learn rapidly and are in advance of the average, while some lag behind. New boys, too, are constantly coming into his class, some of them barely up to its level. When half the year has run its course, he resolutely closes the list for admissions, and declines to receive any more new boys.

Chúng ta có thể có một phép loại suy hữu ích cho công việc bằng cách nghĩ đến những đứa trẻ trong một lớp học ở trường. Người thầy của lớp có một năm công việc trước mặt, để chuẩn bị cho các cậu dự một kỳ thi. Ông phân chia công việc—bấy nhiêu cho tháng thứ nhất, bấy nhiêu cho tháng thứ hai, v.v., tất nhiên khởi đầu bằng phần dễ nhất và dần dần dẫn tới phần khó hơn. Nhưng các cậu học trò thì khác nhau về tuổi tác và năng lực; có đứa học nhanh và vượt trước mức trung bình, trong khi có đứa tụt lại phía sau. Các cậu mới cũng liên tục vào lớp của ông, một số trong họ chỉ vừa đủ trình độ của lớp. Khi nửa năm đã trôi qua, ông dứt khoát đóng sổ ghi danh, và từ chối nhận thêm học trò mới.

That took place for us at the middle point of this fourth round, after which the door was shut for passage from the animal kingdom into the human, save for a few exceptional cases, which belong, as it were, to the future; just as you have a few men attaining adeptship, who are not belated remnants of the moon's adepts, but people in advance of the rest of humanity. In the same way there are a few animals at the stage of individualization, which the generality are expected to reach at the end of the seventh round. On the next planet an arrangement will be made by which these exceptions will have the opportunity of taking primitive human bodies.

Điều đó đã xảy ra đối với chúng ta tại điểm giữa của cuộc tuần hoàn thứ tư này, sau đó cánh cửa đóng lại đối với sự chuyển từ giới động vật vào giới nhân loại, ngoại trừ một vài trường hợp ngoại lệ, vốn thuộc, như thể, về tương lai; cũng như bạn thấy có vài người đạt được địa vị chân sư, họ không phải là những tàn dư lạc hậu của các chân sư thuộc Dãy Mặt Trăng, mà là những người đi trước phần còn lại của nhân loại. Tương tự như vậy, có một vài loài vật đang ở giai đoạn biệt ngã hóa, điều mà số đông được kỳ vọng sẽ đạt tới vào cuối cuộc tuần hoàn thứ bảy. Trên hành tinh kế tiếp sẽ có một sắp đặt để những ngoại lệ này có cơ hội nhận những thân người nguyên thủy.

A little later the teacher can already clearly foresee that some of his boys will certainly pass the examination, that the chance of others is doubtful, and that there are yet others who are sure to fail. It would be quite reasonable if he should say to these last:

Một chút sau đó, người thầy đã có thể tiên liệu rõ ràng rằng một số học trò của mình chắc chắn sẽ vượt qua kỳ thi, cơ hội của những người khác thì đáng ngờ, và lại có những người chắc chắn thất bại. Sẽ hoàn toàn hợp lý nếu ông nói với nhóm sau cùng này:

"We have now reached a stage when the further work of this class is useless for you.

"Chúng ta đã đến một giai đoạn mà việc học tiếp theo của lớp này là vô ích đối với các em.

You cannot possibly by any effort attain the necessary standard in time for the examination; the more advanced teaching which must now be given to the others would be entirely unsuited for you, and as you could not understand it you would be not only wasting your own time but would be a hindrance to the rest of the class. It will therefore be better for you at once to transfer yourselves to the next class below this, perfect yourselves there in the preliminary lessons which you have not thoroughly learned, and come back to this level with next year's class, when you will be sure to pass with credit."

Các em không thể, bằng bất kỳ nỗ lực nào, đạt tới chuẩn cần thiết kịp thời cho kỳ thi; phần giảng dạy cao hơn hiện nay phải dành cho những bạn khác hoàn toàn không thích hợp với các em, và vì các em không thể hiểu nó nên các em không chỉ lãng phí thời giờ của mình mà còn trở thành chướng ngại cho phần còn lại của lớp. Vậy sẽ tốt hơn nếu các em ngay lập tức chuyển xuống lớp dưới kế cận, tự hoàn thiện ở đó những bài học sơ bộ mà các em chưa học thấu đáo, và quay lại trình độ này cùng với lớp của năm sau, khi ấy các em chắc chắn sẽ vượt qua một cách vẻ vang."

That is exactly what will be done in the middle of the fifth round. Those who cannot by any effort reach the prescribed goal in the time which remains will be put back into a lower class, and if the class-room doors are not yet open they will wait in peace and happiness until the appointed time. They may be described as lost *to us,* lost to this particular little wave of evolution to which we belong; they are no longer "men of our year" as we say at College. But they will very certainly be "men of the next year"—even leading men in it, because of the work that they have already done and the experience that they have already had.

Đó chính xác là điều sẽ được thực hiện vào giữa cuộc tuần hoàn thứ năm. Những ai không thể, bằng bất kỳ nỗ lực nào, đạt tới mục tiêu ấn định trong khoảng thời gian còn lại sẽ bị xếp lại vào một lớp thấp hơn, và nếu cửa lớp chưa mở thì họ sẽ chờ đợi trong bình an và hạnh phúc cho tới thời điểm đã định. Có thể mô tả họ là bị mất *đối với chúng ta,* bị mất đối với làn sóng tiến hóa nhỏ bé đặc thù này mà chúng ta thuộc về; họ không còn là "những người cùng niên" theo cách nói ở Trường nữa. Nhưng rất chắc chắn họ sẽ là "những người của niên khóa kế tiếp"—thậm chí là những người dẫn đầu trong đó, vì công việc họ đã làm và kinh nghiệm họ đã có.

Most of these people fail because they are too young for the class, although they were too old to be put in the first place into the class below. They have had the advantage of going through the first half of the year's work, and they will therefore take it up again next time readily and easily, and will be able to help their more backward fellow-pupils who have not had their advantages. For those who are too young for the work there is no blame in failure.

Phần lớn những người này thất bại vì họ còn quá non so với lớp, dẫu rằng lúc đầu họ đã quá tuổi để xếp vào lớp dưới. Họ đã có lợi thế đi qua nửa đầu của công việc trong năm, và do đó lần tới họ sẽ tiếp tục nó một cách dễ dàng và nhanh chóng, và sẽ có thể giúp đỡ các bạn học lạc hậu hơn chưa có những lợi thế như họ. Đối với những người còn quá non so với công việc thì thất bại không phải là điều đáng trách cứ.

But there is another large class who might

Nhưng có một lớp lớn khác lẽ ra có thể thành

succeed by determined effort, but fail for want of that effort. These exactly correspond to the boy who drops behind his class not because he is too young, but because he is too lazy to do his work. His fate is the same as that of the others, but it is obvious that while they were blameless because they did their best, he is blame-worthy precisely because he did not do his; so he will carry with him a legacy of evil karma from which they are free. It is to men of that class that the Christ's exhortations were addressed—men who had the opportunity and ability to succeed, but were not making the necessary effort.

công bằng nỗ lực quyết tâm, nhưng lại thất bại vì thiếu nỗ lực đó. Họ giống y như cậu học trò rớt lại sau lớp không phải vì quá non, mà vì quá lười để làm bài. Số phận của cậu cũng giống như những người khác, nhưng rõ ràng là trong khi họ vô tội vì đã làm hết sức, thì cậu đáng bị chê trách chính vì cậu đã không làm phần việc của mình; vậy nên cậu sẽ mang theo một di sản nghiệp xấu mà họ không có. Chính với những người thuộc lớp này mà những lời khuyên nhủ của Đức Christ đã được hướng đến —những người có cơ hội và khả năng để thành công, nhưng đã không nỗ lực cần thiết.

It is of these that Madame Blavatsky speaks in such vigorous terms as "useless drones who refuse to become co-workers with Nature, and who perish by millions during the manvantaric life-cycle." *(Secret Doctrine,* iii,) But note that this "perishing" is merely from this "manvantaric life-cycle," and that it means for them delay only, and not total extinction. Delay is the worst that can happen to people in the ordinary course of evolution. Such a delay is undoubtedly most serious, but, bad though it be, it is the best that can be done under the circumstances. If either through youth, or through laziness and perversity, these people have failed, it is clear that they need more training, and this training they must have. Obviously that is best for them, even though it means many lives—lives, many of which may be dreary, and may even contain much suffering. Still, they must go through to the end, because that is the only way by which they can attain the level which the more advanced races have already reached through similar long-continued evolution.

Chính về những kẻ ấy mà Bà Blavatsky đã nói bằng những từ mạnh mẽ như "những kẻ ăn bám vô dụng, từ chối trở thành những cộng tác viên với Tự nhiên, và chết đi hàng triệu trong chu kỳ giai kỳ sinh hóa." (*Giáo Lý Bí Nhiệm,* iii,) Nhưng xin lưu ý rằng sự "tiêu vong" này chỉ khỏi "chu kỳ giai kỳ sinh hóa" này, và rằng đối với họ nó chỉ có nghĩa là trì hoãn, chứ không phải là tiêu diệt hoàn toàn. Sự trì hoãn là điều tệ hại nhất có thể xảy đến với con người trong tiến trình tiến hóa thông thường. Một sự trì hoãn như vậy chắc chắn là vô cùng nghiêm trọng, nhưng dẫu xấu thế nào đi nữa, thì đó là điều tốt nhất có thể làm trong hoàn cảnh. Nếu vì non nớt, hoặc vì lười biếng và tà nghịch, những người này đã thất bại, thì rõ ràng là họ cần được rèn luyện nhiều hơn, và họ phải có sự rèn luyện đó. Hiển nhiên đó là điều tốt nhất cho họ, dù rằng nó có nghĩa là nhiều kiếp sống—nhiều kiếp sống có thể ảm đạm, và thậm chí có thể chứa đựng nhiều đau khổ. Tuy nhiên, họ phải đi cho đến cùng, bởi vì đó là con đường duy nhất nhờ đó họ có thể đạt tới trình độ mà các chủng tộc tiến bộ hơn đã đạt được qua tiến hóa bền bỉ lâu dài tương tự.

It was with the object of saving as many people as possible from that additional suffering that the Christ said to His disciples:

Chính với mục đích cứu càng nhiều người càng tốt khỏi sự đau khổ phụ trội đó mà Đức Christ đã nói với các môn đồ của Ngài: "Hãy đi

"Go ye into all the world and preach the gospel to every creature; he that believeth and is baptised shall be saved, but he that believeth not shall be damned." For baptism and its corresponding rites in other religions are the sign of the dedication of the life to the service of the Brotherhood, and the man who is able to grasp the truth, and consequently sets his face in the right direction, will certainly be among the "saved" or "safe," who escape the condemnation in the fifth round; while those who do not take the trouble to see the truth and follow it will assuredly fall under that condemnation. But remember always that the "damnation" means only rejection from this "aeon" or chain of worlds, a throwing back into the next of the successive life-waves. "Lost souls," if you will; lost to us, perhaps, but not to the LOGOS; so they would be better described as temporarily laid aside. Of course it must not be supposed that the "belief" which saves them is the knowledge of Theosophy; it does not matter in the least what their religion is, so long as they are aiming at the spiritual life, so long as they have definitely ranged themselves on the side of good as against evil, and are working unselfishly onward and upward.

khắp thế gian và rao giảng phúc âm cho mọi tạo vật; ai tin và được rửa tội thì sẽ được cứu, còn ai không tin thì sẽ bị kết án." Vì phép rửa tội và những lễ nghi tương ứng trong các tôn giáo khác là dấu hiệu dâng hiến đời sống để phụng sự Huynh đệ Đoàn, và người có thể nắm bắt chân lý, và do đó hướng mặt về đúng hướng, chắc chắn sẽ thuộc về số "được cứu" hay "an toàn", những người thoát khỏi sự kết án trong cuộc tuần hoàn thứ năm; trong khi những ai không bận tâm để thấy chân lý và đi theo nó thì chắc chắn sẽ rơi vào sự kết án ấy. Nhưng hãy luôn nhớ rằng "kết án" chỉ có nghĩa là bị loại khỏi "đại kỳ" hay chuỗi thế giới này, bị ném trở lại vào làn sóng sự sống kế tiếp trong chuỗi liên tiếp. "Các linh hồn lạc lối", nếu bạn muốn gọi như thế; lạc đối với chúng ta, có lẽ vậy, nhưng không lạc đối với Thượng đế; vậy nên miêu tả đúng hơn là tạm thời được xếp qua một bên. Tất nhiên không nên cho rằng "niềm tin" cứu rỗi họ là tri thức về Thông Thiên Học; tôn giáo của họ là gì cũng chẳng quan trọng, miễn là họ đang hướng tới đời sống tinh thần, miễn là họ đã dứt khoát đứng về phía điều thiện chống lại điều ác, và đang làm việc một cách vị tha để tiến lên và thăng thượng.

Cases in which the personality has been so much emphasized that the ego is almost shut out from it. Of these are two varieties—those who live only in their passions, and those who live only in their minds; and as both types are by no means uncommon it is worth while to try to understand exactly what happens to them.

Những trường hợp mà phàm ngã đã được nhấn mạnh quá mức đến nỗi chân ngã hầu như bị loại ra khỏi nó. Trong đó có hai loại—những người chỉ sống trong các đam dục của mình, và những người chỉ sống trong thể trí của mình; và vì cả hai kiểu này đều không hề hiếm nên rất đáng để cố gắng hiểu chính xác điều gì xảy ra với họ.

We often speak of the ego as putting himself down into the matter of the lower planes, yet many students fail to realize that this is not a mere figure of speech, but has a very definite and very material side to it. The ego dwells in a causal body, and when he takes upon

Chúng ta thường nói về việc chân ngã đặt chính mình xuống vào chất liệu của các cõi thấp, nhưng nhiều môn sinh không nhận ra rằng đó không chỉ là một hình ảnh ẩn dụ, mà còn có một mặt rất xác định và rất "vật chất". Chân ngã cư ngụ trong một thể nguyên nhân,

himself in addition a mental and an astral body, the operation involves the actual entangling of a portion of the matter of his causal body with matter of those lower astral and mental types. We may regard this "putting down" as kind of investment made by the ego. As in all investments, so in this; he hopes to get back more than he puts out, but there is a risk of disappointment—a possibility that he may lose something of what he invests, or under very exceptional circumstances there may even be a total loss which leaves him, not indeed absolutely bankrupt, but without available capital.

và khi Ngài khoác thêm cho mình một thể trí và một thể cảm dục, thì thao tác này bao hàm sự vướng mắc thật sự của một phần chất liệu thuộc thể nguyên nhân của Ngài với chất liệu của các loại thấp hơn kia là cảm dục và trí tuệ. Chúng ta có thể xem việc "đặt xuống" này như một kiểu đầu tư do chân ngã thực hiện. Như trong mọi khoản đầu tư, ở đây cũng vậy; Ngài hy vọng lấy lại nhiều hơn số đã bỏ ra, nhưng có một rủi ro thất vọng—một khả năng Ngài có thể mất đi một phần những gì đã đầu tư, hoặc trong những hoàn cảnh rất đặc biệt thậm chí có thể là mất trắng, khiến Ngài—dẫu không hoàn toàn phá sản—nhưng không còn vốn khả dụng.

Let us consider the elaboration of this analogy. The ego possesses in his causal body matter of three levels—the first, second and third sub-planes of the mental; but for the enormous majority of mankind there is as yet no activity beyond the lowest of these three types, and even that is usually very partial. It is therefore only some of this lowest type of causal matter that can be put down to lower levels, and only a small fraction even of that part can be entangled with mental and astral matter.

Hãy xét kỹ hơn phép loại suy này. Chân ngã có trong thể nguyên nhân chất liệu của ba cấp độ—các cõi phụ thứ nhất, thứ hai và thứ ba của cõi trí; nhưng đối với đa số áp đảo nhân loại thì hiện chưa có hoạt động nào vượt trên cấp thấp nhất trong ba loại này, và ngay cả cấp đó thường cũng chỉ hoạt động rất phần nào. Do vậy, chỉ một phần nào đó của loại chất liệu nguyên nhân thấp nhất này mới có thể được đặt xuống các cấp thấp hơn, và chỉ một phần nhỏ ngay cả của phần đó mới có thể bị vướng mắc với chất liệu trí tuệ và cảm dục.

The ego's control over what is put down is very weak and imperfect, because he is still half asleep. But as his physical body grows up his astral and mental bodies are also developed, and the causal matter entangled with them is awakened by the vigorous vibrations which reach it through them. This fraction of a fraction which is fully entangled gives life and vigor and a sense of individuality to these vehicles, and they in turn react strongly upon it and arouse it to a keen realization of life. This keen realization of life is exactly what it needs, the very object for which it is put down; and it is the longing for this keen realization when it has it not

Sự kiểm soát của chân ngã đối với phần được đặt xuống là rất yếu và không hoàn hảo, vì Ngài vẫn còn nửa mê. Nhưng khi thể xác lớn lên, thể cảm dục và thể trí của y cũng được phát triển, và phần chất liệu nguyên nhân bị vướng mắc với chúng được đánh thức bởi những rung động mãnh liệt truyền đến nó qua chúng. Phần nhỏ của phần nhỏ này—phần bị vướng mắc hoàn toàn—đem sinh khí, sức sống và cảm thức cá thể cho các hiện thể ấy, và đến lượt chúng phản hồi mạnh mẽ lên nó và khơi dậy nó tới một cảm thức sống động sắc bén. Chính cảm thức sống động sắc bén này là điều nó cần, là mục đích mà vì đó nó được đặt xuống; và chính khao khát về cảm thức sống

which is spoken of as *trishna* (the thirst for manifested life, the desire to feel oneself really vividly alive), the force which draws the ego down again into reincarnation.

But just because this small fraction has had these experiences, and is therefore so much more awake the rest of the ego, it may often be so far intensified as to think itself the whole, and forget for the time its relation to "its Father which is in heaven." It may temporarily identify itself with the matter through which it should be working, and may resist the influence of that other portion which has been put down, but is not entangled —that which forms the link with the great mass of the ego on his own plane.

In order to understand this matter fully we must think of that portion of the ego which is awakened on the third sub-plane of the mental (remembering always how small a fraction even that is of the whole) as itself divided into three parts: *(a)* that which remains on its own plane; *(b)* that which is put down, but remains unentangled in lower matter; and *(c)* that which is thoroughly entangled with lower matter and receives vibrations from it. These are arranged in a descending scale, for just as *(a)* is a very small part of the real ego, so *(b)* is but a small part of *(a),* and *(c)* in turn a small part of *(b).* The second acts as a link between the first and third; we may symbolize *(a)* as the body, *(b)* as the arm stretched out, and *(c)* as the hand which grasps, or perhaps rather the tips of the fingers which are dipped into matter.

We have here a very delicately balanced arrangement, which may be affected in various ways. The intention is that the hand *(c)* should grasp firmly and guide the matter with which it is entangled, being fully directed all the time by the body *(a)* through

động sắc bén này khi nó không có—điều được gọi là *trishna* (cơn khát đối với đời sống biểu lộ, ước muốn cảm thấy mình thật sự sống động) —là lực kéo chân ngã xuống tái sinh trở lại.

Nhưng chính vì phần nhỏ này đã trải nghiệm như thế, và do đó thức tỉnh hơn phần còn lại của chân ngã rất nhiều, nó thường có thể bị tăng cường đến mức tự cho mình là toàn thể, và tạm thời quên mối liên hệ của nó với "Cha nó ở trên trời." Nó có thể tạm thời đồng hóa với chất liệu mà qua đó lẽ ra nó phải làm việc, và có thể kháng cự ảnh hưởng của phần khác cũng được đặt xuống nhưng không bị vướng mắc—phần tạo thành mối liên kết với khối lượng lớn của chân ngã trên cõi riêng của Ngài.

Để hiểu đầy đủ vấn đề này, chúng ta phải nghĩ rằng phần của chân ngã được đánh thức trên cõi phụ thứ ba của cõi trí (luôn nhớ rằng ngay cả phần đó cũng chỉ là một phần rất nhỏ của toàn thể) tự nó được phân thành ba phần: *(a)* phần vẫn ở trên cõi riêng của nó; *(b)* phần được đặt xuống nhưng vẫn không bị vướng mắc trong chất liệu thấp; và *(c)* phần bị vướng vào chất liệu thấp một cách triệt để và nhận các rung động từ nó. Ba phần này được sắp theo một thang đi xuống, vì cũng như *(a)* chỉ là một phần rất nhỏ của chân ngã thật sự, thì *(b)* lại chỉ là một phần nhỏ của *(a),* và *(c)* lần lượt là một phần nhỏ của *(b).* Phần thứ hai làm mối liên kết giữa phần thứ nhất và phần thứ ba; chúng ta có thể biểu trưng *(a)* như thân mình, *(b)* như cánh tay vươn ra, và *(c)* như bàn tay nắm lấy, hay có lẽ đúng hơn là các đầu ngón tay nhúng vào chất liệu.

Ở đây chúng ta có một sắp đặt rất tinh tế cân bằng, có thể bị ảnh hưởng theo nhiều cách. Dự định là bàn tay *(c)* phải nắm chắc và hướng dẫn chất liệu mà nó bị vướng vào, trong khi suốt thời gian vẫn được thân mình *(a)* chỉ đạo đầy đủ thông qua cánh tay *(b).* Trong những

the arm *(b)*. Under favourable circumstances additional strength, and even additional matter, may be poured from *(a)* through *(b)* into *(c)*, so that the control may become more and more perfect. *(c)* may grow in size as well as strength, and the more it does so the better, so long as the communication through *(b)* is kept open freely and *(a)* retains control. For the very entanglement of the causal matter which constitutes *(c)* awakens it to a keen activity and an accuracy of response to fine shades of vibration which it could gain in no other way, and this, when transmitted through *(b)* to *(a)*, means the development of the ego.

hoàn cảnh thuận lợi, có thể có thêm sức mạnh, thậm chí thêm chất liệu, được tuôn từ *(a)* thông qua *(b)* vào *(c)*, để việc kiểm soát ngày càng trở nên hoàn mỹ. *(c)* có thể lớn lên cả về kích thước lẫn sức mạnh, và càng như thế càng tốt, miễn là sự thông lưu qua *(b)* vẫn mở thông tự do và *(a)* giữ quyền chỉ huy. Vì chính sự vướng mắc của chất liệu nguyên nhân cấu thành *(c)* đã đánh thức nó tới hoạt động sắc bén và một độ chính xác trong đáp ứng với những sắc thái tinh vi của rung động mà nó không thể đạt được bằng cách nào khác, và điều này, khi được truyền qua *(b)* tới *(a)*, có nghĩa là sự phát triển của chân ngã.

Unfortunately the course of events does not always follow the ideal plan of working above indicated. When the control of *(a)* is feeble, it sometimes happens that *(c)* becomes so thoroughly immeshed in lower matter that (as I have said) it actually identifies itself with it, forgets for the time its high estate, and thinks of itself as the whole ego. If the matter be of the lower mental plane, we shall then have down here on the physical plane a man who is wholly materialistic. He may be keenly intellectual perhaps, but not spiritual; he may very likely be intolerant of spirituality and quite unable to comprehend or appreciate it. He may probably call himself practical, matter-of-fact, unsentimental, while in reality he is hard as the nether millstone, and because of that hardness his life is a failure, and he making no progress.

Đáng tiếc là diễn tiến sự việc không phải lúc nào cũng theo kế hoạch lý tưởng vừa nêu. Khi sự kiểm soát của *(a)* yếu ớt, đôi khi xảy ra việc *(c)* bị vướng mắc vào chất liệu thấp đến mức (như tôi đã nói) nó thực sự đồng hóa mình với chất liệu ấy, tạm thời quên địa vị cao của mình, và tự nghĩ mình là toàn thể chân ngã. Nếu chất liệu mà nó bị vướng một cách chí tử là của cõi hạ trí, thì khi xuống đây trên cõi hồng trần, chúng ta sẽ có một người hoàn toàn vật chất. Có thể y sắc sảo về trí tuệ, nhưng không tinh thần; rất có thể y không khoan dung với tinh thần tính và hoàn toàn không có khả năng hiểu hay trân trọng nó. Có thể y tự gọi mình là thực tế, sòng phẳng, không đa cảm, trong khi thực ra y cứng như đá cối, và vì sự cứng ấy mà đời y thất bại, y không tiến bộ.

If the matter in which he is so fatally entangled be astral, he will be (on the physical plane) one who thinks only of his own gratification, who is absolutely ruthless when in pursuit of some object which he strongly desires, a man utterly unprincipled and of brutal selfishness. Such a man lives in his passions, just as the man immeshed in mental

Nếu chất liệu mà y bị vướng mắc chí tử là cảm dục, thì (trên cõi hồng trần) y sẽ là kẻ chỉ nghĩ đến khoái lạc của riêng mình, tuyệt đối tàn nhẫn khi theo đuổi một đối tượng mà y khao khát mãnh liệt, một kẻ hoàn toàn vô nguyên tắc và ích kỷ tàn bạo. Một người như vậy sống trong các đam dục của y, cũng như người bị vướng mắc trong chất liệu trí tuệ sống trong

matter lives in his mind. Cases such as these have been spoken of in our literature as "lost souls," though not irretrievably lost. Madame Blavatsky says of them:

"There is, however, still hope for a person who has lost his Higher Soul through his vices, while he is yet in the body. He may still be redeemed and made to turn on his material nature. For either an intense feeling of repentance, or one single earnest appeal to the Ego that has fled, or best of all, an active effort to amend one's ways, may bring the Higher Ego back again. The thread of connection is not altogether broken." (*Secret Doctrine,* iii.)

These are cases in which *(c)* has asserted itself against *(b)*, and pressed it back towards *(a)*; the arm has become attenuated and almost paralyzed, its strength and substance being withdrawn into the body, while the hand has set up for itself, and makes on its own account jerky and spasmodic movements which are not controlled by the brain. If the separation could become perfect it would correspond to an amputation at the wrist, but this very rarely takes place during physical existence, though only so much of communication remains as is necessary to keep the personality alive.

As Madame Blavatsky says, such a case is not entirely hopeless, for even at the last moment fresh life may be poured through that paralyzed arm if a sufficiently strong effort be made, and thus the ego may be enabled to recover some proportion of *(c)*, as he has already recovered most of (*b*). Nevertheless, such a life has been wasted, for even if the man just contrives to escape serious loss, at any rate nothing has been gained, and much time has been frittered away.

thể trí của y. Những trường hợp như vậy đã từng được nói trong văn liệu của chúng ta là "các linh hồn lạc lối", tuy không phải lạc lối vô phương cứu vãn. Bà Blavatsky nói về họ:

"Tuy nhiên, vẫn còn hy vọng cho một người đã đánh mất Chân Ngã Cao của mình bởi các nết xấu, miễn là y còn ở trong thân xác. Y vẫn có thể được cứu chuộc và làm cho xoay ngược lại trên bản tánh vật chất của mình. Vì hoặc một cảm thức ăn năn mãnh liệt, hoặc chỉ một lời khẩn nguyện chân thành duy nhất hướng tới Chân Ngã đã trốn đi, hay tốt nhất là một nỗ lực tích cực để sửa đổi đường lối của mình, đều có thể đem Chân Ngã Cao quay trở lại. Sợi dây nối kết không hoàn toàn bị đứt." (*Giáo Lý Bí Nhiệm,* iii.)

Đây là những trường hợp trong đó *(c)* đã khẳng quyết mình chống lại *(b)*, và đẩy nó lùi về phía *(a)*; cánh tay đã trở nên gầy mòn và gần như tê liệt, sức mạnh và chất liệu của nó bị rút vào thân, trong khi bàn tay tự đứng riêng ra và tự mình tạo nên những cử động giật cục và co giật không được bộ óc điều khiển. Nếu sự phân ly có thể trở nên hoàn hảo thì nó sẽ tương đương với việc bị cắt cụt ở cổ tay, nhưng điều này rất hiếm xảy ra trong khi còn sống ở cõi hồng trần, mặc dù chỉ còn đủ liên lạc để giữ cho phàm ngã sống.

Như Bà Blavatsky nói, một trường hợp như vậy không hoàn toàn vô vọng, vì ngay cả trong giây phút cuối, sinh lực mới vẫn có thể được tuôn qua cánh tay tê liệt đó nếu một nỗ lực đủ mạnh được thực hiện, và như vậy chân ngã có thể được giúp để thu hồi một phần nào của *(c)*, vì Ngài đã thu hồi phần lớn của (*b*). Tuy nhiên, một đời sống như thế đã bị phí hoài, vì ngay cả nếu người ấy chỉ vừa kịp thoát khỏi sự mất mát nghiêm trọng, thì ít nhất cũng không thu được điều gì, và rất nhiều thời gian đã bị phung phí.

It may well be thought incredible that such men as I have described could in any case escape serious loss; but, fortunately for our possibilities of progress, the laws under which we live are such that to achieve a really serious loss is no easy matter. The reason for that may perhaps be made clear by the following considerations.

Người ta có thể cho rằng thật khó tin khi những người như tôi vừa mô tả có thể trong bất kỳ trường hợp nào lại thoát khỏi mất mát nghiêm trọng; nhưng, may mắn thay cho những khả năng tiến bộ của chúng ta, các định luật mà chúng ta đang sống theo đó là như vậy, đến nỗi để đạt tới một mất mát thật sự nghiêm trọng không phải là chuyện dễ dàng. Lý do cho điều đó có lẽ có thể được làm rõ bởi những suy xét sau.

All the activities that we call evil, whether they are working as selfish thoughts on the mental plane or as selfish emotions on the astral plane, invariably show themselves as vibrations of the coarser matter of those planes, belonging to their lower levels. On the other hand, every good and unselfish thought or emotion sets in vibration some of the higher types of matter on its plane; and because that finer matter is far more easily moved; any given amount of force spent in good thought or feeling produces perhaps a hundred times as much result as precisely the same amount of force sent out into the coarser matter. If this were not so, it is obvious that the ordinary man could never make any progress at all.

Mọi hoạt động mà chúng ta gọi là ác, dù chúng vận hành như những tư tưởng ích kỷ trên cõi trí hay như những cảm xúc ích kỷ trên cõi cảm dục, đều biểu lộ ra như những rung động của chất liệu thô hơn của các cõi ấy, thuộc về các cấp thấp của chúng. Mặt khác, mọi tư tưởng hay cảm xúc tốt đẹp và vị tha đều làm rung động một số loại chất liệu cao hơn trên cõi tương ứng; và bởi vì chất liệu tinh hơn ấy dễ chuyển động hơn rất nhiều; một lượng năng lực nhất định được dùng cho tư tưởng hay cảm xúc thiện tạo ra kết quả có lẽ gấp trăm lần so với đúng lượng năng lực ấy nếu được phóng ra vào chất liệu thô hơn. Nếu không phải như vậy thì rõ ràng người thường chẳng bao giờ có thể tiến bộ chút nào.

We shall probably do the quite undeveloped man of the world no injustice if we assume that ninety per cent of his thought and feeling is self-centred, even if not actually selfish; if ten per cent of it is spiritual and unselfish, he must already be rising somewhat above the average. Clearly if these proportions produced corresponding results, the vast majority of humanity would take nine steps backwards for every one forwards, and we should have a retrogression so rapid that a few incarnations would deposit us in the animal kingdom out of which we evolved. Happily for us the effect of ten per cent of force directed to good ends enormously outweighs that of ninety per cent

Có lẽ chúng ta sẽ không bất công với người đời còn chưa phát triển nếu giả định rằng chín mươi phần trăm tư tưởng và cảm xúc của y là quy ngã, dù không hẳn là ích kỷ; nếu mười phần trăm trong đó là tinh thần và vị tha, thì y đã vượt lên trên mức trung bình đôi chút. Rõ ràng, nếu những tỷ lệ ấy tạo ra những kết quả tương ứng, thì đại đa số nhân loại sẽ thụt lùi chín bước cho mỗi một bước tiến, và chúng ta sẽ có một sự thối hóa nhanh đến mức chỉ vài lần lâm phàm sẽ quẳng chúng ta trở lại giới động vật mà từ đó ta đã tiến hóa. May thay cho chúng ta, tác dụng của mười phần trăm năng lực hướng đến mục đích tốt đẹp áp đảo to lớn tác dụng của chín mươi phần trăm dành cho

devoted to selfish purposes, and so on the whole such a man makes an appreciable advance from life to life. A man who has even one per cent of good to show makes a slight advance, so it will be readily understood that a man whose account balances exactly, so that there is neither advance nor retrogression, must have been living a distinctly evil life; while to obtain an actual descent in evolution a person must be an unusually consistent villain.

mục đích ích kỷ, và như thế, nhìn chung, một người như vậy vẫn tiến được một bước đáng kể từ kiếp này sang kiếp khác. Một người mà thậm chí chỉ có một phần trăm điều thiện để trình ra cũng tiến được một chút, vậy nên dễ hiểu rằng một người có cán cân cân bằng chính xác—không tiến cũng không lùi—ắt hẳn đã sống một đời sống rõ ràng là xấu xa; trong khi để đạt tới một sự tụt lùi thực thụ trong tiến hóa, một người phải là kẻ đại ác nhất quán bất thường.

Thanks to this beneficent law the world is steadily but slowly evolving, even though we see round us all the while so much that is undesirable; and even such men as I have described may not after all fall very far. What they have lost is rather time and opportunity than actual position in evolution; but to lose time and opportunity means always additional suffering.

Nhờ định luật nhân từ này mà thế giới đang đều đặn nhưng chậm rãi tiến hóa, dẫu rằng chúng ta vẫn thấy quanh mình không ngừng bao điều bất như ý; và ngay cả những người như tôi đã mô tả sau cùng có thể cũng không sa xuống quá xa. Điều họ đã đánh mất là thời gian và cơ hội hơn là vị trí thực tế trong tiến hóa; nhưng đánh mất thời gian và cơ hội thì luôn có nghĩa là đau khổ phụ trội.

To see what they have lost and what they have failed to do, let us revert for a moment to the analogy of investment. The ego expects to recover that which he puts out to interest in lower matter—the block that we have called (*c*)—and he expects it to be improved both in quality and quantity. Its quality is better because it has become much more awake, and capable of instant and accurate response to a far more varied gamut of vibrations than before—a capacity which (*c*) when reabsorbed necessarily communicates to (*a*), though of course the store of energy which made such a powerful wave in (*c*) creates only a ripple when distributed throughout the substance of (*a*). (It should be noted here that although the vehicles, containing as they do the grosser as well as the finer types of the matter of their respective planes, can respond to and express evil thoughts and emotions, and although their excitement under such vibrations can produce perturbation in the entangled causal

Để thấy họ đã mất gì và đã thất bại trong điều gì, chúng ta hãy quay lại một lát với phép loại suy về đầu tư. Chân ngã trông đợi thu hồi lại phần Ngài bỏ ra để lấy lãi trong chất liệu thấp—khối mà chúng ta gọi là (*c*)—và Ngài trông đợi nó được cải thiện cả về phẩm lẫn lượng. Phẩm của nó tốt hơn vì nó đã trở nên tỉnh táo hơn nhiều, và có khả năng đáp ứng tức thời và chính xác với một phổ rung động đa dạng hơn nhiều so với trước—một năng lực mà (*c*) khi được tái hấp thụ tất yếu truyền đạt cho (*a*), dẫu rằng dĩ nhiên kho năng lượng đã tạo nên một làn sóng mạnh mẽ trong (*c*) chỉ tạo thành một gợn nhỏ khi được phân tán khắp chất liệu của (*a*). (Cần lưu ý ở đây rằng mặc dù các hiện thể, vì chứa đựng cả những loại chất liệu thô lẫn tinh trên các cõi tương ứng, có thể đáp ứng và biểu đạt các tư tưởng và cảm xúc xấu, và mặc dù sự kích động của chúng dưới các rung động như vậy có thể gây ra xáo động trong phần chất liệu nguyên nhân bị vướng mắc (*c*), nhưng hoàn toàn không thể để chất liệu (*c*) tái

matter (*c*), it is quite impossible for that matter (c) to reproduce those vibrations or to communicate them to (*a*) or (*b*), simply because matter of the three higher mental levels can no more vibrate at the rate of the lowest plane than the string of a violin turned to a certain pitch can be made to produce a note lower than that pitch.)

tạo những rung động ấy hay truyền chúng tới (*a*) hoặc (*b*), đơn giản vì chất liệu của ba cõi phụ cao của cõi trí không thể nào rung ở nhịp của cõi thấp nhất, cũng như dây đàn violon đã chỉnh tới một cao độ nhất định không thể phát ra một nốt thấp hơn cao độ ấy.)

(*c*) should also be increased in quantity, because the causal body, like all other vehicles, is constantly changing its matter, and when special exercise is given to a certain part of it, that part grows in size and becomes stronger, precisely as a physical muscle does when it is used. Every earth-life is an opportunity carefully calculated for such development in quality and quantity as is most needed by the ego; a failure to use that opportunity means the trouble and delay of another similar incarnation, its sufferings probably aggravated by the additional bad karma incurred.

(*c*) cũng nên tăng về lượng, vì thể nguyên nhân, như mọi hiện thể khác, luôn thay đổi chất liệu của nó, và khi một phần nào đó của nó được rèn luyện đặc biệt, phần đó sẽ lớn lên về kích thước và trở nên mạnh hơn, đúng như bắp thịt thể xác khi được sử dụng thì sẽ phát triển. Mỗi đời sống hồng trần là một cơ hội được tính toán cẩn thận cho sự phát triển về phẩm và lượng theo cách mà chân ngã cần nhất; thất bại trong việc sử dụng cơ hội đó có nghĩa là rắc rối và trì hoãn của một lần lâm phàm tương tự nữa, với các đau khổ có lẽ bị tăng nặng bởi nghiệp xấu phụ thêm.

Against the increment which the ego has a right to expect from each incarnation we must offset a certain amount of loss which in the earlier stages is scarcely avoidable. In order to be effective the entanglement with lower matter must be very intimate, and it is found that when that is so, it is scarcely ever possible to recover every particle, especially from the connection with the astral vehicle. When the time comes for separation from that it is almost always a shade and not a mere shell that is left behind on the astral plane; and that very distinction means that something of the causal material is lost. Except in the case of an unusually bad life, however, this amount should be much smaller than that gained by growth, and so there should be on the whole a profit on the transaction. With such men as I have described—men living entirely in their passions or their minds—there would be no

Trừ đi phần tăng trưởng mà chân ngã có quyền trông đợi từ mỗi lần lâm phàm, chúng ta phải bù lại một phần tổn thất nào đó mà ở các giai đoạn sớm hầu như không thể tránh. Để hữu hiệu, sự vướng mắc với chất liệu thấp phải rất mật thiết, và người ta thấy rằng khi như thế, hầu như không bao giờ có thể thu hồi mọi hạt, nhất là trong liên hệ với hiện thể cảm dục. Khi đến lúc phải tách khỏi nó, gần như bao giờ cũng để lại một "bóng" chứ không chỉ là một "vỏ" trên cõi cảm dục; và chính sự phân biệt đó có nghĩa là đã mất một phần chất liệu nguyên nhân. Tuy nhiên, ngoại trừ trường hợp một đời sống đặc biệt xấu, phần tổn thất này phải nhỏ hơn nhiều so với phần thu được từ tăng trưởng, và như vậy, nhìn chung, phải có lợi nhuận trong "thương vụ". Còn với những người như tôi đã mô tả—những người sống hoàn toàn trong các đam dục hay trong thể trí—sẽ không có lợi ích nào cả về phẩm lẫn

gain either in quality or quantity, since the vibrations would not be such as could be stored in the causal body; and on the other hand, as the entanglement had been so strong, there would certainly be considerable loss when the separation took place.

lượng, vì các rung động sẽ không thuộc loại có thể được tích trữ trong thể nguyên nhân; và mặt khác, vì sự vướng mắc đã quá mạnh, chắc chắn sẽ có tổn thất đáng kể khi diễn ra sự tách rời.

We must not allow the analogy of the arm and hand to mislead us in thinking of (*b*) and (*c*) as permanent appanages of the ego. During a life-period they may be considered as separate, but at the end of each life-period they withdraw into (*a*), and the result of their experience is distributed, as it were, through the whole of its substance; so that when the time comes for the ego to put part of himself out into incarnation once more, he does not stretch out again the old (*b*) and (*c*), for they have been absorbed in him and become part of him, just as a cupful of water emptied into a bucket becomes part of the water in the bucket and cannot be separated from it.

Chúng ta không được để phép loại suy về cánh tay và bàn tay đánh lừa mà nghĩ rằng (*b*) và (*c*) là những phần phụ thường trực của chân ngã. Trong một chu kỳ đời sống chúng có thể được xem như tách rời, nhưng ở cuối mỗi chu kỳ đời sống, chúng thu về trong (*a*), và kết quả của kinh nghiệm của chúng, nói như thế, được phân bố xuyên suốt chất liệu của toàn thể; để khi đến lúc chân ngã lại đặt một phần của mình xuống nhập thể một lần nữa, Ngài không còn vươn lại cái (*b*) và (*c*) cũ, vì chúng đã được hấp thụ vào Ngài và trở thành một phần của Ngài, đúng như một cốc nước đổ vào một thùng nước trở thành một phần của nước trong thùng và không thể tách riêng trở lại.

Any coloring matter which was present in the cup is distributed (though in paler tint) through the whole bucketful of water; and that coloring matter may be taken as symbolizing the qualities developed by experience. Just as it would be impossible to take out again from the bucket exactly the same cupful of water, so the ego cannot again put out the same (*b*) and (*c*). The plan is one to which he was accustomed before he became a separate ego at all, for it is identical with that pursued by the group-soul, except that the latter puts down many tentacles simultaneously, while the ego puts forth only one at a time. Therefore the personality in each new incarnation is a different one, though the ego behind it remains the same.

Bất cứ phẩm màu nào có trong cốc nước đều được phân tán (dù nhạt hơn) trong toàn bộ thùng nước; và phẩm màu ấy có thể được xem như biểu trưng cho các phẩm tính phát triển nhờ kinh nghiệm. Giống như không thể rót lại từ thùng ra đúng y nguyên cốc nước ban đầu, chân ngã cũng không thể lại đặt xuống đúng cái (*b*) và (*c*) ấy. Kế hoạch này là một điều mà Ngài đã quen thuộc từ trước khi trở thành một chân ngã tách biệt, vì nó đồng nhất với kế hoạch mà Hồn nhóm đã áp dụng, chỉ khác là Hồn nhóm đặt xuống nhiều "vòi" cùng lúc, trong khi chân ngã chỉ vươn ra một cái mỗi lần. Vậy nên phàm ngã trong mỗi lần lâm phàm là một phàm ngã khác nhau, dù chân ngã đứng phía sau vẫn là một.

Cases in which the personality captures the part of the ego which is put down, and actually breaks away are happily excessively

Những trường hợp mà phàm ngã chiếm đoạt phần chân ngã được đặt xuống và thực sự bứt rời là vô cùng hiếm hoi, nhưng chúng đã xảy

rare, but they have happened, and they represent the most appalling catastrophe that can occur to the ego concerned. This time (*c*), instead of repelling (*b*) and driving it gradually back into (*a*), by degrees absorbs (*b*) and detaches it from (*a*). This can only be accomplished by determined persistence in deliberate evil—black magic, in short. Reverting to our former analogies, this is equivalent to amputation at the shoulder, or to the loss by the ego of nearly all his available capital. Fortunately for him he cannot lose everything, because (*b*) and (*c*) together are only a small proportion of (*a*), and behind (*a*) is the great undeveloped portion of the ego on the first and second mental sub-planes. Mercifully a man, however incredibly foolish or wicked, cannot completely wreck himself, for he cannot bring that higher part of the causal body into activity until he has reached a level at which such evil is unthinkable.

ra, và chúng biểu thị thảm họa kinh hoàng nhất có thể giáng xuống chân ngã liên hệ. Lần này, thay vì đẩy lùi (*b*) và từ từ dồn nó trở lại vào (*a*), thì (*c*) dần dần hấp thụ (*b*) và tách nó khỏi (*a*). Điều này chỉ có thể đạt được bằng sự kiên trì quyết liệt trong tà ác cố ý—nói ngắn gọn là Hắc thuật. Quay về các phép loại suy trước đây, điều này tương đương với việc bị cắt cụt ở vai, hoặc là chân ngã mất gần như tất cả phần vốn khả dụng của mình. May thay cho y, y không thể mất hết mọi thứ, bởi vì (*b*) và (*c*) cộng lại chỉ là một tỷ lệ nhỏ của (*a*), và đằng sau (*a*) là phần lớn chưa phát triển của chân ngã trên hai cõi phụ thứ nhất và thứ hai của cõi trí. Thật là nhân từ khi con người, dù ngu dại hay độc ác đến mức khó tin, cũng không thể hoàn toàn hủy diệt chính mình, vì y không thể làm cho phần cao hơn của thể nguyên nhân đi vào hoạt động cho đến khi y đạt đến một trình độ mà tại đó điều ác như thế là điều không thể nghĩ bàn.

Now that the central point of our immersion in matter is passed, the whole force of the universe is pressing upwards towards unity, and the man who is willing to make all his life an intelligent co-operation with nature gains as part of his reward an ever-increasing perception of the reality of this unity. But on the other hand it is obvious that men may set themselves in opposition to nature and, instead of working unselfishly for the good of all, may debase every faculty they possess for purely selfish ends; and of them also, as of the others, the old saying is true, "Verily I say unto you, they have their reward." They spend their lives in striving for separateness, and for a long time they attain it, and it is said that that sensation of being utterly alone in space is the most awful fate that can ever befall the sons of men.

Giờ đây điểm trung tâm của sự đắm chìm vào chất liệu đã đi qua, toàn bộ lực của vũ trụ đang thúc đẩy đi lên hướng tới hợp nhất, và người nào sẵn lòng biến trọn đời mình thành một sự cộng tác minh triết với Tự nhiên sẽ thu được như một phần phần thưởng của mình một sự nhận biết ngày càng tăng về tính hiện thực của hợp nhất ấy. Nhưng mặt khác, rõ ràng là con người cũng có thể tự đặt mình đối nghịch với Tự nhiên và, thay vì làm việc vị tha vì lợi ích của tất cả, lại làm nhơ bẩn mọi năng lực mình có cho các mục đích hoàn toàn ích kỷ; và về họ cũng như về những người kia, lời nói xưa là đúng: "Quả thật Ta nói cùng các ngươi, họ đã có phần thưởng của họ." Họ dành cả đời cố giành cho bằng được sự phân ly, và trong một thời gian dài họ đạt được nó, và người ta nói rằng cảm giác bị cô độc tuyệt đối trong không gian là số phận kinh khủng nhất có thể xảy ra cho những người con của nhân loại.

This extraordinary development of

Sự phát triển phi thường của tính ích kỷ là đặc

selfishness is the characteristic of the black magician, and it is among their ranks only that men can be found who are in danger of this terrible fate. Many and loathsome are their varieties, but they may all be classed in one or other of two great divisions. They both use such occult arts as they possess for purely selfish purposes, but these purposes differ.

trưng của nhà Hắc thuật, và chỉ trong hàng ngũ của họ mới có thể tìm thấy những người gặp nguy cơ số phận khủng khiếp này. Nhiều và ghê tởm là các biến thể của họ, nhưng tất cả có thể được xếp vào một trong hai nhóm lớn. Cả hai đều sử dụng những thuật pháp huyền bí mà họ có cho những mục đích hoàn toàn ích kỷ, nhưng mục đích thì khác nhau.

In the commoner and less formidable type the object pursued is the gratification of sensual desire of some sort, and naturally the result of a life devoted to nothing but that is to centre the man's energy in the desire body; so that if the man who works on these lines has succeeded in killing out from himself every unselfish or affectionate feeling, every spark of higher impulse, naturally nothing is left but a remorseless, ruthless monster of lust, who finds himself after death neither able nor desirous to rise above the lowest sub-division of the astral plane. The whole of such mind as he has is absolutely in the grip of desire, and when the struggle takes place the ego can recover none of it, and finds himself seriously weakened in consequence.

Trong kiểu phổ biến hơn và ít đáng sợ hơn, mục tiêu theo đuổi là thỏa mãn một loại dục vọng xác thân nào đó, và dĩ nhiên kết quả của một đời sống chỉ dành cho điều đó là tập trung năng lực của người ấy vào thể dục vọng; đến nỗi nếu người làm việc theo đường lối này đã thành công trong việc diệt sạch khỏi mình mọi tình cảm vị tha hay trìu mến, mọi tia lóe của xung động cao hơn, thì dĩ nhiên không còn gì ngoài một quái vật dâm dật tàn nhẫn và không chút xót thương, kẻ mà sau khi chết không thể, cũng không muốn, vượt lên trên phân khu thấp nhất của cõi cảm dục. Toàn bộ phần thể trí mà y có hoàn toàn bị dục vọng nắm chặt, và khi cuộc vật lộn diễn ra, chân ngã không thu hồi được gì cả, và vì thế thấy mình bị suy yếu nghiêm trọng.

By his carelessness in permitting this he has for the time cut himself off from the current of evolution, from the mighty wave of the life of the LOGOS, and so, until he can return to incarnation, he stands (what appears to him to be) outside that life in the condition of avichi, the waveless. Even when he does return to incarnation it cannot be among those whom he has known before, for he has not enough available capital left to provide ensoulment for a mind and body at his previous level. He must now be content to occupy vehicles of a far less evolved type, belonging to some earlier race; so that he has thrown himself far back in evolution and must climb over again many rungs of the ladder.

Do sự cẩu thả khi cho phép điều này, trong một thời gian y đã tự cắt mình khỏi dòng tiến hóa, khỏi làn sóng vĩ đại của sự sống Thượng đế, và như vậy, cho đến khi y có thể trở lại lâm phàm, y đứng (theo cách y cảm nhận) ở bên ngoài sự sống ấy trong trạng thái avichi, "vô ba". Ngay cả khi y trở lại lâm phàm, cũng không thể ở giữa những người y đã từng biết, vì y không còn đủ vốn khả dụng để cung cấp sự phú linh cho một thể trí và thể xác ở trình độ trước đó của mình. Nay y phải bằng lòng sử dụng những hiện thể thuộc loại kém tiến hóa hơn rất nhiều, thuộc về một giống dân sớm hơn; đến nỗi y đã tự quăng mình tụt xa trong tiến hóa và phải trèo lại qua nhiều nấc thang.

He will probably be born as a savage, but will most likely be a chief among them, as he will still have some intellect. It has been said that he may even throw himself so far back that he may be unable to find upon the world in its present condition any type of human body low enough for the manifestation which he now requires, so that he may even be incapacitated from taking any further part in this scheme of evolution, and may therefore have to wait in a kind of condition of suspended animation for the commencement of another.

Nhiều khả năng y sẽ sinh ra như một người man rợ, nhưng rất có thể là một thủ lĩnh trong bọn họ, vì y vẫn còn chút trí năng. Người ta đã nói rằng y thậm chí có thể tự quăng mình tụt xa đến mức y không thể tìm thấy trên thế giới, trong tình trạng hiện tại của nó, bất kỳ loại thân người nào đủ thấp cho sự biểu lộ mà y hiện nay đòi hỏi, đến nỗi y thậm chí có thể bị bất năng không thể tham gia thêm nữa vào chương trình tiến hóa này, và do đó có thể phải chờ đợi trong một trạng thái như thể đình chỉ sinh hoạt cho đến khi một chu trình khác khởi diễn.

Meanwhile what of the amputated personality? It is no longer a permanent evolving entity, but it remains full of vigorous and wholly evil life, entirely without remorse or responsibility. As the fate before it is disintegration amidst the unpleasant surroundings of what is called the "eighth sphere," it naturally tries to maintain some sort of existence on the physical plane as long as possible. Vampirism of some kind is its sole means of prolonging its baneful existence, and when that fails it has been known to seize upon any available body, driving out the lawful owner. The body chosen might very probably be that of a child, both because it might be expected to last longer and because an ego which had not yet really taken hold could be more easily dispossessed. In spite of its frenzied efforts its power seems soon to fail, and I believe there is no instance on record of its successfully stealing a second body after its first theft is worn out. The creature is a demon of the most terrible type—a monster for which there is no permanent place in the scheme of evolution to which we belong.

Trong khi đó, còn gì về phàm ngã đã bị cắt cụt? Nó không còn là một đơn vị trường tồn đang tiến hoá, nhưng vẫn đầy ắp một sự sống mãnh liệt và hoàn toàn tà ác, tuyệt nhiên không có ăn năn hay trách nhiệm. Vì số phận đang chờ đợi nó là sự tan rã giữa những cảnh huống khó chịu của cái gọi là "quả cầu thứ tám", nên tự nhiên nó cố duy trì một lối tồn tại nào đó trên cõi hồng trần càng lâu càng tốt. Một hình thức kí sinh kiểu ma cà rồng nào đó là phương tiện duy nhất để nó kéo dài sự tồn tại tai hại của mình, và khi cách ấy thất bại, người ta biết rằng nó chiếm đoạt bất kỳ thân xác nào có sẵn, trục xuất người chủ hợp pháp. Thân xác được chọn rất có thể là của một đứa trẻ, vừa bởi vì nó có thể kéo dài hơn, vừa bởi vì một chân ngã chưa thật sự chiếm hữu thân xác thì dễ bị tước đoạt hơn. Bất chấp những nỗ lực điên cuồng, quyền lực của nó dường như sớm tàn lụi, và tôi tin rằng chưa từng có trường hợp nào ghi nhận nó thành công đánh cắp một thân xác thứ hai sau khi món trộm đầu tiên đã mòn rã. Sinh thể ấy là một quỷ vật loại kinh khiếp nhất—một quái vật không có chỗ đứng trường cửu trong đồ hình tiến hoá mà chúng ta thuộc về.

Its natural tendency therefore is to drift *out* of this evolution, and to be drawn by the irresistible force of law into that astral

Do đó, khuynh hướng tự nhiên của nó là trôi dạt *ra ngoài* tiến hoá này, và bị lôi cuốn bởi sức mạnh không cưỡng của định luật vào vũng lầy

cesspool which in earlier Theosophical writings was called the eighth sphere, because what passes into it stands outside the ring of seven worlds, and cannot return into their evolution. There, surrounded by loathsome relics of all of the concentrated vileness of the ages that are past, burning ever with desire, yet without possibility of satisfaction, this monstrosity slowly decays, its mental and causal matter being thus at last set free—never indeed to rejoin the ego from which it has torn itself, but to be distributed among the other matter of the plane to enter gradually into fresh combinations, and so put to better uses. It is consoling to know that such entities are so rare as to be practically unknown, and that they have the power to seize only those who have in their nature pronounced defects of kindred type.

cảm dục mà trong các trước tác Thông Thiên Học thời sớm gọi là quả cầu thứ tám, vì những gì lọt vào đó đứng ra ngoài vòng bảy thế giới, và không thể quay lại tiến hoá của các thế giới này. Ở đó, bị bao vây bởi những di tích ghê tởm của mọi sự ô uế cô đặc của các thời đại đã qua, luôn bừng bừng khát vọng mà không hề có khả năng thoả mãn, quái vật này chậm rãi mục rữa, chất liệu trí tuệ và nguyên nhân của nó như thế rốt cuộc được giải phóng—quả thật không bao giờ để tái nhập với chân ngã mà nó đã tự xé lìa, mà để được phân phối vào những chất liệu khác của cõi nhằm dần dần đi vào những kết hợp mới, nhờ đó được dùng vào những mục đích tốt đẹp hơn. Điều an ủi là những thực thể như thế hiếm đến mức hầu như không biết đến, và chúng chỉ có khả năng chiếm đoạt những ai trong bản tính vốn có những khuyết tật trội hẳn cùng loại.

But there is another type of the black magician, in outward appearance more respectable, yet really even more dangerous, because more powerful. This is the man who instead of giving himself up altogether to sensuality of one kind or another, sets before himself the goal of a more refined but not less unscrupulous selfishness. His object is the acquisition of an occult power higher and wider indeed, but to be used always for his own gratification and advancement, to further his own ambition or satisfy his own revenge.

Nhưng có một loại nhà huyền thuật hắc thuật khác, bên ngoài có vẻ đáng kính hơn, song thực sự còn nguy hiểm hơn, vì quyền lực lớn hơn. Đây là người không phó mặc mình hoàn toàn cho một kiểu khoái lạc xác thịt nào, mà tự đặt trước mặt mục tiêu của một thứ ích kỷ tinh vi hơn nhưng không kém tàn nhẫn. Mục đích của y là thủ đắc một quyền năng huyền bí cao hơn và rộng hơn thật vậy, nhưng luôn dùng nó cho sự khoái trá và thăng tiến riêng, để thúc đẩy tham vọng của mình hay thoả mãn mối báo thù của mình.

In order to gain this he adopts the most rigid asceticism as regards mere fleshly desires, and starves out the grosser particles of his astral body as perseveringly as does the pupil of the Great White Brotherhood. But though it is only a less material kind of desire with which he will allow his mind to become entangled, the centre of his energy is none the less entirely in his personality, and when at the end of the astral life the time of the separation

Để đạt được điều này, y áp dụng lối khổ hạnh nghiêm khắc nhất đối với các dục vọng xác thân, và bền bỉ làm cho những hạt phần thô trược của thể cảm dục đói lả, cũng như môn sinh của Thánh đoàn làm vậy. Nhưng tuy chỉ cho phép một loại dục vọng bớt vật chất hơn làm cho thể trí của mình sa mắc, trung tâm năng lượng của y vẫn hoàn toàn ở nơi phàm ngã, và khi đến cuối đời sống cảm dục thời điểm phân ly tới, chân ngã không thể thu hồi

comes, the ego is able to recover no whit of his investment. For the man therefore the result is much the same as in the former case, except that he will remain in touch with the personality much longer, and will to some extent share its experiences so far as it is possible for an ego to share them.

chút nào vốn liếng đã đầu tư. Do đó, đối với người này kết quả hầu như vẫn giống như trong trường hợp trước, trừ việc y sẽ còn ở trong liên hệ với phàm ngã lâu hơn nhiều, và ở một mức độ nào đó sẽ chia sẻ các kinh nghiệm của phàm ngã, trong chừng mực một chân ngã có thể chia sẻ chúng.

The fate of that personality, however, is very different. The comparatively tenuous astral integument is not strong enough to hold it for any length of time on the astral plane, and yet it has entirely lost touch with the heaven-world which should have been its habitat. For the whole effort of the man's life has been to kill out such thoughts as naturally find their result at that level. His one endeavour has been to oppose natural evolution, to separate himself from the great whole and to war against it; and as far as the personality goes he has succeeded. It is cut off from the light and life of the solar system; all that is left to it is the sense of absolute isolation, of being alone in the universe.

Tuy nhiên, số phận của phàm ngã ấy lại rất khác. Lớp vỏ cảm dục tương đối mỏng manh không đủ mạnh để giữ nó lâu trên cõi cảm dục, và tuy vậy nó lại hoàn toàn mất liên hệ với thiên giới vốn đáng lẽ là chốn cư ngụ của nó. Bởi toàn bộ nỗ lực của đời người là giết chết những tư tưởng vốn tự nhiên kết quả ở cấp độ ấy. Nỗ lực duy nhất của y là chống lại tiến hoá tự nhiên, tách mình khỏi Đại Toàn Thể và gây chiến với nó; và xét về phía phàm ngã, y đã thành công. Phàm ngã ấy bị cắt lìa khỏi ánh sáng và sự sống của Thái dương hệ; tất cả những gì còn lại cho nó là cảm giác cô lập tuyệt đối, là đơn độc trong vũ trụ.

We see therefore that in this rarer case the lost personality practically shares the fate of the ego from which it is in process of detaching itself. But in the case of the ego such an experience is only temporary, although it may last for what we should call a very long time, and the end of it for him will be reincarnation and a fresh opportunity. For the personality however the end of it is disintegration—the invariable end of that which has cut itself off from its source; but through what stages of horror the lost personality passes before that is reached, who shall say? Yet be it remember that neither of these states is eternal—that neither of them can in any case be reached except by deliberate life-long persistence in evil.

Vì vậy, chúng ta thấy rằng trong trường hợp hiếm hơn này, phàm ngã đánh mất hầu như chia sẻ số phận của chân ngã mà nó đang trong tiến trình tự tách lìa. Nhưng đối với chân ngã, một kinh nghiệm như thế chỉ là tạm thời, dù có thể kéo dài theo cách gọi của chúng ta là rất lâu, và kết cuộc của nó đối với chân ngã sẽ là tái sinh và một cơ hội mới. Còn đối với phàm ngã thì kết cục là tan rã—kết cục bất biến của cái gì đã tự cắt khỏi nguồn cội của mình; nhưng phàm ngã lạc lối ấy phải trải qua những chặng kinh hoàng nào trước khi đến mức ấy, ai có thể nói? Tuy thế cần nhớ rằng không trạng thái nào trong hai trạng thái này là vĩnh cửu—rằng cả hai đều không thể đạt được trong bất kỳ trường hợp nào ngoại trừ bằng sự bền bỉ cố ý suốt đời trong điều ác.

I have heard from our President of yet another

Tôi đã nghe từ vị Chủ tịch của chúng ta về một

even more remote possibility, of which I have never myself seen an instance. It is stated that, just as (*c*) may absorb (*b*) and revolt against (*a*), set up on its own account and break away, it is (or at any rate has been in the past) just within the limits of practicability that the deadly disease of separateness and selfishness may infest (*a*) also, that it too may be absorbed into the monstrous growth of evil, and may be torn away from the undeveloped portion of the ego, so that the causal body itself may be hardened and carried away, instead of only the personality.

khả thể còn xa xôi hơn nữa, mà chính tôi chưa từng thấy trường hợp nào. Người ta nói rằng, cũng như (*c*) có thể hấp thụ (*b*) và phản loạn chống (*a*), tự lập và bứt ra, thì (hoặc ít nhất là đã từng xảy ra trong quá khứ) vẫn còn trong ranh giới của điều khả thi việc căn bệnh chết người của tính chia rẽ và ích kỷ có thể lây nhiễm cả (*a*), rằng chính phần ấy cũng có thể bị hấp thụ vào sự tăng trưởng quái đản của ác hạnh, và có thể bị xé khỏi phần chưa phát triển của chân ngã, đến nỗi chính thể nguyên nhân có thể bị làm cứng và bị mang đi, thay vì chỉ phàm ngã.

If this be so, it constitutes yet a fourth group, and would correspond not to an amputation, but to an entire destruction of the body. Such an ego could not reincarnate in the human race; ego though it be, it will fall into the depths of animal life, and would need at least a whole chain-period to regain the status which it had lost. But this, though theoretically possible, is practically scarcely conceivable. Yet it will be noted that even *then* the undeveloped part of the ego remains as the vehicle of the monad.

Nếu đúng vậy, điều này cấu thành một nhóm thứ tư, và sẽ tương ứng không phải với một sự cắt cụt, mà với sự hủy diệt toàn phần của thân thể. Một chân ngã như thế không thể tái sinh vào nhân loại; dẫu là chân ngã, nó sẽ rơi vào vực sâu của sự sống thú vật, và cần ít nhất suốt một kỳ dãy để lấy lại địa vị đã mất. Nhưng điều này, tuy khả dĩ về mặt lý thuyết, trên thực tế hầu như khó thể nghĩ nổi. Tuy nhiên cần lưu ý rằng ngay cả *khi ấy* phần chưa phát triển của chân ngã vẫn còn là vận cụ của chân thần.

We learn then that millions of backward egos, unable as yet to bear the strain of the higher evolution, will fall out in the middle of the fifth round and come along on the crest of the following wave; that those who live selfishly, whether in the intellect or the passions, do so at their own proper peril, and at the serious risk of much sorrow and loss; that those who are so foolish as to dabble in black magic may bring upon themselves horrors before which imagination shrinks appalled; but that the term “lost soul” is, after all, a misnomer, since every man is a spark of the divine fire, and therefore can never under any circumstances be lost or extinguished. The will of the LOGOS is man’s evolution. In our blindness we may for a time resist Him, but to Him time is

Chúng ta học được rằng hàng triệu chân ngã chậm tiến, vì chưa thể chịu nổi sức căng của tiến hoá cao hơn, sẽ rơi rụng vào giữa cuộc tuần hoàn thứ năm và đi theo trên đỉnh của làn sóng tiếp theo; rằng những ai sống ích kỷ, dù trong trí năng hay trong dục vọng, đều làm vậy với hiểm nguy đích đáng của riêng mình, và với rủi ro nghiêm trọng của nhiều sầu khổ và mất mát; rằng những kẻ dại dột đùa giỡn với Hắc thuật có thể tự chuốc lấy những kinh hoàng khiến trí tưởng tượng phải kinh sợ; nhưng rằng thuật ngữ “linh hồn bị mất” rốt cuộc là một danh xưng không đúng, vì mỗi người đều là một tia lửa của Lửa thiêng liêng, do đó không bao giờ trong bất kỳ hoàn cảnh nào có thể bị mất hay bị dập tắt. Ý chí của Thượng đế là sự tiến hoá của con người. Trong

naught, and if we cannot see to-day He waits patiently till to-morrow, but always in the end His will is done.

mù quáng, chúng ta có thể chống lại Ngài một thời, nhưng đối với Ngài thời gian là hư vô, và nếu hôm nay chúng ta không thể thấy, Ngài kiên nhẫn chờ đến ngày mai, nhưng cuối cùng thì Ý chí của Ngài luôn được thành tựu.

THE FOCUS OF CONSCIOUSNESS

TIÊU ĐIỂM CỦA TÂM THỨC

The consciousness in man can only be focussed in one vehicle at a time, though he may be simultaneously conscious through the others in a vaguer way. If you will hold up a finger in front of your face you will find that you can so focus your eyes as to see the finger perfectly. At the same time you will see the wall and furniture behind the finger, but not perfectly, because they are out of focus. In a moment you can change the focus of your eyes so that you will see the wall and the furniture perfectly; in that case you will still see the finger, but will see it only dimly, because it in turn is now out of focus.

Tâm thức nơi con người chỉ có thể tập trung trong một vận cụ tại một thời điểm, dù người ấy có thể đồng thời có tâm thức qua các vận cụ khác theo một cách mơ hồ hơn. Nếu bạn giơ một ngón tay trước mặt, bạn sẽ thấy mình có thể điều tiết mắt để nhìn rõ ngón tay. Đồng thời bạn cũng sẽ thấy bức tường và đồ đạc phía sau ngón tay, nhưng không rõ, vì chúng bị lệch tiêu. Chỉ một thoáng, bạn có thể đổi tiêu điểm của mắt để nhìn tường và đồ đạc thật rõ; khi ấy bạn vẫn thấy ngón tay, nhưng chỉ thấy lờ mờ, vì đến lượt nó đã bị lệch tiêu.

Precisely in the same way if a man who has developed astral and mental consciousness focusses himself in the physical brain as in ordinary life, he will see perfectly the physical bodies of his friends, and will at the same time see their astral and mental bodies, but only somewhat dimly. In far less than a moment he can change that focus so that he will see the astral quite fully and perfectly. In that case he will still see the mental and physical bodies, but not in full detail. The same thing is true of the mental sight and of the sight of higher planes.

Cũng y như vậy, nếu một người đã phát triển tâm thức cảm dục và trí tuệ mà tập trung vào bộ não thể xác như trong đời thường, người ấy sẽ thấy rõ ràng thân xác của bạn bè mình, đồng thời cũng thấy thể cảm dục và thể trí của họ, nhưng chỉ lờ mờ. Chưa đến một sát-na người ấy có thể đổi tiêu điểm để thấy cõi cảm dục một cách đầy đủ và hoàn hảo. Khi ấy người ấy vẫn thấy các thể trí và thể xác, nhưng không còn chi tiết đầy đủ. Điều tương tự đúng cho thị giác của cõi trí và của những cõi cao hơn.

You ask how it is possible for an entity functioning on the astral plane to be aware of a physical accident or to hear a physical cry. It would not be the physical cry that he would hear; physical sounds assuredly produce an effect upon the astral plane, though I do not

Bạn hỏi làm sao một thực thể đang hoạt dụng trên cõi cảm dục có thể biết về một tai nạn thể xác hay nghe một tiếng kêu thể xác. Không phải tiếng kêu thể xác mà y nghe; âm thanh thể xác chắc chắn tạo ra một hiệu ứng trên cõi cảm dục, dù tôi không nghĩ chúng ta nên gọi

think that we should be quite correct in calling that result sound. Any cry which had in it strong feeling or emotion would produce a strong effect upon the astral plane, and would convey exactly the same idea there as here. In the case of an accident the rush of emotion caused by the pain or the fright would flame out like a great light, and could not fail to attract the attention of a seer if he were anywhere near. A case in which this very thing occurred is related in *Invisible Helpers*—a case in which a boy fell over a cliff; and was supported and comforted by Cyril until physical help could be brought.

kết quả ấy là âm thanh cho đúng hẳn. Bất kỳ tiếng kêu nào chứa đựng tình cảm hay xúc động mạnh đều tạo một hiệu ứng mạnh trên cõi cảm dục, và truyền tải ở đó chính xác cùng một ý niệm như ở đây. Trong trường hợp một tai nạn, làn sóng cảm xúc do đau đớn hay kinh hoàng sẽ bùng cháy lên như một luồng sáng lớn, và không thể không thu hút sự chú ý của một nhà ngoại cảm nếu y ở gần. Một trường hợp việc này đã thực sự xảy ra được thuật lại trong *Những Người Trợ Giúp Vô hình* —một trường hợp một cậu bé rơi khỏi vách đá; và được Cyril nâng đỡ và an ủi cho đến khi có thể gọi được trợ giúp thể xác.

FORCE-CENTRES

In each of our vehicles there are certain force-centres which in Sanskrit are called chakrams —a word which signifies a wheel or revolving disc. These are points of connection at which force flows from one vehicle to another. They may easily be seen in the etheric double, where they show themselves as saucer-like depressions or vortices in its surface. They are often spoken of as corresponding to certain physical organs; but it must be remembered that the etheric force-centre is not in the interior of the body, but on the surface of the etheric double, which projects a quarter of an inch beyond the outline of the denser matter.

The centres which are usually employed in occult development are seven, and they are situated in the following parts of the body: (1) the base of the spine; (2) the navel; (3) the spleen; (4) the heart; (5) the throat; (6) the space between the eyebrows; and (7) the top of the head. There are other force-centres in the body besides these, but they are not employed by students of the white magic. It may be remembered that Madame Blavatsky speaks of three others which she calls the lower centres: there are schools which use these, but

CÁC TRUNG TÂM LỰC

Trong mỗi vận cụ của chúng ta có những trung tâm lực nhất định, trong tiếng Phạn gọi là các luân xa—một từ có nghĩa là bánh xe hay đĩa xoay. Đây là những điểm nối nơi mãnh lực chảy từ vận cụ này sang vận cụ khác. Chúng dễ dàng được thấy trong thể dĩ thái đôi, nơi chúng hiện ra như những chỗ lõm giống cái đĩa hay những xoáy trên bề mặt của nó. Người ta thường nói chúng tương ứng với những cơ quan thể xác nhất định; nhưng cần nhớ rằng trung tâm lực dĩ thái không nằm bên trong thân thể, mà ở trên bề mặt của thể dĩ thái đôi, vốn nhô ra ngoài đường viền của chất liệu đậm đặc một phần tư inch.

Những trung tâm thường được dùng trong tu tập huyền môn là bảy, và chúng nằm ở các phần sau của thân thể: (1) đáy cột sống; (2) rốn; (3) lá lách; (4) tim; (5) cổ họng; (6) khoảng giữa hai chân mày; và (7) đỉnh đầu. Có những trung tâm lực khác trong thân thể ngoài các trung tâm này, nhưng chúng không được các môn sinh của Chánh Thuật sử dụng. Có thể nhớ rằng Bà Blavatsky có nói đến ba trung tâm khác mà Bà gọi là các trung tâm thấp: có những trường phái dùng các trung tâm này, nhưng các nguy hiểm gắn liền với chúng

the dangers connected with them are so serious that we should consider their awakening as the greatest of misfortunes.

nghiêm trọng đến mức chúng tôi xem sự thức tỉnh của chúng là điều bất hạnh lớn nhất.

These seven are often described as corresponding to the seven colors and to the notes of the musical scale; and in the Indian books certain letters of the alphabet and certain forms of vitality are mentioned as attached to each of them. They are also poetically described as resembling flowers, and to each of them a certain number of petals is assigned.

Bảy trung tâm này thường được mô tả như tương ứng với bảy màu và các nốt của thang âm nhạc; và trong sách Ấn Độ, một số chữ cái của mẫu tự và một số dạng sinh khí nhất định được nói là gắn với mỗi trung tâm. Chúng cũng được mô tả thi vị như những đoá hoa, và mỗi đoá được gán cho một số lượng cánh nhất định.

It must be remembered that they are vortices of etheric matter, and that they are all in rapid rotation. Into each of these open mouths, at right angles to the plane of the whirling disc or saucer, rushes a force from the astral world (which we will call the primary force)—one of the forces of the LOGOS. That force is seven-fold in its nature, and all its forms operate in all the centres, though in each of them one of the forms is always greatly predominant.

Cần nhớ rằng chúng là những xoáy của chất liệu dĩ thái, và tất cả đều xoay nhanh. Vào mỗi cái miệng mở này, vuông góc với mặt phẳng của đĩa hay cái đĩa xoáy, lao vào một lực từ cõi cảm dục (mà chúng ta sẽ gọi là lực sơ cấp)—một trong những lực của Thượng đế. Lực ấy có bản chất thất phân, và mọi dạng của nó vận hành trong tất cả các trung tâm, dù ở mỗi trung tâm luôn có một dạng trội hơn hẳn.

This inrush of force brings the divine life into the physical body, and without it that body could not exist. These centres through which the force can enter are therefore actually necessary to the existence of the vehicle, and so are in operation in every one, but they may be whirling with very different degrees of activity. Their particles may be in comparatively sluggish motion, just forming the necessary vortex for the force and no more, or they may be glowing and pulsating with living light so that an enormously greater amount of force passes through them, with the result that various additional faculties and possibilities are opened to the ego as he functions on that plane.

Dòng lực tràn vào này mang sự sống thiêng liêng vào thể xác, và không có nó thì thể xác không thể tồn tại. Các trung tâm qua đó lực có thể đi vào vì vậy thực sự cần thiết cho sự tồn tại của vận cụ, và do đó đang hoạt động nơi mọi người, nhưng chúng có thể xoay với các mức độ hoạt động rất khác nhau. Các hạt của chúng có thể ở trong một chuyển động tương đối chậm chạp, chỉ vừa đủ hình thành xoáy cần thiết cho dòng lực và không hơn; hoặc chúng có thể rực sáng và rung nhịp với ánh sáng sinh động đến mức một lượng lực lớn không thể kể chảy qua chúng, kết quả là nhiều khả năng và năng lực phụ thêm được mở ra cho chân ngã khi nó hoạt dụng trên cõi ấy.

Now those forces which rush into the centre from without set up at right angles to

Nay những lực lao vào trung tâm từ bên ngoài thiết lập, vuông góc với chính chúng (tức là

themselves (that is to say, in the surface of the etheric double) secondary forces in undulatory circular motion, just as a bar-magnet thrust into an induction coil produces a current of electricity which flows round the coil at right angles to the axis or direction of the magnet. The primary force itself having entered the vortex, radiates from it again at right angles, but in straight lines, as though the centre of the vortex were the hub of a wheel, and the radiations of the primary force its spokes. The number of these "spokes" differs in the different force- centres, and determines the number of "petals" which each of them exhibits.

trên bề mặt thể dĩ thái đôi), những lực thứ cấp trong chuyển động tròn dạng gợn sóng, y như một nam châm thỏi đẩy vào một cuộn cảm ứng tạo ra một dòng điện chạy quanh cuộn dây vuông góc với trục hay hướng của nam châm. Bản thân lực sơ cấp, sau khi đi vào xoáy, lại bức xạ ra từ đó vuông góc, nhưng theo những đường thẳng, như thể tâm của xoáy là trục của một bánh xe, và những bức xạ của lực sơ cấp là nan hoa của nó. Số "nan hoa" này khác nhau ở các trung tâm lực khác nhau, và quyết định số "cánh" mà mỗi trung tâm phô bày.

Each of these secondary forces, which sweep round the saucer-like depression, has its own characteristic wave-length, just as has light of a certain colour; but instead of moving in a straight line as light does, it moves along in certain relatively large undulations of various sizes, each of which is some multiple of the smaller wave-lengths within it, though the exact proportions have not as yet been calculated. The number of undulations is determined by the number of spokes in the wheel, and the secondary force weaves itself under and over the radiating currents of the primary just as basket-work might be woven round the spokes of a carriage-wheel. The wave-lengths are infinitesimal, and probably some thousands of them are included within one of the undulations. As the forces rush round in the vortex, these undulations of different sizes, crossing one another in this basket-work pattern, produce an appearance which is not inaptly described in the Hindu books as resembling the petals of a flower; or it is still more like certain saucers or shallow vases of wavy iridescent glass which I have seen in Venice. All of these undulations or petals have that shimmering iridescent effect, like mother-of-pearl, yet each of them has

Mỗi lực thứ cấp trong số này, quét quanh chỗ lõm giống như đĩa, có bước sóng đặc trưng riêng, cũng như ánh sáng của một màu nhất định; nhưng thay vì di chuyển theo đường thẳng như ánh sáng, nó di chuyển theo những gợn sóng tương đối lớn với nhiều kích cỡ, mỗi gợn là một bội số nào đó của các bước sóng nhỏ hơn bên trong nó, dù tỷ lệ chính xác vẫn chưa được tính toán. Số lượng gợn sóng được quyết định bởi số nan hoa trong bánh xe, và lực thứ cấp tự dệt dưới và trên các dòng bức xạ của lực sơ cấp giống như môt tấm đan giỏ được dệt quanh nan hoa của bánh xe. Các bước sóng là vô cùng nhỏ, và có lẽ hàng ngàn bước như thế nằm trong một gợn. Khi các lực lao vòng trong xoáy, những gợn với kích cỡ khác nhau này, cắt nhau trong mô hình đan giỏ, tạo ra một hình ảnh không phải là không phù hợp với cách sách Ấn Độ mô tả, giống như cánh hoa; hoặc còn giống hơn với những cái đĩa hay bình nông bằng thuỷ tinh óng ánh gợn sóng mà tôi đã thấy ở Venice. Tất cả những gợn hay cánh ấy đều có hiệu ứng óng ánh, như xà cừ, tuy mỗi cánh thường có màu trội riêng.

usually its own predominant color.

In the ordinary men, in whom these centres are just active enough to be channels for sufficient force to keep his body alive, these colors glow with a comparatively dull light; but in those in whom the centres have been aroused and are in full activity they are of blinding brilliancy, and the centres themselves, which have gradually grown from a diameter of about two inches to the size of an ordinary saucer, are blazing and coruscating like miniature suns.

Nơi người thường, nơi các trung tâm này chỉ vừa đủ hoạt hoá để làm các kênh cho một lượng lực đủ giữ cho thân thể sống, các màu ấy toả ánh sáng tương đối mờ; nhưng nơi những người mà các trung tâm đã được đánh thức và hoạt động hết mức, chúng rực sáng đến chói lòa, và chính các trung tâm, vốn đã lớn dần từ đường kính chừng hai inch đến cỡ một cái đĩa thường, bừng cháy và loé sáng như những mặt trời tí hon.

The first centre, at the base of the spine, has a primary force which radiates out in four spokes, and therefore arranges its undulations so as to give the effect of its being divided into quadrants, with hollows between them. This makes it seem as though marked with the sign of the cross, and for that reason the cross is often used to symbolize this centre, and sometimes a flaming cross is taken to indicate the serpent-fire which resides in it. When aroused into full activity this centre is fiery orange-red in color, corresponding closely with the type of vitality which is sent down to it from the splenic centre. Indeed, it will be noticed that in the case of every one of these centres a similar correspondence with the color of its vitality may be seen.

Trung tâm thứ nhất, ở đáy cột sống, có lực sơ cấp bức xạ ra thành bốn nan hoa, nhờ đó sắp xếp các gợn sóng của nó để tạo hiệu ứng như thể nó chia làm bốn góc phần tư, với các hõm ở giữa chúng. Điều này làm nó trông như mang dấu thập giá, và vì lý do đó, thập giá thường được dùng để biểu trưng cho trung tâm này, và đôi khi một thập giá bốc cháy được coi là biểu trưng cho hỏa xà cư trú ở đó. Khi bị đánh thức hoạt động trọn vẹn, trung tâm này có màu cam-đỏ rực lửa, tương ứng sát với loại sinh khí được đưa xuống nó từ trung tâm lá lách. Quả thật, sẽ nhận thấy rằng ở mỗi trung tâm đều thấy một sự tương ứng tương tự với màu của sinh khí riêng của nó.

The second centre, at the navel or solar plexus, receives a primary force with ten radiations, so it vibrates in such a manner as to divide itself into ten undulations or petals. It is very closely associated with feelings and emotions of various kinds. Its predominant color is a curious blending of various shades of red, though there is also a great deal of green in it.

Trung tâm thứ hai, ở rốn hay tùng thái dương, nhận một lực sơ cấp có mười bức xạ, vì vậy nó rung động theo một cách chia nó thành mười gợn hay cánh. Nó liên hệ rất mật thiết với các cảm xúc và tình cảm đủ loại. Màu trội của nó là một pha trộn lạ lùng của nhiều sắc độ đỏ, tuy trong đó cũng có rất nhiều xanh lục.

The third centre, at the spleen, is devoted to the specialization, subdivision and dispersion of the vitality which comes to us from the sun.

Trung tâm thứ ba, ở lá lách, chuyên việc chuyên biệt hoá, phân chia và phân tán sinh khí đến với chúng ta từ mặt trời. Sinh khí đó lại

That vitality is poured out again from it in six horizontal streams, the seventh variety being drawn into the hub of the wheel. This centre therefore has six petals or undulations, and is specially radiant, glowing and sun-like.

được tuôn ra từ trung tâm này thành sáu dòng ngang, và loại thứ bảy được rút vào trục của bánh xe. Do đó trung tâm này có sáu cánh hay gợn, và đặc biệt rạng rỡ, rực sáng như mặt trời.

The fourth centre, at the heart, is also of a glowing golden color, and each of its quadrants is divided into three parts, which gives it twelve undulations, because its primary force makes for it twelve spokes.

Trung tâm thứ tư, ở tim, cũng có màu vàng kim rực rỡ, và mỗi góc phần tư của nó lại chia thành ba phần, tạo thành mười hai gợn, vì lực sơ cấp của nó tạo cho nó mười hai nan hoa.

The fifth centre, at the throat, has sixteen spokes, and therefore sixteen apparent divisions. There is a good deal of blue in it, but its general effect is silvery and gleaming, with a kind of suggestion as of moon-light upon rippling water.

Trung tâm thứ năm, ở cổ họng, có mười sáu nan hoa, vì vậy có mười sáu phân đoạn hiện ra. Nó có khá nhiều sắc lam, nhưng hiệu ứng tổng thể là ánh bạc loé sáng, gợi như ánh trăng trên mặt nước gợn sóng.

The sixth centre, between the eyebrows, has the appearance of being divided into halves, the one predominantly rose-colored, though with a great deal of yellow about it, and the other predominantly a kind of purplish-blue, again closely agreeing with the colors of the special types of vitality that vivify it. Perhaps it is for this reason that this centre is mentioned in Indian books as having only two petals, though if we are to count undulations of the same character as those of the previous centres we shall find that each half is subdivided into forty-eight of these, making ninety-six in all, because its primary force has that number of radiations.

Trung tâm thứ sáu, giữa hai chân mày, có vẻ như chia thành hai nửa, nửa này trội sắc hồng, dù có nhiều vàng quanh đó, và nửa kia trội một dạng xanh tím, lại cũng sát với màu của những loại sinh khí đặc biệt làm sinh động nó. Có lẽ vì lý do này mà trung tâm này được các sách Ấn Độ nói là chỉ có hai cánh, dù nếu chúng ta đếm các gợn có cùng đặc tính như ở các trung tâm trước, chúng ta sẽ thấy mỗi nửa lại chia thành bốn mươi tám gợn, thành chín mươi sáu tất cả, vì lực sơ cấp của nó có chừng ấy bức xạ.

The seventh, the centre at the top of the head, is when stirred into full activity perhaps the most resplendent of all, full of indescribable chromatic effects and vibrating with almost inconceivable rapidity. It is described in Indian books as thousand-petalled, and really this is not very far from the truth, the number of the radiations of its primary force in the outer circle being nine hundred and sixty. In

Trung tâm thứ bảy, ở đỉnh đầu, khi bị khuấy động đến hoạt động hoàn toàn, có lẽ là rực rỡ nhất trong tất cả, đầy những hiệu ứng màu sắc không thể tả và rung với tốc độ hầu như không thể nghĩ bàn. Nó được sách Ấn Độ mô tả là nghìn cánh, và thực sự điều này không xa sự thật lắm, số bức xạ của lực sơ cấp ở vòng ngoài là chín trăm sáu mươi. Ngoài ra nó còn có một đặc điểm mà không trung tâm nào khác có—

addition to this it has a feature which is possessed by none of the other centres—a sort of subsidiary whirlpool of gleaming white flushed with gold in its heart—a minor activity which has twelve undulations of its own.

một kiểu xoáy phụ rực trắng ánh vàng ngay tâm—một hoạt động thứ cấp có mười hai gợn của riêng nó.

I have heard it suggested that each of the different petals of these force-centres represents a moral quality, and that the development of that quality brings the centre into activity. I have not yet met with any facts which confirm this, nor am I able to see exactly how it can be, because the appearance is produced by certain quite definite and easily recognizable forces, and the petals in any particular centre are either active or not active according as these forces have or have not been aroused, and their development seems to me to have no more connection with morality than has the development of the biceps. I have certainly met with persons in whom some of the centres were in full activity, though the moral development was by no means exceptionally high, whereas in other persons of high spirituality and the noblest possible morality the centres were not yet vitalized at all, so that there does not seem to me to be any connection between the two developments.

Tôi đã nghe gợi ý rằng mỗi cánh khác nhau của các trung tâm lực này biểu trưng một phẩm chất đạo đức, và rằng sự phát triển phẩm chất ấy đưa trung tâm vào hoạt động. Tôi chưa gặp dữ kiện nào xác nhận điều này, cũng không thể thấy chính xác làm sao lại như thế, vì hình ảnh này được tạo bởi những lực xác định và rất dễ nhận, và các cánh ở một trung tâm nào đó hoặc hoạt động hoặc không hoạt động tuỳ theo các lực này đã hay chưa được đánh thức, và sự phát triển của chúng, theo tôi, không liên hệ gì với đạo đức hơn là sự phát triển của bắp tay. Tôi quả đã gặp những người mà một số trung tâm ở trong hoạt động hoàn toàn, dù sự phát triển đạo đức của họ chẳng cao vượt mức, trong khi ở những người có đời sống tinh thần cao và đạo hạnh cao đẹp nhất có thể, các trung tâm còn chưa được tiếp sinh lực chút nào; vì vậy có vẻ như không có liên hệ giữa hai dạng phát triển ấy.

Besides the keeping alive of the physical vehicle, these force-centres have another function, which comes into play only when they are awakened into full activity. Each of these etheric centres corresponds to an astral centre though as the astral centre is a vortex in four dimensions it has an extension in a direction quite different from the etheric, and consequently is by no means always co-terminous with it, though some part is always coincident. The etheric vortex is always on the surface of the etheric body, but the astral centre is frequently quite in the interior of that vehicle.

Ngoài việc giữ cho vận cụ hồng trần sống, các trung tâm lực này còn có một chức năng khác, chỉ phát huy khi chúng được đánh thức hoạt động trọn vẹn. Mỗi trung tâm dĩ thái này tương ứng với một trung tâm cảm dục, dù trung tâm cảm dục là một xoáy trong bốn chiều, có sự mở rộng theo một hướng hoàn toàn khác với trung tâm dĩ thái, và do đó không phải lúc nào cùng ranh giới, dù lúc nào đó cũng có phần trùng khít. Xoáy dĩ thái luôn ở trên bề mặt của thể dĩ thái, nhưng trung tâm cảm dục thường lại ở hẳn bên trong vận cụ ấy.

The function of each of these etheric centres when fully aroused is to bring down into physical consciousness whatever may be the quality inherent in the astral centre which corresponds to it; so, before cataloguing the results to be obtained by arousing the etheric centres into activity, it may be well to consider what is done by each of the astral centres, although these latter are already in full activity in all cultured people of the later races. What effect, then, has the quickening of each of these astral centres produced in the astral body?

Chức năng của mỗi trung tâm dĩ thái này khi được đánh thức hoàn toàn là đem xuống tâm thức thể xác bất kỳ phẩm chất gì vốn có nơi trung tâm cảm dục tương ứng; do đó, trước khi liệt kê các kết quả đạt được bằng cách đánh thức các trung tâm dĩ thái hoạt động, sẽ là điều tốt để xét xem mỗi trung tâm cảm dục làm gì, dù những trung tâm sau đã sẵn hoạt động trọn vẹn nơi tất cả những người có văn hoá của các giống dân về sau. Vậy thì, việc làm linh hoạt mỗi trung tâm cảm dục đã tạo ra hiệu ứng gì nơi thể cảm dục?

The first of these centres, that at the base of the spine, is the home of that mysterious force called the serpent-fire or, in *The Voice of the Silence,* the World's Mother. I will say more about this force later; for the moment let us consider its effects on the astral centres. This force exists on all planes, and by its activity the rest of the centres are aroused. We must think of the astral body as having been originally an almost inert mass, with nothing but the vaguest consciousness, with no definite power of doing anything, and no clear knowledge of the world which surrounded it. The first thing that happened, then, was the awakening of that force in the man at the astral level. When awakened it moved on to the second centre, corresponding to the navel, and vivified it, thereby awakening in the astral body the power of feeling—a sensitiveness to all sorts of influences, though without as yet anything like the definite comprehension that comes from seeing or hearing.

Trung tâm thứ nhất trong số này, ở đáy cột sống, là nơi trú của lực huyền bí gọi là hỏa xà hay, trong *Tiếng Nói của Im Lặng*, là Mẹ của Thế giới. Tôi sẽ nói thêm về lực này sau; lúc này hãy xét các hiệu ứng của nó lên những trung tâm cảm dục. Lực này hiện hữu trên mọi cõi, và nhờ hoạt động của nó mà các trung tâm khác được đánh thức. Chúng ta phải nghĩ về thể cảm dục như ban đầu là một khối hầu như trơ, chỉ có tâm thức mơ hồ nhất, không có quyền năng xác định để làm gì cả, và không có tri giác rõ ràng về thế giới quanh nó. Điều đầu tiên xảy ra, vậy là sự thức tỉnh của lực ấy nơi con người ở cấp độ cảm dục. Khi được đánh thức, nó di chuyển đến trung tâm thứ hai, tương ứng với rốn, và làm sinh động trung tâm ấy, nhờ đó đánh thức trong thể cảm dục quyền năng cảm thọ—một sự mẫn cảm với đủ loại ảnh hưởng, tuy chưa có gì giống sự thấu hiểu xác định đến từ thị giác hay thính giác.

Then it moved on to the third, that corresponding to physical spleen, and through it vitalized the whole astral body, enabling the person to travel consciously, though with only a vague conception as yet of what he encountered on his journeys.

Rồi nó di chuyển đến trung tâm thứ ba, tương ứng với lá lách thể xác, và qua đó tiếp sinh lực cho toàn thể cảm dục, cho phép người ấy du hành một cách có ý thức, tuy mới chỉ có một tri giác mơ hồ về những gì y gặp trong hành trình.

The fourth centre, when awakened, endowed the man with the power to comprehend and sympathize with the vibrations of other astral entities, so that he could instinctively understand their feelings.

Trung tâm thứ tư, khi được đánh thức, ban cho người ấy năng lực thấu hiểu và hoà điệu với các rung động của những thực thể cảm dục khác, sao cho y có thể theo bản năng hiểu cảm thọ của họ.

The awakening of the fifth, that corresponding to the throat, gave him the power of hearing on the astral plane—that is to say, it caused the development of that sense which in the astral world produces on our consciousness the effect which on the physical plane we call hearing.

Sự đánh thức trung tâm thứ năm, tương ứng với cổ họng, ban cho y năng lực nghe trên cõi cảm dục—tức là tạo nên sự phát triển của giác quan mà trên cõi cảm dục gây nên nơi tâm thức chúng ta hiệu ứng mà trên cõi hồng trần chúng ta gọi là nghe.

The development of the sixth, that corresponding to the centre between the eyebrows, in a similar manner produced astral sight—the power to perceive definitely the shape and nature of astral objects, instead of vaguely sensing their presence.

Sự phát triển trung tâm thứ sáu, tương ứng với trung tâm giữa hai chân mày, theo cách tương tự tạo nên thị giác cảm dục—năng lực tri nhận xác định hình dạng và bản chất các đối tượng cảm dục, thay vì chỉ mơ hồ cảm ứng sự hiện diện của chúng.

The arousing of the seventh, that corresponding to the top of the head, rounded off and completed for him the astral life, and endowed him with the perfection of its faculties.

Sự khơi dậy trung tâm thứ bảy, tương ứng với đỉnh đầu, hoàn mãn và trọn vẹn hoá cho y đời sống cảm dục, và ban cho y sự thành tựu toàn bích các năng lực của cõi này.

With regard to this centre a certain difference seems to exist according to the type to which men belong. For many of us the astral vortices corresponding to the sixth and seventh of these centres both converge upon the pituitary body, and for those people the pituitary body is practically the only direct link between the physical and the higher planes. Another type of people, however, while still attaching the sixth centre to the pituitary body, bend or slant the seventh until its vortex coincides with the atrophied organ called the pineal gland, which is by people of that type vivified and made into a line of communication directly passing through the intermediate astral plane in the ordinary way. It was for this type that Madame Blavatsky

Về trung tâm này có một khác biệt nhất định có vẻ tồn tại tuỳ theo loại người. Với nhiều người trong chúng ta, các xoáy cảm dục tương ứng với trung tâm thứ sáu và thứ bảy đều hội tụ về tuyến yên, và với những người ấy, tuyến yên hầu như là mối liên kết trực tiếp duy nhất giữa cõi hồng trần và các cõi cao hơn. Một loại người khác, tuy vẫn gắn trung tâm thứ sáu với tuyến yên, nhưng bẻ nghiêng trung tâm thứ bảy cho đến khi xoáy của nó trùng với cơ quan thoái hoá gọi là tuyến tùng, vốn bởi những người thuộc loại ấy được làm sinh động và biến thành một đường liên lạc đi thẳng qua cõi cảm dục trung gian theo lối thông thường. Chính cho loại người này mà Bà Blavatsky đã viết khi Bà nhấn mạnh đến việc đánh thức cơ quan đó.

was writing when she laid such emphasis upon the awakening of that organ.

Thus these centres to some extent take the place of sense-organs for the astral body, and yet without proper qualification that expression would be decidedly a misleading one, for it must never be forgotten that though, in order to make ourselves intelligible, we constantly have to speak of astral seeing or astral hearing, all that we really mean by those expressions is the faculty of responding to such vibrations as convey to the man's consciousness, when he is functioning in his astral body, information of the same character as that conveyed to him by his eyes and ears while he is in the physical body.

Vậy các trung tâm này phần nào đảm nhiệm chức năng của các giác quan cho thể cảm dục, nhưng nếu không đủ điều kiện thì cách diễn đạt ấy sẽ gây hiểu sai, vì không bao giờ được quên rằng tuy để tự làm mình dễ hiểu chúng ta thường xuyên phải nói về "thấy cảm dục" hay "nghe cảm dục", tất cả những gì chúng ta thực sự muốn nói bằng các diễn đạt ấy là khả năng đáp ứng với những rung động truyền tải đến tâm thức người ấy, khi y đang hoạt dụng trong thể cảm dục, những thông tin cùng loại như những gì được truyền đến y bởi mắt và tai khi y ở trong thể xác.

But in the entirely different astral conditions specialized organs are not necessary for the attainment of this result. There is matter in every part of the astral body which is capable of such response, and consequently the man functioning in that vehicle sees equally well the objects behind him, above him, and beneath him, without needing to turn his head. The centres, therefore, cannot be described as organs in the ordinary sense of the word, since it is not through them that the man sees or hears, as he does here through the eyes and ears. Yet it is upon their vivification that the power of exercising these astral senses depends, each of them as it is developed giving to the whole astral body the power of response to a new set of vibrations.

Nhưng trong những điều kiện cảm dục hoàn toàn khác, các cơ quan chuyên biệt không cần thiết để đạt được kết quả này. Có chất liệu ở mọi phần của thể cảm dục vốn có khả năng đáp ứng như thế, và do đó người đang hoạt dụng trong vận cụ ấy thấy các đối tượng phía sau, phía trên và phía dưới mình như nhau, mà không cần quay đầu. Vì vậy, các trung tâm không thể được mô tả như cơ quan theo nghĩa thông thường của từ này, vì người ấy không nhìn hay nghe qua chúng như y làm ở đây qua mắt và tai. Tuy vậy, chính vào sự được làm sinh động của chúng mà quyền năng vận dụng các giác quan cảm dục này phụ thuộc, mỗi trung tâm khi được phát triển ban cho toàn thể thể cảm dục năng lực đáp ứng một nhóm rung động mới.

As all the particles of the astral body are constantly flowing and swirling about like those of boiling water, all of them in turn pass through each of the centres or vortices, so that each centre in its turn evokes in all the particles of the body the power of receptivity to a certain set of vibrations, and so all the

Vì mọi hạt phần của thể cảm dục liên tục chảy và xoáy như của nước sôi, tất cả lần lượt đi qua mỗi trung tâm hay xoáy, nhờ đó mỗi trung tâm lần lượt khơi dậy trong mọi hạt phần của thể năng lực tiếp nhận một nhóm rung động nào đó, và như vậy mọi giác quan cảm dục đều hoạt động đồng đều trên mọi phần của thể.

astral senses are equally active in all parts of the body. But even when these astral senses are fully awakened it by no means follows that the man will be able to bring through his physical body any consciousness of their action.

Nhưng ngay cả khi các giác quan cảm dục này được đánh thức hoàn toàn thì cũng không có nghĩa là người ấy sẽ có thể đưa qua thể xác bất kỳ tâm thức nào về hoạt động của chúng.

While all this astral awakening was taking place, then, the man in his physical consciousness knew nothing whatever of it. The only way in which the dense body can be brought to share all these advantages is by repeating that process of awakening with the etheric centres. That is to be achieved precisely in the same way as it was done upon the astral plane—that is to say, by the arousing of the serpent-fire, which exists clothed in etheric matter on the physical plane, and sleeps in the corresponding etheric centre, that at the base of the spine.

Vậy, trong khi mọi sự đánh thức cảm dục này đang diễn ra, người ấy trong tâm thức thể xác không biết gì cả. Cách duy nhất để thể đậm đặc được chia sẻ tất cả những lợi ích này là lặp lại tiến trình đánh thức với các trung tâm dĩ thái. Điều đó được thực hiện đúng như ở cõi cảm dục—tức là bằng cách khơi dậy hỏa xà, vốn hiện hữu dưới lớp dĩ thái trên cõi hồng trần, và ngủ trong trung tâm dĩ thái tương ứng, tức ở đáy cột sống.

In this case the arousing is done by a determined and long-continued effort of the will, and to bring that first centre into full activity is precisely to awaken the serpent-fire. When once that is aroused, it is by its tremendous force that the other centres are vivified. Its effect on the other etheric centres is to bring into the physical consciousness the powers which were aroused by the development of their corresponding astral centres.

Trong trường hợp này, sự khơi dậy được thực hiện nhờ một nỗ lực ý chí kiên định và lâu dài, và đưa trung tâm thứ nhất vào hoạt động trọn vẹn chính là đánh thức hỏa xà. Một khi nó được khơi dậy, bằng sức mạnh khủng khiếp của nó mà các trung tâm khác được làm sinh động. Hiệu ứng của nó lên các trung tâm dĩ thái khác là đem vào tâm thức thể xác những quyền năng đã được khơi dậy bởi sự phát triển các trung tâm cảm dục tương ứng.

When the second of the etheric centres, that at the navel, comes into activity the man begins in the physical body to be conscious of all kinds of astral influences, vaguely feeling that some of them are friendly and others hostile, or that some places are pleasant and others unpleasant, without in the least knowing why.

Khi trung tâm dĩ thái thứ hai, ở rốn, đi vào hoạt động, người ấy bắt đầu trong thể xác cảm nhận đủ loại ảnh hưởng cảm dục, mơ hồ thấy rằng có những cái thân thiện và những cái thù nghịch, hoặc rằng có những nơi dễ chịu và những nơi khó chịu, mà chẳng hiểu tại sao.

When the third centre, that at the spleen, is awakened, the man is enabled to remember

Khi trung tâm thứ ba, ở lá lách, được đánh thức, người ấy có thể nhớ lại các cuộc hành

his vague astral journeys, though sometimes only very partially. The effect of a slight and accidental stimulation of this centre is often to produce half-remembrance of a blissful sensation of flying through the air.

trình cảm dục mơ hồ của mình, dù đôi khi chỉ một phần. Hiệu ứng của một sự kích thích nhẹ và tình cờ nơi trung tâm này thường là tạo ra một nửa ký ức về cảm giác hân hoan như bay giữa không trung.

Stimulation of the fourth, that at the heart, makes the man instinctively aware of the joys and sorrows of others, and sometimes even causes him to reproduce in himself by sympathy their physical aches and pains.

Sự kích hoạt trung tâm thứ tư, ở tim, khiến người ấy theo bản năng biết niềm vui và nỗi buồn của người khác, và đôi khi còn khiến y bằng sự cảm thông tái tạo nơi mình các đau nhức thể xác của họ.

The arousing of the fifth, that at the throat, enables him to hear voices, which sometimes make all kinds of suggestions to him. Also sometimes he hears music, or other less pleasant sounds. When it is fully working it makes the man clair-audient as far as the etheric and astral planes are concerned.

Sự khơi dậy trung tâm thứ năm, ở cổ họng, cho phép y nghe những tiếng nói, đôi khi đưa ra đủ loại gợi ý. Cũng có khi y nghe nhạc, hay những âm thanh ít dễ chịu hơn. Khi trung tâm này hoạt động hoàn toàn, nó khiến người ấy có thông nhĩ trong phạm vi các cõi dĩ thái và cảm dục.

When the sixth, between the eye-brows, becomes vivified, the man begins to see things, to have various sorts of waking visions, sometimes of places, sometimes of people. In its earlier development, when it is only just beginning to be awakened, it often means nothing more than half-seeing landscapes and clouds of color. The full arousing of this brings about clairvoyance.

Khi trung tâm thứ sáu, giữa hai chân mày, được làm sinh động, người ấy bắt đầu thấy các sự vật, có đủ loại thị kiến lúc thức, đôi khi là cảnh trí, đôi khi là người. Trong giai đoạn phát triển sớm hơn, khi nó mới chớm thức dậy, điều này thường không là gì khác hơn một nửa thị kiến các phong cảnh và những đám mây màu. Việc đánh thức trọn vẹn đưa đến thông nhãn.

The centre between the eye-brows is connected with sight in yet another way. It is through it that the power of magnification of minute physical objects is exercised. A tiny flexible tube of etheric matter is projected from the centre of it, resembling a microscopic snake with an eye at the end of it. This is the special organ used in that form of clairvoyance, and the eye at the end of it can be expanded or contracted, the effect being to change the power of magnification according to the size of the object which is being examined. This is what is meant in ancient books when mention is made of the capacity

Trung tâm giữa hai chân mày còn liên hệ với thị giác theo một cách khác. Qua trung tâm này mà quyền năng phóng đại các vật thể cực nhỏ được vận dụng. Một ống nhỏ linh hoạt bằng chất dĩ thái được phóng chiếu ra từ tâm của trung tâm ấy, giống một con rắn cực vi có con mắt ở đầu. Đây là cơ quan chuyên biệt dùng trong dạng thông nhãn này, và con mắt ở đầu ống có thể được nới rộng hay thu hẹp, hiệu ứng là thay đổi công suất phóng đại tuỳ theo kích cỡ vật thể đang được khảo sát. Đây là ý nghĩa trong các sách cổ khi nói đến khả năng làm cho bản thân lớn hay nhỏ theo ý muốn. Để khảo sát một nguyên tử, người ta phát triển

to make oneself large or small at will. To examine an atom one developes an organ of vision commensurate in size with the atom. This little snake projecting from the centre of the forehead was symbolized upon the head-dress of the Pharaoh of Egypt, who as the chief priest of his country was supposed to possess this among many other occult powers.

một cơ quan thị giác có kích cỡ tương xứng với nguyên tử. Con rắn nhỏ này phóng ra từ trung tâm trán được biểu trưng trên mũ đội đầu của các Pharaon Ai Cập, những người với tư cách là đại tư tế quốc gia được cho là sở hữu quyền năng huyền bí này giữa nhiều quyền năng khác.

When the seventh centre is awakened the man is able by passing through it to leave his body in full consciousness and also to return to it without the usual break, so that his consciousness will be continuous through night and day. When the fire has been passed through all these centres in a certain order (which varies for different types of people) the consciousness becomes continuous up to the entry into the heaven-world at the end of the life on the astral plane, no difference being made by either the temporary separation from the physical body during sleep or the permanent division at death.

Khi trung tâm thứ bảy được đánh thức, người ấy có thể, bằng cách đi qua nó, rời thân xác trong toàn vẹn tâm thức và cũng trở về trong thân xác mà không có khoảng đứt, sao cho tâm thức của y liên tục suốt đêm ngày. Khi lửa đã đi qua tất cả những trung tâm này theo một trình tự nhất định (trình tự này thay đổi theo loại người), tâm thức trở nên liên tục cho đến khi bước vào thiên giới vào cuối đời sống trên cõi cảm dục, không có khác biệt do cả sự ly thân tạm thời khỏi thể xác trong giấc ngủ lẫn sự chia lìa vĩnh viễn khi chết.

Before this is done, however, the man may have many glimpses of the astral world, for especially strong vibrations may at any time galvanize one or other of the centres into temporary activity, without arousing the serpent-fire at all; or it may happen that the fire may be partially roused, and in this way also partial clairvoyance may be produced for the time. For this fire exists in seven layers or seven degrees of force, and it often happens that a man who exerts his will in the effort to arouse it may succeed in affecting one layer only, and so when he thinks that he has done the work he may find it ineffective, and may have to do it all over again many times, digging gradually deeper and deeper, until not only the surface is stirred but the very heart of the fire is in full activity.

Tuy nhiên, trước khi điều này được thực hiện, người ấy có thể có nhiều thoáng thấy cõi cảm dục, vì những rung động đặc biệt mạnh có thể vào bất cứ lúc nào làm một hay trung tâm khác rơi vào hoạt động tạm thời, mà chẳng cần khơi dậy hỏa xà; hoặc cũng có thể hỏa xà bị khơi dậy một phần, và theo cách này cũng tạo nên thông nhãn bán phần trong một thời gian. Vì lửa này tồn tại trong bảy lớp hay bảy cấp độ lực, và thường xảy ra là người cố gắng khơi dậy bằng ý chí có thể chỉ thành công tác động được một lớp, khiến khi tưởng rằng mình đã làm xong công việc y lại thấy nó vô hiệu, và có thể phải làm lại hết nhiều lần, đào dần sâu hơn và sâu hơn, cho tới khi không chỉ bề mặt bị khuấy động mà tận tâm điểm của lửa cũng vào hoạt động trọn vẹn.

THE SERPENT-FIRE

As we know it, this serpent-fire (called in Sanskrit kundalini) is the manifestation on the physical plane of one of the great world-forces—one of the powers of the LOGOS. You know that what we call electricity is a manifestation of one of His forces, and that that force may take various forms, such as heat, light and motion. Another of His forces is vitality—what is sometimes called prana, but this is not interchangeable with any of those other forms which we have just mentioned. We may say then that vitality and electricity are as it were the lower ends of two of His streams of force.

This serpent-fire may be taken as the lower end of another of His streams, the physical-plane manifestation of another of the manifold aspects of His power. Like vitality, it exists on all planes of which we know anything; but it is the expression of it in etheric matter with which we have to do. It is not convertible into either vitality or electricity, and does not seem to be affected in any way by either. I have seen as much as a million and a quarter volts of electricity put into a human body, so that when the man held out his arms towards the wall huge flames rushed out from his fingers, yet he felt nothing unusual, nor was he in the least burnt unless he accidentally touched some external object; but even this enormous display of power had no effect whatever upon the serpent-fire.

In *The Voice of the Silence* this force is called "the Fiery Power" and "the World's Mother." There is much reason for all these strange names, for it is in very truth like liquid fire as it rushes through the body, and the course through which it ought to move is a spiral one like the coils of a serpent. It is called the

HỎA XÀ

Như chúng ta biết, hỏa xà này (tiếng Phạn gọi là kundalini) là sự biểu hiện trên cõi hồng trần của một trong những đại lực của thế giới—một trong những quyền năng của Thượng đế. Bạn biết rằng cái chúng ta gọi là điện lực là một biểu hiện của một trong các lực của Ngài, và lực ấy có thể mang nhiều dạng như nhiệt, ánh sáng và chuyển động. Một lực khác của Ngài là sinh khí—điều đôi khi gọi là prana, nhưng nó không thể hoán đổi với bất kỳ dạng nào trong những dạng vừa nêu. Chúng ta có thể nói rằng sinh khí và điện lực là như phần đầu thấp của hai dòng lực của Ngài.

Hỏa xà này có thể xem là phần đầu thấp của một dòng khác nơi Ngài, là sự biểu hiện trên cõi hồng trần của một phương diện phong phú khác trong quyền năng của Ngài. Như sinh khí, nó tồn tại trên mọi cõi mà chúng ta biết điều gì đó; nhưng điều chúng ta phải xử lý là sự biểu hiện của nó trong chất liệu dĩ thái. Nó không thể chuyển hoá thành sinh khí hay điện lực, và dường như không bị ảnh hưởng theo bất kỳ cách nào bởi hai lực ấy. Tôi đã thấy người ta đưa vào thân một điện áp đến một triệu rưỡi volt, đến mức khi người ấy dang tay về phía tường, những ngọn lửa khổng lồ tuôn ra từ các ngón tay, vậy mà y không cảm thấy điều gì bất thường, và không hề bị bỏng trừ khi tình cờ chạm phải vật bên ngoài; nhưng ngay cả màn phô diễn quyền lực khổng lồ này cũng hoàn toàn không ảnh hưởng gì đến hỏa xà.

Trong *Tiếng Nói của Im Lặng* lực này được gọi là "Quyền năng Lửa" và "Mẹ của Thế giới". Có nhiều lý do cho tất cả những danh xưng lạ lùng này, vì quả thực nó như lửa lỏng khi lao qua thân thể, và lộ trình đúng đắn của nó là một đường xoắn như những vòng cuộn của con rắn. Nó được gọi là Mẹ của Thế giới bởi vì qua

World's Mother because through it our various vehicles may be vivified, so that the higher worlds may open before us in succession.

nó các vận cụ khác nhau của chúng ta có thể được làm sinh động, sao cho các cõi cao hơn lần lượt mở ra trước chúng ta.

In the body of man its home, as we have said, is at the base of the spine, and for the ordinary person it lies there unawakened, and its very presence unsuspected, during the whole of his life; and it is indeed far better to allow it thus to remain dormant until the man has made definite moral development, until his will is strong enough to control it and his thoughts pure enough to enable him to face its awakening without injury. No one should experiment with it without definite instruction from a teacher who thoroughly understands the subject, for the dangers connected with it are very real and terribly serious. Some of them are purely physical. Its uncontrolled movement often produces intense physical pain, and it may readily tear tissues and even destroy physical life. This, however, is the least of the evils of which it is capable, for it may do permanent injury to vehicles higher than the physical.

Trong thân con người, chỗ cư trú của nó, như đã nói, là ở đáy cột sống, và với người bình thường thì nó nằm đó không thức dậy, và suốt đời người ấy còn không hề biết đến sự hiện diện của nó; và quả thật, để nó ngủ yên như thế là tốt hơn nhiều cho đến khi người ấy đạt một phát triển đạo đức xác định, cho đến khi ý chí đủ mạnh để chế ngự nó và tư tưởng đủ thanh khiết để cho phép đối diện với sự thức tỉnh của nó mà không tổn hại. Không ai nên thử nghiệm với nó nếu không có chỉ dẫn rõ ràng từ một vị Thầy am tường thấu đáo đề tài này, vì các nguy hiểm gắn liền với nó là rất thực và kinh khủng nghiêm trọng. Một số nguy hiểm hoàn toàn thuộc thể xác. Sự vận động không kiểm soát của nó thường gây ra những cơn đau thể xác dữ dội, và nó có thể dễ dàng xé rách các mô và thậm chí huỷ hoại sự sống thể xác. Tuy nhiên, đó là điều ít ác hại nhất mà nó có thể gây ra, vì nó có thể làm tổn thương vĩnh viễn các vận cụ cao hơn thể xác.

One very common effect of rousing it prematurely is that it rushes downwards in the body instead of upwards, and thus excites the most undesirable passions—excites them and intensifies their effects to such a degree that it becomes absolutely impossible for the man to resist them, because a force has been brought into play in whose presence he is as helpless as a swimmer before the jaws of a shark. Such men become satyrs monsters of depravity, because they are in the grasp of a force which is out of all proportion to the ordinary human power of resistance. They may probably gain certain supernormal powers, but these will be such as will bring them into touch with a lower order of evolution with which humanity is intended to

Một hiệu ứng rất thường gặp của việc khơi dậy quá sớm là nó lao xuống dưới trong thân thay vì đi lên, và như thế kích động những dục vọng không đáng mong muốn nhất—kích động chúng và làm tăng cường hiệu ứng của chúng đến mức tuyệt đối không thể cưỡng lại, vì một lực đã được đưa vào hoạt động mà trước nó con người bất lực như một người bơi trước hàm cá mập. Những người như vậy trở thành những dâm thần—những quái vật truỵ lạc, vì họ nằm trong nanh vuốt của một mãnh lực vượt xa mọi tỷ lệ so với năng lực kháng cự bình thường của con người. Họ có thể giành được một số quyền năng siêu thường nào đó, nhưng những quyền năng này sẽ thuộc loại đưa họ vào tiếp xúc với một trật tự tiến hoá thấp mà nhân loại không được định để giao thương, và để thoát

hold no commerce and to escape from its awful thraldom may take them more than one incarnation. I am not in any way exaggerating the horror of this thing, as a person to whom it was all a matter of hearsay might unwittingly do. I have myself been consulted by people upon whom this awful fate has already come, and I have seen with my own eyes what happened to them. There is a school of black magic which purposely uses this power in this way, in order that through it may be vivified those lower force-centres which are never used by the followers of the Good Law.

khỏi ách nô lệ kinh khiếp ấy có thể làm họ mất quá một kiếp. Tôi không hề phóng đại nỗi kinh hoàng này, như một người chỉ nghe nói qua có thể vô tình làm. Tôi đã tự mình được những người mang tai ương khủng khiếp này tìm đến tham khảo, và tôi đã tận mắt thấy điều xảy ra với họ. Có một trường phái Hắc thuật cố ý sử dụng lực này theo cách ấy, để qua đó các trung tâm lực thấp—những trung tâm không bao giờ được các người theo Luật lành dùng—được làm sinh động.

Even apart from this greatest of its dangers, its premature unfoldment has many other unpleasant possibilities. It intensifies everything in man's nature, and it reaches the lower and evil qualities more readily than the good. In the mental body, for example, ambition is very readily aroused, and soon swells to an incredibly inordinate degree. It would be likely to bring with it a great intensification of the power of intellect, but at the same time it would produce abnormal and satanic pride, such as is quite inconceivable to the ordinary man. It is not wise for a man to think that he is prepared to cope with any force that may arise within his body; this is no ordinary force, but something resistless. Assuredly no uninstructed man should ever try to awaken it, and if such a one finds that it has been aroused by accident he should at once consult some one who fully understands these matters.

Ngay cả ngoài nguy hiểm lớn nhất này, sự khai mở sớm của nó còn có nhiều khả năng khó chịu khác. Nó làm mạnh lên mọi thứ trong bản tính con người, và nó chạm tới những phẩm chất thấp và ác dễ hơn là những phẩm chất tốt. Thí dụ trong thể trí, tham vọng rất dễ bị khơi dậy, và sớm phình to đến mức độ không thể tin nổi. Nó có thể mang theo một sự tăng cường lớn lao năng lực trí tuệ, nhưng đồng thời tạo nên một niềm kiêu hãnh quỷ quyệt và ma vương, đến mức không thể hình dung đối với người thường. Không khôn ngoan khi một người nghĩ rằng mình đã sẵn sàng đối phó với bất cứ lực nào có thể nổi lên trong thân; đây không phải là một lực thông thường, mà là một cái gì đó bất khả kháng. Chắc chắn không người nào chưa được chỉ dạy nên thử đánh thức nó, và nếu ai đó thấy rằng nó đã bị khơi dậy một cách tình cờ, người ấy phải lập tức tham vấn một người am hiểu hoàn toàn những vấn đề này.

It may be noticed that I have specially and intentionally refrained from explaining how this arousing is to be done, or mentioning the order in which the force (when aroused) should be passed through these various centres, for that should by no means be attempted except at the express suggestion of

Bạn sẽ để ý rằng tôi cố ý và có chủ tâm tránh giải thích cách khơi dậy này phải được thực hiện thế nào, hay đề cập đến trật tự mà lực (khi được đánh thức) nên đi qua các trung tâm khác nhau này, vì tuyệt đối không nên thử điều đó trừ khi có đề nghị minh nhiên của một vị Thầy, Đấng sẽ theo sát học trò của Ngài

a Master, who will watch over His pupil during the various stages of the experiment.

trong các giai đoạn khác nhau của thí nghiệm.

I most solemnly warn all students against making any effort whatever in the direction of awakening these tremendous forces, except under such qualified tuition, for I have myself seen many cases of the terrible effects which follow from ignorant and ill-advised meddling with these very serious matters. The force is a tremendous reality, one of the great basic facts of nature, and most emphatically it is not a thing to be played with, or to be lightly taken in hand, for to experiment with it without understanding it is far more dangerous than it would be for a child to play with nitroglycerine. As is very truly said in the *Hathayogapradipika:* "It gives liberation to yogis and bondage to fools." (iii. 107.)

Tôi long trọng cảnh báo mọi môn sinh đừng làm bất cứ nỗ lực nào theo hướng đánh thức những mãnh lực khủng khiếp này, trừ phi dưới sự chỉ giáo đủ thẩm quyền như vậy, vì chính tôi đã thấy nhiều trường hợp các hệ quả khủng khiếp xảy ra do sự can thiệp ngu dốt và dại dột vào những việc cực kỳ nghiêm trọng này. Lực này là một thực tại khổng lồ, một trong những sự kiện nền tảng lớn của thiên nhiên, và rất nhấn mạnh rằng nó không phải là thứ để đùa giỡn hay cầm nắm hờ hững, vì thử nghiệm với nó mà không hiểu nó nguy hiểm hơn rất nhiều so với việc một đứa trẻ chơi với nitroglycerin. Như câu nói rất đúng trong *Hathayogapradipika*: "Nó đem giải thoát cho các yogi và giam cầm bọn ngu." (iii. 107.)

In matters such as these, students so often seem to think that some special exception to the laws of nature will be made in their case, that some special intervention of providence will save them from the consequences of their folly. Assuredly nothing of that sort will happen, and the man who wantonly provokes an explosion is quite likely to become its first victim. It would save much trouble and disappointment if students could be induced to understand that in all matters connected with occultism we mean just exactly and literally what we say, and that it is applicable in every case without exception. For there is no such thing as favoritism in the working of the great laws of the universe.

Trong những việc như thế này, các môn sinh thường có vẻ nghĩ rằng một ngoại lệ đặc biệt nào đó đối với các định luật thiên nhiên sẽ được tạo ra cho trường hợp của họ, rằng một sự quan phòng đặc biệt sẽ cứu họ khỏi các hệ quả của sự dại dột. Chắc chắn sẽ không có gì như thế xảy ra, và người cố tình khơi gợi một vụ nổ rất dễ trở thành nạn nhân đầu tiên của nó. Sẽ tránh được nhiều rắc rối và thất vọng nếu các môn sinh có thể được thuyết phục hiểu rằng trong tất cả những việc liên quan đến huyền bí học, chúng tôi nói chính xác và theo nghĩa đen điều chúng tôi nói, và điều đó áp dụng cho mọi trường hợp không ngoại lệ. Vì không có thứ thiên vị nào trong sự vận hành của những định luật vĩ đại của vũ trụ.

Everybody wants to try all possible experiments; everybody is convinced that he is quite ready for the highest possible teaching and for any sort of development, and no one is willing to work patiently along at the improvement of character, and to devote his

Ai cũng muốn thử mọi thí nghiệm có thể; ai cũng tin chắc rằng mình đã sẵn sàng cho sự chỉ dạy cao nhất có thể và cho bất cứ dạng phát triển nào, và chẳng ai sẵn lòng làm việc kiên nhẫn để cải thiện Tính cách, và dốc thời gian cùng năng lượng để làm điều gì hữu ích cho

time and his energies to doing something useful for the work of the Society, waiting for all these other things until a Master shall announce that he is ready for them. The old aphorism still remains true: "Seek ye first the kingdom of God and His righteousness, and all these things shall be added unto you."

công việc của Hội, chờ đợi tất cả những điều khác này cho đến khi một vị Thầy tuyên bố rằng người ấy đã sẵn sàng cho chúng. Châm ngôn xưa vẫn đúng: "Trước hết hãy tìm kiếm Nước của Thượng đế và sự công chính của Ngài, thì mọi điều ấy sẽ được thêm cho các ngươi."

There are some cases in which the fire wakes spontaneously, so that a dull glow is felt; it may even begin to move of itself, though this is rare. In this latter case it would be likely to cause great pain, as, since the passages are not prepared for it, it would have to clear its way by actually burning up a great deal of etheric dross—a process that cannot but engender suffering. When it thus awakes of itself or is accidentally aroused, it usually tries to rush up the interior of the spine, instead of following the spiral course into which the occultist is trained to guide it. If it be possible, the will should be set in motion to arrest its onward rush, but if that proves to be impossible (as is most likely) no alarm need be felt. It will probably rush out through the head and escape into the surrounding atmosphere, and it is likely that no harm will result beyond a slight weakening. Nothing worse than a temporary loss of consciousness need be apprehended. The really appalling dangers are connected not with its upward rush, but with the possibility of its turning downwards and inwards.

Có những trường hợp mà lửa tự khởi động, khiến người ta cảm thấy một ánh hồng mờ; thậm chí nó có thể tự bắt đầu chuyển động, dù điều này hiếm gặp. Trong trường hợp sau, nó có khả năng gây đau đớn lớn, vì các đường dẫn chưa được chuẩn bị cho nó, nó sẽ phải tự mở lối bằng cách thực sự thiêu đốt một lượng lớn cặn bã dĩ thái—một tiến trình không thể không sinh ra đau khổ. Khi tự nó thức dậy như vậy hoặc bị khơi lên một cách tình cờ, nó thường cố lao vụt lên bên trong cột sống, thay vì theo quỹ đạo xoắn ốc mà nhà huyền bí học được huấn luyện để dẫn dắt nó. Nếu có thể, nên vận dụng ý chí để chặn lại đà lao tới của nó, nhưng nếu điều đó tỏ ra bất khả (điều rất có thể), thì cũng không cần hoảng hốt. Rất có thể nó sẽ phóng ra qua đầu và thoát vào bầu khí quyển chung quanh, và có lẽ sẽ không có hại gì ngoài một chút suy nhược. Không cần lo sợ điều gì tệ hơn ngoài việc mất tâm thức tạm thời. Những nguy hiểm thực sự kinh hoàng không liên hệ đến đà lao thẳng lên của nó, mà là khả năng nó quay xuống dưới và vào trong.

Its principal function in connection with occult development is that by being sent through the force-centres in the etheric body, as above described, it vivifies these centres and makes them available as gates of connection between the physical and astral bodies. It is said in *The Voice of the Silence* that when the serpent-fire reaches the centre between the eye-brows and fully vivifies it, it confers the power of hearing the voice of the

Chức năng chủ yếu của nó liên hệ đến sự phát triển huyền bí là: bằng cách được đưa qua các trung tâm lực trong thể dĩ thái, như đã mô tả ở trên, nó làm sinh động các trung tâm này và khiến chúng khả dụng như các cửa nối kết giữa thể xác và thể cảm dục. Trong *Tiếng Nói của Im Lặng* có nói rằng khi xà hỏa đến trung tâm giữa hai chân mày và hoàn toàn làm sinh động trung tâm ấy, nó ban năng lực nghe tiếng nói của Chân sư—trong trường hợp này có

Master—which means in this case the voice of the ego or higher self. The reason for this statement is that when the pituitary body is brought into working order it forms a perfect link with the astral vehicle, so that through it all communications from within can be received.

nghĩa là tiếng nói của chân ngã. Lý do của lời khẳng định này là khi tuyến yên được đưa vào tình trạng hoạt động đúng mức, nó hình thành một mối liên kết hoàn hảo với hiện thể cảm dục, nhờ đó mọi thông tin truyền đạt từ bên trong đều có thể được tiếp nhận qua nó.

It is not only this one; all the higher force-centres have presently to be awakened, and each must be made responsive to all kinds of astral influences from the various astral sub-planes. This development will come to all in due course, but most people cannot gain it during the present incarnation, if it is the first in which they have begun to take these matters seriously in hand. Some Indians might succeed in doing so, as their bodies are by heredity more adaptable than most others; but it is really for the majority the work of a later round altogether. The conquest of the serpent-fire has to be repeated in each incarnation, since the vehicles are new each time, but after it has been once thoroughly achieved these repetitions will be an easy matter. It must be remembered that its action varies with different types of people; some, for example, would see the higher self rather than hear its voice. Again, this connection with the higher has many stages; for the personality it means the influence of the ego, but for the ego himself it means the power of the monad, and for the monad in turn it means to become a conscious expression of the LOGOS.

Không chỉ trung tâm này; tất cả các trung tâm lực cao hơn đều sẽ phải được đánh thức, và mỗi trung tâm phải được làm cho biết đáp ứng với mọi loại ảnh hưởng cảm dục từ các cõi phụ cảm dục khác nhau. Sự phát triển này sẽ đến với mọi người theo thời vận, nhưng hầu hết không thể đạt được nó trong lần lâm phàm hiện tại nếu đây là lần đầu họ bắt đầu nghiêm túc đảm đương những vấn đề này. Một số người Ấn Độ có thể thành công, vì do di truyền mà thân thể của họ thích nghi hơn đa phần người khác; nhưng thực ra đối với đa số, đó là công việc của một cuộc tuần hoàn về sau hẳn hoi. Sự chinh phục xà hỏa phải được lặp lại trong mỗi lần lâm phàm, bởi vì mỗi lần các hiện thể đều mới, nhưng sau khi đã đạt được một lần một cách triệt để, các lần lặp lại sau sẽ là chuyện dễ dàng. Cần nhớ rằng tác động của nó biến thiên theo các kiểu người khác nhau; một số người, chẳng hạn, sẽ thấy chân ngã thay vì nghe tiếng nói của chân ngã. Hơn nữa, mối nối kết với cái cao hơn này có nhiều tầng bậc; với phàm ngã, nó là ảnh hưởng của chân ngã, nhưng với chính chân ngã, nó là quyền năng của chân thần, và với chân thần thì đến lượt nó có nghĩa là trở thành biểu hiện có ý thức của Thượng đế.

It may be of use if I mention my own experience in this matter. In the earlier part of my residence in India twenty-five years ago I made no effort to rouse the fire—not indeed knowing very much about it, and having the opinion that, in order to do anything with it, it was necessary to be born with a specially psychic body, which I did not possess. But one

Có lẽ sẽ hữu ích nếu tôi nói đến kinh nghiệm riêng của mình về việc này. Trong giai đoạn đầu cư trú tại Ấn Độ cách đây hai mươi lăm năm, tôi không hề cố gắng khơi dậy ngọn lửa—thực ra cũng không biết bao nhiêu về nó, và tôi cho rằng muốn làm được gì với nó thì cần phải được sinh ra với một thể thông linh đặc biệt, điều mà tôi không có. Nhưng một ngày

day one of the Masters made a suggestion to me with regard to a certain kind of meditation which would evoke this force. Naturally I at once put the suggestion into practice and in course of time was successful. I have no doubt, however, that He watched the experiment, and would have checked me if it had become dangerous. I am told that there are Indian ascetics who teach this to their pupils, of course keeping them under careful supervision during the process. But I do not myself know of any such, nor should I have confidence in them unless they were specially recommended by some one whom I knew to be possessed of real knowledge.

nọ, một trong các Chân sư đã gợi ý cho tôi về một loại tham thiền nhất định có thể gợi lên mãnh lực này. Tự nhiên tôi lập tức đem lời gợi ý ra thực hành và theo thời gian thì thành công. Tuy nhiên, tôi hoàn toàn không nghi ngờ rằng Ngài đã theo dõi thí nghiệm, và ắt đã ngăn tôi lại nếu nó trở nên nguy hiểm. Tôi được cho biết có những nhà khổ hạnh Ấn Độ dạy điều này cho môn đồ của họ, dĩ nhiên luôn giữ họ dưới sự giám sát cẩn trọng trong suốt tiến trình. Nhưng bản thân tôi không biết một vị nào như thế, và tôi cũng sẽ không đặt niềm tin nơi họ, trừ khi họ được đặc biệt giới thiệu bởi một người mà tôi biết chắc là có tri thức chân thực.

People often ask me what I advise them to do with regard to the arousing of this force. I advise them to do exactly what I myself did. I recommend them to throw themselves into Theosophical work and wait until they receive a definite command from some Master who will undertake to superintend their psychic development, continuing in the meantime all the ordinary exercises of meditation that are known to them. They should not care in the least whether such development comes in this incarnation or in the next, but should regard the matter from the point of view of the ego and not of the personality, feeling absolutely certain that the Masters are always watching for those whom They can help, that it is entirely impossible for any one to be overlooked, and that They will unquestionably give Their directions when They think that the right time has come.

Người ta thường hỏi tôi nên làm gì liên quan đến việc khơi dậy mãnh lực này. Tôi khuyên họ làm đúng như chính tôi đã làm. Tôi khuyến nghị họ dấn thân vào công việc Thông Thiên Học và chờ cho đến khi họ nhận được một mệnh lệnh rõ ràng từ một Chân sư, Đấng sẽ đảm nhận việc giám sát sự phát triển thông linh của họ, trong khi đó vẫn tiếp tục tất cả các bài tập tham thiền thông thường mà họ đã biết. Họ không nên bận tâm chút nào liệu sự phát triển như vậy đến trong lần lâm phàm này hay lần sau, mà nên nhìn vấn đề từ quan điểm của chân ngã chứ không phải của phàm ngã, với sự xác tín tuyệt đối rằng các Chân sư luôn dõi tìm những ai Các Ngài có thể trợ giúp, rằng hoàn toàn không thể có chuyện ai bị bỏ sót, và rằng chắc chắn Các Ngài sẽ ban chỉ dẫn khi Các Ngài thấy thời điểm thích hợp đã đến.

I have never heard that there is any sort of age limit with regard to the development, and I do not see that age should make any difference, so long as one has perfect health; but the health is a necessity, for only a strong body can endure the strain, which is much more serious than anyone who has not made the

Tôi chưa từng nghe nói rằng có bất kỳ giới hạn tuổi tác nào liên quan đến sự phát triển này, và tôi không thấy tuổi tác phải tạo nên khác biệt, miễn là người ta có sức khỏe hoàn hảo; nhưng sức khỏe là điều thiết yếu, vì chỉ một thân thể cường tráng mới chịu nổi sức căng, vốn nghiêm trọng hơn nhiều so với bất kỳ ai chưa

attempt can possibly imagine.

từng thử qua có thể tưởng tượng.

The force when aroused must be very strictly controlled, and it must be moved through the centres in an order which differs for people of different types. The movement also, to be effective, must be made in a particular way, which the Master will explain when the time comes.

Khi được khơi dậy, mãnh lực này phải được kiểm soát thật nghiêm ngặt, và nó phải được dẫn qua các trung tâm theo một thứ tự khác nhau đối với những kiểu người khác nhau. Hơn nữa, sự di chuyển muốn hiệu quả phải được thực hiện theo một cách thức nhất định, điều mà Chân sư sẽ giải thích khi thời điểm tới.

I have said that the astral and etheric centres are in very close correspondence; but between them, and interpenetrating them in a manner not readily describable, is a sheath composed of a single layer of physical atoms much compressed and permeated by a special form of vital force. The divine life which normally descends from the astral body to the physical is so attuned as to pass through this with perfect ease, but it is an absolute barrier to all other forces—all which cannot use the atomic matter of both the planes. This web is the natural protection provided by nature to prevent a premature opening up of communication between the planes—a development which could lead to nothing but injury.

Tôi đã nói rằng các trung tâm cảm dục và dĩ thái tương ứng rất gần nhau; nhưng giữa chúng, và xuyên thấu chúng theo một cách khó miêu tả, là một vỏ bọc cấu thành từ một lớp duy nhất những nguyên tử hồng trần bị nén chặt và thấm nhuần bởi một dạng đặc biệt của sinh lực. Sự sống thiêng liêng vốn thường tuôn xuống từ thể cảm dục vào thể xác được điều chỉnh sao cho đi qua chướng ngại này một cách hết sức dễ dàng, nhưng nó là một hàng rào tuyệt đối đối với mọi mãnh lực khác —tất cả những gì không thể sử dụng chất nguyên tử của cả hai cõi. Tấm lưới này là sự bảo vệ tự nhiên do thiên nhiên cung cấp để ngăn mở sớm mối thông giao giữa các cõi—một phát triển không thể đưa đến gì ngoài tai hại.

It is this which under normal conditions prevents clear recollection of what has happened during sleep, and it is this also which causes the momentary unconsciousness which always occurs at death. But for this merciful provision the ordinary man, who knows nothing about all these things and is entirely unprepared to meet them, could at any moment be brought by any astral entity under the influences of forces to cope with which would be entirely beyond his strength. He would be liable to constant obsession by any being on the astral plane who desired to seize upon his vehicles.

Chính nó, trong điều kiện bình thường, ngăn không cho có ký ức rõ ràng về những gì đã xảy ra trong giấc ngủ, và cũng chính nó gây nên sự bất tỉnh trong chốc lát vốn luôn diễn ra lúc chết. Nếu không có sự an bài đầy nhân từ này, người bình thường—kẻ chẳng biết gì về những điều này và hoàn toàn không được chuẩn bị để đối diện—có thể bất cứ lúc nào cũng bị một thực thể cảm dục nào đó đặt dưới ảnh hưởng của các mãnh lực mà y hoàn toàn bất lực để đối phó. Y sẽ luôn có nguy cơ bị bất kỳ sinh thể nào trên cõi cảm dục ám nhập nếu kẻ ấy muốn chiếm lấy các hiện thể của y.

It will therefore be readily understood that

Do đó, có thể dễ dàng hiểu rằng bất kỳ tổn hại

any injury to this web is a serious disaster. There are several ways in which injury may come, and it behooves us to use our best endeavours to guard against it. It may come either by accident or by continued malpractice. Any great shock to the astral body, such for example as a sudden terrible fright, may rend apart this delicate organism and, as it is commonly expressed, drive the man mad. (Of course there are other ways in which fear may cause insanity, but this is one.) A tremendous outburst of anger may also produce the same effect. Indeed it may follow upon any exceedingly strong emotion of an evil character which produces a kind of explosion in the astral body.

nào đến tấm lưới này đều là một tai họa nghiêm trọng. Có nhiều cách mà tổn hại có thể xảy ra, và chúng ta cần nỗ lực hết sức để phòng ngừa. Nó có thể đến do tai nạn hoặc do sự hành xử sai lạc kéo dài. Bất kỳ cú sốc lớn nào đối với thể cảm dục—chẳng hạn một nỗi kinh hoàng bất ngờ khủng khiếp—có thể xé toạc sinh thể tinh tế này và, như người ta thường nói, làm cho con người phát điên. (Dĩ nhiên còn có những cách khác mà sợ hãi có thể gây loạn trí, nhưng đây là một trong số đó.) Một cơn bộc phát giận dữ dữ dội cũng có thể tạo nên hiệu ứng tương tự. Thật ra nó có thể theo sau bất kỳ cảm xúc cực mạnh nào mang tính xấu xa, thứ tạo ra một kiểu "nổ" trong thể cảm dục.

The malpractices which may more gradually injure this protective web are of two classes—the use of alcohol or narcotic drugs and the deliberate endeavour to throw open the doors which nature has kept closed, by means of such a process as is described in spiritualistic parlance as sitting for development. Certain drugs and drinks—notably alcohol and all the narcotics, including tobacco—contain matter which on breaking up volatilizes, and some of it passes from the physical plane to the astral. (Even tea and coffee contain this matter, but in quantities so infinitesimal that it is usually only after long-continued abuse of them that the effect manifests itself.)

Những hành xử sai lạc dần dần gây tổn hại tấm lưới bảo hộ này thuộc hai loại—việc dùng rượu hoặc các ma túy và nỗ lực có chủ đích mở toang những cánh cửa mà thiên nhiên vẫn giữ đóng kín, bằng một tiến trình như cách nói của giới thần linh học gọi là “ngồi để phát triển”. Một số thuốc và đồ uống—đặc biệt là rượu và mọi loại ma túy, kể cả thuốc lá—chứa chất khi phân rã sẽ bay hơi, và một phần trong đó đi từ cõi hồng trần sang cõi cảm dục. (Ngay cả trà và cà phê cũng chứa chất này, nhưng với lượng nhỏ đến mức hầu như chỉ sau khi lạm dụng lâu ngày thì hiệu ứng mới biểu hiện.)

When this takes place in the body of man these constituents rush out through the force-centres in the opposite direction to that for which they are intended, and in doing this repeatedly they seriously injure and finally destroy the delicate web. This deterioration or destruction may be brought about in two different ways, according to the type of the person concerned and to the proportion of the constituents in his etheric and astral bodies. First, the rush of volatilizing matter actually

Khi điều này diễn ra trong thân thể con người, các thành phần ấy lao ra ngoài qua các trung tâm lực theo chiều ngược lại với mục đích tự nhiên của chúng, và khi lặp đi lặp lại như thế, chúng gây tổn hại nghiêm trọng và cuối cùng phá hủy tấm lưới tinh tế. Sự suy thoái hay phá hủy này có thể xảy ra theo hai cách khác nhau, tùy thuộc kiểu người liên quan và tỷ lệ các thành phần trong thể dĩ thái và thể cảm dục của y. Thứ nhất, dòng chất bay hơi thực sự đốt cháy tấm lưới, từ đó để ngỏ cánh cửa cho đủ

burns away the web, and therefore leaves the door open to all sorts of irregular forces and evil influences.

loại mãnh lực bất thường và ảnh hưởng xấu xa.

The second result is that these volatile constituents, in flowing through, somehow harden the atom so that its pulsation is to a large extent checked and crippled, and it is no longer capable of being vitalized by the particular type of force which welds it into a web. The result of this is a kind of ossification of the web, so that instead of having too much coming through from one plane to the other, we have very little of any kind coming through.

Hậu quả thứ hai là những thành phần bay hơi ấy, khi chảy qua, bằng cách nào đó làm cứng nguyên tử đến mức biên độ rung động của nó phần lớn bị kìm hãm và què quặt, và nó không còn có thể được tiếp sinh lực bởi kiểu mãnh lực đặc thù vốn dệt chúng thành một tấm lưới. Kết quả là một kiểu xơ cứng của tấm lưới, khiến thay vì có quá nhiều thứ đi từ cõi này sang cõi kia, thì gần như chẳng có gì đi qua được.

We may see the effects of both these types of deterioration in the case of men who yield themselves to drunkenness. Some of those who are affected in the former way fall into delirium tremens, obsession or insanity; but those are after all comparatively rare. Far more common is the second type of deterioration—the case in which we have a kind of general deadening down of the man's qualities, resulting in gross materialism, brutality and animalism, in the loss of all finer feelings and of the power to control himself. He no longer feels any sense of responsibility; he may love his wife and children when sober, but when the fit of drunkenness comes upon him he will use the money which should have bought bread for them to satisfy his own bestial cravings, the affection and the responsibility having apparently entirely disappeared.

Chúng ta có thể thấy các hiệu ứng của cả hai kiểu suy thoái này nơi những người tự phó mình cho cơn say sưa. Một số người bị ảnh hưởng theo cách thứ nhất rơi vào mê sảng run, bị ám nhập hay loạn trí; nhưng sau cùng những trường hợp như vậy tương đối hiếm. Phổ biến hơn nhiều là kiểu suy thoái thứ hai—trường hợp mà chúng ta thấy một kiểu làm tê liệt chung các phẩm tính của con người, dẫn đến duy vật thô kệch, hung bạo và thú tính, mất hết mọi cảm tình tinh tế và mất năng lực tự chủ. Y không còn cảm nhận chút ý thức trách nhiệm nào; có thể y yêu vợ con khi tỉnh táo, nhưng khi cơn say tràn tới, y sẽ dùng số tiền đáng lẽ mua bánh mì cho họ để thỏa mãn những dục vọng thú tính của chính y, dường như tình thương và trách nhiệm đã hoàn toàn biến mất.

The second type of effect is very commonly to be seen among those who are slaves of the tobacco habit; again and again we find that they persist in their self-indulgence even when they know perfectly well that it causes nausea and misery to their neighbors. We shall recognize the deterioration at once when

Kiểu hiệu ứng thứ hai rất thường thấy nơi những người làm nô lệ cho thói quen hút thuốc; hết lần này đến lần khác, chúng ta thấy họ vẫn cố chấp nuông chiều bản thân ngay cả khi họ biết rõ rằng điều đó gây buồn nôn và khổ sở cho những người quanh họ. Chúng ta sẽ nhận ra sự suy thoái ngay khi nghĩ rằng đây là

we think that this is the only practice in which a gentleman will persist when he is aware that it causes acute annoyance to others. Clearly in this case the finer feelings have already been seriously blunted.

thói quen duy nhất mà một người lịch sự vẫn cứ bám giữ dù biết rằng nó gây khó chịu gay gắt cho người khác. Rõ ràng trong trường hợp này các cảm quan tinh tế đã bị cùn nhụt nghiêm trọng.

All impressions which pass from one plane to the other are intended to come only through the atomic sub-planes, as I have said; but when this deadening process sets in, it presently infects not only other atomic matter, but matter of even the second and third sub-planes, so that the only communication between the astral and the etheric is when some force acting on the lower sub-planes (upon which only unpleasant and evil influences are to be found) happens to be strong enough to compel a response by the violence of its vibration.

Mọi ấn tượng đi từ cõi này sang cõi kia đều được định hướng chỉ đi qua các cõi phụ nguyên tử, như tôi đã nói; nhưng khi tiến trình làm tê liệt này khởi phát, rồi lan nhiễm không chỉ các chất nguyên tử khác mà còn cả chất của cõi phụ thứ hai và thứ ba, đến nỗi chỉ còn có sự thông tin giữa cõi cảm dục và cõi dĩ thái khi một mãnh lực tác động trên các cõi phụ thấp (trên đó chỉ có những ảnh hưởng khó chịu và xấu xa) tình cờ đủ mạnh để cưỡng bức đáp ứng bằng bạo lực rung động của nó.

Nevertheless, though nature takes such precautions to guard these centres, she by no means intends that they shall always be kept rigidly closed. There is a proper way in which they may be opened. Perhaps it would be more correct to say that the intention is not that the doors should be opened any wider than their present position, but that the man should so develop himself as that he can bring a great deal more through the recognized channel.

Tuy vậy, dù thiên nhiên đã có những đề phòng để bảo hộ các trung tâm này, ý định của thiên nhiên không phải là giữ chúng luôn đóng chặt. Có một cách đúng đắn để mở chúng. Có lẽ nói chính xác hơn là: ý định không phải mở các cánh cửa rộng hơn vị trí hiện tại, mà là để con người tự phát triển đến mức có thể đưa rất nhiều hơn nữa đi qua kênh đã được công nhận đó.

The consciousness of the ordinary man cannot yet use pure atomic matter either in the physical body or in the astral, and therefore there is normally no possibility for him of conscious communication at will between the two planes. The proper way to obtain that is to purify both the vehicles until the atomic matter in both is fully vivified, so that all communications between the two may be able to pass by that road. In that case the web retains to the fullest degree its position and activity, and yet is no longer a barrier to the perfect communication, while it

Tâm thức của người bình thường hiện chưa thể sử dụng chất nguyên tử thuần khiết cả trong thể xác lẫn thể cảm dục, vì vậy thông thường y không có khả năng giao tiếp có ý thức theo ý muốn giữa hai cõi. Cách đúng đắn để đạt điều đó là thanh luyện cả hai hiện thể cho đến khi chất nguyên tử trong cả hai được sinh động trọn vẹn, để mọi liên lạc giữa hai cõi có thể đi qua con đường ấy. Trong trường hợp đó, tấm lưới tiếp tục giữ trọn vị trí và hoạt động của nó, nhưng không còn là chướng ngại đối với sự thông giao hoàn hảo, đồng thời vẫn tiếp tục hoàn thành mục đích ngăn cản tiếp xúc

still continues to fulfill its purpose of preventing the close contact between lower sub-planes which would permit all sorts of undesirable influences to pass through.

gần giữa các cõi phụ thấp, vốn sẽ cho phép đủ loại ảnh hưởng bất hảo đi qua.

That is why we are always adjured to wait for the unfolding of psychic powers until they come in the natural course of events as a consequence of the development of character, as we see from the study of these force-centres that they surely will. That is the natural evolution; that is the only really safe way, for by it the student obtains all the benefits and avoids all the dangers. That is the Path which our Masters have trodden in the past; that therefore is the Path for us to-day.

Đó là lý do vì sao chúng ta luôn được khuyên răn hãy đợi cho đến khi các năng lực thông linh khai nở như hệ quả tự nhiên của sự phát triển lập hạnh, như chúng ta thấy từ việc nghiên cứu các trung tâm lực rằng chắc chắn sẽ như vậy. Đó là tiến hóa tự nhiên; đó là con đường thực sự an toàn duy nhất, vì theo đó đạo sinh nhận được mọi lợi ích và tránh được mọi hiểm nguy. Đó là Thánh Đạo mà các Chân sư đã từng đi trong quá khứ; do đó, ấy là Thánh Đạo cho chúng ta ngày nay.

OBSESSION AND INSANITY

ÁM NHẬP VÀ ĐIÊN LOẠN

We must distinguish carefully between obsession and insanity. The latter is a break in the connection between the ego and his vehicles, while the former is the ousting of the ego by some other entity. Only a weak ego would permit obsession—an ego, I mean, who had not much hold upon his vehicles. It is not as a rule true that children are more easily obsessed than adults, because though it is true that the hold of the ego upon its bodies is less strong in childhood, it is also true that the adult is far more likely to have in him qualities which attract undesirable entities and make obsession easy. In the case of a little child, any entity trying to obsess the body would have first to face the elemental who is in charge of the building of it, and he is not at all likely to succeed in ousting that. After the age of seven, when the elemental has been withdrawn, obsession might take place if the ego was very weak; but it is fortunately rare.

Chúng ta phải phân biệt cẩn thận giữa ám nhập và điên loạn. Điên loạn là sự đứt gãy trong mối nối giữa chân ngã và các hiện thể của y, trong khi ám nhập là việc chân ngã bị một thực thể nào đó chiếm chỗ. Chỉ một chân ngã yếu mới cho phép ám nhập—ý tôi là một chân ngã không nắm vững các hiện thể của mình. Theo lệ thường, không đúng khi nói rằng trẻ em dễ bị ám nhập hơn người lớn, vì dù đúng là sự nắm giữ của chân ngã trên các thể của nó kém mạnh ở tuổi ấu thơ, cũng đúng là người lớn có xác suất cao hơn nhiều sở hữu các phẩm tính thu hút những thực thể bất hảo và khiến việc ám nhập trở nên dễ dàng. Trong trường hợp một trẻ nhỏ, bất kỳ thực thể nào muốn tìm cách ám nhập thân thể đều trước hết phải đối mặt với hành khí phụ trách việc kiến tạo nó, và y hầu như không thể thành công trong việc đẩy bật hành khí ấy. Sau bảy tuổi, khi hành khí được rút đi, ám nhập có thể xảy ra nếu chân ngã quá yếu; nhưng điều ấy may mắn là hiếm.

Obsession may be permanent or temporary, and it is undertaken for various reasons. Often

Ám nhập có thể vĩnh viễn hoặc tạm thời, và nó được thực hiện vì nhiều lý do. Thường thì một

some dead person is filled with burning anxiety to come again into touch with the physical plane, generally for the satisfaction of the lowest and grossest desires, and in his desperate yearning he seizes upon any vehicle which he can steal. Sometimes, on the other hand, obsession is a definite and calculated act of revenge—not always upon the person obsessed. I knew a case in which man who hated another deliberately went to work to obtain control of and obsess his enemy's favorite daughter; I know also of another instance even worse than that. Sometimes the obsessing entity is not human at all, but only a nature-spirit who desires experience of human life. In any and all cases obsession should be determinedly resisted by the victim.

người đã chết bị nung nấu bởi nỗi khao khát mãnh liệt muốn tiếp xúc lại cõi hồng trần, thường là để thỏa mãn những dục vọng thấp hèn và thô lậu nhất, và trong nỗi khát khao tuyệt vọng, y chộp lấy bất kỳ vận cụ nào y có thể đánh cắp. Đôi khi, mặt khác, ám nhập là hành vi trả thù có chủ tâm và tính toán—không phải luôn luôn nhắm vào người bị ám nhập. Tôi biết một trường hợp trong đó một người ghét một kẻ khác, đã cố ý ra tay để giành kiểm soát và ám nhập cô con gái cưng của kẻ thù; tôi cũng biết một ví dụ khác còn tệ hơn thế. Đôi khi thực thể ám nhập hoàn toàn không phải là con người, mà chỉ là một tinh linh thiên nhiên muốn trải nghiệm đời sống con người. Trong mọi trường hợp, nạn nhân nên kiên quyết chống lại sự ám nhập.

Insanity is an entirely different matter. Let us try to look at it from the occult point of view. Every cell in the physical brain and every particle of its matter has its corresponding and interpenetrating astral matter; and behind (or rather within) that, it has also the still finer mental matter. Of course the brain is a cubical mass, but for the purposes of our examination let us suppose that it could be spread out upon a surface so that it should be only one particle thick. Then further suppose that the astral and mental matter belonging to it could also be laid out in layers in a similar manner, the astral layer a little above the physical, and the mental a little above the astral.

Điên loạn lại là một chuyện hoàn toàn khác. Chúng ta hãy thử nhìn nó từ quan điểm huyền bí. Mỗi tế bào trong bộ não hồng trần và mỗi hạt chất liệu của nó đều có chất liệu cảm dục tương ứng và xuyên thấu nó; và phía sau (hay đúng hơn là bên trong) chất liệu ấy, nó còn có cả chất liệu trí tuệ tinh tế hơn nữa. Dĩ nhiên bộ não là một khối lập phương, nhưng cho mục đích khảo sát, chúng ta giả định nó có thể được trải ra trên một mặt phẳng sao cho chỉ dày một hạt. Rồi giả định thêm rằng chất liệu cảm dục và trí tuệ thuộc về nó cũng có thể được dàn thành từng lớp theo cách tương tự, lớp cảm dục ở hơi phía trên lớp hồng trần, và lớp trí tuệ ở hơi phía trên lớp cảm dục.

Then we should have three layers of matter of different degrees of density, all corresponding one to the other. Now suppose that each physical particle is joined to the corresponding astral particle by a little tube, and each astral particle is joined to its corresponding mental particle in the same way, and even (higher up still) each mental particle to something which corresponds to it

Như thế, chúng ta sẽ có ba lớp chất liệu với các mức độ đậm đặc khác nhau, tất cả tương ứng lớp này với lớp kia. Giờ giả định rằng mỗi hạt hồng trần được nối với hạt cảm dục tương ứng bằng một ống nhỏ, và mỗi hạt cảm dục lại được nối với hạt trí tuệ tương ứng theo cùng cách, và thậm chí (ở cao hơn nữa) mỗi hạt trí tuệ nối với một điều gì tương ứng với nó trong thể nguyên nhân. Chừng nào các ống này được

in the causal body. So long as these tubes were perfectly in alignment there would be clear communication between the ego and his brain; but if any one of the sets of tubes were bent, closed, or knocked partially aside, it is obvious that the communication might be wholly or partially interrupted.

chỉnh hợp hoàn hảo, sẽ có sự thông giao rõ ràng giữa chân ngã và bộ não của y; nhưng nếu bất kỳ một nhóm ống nào bị bẻ cong, bị đóng lại, hoặc bị hất lệch phần nào, rõ ràng là sự thông giao có thể bị gián đoạn hoàn toàn hay một phần.

From the occult standpoint, therefore, we divide the insane into four great classes, each of course having many sub-divisions.

Do đó, từ quan điểm huyền bí, chúng ta chia người điên thành bốn loại lớn, mỗi loại dĩ nhiên có nhiều phân nhóm.

Those who are insane merely from a defect of the dense physical brain—from its insufficient size, perhaps, or from some accident like a heavy blow, or some growth which causes pressure upon it or from gradual softening of the tissue.

Những người điên chỉ vì khuyết tật của bộ não hồng trần đậm đặc—chẳng hạn kích thước không đủ, hay do một tai nạn như một cú đánh nặng, hoặc một u bướu gây chèn ép lên nó, hay do sự mềm dần của mô.

Those whose defect is in the etheric part of the brain, so that its particles no longer correspond perfectly with the denser physical particles, and so cannot properly bring through the vibrations from the higher vehicles.

Những người có khuyết tật nơi phần dĩ thái của bộ não, khiến các hạt của nó không còn tương ứng hoàn hảo với các hạt hồng trần đậm đặc hơn, và vì vậy không thể truyền đưa đúng đắn các rung động từ những hiện thể cao hơn.

Those in whom the astral body is defective instead of the etheric—in whom its tubes are bent, as it were, so that there is a want of accurate adjustment between its particles and those of the vehicles either above or below it.

Những người có thể cảm dục bị khuyết tật thay vì phần dĩ thái—trong đó các "ống" bị bẻ cong, như thể có sự thiếu chỉnh hợp chính xác giữa các hạt của nó với các hạt của các hiện thể bên trên hay bên dưới nó.

Those in whom the mind-body itself is in some way out of order, and consequently is unable to bring through the instructions or wishes of the ego.

Những người mà chính thể trí của họ bị trục trặc theo một cách nào đó, nên không thể truyền đưa các chỉ thị hay ý chí của chân ngã.

It makes a very great difference to which of these classes an insane person belongs. Those of the first and second types are quite sensible when out of the body during sleep, and of course also after death, so that the ego loses only the expression of himself during walking life. Those of the third type do not recover until they reach the heaven-world, and the

Việc một người điên thuộc loại nào trong các loại này tạo nên khác biệt rất lớn. Những người thuộc hạng thứ nhất và thứ hai hoàn toàn tỉnh táo khi xuất ra khỏi xác trong giấc ngủ, và dĩ nhiên cũng thế sau khi chết, cho nên chân ngã chỉ mất đi sự biểu hiện của chính mình trong đời sống thức. Những người thuộc hạng thứ ba không hồi phục cho đến khi họ đạt tới cõi

fourth class not until they return into the causal body; so that for this last class the incarnation is a failure. But fortunately more than ninety per cent of the insane belong to the first and second classes.

thượng thiên, và hạng thứ tư thì không cho đến khi họ trở về thể nguyên nhân; vì vậy đối với hạng cuối cùng, lần lâm phàm coi như thất bại. Nhưng may mắn thay, hơn chín mươi phần trăm người điên thuộc hai hạng thứ nhất và thứ hai.

Three questions are asked upon the unsavory subject of obsession; I will proceed to answer them. The first is: "What is the best way to get rid of an excarnate human being who persists in occupying one's body?"

Ba câu hỏi thường được nêu ra về đề tài chẳng mấy dễ chịu là ám nhập; tôi sẽ lần lượt trả lời. Câu thứ nhất: "Cách tốt nhất để thoát khỏi một người đã bỏ xác cứ khăng khăng chiếm dụng thân thể của mình là gì?"

I should simply and absolutely decline to be so obsessed. The best and kindest plan would be to have an explanation with the dead person, to enquire what he wants and why he makes such persistent attempts. Quite probably, he may be some ignorant soul who does not at all comprehend his new surroundings, and is striving madly to get into touch again with the only kind of life that he understands. In that case if matters are explained to him, he may be brought to a happier frame of mind and induced to cease his ill-directed efforts. Or the poor creature may have something on his mind—some duty unfulfilled or some wrong unrighted; if this be so, and the matter can be arranged to his satisfaction, he may then be at peace.

Tôi sẽ dứt khoát và tuyệt đối từ chối để bị ám nhập như thế. Kế sách tốt nhất và nhân từ nhất là cùng người đã chết ấy giải thích, hỏi xem y muốn gì và vì sao y lại kiên trì những toan tính như vậy. Nhiều khả năng y chỉ là một linh hồn u tối, hoàn toàn không hiểu hoàn cảnh mới của mình, và đang điên cuồng cố bám víu trở lại kiểu đời sống duy nhất mà y hiểu. Trong trường hợp đó, nếu mọi việc được giải thích cho y, y có thể được đưa vào một tâm trạng thư thái hơn và được thuyết phục chấm dứt những nỗ lực sai hướng. Hoặc sinh linh tội nghiệp ấy có điều gì đó canh cánh—một bổn phận chưa tròn hay một lỗi lầm chưa được sửa; nếu như vậy, và điều đó có thể được thu xếp làm y thỏa ý, y có thể sẽ an tâm.

If, however, he proves not to be amenable to reason, if in spite of all argument and explanation he refuses to abandon his reprehensible line of action, it will be necessary gently but firmly to resist him. Every man has an inalienable right to the use of his own vehicle, and encroachments of this nature should not be permitted. If the lawful possessor of the body will confidently assert himself and use his own will-power no obsession can take place.

Tuy nhiên, nếu y tỏ ra không chịu nghe lẽ phải, nếu bất chấp mọi lý lẽ và giải thích y vẫn từ chối từ bỏ đường lối đáng quở trách của mình, thì cần nhẹ nhàng nhưng kiên quyết chống lại y. Mỗi người đều có quyền bất khả xâm phạm với việc sử dụng vận cụ của chính mình, và không nên cho phép những xâm phạm theo kiểu này. Nếu người chủ chính đáng của thân xác tự tin khẳng định mình và dùng quyền lực ý chí của chính mình, sẽ không thể xảy ra ám nhập.

When such things occur, it is almost always

Khi những việc như vậy diễn ra, gần như luôn

because the victim has in the first place yielded himself to the invading influence, and his first step therefore is to reverse that act of submission, to determine strongly to take matters into his own hands again and to resume control over his property. It is this reassertion of himself that is the fundamental requirement, and though much help may be given by wise friends, nothing which they can do will take the place of the development of will-power on the part of the victim, or obviate the necessity for it. The exact method of procedure will naturally vary according to the details of the case.

là vì nạn nhân ban đầu đã tự phó mình cho ảnh hưởng xâm nhập, nên bước đầu tiên của y là đảo ngược hành động quy phục ấy, quyết tâm mạnh mẽ giành lại quyền kiểm soát và tái nắm quyền làm chủ tài sản của mình. Chính sự tái khẳng định bản thân này là điều kiện căn bản, và dù bạn bè khôn ngoan có thể trợ giúp nhiều, thì không điều gì họ làm có thể thay thế cho sự phát triển năng lực ý chí nơi chính nạn nhân, hay miễn trừ sự tất yếu của điều đó. Phương cách tiến hành cụ thể sẽ dĩ nhiên thay đổi tùy theo chi tiết của từng trường hợp.

The second question runs thus: “I have long been troubled by entities who constantly suggest evil ideas and make use of coarse and violent language. They are always urging me to take strong drink, and goading me on to the consumption of large quantities of meat. I have prayed earnestly, but with little avail, and am driven to my wits’ end. What can I do?”

Câu hỏi thứ hai như sau: “Lâu nay tôi bị quấy rầy bởi những thực thể luôn gợi ý các ý tưởng xấu xa và dùng lời lẽ thô tục, hung bạo. Họ luôn xúi giục tôi uống rượu mạnh và thúc giục tôi ăn nhiều thịt. Tôi đã cầu nguyện khẩn thiết, nhưng chẳng được bao nhiêu, đến nỗi cùng đường bế tắc. Tôi có thể làm gì?”

You have indeed suffered greatly; but now you must make up your mind to suffer no more. You must take courage and make a firm stand. The power of these dead people over you is only in your fear of them. Your own will is stronger than all theirs combined if you will only know that it is; if you turn upon them with vigor and determination they must yield before you. You have an inalienable right to the undisturbed use of your own vehicles, and you should insist on being left in peace. You would not tolerate an intrusion of filthy and disgusting beings into your house on the physical plane; why should you submit to it because the entities happen to be astral? If an indolent tramp forces himself into a man’s house, the owner does not kneel down and pray—he kicks the tramp out; and that is precisely what you must do with these astral

Quả thực bạn đã chịu khổ nhiều; nhưng bây giờ bạn phải quyết tâm không khổ nữa. Bạn phải can đảm và đứng vững. Quyền lực của những người đã chết này trên bạn chỉ nằm ở nỗi sợ của bạn đối với họ. Ý chí của chính bạn mạnh hơn tất cả bọn họ cộng lại nếu bạn chịu biết như thế; nếu bạn quay lại đối diện họ bằng nghị lực và quyết đoán, họ ắt phải chịu thua bạn. Bạn có quyền bất khả xâm phạm đối với việc sử dụng yên bình các hiện thể của bạn, và bạn nên kiên quyết đòi được để yên. Bạn sẽ không chấp nhận sự xâm nhập của những sinh thể thô bẩn, ghê tởm vào nhà mình trên cõi hồng trần; vậy vì sao bạn lại chịu khuất phục chỉ vì các thực thể đó tình cờ là cảm dục? Nếu một kẻ lang thang biếng nhác xông vào nhà một người, chủ nhà không quỳ xuống cầu nguyện—ông ta đá tên lang thang ra ngoài; và đó chính xác là điều bạn phải làm với những kẻ

tramps.

lang thang nơi cõi cảm dục này.

You will no doubt say to yourself that when I give you this advice I do not know the terrible power of the particular demons who are afflicting you. That is exactly what they would like you to believe—what they will try to make you believe; but do not be so foolish as to listen to them. I know the type perfectly, and mean, despicable, bullying villains they are; they will torment a weak woman for months together, but will fly in cowardly terror the moment you turn upon them in righteous anger! I should just laugh at them, but I would drive them out, and hold not a moment's parley with them. Of course they will bluster and show fight, because you have let them have their own way for so long that they will not tamely submit to expulsion; but face them with iron determination, set your will against them like an immovable rock, and down they will go. Say to them: "I am a spark of the divine fire, and by the power of the God within me I order you to depart!" Never let yourself think for an instant of the possibility of failure or of yielding; God is within you and God cannot fail.

Hẳn bạn sẽ tự nhủ rằng khi tôi đưa ra lời khuyên này là vì tôi không biết quyền lực khủng khiếp của các "ác quỷ" cụ thể đang hành hạ bạn. Đó chính xác là điều họ muốn bạn tin—điều họ sẽ cố khiến bạn tin; nhưng đừng dại dột mà nghe họ. Tôi biết rõ kiểu này, thứ ác nhân hèn mọn, đê tiện, ức hiếp; chúng sẽ hành hạ một người phụ nữ yếu đuối suốt nhiều tháng trời, nhưng sẽ bay trốn trong nỗi khiếp đảm hèn hạ ngay khoảnh khắc bạn quay lại đối đầu chúng bằng cơn phẫn nộ chính nghĩa! Tôi sẽ chỉ cười vào mặt chúng, nhưng tôi sẽ xua đuổi chúng ra ngoài, và không đàm phán với chúng lấy một giây. Dĩ nhiên chúng sẽ hò hét và hung hăng, bởi vì bạn đã để chúng muốn làm gì thì làm quá lâu đến nỗi chúng sẽ không ngoan ngoãn chịu bị trục xuất; nhưng hãy đối diện chúng bằng ý chí sắt đá, đặt ý chí của bạn chống lại chúng như một tảng đá bất lay chuyển, và chúng sẽ sụp đổ. Hãy nói với chúng: "Ta là một tia lửa của ngọn lửa thiêng, và nhờ quyền năng của Thượng đế trong ta, ta truyền lệnh cho các ngươi phải rời đi!" Đừng để mình nghĩ dù chỉ trong thoáng chốc về khả năng thất bại hay quy phục; Thượng đế ở trong bạn và Thượng đế không thể thất bại.

The fact of their demanding meat shows what low and coarse entities they are; you should avoid all flesh food and alcohol, because these things minister to such evil beings and make it more difficult for you to resist them.

Việc chúng đòi thịt cho thấy chúng là những thực thể thấp hèn và thô lậu; bạn nên tránh mọi đồ ăn xác chết và rượu, vì những thứ này nuôi dưỡng các sinh thể xấu xa như thế và khiến bạn khó chống lại chúng hơn.

The third question is: "If it is possible for a man to become obsessed while he has temporarily lost control of his body during a fit of anger, is it not also possible for obsession to take place when one is out of the body during sleep?"

Câu hỏi thứ ba: "Nếu một người có thể bị ám nhập trong khi tạm thời mất kiểm soát thân thể mình trong một cơn giận dữ, vậy chẳng phải cũng có thể xảy ra ám nhập khi người ta xuất khỏi thân trong giấc ngủ sao?"

I would submit that the circumstances are entirely different. Sleep is a natural condition,

Tôi xin thưa rằng hoàn cảnh hoàn toàn khác nhau. Giấc ngủ là một trạng thái tự nhiên, và

and though the ego leaves the body, he always maintains a close connection with it, so that under ordinary circumstances he would quickly be recalled to it by any attempt that might be made upon it. There are individual cases in which the ego is not so easily recalled, and a sort of temporary obsession is possible which may cause somnambulism, but these cases are abnormal and comparatively rare. A fit of anger on the other hand is unnatural—an infraction of the natural laws under which we live. In this case it is the astral which has escaped from control; the desire-elemental has rebelled against his master and has broken away from the hold of the ego exercised through the mental body, which alone keeps him safe as part of an astral mechanism. The rightful owner being dispossessed, the astral body is in the condition of a vessel whose helm has been abandoned; anyone who happens to be at hand can seize the wheel, and it may be a difficult matter to recover it.

dù chân ngã rời thân, y vẫn luôn duy trì mối nối chặt chẽ với nó, nên trong hoàn cảnh bình thường y sẽ nhanh chóng được gọi về thân xác bởi bất kỳ nỗ lực nào có thể xảy ra nhằm chiếm đoạt nó. Có những trường hợp cá biệt trong đó chân ngã không dễ được gọi về, và một dạng ám nhập tạm thời có thể xảy ra gây ra mộng du, nhưng những trường hợp này là bất thường và tương đối hiếm. Mặt khác, một cơn giận dữ là không tự nhiên—là sự vi phạm các định luật tự nhiên mà chúng ta sống theo. Trong trường hợp này, cái thoát khỏi kiểm soát là thể cảm dục; dục-ngã đã nổi loạn chống lại chủ của nó và đã thoát khỏi sự kềm giữ của chân ngã vốn được thực thi qua thể trí, điều duy nhất giữ cho nó an toàn như một phần của cơ cấu cảm dục. Khi người chủ chính đáng bị truất quyền, thể cảm dục ở trong tình trạng của một con tàu mà tay lái đã bị bỏ mặc; bất kỳ ai tình cờ ở gần đều có thể nắm tay lái, và có thể rất khó để giành lại.

SLEEP

I am asked what is the real cause of sleep.

I have not the detailed physiological knowledge which is needed to answer this question fully. But I have always understood that the necessity of sleep is due to the fact that the bodies grow tired of one another. The astral vehicle, which so far as we know is practically incapable of fatigue upon its own plane, since it can work incessantly for twenty years without showing signs of it, very soon becomes tired of the heavy labour of moving the particles of the physical brain, and needs a considerable period of separation from it to enable it to gather strength to resume the irksome task.

GIẤC NGỦ

Người ta hỏi tôi nguyên nhân thật sự của giấc ngủ là gì.

Tôi không có tri thức sinh lý chi tiết để trả lời trọn vẹn câu hỏi này. Nhưng tôi vẫn hiểu rằng nhu cầu ngủ là do các thể mệt mỏi vì nhau. Thể cảm dục—vốn, theo như chúng ta biết, gần như không thể mệt mỏi trên cõi của chính nó, vì nó có thể làm việc liên tục hai mươi năm mà không biểu lộ dấu hiệu mệt mỏi—lại chóng chày chán nản trước lao tác nặng nề là chuyển động các hạt của bộ não hồng trần, và cần một khoảng phân ly đáng kể với nó để gom sức mà tiếp tục gánh việc khó nhọc ấy.

The physical body, on its side, also becomes worn out, because while it is in a waking condition it is always spending force a little faster than it can draw it in. With every thought or feeling, and with every muscular exertion, certain slight chemical changes appear to take place. The ordinary machinery of a healthy body is all the while working to counteract this change and to restore the condition previously existing, but in this it never quite succeeds. So that with every thought or action there is a slight, almost imperceptible loss, and the cumulative effect eventually leaves the physical body too exhausted to be capable of further thought or work. In some cases even a few moments of sleep will give the recuperative powers an opportunity to reassert themselves and regain the ground that they have lost, thus restoring the balance sufficiently to enable the machine to go on working.

Về phần mình, thân thể hồng trần cũng bị hao mòn, vì trong trạng thái thức, nó luôn tiêu hao mãnh lực nhanh hơn một chút so với tốc độ thu nhận. Với mỗi ý nghĩ hay cảm xúc, và với mọi nỗ lực cơ bắp, dường như có những biến đổi hóa học nhẹ xảy ra. Bộ máy thông thường của một thân thể khỏe mạnh vẫn luôn làm việc để phản công biến đổi này và khôi phục trạng thái trước đó, nhưng nó không bao giờ hoàn toàn thành công. Bởi vậy, với mỗi ý nghĩ hay hành động đều có một hao hụt nhẹ gần như không thể nhận thấy, và hiệu ứng tích lũy cuối cùng khiến thân thể hồng trần kiệt quệ đến mức không còn có khả năng tư duy hay làm việc thêm nữa. Trong một số trường hợp, chỉ vài khoảnh khắc ngủ cũng đủ tạo cơ hội cho năng lực hồi phục tự khẳng định lại và giành lại phần đã mất, qua đó khôi phục thăng bằng đủ để cỗ máy tiếp tục hoạt động.

Students often ask what is the best time for sleep. Unquestionably the rule of nature is that the day is for work and the night is for rest, and no infringement of nature's laws can ever be a good thing. One of the serious evils of our modern unnatural life is that noon is no longer, as it should be, the centre of the day. If a man lived by himself and could regulate his own affairs he could, no doubt, return at once to that obviously natural condition; but, surrounded as we are by a mighty so-called civilization which is in many ways distorted and unnatural, we are unable to follow our individual predilections in this matter, and must to some extent adapt ourselves to the general custom, evil though it be.

Đạo sinh thường hỏi thời điểm nào là tốt nhất cho giấc ngủ. Không nghi ngờ gì, định luật của thiên nhiên là ban ngày để làm việc và ban đêm để nghỉ ngơi, và không sự vi phạm nào các định luật của thiên nhiên lại có thể là điều tốt. Một trong những điều ác nghiêm trọng của lối sống hiện đại phản tự nhiên của chúng ta là buổi trưa không còn, như lẽ ra phải thế, là trung tâm của một ngày. Nếu một người sống một mình và có thể điều tiết công việc riêng của mình, y hẳn có thể trở lại tình trạng hiển nhiên là tự nhiên đó; nhưng vì bị vây quanh bởi một nền "văn minh" hùng hậu, được gọi là văn minh, vốn theo nhiều cách méo mó và phản tự nhiên, chúng ta không thể theo các thiên hướng riêng trong vấn đề này, và buộc phải phần nào thích nghi với tập quán chung, dẫu nó có xấu xa đi nữa.

It is impossible to lay down rules as to the amount of sleep which is necessary for man, because there is so much difference in

Không thể đặt ra quy tắc về lượng giấc ngủ cần thiết cho con người, vì cơ địa khác nhau quá nhiều; nhưng khi có thể, giấc ngủ nên diễn ra

constitutions; but when it is possible that sleep should be taken between 8 P. M. and 5 A. M. Some men need the whole of that time, while others may find themselves perfectly healthy on a smaller allowance. Such details of life each man must decide for himself according to his circumstances.

trong khoảng 8 giờ tối đến 5 giờ sáng. Có người cần trọn khoảng thời gian ấy, trong khi người khác có thể vẫn hoàn toàn khỏe mạnh với phần ít hơn. Những chi tiết như vậy, mỗi người phải tự quyết theo hoàn cảnh riêng.

People often ask whether there is any way in which they can control their dreams. The dreamer cannot usually change the course of his dream while it is going on; but the dream-life can indirectly be controlled to a very considerable extent. If a man's thought be pure and high while waking, his dreams will be pure and good also, and a specially important point is that his last thought as he sinks to sleep should be a noble and elevating one, since that strikes the keynote which largely determines the nature of the dreams which follow. An evil or impure thought draws round the thinker evil and impure influences, attracts to him all the gross and loathsome creatures who come near him. These will, in turn, react upon his mind and his astral body, and disturb his rest by awakening all kinds of low and earthly desires. If, on the other hand, a man enters the portals of sleep with his mind fixed upon high and holy things, he thereby draws round him the elementals created by like efforts in others; his rest is peaceful, his mind open to impressions from above and closed to those from below, for he has set it working in the right direction.

Người ta thường hỏi có cách nào để kiểm soát giấc mơ của họ không. Người đang mơ thường không thể thay đổi diễn tiến của giấc mơ trong khi nó diễn ra; nhưng đời sống mộng mơ có thể gián tiếp được kiểm soát ở mức độ rất đáng kể. Nếu tư tưởng của một người trong lúc thức trong sạch và cao thượng, thì giấc mơ của y cũng sẽ trong sạch và tốt đẹp; và điểm đặc biệt quan trọng là ý nghĩ cuối cùng khi chìm vào giấc ngủ nên là một ý tưởng cao quý và nâng tâm, vì nó gõ nên chủ âm phần lớn quyết định bản chất các giấc mơ theo sau. Một ý nghĩ tà ác hoặc ô uế sẽ kéo về quanh người tư duy những ảnh hưởng tà ác và ô uế, lôi kéo đến với y tất cả những sinh vật thô kệch và gớm ghiếc đến gần. Những thứ đó sẽ, đến lượt mình, tác động ngược lên tâm trí và thể cảm dục của y, và quấy rối giấc nghỉ của y bằng cách đánh thức đủ loại dục vọng thấp hèn, trần tục. Mặt khác, nếu một người bước qua cánh cổng của giấc ngủ với tâm trí đặt vào những điều cao cả và thiêng liêng, y bởi vậy sẽ kéo đến quanh mình các hành khí được tạo bởi những nỗ lực tương tự nơi những người khác; giấc nghỉ của y sẽ yên bình, tâm trí mở ra với ấn tượng từ trên cao và khép lại với những gì từ dưới thấp, vì y đã đặt nó vận hành theo đúng hướng.

The dreaming of ordinary events does not interfere with astral work, because that dreaming is all taking place in the physical brain, while the real man is away attending to other business. Of course if the man, when out in his astral body, devotes himself to thinking over the events of his physical life, he will be unable during the time of such thought to do

Việc mơ về những sự kiện thông thường không cản trở công việc trên cõi cảm dục, vì việc mơ ấy hoàn toàn diễn ra trong bộ não hồng trần, trong khi con người thật đang rời khỏi đó để lo những công việc khác. Dĩ nhiên, nếu con người, khi ở trong thể cảm dục, dành tâm trí để nghĩ ngợi về những sự kiện đời sống hồng trần của mình, y sẽ không thể làm bất cứ

any other work, but that is a totally different thing from a mere ordinary dream of the physical brain, though when the man wakes in the morning it is frequently difficult for him to distinguish between the two sets of recollections. It really does not matter what the physical brain does so long as it keeps itself free from impure thoughts, but it is undesirable that the man himself should waste his time in introspection when he might be working on the astral plane.

công việc nào khác trong khoảng thời gian ấy; nhưng đó là một chuyện hoàn toàn khác với giấc mơ bình thường của bộ não hồng trần, tuy rằng khi thức dậy buổi sáng, người ta thường khó phân biệt giữa hai loại ký ức. Thực sự thì bộ não hồng trần làm gì cũng không quan trọng miễn là nó giữ mình khỏi những ý nghĩ ô uế; nhưng không mong muốn là chính con người lại lãng phí thời gian vào việc nội quan khi y có thể làm việc trên cõi cảm dục.

SOMNAMBULISM

MỘNG DU

You ask what is the cause of sleep-walking. I have never had the opportunity of observing a case of somnambulism, so I am unable to speak from direct knowledge; but from reading accounts of such cases I should imagine that the phenomena may be produced by several widely different causes. There are instances in which it appears that the ego is able to act more directly upon his physical body during the absence of the intermediate mental and astral vehicles—instances in which a man during his sleep is able to write poetry or to paint pictures which would be far beyond his powers when awake.

Bạn hỏi nguyên nhân của chứng đi trong lúc ngủ là gì. Tôi chưa từng có cơ hội quan sát trực tiếp một trường hợp mộng du, nên không thể nói từ tri thức trực tiếp; nhưng từ việc đọc các tường thuật về những trường hợp như vậy, tôi cho rằng các hiện tượng ấy có thể được tạo ra bởi vài nguyên nhân rất khác nhau. Có những trường hợp dường như chân ngã có thể tác động trực tiếp hơn trên thể xác của mình trong lúc vắng mặt của các hiện thể trung gian là thể trí và thể cảm dục—những trường hợp trong đó một người khi ngủ có thể viết thơ hay vẽ tranh vượt xa khả năng của y khi thức.

There are other cases in which it is obvious that the dim consciousness inherent in the physical body is working uncontrolled by the man himself, so that it performs quite meaningless acts, or carries out to some extent the idea which was dominant in the mind before falling asleep. To this class belong the stories of servants who have risen in the middle of the night to light the fire, of ostlers who have harnessed horses in their sleep, and so on.

Có những trường hợp khác trong đó hiển nhiên là cái tâm thức mờ nhạt cố hữu trong thân thể hồng trần hoạt động mà không bị con người thật kiểm soát, đến nỗi nó thực hiện những hành vi hoàn toàn vô nghĩa, hoặc phần nào thực thi ý nghĩ đã chiếm ưu thế trong tâm trí trước khi ngủ. Nhóm này bao gồm những câu chuyện về người hầu dậy giữa đêm để nhóm lửa, về người đóng cương ngựa trong giấc ngủ, v.v.

Again, there are cases in which some outside intelligence, whether incarnate or discarnate, has seized upon the body of a sleeping man

Lại nữa, có những trường hợp một trí tuệ bên ngoài nào đó, dù đang lâm phàm hay đã bỏ xác, đã chiếm lấy thân thể của một người đang

and used it for his own ends. This would be most likely to happen with a person who is what is called mediumistic—that is to say, whose principles are more loosely joined together than usual, and therefore more readily separable; but oddly enough there seems to be a type of somnambulism which is due to a directly opposite condition, when the principles fit more tightly than usual, so that when the man would naturally visit some neighboring spot in his astral body, he takes the physical body along with him as well, because he is not wholly dissociated from it. Somnambulism is probably also connected with the whole complex problem of the various layers of consciousness in man, which under perfectly normal circumstances are unable to manifest themselves.

ngủ và dùng nó cho mục đích riêng. Điều này có nhiều khả năng xảy ra với một người có cơ tánh đồng tử—nghĩa là các nguyên khí của y được nối với nhau lỏng lẻo hơn thường lệ, do đó dễ tách rời hơn; nhưng lạ lùng thay, dường như có một kiểu mộng du do một tình trạng đối nghịch trực tiếp, khi các nguyên khí khớp với nhau chặt hơn thường lệ, đến mức khi người ấy theo lẽ tự nhiên sẽ viếng thăm một nơi lân cận bằng thể cảm dục, y lại mang cả thân thể hồng trần theo cùng, vì y không hoàn toàn li tách khỏi nó. Mộng du có lẽ cũng liên hệ với toàn bộ vấn đề phức tạp về các tầng tâm thức khác nhau trong con người, những tầng vốn, trong hoàn cảnh hoàn toàn bình thường, không thể tự biểu lộ.

THE PHYSICAL BODY

Physical immortality is not a possibility, for that which has a beginning must also have an end, and birth, growth, decay and death are the rules of the physical universe. No reasonable being could desire to retain the same body continuously; it is precisely as though a small child should wish to wear the same suit of clothes during the whole of his life. As man evolves, his successive vehicles will become purer and nobler, and better fitted to meet the needs of his increasing capacity, so that even if a man could keep the same body he would check his growth by doing so, just as the child's growth would be checked by always wearing something of iron rigidity which was much too tight for him.

At the same time it is our duty to take the best possible care of our bodies and to improve them as much as we can. Never ill-treat the physical body. Take care of it as you would of a valuable horse, giving it enough rest and food, and keeping it scrupulously clean. It can

THỂ XÁC

Bất tử thể xác không phải là một khả thể, vì cái gì có khởi đầu thì cũng phải có kết thúc, và sinh, trưởng, lão, tử là quy luật của vũ trụ hồng trần. Không một hữu thể có lý trí nào lại muốn giữ mãi cùng một thân thể; điều ấy chẳng khác nào một đứa trẻ nhỏ muốn mặc cùng một bộ quần áo suốt đời. Khi con người tiến hóa, các vận cụ kế tiếp của y sẽ trở nên tinh khiết và cao đẹp hơn, thích hợp hơn để đáp ứng nhu cầu năng lực đang gia tăng của y, đến nỗi ngay cả nếu một người có thể giữ cùng một thân thể, y sẽ kìm hãm sự tăng trưởng của mình bằng cách làm như vậy, giống như sự tăng trưởng của đứa trẻ sẽ bị kìm hãm bởi việc luôn mặc một thứ cứng như sắt, chật bó quá mức.

Đồng thời, bổn phận của chúng ta là chăm sóc thân thể của mình tốt nhất có thể và cải thiện nó hết mức có thể. Đừng bao giờ ngược đãi thể xác. Hãy chăm sóc nó như bạn chăm một con ngựa quý, cho nó đủ nghỉ ngơi và thức ăn, và giữ gìn nó tuyệt đối sạch sẽ. Nó chỉ có thể làm

do only a certain amount of work; for example, a very strong body might walk a hundred miles without resting but it could not walk a thousand. In meditation put it into a comfortable position and then forget about it. You cannot forget it if it is uncomfortable, as it would constantly call you back.

một lượng công việc nhất định; ví dụ, một thân thể rất khỏe có thể đi bộ một trăm dặm không nghỉ nhưng không thể đi một nghìn dặm. Khi tham thiền, hãy đặt nó vào tư thế thoải mái rồi quên nó đi. Bạn không thể quên nó nếu nó không thoải mái, vì nó sẽ liên tục kéo bạn trở lại.

What should you eat? Well, so long as you avoid alcohol and corpse-eating it probably does not matter very much. Certain vegetables are coarser than others, and therefore when there is a choice it is as well to abstain from them. Among those I should class onions, mushrooms and cabbages. Rice is very pure food, but wheat, barley and oats give more nutriment in the same amount. I consider eggs undesirable, though I should unhesitatingly take them if no other food was to be had.

Bạn nên ăn gì? Vâng, miễn là bạn tránh rượu và ăn xác chết thì có lẽ cũng không quá quan trọng. Một số rau củ thô trược hơn những thứ khác, vì vậy khi có lựa chọn, tốt hơn là nên kiêng chúng. Trong số đó tôi xếp hành, nấm và bắp cải. Gạo là thực phẩm rất tinh khiết, nhưng lúa mì, lúa mạch và yến mạch cung cấp nhiều dưỡng chất hơn trong cùng một lượng. Tôi cho rằng trứng là không nên, dù nếu không còn thực phẩm nào khác, tôi sẽ không do dự mà dùng.

There is no sort of question that vegetarianism is better in every way than the devouring of flesh. It furnishes more real nutriment, diminishes the liability to disease, gives greater strength, and does not stimulate the lower nature. The vegetarian diet makes it far easier for a man to develop his higher qualities. It is known that our Masters make a single physical body last much longer than an ordinary man can do, by living always in accordance with hygienic laws and absolute freedom from worry. In that respect we should all try to copy them as nearly as we can, but to endeavour to retain the same body indefinitely has always been a mark of those who follow the selfish path.

Không có gì phải nghi ngờ rằng ăn chay tốt hơn mọi bề so với nuốt xác thịt. Nó cung cấp dưỡng chất thực nhiều hơn, giảm nguy cơ bệnh tật, cho sức mạnh lớn hơn, và không kích thích bản chất thấp. Chế độ ăn chay giúp con người dễ phát triển các phẩm tính cao hơn nhiều. Người ta biết rằng các Chân sư giữ một thân thể hồng trần dài lâu hơn nhiều so với người thường, nhờ luôn sống thuận theo các định luật vệ sinh và tuyệt đối không lo lắng. Ở điểm đó, tất cả chúng ta nên cố gắng noi theo Các Ngài gần nhất có thể, nhưng nỗ lực giữ mãi cùng một thân thể vô hạn định thì xưa nay luôn là dấu hiệu của những kẻ đi theo con đường ích kỷ.

There are various undesirable means by which such men have prolonged physical life —sometimes by vampirism, merely depleting the vitality of others, and sometimes by the complete transference to themselves of a succession of other human lives. But it is

Có nhiều phương tiện bất hảo để những kẻ ấy kéo dài đời sống hồng trần—đôi khi bằng tà thuật hút sinh lực, chỉ đơn giản là làm cạn sinh khí của kẻ khác, đôi khi bằng việc chuyển giao hoàn toàn cho mình một chuỗi đời người khác. Nhưng hầu như không cần phải cảnh báo các

hardly necessary to warn Theosophists against proceedings of this nature. It is obvious that a person adopting such a plan would be one who is *not* evolving; and even if he succeeded he would only be as it were patching and enlarging an old coat, but with all his efforts it would remain an old coat still.

hội viên Thông Thiên Học về những cách thức như vậy. Rõ ràng người chọn kế sách như thế là kẻ *không* tiến hóa; và dẫu có thành công, y cũng chỉ như đang chắp vá và nới rộng một chiếc áo cũ, nhưng với mọi nỗ lực, nó vẫn cứ là áo cũ mà thôi.

TOBACCO AND ALCOHOL

THUỐC LÁ VÀ RƯỢU

The evil effect of the tobacco habit is obvious in the physical, the astral and the mental bodies. It permeates the man physically with exceedingly impure particles, causing emanations so material that they are frequently perceptible to the sense of smell. Astrally, it not only introduces impurity, but it also tends to deaden many of the vibrations, and it is for this reason that it is frequently found to "soothe the nerves," as it is called. But, of course, for occult progress we do not want the vibrations deadened nor the astral body weighed down with foul and poisonous particles. We need the capacity of answering instantly to all possible vibrations, and yet at the same time we must have perfect control, so that these desires shall be as horses guided by the intelligent mind to draw us where we will, not to run away with us wildly, and carry us into situations where our higher nature knows that it ought never to be found. Therefore, for any person who is really anxious to develop his vehicles, tobacco is undoubtedly a bad thing.

Tác hại của thói quen dùng thuốc lá là hiển nhiên đối với thể hồng trần, thể cảm dục và thể trí. Nó thấm nhuần con người bằng những hạt cực kỳ ô uế về mặt hồng trần, gây ra những phát xạ vật chất đến mức thường nhận ra được bằng khứu giác. Trên cõi cảm dục, nó không chỉ đưa vào sự ô uế, mà còn có xu hướng làm tê nhiều rung động, và vì lý do đó mà người ta thường thấy nó "làm dịu thần kinh", như người ta gọi. Nhưng dĩ nhiên, để tiến bộ huyền bí, chúng ta không muốn các rung động bị làm tê, cũng không muốn thể cảm dục bị đè nặng bởi những hạt bẩn thỉu và độc hại. Chúng ta cần năng lực đáp ứng tức thời với mọi rung động khả hữu, và đồng thời phải có sự kiểm soát hoàn hảo, để các dục vọng như những con ngựa được trí tuệ điều khiển kéo chúng ta đi nơi ta muốn, chứ không chạy loạn, lôi ta vào những hoàn cảnh mà bản tính cao hơn biết rằng không bao giờ nên có mặt. Do đó, đối với bất cứ ai thực sự khát khao phát triển các hiện thể của mình, thuốc lá chắc chắn là điều bất lợi.

Also it has a singularly deteriorating influence upon the man on the physical plane. It is absolutely the only thing, so far as I know, that a gentleman will deliberately do when he knows it to be offensive to others. But the hold which this noxious habit gains upon its slaves appears to be so great that they are utterly incapable of resisting it, and all their gentlemanly instincts are forgotten in this

Nó cũng có một ảnh hưởng suy đồi đặc biệt lên con người nơi cõi hồng trần. Theo như tôi biết, đó là điều duy nhất mà một người lịch sự vẫn cố tình làm dù biết chắc nó xúc phạm người khác. Nhưng sự kìm kẹp mà thói quen độc hại này siết lên các nô lệ của nó dường như lớn đến nỗi họ hoàn toàn bất lực chống lại nó, và mọi bản năng lịch thiệp đều bị lãng quên trong cơn ích kỷ điên rồ, khủng khiếp này. Ảnh hưởng

mad and horrible selfishness. The effect on the astral body after death is also very bad; the man is shut up for a long time as though in prison, and higher vibrations cannot reach him.

lên thể cảm dục sau khi chết cũng rất xấu; người ta như bị giam hãm lâu dài trong tù ngục, và các rung động cao hơn không thể chạm đến họ.

The chief objection which is always brought by the more self-indulgent Theosophist against remarks such as these is that our great founder Madame Blavatsky herself smoked. I know this to be true, but it does not in the least alter the facts which I have stated above, which I know just as surely from long-continued personal observation. Madame Blavatsky was in every way so entirely *sui generis,* so emphatically a case apart, that I do not think it reasonable for us to presume that we can safely do what she did. I have often heard her say: "No one but my Master understands my case; do what I tell you, not what I do." Also she once told me that she smoked incessantly "to quiet the vibrations of this old body, and prevent it from shaking itself to pieces." The effects on the physical plane during life and on the astral after death are precisely as I have described them, and it does not seem worthwhile incurring them for the sake of a petty indulgence.

Sự phản đối chủ yếu mà những hội viên Thông Thiên Học hay nuông chiều bản thân thường đưa ra trước những lời như thế này là: bậc sáng lập vĩ đại của chúng ta, Bà Blavatsky, chính Bà cũng hút thuốc. Tôi biết điều đó là đúng, nhưng nó chẳng làm thay đổi chút nào các sự thật mà tôi đã nêu, những điều tôi biết chắc qua quan sát cá nhân lâu dài. Bà Blavatsky hoàn toàn *độc nhất vô nhị,* rõ ràng là một trường hợp riêng biệt, đến nỗi tôi không nghĩ là hợp lý khi chúng ta tự cho rằng mình an toàn nếu làm theo những gì Bà làm. Tôi đã nhiều lần nghe Bà nói: "Chẳng ai ngoài Chân sư của Ta hiểu trường hợp của Ta; hãy làm điều Ta bảo, đừng làm điều Ta làm." Bà cũng từng nói với tôi rằng Bà hút liên miên "để làm dịu các rung động của cái thân xác già nua này, ngăn nó khỏi tự rung mà tan tành." Các hiệu ứng trên cõi hồng trần trong đời sống và trên cõi cảm dục sau khi chết đúng y như tôi đã mô tả, và không đáng gì để gánh lấy chúng chỉ vì một thú vui nhỏ nhen.

I think that Mrs. Besant's remarks about alcohol in *Man and His Bodies* are fully justified. There is no doubt whatever that from the point of view of the astral and mental bodies its use is always an evil; and there is also no doubt at all that very undesirable entities are attracted by it. Of course many people who are estimable in other respects have certain most unpleasant habits, such as the drinking of alcohol, the eating of meat or the smoking of tobacco; but the fact that they are otherwise good people does not make these things good and sensible. It is, of course, untrue that any of these things are physical necessities, but a man may accustom his

Tôi cho rằng những nhận xét của Bà Besant về rượu trong *Con Người và Các Thể của y* hoàn toàn có cơ sở. Không còn nghi ngờ gì nữa, xét từ quan điểm của thể cảm dục và thể trí, việc dùng rượu luôn là một điều ác; và cũng không còn nghi ngờ gì nữa là những thực thể hết sức bất hảo bị nó lôi kéo đến. Dĩ nhiên nhiều người vốn đáng quý ở những phương diện khác lại có vài thói quen rất khó chịu, như uống rượu, ăn thịt hay hút thuốc; nhưng việc họ là những người tốt ở các phương diện khác không làm cho những điều này trở thành tốt và hợp lý. Dĩ nhiên, không đúng sự thật khi nói rằng bất cứ điều nào trong số ấy là nhu cầu thể xác, nhưng con người có thể làm cho hệ thống của mình

system to the use of almost any kind of drug, until that system, being habituated to it, expects it and misses it if it does not get it. We know that exactly the same habit may be set up with opium and arsenic, but that does not make opium and arsenic good things to take. It is, however, generally quite useless to attempt to argue with any man as to his personal habits; he is usually determined to cling to such habits because he likes them, and he cares very little whether they are good in themselves, or even good for him.

quen với việc dùng gần như bất kỳ loại thuốc nào, đến mức hệ thống ấy, đã quen lệ, đòi hỏi và thấy thiếu vắng khi không có. Chúng ta biết rằng chính xác thói quen tương tự có thể thiết lập với thuốc phiện và thạch tín, nhưng điều đó không làm cho thuốc phiện và thạch tín trở thành thứ tốt để dùng. Tuy nhiên, thường hoàn toàn vô ích khi cố tranh luận với một người về các thói quen cá nhân của y; y thường quyết bám chặt vào những thói quen ấy vì y thích chúng, và y rất ít bận tâm liệu chúng có tốt tự thân hay thậm chí có tốt cho y hay không.

You ask my opinion about the regulation of the sale of liquor. In all civilized countries some control is exercised over the sale of poisons, and they are allowed to be supplied only upon a doctor's certificate. The poison of alcohol does many thousands of times more harm than all other poisons put together, so surely the regulations governing its sale ought to be no less strict.

Bạn hỏi ý kiến của tôi về việc quản lý việc bán rượu. Ở tất cả các quốc gia văn minh, người ta có áp dụng kiểm soát nào đó đối với việc bán chất độc, và chỉ cho phép cung ứng khi có giấy chứng nhận của bác sĩ. Chất độc là rượu gây hại nhiều gấp hàng vạn lần mọi chất độc khác cộng lại, vậy hẳn là các quy định điều chỉnh việc bán nó không nên kém nghiêm ngặt hơn.

It is perfectly true that every man will have to develop self-control for himself, but I really do not see how that affects our attitude with regard to the making of laws. You surely would not suggest that in order to teach people not to steal, we should continually at every street corner throw in their way special temptations to induce them to steal, and then stand by without any interference to see whether they would develop sufficient strength of mind to resist our temptations.

Hoàn toàn đúng là mỗi người đều phải tự rèn luyện sự tự chủ cho chính mình, nhưng tôi thật sự không thấy điều đó tác động thế nào đến thái độ của chúng ta liên quan đến việc lập luật. Hẳn là bạn sẽ không đề nghị rằng để dạy người ta đừng ăn cắp, chúng ta nên liên tục, ở mọi góc phố, bày ra trước mặt họ những cám dỗ đặc biệt nhằm xúi giục họ ăn cắp, rồi đứng nhìn mà không can thiệp gì để xem liệu họ có phát triển đủ sức mạnh của thể trí để kháng cự những cám dỗ do chính chúng ta bày ra hay không.

Yet that is exactly what is now being done with regard to the consumption of alcohol. We allow, encourage and specially license a number of men to make a tempting display in our streets with the avowed object of trying to induce as many people as possible to degrade themselves by the habitual use of this poison.

Thế nhưng đó chính xác là điều hiện nay đang được làm đối với việc tiêu thụ rượu. Chúng ta cho phép, khuyến khích và còn cấp giấy phép đặc biệt cho một số người bày ra những màn mời gọi hấp dẫn trên các con phố của chúng ta với mục đích công khai là cố gắng xúi giục càng nhiều người càng tốt tự hạ thấp phẩm giá

If at last mankind is so far evolving as to develop some sort of conscience with regard to the weaker brethren, it would seem well for us to encourage their advancement rather than to range ourselves against it. If we feel it right to care for and to help the insane, even to the extent of restraining them for their own good and for that of the public, it is surely well for us also to treat the victim of that terrible form of insanity known as drunkenness along exactly the same lines. But it must not be forgotten that the Theosophical Society takes no part whatever in any political movement, although of course its members as private individuals are perfectly free to take any side that they like in political questions.

mình bằng việc sử dụng thường xuyên thứ chất độc này. Nếu rốt cuộc nhân loại đã tiến hóa đến mức khơi dậy một dạng lương tâm nào đó đối với những huynh đệ yếu hơn, thì có lẽ điều tốt là chúng ta nên khuyến khích sự thăng tiến ấy hơn là đặt mình đối lập với nó. Nếu chúng ta thấy là đúng khi chăm sóc và giúp đỡ những người loạn trí, thậm chí đến mức kiềm chế họ vì lợi ích của chính họ và của công chúng, thì chắc chắn cũng là điều phải lẽ khi chúng ta đối xử với nạn nhân của hình thức điên loạn khủng khiếp được gọi là say rượu theo đúng cùng một đường hướng. Nhưng cũng đừng quên rằng Hội Thông Thiên Học tuyệt đối không tham gia vào bất kỳ phong trào chính trị nào; dĩ nhiên, với tư cách cá nhân, các hội viên hoàn toàn tự do đứng về bất cứ phía nào họ muốn trong các vấn đề chính trị.

---

[1] disconnected; stopped, ceased

[1] bị ngắt; dừng lại, chấm dứt